

TỦ SÁCH VIỆN KHẢO CỔ

Publications

*of the Institute of Historical Research
de l'Institut de Recherches Historiques*

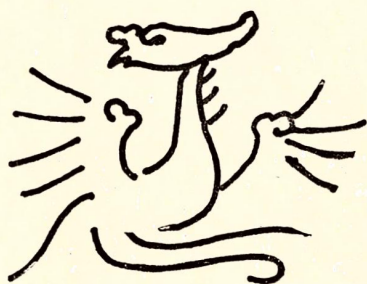
Số IV

NGUYỄN BÁ TRÁC

阮 伯 卓

HOÀNG-VIỆT GIÁP TÝ NIÊN BIỂU

皇 越 甲 子 年 表



BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

Saigon — 1963

啓定十年三月 日

學部奉

旨印行

皇越甲子年表

卷上

光祿寺卿佐理學部
事務兼古學院纂修

阮伯卓奉編輯

中圻
承天得立印館奉印

B N° 46

CHỈ
ÂN
HÀNH

KHAI
ĐỊNH
THẬP
NIÊN
TAM
NGUYỆT
NHỘT

HOÀNG
VIỆT
GIÁP
TÝ
NIÊN
BIỂU

Sự	Quang
Vụ	Lộc
Kiểm	Tự
Cố	Khanh
Học	Tá
Viện	Lý
Thừa Trung	Toàn Học
Thiên Kỳ	Tu Bộ

HỌC
BỘ
PHỤNG

ĐẮC	NGUYỄN
LẬP	BÁ
ÂN	TRÁC
QUÁN	PHỤNG
PHỤNG	BIÊN
ÂN	TẬP

TỦ SÁCH VIỆN KHẢO CỒ

Publications *of the Institute of Historical Research*
de l'Institut de Recherches Historiques

Số IV

NGUYỄN BÁ TRÁC

阮 伯 卓

HOÀNG - VIỆT GIÁP TÝ NIÊN BIỂU

皇 越 甲 子 年 表

PHIÊN DỊCH VÀ CHÚ THÍCH

BÛU - CẨM

ĐỖ - VĂN - ANH

HÀ - VĂN - LIÊN

TẠ - QUANG - PHÁT

và

TRƯƠNG - BÛU - LÂM



BỘ QUỐC - GIA GIÁO - DỤC

LỜI GIỚI THIỆU

Quyển *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu* thật sự không phải là một quyển sử và cũng không phải là một sử-liệu quý giá ! Nhưng Viện Khảo-cổ không ngần-ngại cho phiên-dịch và xuất-bản quyển sách này vì, như nhan-đề đã nói lên, đây là một *niên-biểu*. Niên-biểu là một quyển sách « chỉ năm ». Loại niên-biểu thường thuộc vào một môn học gọi là niên-đại học, có nhiệm-vụ thống nhất cách ghi chép thời gian. Hiện thời, chúng ta dư biết là các nước trên thế-giới còn áp-dụng nhiều cách thức khác nhau để đếm năm. Nước thì theo âm-lịch, nước thì theo dương-lịch, nước thì theo kỷ-nguyên Thiên-Chúa giáng-sinh, nước thì theo năm Phật-đản, tuy dương-lịch và kỷ-nguyên Thiên-Chúa có lẽ được dùng nhiều nhất. Như vậy thì sử-gia — một học-giả làm việc với thời-gian quá-khứ, cần phải có một hệ-thống duy-nhất để tính toán những năm tháng, ngày giờ. Tự trung lại thì vấn-đề quan-trọng nhất trong niên-đại là việc tìm một kỷ-nguyên, nghĩa là một năm để gọi là năm I, rồi từ đó tính thêm vào, mỗi một năm thêm một đơn-vị. Năm 1963 là năm thứ 1963 sau năm I. Và năm I đó chỉ là một ước-lệ mà xã-hội chấp nhận, mà mọi người đều theo và cho là năm Chúa Cứu-thế sinh ra đời. Nhưng thật ra thì Chúa không sinh đúng vào năm I. Cũng như theo Phật-lịch thì năm nay là năm 2507, nghĩa là năm nay là năm thứ 2507 sau năm đức Phật đản. Nhưng, sau bao nhiêu năm sưu-tầm và khảo-cứu, cũng chưa ai có thể chắc-chắn là đức Phật đản sinh đúng vào năm I theo kỷ-nguyên đó, nói khác đi là vào năm 544 trước Thiên-Chúa giáng-sinh.

Trong hệ - thống âm-lịch chúng ta không có một lối đếm liên-tục. Chúng ta đều biết là thứ tự các năm được tính theo thứ tự của 10 vị can và 12 vị chi, hợp lại thành một chu kỳ là 60 năm. Nghĩa là tên của một năm được lập lại đúng y mỗi 60 năm (1). Năm thứ nhất của mỗi chu-kỳ là năm giáp-tý : can thứ nhất và chi thứ nhất. Vì vậy mà trong nhan-đề của quyển sách này chúng ta có những chữ *giáp-tý* : đó là để chỉ-định cách-thức đếm năm áp-dụng trong tác-phẩm. Nhưng còn hai vấn-đề đặt ra trong hệ-thống đếm năm theo can chi : mức bắt đầu và vấn-đề liên-tục. Quyền niên-biểu này đã giải-quyết hai vấn-đề đó như sau : « *Căn cứ vào sử Tàu chép thời vua Hoàng-đế chế ra can và chi thì một bảng niên-biểu về giáp-tý tất phải lấy năm lên ngôi của vua Hoàng-đế làm năm đầu. Nhưng bản niên-biểu này thì lại lấy niên-đại của các đế-vương các triều vua nước ta làm tiêu-chuẩn, cho nên từ năm giáp-tý nguyên-niên của vua Hoàng-đế trở về trước, tính ngược lên ba lần giáp tý nữa, chia làm giáp tý thứ nhứt, thứ nhì và thứ ba và lấy năm nhâm tuất làm năm đầu của họ Hồng-Bàng, tổ-liên đã dựng nước ta, và đến năm giáp tý, năm đầu của vua Hoàng-đế thì cho liệt vào năm giáp-tý thứ tư* ».

Vậy thì chúng ta thấy mức bắt đầu của lịch Việt-nam, nghĩa là giáp tý thứ nhất nhằm vào năm 2877 trước T.L, năm Hồng-bàng thứ ba. Từ đấy cho đến nay có cả thấy là 80 giáp tý và hiện giờ chúng ta đang ở trong chu-kỳ giáp-tý thứ 81, bắt đầu từ năm giáp tý 1924 cho đến quý Hợi 1983. Năm 1984 sẽ là năm giáp-tý thứ 82 trong hệ-thống đếm năm của

(1) *Can và chi* : 10 can là : *giáp, ât, bính, đinh, mậu, kỷ, canh, tân, nhâm, quý* và 12 chi là : *tý, sửu, dần, mão, thìn, tỵ, ngọ, mùi, thân, dậu, tuất, hợi*. Năm 1 là *Giáp-tý*, 2 là *ât-sửu*, . . . , 11 là *giáp-tuất*, 12 là *ât-hợi* 13 là *bính-tý* . . . , 59 là *nhâm-tuất*, 60 là *quý-hợi* và 61 lại trở lại *Giáp-tý*.

Việt-nam. Như vậy thì thể-thức đếm năm theo can chi cũng không có gì bất-tiện lắm. Cách chỉ-định một năm nào đó trong quá-khứ không có điểm nào kém xác thực hơn thể-thức công nguyên. Chẳng hạn năm nhâm dần giáp tý thứ 73 sẽ nhằm năm 1482. Nhưng theo chúng ta thấy thì thứ tự các chu-kỳ giữa cách đếm năm của Tàu và của ta không đồng nhau, vì hệ-thống Việt-nam sớm hơn hệ-thống Trung-hoa ba chu-kỳ. Nhưng đây chỉ là một vấn-đề hình-thức thôi. Như vậy thì việc đối-chiếu lịch can chi với một lịch nào khác không có gì là khó lắm, chỉ cần so-sánh hai năm đầu, rồi từ đấy tính xuống.

Nhưng đó là vấn-đề lịch. Còn một vấn-đề khác làm cho việc tính năm tháng trở thành khó thêm một ít nữa : đó là những niên-hiệu. Niên-hiệu là một hiệu các vua đặt cho thời-đại trị vì. Niên-hiệu có thể thay đổi ngay sau khi vua lên ngôi hay đến khi hết một năm. Một vị vua có thể có nhiều niên-hiệu. Thường thường việc thay đổi niên-hiệu tùy thuộc vào nhiều điều-kiện : một hai khi vì có những thiên-tai hay loạn-lạc, vua và đình-thần chọn một hiệu khác để đặt cho những năm kế đó. Các sách sử hay những tài-liệu lịch-sử Việt-nam thường được vị-trí trong thời-gian bằng hai cách. Năm tháng được ghi theo can-chi và niên-hiệu. Chẳng hạn : *Nhâm dần, Trinh-phù, năm 7*. Đây không có thứ-tự chu-kỳ, và trong quá-khứ đã có biết bao nhiêu năm nhâm dần rồi, Vì vậy nên nếu chỉ ghi năm theo can-chi thôi, thì không thể nào chúng ta tìm biết được năm nhâm-dần đó là năm nào cả. Nhưng nhờ có niên-hiệu, nên vấn-đề chỉ-định năm nhâm-dần này có phần dễ-dàng hơn. Chúng ta biết Trinh-phù là niên-hiệu của vua Lý Cao-tông và nếu đối-chiếu với Công-nguyên thì sẽ thấy niên-hiệu Trinh-phù vị-trí từ năm bính thân 1176 đến năm ất tị 1186. Vậy thì năm nhâm-dần Trinh-phù, thứ 7 là năm 1182. Với phương-pháp và những chi-tiết đó, chúng ta có thể đổi

bất cứ một năm nào ghi chép theo một hệ-thống này sang một hệ-thống khác. Còn một điểm khó-khăn cuối cùng nữa : năm của âm và dương lịch không bắt đầu đúng vào một ngày. Chúng ta đều biết Tết ta vẫn đến sau Tết tây. Vì thế nên có nhiều ngày thuộc vào năm cũ của âm-lịch nhưng lại thuộc vào năm mới của dương-lịch. Chẳng hạn như ngày mừng 10 tháng chạp năm nhâm dần vừa qua là đã thuộc vào năm 1963 tuy năm nhâm dần tương-đương với năm 1962. Vì vậy nên nếu đối-chiếu một cách nông cạn và quá máy-móc thì sẽ vấp phải một vài sơ-hở. Tác-giả *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu* đã ý-thức được nỗi khó-khăn đó, nên có ghi ngày đầu năm âm-lịch theo dương-lịch, cho những năm kể từ 1744 trở về sau. Như vậy chỉ cần tính sát một ít là sẽ có thể tránh khỏi mọi lầm lẫn.



Kề ra thì những tài-liệu để giúp học-giả đối những năm âm-lịch qua dương-lịch và những năm theo can-chi qua những năm theo công-nguyên hay những tài-liệu liệt kê những niên-hiệu của những nhà vua Việt-nam cũng như Trung-hoa đã có nhiều rồi. Nếu không kể đến những tài-liệu quá xa xưa, như của R. Deloustal (1) hay của G. Cordier và Lê-đức-Hoạt (2) và của L. Cadière (3), gần đây chúng ta có tài-liệu của ô. Bùi-quang-Tung, nhan-đề *Biểu nhất lãm áp-dụng cho*

(1) R. DELOUSTAL, *Calendrier annamite-français de 1802 à 1916, avec une liste chronologique des rois d'Annam, Hà-nội-Hàiphòng, 1908.*

(2) G. CORDIER & LÊ-ĐỨC-HOẠT, *Concordance des calendriers lunaires et solaires. Table de concordance des dates du calendrier annamite et calendrier grégorien de 1802 à 2010 avec une liste chronologique des rois d'Annam, Hà-nội, 1935.*

(3) L. CADIERE, *Tableau chronologique des dynasties annamites, trong BEFEO, t. V (1905), tr. 77-145.*

lịch-sử Việt-nam (1). Tài-liệu này, tác-giả đã chia ra 5 biểu. Biểu I: Các «niên-hiệu» của các vị quốc-vương Việt-nam (xếp theo thứ-tự tự-mẫu); biểu II: Thời-kỳ thuộc Trung-quốc (110 tr. C.N. tới 930 s. C.N.); biểu III: Chúa Trịnh; biểu IV: chúa Nguyễn; biểu V: Biểu đối-chiếu các năm âm-lịch và dương-lịch từ 939 tới 2010. Trong mỗi biểu có tên vua, niên-hiệu, xếp hoặc theo thứ tự tự-mẫu hay thứ tự thời-gian. Gần đây hơn nữa, ò. Nguyễn-như-Lân vừa cho xuất-bản một tác-phẩm nhan-đề *200 năm dương-lịch và âm-lịch đối-chiếu (1780-1980)*, Saigon, 1961. Tác-phẩm gồm có 8 phần: 1: Biểu kê theo vần ABC niên-hiệu của các vị vua Việt-nam; 2: Nhất lãm biểu kê thời-gian trị vì và niên-hiệu của các vị vua Việt-nam; 3 và 4: Bảng lục thập hoa giáp; (những tên năm xếp theo can-chi trong một chu-kỳ 60 năm); 5: Ngày khởi đầu, 24 tiết-khí trong năm; 6: Bảng tính số tuổi và năm sinh; 7: Bảng đối-chiếu sơ-lược năm âm-lịch với năm dương-lịch, từ năm 1000 trước Tây-lịch kỷ-nguyên đến năm 2000 và 8: 200 năm dương-lịch và âm-lịch đối-chiếu, từ năm 1780 đến 1980. Trong phần chót này, tác-giả lập những bảng đối-chiếu cho mỗi ngày tháng của dương-lịch với mỗi ngày tháng của âm-lịch. Việc tham-khảo và thay đổi hết sức tiện lợi. Đó là những tài-liệu mới nhứt bằng tiếng Việt hay liên-quan đến những niên-hiệu các vua chúa Việt-nam. Về phần Trung-hoa thì cũng có nhiều sách vở, bàn đến vấn-đề âm và dương-lịch. Quyền sách khá đầy-đủ có lẽ là của Tiết-trọng-Tam và Âu-dương - Di (2) và tác-phẩm mới nhất là của Tung Tso-Pin *Chronological Tables of Chinese History* (3). Nhưng ngoài ra

(1) Đăng trong *Văn-hóa nguyệt-san*, loại mới, số 53, tháng 8 năm 1960 tr. 1 - 42.

(2) 薛仲三 & 歐陽頔, 兩千年中西曆對照, Bắc-kinh, 1957.

(3) 董作賓, 中國年曆統譜, Hong-kong, 1960.

còn một quyển sách nhỏ trong đó có đối-chiếu những năm âm, dương, Phật, Đại, Tiểu (1) và Hồi (2) lịch, cùng những niên-hiệu của Trung-hoa, Việt-nam và Nhật-bản. Đó là quyển *Nam-dương lịch-sử niên-đại biểu* của Hứa Vân-Tiêu (3).

Trong số những tác-phẩm vừa kể, chưa có tác-phẩm nào giống như *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu*. Những tài-liệu kể trên chỉ là những bảng đối chiếu thôi. Còn tác-phẩm trình-bày nơi đây vừa là một bảng đối-chiếu giữa âm-lịch cùng những niên-hiệu Việt-nam, Trung-hoa, Triều-Tiên, Nhật-bản với dương-lịch công-nguyên, vừa là một bảng tóm tắt tất cả những sự-kIỆN quan-trọng xảy ra trong nước hay tại các nước khác trong thế-giới. Tuy không phải là một quyển sách sử, nhưng loại tác-phẩm này cũng giúp ích sử-gia khá nhiều, khi cần vị-trí một sự kiện nhất-định trong thời-gian. Các nước Tây-phương đã có nhiều sách thuộc loại tác-phẩm đó. Chỉ kể những tác-phẩm quan-trọng nhất, chúng ta có J. Delorme, *Chronologie des civilisations*, Paris, 1949 và W. L. Langer, *An Encyclopedia of World History*, Boston, 1948. Thật ra thì loại niên biểu này cũng không có gì là lạ đối với truyền-thống sử-học của Đông-phương. Tự trung lại thì những tác-phẩm biên-niên là những niên-biểu chớ chẳng có gì hơn. Nhưng có một việc khá lạ là từ vài mươi năm nay không có một học-giả nào quan-tâm đến việc biên-soạn một niên-biểu với những sự-kIỆN lịch-sử quan-trọng. Từ năm 1925 là năm mà Học-bộ của Nguyễn-triều cho xuất-bản quyển *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu* cho đến nay,

(1) *Đại, Tiểu-lịch*: Đại-lịch khởi đầu vào năm 79 và năm nay là năm 1885. Tiểu-lịch khởi đầu vào năm 639 và năm nay là năm 1325.

(2) *Hồi-lịch*: lịch của Hồi-giáo, bắt đầu vào năm 622 và năm nay là năm 1383

(3) 許雲樵, 南洋歷史年代表, Hong-kong, 1959

không có một công-trình nghiên-cứu nào khả-dĩ so-sánh với tác-phẩm ấy. Vì lý do đó nên chúng tôi không ngần-ngại cho phiên-dịch và xuất-bản quyển sách này để cống-hiến học-giả và những người quan-tâm đến lịch-sử nước nhà một dụng-cụ tiện-lợi, mỗi khi cần đến một niên-hiệu, một sự kiện quan-trọng hay muốn đổi một năm từ âm ra dương-lịch. Tác-phẩm của Nguyễn-bá-Trác có lẽ không hoàn-hảo và cũng không đầy đủ lắm. Chúng tôi có sửa-chữa những nơi quá sai lầm, nhưng chắc cũng còn bỏ sót nhiều sai lầm ở nhiều nơi khác.

Còn một câu hỏi có thể đến cùng độc-giả là tại sao Viện Khảo-cổ không soạn một quyển niên-biểu khác, mà lại đem một tác-phẩm khá xưa ra dịch, rồi bổ-túc. Sở dĩ chúng tôi đã phiên-dịch và xuất-bản tác-phẩm *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu* là vì chúng tôi nhận thấy về phần sử Việt, tác-phẩm này đã tham-khảo tài-liệu căn-bản là bộ *Đại-Việt sử-ký* và tuy, không kê-khai, nhưng chắc-chắn cũng đã có dùng bộ *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục*. Dù sao thì đó cũng là hai bộ sử căn-bản. Đối với sử Trung-hoa và các nước đông phương, *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu* cũng đã khai-thác nhiều sách giá trị, và đối với những sự-kiện quan-trọng không có một sự sai lầm nào đáng kể. Còn về sử tây-phương thì thật ra những sự-kiện liên-quan đến thời Thượng-cổ, hiện nay những học-giả tây-phương cũng chưa đồng lòng để áp-dụng một hệ thống duy-nhất về niên-đại, Vả lại phần tây-phương chỉ là một phần phụ thôi. Vì thế nên, hiện giờ nếu một quyển niên-biểu có thể mang lại một ích-lợi nào cho học-giả và nhất là sinh-viên, thì bộ *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu* là một tác-phẩm có giá-trị và đáng tin. Hơn nữa tác-phẩm ấy cũng còn cho chúng ta nhận thấy một phần nào phương-pháp và trình-độ khảo-cứu của

các bậc tiền-bối. Thật vậy, tác-giả của *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu* là một nhà học-giả có những nhu-cầu và quan-niệm khá rõ-ràng về vấn-đề khảo-cứu lịch-sử. Như ông đã nói trong bài biểu dâng lên vua, sử-học có ba điều trọng-yếu nhất là « *thời-gian xa hay gần, đất-đai theo cũ hay đổi mới và tên họ nhân vật* ». Đó có lẽ là ba điều căn-bản nhất cho việc tìm hiểu quá-khứ, nếu hiện giờ chúng ta không còn cho đó là ba điều trọng-yếu nhất nữa. Ba vấn-đề đó là niên-đại để giúp chúng ta vị-trí mọi hiện-tượng lịch-sử trong thời-gian, vấn-đề địa-lý giúp tìm vị-trí trong không-gian và tên họ nhân-vật đưa con người vào hai yếu-tố căn-bản không và thời-gian. Lịch-sử, theo ý chúng tôi, là gì nếu không phải là những cố-gắng theo dõi đời sống của con người qua thời-gian và không-gian. Đó là ba vai chính của tấn tuồng lịch-sử.

Ô. Nguyễn-bá-Trác, tác-giả bộ *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu*, là người đứng đầu chăm sóc Viện Cổ-học với chức toản-tu. Sau đây là vài nét tiểu-sử của Cụ theo lời bà Tôn-thất-Hanh, con gái của Cụ, hiện đang ở tại Saigon. Cụ sinh năm tân-tý (1881) ở làng Hòa-đa, phủ Điện-bàn, tỉnh Quảng-nam. Cụ đậu cử-nhân, rồi sang Nhật vừa để học thêm vừa để tham-dự phong-trào cách-mạng chống Pháp. Sau này, bị bắt ở Hải-phòng rồi bị giam ở Nam-định. Trong đời Khải-định, cụ được phóng-thích và được Chính-phủ Nam-triều mời làm chức Tá-lý bộ Học. Cụ đã giữ những chức sau đây: Thị-lang bộ Binh, Bố-chính Bình-định, Tuần-vũ Quảng-nghĩa, Tổng-đốc Thanh-hóa. Lúc về hưu, cụ được thăng Hiệp-tá đại-học-sĩ. Năm 1946, cụ bị quân-thức rồi bị bắn tại Quảng-nghĩa vào khoảng tháng 2, hưởng thọ 65 tuổi.

Ngoài tác-phẩm trình-bày đây, Ô. Nguyễn-bá-Trác cũng có sáng-tác những quyển *Ấu-châu chiến-sử* (1914 - 1918), quyển

Hạn-mạn du ký (1) và nhiều thi-văn khác đăng trong các tạp-chi danh-tiếng thời ấy.



Như chúng tôi đã nói lúc khởi đầu lời giới-thiệu, tác-phẩm *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu* không phải là một quyển sử và cũng không phải là một tài-liệu lịch-sử. Nhưng dù sao một quyển niên-biểu cũng là một quyển sách có thể mang lại nhiều ích-lợi cho việc tham-khảo quá-khứ. Cách trình-bày của tác-phẩm rất là giản-dị. Kề bên mỗi số chỉ thứ-tự năm theo công-nguyên, có ghi thứ-tự theo can-chi và dưới đó thì ghi niên-hiệu của VN: Việt-nam và TQ: Trung-quốc hay NB: Nhật-bản và NK: các nước khác. Tác-phẩm chấm dứt việc ghi chép những sự kiện vào năm 1925, Khải-định thứ 10, là năm tác-phẩm được xuất-bản. Từ năm đó, chúng tôi cho kèm một phụ-lục để tóm tắt những việc quan-trọng xảy ra trong nước nhà cũng như trên thế-giới. Ngoài ra, chúng tôi cũng có lập một mục-lục phân-tích để giúp đọc-giả, khi cần, có thể tìm lại dễ-dàng những niên-hiệu, hoặc những tên các nhân-vật hoặc những sự-kiện quan-trọng xếp theo môn loại. Chúng tôi dự-hiệu là trong tác-phẩm này, còn rất nhiều sai lầm và cũng không thiếu gì khuyết-điểm. Nhưng thật ra thì về phần sử Việt-nam, có lẽ chúng tôi cũng không thể làm gì nhiều hơn tác-giả vì những sách mà hiện nay chúng ta có thể tham-khảo được thì tác-giả đã sử-dụng cả rồi. Phần sử thế-giới thì đáng lẽ chúng tôi đã tước bỏ đi, vì thật ra có nhiều sách vở có thể dùng được. Nhưng sau khi nghĩ kỹ chúng tôi thấy cũng nên giữ lại, vì việc đem so-sánh một vài sự-kiện xảy ra đồng-thời tại Việt-

(1) *Hạn mạn du ký*: bút ký của một người đi chơi phiếm. Phần Hán văn đăng trong *Nam phong*, từ số 22 và phần dịch ra Việt-văn từ số 38.

nam và các nước khác cũng có thể mang lại một ít nhiều hứng-thú,

Đề chấm dứt chúng tôi thành-thật ước mong rằng quyền *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu* sẽ làm tròn sứ-mạng của nó là giúp các học-giả cùng sinh-viên trong công việc tìm hiểu quá-khứ của nước nhà. Đó cũng là nguyện-vọng sau cùng của tất cả chúng tôi khi phiên-dịch tài-liệu đó.

TRƯƠNG - BỬU - LÂM

EN GUISE D'INTRODUCTION

L'ouvrage que l'Institut présente dans les pages qui suivent est simplement la traduction d'une chronologie de l'histoire du Viet-nam, depuis les débuts jusqu'en 1924. L'auteur, à l'instar de ses prédécesseurs, fait débiter cette histoire en 2877 avant J.C., avec la fondation de la dynastie légendaire des Hông-Bàng 鴻龐 et de là, nous mène soit d'année en année, soit de période en période, jusqu'en 1924, l'année où fut publiée l'oeuvre, rédigée en chinois. Pour chaque année citée, il est fait d'abord mention du nom de l'année dans le cycle, du nom de règne de l'empereur du Vietnam ainsi que de celui de Chine et parfois du Japon et de la Corée. Ensuite sont également consignés les événements importants survenus en cette année dans les pays du monde entier.

Cet ouvrage est intéressant sous plusieurs aspects. Il fournit un manuel pratique pour convertir une date du système cyclique en une date de l'ère chrétienne ou pour situer les noms de règne des empereurs Vietnamiens et Chinois ou enfin pour retrouver la date d'un événement important ou quelque événement pour une certaine date.

XVIII

Cet ouvrage bien qu'édité en 1925, ne semble pas avoir été dépassé, car l'auteur s'est basé sur les documents les plus sûrs et les annales les plus complètes. En ce qui concerne l'histoire du Vietnam, c'est d'ailleurs l'unique chronologie qui existe à ce jour. Son auteur, un haut fonctionnaire du ministère de l'Éducation dans l'ancien régime et président du bureau des recherches historiques, paraît avoir été conscient des exigences et des difficultés inhérentes à l'établissement d'une chronologie. C'est ainsi que les dates concernant l'histoire orientale semblent assez sûres et dignes de confiance. Celles de l'histoire occidentale suivent malheureusement un système quelque peu dépassé, du moins en ce qui regarde les périodes reculées. Cependant l'ouvrage en lui-même présente une utilité certaine et c'est cette raison qui justifie sa traduction et la publication que nous en faisons aujourd'hui. Pour rendre la consultation de l'ouvrage plus facile, nous l'avons doté d'un index alphabétique de noms de règne, de lieux et de personnes.

Nous formulons le vœu sincère que le présent ouvrage aidera les chercheurs et les étudiants dans leurs efforts pour mieux connaître l'histoire du Vietnam. Tel est d'ailleurs le but qui constamment guide les travaux de l'Institut.

辛酉

Le 8. 2 1921

奉
今上啓定六年

正月奉修凝禧殿及陪陵 改構建中樓 二月郊祀奉簡尊升配 六月定
國子監新章程 太平樓成 七月大南會典續編印成 八月準採南藥經
驗纂輯行世 九月準每年遇慶會致祭增睿皇太子 十月閣臣奉撰慶念
節樂章 準各部按分檢律例

各國附考
中國

中花民國十年

華盛頓會議限制軍備並討論太平洋及遠東問題

壬戌

Le 27. 2 1922

奉
今上啓定七年

正月開募公債以成又安及東河之鐵路 派員如西預馬賽城賽會 二月
增設都察院御史二員 勅製旗式傲龍佩星懸線式 四月初二日冊立東
宮皇太子 四月諭準從事座屬授品銜 日成樓改爲日成閣 後方亭賜
名兩兼亭 是月二十四日御駕回抵化京 九月準設在京高等場場自法京回鑾
七月十九日御駕同抵化京 九月準設在京高等場場自法京回鑾
所爲古學院 十月準摘慶和之寧順府並安福縣設爲寧順道 改繙譯
保存中圻古蹟 十一月準自後民有冤抑得邀駕陳叫 十二月準新書院
直屬學部 準學部印給御駕如西記 貴國下議院派員來京

中花民國十一年

奉直西系交戰徐世昌退位黎元洪復職

各國附考
中國

國際聯盟開第三次會議

啟定九年十二月初四日臣阮伯卓謹

奏臣聞考古之學於年代久近土地沿革人物姓名三者爲最要
是故各國考究家每先從事於編輯年表及人名地名各辭典
良有以也奉我

皇上以國民現趨新學而舊學或不之講無以保存國粹於啟定七
年九月奉

準設古學院分定職掌使之從事考究爲保存舊學地步大哉
聖意爲學界敦根本深且至矣臣等學淺識薄濫預院職恐難上副
聖皇右文保粹至意第對於考究家之三要者竊有慕焉古院成立
初辰臣經呈臣部長請先從三者著手獲表同意去年臣蒙
準往河內因面晤遠東博古場副督貴官伊貴官謂南國土地沿革
一書伊場考編已閱五六寒暑不日可期出版若然則地學一
門他日或可利用伊場出版之書以資參攷人物姓名臣院經

Khải-định cứu niên, thập nhị nguyệt, tứ nhật.

Thần Nguyễn-Bá-Trác cấn phụng: Thần văn khảo cổ chi học ư niên đại cứu cấn, thổ địa diên cách, nhân vật tính danh, tam giả vi tội yếu. Thị cổ, các quốc khảo cứu gia, mỗi tiên tòng sự ư biên tập niên-biểu, cập nhân-danh, địa-danh các từ-diễn, lương hữu dĩ dã.

Phụng ngã Hoàng-thượng dĩ quốc dân hiện xu tân học, nhi cựu học hoặc bất chi giảng, vô dĩ bảo tồn quốc túy.

Ư Khải-định thập niên, cứu nguyệt, phụng chuẩn thiết Cổ-học-viện, phân định chức chương, sử chi tòng sự khảo-cứ, vị bảo tồn cựu học địa bộ. Đại tai Thánh ý! vi học giới đôn căn bản thâm thả chí hĩ.

Thần đẳng, học thiên, thức bạc, lạm dự Viện-chức, khùng nan thượng phó Thánh-hoàng hữu văn bảo túy chí ý, đệ đòi ư khảo-cứ-gia chi tam yếu giả thiết hữu mộ yên.

Cổ-viện thành lập sơ thời, thần kinh trình thần bộ-trưởng, thỉnh tiên tòng tam giả trừ thủ, hoạch biểu đồng ý.

Khứ niên, thần mộng chuẩn vãng Hà-nội. Nhân diện ngộ Viễn-đông Bác-cổ trường phó đốc quý quan, y quý quan vị Nam quốc thổ địa diên cách nhất thư, y trường khảo-biên dĩ duyệt ngũ lục hàn thư, bất nhật khả kỳ xuất bản. Nhực nhiên tác địa-học nhất môn, tha nhật hoặc khả lợi-dụng y trường xuất-bản chi thư dĩ tư tham khảo.

Nhân-vật tính danh, thần viện kinh

LỜI TỰA

Khải-định năm thứ 9, tháng 12, ngày 4.

Hạ thần là Nguyễn-Bá-Trác kính cẩn tâu : Hạ thần nghe rằng về môn học khảo-cổ, thời-gian xa hay gần, đất-đai theo cũ hay đổi mới và tên họ các nhân-vật là ba điều trọng-yếu hơn hết. Vì có ấy mà việc làm đầu-tiên của những nhà khảo-cứu của các nước, là lo biên-chép niên-biểu và các từ-điển về tên người, tên đất, quả là có lý-do.

Kính nghe Hoàng-thượng cho rằng quốc dân hiện nay đều hưởng theo tân-học, mà cựu-học có khi không được giảng cứu đến, như vậy không lấy gì để bảo-tồn quốc-túy (1) được.

Vào năm Khải-định thứ 7, tháng 9, kính vâng ưng chuẩn thiết-lập Viện Cổ-học (2) phân-định chức-vị, khiến noi theo việc khảo-cứu để bảo-tồn địa-vị của cựu-học.

Ý của Hoàng-thượng lớn-lao thay ! vì học-giới mà bồi-đắp căn-bản cho sâu xa.

Hạ thần chúng tôi, học-thức cạn hẹp, lạm dự vào chức-vị của Viện Cổ-học, sợ khó được xứng với ý thiết-tha mền-chuộng văn-học, bảo-tồn quốc-túy của Hoàng-thượng ; chỉ có đổi với ba điều trọng-yếu (3) của nhà khảo-cứu là hạ-thần lén có lòng hâm-mộ mà thôi.

Lúc đầu-tiên khi Viện Cổ-học mới thành-lập, hạ-thần đã trình với quan bộ-trưởng của hạ-thần, xin bắt tay vào ba điều ấy trước, thì được sự đồng-ý của người.

Năm ngoái hạ-thần mong ơn được chuẩn-định đi ra Hà-nội. Nhân cuộc hội-kiến với viên phó Giám-đốc Trường Viễn-đông Bác-cổ, vị quan này nói rằng một bộ sách *Nam-quốc thổ-địa diên-cách* (đất-đai của nước Việt-nam theo cũ hay đổi mới) đã được Trường Viễn-đông Bác-cổ, biên-khảo trải qua năm sáu năm rồi, nay mai sẽ xuất-bản. Nếu như thế, thì đổi với môn địa-dư học, ngày sau này hoặc giả có thể lợi-dụng sách ấy của Trường Viễn-đông Bác-cổ để làm tài-liệu tham-khảo.

Về tên họ của nhân-vật, thì Viện Cổ-học của hạ-thần đã

(1) *Quốc-túy* : cái hay riêng về tinh-thần hay vật-chất của mỗi nước.

(2) *Viện Cổ-học* : Năm đầu niên-hiệu Duy-tân (1906) dỡ điện Long-an (ngày nay là Viện Bảo-tàng Huế) đem về làm Tân thư-viện ở bên cạnh trường Quốc-tử-giám trong cửa Thượng-tứ (trong thành) ; năm thứ hai (1907) giao bộ Học đem sách trong Nội-các bài-trí tại thư-viện ấy cho công-chúng đều được vào xem.

Khi Ông Hiệp-tá Thân Trọng-Huế về lãnh chức bộ Học, đổi Sở Phiên-dịch trong bộ Học ra làm Cổ-học-viện, để nghiên-cứu các học-thuật cổ của nước ta, rồi sau cụ lại dâng sớ xin hợp Tân-thư-viện với Cổ-học-viện làm một. Quan chức của Viện Cổ-học có sáu quan Biên-tu, một viên Thư-chưởng và bốn viên Thừa-phái, còn đầu Viện có đặt một quan Toàn-tu (nguyên sung tá-lý Học-bộ là Ông Nguyễn Bá-Trác) để trông-nom coi-sóc mọi việc trong Viện.

(Theo *Nam-phong*, t. XVI, số 94 tháng 4-1925, trang 404-406.)

(3) *Ba điều trọng-yếu* : là thời-gian xa hay gần, đất-đai theo cũ hay đổi mới và tên họ các nhân-vật.

皇上萬壽四旬大慶年適值

派由院內編修二員查編未完他若年代統系臣奉究北史之年代前有故臣范富庶查本南史之年代前有故臣胡士駒略抄復有年紀總案一書合參南北而詳於運會之學要之諸前儒所查編皆書年號與甲子而已臣竊思考查年代須對炤西曆之編年法方爲省便茲請參酌諸故臣所查編等書及中西各國人近日所出版之各年表撮合編成一表以本國歷朝之年紀爲正統而附配以東方之甲子西方之紀元並中日各隣國之朝代且從歷史上畧書東西各國之大事記俾備學者參考之用臣於史學生平既少用功歐文又未之講攷及中西年代自知不免錯誤掛漏姑俟續查補正本年恭遇

皇越立國後之第八十有一甲子六花首祚千載昌期臣謹薰筆而書之曰 皇越甲子年表書成分爲上下二卷上卷自鴻龐

phái do viện nội biên tu nhị viên, tra biên vị hoàn.

Tha nhược niên-đại thông-hệ, thần phụng cứu Bắc sử chi niên-đại, tiên hữu cò thần Phạm Phú-Thứ tra bản, Nam sử chi niên-đại, tiên hữu cò thần Hồ Sĩ-Tuân lược sao, phục hữu *Niên kỷ tổng án* nhất thư. Hợp tham Nam Bắc nhị tường ư vắn-hội chi học.

Yêu chi, chư tiên nho sở tra-biên, giai thư niên-hiệu dĩ giáp-tý nhi dĩ. Thần thiết tư khảo-tra niên-đại tu đòi chiêu tây-lịch chi biên-niên pháp, phương vị tinh tiện.

Tư thỉnh tham chúc chư cò thần sở tra-biên đẳng thư cập Trung, Tây các quốc nhân cận nhật sở xuất bản chi các niên-biểu, toát hợp biên thành nhất biểu, dĩ bản quốc lịch-triều chi niên-ký vị chính-thông, nhi phụ phối dĩ đông-phương chi giáp-tý, tây-phương chi kỷ-nguyên, tịnh Trung, Nhật các lân quốc chi triều đại, thả tòng lịch-sử thượng lược thư đông tây các quốc chi đại sự ký tý bị học-giả tham khảo chi dụng.

Thần ư sử học sinh bình ký thiếu dụng công, Âu văn hựu vị chi giảng khảo, cập Trung, Tây niên đại, tự tri bất miến thác ngộ, quải lậu, cò sĩ tục tra bổ chính.

Bản niên cung ngộ Hoàng-thượng vắn thọ tứ tuần đại khánh, niên thích trị Hoàng-Việt lập quốc hậu chi đệ bát thập hựu nhất giáp-tý, lục hoa thủ tộ, thiên lần xương kỳ, thần can huân bút nhị thư chi viết: *Hoàng-Việt giáp tý niên biểu*.

Thư thành, phân vị thượng hạ nhị quyển. Thượng quyển tự Hồng-bàng

phái hai nhân-viên của Viện tra-cứu và biên-soạn mà chưa xong. Còn về việc khác như hệ-thống liên-quan đến niên-đại, hạ-thần kính vâng nghiên-cứu niên-đại của sử Tàu, mà trước đã có bảng tra-cứu của vị cô-thần (1) Phạm Phú Thứ. Về niên-đại của sử ta, thì trước đã có bảng lược-sao của vị cô-thần (1) Hồ Sĩ-Tuấn, lại còn có quyển *Niên-đại tổng-án*.

Hợp lại tham-cứu cả sử Tàu lẫn sử ta để làm rõ-ràng môn học về thời-thế.

Xem-xét những sách tra-cứu của các nhà nho thời đầu biên niên-hiệu và năm giáp-tý mà thôi, hạ-thần trộm nghĩ rằng việc khảo-tra niên-đại phải đôi-chiều với phép biên năm của Tây-lịch, mới là gọn-gàng và tiện-lợi.

Nay xin tham chúc những sách của các cô-thần đã tra-cứu biên-chép và các niên-biểu đã xuất-bản trong ngày gần đây của các nước Tàu và Tây-phương, gom hợp lại biên-thành một niên-biểu, lấy niên-kỷ của các triều-đại nước ta làm phần chính, rồi biên phụ thêm vào những năm giáp-tý của Đông-phương và kỷ-nguyên của Tây-phương, cùng các triều-đại của những nước láng-giềng như Tàu và Nhật. Lại theo lịch-sử mà biên sơ-lược những việc trọng-đại của Đông-phương và Tây-phương đã xảy ra, khiến các học-giả dùng tham-khảo được đầy-đủ.

Hạ-thần về sử-học thì bình-sinh đã ít công-phu nghiên-cứu, văn-chương Âu-châu lại chưa học-tập, còn niên-đại của Tàu và của Tây thì tự biết mình không tránh khỏi điều sai sót, chỉ đợi được tiếp-tục tra-cứu mà bổ-túc và đính-chính.

Năm nay kính gặp dịp khánh-tiết trọng-đại, lễ Vạn-thọ mừng Hoàng-thượng được bốn mươi tuổi, và đứng vào năm giáp-tý thứ 81 sau ngày Việt-nam ta dựng nước, gặp lúc (2) đầu năm, ngàn năm hội tốt, hạ-thần kính-cần xông hương ngời bút mà đề tên cho quyển sách là *Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu*.

Bộ sách đã xong, chia làm hai quyển : quyển thượng, quyển hạ. Quyển thượng từ đời Hồng-bàng.

(1) *Cô-thần* : kẻ bấy tôi đã mất.

(2) Trong nguyên văn có chữ *Lục-hoa* : có nghĩa là lục giáp : giáp-tý, giáp-tuất, giáp-thân, giáp-ngọ, giáp-thìn, giáp-dần, sáu năm với chữ đầu của những vị can trong một chu kỳ 60 năm.

覽候奉
至十二使君下卷自丁光皇迄今日各釘成帙冒昧進

鑒正臣不勝戰慄敬懼之至

欽奉

硃批可對改有功可獎著交所關印刷施行欽此

臣
阮
伯
卓
記

chí. Thập nhị sứ-quân. Hạ quyển, tự Đinh Tiên-hoàng hât kim nhật. Các đình thành trật, mạo muội tiền lăm, hậu phụng giám chính.

Thần bắt thăng chiến lật kính cụ chí chí.

Khâm phụng chu phê: Khả! Đồi cái hữu công khả tường, trứ giao sở quan ăn loát thi hành. Khâm thử.

Thần Nguyễn Bá Trác
ký.

đền thời Mười hai sứ-quân. Quyền hạ từ thời Đinh Tiên-hoàng đền ngày nay. Mỗi quyền đều đóng thành bìa, mạo-muội kính dâng lên Hoàng-thượng xem để kính chờ việc xem xét chính-xác.

Hạ-thần không xiết nổi run khiếp, kính sợ vô cùng.

Kính vâng Hoàng-thượng phê son : Được ! Đổi-chiều và sửa-chữa có công-phu đáng khen. Giao cho sở nha có liên-quan thi-hành việc in thành sách. Hãy kính theo đây.

Hạ-thần : Nguyễn Bá Trác
ký tên.

皇越甲子年表

凡例

一謹按我越鴻龐氏起於壬戌年『西曆紀元前二千八百七十九

年』是在中國黃帝

甲子元年

之前一百八十三年據北史載黃帝辰制

千支則甲子年表應從黃帝始仍本年表以我國歷朝帝王年

代為標準故於黃帝起甲子之前追溯三甲子分為第一第二

第三甲子而先從壬戌年恭紀

國祖鴻龐氏立國之元年至黃帝甲子元年列在第四甲子

一謹按史載鴻龐紀起自涇陽王諱祿續國號赤鬼涇陽王生貉龍

君諱崇繼貉龍君生雄王國號文郎都峯州

今山

其後十八世皆號

雄王自涇陽王起壬戌至雄王季世終癸卯共二千六百二十

二年其間各王年次史載失詳茲請合編為鴻龐紀自壬戌元

年至癸卯第二千六百二十二年止

Hoàng-Việt Giáp-tý niên-biểu

Phàm lệ

1 — Nhật căn án ngã Việt Hồng-bàng khởi ư nhâm-tuất niên (tây-lịch kỷ nguyên tiền nhị thiên bát bách thất thập cửu niên) thị tại Trung-quốc Hoàng-đề (giáp-tý nguyên-niên) chi tiền nhất bách bát thập tam niên. Cứ bắc sử tái Hoàng-đề thời chế can-chi tác giáp-tý niên biểu ứng tòng Hoàng-đề thủy. Nhưng bốn niên-biểu dĩ ngã quốc lịch-triều đề vương niên-dại vi tiêu-chuẩn, cớ ư Hoàng-đề khởi giáp-tý chi tiền, truy-tò tam giáp-tý phân vi đệ nhất, đệ nhị, đệ tam giáp-tý nhị tiền tòng nhâm-tuất niên cung kỷ quốc-tổ Hồng-bàng thị lập quốc chi nguyên-niên, chi Hoàng-đề giáp-tý nguyên-niên liệt tại đệ tứ giáp-tý.

2 — Nhật căn án sử tái Hồng-bàng kỷ khởi tự Kinh-dương-vương (húy Lộc-Tục), quốc hiệu Xích-quý. Kinh-dương-vương sinh Lạc-long-quân (húy Sùng-Lâm). Lạc-long-quân sinh Hùng-vương, quốc hiệu Văn-lang, đô Phong-châu (kim Sơn-tây tỉnh). Kỳ hậu thập bát thế giai hiệu Hùng-vương. Tự Kinh-dương-vương khởi nhâm-tuất chi Hùng-vương quý thế chung quý-mão, cộng nhị thiên lục bách nhị thập nhị niên. Kỳ gian các vương niên-thứ, sử tái thất tòng, tự thỉnh hợp biên vi Hồng-bàng kỷ. Tự nhâm-tuất nguyên-niên chi quý-mão đệ nhị thiên lục bách nhị thập nhị niên chi.

Hoàng Việt Giáp-tý niên biểu

Phạm ¹lệ

1 — Kính xét họ Hồng-bàng của nước Việt ta bắt đầu vào năm nhâm-tuất (trước tây-lịch kỷ-nguyên 2879 năm) nhằm vào trước thời vua Hoàng-đề của Trung-quốc (lấy năm giáp-tý làm năm đầu lên ngôi) 183 năm.

Căn cứ vào sử Tàu chép thời vua Hoàng-đề chê ra can (giáp, ất, bính, đinh...) và chi (tý, sửu, dần, mão...), thì một bảng niên-biểu về giáp-tý tất phải lấy năm lên ngôi của vua Hoàng-đề làm năm đầu. N ưng bảng niên-biểu nầy thì lại lấy niên-đại các đế-vương của các triều vua nước ta làm tiêu-chuẩn, cho nên từ năm giáp-tý nguyên-niên của vua Hoàng-đề trở về trước, tính ngược lên ba lần giáp-tý nữa, chia làm giáp-tý thứ nhất, thứ hai và thứ ba, lấy năm nhâm-tuất (— 2879) kính ghi làm năm đầu của họ Hồng-bàng, tổ tiên đã dựng nước ta, và đến năm giáp-tý, năm đầu của vua Hoàng-đề thì cho liệt vào năm giáp-tý thứ tư.

2 — Kính xét lịch-sử thì thấy chép đời Hồng-bàng, khởi đầu từ Kinh-dương-vương (tên là Lộc-Tục), tên nước là Xích-quý. Kinh-dương-vương sinh ra Lạc-long-quân (tên là Sùng-Lãm). Lạc-long-quân sinh ra Hùng-vương, tên nước là Văn-lang, đóng đô ở Phong-châu (nay là tỉnh Sơn-tây), về sau 18 đời (1) đều gọi là Hùng-vương. Từ Kinh-dương-vương khởi lên vào năm nhâm-tuất (— 2879) đến cuối đời Hùng-vương dứt vào năm quý-mão (— 258) cộng được 2622 năm. Thứ tự những năm trong thời-gian nầy, sử chép không được rõ-ràng nay xin hợp chung làm đời Hồng-bàng. Từ nhâm-tuất nguyên niên đến năm quý-mão gồm được 2622 năm thì dứt.

(1) 18 đời Hùng-vương : 1 — 陸陽王 Lạc-dương-vương (Kinh-dương-vương). 2 — 雄賢王 Hùng Hiền vương (Lạc-long-quân). 3 — 雄國王 Hùng Quốc vương (Hùng-Lân). 4 — 雄曄王 Hùng Diệp-vương 5 — 雄犧王 Hùng Hy vương. 6 — 雄暉王 Hùng Huy vương. 7 — 雄昭王 Hùng Chiêu vương. 8 — 雄偉王 Hùng Vi vương. 9 — 雄定王 Hùng Định vương. 10 — 雄曦王 Hùng Hy vương 11 — 雄楨王 Hùng Trinh vương. 12 — 雄武王 Hùng Vũ vương. 13 — 雄越王 Hùng Việt vương. 14 — 雄英王 Hùng Anh vương 15 — 雄朝王 Hùng Triều vương. 16 — 雄造王 Hùng Tạo vương. 17 — 雄毅王 Hùng Nghị vương. 18 — 雄瑤王 Hùng Tuyên vương. (xem An-nam thông-sử, tr. 10)

一 謹按中國清乾隆年間齊召南所編之歷代帝王表著黃帝在位百十年（史紀五帝本紀）併紀甲子年爲黃帝八年又謹按嗣德年間追贈協佐大學士故臣范富庶奉

旨查編北國歷朝統系年次著黃帝在位一百年壽一百十有一年又謹

按中國近日所出版之世界大事表著黃帝在位百年並以甲子年爲黃帝元年。茲請炤從故臣范富庶查本並中國近考著黃帝在位百年。並以甲子爲黃帝元年

一 奉究大越史記分雄王至吳紀爲外紀。丁紀以下爲本紀炤之外紀屬上古辰並內屬辰頗多。史書僅記大略茲請於這一段歷史每逢甲子年並有大事之年則紀無則缺惟本紀以下炤年備錄以便檢查

一 本年表分爲上下二卷上卷紀自雄王至吳紀下卷紀自丁朝至 本朝

3 — Nhật căn án Trung-quốc Thanh Kiến-long niên gian Tê Triệu-Nam sở biên chi *Lịch đại đế-vương biểu*, trứ Hoàng-đề tại vị bách thập niên (*Sử-ký Ngũ đế bản kỷ*), tính kỳ giáp-tý niên vi Hoàng-đề bát niên. Hựu căn án Tự-đức niên gian truy tặng Hiệp-tá Đại-học sĩ cô thần Phạm-Phú-Thứ phụng chỉ tra biên *Bắc-quốc lịch-triều thông-hệ niên-thứ*, trứ Hoàng-đề tại vị nhất bách niên, thọ nhất bách thập hữu nhất niên. Hựu căn án Trung-quốc cận nhật sở xuất bản chi *Thế-giới đại sự biểu* trứ Hoàng-đề tại vị bách niên, tính dĩ giáp-tý niên vi Hoàng-đề nguyên-niên. Tư thỉnh chiếu tưng cô thần Phạm-Phú-Thứ tra bản tịch Trung-quốc cận khảo, trứ Hoàng-đề tại vị bách niên, tính dĩ giáp-tý vi Hoàng-đề nguyên-niên.

4 — Nhật phụng cứu *Đại-Việt sử ký* phân Hùng-vương chí Ngô kỷ vi ngoại kỷ, Đinh kỷ dĩ hạ vi bản kỷ: Chiếu chỉ ngoại kỷ thuộc thượng cổ thời tịch nội thuộc thời phả đa, sử thư căn kỷ đại lược. Tư thỉnh ư giá nhất đoạn lịch-sử, mỗi phùng giáp-tý niên tịch hữu đại sự chi niên tác kỷ, vô tác khuyết. Duy bản kỷ dĩ hạ, chiếu niên bị lược, dĩ tiện kiểm tra.

5 — Nhật bản niên-biểu phân vi thượng hạ nhị quyền. Thượng quyền kỷ tự Hùng-vương chí Ngô kỷ. Hạ quyền kỷ tự Đinh triều chí bản triều.

3 — Kinh xét theo quyển *Lịch-đại đế-vương biểu* của Tể Triệu Nam (2) trong khoảng niên-hiệu Kiến-long nhà Thanh bên Trung-quốc chép vua Hoàng-đề ở ngôi được 110 năm, *Sử-ký Ngũ-đế bản kỷ* cũng chép năm giáp-tý là năm thứ 8 triều vua Hoàng-đề.

Lại xét theo quyển *Bắc-quốc lịch-triều thông-hệ niên thứ* do cô thần Phạm-Phú-Thứ được truy tặng Hiệp-tá Đại học-sĩ trong khoảng niên-hiệu Tự-đức phụng chỉ tra biên, chép rằng vua Hoàng-đề ở ngôi được 100 năm, hưởng thọ được 111 tuổi.

Lại khảo theo quyển *Thê giới đại sự biểu* của Trung-quốc xuất bản gần đây, chép rằng vua Hoàng-đề ở ngôi được 100 năm, cùng lấy năm giáp-tý làm năm đầu tiên lên ngôi của vua Hoàng-đề.

Nay xin chiếu theo bảng tra-biên của vị cô thần Phạm-Phú Thứ cùng những sách khảo-cứu của Trung-quốc ngày gần đây, chép rằng vua Hoàng-đề ở ngôi được 100 năm, cùng lấy năm giáp-tý làm năm đầu tiên lên ngôi của vua Hoàng-đề.

4 — Vâng lệnh cứu-xét bộ *Đại-Việt sử-ký* phân chia từ thời vua Hùng-vương đến thời nhà Ngô làm ngoại-kỷ, và từ thời nhà Đinh về sau làm bản-kỷ.

Chiếu theo đó thì ngoại-kỷ thuộc thời thượng-cổ và thời bị nội-thuộc nhiều lần, nên sách-sử chỉ ghi đại lược mà thôi.

Nay xin ở đoạn lịch-sử ấy mỗi khi gặp những năm giáp-tý cùng gặp những năm có việc trọng đại thì ghi chép, còn như không gặp thì thôi.

Chỉ từ thời bản-kỷ trở về sau sẽ chiếu theo năm mà ghi chép đầy đủ để tiện việc tra cứu.

5 — Niên-biểu này chia làm hai quyển, quyển thượng và quyển hạ. Quyển thượng chép từ đời Hùng-vương đến đời nhà Ngô. Quyển hạ chép từ đời nhà Đinh đến bản triều (nhà Nguyễn).

(2) *Tể Triệu Nam*: người ở huyện Thiên-thai đời nhà Thanh, tự là Thứ-phong, hiệu là Quỳnh-đài, về già hiệu là Tức-viên, trong năm Kiến-long đỗ khoa Hồng-bác, được trao chức Kiểm-thảo, làm quan đến chức Nội-các học-sĩ, kiêm chức Lễ-bộ thị-lang, mắc tội bị trước chức, sau khi trở về làm chủ giảng, sinh bình xem rộng nhớ dai, tinh về địa-dư. Quyển *Thủy đạo để cương* của ông, được khen vào thời ấy. (xem *Từ-hải* tr. 1570).

一 本年表於卷首訂總目一表略紀年代並西曆俾便查究。
 一 本年表於大法紀年已炤西曆計編存於本國朝代年號之旁
 附誌中國及日本之朝代年號乃由中國歷史與我國有關係
 其年代宜詳以資參考日本與我同文之大國故表內略記其
 皇系及紀元其餘暹羅緬甸炤外國例僅記大事勢難盡列非
 敢有所偏重

6 — Nhật bản niên-biểu ư quyền thủ đỉnh tổng mục nhất biểu, lược kỷ niên-đại tịnh tây lịch, tỷ tiện tra-cứu.

7 — Nhật bản niên-biểu ư Đại Pháp kỷ-niên, dĩ chiểu tây lịch kê biên, tôn ư bản quốc triều-đại niên-hiệu chỉ bảng, phụ chỉ Trung-quốc cập Nhật-bản chi triều-đại niên-hiệu, nãi do Trung-quốc lịch-sử dữ ngã quốc hữu quan-hệ, kỳ niên-đại nghi tường dĩ tư tham khảo. Nhật-bản dữ ngã quốc đồng văn chi đại quốc, cồ biểu nội lược ký kỳ hoàng-hệ cập kỳ-nguyên.

Kỳ dư Xiêm-la Miên-điện chiểu ngoại-quốc lệ căn ký đại sự, Thê nan tận liệt, phi cảm hữu sở thiên trọng.

6 — Niên-biểu này, quyền đầu có đính thêm phần tổng-mục ở đầu quyển, ghi sơ-lược năm và đời vua cùng tây-lịch để tiện tra-cứu (1).

7 — Niên-biểu này, đối với lời ký-niên của Đại Pháp, đã chiều theo lịch tây mà chép biên. Kể bên các niên-hiệu của triều-đại nước ta, có ghi phụ thêm các niên-hiệu của triều-đại Trung-quốc và Nhật-bản, vì rằng lịch-sử Trung-quốc có quan-hệ đến nước ta, năm và đời vua phải tính tường để nhờ đây mà tham-khảo. Nước Nhật-bản và nước ta là những nước lớn đồng-văn (2), cho nên trong niên-biểu này có ghi sơ-lược tộc-hệ của vua và các kỳ-nguyên của nước Nhật-bản.

Còn những nước khác như Xiêm-la, Miên-điện thì chiều theo lệ ngoại-quốc chỉ ghi các đại sự. Tinh-thề khó mà bày ra cho hết, chớ không dám có chỗ quý-trọng thiên-vị.

(1) Vì phần tổng-mục này được xếp theo thứ-tự số nét của chữ Hán, nên **chúng** tôi đã tước bỏ và thay thế bằng một mục-lục phân-tích đặt vào cuối sách.

(2) **Đồng-văn** : đồng một thứ chữ.

2879, NHÂM--TUẤT

VN *Đời Hồng-bàng, nguyên niên*

Kinh xét : Họ Hồng-bàng bắt đầu từ Kinh-dương vương, tên nước là Xích-quỷ, truyền đến Hùng-vương tên nước là Văn-Lang, đô đóng tại Phong-châu.

TQ *Vua Nghi, năm 10*

Dòng-dõi 5 đời họ Thần-nông, khởi từ năm quý-sửu Đến năm ấy cách Thần-nông nguyên niên tổng cộng là 239 năm, ở ngôi được 45 năm, đến đình-dậu thì hết.

— 2877, GIÁP-TÝ thứ nhất

VN *Đời Hồng-bàng, năm 3*

TQ *Vua Nghi, năm 12*

— 2843, MẬU-TUẤT

VN *Đời Hồng-bàng, năm 37*

TQ *Vua Lai, nguyên niên*

Dòng-dõi 6 đời họ Thần-nông, ở ngôi được 48 năm, đến năm ất-dậu thì hết.

— 2817, GIÁP-TÝ thứ 2

VN *Đời Hồng-bàng, năm 63*

TQ *Vua Lai, năm 27*

— 2795, BÍNH-TUẤT

VN *Đời Hồng-bàng, năm 85*

TQ *Vua Lý, nguyên niên*

Dòng-dõi 7 đời họ Thần-nông, ở ngôi được 43 năm, đến năm mậu-thìn thì hết.

— 2757, GIÁP-TÝ thứ 3

VN *Đời Hồng-bàng, năm 123*

TQ *Vua Lý, năm 39*

— 2752, KỶ-TY

VN *Đời Hồng-bàng, năm 128*

TQ *Vua Du-Võng, nguyên-niên*

Dòng-dõi 8 đời họ Thần-nông, ở ngôi được 55 năm, đến năm quý-hợi thì hết. Chính-trị của Thần-nông đến đây thì suy, chư-hầu tôn họ Hiên-viên làm thiên-tử, đó là vua Hoàng-đế.

— 2697, GIÁP-TÝ thứ 4

VN *Đời Hồng-bàng, năm 183*

- TQ *Vua Hoàng-đề, nguyên niên*
Vua họ Hiên-viên, lên ngôi tại Hữu-hùng, ở ngôi được 100 năm.
- 2637, GIÁP-TÝ thứ 5
VN *Đời Hồng-bàng, năm 243*
TQ *Vua Hoàng-đề, năm 61*
- 2597, GIÁP-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 282*
TQ *Vua Thiệu-Hạo (1), nguyên niên*
Vua họ Kim-thiên, tên là Chí, ở ngôi được 84 năm, ở Khúc phụ.
- 2577, GIÁP-TÝ thứ 6.
VN *Đời Hồng-bàng, năm 303*
TQ *Vua Thiệu-Hạo, năm 21.*
- 2517, GIÁP-TÝ thứ 7
VN *Đời Hồng-bàng, năm 363.*
TQ *Vua Thiệu-Hạo, năm 81.*
- 2513, MẬU-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 367*
TQ *Vua Chuyên-húc, nguyên niên*
Vua họ Cao-dương, lên ngôi ở đất Bộc, ở ngôi được 78 năm.
- 2457, GIÁP-TÝ thứ 8
VN *Đời Hồng-bàng, năm 423*
TQ *Vua Chuyên-húc, năm 57*
- 2435, BÌNH-TUẤT
VN *Đời Hồng-bàng, năm 445*
TQ *Vua Cốc, nguyên niên.*
Cháu của vua Thiệu-Hạo ; ở ngôi được 70 năm.
- 2397, GIÁP-TÝ thứ 9
VN *Đời Hồng-bàng, năm 483*
TQ *Vua Cốc, năm 39*
- 2565, BÌNH-THÂN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 515*
TQ *Vua Chí, nguyên niên*
Con vua Cốc, ở ngôi được 9 năm.

(1) Sách chép *thượng tòng nhật, hạ tòng thiên*, vì chữ Hạo là tên lên ngôi của vua Kiền-Phúc.

- 2357, GIÁP-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 523*
TQ *Vua Nghiêu, nguyên niên*
Tên là Phóng-huân, con vua Cốc, ở ngôi được 100 năm, nhường ngôi cho vua Thuấn. Chư hầu phé vua Chi mà lập vua Nghiêu, ở đất Kỳ.
- 2353, MẬU-THÂN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 527.*
Lúc ấy dâng rùa thần sang Trung-quốc, vua Nghiêu sai chép làm lịch rùa.
TQ *Vua Nghiêu, năm 5*
- 2337, GIÁP-TÝ thứ 10
VN *Đời Hồng-bàng, năm 543*
TQ *Vua Nghiêu, năm 21*
- 2317, GIÁP-THÂN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 563*
TQ *Vua Nghiêu, năm 41*
Vua Ngu-Thuấn sinh ra.
- 2297, GIÁP-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 583*
TQ *Vua Nghiêu, năm 61*
Nạn nước lụt to ; vua sai ông Cồn, phong là Sùng-bá, trị nạn lụt.
- 2288, QUÝ-SỬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 592*
TQ *Vua Nghiêu, năm 70*
Vua sai bốn bực trưởng của Chư-hầu ở bốn phương đem mạng lịnh cho Ngu-Thuấn.
- 2286, ÂT-MÃO
VN *Đời Hồng-bàng, năm 594*
TQ *Vua Nghiêu, năm 72*
NK Vua nước Ai-lan (Elam) chinh-phục nước Lặc-đề (Chaldée)
- 2285, BÍNH-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 595*
TQ *Vua Nghiêu, năm 73*
Ngu-Thuấn thay vua lo việc hành-chính.
- 2283, MẬU-NGỌ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 597*

- TQ *Vua Nghiêu, năm 75*
Ông Vũ làm quan Tư-không lo trị nạn lụt.
- 2277, GIÁP-TÝ thứ 11
VN *Đời Hồng-bàng, năm 603*
TQ *Vua Nghiêu, năm 81*
- 2261, CANH-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 619*
TQ *Vua Nghiêu, năm 97*
Quan Tư-không (ông Vũ) đi tuần 12 châu.
- 2258, QUÝ-VỊ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 622*
TQ *Vua Nghiêu, năm 100*
Vua Nghiêu băng.
- 2255, BÍNH-TUẤT
VN *Đời Hồng-bàng, năm 625*
TQ *Vua Thuần, nguyên niên*
Tên nước là Ngu, vua tên là Trùng-Hoa, dòng-dối
Chuyên-húc Cùng - Thiển, ở ngôi được 48 năm,
nhường ngôi cho vua Vũ nhà Hạ.
- 2225, BÍNH-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 655*
TQ *Vua Thuần, năm 31*
Ông Vũ thay vua lo việc hành-chính.
- 2217, GIÁP-TÝ thứ 12
VN *Đời Hồng-bàng, năm 663*
TQ *Vua Thuần, năm 39*
- 2208, QUÝ-DẬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 672*
TQ *Vua Thuần, năm 48*
Vua Thuần băng.
- 2205, BÍNH-TÝ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 675*
TQ *Vua Đại-Vũ nhà Hạ, nguyên niên*
Tên nước là Hạ, vua họ Tỷ, cháu vua Chuyên-húc,
con của Bá Cồn, ở ngôi được 8 năm, ban hành
lịch nhà Hạ trong nước.
- 2201, CANH-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 679*
TQ *Vua Đại-Vũ nhà Hạ, năm 5*

Vua hội chư-hầu ở Đồ-sơn.

2198, QUỲ-VỊ

VN *Đời Hồng-bàng, năm 682*

TQ *Vua Đại-Vũ nhà Hạ, năm 8*

Vua hội chư-hầu ở Cối-kê và giết họ Phòng-phong.

— 2197, GIÁP-THÂN

VN *Đời Hồng-bàng, năm 683*

TQ *Vua Khải nhà Hạ, nguyên niên*

Con vua Vũ, ở ngôi được 9 năm ; thết yến tiệc long-trọng cho các chư-hầu ở Địch-dải.

— 2196, ẤT-DẬU

VN *Đời Hồng-bàng, năm 684*

TQ *Vua Khải nhà Hạ, năm 2*

Ông Phi - Hầu Bá - Ích trở ra nước của ông ấy. Đánh nước Hồ.

— 2190, TÂN-MÃO

VN *Đời Hồng-bàng, năm 690*

TQ *Vua Khải nhà Hạ, năm 8*

Vua sai ông Mạnh-Đồ đến đất Ba, xử-lý việc kiện thưa.

— 2188, QUỲ-TY

VN *Đời Hồng-bàng, năm 692*

TQ *Vua Thái-khang nhà Hạ, nguyên-niên*

Con vua Khải, ở ngôi được 29 năm, tại đất Châm-tâm. Ông Nghê vào ở Châm-tâm.

— 2159, NHÂM-TUẤT

VN *Đời Hồng-bàng, năm 721*

TQ *Vua Trọng-khang nhà Hạ, nguyên-niên*

Con vua Khải, ở ngôi được 13 năm, ở đất Châm-tâm.

— 2157, GIÁP-TY thứ 13

VN *Đời Hồng-bàng, năm 723*

TQ *Vua Trọng-khang nhà Hạ, năm 3*

— 2155, BÍNH-DẦN

VN *Đời Hồng-bàng, năm 725*

TQ *Vua Trọng-khang nhà Hạ, năm 5*

Vua sai Dân-Hầu chinh-phạt họ Hy, Hòa.

— 2154, ĐINH-MÃO

VN *Đời Hồng-bàng, năm 726*

TQ *Vua Trọng-khang nhà Hạ, năm 6*

Vua cho ông Côn-Ngô cáo mệnh đề làm tước bá.

- 2146, **ẤT-HỢI**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 734*
TQ *Vua Tương nhà Hạ, nguyên niên*
Con vua Trọng-khang, ở ngôi được 28 năm, bị Hàn-trạc giết. Vua ở đất Thương, chinh phạt rợ Hoài-di.
- 2132, **KỶ-SỬU**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 748*
TQ *Vua Tương nhà Hạ, năm 15*
Ông Thương-hầu xem đất hình con ngựa, bèn dời sang ở Thương-khâu.
- 2127, **GIÁP-NGO**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 753*
TQ *Vua Tương nhà Hạ, năm 20*
Hàn-trạc diệt nước Qua.
- 2121, **CANH-TÝ**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 759*
TQ *Vua Tương nhà Hạ, năm 26*
Hàn-trạc sai con là Kiêu diệt nước Châm-quán.
- 2120, **TÂN-SỬU**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 760*
TQ *Vua Tương nhà Hạ, năm 27*
Ông Kiêu đánh nước Châm-tầm và diệt nước ấy.
- 2119, **NHÂM-DẦN**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 761*
TQ *Vua Tương nhà Hạ, năm 28*
Hàn-trạc sai con là Kiêu thí vua Tương nhà Hạ mà soán ngôi.
- 2118, **QUÝ-MÃO**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 762*
TQ
Hàn-trạc soán ngôi. Vua Thiếu-khang sinh ra ở Hữu-nhung.
- 2100, **TÂN-DẬU**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 780*
TQ
Thời-kỳ Hàn-trạc soán ngôi nhà Hạ.
NK Người Hắc-khắc - sách-tư (Hyksôs) xâm-lược Ai-

cập (1). Giống người Thiêm (Sémites) dời đến ở Phi-ni-cơ (Phénicie)

— 2097, GIÁP-TÝ thứ 14

VN *Đời Hồng-bàng, năm 783*

TQ

Thời-kỳ Hàn-trạc soạn ngôi nhà Hạ.

— 2079, NHÂM-NGỌ

VN *Đời Hồng-bàng, năm 801*

TQ *Vua Thiệu-khang nhà Hạ, nguyên-niên.*

Ông Bá-nỹ giết Hàn-trạc. Vua Thiệu-khang lên ngôi, trở về kinh đô An-ấp.

— 2070, TÂN-MÃO

VN *Đời Hồng-bàng, năm 810*

TQ *Vua Thiệu-khang nhà Hạ, năm 10*

NK Người Nhã-lợi-an (Aryens) dời đến ở Ba-tư và Mă-thái (Médie). Vương quốc Ai-lan (Elam) suy.

— 2085, QUÝ-MÃO

VN *Đời Hồng-bàng, năm 822*

TQ *Vua Thiệu-khang nhà Hạ, năm 22*

Vua phong cho con thứ là Vô-dư ở đất Việt

— 2057, GIÁP-THÌN

VN *Đời Hồng-bàng, năm 823*

TQ *Vua Trữ nhà Hạ, nguyên niên*

Con vua Thiệu-khang, ở ngôi được 17 năm.

— 2040, TÂN-DẬU

VN *Đời Hồng-bàng, năm 840*

TQ *Vua Hoài (Hòe) nhà Hạ, nguyên niên.*

Con vua Trữ, ở ngôi được 26 năm.

— 2037, GIÁP-TÝ thứ 15

VN *Đời Hồng-bàng, năm 843*

TQ *Vua Hoài (Hòe) nhà Hạ, năm 4*

— 2014, ĐINH-HỢI

VN *Đời Hồng-bàng, năm 866*

TQ *Vua Mang nhà Hạ, nguyên niên*

Con vua Hoài (Hòe), ở ngôi được 18 năm.

— 2000, TÂN-SỬU

VN *Đời Hồng-bàng, năm 880*

(1) Giống người Hyksôs chỉ thấy hiện-diện tại Ai-cập vào hậu bán thế-kỷ XVIII.

- TQ *Vua Mang nhà Hạ, năm 15*
NK Ba-tý-luân (Babylone) hưng thịnh. Người Hy-bá-lai (Hébreux) dời đến ở Ba-lặc-tư-thần (Palestine).
- 1996, ẤT-TY
VN *Đời Hồng-bàng, năm 884*
TQ *Vua Tiệt nhà Hạ, nguyên niên*
Con vua Mang, ở ngôi được 26 năm.
- 1985, BÍNH-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 895*
TQ *Vua Tiệt nhà Hạ, năm 12*
Ông Hữu-dịch giết con của Ân-hầu là Hối.
- 1981, CANH-THÂN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 899*
TQ *Vua Tiệt nhà Hạ, năm 16*
Ân-Hầu Vi lấy binh của Hà-bá đánh Hữu-dịch.
- 1980, TÂN-DẬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 900*
TQ *Vua Bất-giáng nhà Hạ, nguyên niên*
Con vua Tiệt, ở ngôi được 59 năm.
- 1977, GIÁP-TÝ thứ 16
VN *Đời Hồng-bàng, năm 903*
TQ *Vua Bất-giáng nhà Hạ, năm 4*
- 1922, KỶ-VỊ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 958*
TQ *Vua Bất-giáng nhà Hạ, năm 59*
Vua nhường ngôi cho em là Quynh.
- 1921, CANH-THÂN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 959*
TQ *Vua Quynh nhà Hạ, nguyên niên*
Con vua Tiệt, ở ngôi được 21 năm.
- 1917, GIÁP-TÝ thứ 17
VN *Đời Hồng-bàng, năm 963*
TQ *Vua Quynh nhà Hạ, năm 5*
- 1900, TÂN-TY
VN *Đời Hồng-bàng, năm 980*
TQ *Vua Cẩn nhà Hạ, nguyên niên*
Con vua Quynh, tại Tây-hà, ở ngôi được 21 năm.
- NK Người Phi-ni-cơ (Phéniciens) bắt đầu chế ra chữ cái.
- 1897, GIÁP-THÂN

- VN *Đời Hồng-bàng, năm 983*
TQ *Vua Cẩn nhà Hạ, năm 4*
Họ Côn-ngô dời sang đất Hử.
- 1879, NHÂM-DẦN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1001*
TQ *Vua Khổng-giáp nhà Hạ, nguyên niên*
Con vua Bất-giăng, ở ngôi được 31 năm. Phế họ
Thỉ-vi.
- 1857, GIÁP-TÝ thứ 18
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1023*
TQ *Vua Khổng-giáp nhà Hạ, năm 23*
- 1848, QUÝ-DẬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1032*
TQ *Vua Cao nhà Hạ, nguyên niên*
Con vua Khổng-giáp, ở ngôi được 11 năm. Khiến
họ Thỉ-vi phục-quốc.
- 1837, GIÁP-THÂN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1043*
TQ *Vua Phát nhà Hạ, nguyên niên*
Con vua Cao, ở ngôi được 19 năm. Chư-hầu đến châu.
- 1818, QUÝ-MÃO
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1062*
TQ *Vua Kiệt nhà Hạ, nguyên-niên*
Vua Kiệt tên Quý, con vua Phát, ở ngôi được
53 năm, bị vua Thang dứt. Ở Châm-tâm.
- 1797, GIÁP-TÝ thứ 19
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1083*
TQ *Vua Kiệt nhà Hạ, năm 22*
Ông Công-Lưu dời sang đất Bàn.
- 1786, ẤT-HỢI
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1094*
TQ *Vua Kiệt nhà Hạ, năm 33*
Chinh phạt Mông-sơn, họ Hữu-thi tiến dâng nàng
Muội-hỷ.
- 1783, MẬU-DẦN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1097*
TQ *Vua Kiệt nhà Hạ, năm 36*
Vua Thang nhà Thương, nguyên-niên.
Vua Thang tên Lý, đánh nước Cát, thay nhà Hạ,

ở ngôi được 30 năm, tên nước là Thương. Năm sau, vua Thang đem lễ vật rước ông Y-doãn tiến dâng lên nhà Hạ.

— 1777, GIÁP-THÂN

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1103*

TQ *Vua Kiệt nhà Hạ, năm 42*

Vua Thang nhà Thương, năm 7

Vua Kiệt cầm tù vua Thang ở Hạ-đài,

— 1770, TÂN-MÃO

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1110*

TQ *Vua Kiệt nhà Hạ, năm 49*

Vua Thang nhà Thương, năm 14

Vua Kiệt hội chư-hầu ở đất Nhung.

— 1767, GIÁP-NGỌ

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1113*

TQ *Vua Kiệt nhà Hạ, năm 52*

Vua Thang nhà Thương, năm 17

Vua Kiệt giết quan đại-phu là Long-phùng.

— 1766, ẤT-VỊ

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1114*

TQ *Vua Kiệt nhà Hạ, năm 53*

Vua Thang nhà Thương, năm 18

Vua Thang thắng Côn-ngô, bèn đánh nhà Hạ, đuổi vua Kiệt ra ở Nam-sào. Nhà Hạ mất.

— 1765, BÍNH-THÂN

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1115*

TQ *Vua Thang nhà Thương, năm 19*

Nặng hạn to.

— 1760, TÂN-SỬU

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1120*

TQ *Vua Thang nhà Thương, năm 24*

Cầu mưa ở Tang-lâm.

— 1753, MẬU-THÂN

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1127*

TQ *Vua Thái-giáp nhà Thương, nguyên-niên*

Con Thái-đinh, con vua Thang, ở ngôi được 33 năm, miếu-hiệu là Thái-tông. Có miếu-hiệu bắt đầu từ đây. Y-doãn đuổi Thái-giáp về đất Đồng.

— 1751, CANH-TUẤT

- VN *Đời Hồng-bàng, năm 1129*
TQ *Vua Thái-giáp nhà Thương, năm 5*
Được trở về đất Bạc, cho ông Y-doãn làm chức
A-hoàn-h.
- 1737, GIÁP-TÝ thứ 20
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1143*
TQ *Vua Thái-giáp nhà Thương, năm 17*
- 1720, TÂN-TY
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1160*
TQ *Vua Ốc-đinh nhà Thương, nguyên-niên*
Con vua Thái-giáp, ở ngôi được 29 năm. Triệu
quan khanh sĩ Cửu-đơn.
- 1691, CANH-TUẤT
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1189*
TQ *Vua Thái-canh nhà Thương, nguyên-niên*
Con vua Thái-giáp, ở ngôi được 25 năm
- 1677, GIÁP-TÝ thứ 21
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1203*
TQ *Vua Thái-canh nhà Thương, năm 15*
- 1666, ẤT-HỢI
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1214*
TQ *Vua Tiểu-giáp nhà Thương, nguyên-niên*
Con vua Thái-canh, ở ngôi được 17 năm.
- 1649, NHÂM-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1231*
TQ *Vua Ung-kỷ nhà Thương, nguyên-niên*
- 1637, GIÁP-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1243*
TQ *Vua Thái-mậu nhà Thương, nguyên-niên*
Con vua Thái-canh, ở ngôi được 75 năm, Triệu
quan khanh-sĩ Y-trắc và Thần-hổ.
- 1617, GIÁP-TÝ thứ 22
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1263*
TQ *Vua Thái-mậu nhà Thương, năm 21*
- 1600, TÂN-TY
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1280*
TQ *Vua Thái-mậu nhà Thương, năm 38*

- NK Vua Ai-cập Sách-dặc-đột-tư thứ III (1) chinh-phục và lệ-thuộc Phi-châu và Tây-Á.
- 1577, GIÁP-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1303*
TQ *Vua Thái-mậu nhà Thương, năm 61*
Chín giống rợ đến châu.
- 1562, KỶ-VỊ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1318*
TQ *Vua Trọng-đỉnh nhà Thương, nguyên niên*
Con vua Thái-mậu, ở ngôi được 30 năm, dời đô qua đất Hiêu (nay là huyện Hà-âm ở Hà-nam).
- 1557, GIÁP-TÝ thứ 23
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1323*
TQ *Vua Trọng-đỉnh nhà Thương, năm 6*
- 1556, ẤT-SỬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1324*
TQ *Vua Trọng-đỉnh nhà Thương, năm 7*
NK Người Ai-cập là Kỳ-khắc-lạc lập nước Nhã-diễn (Athènes) ở Hy-lạp.
- 1550, TÂN-VỊ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1330*
TQ *Vua Trọng-đỉnh nhà Thương, năm 13*
NK Người Hy-bá-lai (Hébreux) sang ở Ai-cập. Người Phi-ni-cơ (Phéniciens) dựng đô-thị Tây-đốn (Sidon).
- 1549, NHÂM-THÂN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1331*
TQ *Vua Ngoại-nhâm nhà Thương, nguyên niên*
Con vua Thái-mậu, ở ngôi được 15 năm. Người Bi và người Sần làm phản.
- 1534, ĐINH-HỢI
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1346*
TQ *Vua Hà-đần-giáp nhà Thương, nguyên niên*
Ở ngôi được 9 năm, từ đất Hiêu dời sang đất Trương (nay là huyện Chương-đức ở Hà-nam).
- 1525, BÍNH-THÂN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1355*
TQ *Vua Tổ-ất nhà Thương, nguyên-niên*

(1) Lúc ấy tại Ai-cập không có vị vua nào là thứ III cả. Chỉ có Thout-mosis. Thoutmosis quả có đi chinh-phục Phi-châu và Tây-Á.

Con vua Hà-dẫn-giáp, ở ngôi được 19 năm. Từ đất
Tương dời sang đất Cảnh. Vua triệu Bành-Bá, Vi-Bá.

— 1524, ĐINH-DẬU

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1356*

TQ *Vua Tổ-ất nhà Thương, năm 2*

Từ đất Cảnh dời sang đất Hinh.

NK Vua Ai-cập A-minh-hoắc-đích-bổ (Amenhotep hoặc Amenophis) thứ III đánh nước Tụ-lý-á (Syrie) và nước Ai-dề-bá (Ethiopie).

— 1516, ẤT-TY

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1364*

TQ *Vua Tổ-ất nhà Thương, năm 10*

NK Hy-lạp dựng nước Tụ-la-đạt (Sparte).

— 1506, ẤT-MÃO

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1374*

TQ *Vua Tổ-tân nhà Thương, nguyên-niên*

Con vua Tổ-ất, ở ngôi được 16 năm.

— 1500, TÂN-DẬU

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1380*

TQ *Vua Tổ-tân nhà Thương, năm 7*

NK Người La-lợi-an (Aryens) chiếm lưu-vực sông Hằng ở Ấn-độ.

— 1497, GIÁP-TY thứ 24

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1383*

TQ *Vua Tổ-tân nhà Thương, năm 10*

— 1495, BÍNH-DẪN

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1385*

TQ *Vua Tổ-tân nhà Thương, năm 12*

NK Hy-lạp dựng nước Đề-tỷ-tư (Thèbes ?)

— 1490, TÂN-VỊ

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1390*

TQ *Vua Ốc-giáp nhà Thương, nguyên-niên*

Con vua Tổ-ất, ở ngôi được 25 năm.

— 1465, BÍNH-THÂN

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1415*

TQ *Vua Tổ-đỉnh nhà Thương, nguyên-niên*

Con vua Tổ-tân, ở ngôi được 32 năm.

— 1437, GIÁP-TY thứ 25

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1443*

- TQ *Vua Tô-đinh nhà Thương, năm 29*
- 1433, MẬU-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1447*
TQ *Vua Nam-canh nhà Thương, nguyên niên*
Con vua Ốc-giáp, ở ngôi được 25 năm.
- 1408, QUỶ-Từ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1472*
TQ *Vua Dương-giáp nhà Thương, nguyên niên*
Con vua Nam-canh, ở ngôi được 7 năm.
- 1401, CANH-Từ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1479*
TQ *Vua Bàn-canh nhà Thương, nguyên niên*
Con vua Tô-đinh, ở ngôi được 28 năm.
- 1400, TÂN-SỬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1480*
TQ *Vua Bàn-canh nhà Thương, năm 2*
NK *Vua Ai-cập Lạp-mỹ-tur (Ramsès) thứ I lên ngôi.*
- 1388, QUỶ-SỬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1492*
TQ *Vua Bàn-canh nhà Ân, năm 14*
Từ đất Yêm dời về Bắc-mông, đổi tên nước là Ân.
- 1377, GIÁP-Từ thứ 26
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1503*
TQ *Vua Bàn-canh nhà Ân, năm 25*
- 1373, MẬU-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1507*
TQ *Vua Tiểu-tân nhà Ân, nguyên-niên*
Con vua Tô-đinh, ở ngôi được 21 năm.
- 1370, TÂN-VỊ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1510*
TQ *Vua Tiểu-tân nhà Ân, năm 4*
NK *Vua Ai-cập Lạp-mỹ-tur (Ramsès) thứ II (?) lên ngôi, đó là thời-đại thịnh nhất của Ai-cập.*
- 1352, KỶ-SỬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1528*
TQ *Vua Tiểu-ất nhà Ân, nguyên niên*
Con vua Tô-đinh, ở ngôi được 28 năm.
- 1324, ĐINH-Từ
VN *Đời Hồng-bàng năm thứ 1556*
TQ *Vua Vũ-đinh nhà Ân, nguyên niên*

Con vua Tiều-ất, ở ngôi được 59 năm, miếu-hiệu là Cao-tông. Triệu khanh-sĩ Cam-bàn.

— 1320, TÂN-DẬU

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1560*

TQ *Vua Vũ-đinh nhà Ân, năm thứ 5*

NK Ông Ma-tây (Moïse) dẫn dân Hy-bá-lai (Hébreux) rời khỏi Ai-cập.

— 1319, NHÂM-TUẤT

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1561*

TQ *Vua Vũ-đinh nhà Ân, năm 6*

Triệu khanh-sĩ Phô-duyet.

— 1317, GIÁP-TÝ thứ 27

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1563*

TQ *Vua Vũ-đinh nhà Ân, năm 8*

— 1300, TÂN-TY

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1580*

TQ *Vua Vũ-đinh nhà Ân, năm 25*

Con vua là Hiếu-kỷ chết ở ngoài đồng ruộng.

NK Vua nước Á-thuật (Assyrie) là Địch-lạp-ninh (Téglat phalasar) diệt Gia-lặc-đề (Chaldée) dựng đế-quốc Á-thuật.

— 1291, CANH-DẦN

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1589*

TQ *Vua Vũ-đinh nhà Ân, năm 34*

Quân nhà vua thắng giống người Quỷ-phương. Rợ Đê và rợ Khương đến triều-cống.

— 1282, KỶ-HỢI

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1598*

TQ *Vua Vũ-đinh nhà Ân, năm 43*

Quân nhà vua tiêu-diệt nước Đại-bành.

— 1280, TÂN-SỬU

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1600*

TQ *Vua Vũ-đinh nhà Ân, năm 45*

NK Ước-thư-á (Israël) đưa người Hy-bá-lai (Hébreux) vào Già-nam (Canaan) lập nước Do-thái.

— 1269, NHÂM-TÝ

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1611*

TQ *Vua Vũ-đinh nhà Ân, năm 56*

NK Vua Ai-cập Lạp-mỹ-tư (Ramsès) thứ III được lập làm vua.

- 1265, BÍNH-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1615*
TQ *Vua Tổ-canh nhà Ân, nguyên-niên*
Con vua Vũ-đinh, ở ngôi được 7 năm.
- 1258, QUỶ-HỢI
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1622*
TQ *Vua Tổ-giáp nhà Ân, nguyên-niên*
Con vua Vũ-đinh, ở ngôi được 33 năm
- 1257, GIÁP-TÝ thứ 28
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1623*
TQ *Vua Tổ-giáp nhà Ân, năm 2*
NK Vua Nhã-diễn (Athènes) là Tát-tây-tư định ra quốc chế.
- 1250, TÂN-VỊ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1630*
TQ *Vua Tổ-giáp nhà Ân, năm 9*
NK Người Phi-ni-cơ (Phéniciens) bắt đầu đi tìm thuộc-địa.
- 1225, BÍNH-THÂN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1655*
TQ *Vua Lãm-tân nhà Ân, nguyên-niên*
Con vua Tổ-giáp, ở ngôi được 6 năm.
- 1219, NHÂM-DẪN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1661*
TQ *Vua Canh-đinh nhà Ân, nguyên-niên*
Con vua Tổ-giáp, ở ngôi được 21 năm.
- 1198, QUỶ-HỢI
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1682*
TQ *Vua Vũ-ất nhà Ân, nguyên-niên*
Con vua Canh-đinh, ở ngôi được 4 năm. Bàn-hầu Đản-phụ dời sang Kỳ-Chu.
- 1197, GIÁP-TÝ thứ 29
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1683*
TQ *Vua Vũ-ất nhà Ân, năm 2*
- 1194, ĐINH-MÃO
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1686*
TQ *Vua Thái-đinh nhà Ân, nguyên-niên*
Con vua Vũ-ất, ở ngôi được 3 năm.

- 1193, MẬU-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1687*
TQ *Vua Thái-đinh nhà Ân, năm 2*
NK Liền-quân Hy-lạp tấn-công Đặc-la-da (Troie).
- 1191, CANH-NGO
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1689*
TQ *Vua Đề-ất nhà Ân, nguyên niên*
Con vua Thái-đinh, ở ngôi được 37 năm. Triệu ông Chu-công Quý-lich làm Mục-sur.
- 1185, BÍNH-TỶ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1695*
TQ *Vua Đề-ất nhà Ân, năm 7*
Ông Chu-công Quý-lich mất ; thế-tử là Xương nổi làm Tây-bá, ấy là Chu-văn-Vương,
- 1184, ĐINH-SỬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1696*
TQ *Vua Đề-ất, nhà Ân, năm 8*
NK Đặc-la-da (Troie) bị diệt vong.
- 1154, ĐINH-VỊ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1726*
TQ *Vua Trụ nhà Ân, nguyên niên*
Tên là Tân, con vua Đế-ất, ở ngôi được 33 năm, bị vua Vũ-vương dừt.
- 1144, ĐINH-TỶ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1735*
TQ *Vua Trụ nhà Ân, năm 11*
Cầm tù ông Tây-bá ở Dữu-Lý ; năm sau ông Tây-bá diễn kinh Dịch.
- 1142, KỶ-VỊ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1737*
TQ *Vua Trụ nhà Ân, năm 13*
Thả ông Tây-bá.
- 1139, NHÂM-TUẤT
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1740*
TQ *Vua Trụ nhà Ân, năm 16*
Ông Tây-bá đánh nước Mật-tu.
- 1137, GIÁP-TỶ thứ 30
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1743*
TQ *Vua Trụ nhà Ân, năm 18*

- 1136, **ẦT-SỨU**
 - VN *Đời Hồng-bàng, năm 1744*
 - TQ *Vua Trụ nhà Ân, năm 19*
Ông Tây-bá đánh nước Sùng.
- 1135, **BÍNH-DẪN**
 - VN *Đời Hồng-bàng, năm 1745*
 - TQ *Vua Trụ nhà Ân, năm 20*
Ông Tây-bá Xương mất, thế-tử Phát nối nghiệp.
- 1134, **ĐINH-MÃO**
 - VN *Đời Hồng-bàng, năm 1746*
 - TQ *Vua Trụ nhà Ân, năm 21*
Vua Vũ nhà Chu, nguyên-niên
Vua Vũ nhà Chu, tên Phát, con Tây-bá Xương, thay nhà Ân, ở ngôi được 19 năm.
- 1130, **TÂN-VỊ**
 - VN *Đời Hồng-bàng, năm 1750*
 - TQ *Vua Trụ nhà Ân, năm 25*
Vua Vũ nhà Chu, năm 5
 - NK Trong đời vua Á - thuật (Assyrie) Địch - lap - tất (Teglatphalassar) thứ I, có 42 nước vào nạp cống.
- 1124, **ĐINH-SỨU**
 - VN *Đời Hồng-bàng, năm 1756*
 - TQ *Vua Trụ nhà Ân, năm 31*
Vua Vũ nhà Chu, năm 11
Ông Tây-bá giết Lê-hầu ;
- 1123, **MẬU-DẪN**
 - VN *Đời Hồng-bàng, năm 1757*
 - TQ *Vua Trụ nhà Ân, năm 32*
Vua Vũ nhà Chu, năm 12
Vua Trụ giết ông Tỷ-can, cầm tù Co-tử. Vi-tử bỏ đi.
- 1122, **KỶ-MÃO**
 - VN *Đời Hồng-bàng, năm 1758*
 - TQ *Vua Trụ nhà Ân, năm 33*
Vua Vũ nhà Chu, năm 13
Vua Vũ nhà Chu đánh ở Mục-dã ; Vua Trụ tự thiêu mà chết.
- 1121, **CANH-THÌN**
 - VN *Đời Hồng-bàng, năm 1759*
 - TQ *Vua Vũ nhà Chu, năm 14*

Phong cho Cơ-lữ (Ki-ja) ở Triều-tiên.

— 1120, TÂN-TỶ

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1760*

TQ *Vua Vũ nhà Chu, năm 15*
Nước Túc-thận đến châu.

1115, BÌNH-TUẤT

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1765*

TQ *Vua Thành-vương nhà Chu, nguyên niên*
Tên là Tụng, con vua Vũ, ở ngôi được 37 năm.
Ông Chu-công làm Trùng-tề.

— 1114, ĐINH-HỢI

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1766*

TQ *Vua Thành-vương nhà Chu, năm 2*
Người nước Yêm, nước Từ và rợ Hoài di vào
nước Bội làm phản.

— 1113, MẬU-TỶ

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1767*

TQ *Vua Thành-vương nhà Chu, năm 3*
Diệt nhà Ân, giết Vũ-canh.

— 1112, KỶ-SỬU

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1768*

TQ *Vua Thành-vương nhà Chu, năm 4*
Đánh Hoài-di rồi vào nước Yêm.

— 1110, TÂN-MÃO

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1770*

Hùng-huy-vương dâng chim bạch-trĩ cho nhà Chu ;
Ông Chu-công làm bài Việt - thường thị cầm tháo.
Sứ-giả lạc lối, ông Chu công cho chiếc xe chỉ-nam.

TQ *Vua Thành-vương nhà Chu, năm 6.*

— 1109, NHÂM-THÌN

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1771*

TQ *Vua Thành-vương nhà Chu, năm 7*
Ông Chu-công trao quyền chính lại cho vua. Đắp
Vương thành ở Lạc-ấp. Lập Giao-xã thành, Minh-
Đường.

— 1104, ĐINH DẬU

VN *Đời Hồng-bàng, năm 1776*

TQ *Vua Thành-vương nhà Chu, năm 12*

- NK Người Đa-lợi-á (Doriens) vào đất Tỹ-la-hôn-ni-tô (Péloponnèse).
- 1102, KỶ-HỢI
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1778*
TQ *Vua Thành-vương nhà Chu, năm 14*
Lạc-ấp đã xong.
- 1100, TÂN-SỬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1780*
TQ *Vua Thành-vương nhà Chu, năm 16*
NK Đô-thị Thôi-la (Tyr) giữ bá quyền các thị-tứ xứ Phì-ni-cơ (Phénicie)
- 1091, CANH-TUẤT
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1789*
TQ *Vua Thành-vương nhà Chu, năm 25*
Hội Chư-hầu ở Đông-đô. Rợ bốn phương đến châu.
NK Vua Ai-cập là Tây-mông-đặc-tư (Amenophntis) dựng lên miếu mới.
- 1078, QUỶ-HỢI
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1802*
TQ *Vua Khang-vương nhà Chu, nguyên niên*
Tên là Chiêu, con vua Thành-vương ; ở ngôi được 26 năm ; Thiệu Khang-công làm Trùng-tể ; Chư-hầu châu ở Phong-cung.
- 1077, GIÁP-TÝ, thứ 31
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1803*
TQ *Vua Khang-vương nhà Chu, năm 2*
- 1066, ÂT-HỢI
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1814*
TQ *Vua Khang-vương nhà Chu, năm 13*
NK Người Đa-lợi-á (Doriens) cướp thành Nhã-diễn (Athènes). Vua Nhã-diễn là Khoa-đức-lạp-tư chết theo.
- 1055, BÍNH-TUẤT
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1825*
TQ *Vua Khang-vương nhà Chu, năm 24*
NK Người Hy-bá-lai (Hébreux) dựng nên vương-quốc, Tảo-la (Saül) làm vua.
- 1052, KỶ-SỬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1828*

- TQ *Vua Chiêu-vương nhà Chu, nguyên niên*
Tên là Hà, con vua Khang-vương, ở ngôi được 51 năm.
- 1025, BÍNH-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1855*
TQ *Vua Chiêu-vương nhà Chu, năm 28*
NK Vua Do-thái Tảo-la (Saül) tự sát, Đại-phích (David) lên thay.
- 1017, GIÁP-TÝ thứ 32
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1863*
TQ *Vua Chiêu-vương nhà Chu, năm 36*
- 1015, BÍNH-DẦN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1865*
TQ *Vua Chiêu-vương nhà Chu, năm 38*
NK Vua Do-thái Sô-la-môn (Salomon) lên ngôi, là đời rất thịnh của Do-thái.
- 1001, CANH-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1879*
TQ *Vua Mục-vương nhà Chu, nguyên niên*
Tên là Mãn, con vua Chiêu-vương, ở ngôi được 55 năm. Dựng Kỳ-cung ở Nam-trịnh.
- 1000, TÂN-TÝ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1880*
TQ *Vua Mục-vương nhà Chu, năm 2*
NK Tỏa-la-tu-đức (Zoroastre) sáng-lập Hỏa-giáo ở Ba-tư.
- 996, ÂT-DẬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1884*
TQ *Vua Mục-vương nhà Chu, năm 6*
Tìr-tử-dẫn đến châu, được phong cho tước bá.
- 989, NHÂM-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1891*
TQ *Vua Mục-vương nhà Chu, năm 13*
Tế-công theo vua đi chinh-phạt phía tây. Rọ Tây-nhung đến châu.
- 957, GIÁP-TÝ thứ 33
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1923*
TQ *Vua Mục-vương nhà Chu, năm 45*
- 953, MẬU-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1927*

- TQ *Vua Mục-vương nhà Chu, năm 49*
NK Do-thái phân làm hai nước : Do-thái (Juda) và Dị-sắc-liệt (Israël).
- 951, CANH-NGỌ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1929*
TQ *Vua Mục-vương nhà Chu, năm 51*
Làm Hình-luật. Khiến Lữ-hầu ở đất Phong.
- 946, ÂT-HỢI
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1934*
TQ *Vua Cung-vương nhà Chu, nguyên niên*
Tên là Ế-hỗ, con vua Mục-vương, ở ngôi được 12 năm.
- 943, MẬU-DẦN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1937*
TQ *Vua Cung-vương nhà Chu, năm 4*
Quân nhà vua diệt nước Mật.
- 934, ĐINH-HỢI
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1946*
TQ *Vua Ý-vương nhà Chu, nguyên niên*
Tên là Gian, con vua Cung-vương, ở ngôi được 25 năm.
- 909, NHÂM-TÝ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1971*
TQ *Vua Hiêu-vương nhà Chu, nguyên niên*
Tên là Bích-phương, con vua Cung-vương, ở ngôi được 15 năm. Sai Thàn-hầu đánh rợ Tây-nhung.
- 897, GIÁP-TÝ thứ 34
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1983*
TQ *Vua Hiêu-vương nhà Chu, năm 13*
Phong Phi-tử ở Tần.
- 894, ĐINH-MÃO
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1986*
TQ *Vua Di-vương nhà Chu, nguyên niên*
Tên là Dịch, con vua Ý-vương, ở ngôi được 16 năm.
- 892, KÝ-TỶ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1988*
TQ *Vua Di-vương nhà Chu, năm 3*
Vua vờ chur-hầu đến ; nấu Tề Ai-công ở trong vạc.

- 883, MẬU-DẪN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 1997*
TQ *Vua Di-vương nhà Chu, năm 12*
NK Vua Á-thuật (Assyrie) là Á-thuật-nã-bạt (Assur-Nasir-apli) được lập làm vua.
- 878, QUÝ-VỊ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2002*
TQ *Vua Lệ-vương nhà Chu, nguyên niên*
Tên là HỒ, con vua Di-vương, ở ngôi được 37 năm. Trong thời-gian 14 năm cộng-hòa, do hai ông Chu-công và Thiệu-công lo việc hành-chính. Vua ra ở đất Trệ. Làm Di-cung.
- 863, MẬU-TUẤT
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2017*
TQ *Vua Lệ-vương nhà Chu, năm 16*
Nước Chu loạn-lạc, vua chạy trốn, hai vị tể-tướng là Chu-công và Thiệu-công cùng lo việc nước.
- 858, QUÝ-MÃO
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2022*
TQ *Vua Lệ-vương nhà Chu, năm 21*
NK Vua Á-thuật (Assyrie) là Hạ-nhĩ-mã-ni (Salmanassar) thứ III được lập làm vua, gồm toàn tây bộ Á-tế-á.
- 850, TÂN-HỢI
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2030*
TQ *Vua Lệ-vương nhà Chu, năm 29*
NK Người Phi-ni-cơ (Phénicie) dựng lên nước Thái-cơ (Carthage ?) ở Phi-châu.
- 842, KỶ-VỊ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2038*
TQ *Vua Lệ-vương nhà Chu, năm 37*
Vua bị đày ra ở đất Trệ.
- 841, CANH-THÂN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2039*
TQ *Cộng-hòa nhà Chu, nguyên niên*
Hai vị tể-tướng lập nền hành-chánh cộng-hòa.
- 837, GIÁP-TÝ thứ 35
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2043*
TQ *Cộng-hòa nhà Chu, năm 5*

- 830, TÂN-VỊ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2050*
TQ *Cộng-hòa nhà Chu, năm 12*
NK Lý-khảo-cách (Lycurge) định ra pháp-diễn của Tư-ba-đạt (Sparte).
- 827, GIÁP-TUẤT
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2053*
TQ *Vua Tuyên-vương nhà Chu, nguyên-niên*
Tên là Tĩnh, con vua Lệ-vương, ở ngôi được 46 năm.
- 825, BÍNH-TÝ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2055*
TQ *Vua Tuyên-vương nhà Chu, năm 3*
Sai Tần-trọng đánh Tây-nhung.
- 823, MẬU-DẦN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2057*
TQ *Vua Tuyên-vương nhà Chu, năm 5*
Doãn-cát-phủ đánh Hiêm-doãn; Phương-thúc đánh Kinh Man.
- 822, KỶ-MÃO
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2058*
TQ *Vua Tuyên-vương nhà Chu, năm 6*
Thiệu-mục-công đánh Hoài-di; vua đánh Từ-nhung.
- 819, NHÂM-NGỌ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2061*
TQ *Vua Tuyên-vương nhà Chu, năm 9*
Vua hội chư-hầu ở Đông-đò.
- 812, KỶ-SỬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2068*
TQ *Vua Tuyên-vương nhà Chu, năm 16*
Tấn Mục-công dời sang đất Giáng.
- 795, BÍNH-NGỌ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2085*
TQ *Vua Tuyên-vương nhà Chu, năm 33*
Quân nhà vua đánh rợ Nhung ở Thái-nguyên, không thắng lợi
- 790, TÂN-HỢI
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2090*
TQ *Vua Tuyên-vương nhà Chu, năm 38*

Quân nhà vua và quân nước Tấn đánh Điều nhưng và Bôn-nhung, thua trận.

789, NHÂM-TÝ

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2091*

TQ *Vua Tuyên-vương nhà Chu, năm 39*

Quân nhà vua đánh Khương-nhung, thua trận.

— 781, CANH-THÂN

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2099*

TQ *Vua U-vương nhà Chu, nguyên niên*

Tên là Cung-niết, con vua Tuyên-vương, ở ngôi được 11 năm, ban cáo-mệnh cho ông Thái-sư họ Doãn.

— 777, GIÁP-TÝ thứ 36

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2103*

TQ *Vua U-vương nhà Chu, năm 5*

Thế-tử của vua là Nghi-cửu chạy trốn ở đất Thân.

— 776, ÂT-SỬU

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2104*

TQ *Vua U-vương nhà Chu, năm 6*

NK Hy-lạp làm lễ tế lớn ở Áo-tỷ-á (Olympie) lần đầu, là năm kỷ-nguyên của Hy-lạp.

— 771, CANH-NGỌ

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2109*

TQ *Vua U-vương nhà Chu, năm 11*

Người nước Thân, người nước Tăng và rợ Khuyển-nhung (1) vào kinh-đô nhà Chu, thí vua và Trịnh-hoàn-Công, giết con vua là Bá-phục ; chư-hầu lập thế-tử Nghi-cửu ở nước Thân, Quách-công lập vương-tử Dư-thần ở nước Huê.

— 770, TÂN-VỊ

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2110*

TQ *Vua Bình-vương nhà Chu, nguyên niên*

Vua dời về phía đông ở Lạc-ấp. Tên là Nghi-cửu, con vua U-vương ở ngôi được 51 năm. Ban cáo mệnh cho Tấn Văn hầu.

— 767, GIÁP-TUẤT

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2113*

(1) Sách in sai là Thái-nhung.

- TQ *Vua Bình-vương nhà Chu, năm 4*
Người nước Trịnh diệt nước Quách.
- 765, BÍNH-TÝ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2115*
TQ *Vua Bình-vương nhà Chu, năm 6*
Tần Văn-công, nguyên niên
- 753, MẬU-TÝ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2127*
TQ *Vua Bình-vương nhà Chu, năm 18*
Tần Văn-công đại phá quân Nhung ở đất Kỳ.
NK La-mục-lợi (Romulus) lập La-mã vương-quốc là
năm kỷ-nguyên của La-mã.
- 750, TÂN-MÃO
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2130*
TQ *Vua Bình-vương nhà Chu, năm 21*
Á-mân-hầu giết vương-tử Du-thần.
NK Khoa-lâm-tư (Corinthe) di thực dân ở Tư-lạp-cổ
(Syracuse).
- 745, BÍNH-THÂN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2135*
TQ *Vua Bình-vương nhà Chu, năm 26*
Tấn hầu phong cho em là Thành-sư ở Khúc-ốc.
NK Thu-lạp-tất (Téglatphalasar) thứ II dựng Hậu đế-
quốc Á-thuật (Assyrie).
- 722, KỶ-VỊ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2158*
TQ *Vua Bình-vương nhà Chu, năm 49*
Lỗ Ân-công, nguyên niên. Sách Xuân-thu biên chép
theo năm khởi đầu từ đây.
NK Vua Á-thuật (Assyrie) là Tát-cẩn (Sargon) diệt nước
Dĩ-sắc-liệt (Israël).
- 719, NHÂM-TUẤT
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2161*
TQ *Vua Hoàn-vương nhà Chu, nguyên niên*
Tên Lâm, cháu vua Bình-vương, ở ngôi được
23 năm.
- 717, GIÁP-TÝ thứ 37
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2163*
TQ *Vua Hoàn-vương nhà Chu, năm 3*

- 710, TÂN-VỊ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2170*
TQ *Vua Hoàn-vương nhà Chu, năm 10*
Lỗ Hoàn-công, nguyên niên
- 708, QUỶ DẬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2172*
TQ *Vua Hoàn-vương nhà Chu, năm 12*
NK *Địch - ước - khắc (Déjokès) dựng nước Mã - thái (Médie)*
- 707, GIÁP-TUẤT
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2173*
TQ *Vua Hoàn-vương nhà Chu, năm 13*
Vua đánh nước Trịnh, người nước Trịnh bắt trúng vai vua.
- 697, GIÁP-THÂN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2183*
TQ *Vua Hoàn-vương nhà Chu, năm 23*
Hoàn-vương băng, con là Trang-vương lên ngôi.
- 696, ẤT - DẬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2184*
TQ *Vua Trang-vương nhà Chu, nguyên niên*
Tên Đà, con vua Hoàn-vương, ở ngôi được 15 năm. Tề Tương-công được lập.
- 693, MẬU-TÝ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2187*
TQ *Vua Trang-vương nhà Chu, năm 4*
Lỗ Trang-công, nguyên niên.
- 690, TÂN-MÃO
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2190*
TQ *Vua Trang-vương nhà Chu, năm 7*
Nước Sở diệt nước Dĩnh, nước Tề diệt nước Kỷ.
- 686, ẤT-VỊ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2194*
TQ *Vua Trang-vương nhà Chu, năm 11*
NK *Vua nước Lữ-đề-á (Lydie) là Thệ-cát-tư (Gygès) chinh-phục đất thuộc địa Hy-lạp.*
- 685, BÍNH-THÂN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2195*
TQ *Vua Trang-vương nhà Chu, năm 12*

- Tề Hoàn-công lên ngôi, Quản-trọng làm tể-lương.
- 684, ĐÌNH DẬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2196*
TQ *Vua Trang-vương nhà Chu, năm 13*
NK Nhã-diễn (Athènes) mỗi năm lần-lượt tuyển chọn người chấp-chính bắt đầu từ đây.
- 681, CANH-TÝ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2199*
TQ *Vua Hy-vương nhà Chu, nguyên niên*
Tên là Hồ-tề, con vua Trang-vương, ở ngôi được 5 năm. Tề hội chư-hầu ở Bắc-hạnh. Nước Tề diệt nước Toại.
- 679, NHÂM-DẦN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2201*
TQ *Vua Hy-vương nhà Chu, năm 3*
Tề Hoàn-công bắt đầu làm bá-chủ chư-hầu.
- 676, ÂT-Từ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2204*
TQ *Vua Huệ-vương nhà Chu, nguyên niên*
Tên Lăng, con vua Hy-vương, ở ngôi được 25 năm
- 675, BÍNH-NGO
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2205*
TQ *Vua Huệ-vương nhà Chu, năm 2*
Tử-đời làm loạn, vua ra ở nước Trịnh.
- 661, CANH-THÂN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2219*
TQ *Vua Huệ-vương nhà Chu, năm 16*
Nước Tấn diệt nước Cảnh, nước Hoắc, nước Ngụy.
Lỗ Mẫn-công, nguyên-niên.
- 660, TÂN-DẬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2220*
TQ *Vua Huệ-vương nhà Chu, năm 17*
NB *Thần Vũ Thiên-hoàng (Jimmo), nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ nhất của Nhật-bản, ở ngôi được 76 năm, đóng đô ở Thái-dại-hòa cương-nguyên (Yamato).
- 659, NHÂM-TUẤT
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2221*
TQ *Vua Huệ-vương nhà Chu, năm 18*

Lỗ Hỷ-công, nguyên-niên.
Tần Mục-công, nguyên-niên.

- 657, GIÁP-TÝ thứ 38
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2223*
TQ *Vua Huệ-vương nhà Chu, năm 20*
- 656, ÂT-SỬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2224*
TQ *Vua Huệ-vương nhà Chu, năm 21*
Nước Tề đánh nước Sở; thề ở Triệu-lăng.
NK *Vua nước Mã-thái (Médie) là Bô-nã-đức (Phraortès) lên ngôi.*
- 653, MẬU-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2227*
TQ *Vua Huệ-vương nhà Chu, năm 24*
NK *Vua Ai-cập là Tát-mã-dịch (Psammétique) thứ I tách khỏi Á-thuật (Assyrie) để độc-lập.*
- 651, CANH-NGO
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2229*
TQ *Vua Tương-vương nhà Chu, nguyên-niên*
Tên là Trịnh, con vua Huệ-vương, ở ngôi được 33 năm. Nước Tề hội chư-hầu ở Quý-khâu.
- 645, BÍNH-TÝ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2235*
TQ *Vua Tương-vương nhà Chu, năm 7*
Quản-trọng mất.
- 644, ĐINH-SỬU
VN *Đời Hồng-bàng năm 2236*
TQ *Vua Tương-vương nhà Chu, năm 8*
Chư-hầu phòng-vệ biên-giới cho nhà Chu.
- 643, MẬU-DẦN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2237*
TQ *Vua Tương-vương nhà Chu, năm 9*
Tề Hoàn-công mất.
- 642, KỶ-MÃO
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2238*
TQ *Vua Tương-vương nhà Chu, năm 10*
Tống Tương-công, nguyên niên

- 640, **TÂN-TY**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2240.*
TQ *Vua Tương-vương nhà Chu, năm 12*
NK Nước Mã-thái (Médie) tách khỏi nước Á-thuật
 (Assyrie) để độc-lập.
- 637, **GIÁP-THÂN**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2243*
TQ *Vua Tương-vương nhà Chu, năm 15*
 Tống Tương-công mất.
- 636, **ÂT-DẬU**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2244*
TQ *Vua Tương-vương nhà Chu, năm 16*
 Rợ Địch vào cướp phá, vua ra ở nước Trịnh.
- 635, **BÍNH-TUẤT**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2245*
TQ *Vua Tương-vương nhà Chu, năm 17*
 Tấn Văn-công, nguyên niên. Tấn rước vua nhà Chu
 vào Vương-thành.
- 632, **KỶ-SỬU**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2248*
TQ *Vua Tương-vương nhà Chu, năm 20*
 Vua nhà Chu tuần thú ở Hà-dương.
- 628, **QUÝ-TY**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2252*
TQ *Vua Tương-vương nhà Chu, năm 24*
 Tấn Văn-công mất.
- 626, **ÂT-VỊ**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2254*
TQ *Vua Tương-vương nhà Chu, năm 26*
 Lỗ Văn-công, nguyên niên.
- 625, **BÍNH-THÂN**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2255*
TQ *Vua Tương-vương nhà Chu, năm 27*
NK Na-bổ-hồ (Nabopalassar) phản Á-thuật (Assyrie) để
 kiến-lập nước Ba-tý-luân (Babylone) mới.
- 624, **ĐINH-DẬU**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2256*
TQ *Vua Tương-vương nhà Chu, năm 28*

- Tần Mục-công đánh Tần, bèn làm bá chủ Tây-nhung.
- 621, CANH-TÝ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2259*
TQ *Vua Tương-vương nhà Chu, năm 31*
Tần Mục-công mất.
- 618, QUÝ-MÃO
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2262*
TQ *Vua Khoảnh-vương nhà Chu, nguyên niên*
Tên là Nhâm-thần, con vua Tương-vương, ở ngôi được 6 năm.
- 612, KỶ-DẬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2268*
TQ *Vua Khuông-vương nhà Chu, nguyên niên*
Tên là Ban, con vua Khoảnh-vương, ở ngôi được 6 năm.
- 608, QUỠ-SỬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2272*
TQ *Vua Khuông-vương nhà Chu, năm 5*
Lỗ Tuyên-công, nguyên-niên.
- 606, ẤT-MÃO
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2274*
TQ *Vua Định-vương nhà Chu, nguyên-niên*
Tên là Du, Con vua Khoảnh-vương, ở ngôi được 21 năm. Sở Trang-vương bắt đầu làm bá chủ chư-hầu,
NK Nước Á-thuật (Assyrie) mất.
- 604, ĐINH-TÝ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2276*
TQ *Vua Định-vương nhà Chu, năm 3*
NK Vua Ba-tý-luân (Babylonie) là Ni-bô-tát (Nabuchodonosor) lên ngôi.
- 597, GIÁP-TÝ thứ 39
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2283*
TQ *Vua Định-vương nhà Chu, năm 10*
- 591, CANH-NGỌ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2289*
TQ *Vua Định-vương nhà Chu, năm 16*
Sở Trang-vương mất.

- 590, TÂN-VỊ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2290*
TQ *Vua Định-vương nhà Chu, năm 17*
Lỗ Thành-công, nguyên niên
- 586, ẦT-HỢI
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2294*
TQ *Vua Định-vương nhà Chu, năm 21*
NK Ba - tử - luân (Babylonie) diệt Do - thái.
- 585, BÍNH-TÝ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2295*
TQ *Vua Giản-vương nhà Chu, nguyên-niên*
Tên là Di, con vua Định - vương, ở ngôi được 14 năm.
NK Thần-vũ Thiên-hoàng băng.
Vua Ba-tử-luân đánh Thôi-la (Tyr) đuổi người nước ấy ra hải đảo.
- 581, CANH-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2299*
TQ *Vua Giản-vương nhà Chu, năm 5*
NB Tuy-tĩnh Thiên - hoàng (Susei), nguyên niên.
Vị Thiên-hoàng thứ 2 của Nhật-bản ở ngôi được 33 năm.
- 572, KỶ-SỬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2308*
TQ *Vua Giản-vương nhà Chu, năm 14*
Lỗ Tương-công, nguyên niên.
- 571, CANH-DẦN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2309*
TQ *Vua Linh-vương nhà Chu, nguyên niên*
Tên là Tiết-tâm, con vua Giản-vương, ở ngôi được 27 năm.
NK Vua nước Ba-tử-luân công hãm Ai-cập.
- 557, GIÁP-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2323*
TQ *Vua Linh-vương nhà Chu, năm 15*
NK Tồ Phật-giáo là Thích-ca sinh ra ở Ấn-độ.
- 551, CANH-TUẤT
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2329*
TQ *Vua Linh-vương nhà Chu, năm 21*

Khổng-tử sinh ra.

— 550, TAN-HỢI

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2330*

TQ *Vua Linh-vương nhà Chu, năm 22*

NK Vua Ba-tư là Cư-lỗ-sĩ (Cyrus) diệt nước Mã-thái (Médie). Sau 4 năm lại diệt nước Lữ-đề-á (Lydie).

— 548, QUÝ SỬU

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2332*

TQ *Vua Linh-vương nhà Chu, năm 24*

NB *An-ninh Thiên-hoàng (Annei), nguyên niên*

Vị Thiên-hoàng thứ 3 của Nhật-bản, hưởng thọ được 57 tuổi, ở ngôi được 38 năm.

— 544, ĐINH-TY

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2336*

TQ *Vua Cảnh-vương nhà Chu, nguyên niên*

Tên Quý, con vua Linh-vương, ở ngôi được 25 năm. Ngô-Quý-Trát đi thăm hỏi các nước.

— 541, CANH-THÂN

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2339*

TQ *Vua Cảnh-vương nhà Chu, năm 4*

Lỗ Siêu-công. nguyên-niên

— 538, QUÝ-HỢI

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2342*

TQ *Vua Cảnh-vương nhà Chu, năm 7*

NK Cư-lỗ-sĩ (Cyrus) diệt nước Ba-tý-luân (Babylonie).

— 537, GIÁP-TY thứ 40

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2343*

TQ *Vua Cảnh-vương nhà Chu, năm 8*

— 529, NHÂM-THÂN

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2351*

TQ *Vua Cảnh-vương nhà Chu, năm 16*

NK Vua Ba-tư là Cương-tỷ-tây (Cambyse) tự lập làm vua.

— 522, KỶ-MÃO

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2358*

TQ *Vua Cảnh-vương nhà Chu, năm 23*

Mùa Xuân, Khổng-tử đến đất nhà Chu.

— 521, CANH-THÌN

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2359*

- TQ *Vua Cảnh-vương nhà Chu, năm 24*
NK *Vua Ba-tư là Đạt-ly-a (Darius) lên ngôi, chấn hưng việc học, luyện binh, làm tiền bằng kim thuộc.*
- 519, NHÂM-NGO
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2361*
TQ *Vua Kinh-vương nhà Chu, nguyên niên*
Tên là Cái, con vua Cảnh-vương, ở ngôi được 44 năm.
- 514, ĐINH-HỢI
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2366*
TQ *Vua Kinh-vương nhà Chu, năm 6*
Nhan Hồi ở nước Lỗ sinh ra.
- 511, CANH-DẦN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2369*
TQ *Vua Kinh-vương nhà Chu, năm 9*
NB *An-ninh thiên-hoàng băng.*
- 510, TÂN-MÃO
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2370*
TQ *Vua Kinh-vương nhà Chu, năm 10*
NB *Ỡ-đức Thiên-hoàng (Itoku), nguyên-niên.*
Vị Thiên-hoàng thứ 4 của Nhật-bản, ở ngôi được 35 năm, hưởng thọ được 77 tuổi.
- 509, NHÂM-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2371*
TQ *Vua Kinh-vương nhà Chu, năm 11*
Lỗ Định-công, nguyên niên
NK *Người La-mã đuổi vua và đổi làm nước Cộng-hòa.*
- 506, ẤT-VỊ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2374*
TQ *Vua Kinh-vương nhà Chu, năm 14*
NK *Ba-tư đánh Ấn-độ lấy Ban-già-bố (Pendjab).*
- 500, TÂN-SỬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2380*
TQ *Vua Kinh-vương nhà Chu, năm 20*
Nước Lỗ hội nước Tề ở Giáp-cốc, Khổng-tử làm tướng.
- 498, QUỲ-MÃO
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2382*
TQ *Vua Kinh-vương nhà Chu, năm 22*

NK La-mã bắt đầu đặt quan thống súy (dictateur) ;
Lạp-nhĩ-chu (Laertius) được chọn làm vị thống
súy ấy.

— 494, ĐÌNH-VỊ

VN Đời Hồng-bàng, năm 2386

TQ Vua Kinh-vương nhà Chu, năm 26

NK La-mã đặt quan Hộ-dân (Tribun).

— 492, KỶ-DẬU

VN Đời Hồng-bàng, năm 2388

TQ Vua Kinh-vương nhà Chu, năm 28

NK Vua Ba-tư đánh Hy-lạp, thua to.

— 490, TÂN-HỢI

VN Đời Hồng-bàng, năm 2390

TQ Vua Kinh-vương nhà Chu, năm 30

NK Ba-tư lại đánh Hy-lạp, lại bị thua to ở Mã-lai-tốn
(Marathon).

— 487, GIÁP-DẪN

VN Đời Hồng-bàng, năm 2393

TQ Vua Kinh-vương nhà Chu, năm 33

NK Ai-cập phản Ba-tư nhưng không thắng trận.

— 483, MẬU-NGỌ

VN Đời Hồng-bàng, năm 2397

TQ Vua Kinh-vương nhà Chu, năm 37

Nhan-Hồi ở nước Lỗ mất.

— 481, CANH-THÂN

VN Đời Hồng-bàng, năm 2399

TQ Vua Kinh-vương nhà Chu, năm 39

Nước Lỗ đi săn bắt được con kỳ-lân. Khổng-tử
làm sách Xuân-thu.

NK Những tiểu-bang của Hy-lạp cùng hội ở Khoa-lâm-
tur (Corinthe) mưu việc chống lại Ba-tư.

— 480, TÂN-DẬU

VN Đời Hồng-bàng, năm 2400

TQ Vua Kinh-vương nhà Chu, năm 40

NK Hy-lạp đánh đại bại thủy-quân Ba-tư.

— 479, NHÂM-TUẤT

VN Đời Hồng-bàng, năm 2401

TQ Vua Kinh-vương nhà Chu, năm 41

Khổng-tử mất.

- NK Hy-lạp đánh bại quân Ba-tư ở Bô-lạp-đích (Platée).
- 477, GIÁP-TÝ thứ 41
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2403*
TQ *Vua Kinh-vương nhà Chu, năm 43*
NK Ý-đức Thiên-hoàng của Nhật-bản băng.
- 475, BÌNH-DẪN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2405*
TQ *Vua Nguyên-vương nhà Chu, nguyên niên*
Tên là Nhân, con vua Kinh-vương, ở ngôi được 7 năm.
- NB *Hiếu-chiêu Thiên-hoàng (Kôshô), nguyên niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 5 của Nhật-bản, ở ngôi được 83 năm, hưởng-thọ được 114 tuổi.
- 473, MẬU-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2407*
TQ *Vua Nguyên-vương nhà Chu, năm 3*
Nước Việt diệt nước Ngô, Vua Phù-sai nước Ngô tự sát. Phạm-Lãi bỏ nước Việt mà đi.
- 468, QUÝ-DẬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2412*
TQ *Vua Trinh-định-vương nhà Chu, nguyên niên*
Tên là Giới, con của Nguyên-vương, ở ngôi được 28 năm.
- 461, CANH-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2419*
TQ *Vua Trinh-định-vương nhà Chu, năm 8*
Tần đánh Tây-nhung Đại-lệ.
- NK Bối-lý-khắc (Périclès) nắm chủ-quyền ở Nhã-diễn (Athènes).
- 457, GIÁP-THÂN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2423*
TQ *Vua Trinh-định-vương nhà Chu, năm 12*
NK Ba-tư và Nhã-diễn (Athènes) đánh nhau.
- 453, MẬU-TÝ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2427*
TQ *Vua Trinh-định-vương nhà Chu, năm 16*
Triệu Vô-tuất cùng với họ Hàn, họ Ngụy diệt Tri-bá, ấy gọi là Tam Tấn.
- 447, GIÁP-NGỌ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2433*

- TQ *Vua Trinh-định-vương nhà Chu, năm 22*
NK Nhã-diễn (Athènes) phá Tư-ba-đạt (Sparte)
- 410, TÂN-SỬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2440*
TQ *Vua Khảo-vương nhà Chu, nguyên-niên*
Tên là Ngôi, con vua Trinh-định-vương, ở ngôi được 15 năm.
- 431, CANH-TUẤT
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2449*
TQ *Vua Khảo-vương nhà Chu, năm 10*
Nước Sở diệt nước Cử.
NK Trận giặc Tỷ-la-bôn-ni-tô (Péloponèse) ở Hy-lạp, cùng lập quân đồng-minh.
- 425, BÍNH-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2455*
TQ *Vua Uy-liệt-vương nhà Chu, nguyên niên*
Tên là Ngộ, con vua Khảo-vương, ở ngôi được 24 năm. Tam-Tấn là Triệu Tương-tử, Hàn Khang-tử, Ngụy Hoàn-tử đều mất.
- 421, CANH-THÂN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2459*
TQ *Vua Uy-liệt-vương nhà Chu, năm 5*
NK Nhã-diễn (Athènes) cùng hòa với Tư-ba-đạt (Sparte).
- 417, GIÁP-TÝ thứ 42
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2463*
TQ *Vua Uy-liệt-vương nhà Chu, năm 9*
- 415, BÍNH-DẪN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2465*
TQ *Vua Uy-liệt-vương nhà Chu, năm 11*
NK Nhã-diễn (Athènes) tấn-công Tư-lạp-cổ (Syracuse)
Trận giặc Tỷ-la-bôn-ni-tô (Péloponèse) tái khởi.
- 408, QUÝ-DẬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2472*
TQ *Vua Uy-liệt-vương nhà Chu, năm 18*
Ông Ngụy-Tư nước Tấn lấy đất Trung-sơn.
NK Á-cơ-tỷ-đắc (Alcibiade) làm quan chấp-chính thành Nhã-diễn (Athènes).
- 405, BÍNH-TÝ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2475*

- TQ *Vua Uy-liệt-vương nhà Chu, năm 21*
NK Tư-ba-đạt (Sparte) tiêu - diệt thủy - quân Nhã - điển (Athènes). Ba-tư mất Ai-cập.
- 404, ĐÌNH-SỬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2476*
TQ *Vua Uy-liệt-vương nhà Chu, năm 22*
Vua truyền cho ba vị đại-phu nước Tấn là Ngụy tư, Triệu Tịch và Hàn Kiền làm chư-hầu.
NK Nhã-diễn (Athènes) đầu hàng Tư-ba-đạt (Sparte), phế bỏ nền dân-chính.
- 403, MẬU-DẪN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2477*
TQ *Vua Uy-liệt-vương nhà Chu, năm 23*
NK Nhã-diễn (Athènes) khôi-phục nền dân-chính.
- 401, CANH-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2479*
TQ *Vua An-vương nhà Chu, nguyên-niên*
Tên là Kiêu, con vua Uy-liệt-vương, ở ngôi được 26 năm.
NK Con vua Ba-tư là Cư-lỗ-Sĩ (Cyrus) mưu-phản, đem quân Hy-lạp đánh với vua, bị thua mà chết.
- 392, KỶ-SỬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2488*
TQ *Vua An-vương nhà Chu, năm 10*
NB *Hiếu-an Thiên-hoàng (Kôan), nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 6 của Nhật-bản.
- 386, ẮT-VỊ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2494*
TQ *Vua An-vương nhà Chu, năm 16*
Khiến quan đại - phu nước Tề là Điền-hòa làm Tề-hầu, gọi là Điền-tề.
- 384, ĐÌNH-DẬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2496*
TQ *Vua An-vương nhà Chu, năm 18*
Sở Điện-vương cử Ngô-Khởi làm tể-tướng, nước giàu binh mạnh.
- 381, CANH-TỶ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2499*

- TQ *Vua An-vương nhà Chu, năm 21*
Sở Diệu-vương mất ; quan đại-thần giết Ngô-khởi.
- 376, **ÂT-TỴ**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2504*
TQ *Vua An-vương nhà Chu, năm 26*
Tam Tấn phế vua và phân chia đất Tấn, nước Tấn mất.
- 375, **BÍNH-NGỌ**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2505*
TQ *Vua Liệt-vương nhà Chu, nguyên-niên.*
Tên là Hỉ, con vua An-vương, ở ngôi được 7 năm.
- 372, **KỶ-DẬU**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2508*
TQ *Vua Liệt-vương nhà Chu, năm 4*
Mạnh-tử sinh ra.
- 371, **CANH-TUẤT**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2509*
TQ *Vua Liệt-vương nhà Chu, năm 5*
NK Đê-lý-tư (Thèbes) phá quân Tư-ba-đạt (Sparte), xưng bá ở Hy-lạp.
- 368, **QUỶ-SỬU**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2512*
TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, nguyên-niên*
Tên là Quynh, con vua An-vương, ở ngôi được 48 năm.
NK Gia-thái-cơ (Carthage) tấn-công Tư-lạp-cổ (Syracuse).
- 362, **KỶ-VỊ**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2518*
TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 7*
Tần Hiếu-công và Yên Văn-công lên ngôi
NK Đê - tỹ - tư (Thèbes) xâm - nhập Tỹ - la - bôn - ni - tô (Péloponèse), đại - tướng Giáp - ba - nông (Epaminondas) tử trận.
- 361, **CANH-THÂN**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2519*
TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 8*
Vệ Uởng vào nước Tần.
- 360, **TÂN-DẬU**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2520*

- TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 9*
Tần cử Vệ-Ưởng làm Tả-thứ-trưởng.
- 359, NHÂM-TUẤT
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2521*
TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 10*
Tần ấn-định lĩnh biện-pháp chuyên việc làm ruộng,
dệt vải và tôn trọng chiến-sĩ.
- NK *Vua Mã-cơ-đốn (Macédoine) là Phi-lực (Philippe)*
lên ngôi.
- 357, GIÁP-TÝ thứ 43
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2523*
TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 12*
- 356, ÂT-SỬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2524*
TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 13*
Ngụy Huệ-vương xưng vương.
- 354, ĐINH-MÃO
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2526*
TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 15*
Nước Ngụy đánh Triệu, vây Hàm-dan, nước Triệu
cáo cấp với nước Tề.
- 353, MẬU-THÌN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2527*
TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 16*
Nước Tề dùng Tôn-Tân đánh Ngụy cứu Triệu.
- 352, KỶ-TY
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2528*
TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 17*
Tề Uy-vương xưng vương.
- NK *Vua nước Mã-cơ-đốn (Macédoine) chinh-phục Đức-*
sa-lợi (Thessalie).
- 350, TÂN-VỊ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2530*
TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 19*
Tần phế tỉnh-diên và đô-ấp làm huyện; dời sang
Hàm-dương.
- NK *Ai-cập và Do-thái lại lệ thuộc vào Ba-tư.*
- 344, ĐINH-SỬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2536*

- TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 25*
Tần Hiếu-công hội chư-hầu ở kinh-sư.
- 343, MẬU-DẪN
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2537*
TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 26*
NK La-mã cùng người Tồn-ni (Samnites) đánh nhau.
- 342, KỶ-MÃO
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2538*
TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 27*
Tề Tuyên-vương lên ngôi. Tần hội chư-hầu ở Phụng-trạch, châu Thiên-tử.
- 340, TÂN-TỶ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2540*
TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 29*
Nước Tần đánh nước Ngụy, Ngụy dời đô về Đại-lương, dâng đất Hà-tây cho Tần.
NK La-mã cùng người Lạp-dinh (Latins) đánh nhau.
- 338, QUỶ-VỊ
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2542*
TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 31*
Huệ Văn-công nước Tần lên ngôi, giết Vệ-Uởng.
NK Vua nước Mã-cơ-dôn (Macédoine) phá liên-quân Hy-lạp rồi nắm quyền bá-chủ ở Hy-lạp.
- 336, ÂT-DẬU
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2544*
TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 33*
Mạnh-tử đến nước Ngụy.
NK Vua Mã-cơ-dôn (Macédoine) là Phi-lực (Philippe) bị giết, con là Á-lich-sơn đại-đế (Alexandre le Grand) lên ngôi.
- 335, BÌNH-TUẤT
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2545*
TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 34*
Tần công hãm đất Nghi-dương của nước Hàn.
NK Á-lich-sơn đại-đế dẹp loạn ở Hy-lạp, diệt Đề-tý-tư (Thèbes), nhận sự đầu hàng của Nhã-diễn (Athènes).
- 334, ĐÌNH-HỢI
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2546*
TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 35*

Nước Sở diệt nước Việt. Tô-Tần xưng lên thuyết
« hợp tung » để chống với Tần.

NK A-lich-sơn chinh-phạt Ba-tư, đánh bại nước ấy ở
sông Cách-lạp-ni (Granique).

— 333, MẬU-TÝ

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2547*

TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 36'*

Các nước Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tề, Sở hợp tung ;
Tô - Tần làm trưởng minh-ước hợp-tung ấy.

NK Vua Á-lich-sơn đánh bại binh Ba-tư ; vua Ba-tư
chạy sang Tô-tát (Suse).

— 332, KỶ-SỬU

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2548*

TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 37*

Nước Tần đổi nước Tề, nước Ngụy đánh nước
Triệu, Tô-Tần bỏ Triệu, minh-ước hợp-tung đều rã.

NK Vua Á-lich-sơn chinh-phục Ai-cập, xây thành lớn
gọi là thành Á-lich-sơn đại (Alexandrie).

— 331, CANH-DẦN

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2549*

TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 38*

NK Vua Á-lich-sơn đánh bại Ba-tư ở Á-ty-lạp (Arbèles),
vua Ba-tư trốn lên phía bắc.

— 330, TÂN-MÃO

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2550*

TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 39*

NK Vua Ba-tư bị giết, nước mất, đất bị Mã-co-đôn
(Macédoine) chiếm hữu.

— 329, NHÂM-THÌN

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2551*

TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 40*

Ông Yên tự lập làm vua nước Tống.

NK Vua Á-lich-sơn vào nước Phá-đề-á (Parthie).

— 326, ÂT-VỊ

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2554*

TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 43*

NK Vua Á-lich-sơn do đường Ấn-độ đem quân trở về.
Người La-mã lại cùng người Tốn - ni (Samnites)
đánh nhau.

- 325, **BÍNH-THÂN**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2555*
TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 44*
Huệ Văn-vương nước Tần xưng vương.
- 323, **MẬU-TUẤT**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2557*
TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 46*
Dịch-vương nước Yên xưng vương. Trương-Nghi, tướng nước Tần, bỏ nước Tần sang làm tướng nước Ngụy.
NK Vua Á - lịch - sơn mất ở Ba - lý - luân (Babylone) và thuộc-địa bị phân chia.
- 322, **KỶ-HỢI**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2558*
TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 47*
Sáu nước đều xưng vương, duy nước Triệu không xưng vương.
NK Viên đại - tướng của Á - lịch - sơn là Đa - lợi - mã (Ptolémée) xưng là vua Ai-cập.
- 321, **CANH-TÝ**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2559*
TQ *Vua Hiến-vương nhà Chu, năm 48*
Hiền-Văn nước Tề lấy hiệu là Mạnh-thường-quân.
NK Ở Ấn - độ, nước Ma - yết - đà (Magadha) mất ; vua Chiên-đà-la (Chandragupta) lên ngôi, lập triều-đại Khổng-tước (Maurya).
- 320, **TÂN-SỬU**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2560*
TQ *Vua Thận-tĩnh-vương nhà Chu, nguyên niên*
Tên là Định, con vua Hiến-vương, ở ngôi được 6 năm.
- 318, **QUÝ-MÃO**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2562*
TQ *Vua Thận-tĩnh-vương nhà Chu, năm 3*
Sở với Hàn, Hàn với Ngụy lại hiệp minh-tước hợp-tung đánh Tần, bị thua.
NK Vua nước Bồn-đô (Pont) độc-lập.
- 317, **GIÁP-THÌN**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2563*

- TQ *Vua Thận-tĩnh-vương nhà Chu, năm 4*
Tề giết Tô-tần. Trương-Nghi lại làm tướng nước Tề.
NK Viên đại-tướng của Á-lịch-sơn (Alexandre) là Cách-sơn-đạt (Cassandre) chinh-phục Mã-cơ-đôn (Macédoine) và Hy-lạp.

— 316, **ÂT-TỶ**

- VN *Đời Hồng-bàng, năm 2564*
TQ *Vua Thận-tĩnh-vương nhà Chu, năm 5*
Tần đánh Thục, và lấy được nước ấy. Vua nước Yên tên là Khoái nhường nước cho vị tề-tướng là Tử-Chi.
NK Viên đại-tướng của Á-lịch-sơn là An-niết-nga-na (Antigone) xưng bá ở Tây-Á-tế-á.

— 314, **ĐINH-VỊ**

- VN *Đời Hồng-bàng, năm thứ 2566*
TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, nguyên niên*
Tên là Diên, con của Thận-tĩnh-vương, ở ngôi được 59 năm, bị Tần diệt. Tề Tuyên-vương đánh lấy nước Yên.

— 312, **KỶ-DẬU**

- VN *Đời Hồng-bàng, năm 2568*
TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 3*
Sở đánh Tần bị thua to, đất Hàn-trung bị Tần chiếm hữu. Nước Yên lập vua Chiêu-vương, mưu khôi-phục.
NK Viên đại-tướng của Á-lịch-sơn (Alexandre) là Tắc-lư-kha (Séleucos) tự lập làm vua nước Tụ-lý-á (Syrie), đẩy là nước Điều-chi (Séleucie).

— 311, **CANH-TUẤT**

- VN *Đời Hồng-bàng, năm 2569*
TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 4*
Tần khiến Trương-Nghi du-thuyết các nước liên-hoành thờ Tần.
NK Con và mẹ của Á-lịch-sơn bị hại.

— 307, **GIÁP-DẦN**

- VN *Đời Hồng-bàng, năm 2573*
TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 8*
Vũ Linh-vương nước Triệu cải biến theo y-phục rợ hồ để đánh Hồ.

- 305, **BÍNH-THÌN**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2575*
TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 10*
NK Nước Điều-chi (Séleucie) xâm-lăng Ấn-độ.
- 299, **NHÂM-TUẤT**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2581*
TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 16*
 Tần bắt Sở Hoài-vương. Triệu-vương truyền ngôi cho con nhỏ là Hà.
- 298, **QUÝ-HỢI**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2582*
TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 17*
 Mạnh-thường-quân nước Tề từ nước Tần trốn về. Sở lập vua Tương-vương.
- 297, **GIÁP-TÝ** thứ 44
VN *Đời Hồng-bàng năm 2583*
TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 18*
 Triệu-phong Công-tử Thắng làm Bình-nguyên-quân.
- 295, **BÍNH-DẪN**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2585*
TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 20*
 Triệu diệt nước Trung-sơn. Lý-Đoái vây Vũ-linh-vương và giết đi.
- 294, **ĐINH-MÃO**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2586*
TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 21*
NK Địch-mạch-da (Démétrios) làm vua nước Mã-co-dồn và Hy-lạp.
- 290, **TÂN-VỊ**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2590*
TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 25*
 Ngụy cắt đất Hà-dông cho Tần.
NB *Hiếu-linh Thiên-hoàng (Korei), nguyên niên*
 Vị Thiên-hoàng thứ 7 của Nhật-bản, ở ngôi được 76 năm.
NK Tổn-ni (Samnium) đầu hàng La-mã.
- 288, **QUÝ-DẬU**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2592*
TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 27*

- Tần xưng là Tây-dế, Tề xưng là Đông-dế.
- 286, **ẤT-HỢI**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2594*
TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 29*
Tề Mẫn-công diệt Tống-vương Yên.
- 284, **ĐINH-SỬU**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2596*
TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 31*
Nhạc-Nghị nước Yên cùng Tần và Sở đánh Tề, cùng phân chia đất đai nước ấy.
- 283, **MẬU-DẦN**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2597*
TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 32*
Người nước Tề lập vua Tương-vương. Triệu khiến Lận Tương-như dâng ngọc bích cho Tần.
- 281, **CANH-THÌN**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2599*
TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 34*
NK Nước Điều - chi (Séleucie) diệt nước Đáp-lạp-tây (Thrace) giết vua nước ấy là Lợi-tây-ma (Lysimaque).
- 279, **NHÂM-NGỌ**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2601*
TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 36*
Yên Chiêu-vương mất. Nhạc-Nghị chạy qua Triệu. Tề Điền-đan khôi-phục nước Tề.
- 276, **ẤT-DẬU**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2604*
TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 39*
Ngụy phong Công-tử Vô-ky làm Tín-lăng-quân.
NK Á-hội-á liên-minh (Ligue étolienne) hưng-thịnh.
- 275, **BÍNH-TUẤT**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2605*
TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 40*
Tần Nhương-hầu đánh Ngụy, vây Đại-lương.
NK La-mã phá quân Y-tý-lỗ-tur (Epire).
- 272, **KỶ-SỬU**
VN *Đời Hồng-bàng, năm 2608*
TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 43.*

Tần đặt ra quận Nam-dương.

NK Tha-lâm-dôn (Tarente) đầu hàng La-mã.
Vua A-dục (Açoka) của Ấn-độ lên ngôi.

— 266, ẤT-VỊ

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2614*

TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 40*

Phạm-Thư làm tướng nước Tần, được phong Ứng-hầu. Nhượng-hầu bị đuổi.

NK La-mã bình-định Ý-đại-lợi (Italie)

— 264, ĐINH-DẬU

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2616*

TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 51*

NK La-mã cùng Gia-thái-cơ (Carthage) khai-chiến.

— 263, MẬU-TUẤT

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2617*

TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 52*

Khảo-liệt-vương nước Sở phong Hoàng-Yết làm Xuân-thân-quân.

— 260, TÂN-SỬU

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2620*

TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 55*

Bạch-khởi, tướng nước Tần, lấy Thượng-Đẳng, chôn quân đầu hàng 40 vạn.

— 258, QUỠ-MÃO

VN *Đời Hồng-bàng, năm 2622*

Đời Hồng-bàng đến năm này là dứt.

TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 57*

— 257, GIÁP-THÌN

VN *Vua An-dương nhà Thục, nguyên niên*

Vua họ Thục, tên là Phán, đánh thâu nước Văn-Lang mà dựng nước, hiệu là Âu-lạc, đóng đô tại Phong-khê, xây thành ngàn trượng như hình xoáy ốc gọi là Loa-thành (nay là xã Cổ-loa, huyện Đông-khê), ở ngôi được 50 năm.

TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 58*

Lúc ấy là đời Tần Chiêu-trương-vương năm thứ 50; giết Bạch-Khởi. Tín-lăng-quân, người nước Ngụy, đại phá quân Tần.

NB *Hiêu-linh Thiên-hoàng, năm 34*

— 256, ẤT-TỶ

VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 2*

TQ *Vua Năn-vương nhà Chu, năm 59*

Vua nhà Chu nước Tần, hiến trọn cả đất, kể đó vua băng, nhà Chu mất.

NK Thủy-quân La-mã phá Gia-thái-cơ (Carthage).

— 255, BÍNH-NGO

VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 3*

Sử chép rằng thần Kim-Quy xưng là Giang-sư cỡi móng trao cho vua, vua sai Cao-Lỗ làm nỏ thần, lấy móng làm máy bắn gọi là « Linh-quang Kim-quy Thần Nỗ ».

TQ *Vua nhà Đông-Chu, nguyên-niên*

Tần diệt Tây-Chu. Năm ấy cả thủy là 7 nước.

— 250, TÂN-HỢI

VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 8*

TQ *Vua Đông-Chu, năm 6*

Tần Hiếu-văn-vương nguyên-niên, nối ngôi (rồi mất), Trang Tương-vương lên ngôi : nhà Chu đến năm ấy thì dứt.

— 249, NHÂM-TỶ

VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 9*

TQ

Tần diệt vua Đông-chu, dùng Lã-bất-vi làm tướng. Tần Trang-tương-vương, nguyên-niên.

NK Thủy-quân Gia-thái-cơ (Carthage) phá La-mã.

— 248, QUỶ-SỬU

VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 10*

TQ

Tần Trang-tương-vương, năm 2

NK Phá-đề-á (Parthie) tách rời Tụ-lý-á (Syrie) để độc-lập, ấy là nước An-tức (Arsace).

— 247, GIÁP-DẦN

VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 11*

TQ

Tần Trang-tương-vương mất, Lã-Chính lên ngôi.

NK Ba-khắc-đặc-lý-ú (Bactriane) tách rời Tụ-lý-á (Syrie) để độc-lập, ấy là nước Đại-hạ (Diodote).

— 210, **ẤT-MÃO**

VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 12*

TQ *Vua Chính nhà Tấn, nguyên niên*

Ho Doanh, tên Chính, con vua Trang-tương-vương, ở ngôi được 37 năm, bình-định được phương-nam, gọi là Tượng-quân.

— 211, **CANH-THÂN**

VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 17*

TQ *Vua Chính nhà Tấn, năm 6*

NK La-mã và Gia-thái-cơ (Carthage) cùng hòa nhau. Vương-quốc Biệt-gia-ma (Pergame) hưng-thịnh.

-- 237, **GIÁP-TÝ** thứ 45

VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 21*

TQ *Vua Chính nhà Tấn, năm 10*

Hạ lệnh đuổi các khách du thuyết. Lý-Tư can-gián.

NK La-mã lấy Tát-đỉnh (Sardaigne), Khoa-tây-gia (Corse)

-- 236, **ẤT-SỬU**

VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 22*

TQ *Vua Chính nhà Tấn, năm 11*

NK Gia-thái-cơ (Carthage) lấy Tây-ban-nha (Espagne).

-- 230, **TÂN-VỊ**

VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 28*

TQ *Vua Chính nhà Tấn, năm 17*

Tần diệt nước Hàn, bắt sống vua An nước Hàn.

— 229, **NHÂM-THÂN**

VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 29*

TQ *Vua Chính nhà Tấn, năm 18*

NK La-mã và Y-lợi-lý-á (Illyrie) đánh nhau.

Vua Cơ-chuẩn (Ki-jun) Triều-tiên, nguyên niên (dòng-dõi 40 đời Cơ-tử [Ki-ja]).

— 228, **QUÝ-DẬU**

VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 30*

TQ *Vua Chính nhà Tấn, năm 19*

Tần diệt nước Triệu, bắt sống vua Thiên nước Triệu.

— 227, **GIÁP-TUẤT**

VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 31*

TQ *Vua Chính nhà Tấn, năm 20*

Vua nước Đại-tân là Gia bắt đầu dựng nước.

- 225, **BÍNH-TÝ**
 - VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 33*
 - TQ *Tấn diệt nước Ngụy*
 - NK *La-mã chinh-phục Cao-lư (Gaule)*
- 224, **ĐÌNH-SỬU**
 - VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 34*
 - TQ *Vua Chính nhà Tấn, năm 23*
Vương-Tiền dẫn 60 vạn binh đánh nước Sở.
- 223, **MẬU-DẪN**
 - VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 35*
 - TQ *Vua Chính nhà Tấn, năm 24*
Nước Sở mất. Nhân đẩy binh-dịnh đất Việt, đặt ra Sở-quận và Cối-kê quận.
 - NK *Vua An-đề-á (Antiochos) nước Điều-chi (Séleucie) lên ngôi.*
- 222, **KỶ-MÃO**
 - VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 36*
 - TQ *Vua Chính nhà Tấn, năm 25*
Nước Sở mất. Nước Đại mất. Đặt ra Đại-quận và Liêu-dông quận.
- 221, **CANH-THÌN**
 - VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 37*
Lý-ông-Trọng, người ở Từ-liêm, vào nước Tần làm quan.
 - TQ *Tấn Thủy-hoàng, năm 26*
Nước Tề mất. Tần bắt đầu xưng đế, chia thiên hạ ra 36 quận.
 - NK *Hán-ni-bạt (Hannibal) làm Thống-đốc Tây-ban-nha.*
- 220, **TÂN-TÝ**
 - VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 38*
 - TQ *Tấn Thủy-hoàng, năm 27*
Xuống chiếu lập đường thông suốt trong nước.
 - NK *Y-đặc-lý-á liên-minh (Ligue illyrienne) đánh với Á-hội liên-minh (Ligue étolienne).*
- 219, **NHÂM-NGỌ**
 - VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 39*
 - TQ *Tấn-Thủy-hoàng, năm 28*
Đi tuần thú phương Đông, lên núi Trâu-dịch dựng bia, khiến Từ-Phúc ra biển tìm tiên.

— 218, QUỶ-VỊ

VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 40*

TQ *Tần Thủy-hoàng, năm 29*

Thủy-Hoàng đi chơi ở phương đông, Trương-Lương rình hại mà đánh không trúng.

NK Trận giặc giữa La-mã và Gia-thái-cơ (Carthage) lại nổi lên.

— 217, GIÁP-THÂN

VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 41*

TQ *Tần Thủy-hoàng, năm 30*

NK Hán-ni-lập (Hannibal) cả phá quân La-mã ở hồ Đặc-lạp tây-minh (Trasimène).

— 216, ẦT-DẬU

VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 42*

TQ *Tần Thủy-hoàng, năm 31*

NK Hán-ni-bạt (Hannibal) cả phá quân La-mã ở Khang-nạp (Cannes).

— 215, BÍNH-TUẤT

VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 43*

TQ *Tần Thủy-hoàng, năm 32*

Khiến Mông-Điêm đánh Hung-nô.

— 214, ĐÌNH-HỢI

VN *Vua An-dương, năm 44*

Bính Tần sang cướp đất nước ta.

TQ *Tần Thủy-hoàng, năm 33*

Cướp lấy đất Lĩnh-nam, đặt ra Quế-lâm, Nam-hải, Tượng-quận, cho Triệu-Đà làm Nam-hải úy. Xây Trường-thành.

NB *Hiệu-nguyên Thiên-hoàng (Kôgen), nguyên niên*

Vị Thiên-hoàng thứ 8 của Nhật-bản, ở ngôi được 57 năm.

NK La-mã và Mã-cơ-đốn (Macédoine) đánh nhau.

— 213, MẬU-TÝ

VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 45*

TQ *Tần Thủy-hoàng, năm 34*

Đốt kinh Thi kinh Thư và sách của Bách-gia chur tử.

— 212, KỶ-SỬU

VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 46*

- TQ *Tần Thủy-hoàng, năm 35*
Làm cung A-phòng. Chôn học trò 460 người ở
Hàm-dương.
- 211, CANH-DẪN
VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 47*
TQ *Tần Thủy-hoàng, năm 36*
Khiên Phù-Tô xem xét quân của Mông-Điêm.
- 210, TÂN-MÃO
VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 48*
TQ *Tần Thủy-Hoàng, năm 48*
Tần-Thủy-Hoàng băng ở Sa-khâu, đình úy Triệu Cao
và thừa-tướng Lý-Tư lập con thứ Hồ-hợi lên ngôi,
giết con trưởng Phù-tô.
- 209, NHÂM-THÌN
VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 49*
TQ *Tần Nhị-thế, nguyên niên*
Tên là Hồ-hợi, con của Tần Thủy-hoàng, ở ngôi
được 3 năm, Triệu-Cao thi vua, đem Tử-anh lên
ngôi, và nhà Tần mất. Lưu Quý, người đất Bái, khởi
bình ở Bái-hạ.
- NK La-mã đánh Tây-ban-nha.
- 208, QUỶ-Từ
VN *Vua An-dương nhà Thục, năm 50*
Nhà Thục đến năm này thì dứt
TQ *Tần Nhị-thế, năm 2*
Hạng-Lương nước Sở lập Sở Hoài-vương tên là
Tâm lên ngôi. Sở khiến Bái-công đánh Tần ở mặt
tây, Triệu-Đà đánh nhà Thục cướp lấy đất.
- 207, GIÁP-NGO
VN *Vũ-đế nhà Triệu, nguyên niên*
Họ Triệu, tên là Đà, người Tàu, đánh đuổi vua An-
dương, xưng là Nam-việt-vương, đóng đô ở Phiên-
ngung (nay là Quảng-châu ở tỉnh Quảng-đông).
- TQ *Tần Nhị-thế, năm 3*
Hạng-Vũ đánh đại bại quân nhà Tần. Triệu-Cao
giết Tần Nhị-thế, lập Tử-anh lên ngôi.
- NK La-mã cả phá viện quân Gia-thái-co (Carthage),
giết Ha-tư-đặc-bạt (Hasdrubal).
- NB *Hiệu-nguyên Thiên-hoàng, năm 8*

- 206, **ẦT-VỊ**
VN *Triệu Vũ-đề, năm 2*
TQ *Hán Cao-tổ, nguyên niên*
Họ Lưu, tên là Bang, người đất Bái, lúc ấy còn xưng là Hán-vương, dứt nhà Tần, diệt Hạng-Vũ, ở ngôi được 12 năm, năm ấy cũng là năm Sở Nghĩa-đế, nguyên niên. Hạng-Vũ xưng là Tây-Sở Bá-vương.
- NK La-mã chinh-phục Tây-ban-nha.
- 205, **BÍNH-THÂN**
VN *Triệu Vũ-đề, năm 3*
TQ *Hán Cao-tổ, năm 2*
Hạng-Vũ giết Nghĩa-đế, Hán-vương hài tội Hạng-Vũ để đánh Hạng-Vũ.
- NK La-mã cùng vua Mã-cơ-đôn giảng hòa.
- 204, **ĐÌNH DẬU**
VN *Triệu Vũ-Đề, năm 4*
TQ *Hán Cao-tổ, năm 3*
Hàn-Tin bắt vua nước Triệu là Yết, giết Trần-Dur, năm sau bình-định nước Tề.
- NK Đại-tướng La-mã là Tây-tý-a (Scipion) đánh Gia-thái-cơ (Carthage).
- 203, **MẬU-TUẤT**
VN *Triệu Vũ-đề, năm 5*
TQ *Hán Cao-tổ, năm 4*
Hán và Sở đánh nhau, bên ước định chia đôi thiên-hạ.
- NK Hán-ni-bạt (Hannibal) trở về Gia-thái-cơ (Carthage).
- 202, **KỶ-HỢI**
VN *Triệu Vũ-đề, năm 6*
TQ *Hán Cao-tổ năm 5*
Hạng-Vũ chết, Hán-vương lên ngôi Hoàng-đế.
- NK Tướng Tây-tý-a (Scipion) đánh đại bại tướng Hán-ni-bạt (Hannibal) ở Tát-mã (Zama).
- 201, **CANH-TÝ**
VN *Triệu Vũ-đề, năm 7*
TQ *Hán Cao-tổ, năm 6*
NK Gia-thái-cơ (Carthage) nạp binh thuyền cho La-mã để giảng-hòa.

Mạo-đốn Thiên-vu (Mao-touen hay Mei-tei Chan-yu) của Hung-nô, nguyên-niên.

— 200, TÂN-SỬU

VN *Triệu Vũ-đê, năm 8*

TQ *Hán Cao-tổ, năm 7*

Hán-đế đánh Hung-nô, bị Hung-nô làm nguy khốn. Định kinh-đô Trường-an.

NK La-mã lại đánh Mã-cơ-đốn (Macédoine).

— 198, QUỲ-MÃO

VN *Triệu Vũ-đê, năm 10*

Khiến hai sứ - giả sang trông coi Giao - chỉ và Cửu-chân.

TQ *Hán Cao-tổ, năm 9*

Giảng-hòa với Hung-nô, đòi những bức hào-phủ trong nước của thiên-tử và nước của vương-hầu về Trường-an.

— 197, GIÁP-THÌN

VN *Triệu Vũ-đê, năm 11*

TQ *Hán Cao-tổ, năm 10*

Mã-cơ-đốn (Macédoine) giảng-hòa với La-mã.

— 196, ÂT-TÝ

VN *Triệu Vũ-đê, năm 12*

Lục-giả sang phong vua Triệu làm Nam-việt vương.

TQ *Hán Cao-tổ, năm 11*

Lữ-hậu giết Hàn-tín và Bành-Việt.

— 195, BÍNH-NGỌ

VN *Triệu Vũ-đê, năm 13*

TQ *Hán Cao-tổ, năm 12*

Anh-Bổ làm phản thua trận mà chết.

— 194, ĐINH-VỊ

VN *Triệu Vũ-đê, năm 14*

TQ *Hán Huệ-đê, nguyên-niên*

Tên là Doanh, con vua Hán Cao-tổ, ở ngôi được 7 năm. Lữ-Hậu giết nàng Thích-cơ và Triệu-vương Như-ý.

NK Vua Cơ-Chuẩn (Ki-jun) nước Triều-tiên năm thứ 36, người nước Yên là Vệ Mãn (Wi-man) sang đánh đuổi Cơ-Chuẩn mà tự lập làm vua nước Triều-tiên.

— 187, GIÁP-DẦN

VN *Triệu Vũ-đê, năm 21*

- TQ *Lữ-hậu nhà Hán, nguyên niên*
Hoàng-hậu của Hán Cao-tổ làm triều trong 8 năm,
dùng Trần-Bình và Thầm-Thực-kỳ làm tả hữu
thừa tướng.
- 184, ĐINH-TỶ
VN *Triệu Vũ-đề, năm 24*
TQ *Lữ-hậu nhà Hán, năm 4*
Lữ-hậu phế vua còn trẻ tuổi và giết luôn.
NK Hán-ni-bạt (Hannibal) tự sát.
- 183, MẬU-NGỌ
VN *Triệu Vũ-đề, năm 25*
Lên ngôi Hoàng-đế, phát binh đánh trường-sa,
đánh bại vài quận rồi về.
TQ *Lữ-hậu nhà Hán, năm 5*
- 180, TÂN-DẬU
VN *Triệu Vũ-đề, năm 28*
TQ *Lữ-hậu nhà Hán, năm 8*
Lữ-hậu băng ; các đại-thần giết các thân-tộc họ
Lữ. Đại-vương Hăng lên ngôi.
- 179, NHÂM-TUẤT
VN *Triệu Vũ-đề, năm 29*
Triệu Vũ-đề bị Hán-đế ép-bức, bèn không xưng
đế nữa.
TQ *Hán Văn-đề, nguyên niên*
Tên là Hăng, con Hán Cao-tổ, ở ngôi được 23 năm.
- 177, GIÁP-TÝ thứ 46
VN *Triệu Vũ-đề năm 31*
TQ *Hán Văn-đề, năm 3*
- 174, ĐINH-MÃO
VN *Triệu Vũ-đề, năm 34*
TQ *Hán Văn-đề, năm 6*
Hoài-nam-vương là Trường mưu-phản, bị phế và mất.
Mạo-dồn Thiên-vu của Hung-nô chết, Lão-thượng
(Lao-chang) Thiên-vu kế thống, nguyên-niên
- 171, CANH-NGỌ
VN *Triệu Vũ-đề, năm 37*
TQ *Hán Văn-đề, năm 9*
NK La-mã lại đánh Mã-cơ-dồn (Macédoine).

- 167, GIÁP-TUẤT
VN *Triệu Vũ-đề, năm 41*
TQ *Hán Văn-đề, năm 13*
Bỏ nhục hình.
NK Vua nước Mă-co-dôn (Macédoine) bị bắt, nước mất,
bị La-mã chiếm hữu.
- 164, ĐINH-SỬU
VN *Triệu Vũ-đề, năm 44*
TQ *Hán Văn-đề, năm 16*
Hạ chiếu dời năm sau làm nguyên niên
NK Nước Điều-chi (Séleucie) và nước An-tức (Arsace)
đánh nhau.
- 163, MẬU-DẪN
VN *Triệu Vũ-đề, năm 45*
TQ *Hán Văn-đề, hậu nguyên niên*
Nguyên niên sau khi cải-nguyên ; giết nhà phương-
sĩ (giỏi phép thuật) Tân-Viên-Bình.
- 160, TÂN-TÝ
VN *Triệu Vũ-đề, năm 48*
TQ *Hán Văn-đề, năm 4 sau khi cải-nguyên*
NK Nhục-chi [Yue-tche] chiếm đất của Tái-chủng, Tái-
chủng dời về phía nam ở đất Kế-Tân.
Quân-thần (Kiun-tch'en) Thiên-vu của Hung-nô,
nguyên niên.
- 158, QUỶ-VỊ
VN *Triệu Vũ-đề, năm 50*
TQ *Hán Văn-đề, năm 6 sau khi cải-nguyên*
Hung-nô vào cướp, Chu Á-phu đồn binh phòng bị.
- 157, GIÁP-THÂN
VN *Triệu Vũ-đề, năm 51*
TQ *Hán Văn-đề, năm 7 sau khi cải-nguyên*
NB Khai-hóa Thiên-hoàng (Kaika), nguyên niên
Vị Thiên-hoàng thứ 9 của Nhật-bản, ở ngôi được
60 năm.
- 156, ÂT - DẬU
VN *Triệu Vũ-đề, năm 52*
TQ *Hán Cảnh-đề, nguyên niên*
Tên là Khải, con của Văn-đế, ở ngôi được 16 năm.
Cùng hòa thân với Hung-nô.

- NK An-vương tên là Cơ-khâm, nguyên niên, đời thứ 42 của Triều-tiên.
- 154, ĐÌNH-HỢI
VN *Triệu Vũ-đề, năm 54*
TQ *Hán Cảnh-đề, năm 3*
Ngô Sở 7 nước làm phản, Chu Á-phu dẹp yên,
NK Gia-thái-cơ (Carthage) cùng đánh nhau với Nô-mễ-đề (Numidie).
- 150, TÂN-MÃO
VN *Triệu Vũ-đề, năm 58*
TQ *Hán Cảnh-đề, năm 7*
Dùng Chu Á-phu làm thừa tướng, Chắt-Đô làm trung-ủy.
- 149, NHÂM-THÌN
VN *Triệu Vũ-đề, năm 59*
TQ *Hán Cảnh-đề, Trung, nguyên-niên*
Đổi là Trung-nguyên.
NK Trận giặc giữa La-mã và Gia-thái-cơ lại khởi lên.
- 146, ÂT-VỊ
VN *Triệu Vũ-đề, năm 62*
TQ *Hán Cảnh-đề, Trung, năm 4*
NK La-mã diệt Gia-thái-cơ (Carthage) và Khoa-lâm-tư (Corinthe).
- 143, MẬU-TUẤT
VN *Triệu Vũ-đề, năm 65*
TQ *Hán Cảnh-đề Hậu, nguyên-niên*
Đổi là Hậu-nguyên.
Hạ ngục Chu Á-phu. Dùng Trục Bất-nghi làm ngự-sử đại-phu.
- 140, TÂN-SỬU
VN *Triệu Vũ-đề, năm 68*
TQ *Hán Vũ-đề, Kiến-nguyên, nguyên-niên*
Tên Triệt, con của Cảnh-đế, ở ngôi được 54 năm, bắt đầu lập ra niên-hiệu, 11 lần đổi niên-hiệu,
NK An-túc Điều-chi [Arsace-Séleucie] bắt cầm tù vua nước ấy là Địch-mạch đệ Nhị (Démétrios II).
- 137, GIÁP-THÌN
VN *Triệu Vũ-đề, năm 71*

Triệu Vũ-đế băng, chôn ở Ngung-sơn (huyện Nam-hải).

- 136, TQ *Hán Vũ-đế, Kiến-nguyên, năm 4*
 ÂT-TỶ
 VN *Triệu Văn-vương, nguyên-niên*
 Tên là Hồ, con của Trọng-Thủy, cháu của Triệu Vũ-đế ở ngôi được 12 năm, thọ 52 tuổi.
- 135, TQ *Hán Vũ-đế, Kiến-nguyên, năm 5*
 BÍNH-NGỌ
 VN *Triệu Văn-vương, năm 2*
 Khiến Thái-tử Anh-Tề sang làm con tin ở triều nhà Hán.
- 134, TQ *Hán Vũ-đế, Kiến-nguyên, năm 6*
 ĐINH-VỊ
 VN *Triệu Văn-vương, năm 3*
 TQ *Hán Vũ-đế, Nguyên-quang, nguyên niên*
 NK Nước Điều-chi (Séleucie) vây Da-lô - tát-lãnh (Jérusalem).
- 130, TÂN-HỢI
 VN *Triệu Văn-vương, năm 7*
 TQ *Hán Vũ-đế, Nguyên-quang, năm 5*
 Thông với rợ ở Tây-nam. Ra lệnh cho Trương-Thang, Triệu Vũ định luật-lệnh.
- 129, NHÂM-TÝ
 VN *Triệu Văn-vương, năm 8*
 TQ *Hán Vũ-đế, Nguyên-quang, năm 6*
 Hung-nô vào cướp, bị bọn Vệ Thanh đánh đuổi.
- 128, QUÝ-SỬU
 VN *Triệu Văn-vương, năm 9*
 TQ *Hán Vũ-đế, nguyên sóc, nguyên niên*
 Đặt ra Thương-hải bộ.
- 127, GIÁP-DẦN
 VN *Triệu Văn-vương, năm 10*
 TQ *Hán Vũ-đế, Nguyên sóc, năm 2*
 NK Y-trĩ-tà (Yi-tche-sie) Thiên-vu của Hung-nô, nguyên niên.
- 126, ÂT-MÃO
 VN *Triệu Văn-vương, năm 11*
 Thái-tử Anh-tề từ triều nhà Hán trở về.

- TQ *Hán Vũ-đế, Nguyên sóc, năm 3*
125, BÌNH-THÌN
VN *Triệu Văn-vương, năm 12*
TQ *Hán Vũ-đế, Nguyên sóc, năm 4*
NK Đời thứ 43 vua Triệu-tiên là Huệ-vương tên là Cơ-thực (Ki-sik) nguyên niên.
- 124, ĐINH-TỶ
VN *Triệu Minh-vương, Nguyên niên*
Tên là Anh-tề, con trưởng của Triệu Văn-vương, ở ngôi được 12 năm, dùng Lữ - gia làm Thái - phó.
TQ *Hán Vũ-đế, Nguyên sóc, năm 5*
- 122, KỶ-VỊ
VN *Triệu Minh-vương, năm 3*
TQ *Hán Vũ-đế, Nguyên thú, nguyên niên*
Khiển Trương-Khiên đi sứ Tây-vực, bắt đầu thông với Diên-quốc.
- 121, CANH-THÂN
VN *Triệu Minh-vương, năm 4*
TQ *Hán Vũ-đế, Nguyên-thú, năm 2*
Hoắc Khứ-Bệnh đánh bại Hung-nô. Vua bộ-lạc Hồn Tà (Houen-sie) của Hung-nô đầu hàng.
- 117, GIÁP-TÝ thứ 47
VN *Triệu Minh-vương, năm 8*
TQ *Hán Vũ-đế, Nguyên-thú, năm 6*
- 116, ẤT-SỬU
VN *Triệu Minh-vương, năm 9*
TQ *Hán Vũ-đế, Nguyên-đỉnh, nguyên-niên*
Cho thiên-hạ đặng no say năm ngày.
- 115, BÌNH-DẪN
VN *Triệu Minh-vương, năm 11*
TQ *Hán Vũ-đế, Nguyên-đỉnh, 2*
Dựng Bách-lương-đài (đài bằng gỗ hương bách), làm Thừa-lộ-bàn (mâm hứng sương móc). Tây-vực bắt đầu thông-hiếu.
- 114, ĐINH-MÃO
VN *Triệu Minh-vương, năm 11*
TQ *Hán Vũ-đế, Nguyên-đỉnh, năm 3*
NK Hung-nô Ô-duy Thiền-vu, nguyên-niên.

- 113, MẬU-THÌN
VN *Triệu Minh-vương, năm 12*
Vua băng, con là Hưng lên ngôi, tức là Ai-vương.
Sứ nhà Hán là An-quốc Thiệu-quý sang dụ Ai-vương về châu.
TQ *Hán Vũ-đê, Nguyên-đỉnh, năm 4*
- 112, KỶ-TỴ
VN *Triệu Ai-vương, nguyên-niên*
Tên là Hưng, con thứ của Minh-vương, ở ngôi được 1 năm; vua và Thái-hậu muốn đem nước phụ vào nhà Hán; Lữ-Gia thi vua và lập vua Kiến-đức.
TQ *Hán Vũ-đê, Nguyên-đỉnh, năm 5*
NK Đời vua thứ 45 của Triều-tiên là Minh-vương tên là Cơ-vũ (Ki-mu), nguyên-niên.
- 111, CANH-NGỌ
VN *Triệu Vệ-dương-vương, nguyên-niên*
Tên là Kiến-Đức, con trưởng của Triệu Minh-vương, ở ngôi được 1 năm, nhà Hán sai Lộ-Bác giết đi, đời nhà Triệu đến đây là dứt. Nhà Hán đặt ra chín quận và quan Thứ-sử, quan Thái-thú, từ đây nước ta bị thuộc về nhà Hán.
TQ *Hán Vũ-đê, Nguyên-đỉnh, năm 6*
NK La-mã đánh Nô-mê-đê (Numidie).
- 110, TÂN-VỊ
VN *Thuộc nhà Hán, năm 2*
Nhà Hán dùng Thạch-đái làm thái-thú chín quận.
TQ *Hán Vũ-đê, Nguyên-phong, nguyên niên*
Vua ra khỏi Trựơng-thành, lên Thiên-vu đài, đắp đàn tế trời ở Thái-son.
- 109, NHÂM-THÂN
VN *Thuộc nhà Hán, năm 3*
TQ *Hán Vũ-đê Nguyên-phong, năm 2*
Đánh Triều-tiên.
- 108, QUÝ-DẬU
VN *Thuộc nhà Hán, năm 4*
TQ *Hán Vũ-đê, Nguyên-phong, năm 3*
Đánh phá nước Lâu-lan và Xa-sur. Bình-định Triều-tiên, đặt ra bốn quận.

- 105, **BÍNH-TÝ**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 7*
TQ *Hán Vũ-đế, Nguyên-phong, năm 6*
Đánh Côn-minh, Đem tôn-nữ gả cho vua nước Ô-tôn.
NK Ô-sư-lư-nhi Thiên-vu của Hung-nô, nguyên-niên.
- 104, **ĐINH-SỬU**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 8*
TQ *Hán Vũ-đế, Thái-sơ, nguyên-niên*
Làm lịch Thái-sơ, dùng dần nguyệt làm tháng giêng.
Lý Quảng-lợi đánh Đại-uyễn.
- 102, **KỶ-MÃO**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 10*
TQ *Hán Vũ-đế, Thái-sơ, năm 3*
NK Hung-nô Hu-lê-hồ Thiên-vu, nguyên niên
- 101, **CANH-THÌN**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 11*
TQ *Hán Vũ-đế, Thái-sơ, năm 4*
NK Đại-uyễn giết vua đề đầu hàng, do đó ngoại quốc
đều chấn-động kinh-khủng.
Hung-nô Thả-đề-hầu Thiên-vu, nguyên niên.
- 100, **TÂN-TÝ**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 12*
TQ *Hán Vũ-đế, Thiên-hán, nguyên niên*
Sai Tô-vũ đi sứ Hung-nô.
- 99, **NHÂM-NGỌ**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 13*
TQ *Hán Vũ-đế, Thiên-hán, năm 2*
Lý Quảng-lợi đánh Hung-nô. Lý-Lăng đầu hàng
quân giặc.
- 97, **GIÁP-THÂN**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 15*
TQ *Hán Vũ-đế, Thiên-hán, năm 4*
NB *Sùng thần (Sujin) Thiên-hoàng, nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 10 của Nhật-bản.
- 96, **ẤT-DẬU**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 16*
TQ *Hán Vũ-đế, Thái-thủy, nguyên-niên*
NK Bồn-đô (Pont) đánh Già-phạ-đa-gia (Cappadoce).
Hung-nô Hồ-lộc-cô Thiên-vu, nguyên-niên.

- 92, KỶ-SỬU
VN Thuộc nhà Hán, năm 13
TQ Hán Vũ-đế, Chinh-hòa, nguyên-niên
Vụ án vu-cổ (đồng bóng dùng tà-thuật cổ-hoặc người) nổi lên.
- 91, CANH-DẪN
VN Thuộc nhà Hán, năm 21
TQ Hán Vũ-đế, Chinh-hòa, năm thứ 2
Thái-tử Lệ phát binh, việc không thành, tự sát.
- 90, TÂN-MÃO
VN Thuộc nhà Hán, năm 22
TQ Hán Vũ-đế, Chinh-hòa, năm 3
Lý Quảng-Lợi đầu hàng Hung-nô.
NK Nước Điều-chi (Séleucie) trong 8 năm, không có
chinh-phủ.
- 88, QUỶ-TỶ
VN Thuộc nhà Hán, năm 24
TQ Hán Vũ-đế, Hậu-nguyên, nguyên-niên
Giết Câu-dục phu-nhân.
NK Đại-tướng La-mã là Tô-lạp (Sylla) đuổi Mã-lược
(Marius).
- 86, ÂT-VỊ
VN Thuộc nhà Hán, năm 26
TQ Hán Chiêu-đề, Thủy-nguyên, nguyên-niên
Tên là Phất-Lăng, con của Vũ-đế, ở ngôi được 13
năm, ba lần đổi niên-hiệu. Hoắc-Quang nhiếp chính.
NK Đại-tướng La-mã là Tô-lạp (Sylla) đánh bại vua
nước Bồn-đô (Pont). Mã-lược (Marius) chết.
- 85, BÍNH-THÂN
VN Thuộc nhà Hán, năm 27
TQ Hán Chiêu-đề, Thủy-nguyên, năm 2
NK Hung-nô Hồ-diễn-đê Thiên-vu, nguyên-niên.
- 84, ĐINH-DẬU
VN Thuộc nhà Hán, năm 28
TQ Hán Chiêu-đề, Thủy-nguyên, năm 3
NK Triều An-độ-la (Andhra) ở Ấn-độ hưng-thịnh. Tô-
lạp (Sylla) cùng Bồn-đô (Pont) giảng-hòa.
- 83, MẬU-TUẤT
VN Thuộc nhà Hán, năm 29

- TQ *Hán Chiêu-đề, Thủy-nguyên năm 4*
Lập họ Thượng-quan làm hoàng-hậu
- NK Tô-lạp (Sylla) trở về La-mã chiến đấu chống với đảng của Mã-lược (Marius)
- 82, KỶ-HỢI
VN *Thuộc nhà Hán, năm 30*
TQ *Hán Chiêu-đề, Thủy-nguyên, năm 5*
Nam-tử mạo xưng là Vệ Thái-tử, bị tội tử-hình.
- NK Tô-lạp (Sylla) diệt đảng của Mã-lược (Marius) rồi làm vị thống-soái suốt đời của La-mã.
- 81, CANH-TÝ
VN *Thuộc nhà Hán, năm 31*
TQ *Hán Chiêu-đề, Thủy-nguyên, năm 6*
NK Dòng-dõi Cơ-tử đời thứ 45, Hiếu-vương tên là Cơ-hạnh (Ki-huyng) của nước Triều-tiên, nguyên niên.
- 80, TÂN-SỬU
VN *Thuộc nhà Hán, năm 32*
TQ *Hán Chiêu-đề, Nguyên-phụng, nguyên niên*
Yên-vương Đán làm phản, bị tội tử-hình.
- NK Vua Ai-cập Đa-lợi-Mãi (Ptolémée) thứ 12 lên ngôi.
- 79, NHÂM-DẦN
VN *Thuộc nhà Hán, năm 33*
TQ *Hán Chiêu-đề, Nguyên-phụng, năm 2*
Tô-lạp (Sylla) từ-chức năm sau mất.
- 78, QUỲ-MÃO
VN *Thuộc nhà Hán, năm 34*
TQ *Hán Chiêu-đề, Nguyên-phụng, năm 3*
Nước Ô-hoàn xâm-phạm biên-giới, sai Phạm Minh-Hữu đi đánh.
- NK Tướng La-mã Bàng-bồ (Pompée) trừ dẹp bọn trộm cướp ở Địa-trung-hải.
- 77, GIÁP-THÌN
VN *Thuộc nhà Hán, năm 35*
TQ *Hán Chiêu-đề, Nguyên-phụng, năm 4*
Phó Giới-Tử dụ vua Lâu-lan và giết đi.
- 74, ĐINH-VỊ
VN *Thuộc nhà Hán, năm 38*
TQ *Hán Chiêu-đề, Nguyên-bình, nguyên niên*

Hoắc-quang đem Xương-ấp vương lên ngôi rồi lại phế truất, đem cháu tằng tôn của vua Hán Vũ-đế là Bệnh-Kỷ lên ngôi.

— 73, MẬU-THÂN

VN Thuộc nhà Hán, năm 39

TQ Hán Tuyên-đề, Bồn-thủy, nguyên niên

Tên là Tuân, cháu của Lê Thái-tử (con Hán Vũ-đế).
Chính sự đều trình cáo với Hoắc-quang.

NK La-mã lấy Bồn-đô (Pont).

— 70, TÂN-HỢI

VN Thuộc nhà Hán, năm 42

TQ Hán Tuyên-đề, Bồn-thủy, năm 4

NK Hung-nô Hư-lư-quyền cừ Thiên-vu, nguyên niên

— 69, NHÂM-TÝ

VN Thuộc nhà Hán, năm 69

TQ Hán Tuyên-đề, Địa-tiết, nguyên niên

Dùng Vu Định-Quốc làm Đình-úy.

— 66, ÂT-MÃO

VN Thuộc nhà Hán, năm 46

TQ Hán Tuyên-đề, Địa-tiết, năm 4

Họ Hoắc mưu phản, chịu tội tử hình.

NK Tướng La-mã là Bàng-bồi (Pompée) chinh-phục Á-tế-à.

— 65, BÍNH-THÌN

VN Thuộc nhà Hán, năm 47

TQ Hán Tuyên-đề, Nguyên-Khang, nguyên niên

Nước Sa-xa ở Tây-vực làm phản, bị dẹp yên.

— 64, ĐÍNH-MÃO

VN Thuộc nhà Hán, năm 48

TQ Hán Tuyên-đề, Nguyên-khang, năm 2

Hung-nô cứu giúp nước Sa-xa ở Tây-vực. Hán gọi
Trịnh-Cát trở về đóng đồn ở nước Cừ-lê (Tây-vực).

— 61, CANH-THÂN

VN Thuộc nhà Hán, năm 51

TQ Hán Tuyên-đề, Thần-tước, nguyên niên

Triệu Sung-Quốc đánh Tiên linh.

— 60, TÂN-DẬU

VN Thuộc nhà Hán, năm 52

TQ Hán Tuyên-đề, Thần-tước, năm 2

Dùng Trịnh-Cát làm Đô-hộ Tây-vực.

NK Ở La-mã, Bàng-bôi (Pompée), Khải-tát (César), Cách-lạp-tô (Crassus) ba người cùng chấp-chính.

Hung-nô Ấc-diễn Câu-dê Thiên-vu, nguyên niên.

— 58, QUỠ-HỢI

VN Thuộc nhà Hán, năm 54

TQ Hán Tuyên-đế, Thần-tước, năm 4

NK Năm vị Thiên-vu ở Hung-nô cùng lên ngôi.

57, GIÁP-TÝ thứ 48

VN Thuộc nhà Hán, năm 55

TQ Hán Tuyên-đế, Ngũ-phụng, nguyên niên

Giết quan tả-bằng-dực Hàn Diên-thọ.

NK Khải-tát (César) đi đánh Nhật-nhĩ-man (Germanie).

Ở Triều-tiên, vị thủy-tổ dựng nước Tân-la (Silla) là Phác-hách cư-thế (Huyk-Kù-se), nguyên-niên.

Hung-nô phân ra Đông Hung-nô, Tây Hung-nô.

— 53, MẬU-THÌN

VN Thuộc nhà Hán, năm 59

TQ Hán Tuyên-đế, Cam-lộ, nguyên-niên

Dùng Vi-Huyền-Thành làm Huy-Dương trung-úy.

NK Tướng La-mã Cách-lạp-tô (Crassus) bị nước An-túc (Arsace) giết.

— 51, CANH-NGO

VN Thuộc nhà Hán, năm 61

TQ Hán Tuyên-đế, Cam-lộ, năm 3

Hô-hàn-tà Thiên-vu vào châu.

Giảng diêm đồng dị ở Ngũ-kinh.

NK Khải-tát (César) bình-định Cao-lư (Gaule).

— 49, NHÂM-THÂN

VN Thuộc nhà Hán, năm 63

TQ Hán Tuyên-đế, Hoàng-long, nguyên-niên

Hung-nô Hô-hàn-tà vào châu.

NK Bàng-bôi (Pompée) và Khải-tát (César) tranh quyền và đánh nhau.

— 48, QUỠ-DẬU

VN Thuộc nhà Hán, năm 64

TQ Hán Nguyên-đế, Sơ-nguyên, nguyên-niên

Tên là Thích, con vua Tuyên-đế, ở ngôi được 16 năm. Lập Hoàng-hậu họ Vương.

- NK Khải-tát (César) đuổi Bàng-bồi (Pompeé). Bàng-bồi trốn qua Ai-cập và bị giết.
- 47, GIÁP-TUẤT
- VN Thuộc nhà Hán, năm 65
- TQ Hán Nguyên-đề, Sơ-nguyên, năm 2
- NK Khải-tát (César) bình-định Ai-Cập, trở về La-mã làm thống-soái.
- 46, ÂT-HỢI
- VN Thuộc nhà Hán, năm 66
- TQ Hán Nguyên-đề, Sơ-nguyên, năm 3
- Bỏ quận Châu-nhai,
- 45, BÍNH-TÝ
- VN Thuộc nhà Hán, năm 67
- TQ Hán Nguyên-đề, Sơ-nguyên, năm 4
- NK Khải-tát (César) làm thống soái suốt đời; lập ra Thái-dương-lịch, nhuận ngày chớ không nhuận tháng.
- 44, ĐINH-SỬU
- VN Thuộc nhà Hán, năm 68
- TQ Hán Nguyên-đề, Sơ-nguyên, năm 5
- NK Khải-tát (César) bị giết ở nguyên-lão-viện.
- 43, MẬU-DẦN
- VN Thuộc nhà Hán, năm 69
- TQ Hán Nguyên-đề, Vĩnh-quang, nguyên niên
- NK Ở La-mã, Ốc-đại-duy (Octavie), An-đôn (Antoine), Lôi-tỷ-đạt (Lépide), ba người cùng chấp-chính.
- 41, CANH-THÌN
- VN Thuộc nhà Hán, năm 71
- TQ Hán Nguyên-đề, Vĩnh-quang, năm 3
- NK Triều-tiên, Bách-tề dòng-dối Co-tử đời thứ 46 là Tương-vương (tên là Co-Nhiếp), nguyên niên.
- 38, QUÝ-VỊ
- VN Thuộc nhà Hán, năm 74
- TQ Hán Nguyên-đề, Kiến-chiêu, nguyên niên
- NK Ở La-mã, Ốc-đại-duy (Octavie) tấn công Tích-khắc-sĩ Bàng-bồi (Sextus Pompée).
- 37, GIÁP-THÂN
- VN Thuộc nhà Hán, năm 75
- TQ Hán Nguyên-đề, Kiến-chiêu, năm 2

- NK Ở Triều-tiên, thủy-tổ dựng nước Cao-câu-ly (Koguryu) là Cao-Chu-Mông (Ko-Chu-Mong), nguyên niên.
- 36, **ẤT-DẬU**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 76*
TQ *Hán Nguyên-đế, Kiến-chiêu, năm 3*
Trần-Thang phát binh chém Chắt-chi Thiên-vu.
- 33, **MẬU-TÝ**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 79*
TQ *Hán Nguyên-đế, Cảnh-ninh, nguyên niên*
Gả Vương-Tường cho Hô-hàn-tà.
NK Nhâm-na vào dâng cống cho Nhật-bản.
- 32, **KỶ-SỬU**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 80*
TQ *Hán Thành-đế, Kiến-thủy, nguyên niên*
Tên là Ngao, con của Hán Nguyên-đế, ở ngôi được 26 năm, phong cho cậu là Vương-Sùng làm hầu tước, họ Vương bắt đầu hưng-thịnh.
- 31, **CANH-DẦN**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 81*
TQ *Hán Thành-đế, Kiến-thủy, năm 2*
NK Ốc-đại-duy (Octave) đánh đại bại An-đôn (Antoine), năm sau lấy Ai-cập.
- 29, **NHÂM-THÌN**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 83*
TQ *Hán Thành-đế, Kiến-thủy, năm 4*
NB Thù-y-nhân (Suinin) Thiên-hoàng, nguyên niên
Vị Thiên-hoàng thứ 11 của Nhật-bản.
- 28, **QUỶ-TÝ**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 84*
TQ *Hán Thành-đế, Hà-bình, nguyên niên*
Giảm tử hình, bớt luật-lịnh.
- 27, **GIÁP-NGỌ**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 85*
TQ *Hán Thành-đế, Hà-bình, năm 2*
Phong cho tất cả các cậu làm liệt hầu.
NK Đế-chính ở La-mã thành-lập, Ốc-đại-duy (Octave) xưng là Áo-cổ-sĩ-đô (Auguste).
- 26, **ẤT-VỊ**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 86*

- TQ *Hán Thành-đê, Hà-bình, năm 3*
 NK Ở Triều-tiên, Bách-Tế dâng-dối Cơ-tử đời thứ 47, Nguyên-vương [lên là Cơ-hung (Kỳ-lum)], nguyên-niên.
- 24, ĐÌNH-DẬU
 VN *Thuộc nhà Hán, năm 88*
 TQ *Hán Thành-đê, Dương-sóc, nguyên niên*
 Quan Kinh-triệu-doãn Vương-Chương nói họ Vương (Đại-tư-mã Vương-Phụng) quá ác, vua giết chết Chương.
- 20, TÂN-SỬU
 VN *Thuộc nhà Hán, năm 92*
 TQ *Hán Thành-đê, Hồng-gia, nguyên niên*
 Trương-Vũ bãi chức, Tiết-Tuyên làm thừa-tướng
 NK Vua Ấn-dộ lo sinh-lễ dâng cho La-mã.
- 19, NHÂM-DẦN
 VN *Thuộc nhà Hán, năm 93*
 TQ *Hán Thành-đê, Hồng-gia, năm 2*
 NK Ở Triều-Tiên, nước Cao-câu-ly, đời thứ 2 họ Cao Lưu-ly Minh-vương, nguyên-niên.
- 18, QUÝ-MÃO
 VN *Thuộc nhà Hán, năm 94*
 TQ *Hán Thành-đê, Hồng-gia, năm 3*
 NK Ở Triều-Tiên, nước Bách-tế (Pakche), họ Cao, thủy-tổ Cao Ôn-tộ (Onjo), nguyên-niên.
- 16, ÂT-TY
 VN *Thuộc nhà Hán, năm 96*
 TQ *Hán Thành-đê, Vinh-thủy, nguyên niên*
 Phong-cho Vương-Mãng làm Tân-đô-hầu.
- 15, BÍNH-NGỌ
 VN *Thuộc nhà Hán, năm 97*
 TQ *Hán Thành-đê, Vinh-thủy, năm 2*
 NK La-mã đánh bại Nhật-phi-man (Germanie) và thôn-lĩnh những đất phương bắc.
- 12, KỶ-DẬU
 VN *Thuộc nhà Hán, năm 100*
 TQ *Hán Thành-đê, Nguyên-diên, nguyên niên*
- 8, QUÝ-SỬU
 VN *Thuộc nhà Hán, năm 104*

- TQ *Hán Thành-đề, Tuy-hòa, nguyên niên*
Vương-Mãng làm Đại-tư-mã. Đặt ra chức quan Tam-Công.
- 6, **ẤT-MÃO**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 106*
TQ *Hán Ai-đề, Kiên-bình, nguyên niên*
Tên là Hán, con của Hán Thành-đế, ở ngôi được 6 năm.
- 4, **ĐINH-TY**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 108*
TQ *Hán Ai-đề, Kiên-bình, năm 3*
NK Chúa Đa-tô Cơ-đốc (Jésus-Christ) sinh ra.
- 2, **KỶ-VỊ**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 110*
TQ *Hán Ai-đề, Nguyên-thọ, nguyên niên*
Dùng Đồng Hiên làm Đại-tư-mã Vệ-tướng-quân.
NK La-mã tước bỏ vương hiệu của Vua Á-mỹ-á-ni, (Arménie), ba năm cho phục hồi vương hiệu lại.
- 1, **CANH-THÂN**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 111*
TQ *Hán Ai-đề, Nguyên-thọ, năm 2*
- 1, **TÂN-DẬU**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 112*
TQ *Hán Bình-đề, Nguyên-thủy, nguyên niên*
Tên là Diên, con của Hán Ai-đề, ở ngôi được 5 năm.
Vương-Mãng lấy hiệu là An-Hán-công.
NB *Thủy-nhân (Suinin) Thiên-hoàng năm 30*
Xưa gọi là năm Thiên-chúa Cơ-đốc sinh ra đời. Dân các nước theo đạo Cơ-đốc lấy năm này là năm kỷ-nguyên.
- 4, **GIÁP-TY 'thứ 49**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 115*
TQ *Hán Bình-đề, Nguyên-thủy, năm 4*
Thêm tước hiệu cho An-Hán-công Vương-Mãng là Tề-hoàn.
NK Ở Triều-Tiên nước Tân-la (Silla) đời thứ 2 họ Phác, Nam-giải-vương (Nam-há), nguyên niên.
- 5, **ẤT-SỬU**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 116*

- TQ *Hán Bình-đề, Nguyên-thủy, năm 5*
Vua ban cho Vương-Mãng chín vật quý.
Vương-mãng thí vua, lập Nhữ-tử Anh lên ngôi.
- 6, **BÍNH-DẪN**
VN *Thuộc nhà Hán, 117*
TQ *Hán Nhữ-tử Anh, Cư-nhiếp, nguyên niên*
Cháu tăng tôn của Hoài-dương Hiến-vương Khâm (ông này là con của Hán Tuyên-đế). Năm thứ 2, Vương-Mãng nhiếp chính, xưng là Giận-hoàng-đế. Lưu-Sùng khởi binh.
- 7, **ĐINH-MÃO**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 118*
TQ *Hán Nhữ-tử Anh, Cư-nhiếp, năm 2*
Địch-Nghĩa khởi binh đánh Vương-Mãng, không thắng, chết.
- 8, **MẬU-THÌN**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 119*
TQ *Hán Nhữ-tử Anh, Sơ-thủy, nguyên niên*
Vương-Mãng tự xưng là Tân Hoàng-đế.
- 9, **KỶ-Từ**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 120*
TQ *Vương-Mãng, Kiền-quốc, nguyên niên*
Tên là Mãng, họ Vương, ở ngôi được 15 năm, Hoài-dương vương tên Huyền khiển binh giết Vương-Mãng. Vương-Mãng cấm bán ruộng, nhà, nô-lệ.
- NK Nhật-nhĩ-mai [Germanie] đánh bại La-mã.
- 14, **GIÁP-TUẤT**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 125*
TQ *Vương-Mãng, Thiên-phụng, nguyên niên*
Đặt ra Vạn quốc, Hòa với Hung-nô.
NK Hoàng-đế La-mã Đê-tỷ-lược (Tibère) lên ngôi.
- 17, **ĐINH-SỬU**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 128*
TQ *Vương-Mãng, Thiên-phụng, năm 4*
Đất Lâm-hoài, Lang-da và Kinh-châu Lục-lâm đều khởi binh.
- 18, **MẬU-DẪN**
VN *Thuộc nhà Hán, năm 129*
TQ *Vương-Mãng, Thiên-phụng, năm 5*

Dương Hùng chết. Xích-My khởi binh.

NK Ở Triều-tiên, nước Cao-câu-ly (Koguryu) đời thứ 3 họ Cao (Loại-lợi : Yu-ri), Đại-vũ Thần-vương (Tam-mu-sing), nguyên niên.

20, CANH-THÌN

VN Thuộc nhà Hán, năm 131

TQ Vương-Mãng, Địa-phụng, nguyên niên

Ra lệnh kẻ phạm tội thì bị chém ngay không đợi chờ đợi.

22, NHÂM-NGO

VN Thuộc nhà Hán, năm 133

TQ Vương-Mãng, Địa-phụng, năm 3

Lưu-Điển và em là Tú dấy binh; năm sau đại chiến ở Côn-dương.

23, QUỲ-VỊ

VN Thuộc nhà Hán, năm 134

TQ Hán Hoài-dương vương, Canh-thủy, nguyên niên

Tên là Huyền, dòng-dõi Trường-sa Định-vương tên Phát (con Hán Cảnh-đế), ở ngôi được 2 năm, bị Xích-My giết, Quang-vũ xuống chiếu phong Hoài-vương. Các đạo quân lập Lưu-Huyền làm hoàng-đế. Ở đất Quang trung, binh dấy lên giết Vương-Mãng.

24, GIÁP-THÂN

VN Thuộc nhà Hán, năm 135

TQ Hán Hoài-dương vương, Canh-thủy, năm 2

Công-tôn Thuật xưng Thục-vương.

NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la (Silla), họ Phác, đời thứ 3 [tên là Lưu-ly (Yu-ri)], Nho-ly vương, nguyên-niên.

25, ẤT-DẬU

VN Thuộc nhà Hán, năm 136

TQ Đông-Hán Quang-vũ, Kiến-vũ, nguyên niên

Tên là Tú, dòng-dõi Trường-sa Định-vương, ở ngôi được 33 năm; định đô ở Lạc-dương, cho nên gọi là Đông-Hán. Xích-My vào Trường-sa.

26, BÍNH-TUẤT

VN Thuộc nhà Đông-Hán, năm 137

TQ Đông-hán Quang-vũ, Kiến-vũ, năm 2

Đặng-Vũ vào Trường-sa. Phong cho các công thần làm liệt hầu.

27, ĐÌNH-HỢI

VN Thuộc nhà Đông-Hán, năm 138

TQ Đông-Hán Quang-vũ, Kiên-vũ, năm 3

Bành-Sung tự xưng là Yên-vương. Phùng Dị đại phá Xích-My.

NK Chúa Cơ-dốc chịu phép rửa tội.

28, MẬU-TÝ

VN Thuộc nhà Đông-Hán, năm 138

TQ Đông-Hán Quang-vũ, Kiên-vũ, năm 4

NK Ở Triều-tiên, nước Bạch-tế (Păkche), họ Cao dời thứ 2, Đa-lâu vương (Ta-ru). nguyên-niên,

29, KỶ-SỬU

VN Thuộc nhà Đông-Hán, năm 140

Quan Giao-chỉ Mục Đãng Nhượng, quan Thái-Thủ Tích-Quang và Đỗ-Mục sai sứ dâng lễ cống-hiến cho nhà Đông-Hán, đều được phong làm liệt hầu. Lúc ấy Tích-Quang làm thái-thủ đất Giao-chỉ, Nhâm-Diên làm thái-thủ đất Cửu-chân.

TQ Đông-Hán Quang-vũ, Kiên-vũ, năm 5

Ngôi-Hiền sai con vào hầu hạ.

NK Chúa Cơ-dốc bị bắt chịu chết trên cây thập-tự giá, năm 33 tuổi.

30, CANH-DẦN

VN Thuộc nhà Đông-Hán, năm 141

TQ Đông-Hán Quang-vũ, Kiên-vũ, năm 6

Ngôi-Hiền làm phản xưng là tòi nước Thục.

32, NHÂM-THÂN

VN Thuộc nhà Đông-Hán, năm 143

TQ Đông-Hán Quang-vũ, Kiên-vũ, năm 8

Vua tự đi đánh Ngôi-Hiền; Công-tôn Thuật tiếp cứu Ngôi-Hiền.

33, QUÝ-TY

VN Thuộc nhà Đông-Hán, năm 144

TQ Đông-Hán Quang-vũ, Kiên-vũ, năm 9

Ngôi-Hiền chết, con là Thuần nối.

NK Thánh Bỉ-đắc (St. Pierre) nối chí của thầy, xưng lên đạo Cơ-dốc, ấy là ông tổ các giáo-vương Cơ-dốc.

34, GIÁP-NGỌ

VN Thuộc nhà Đông-Hán, năm 145

Tô-Định làm thái-thủ đất Giao-chỉ.

TQ *Đông-Hán Quang-vũ, Kiền-vũ, năm 10*
Phùng-Dị chết. Ngõi-Thuần đầu hàng. Đất Lũng-hữu
được dẹp yên.

36, BÌNH-THÂN

VN *Thuộc nhà Đông-Hán, năm 147*

TQ *Đông-Hán Quang-vũ, Kiền-vũ, năm 12*
Ngô Hân đánh Công-tôn Thuật, giết đảng Thuật,
đất Thục được dẹp yên.

39; KỶ-HỢI

VN *Thuộc nhà Đông-Hán, năm 150*

Trung vương dấy binh công hãm quan sở trong
châu, đuổi quan thái - thủ Tô - Định, dựng nước,
xưng vương.

TQ *Đông-Hán Quang-vũ, Kiền-vũ, năm 15*

40, CANH-TÝ

VN *Trung Nữ-Vương, nguyên-niên*

Tên là Trắc, họ Trưng, con gái của Lạc - tướng,
vợ của Thi-Sách. Nữ-vương cùng em là Trưng-Nhi
cử binh đuổi Tô-Định, dẹp yên được 65 thành, đất
Lĩnh-nam, tự lập làm vua, ở ngôi được 3 năm.

TQ *Đông-Hán Quang-vũ, Kiền-vũ, năm 16*

41, TÂN-SỬU

VN *Trung Nữ-vương, năm 2*

Nhà Hán sai Mã-Viện sang xâm-lãng.

TQ *Đông-Hán Quang-vũ, Kiền-vũ, năm 17*

42, NHÂM-DẦN

VN *Trung Nữ-vương, năm 3*

Quân Mã-Viện đến Lãng-bạc đánh với Nữ-vương,
phá quân Nữ-vương, Nữ-vương lui giữ Cẩm-Khê.

TQ *Đông-Hán Quang-vũ, Kiền-vũ, năm 18*

43, QUÝ-MÃO

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 1*

Tháng giêng, Nữ-vương cùng em là Trưng - Nhi
chống cự Mã-Viện, cô thế đều trầm mình mà chết,
người vùng ấy cảm thương lập đền thờ. Mã-Viện
dựng trụ đồng ngăn ranh giới cùng cực của nhà
Hán, lại xây thành Kiền-Giang ở Phong-khê.

- TQ *Đông-Hán Quang-vũ, Kiền-vũ, năm 19*
NK La-mã chinh-phục Bất-liệt-diên (Bretagne).
- 44, GIÁP-THÌN
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 2*
TQ *Đông-Hán Quang-vũ, Kiền-vũ, năm 20*
NK Ở Triều-tiên, nước Cao-câu-ly, họ Cao đời thứ 4 [Giải-ấp-chu (Hă-eup-Chu)], Mân-trung-vương, (Min-jung), nguyên-niên.
- 48, MẬU-THÂN
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 6*
TQ *Đông-Hán Quang-vũ, Kiền-vũ, năm 24*
Sai Mã-Viện đi đánh rợ ở Vũ-Lăng. Hung-nô chia ra Nam, Bắc.
NK Ở Triều-Tiên, nước Cao-câu-ly (Koguryu) họ Cao đời thứ 5 (Giải ưu : Hă-u), Mộ-bồn-vương (Mo-bong), nguyên-niên.
- 49, KỶ-DẬU
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 7*
TQ *Đông-Hán Quang-vũ, Kiền-vũ, năm 25*
Mã-viện chết trong quân. Bắt đầu truyền nhiễm bệnh đậu trời.
- 53, QUỶ-SỬU
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 11*
TQ *Đông-Hán Quang-vũ, Kiền-vũ, năm 29*
NK Ở Triều-tiên, nước Cao-câu-ly (Koguryu), họ Cao đời thứ 6, (tên Quan : Kung), Thái-tổ-vương (Ta-jo), nguyên-niên.
- 55, ẤT-MÃO
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 13*
TQ *Đông-Hán Quang-vũ, Kiền-vũ, năm 31*
Phong U-cừu-bôn người Triều-tiên lên làm vua.
- 56, BÍNH-THÌN
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 14*
TQ *Đông-Hán Quang-vũ, Trung-nguyên, nguyên-niên*
NK Nhật-bản sai sứ đến Trung-quốc.
- 57, ĐINH-TY
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 15*
TQ *Đông-Hán Quang-vũ, Trung-nguyên, năm 2*

- NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la đời thứ 4, Thoát-giải-vương (Tal-hã), nguyên-niên.
- 58, MẬU-NGỌ
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 16*
TQ *Đông-Hán Minh-đề, Vinh-bình, nguyên-niên*
Tên là Trang, con Hán Vũ-đế, ở ngôi được 18 năm.
- NK Vua nước An-tức (Arsace) và vua La-mã cùng giành nhau Tiểu Á-tế-á.
- 64, GIÁP-TÝ thứ 50
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 22*
TQ *Đông-Hán Minh-đề, Vinh-bình, năm 7*
- 65, ẤT-SỬU
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 23*
TQ *Đông-Hán Minh-đề, Vinh-bình, năm 8*
Sai sứ sang Thiên-trúc tìm Phật-pháp.
- NK Ni-lộc (Néron) rất bạo ngược giết giáo đồ Cơ-đốc.
- 68, MẬU-THÌN
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 26*
TQ *Đông-Hán Minh-đề, Vinh-bình, năm 11*
Đông-bình-vương tên là Thương đến châu.
Những sa-môn ở Thiên-trúc đến, bắt đầu dựng chùa Phật.
- NK Ni-lộc (Néron) bị bức tự sát.
- 70, CANH-NGỌ
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 28*
TQ *Đông-Hán Minh-đề, Vinh-bình, năm 13*
Sở-vương tên là Anh, em của vua, có tội bị phế và chết.
- NK Hoàng-đế La-mã Hec-si-bích (Vespasien) lên ngôi.
- 71, TÂN-VỊ
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 29*
TQ *Đông-Hán Minh-đề, Vinh-bình, năm 14*
NB *Cảnh-hành Thiên-hoàng, nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 12 (Keiko) của Nhật-bản.
- 74, GIÁP-TUẤT
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 32*
TQ *Đông-Hán Minh-đề, Vinh-bình, năm 17*
Đậu Cố đánh nước Xa-sur, khiến nước ấy đầu hàng.
Lại đặt quan đo-hộ ở Tây-vực.

76, BÍNH-TÝ

VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 34*

TQ *Đông-Hán Chương-đề, Kiên-sơ, nguyên-niên*

Tên là Huyền, con vua Minh-đế, ở ngôi được 13 năm.

Ban Siêu lưu đồn ở Tây-vực.

NK Quân La-mã lại đánh Bất-liệt-diên (Bretagne) khiến nước ấy đầu hàng.

77, ĐÌNH-SỬU

VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 35*

TQ *Đông-Hán Chương-đề, Kiên-sơ, năm 2*

NK Ở Triều-tiên, nước Bách-tế (Păkche), họ Cao đời thứ 3, Kỷ-lâu vương (Keui-ru), nguyên-niên.

79, KỶ-MÃO

VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 37*

TQ *Đông-Hán Chương-đề, Kiên-sơ, năm 4*

Các nho-sĩ hội ở Bạch-hồ quan đề bàn nghị về những điềm đồng-dị trong Ngũ kinh.

80, CANH-THÌN

VN *Nội Thuộc lần thứ 2, năm 38*

TQ *Đông-Hán Chương-đề, Kiên-sơ, năm 5*

NK Ở Triều-tiên, nước Tàn-la (Silla), họ Phác đời thứ 5, Bà-sa vương (P'a-sa), nguyên-niên.

82, NHÂM-NGỌ

VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 40*

TQ *Đông-Hán Chương-đề, Kiên-sơ, năm 7*

Phế Thái-tử Khánh, lập Triệu là con của Quý-nhân họ Lương.

84, GIÁP-THÂN

VN *Nội Thuộc lần thứ 2, năm 42*

TQ *Đông-Hán Chương-đề, Nguyên-hòa, nguyên-niên*

86, BÍNH-TUẤT

VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 44*

TQ *Đông-Hán Chương-đề, Nguyên-hòa, năm 3*

Rợ Khương giống Thiêu - đưng làm phản.
Ban Siêu chém vua nước Sơ-lặc.

87, ĐÌNH-HỢI

VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 45*

TQ *Đông-Hán Chương-đề Chương-hòa, nguyên-niên*

Hung-nô bị giống Tiên-ty đánh dẹp. 58 bộ-lạc đến đầu hàng.

88, MẬU-TÝ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 46*

TQ *Đông-Hán Chương-đề, Chương-hòa, năm 2*

Vua băng, Đậu Thái-hậu lâm triều, em là Hiến nắm chính quyền.

89, KỶ-SỬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 47*

TQ *Đông-Hán Hòa-đề, Vĩnh-nguyên, nguyên-niên*

Tên là Triệu, con vua Chương-đề ở ngôi được 17 năm.

Đậu-Kiến cả phá Hung-nô, lên núi Yên-nhiên khắc đá ghi công.

91, TÂN-MÃO

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 49*

TQ *Đông-Hán Hòa-đề, Vĩnh-nguyên, năm 3*

Đánh và cả phá Hung-nô. Ban-Siêu làm Đô-hộ Tày-vực.

92, NHÂM-THÌN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 50*

TQ *Đông-Hán Hòa-đề, Vĩnh-nguyên, năm 4*

Đậu-Hiến chịu tội tử hình. Ban-Cổ chết trong ngục. Hoạn-quan bắt đầu được dùng.

94, GIÁP-NGỌ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 52*

TQ *Đông-Hán Hòa-đề, Vĩnh-nguyên, năm 6*

Ban-Siêu đánh nước Yên-kỳ, chém vua Quảng nước ấy.

98, MẬU-TUẤT

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 56*

TQ *Đông-Hán Hòa-đề Vĩnh-nguyên, năm 10,*

NK Hoàng-đế La-mã là Đê-lạp-chân (1) (Trajan) lên ngôi, lập ra Nghĩa-học thư-viện, phép dưỡng lão dục anh.

102, NHÂM-DẦN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 60*

Nhà Hán bắt đầu đặt quan Tướng-binh Trưởng-sử ở Tượng-lâm.

TQ *Đông-Hán, Hòa-đề, Vinh-nguyên, năm 14*
Diệt rợ Khương ở An-định, đặt ra quận Tây-hải.
Ban-Siêu chết.

105, ẤT-TY

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 64*

TQ *Đông-Hán Hòa-đề, Nguyên-hưng, nguyên-niên*
Vua băng, Đặng Thái-hậu lâm triều.

NK Vương-quốc Phá-mỹ-lạp (Palmyre) hưng khởi.

106, BÍNH-NGO

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 64*

TQ *Đông-Hán Thương-đề, Diên-bình, nguyên-niên*
Tên Long, con của Hòa-đề, ở ngôi được một năm
thì băng.

107, ĐINH-VỊ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 65*

TQ *Đông-Hán An-đề, Vĩnh-sơ, nguyên-niên*
Tên Hựu, con của Thanh-hà vương là Khánh (con
của Chương-đề), ở ngôi được 19 năm.
Nhật-bản sai sứ đến. Bỏ Tây-vực Đô-hộ.

108, MẬU-THÂN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 66*

TQ *Đông-Hán An-đề, Vĩnh-sơ, năm 2*
Vời Đặng-Chất làm đại-tướng quân.

112, NHÂM-TÝ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 70*

TQ *Đông-Hán An-đề, Vĩnh-sơ, năm 6*

NK Ở Triều-Tiên, nước Tân-la, họ Phác đời thứ 6, Kỳ-
ma vương, nguyên-niên.

114, GIÁP-DẦN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 72*

TQ *Đông-Hán An-đề, Nguyên-sơ, nguyên-niên*
Hầu Bá phá rợ Khương.

115, ẤT-MÃO

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 73*

TQ *Đông-Hán An-đề, Nguyên-sơ, năm 2*
Ngu Hu cả phá rợ Khương.

- NK Người Do-thái giết 20 vạn người Hy-lạp và La-mã.
116, CANH-THÂN
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 78*
TQ *Đông-Hán An-đề, Vĩnh-ninh, nguyên-niên*
Dùng Dương Chấn làm Tư-đồ.
- 121, TÂN-DẬU
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 79*
TQ *Đông-Hán An-đề, Kiên-nguyên, nguyên-niên*
Vua tự coi việc triều-chính, phong cho bọn hoạn quan Giang Kinh làm liệt-hầu. Dựng trường-thành.
- NK Hoàng-đế La-mã đến Bất-liệt-diên (Bretagne).
122, NHÂM-TUẤT
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 80*
TQ *Đông-Hán An-đề, Diên-quang, nguyên-niên*
- 123, QUỲ-HỢI
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 81*
TQ *Đông-Hán An-đề, Diên-quang, năm 2*
NK Quý-bá vương Gia-nhị-sắc-gia lên ngôi tức là Đại-mục-chi.
- 124, GIÁP-TÝ thứ 51
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 82*
TQ *Đông-Hán An-đề, Diên-quang, năm 3*
Dương Chấn tự sát. Diêm Hiền, Giang-kinh phế Thái-tử.
- 125, ẤT-SỬU
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 83*
TQ *Đông-Hán An-đề, Diên-quang, năm 4*
Vua đi tuần ở phương nam, băng ở dọc đường, hoạn-quan Tôn Trình đem Thái-tử bị phế lên ngôi.
- 126, BÍNH-DẦN
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 84*
TQ *Đông-Hán Thuận-đề, Vĩnh-kiên, nguyên-niên*
Tên Bảo, con của An-đề, ở ngôi được 19 năm. Diêm Thái-hậu băng. Mã Hiền phá rợ Nhung ở Lũng-tây.
- 128, MẬU-THÌN
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 86*
TQ *Đông-Hán Thuận-đề, Vĩnh-kiên, năm 3*
NK Ở Triều-tiên, nước Bách-tế, họ Cao, đời thứ 4, Cái-lâu vương, nguyên-niên.

131, TÂN-VỊ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 89*

TQ *Đông-Hán Thuận-đề, Vinh-kiên, năm 6*

NB *Thành-vụ Thiên-hoàng, nguyên-niên*

Vị Thiên-hoàng thứ 13 của Nhật-bản (Seimu).

132, NHÂM-THÂN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 90*

TQ *Đông-Hán Thuận-đề, Dương-gia, nguyên-niên*

Cảnh-Diệp cả phá quân Tiên-ty.

135, ÂT-HỢI

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 93*

TQ *Đông-Hán Thuận-đề, Dương-gia, năm 4*

Cha của Hoàng-hậu là Lương-Thương làm đại tướng-quân, coi việc thương-thư.

NK Gia-nhi-sắc-gia thờ Phật-giáo.

136, BÍNH-TÝ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 94*

Nhà Hán dùng Chu-Xưởng làm thứ-sử Giao-chỉ, coi hết các quận huyện.

TQ *Đông-Hán Thuận-đề, Vinh-hòa, nguyên-niên*

Lương-Ký làm quan lĩnh doãn ở Hà-nội.

NK Ở Triều-Tiên, nước Tân-la, họ Phác đời thứ 7, Dật-thánh vương, nguyên-niên.

137, ĐINH-SỬU

VN *Khu-Liên ở Nhật-nam dựng nền độc-lập*

Người Chăm, là Khu-Liên, huyện Tượng-lâm, quận Nhật-nam, công phá quận huyện; giết quan trưởng-sử; quan Thứ-sử Giao-châu là Phàn-Diễn đến cứu, nhưng vô hiệu.

TQ *Đông-Hán Thuận-đề, Vinh-hòa, năm 2*

138, MẬU-DẦN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 96*

Nhà Hán dùng Trương-Kiều làm thứ-sử đất Giao-chỉ, Chúc-Lương làm thái-thủ đất Cửu-chân; Chiêu hàng các giặc ở biên cương; vùng Lĩnh-kiên đều dẹp yên.

TQ *Đông-Hán Thuận-đề, Vinh-hòa, năm 3*

141, TÂN-TY

VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 99*

- TQ *Đông-Hán Thuận-đề, Vinh-hòa, năm 6*
Dùng Lương-Kỳ làm đại tướng quân.
- 112, NHÂM-NGỌ
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 100*
TQ *Đông-Hán Thuận-đề, Hán-an, nguyên-niên*
Sai tám vị sứ-giả chia nhau đi hành-hạt các châu quận.
- 111, GIÁP-THÂN
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 102*
Người Nhật-nam làm phản, quan thứ-sử Giao-chỉ là Hạ-Phương khiến chúng đầu hàng. Năm ấy dùng Lưu-Tảo thay cho Hạ-Phương.
TQ *Đông-Hán Thuận-đề, Kiến-khang, nguyên-niên*
Vua băng, Lương Thái-hậu lâm triều.
- 115, ÂT-DẬU
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 103*
TQ *Đông-Hán Xung-đề, Vinh-gia, nguyên-niên*
Tên Bính, con của Thuận-đề, ở ngôi được một năm thì băng.
- 116, BÍNH-TUẤT
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 104*
TQ *Đông-Hán Chắt-đề, Bồn-sơ, nguyên-niên*
Tên Toàn, cháu tăng tôn của Thiên-thặng Trinh-tử Khản (con của Chương-đế), ở ngôi được một năm thì bị Lương-Kỳ giết.
NK Ở Triều-tiên, nước Cao-câu-ly, họ Cao đời thứ 7, Thứ-thái vương, nguyên-niên.
- 117, ĐINH-HỢI
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 105*
TQ *Đông-Hán Hoàn-đề, Kiến-hòa, nguyên-niên*
Tên Chí, cháu của Hà-gian Hiếu-vương Khai (con của Chương-đế), ở ngôi được 21 năm. Giết bọn Thái-úy Lý-Cổ.
- 150, CANH-DẦN
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 108*
TQ *Đông-Hán Hoàn-đề, Hòa-bình, nguyên-niên*
- 151, TÂN-MÃO
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 109*

- TQ *Đông-Hán Hoàn-đề Nguyên-gia, nguyên-niên*
Xuống chiếu cho tiến cử lên những kẻ sĩ phẩm hạnh
siêu việt.
- 153, QUỶ-Từ
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 111*
TQ *Đông-Hán Hoàn-đề, Vĩnh-hưng, nguyên-niên*
NK Quý - sương vương Phú - tây gia (nước Nhục-chi)
lên ngôi.
- 154, GIÁP-NGO
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 112*
TQ *Đông-Hán Hoàn-đề, Vĩnh-hưng, năm 2*
NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, họ Phác, đời thứ 8,
A-đạt-la vương, nguyên-niên.
- 155, ẤT-VỊ
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 113*
TQ *Đông-Hán Hoàn-đề, Vĩnh-thọ, nguyên-niên*
Nam Hung-nô làm phản, Trương-Hoàn khiến chúng
đầu hàng.
- 158, MẬU-TUẤT
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 116*
TQ *Đông-Hán Hoàn-đề, Diên-hy, nguyên-niên*
Hung-nô, Ô-hoàn, Tiên-ty vào cướp.
- 159, KỶ-HỢI
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 117*
TQ *Đông-Hán Hoàn-đề, Diên-hy, năm 2*
Hoạn quan Thiện-Siêu giết Lương-Kỷ. Phong cho
bọn Thiện-Siêu tước hầu.
- 160, CANH-TÝ
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 118*
Người quận Cửu-chân lại đồn cứ Nhật-nam. Nhà
Hán lại dùng Hạ-Phương làm thứ-sử Giao-chỉ. Dư-
đảng giặc ở Nhật-nam đến đầu hàng với Hạ-Phương.
TQ *Đông-Hán Hoàn-đề, Diên-hy năm 3*
- 165, ẤT-Từ
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 123*
TQ *Đông-Hán Hoàn-đề, Diên-hy, năm 8*
NK Ở Triều-tiên, nước Cao-câu-ly, họ Cao đời thứ 8,
Tân-đại vương, nguyên-niên.

166, BÍNH-NGỌ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 124*

TQ *Đông-Hán Hoàn-đề, Diên-hy, năm 9*

Bắt hết các đảng nhân bỏ ngục.

Vua Đại-tần La-mã đế-quốc là An-đôn (Antoine) vào cống.

NK Nhật-nhĩ-man đánh La-mã.

Ở Triều-tiên, nước Bách-lẽ họ Cao đòi thứ 5, Tiểu-cổ vương, nguyên-niên.

167, ĐÌNH-VỊ

VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 125*

TQ *Đông-Hán Hoàn-đề, Vĩnh-khang, nguyên-niên.*

Tha các đảng nhân về làng, chung thân không được làm quan.

168, MẬU-THÂN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 126*

TQ *Đông-Hán Linh-đề, Kiền-ninh, nguyên-niên*

Tên Hoành, cháu tăng-tôn của Hà-gian Hiếu-vương Khai (con của Chương-đế), ở ngôi được 22 năm. Trần-Phiền, Đâu-Vũ muốn giết hoạn quan, nhưng không xong, phải chết về việc đó.

169, KỶ-DẬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 127*

TQ *Đông-Hán Linh-đề, Kiền-ninh, năm 2*

Giết bọn Lý-Ung hơn 100 người, kẻ nghĩa sĩ trong nước không ai thoát khỏi.

Mã-kha-man (Marcomans) xâm-lãng hoàng-đế La-mã; hoàng-đế La-mã chống-cự không thắng.

171, TÂN-HỢI

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 129*

TQ *Đông-Hán Linh-đề, Kiền-ninh, năm 4*

Đại xá cho thiên-hạ, nhưng không ân-xá cho các đảng nhân.

172, NHÂM-TÝ

VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 130*

TQ *Đông-Hán Linh-đề, Hy-bình, nguyên-niên*

176, BÍNH-THÌN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 134*

TQ *Đông-Hán Linh-đề, Hy-bình, năm 5*

Giết Tào-Loan, lại khảo các đảng nhân, cấm năm họ không được làm quan.

NK La-mã lại đánh Nhật-nhĩ-man.

178, MẬU-NGỌ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 136*

Rợ Ô-hử ở Giao-chỉ và Hợp-phố làm phản, quan mục-thủ Chu-Ngung không thể chống ngăn; Lương-Long, người trong châu, nhân thế, khởi binh đánh cướp, các thành ấp đều bị hãm.

TQ *Đông-Hán Linh-đề, Quang-hòa, nguyên-niên*

Bắt đầu mở kho Tây-đề và bán chức quan.

179, KỶ-VỊ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 137*

TQ *Đông-Hán Linh-đề, Quang-hòa, năm 2*

NK Ở Triều-tiên, nước Cao-câu-ly, họ Cao đời thứ 9, Cổ-quốc-xuyên vương, nguyên-niên.

184 GIÁP-TÝ thứ 52

VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 142*

Thư-sử Chu-Ngung đánh thuế nặng, bị đồn binh bốn địa giết chết; vua nhà Hán bèn sai Giả Mạnh-Kiên làm thư-sử.

TQ *Đông-Hán Linh-đề, Trung-bình, nguyên-niên*

Giặc Hoàng-Cân nổi lên. Ân-xá các đảng nhân.

NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 9, Phật-hư vương, nguyên niên.

187, ĐINH-MÃO

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 145*

Nhà Hán dùng người Nam là Lý-Tiến làm thư-sử Giao-chỉ. Sĩ-Nhiếp làm thái-thú Giao-chỉ; về sau Sĩ-Nhiếp làm quan ở nước ta 29 năm.

TQ *Đông-Hán Linh-đề, Trung-bình, năm 4*

189, KỶ-TY

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 147*

TQ *Đông-Hán Linh-đề, Trung-bình, năm 6*

Vua băng. Hà-Tiến mưu giết hoạn quan, lại bị giết. Đồng-Trác thi-hành việc phế lập.

NK Tát-lập-sâm (Sarrasins) đánh đại bại quân La-mã.

190, CANH-NGỌ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 148*

- TQ *Đông-Hán Hiến-đê, Sơ-bình, nguyên-niên*
Tền Hiệp, con vua Linh-đế, ở ngôi được 21 năm,
bị Tào-Phi soạn ngôi. Đồng-Trác dòi đồ về Trường-an.
Chư tướng đánh Đồng-Trác.
- 192, NHÂM-THÂN
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 150*
TQ *Đông-Hán Hiến-đê, Sơ-bình, năm 3*
Lữ-Bố giết Đồng-Trác.
- NB *Trọng-ai (Châuai) Thiên-hoàng, nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 14 của Nhật-bản.
- NK Hoàng-đế La-mã là Côn-mạc-đa (Commode) bị giết.
- 194, GIÁP-TUẤT
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 152*
TQ *Đông-Hán Hiến-đê, Hưng-bình, nguyên-niên*
Lưu-Bị quản lãnh Từ-châu.
- 195, ẤT-HỢI
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 153*
TQ *Đông-Hán Hiến-đê, Hưng-bình, năm 2*
Lý-Khôi đánh Quách-Tự cướp vua vào trong doanh.
- 196, BÍNH-TÝ
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 154*
TQ *Đông-Hán Hiến-đê, Kiên-an, nguyên-niên*
Duyệt châu mục Tào-Tháo dòi vua về đất Hứa và
tự làm Tư không.
- NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 10, Tích-thị
Nại-giải vương, nguyên-niên.
- 197, ĐINH-SỬU
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 155*
TQ *Đông-Hán Hiến-đê, Kiên-an, năm 2*
Viên-Thuật xưng-đế; Tào-Tháo đánh đuổi đi, hai
năm sau thì Thuật mất.
- 198, MẬU-DẦN
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 156*
TQ *Đông-Hán Hiến-đê, Kiên-an, năm 3*
Tào-Tháo đánh và giết Lữ-Bố. Tôn-Sách được phong
Ngô-hầu.
- 199, KỶ-MÃO
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 157*
TQ *Đông-Hán Hiến-đê, Kiên-an, năm 4*

- Lưu-Bị khởi binh ở Từ-châu đánh Tào-Tháo
- 200, CANH-THÌN
 VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 158*
 TQ *Đông-Hán Hiến-đế, Kiến-an, năm 5*
 Tôn-Sách mất, em là Tôn-Quyền nối ngôi, Viên-Thiệu đánh Tào-Tháo bị thua.
- 201, TÂN-TY
 VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 159*
 Nhà Hán dùng Trương-Tân làm thứ sử Giao-chỉ.
 TQ *Đông-Hán Hiến-đế, Kiến-an, năm 6*
 Lưu-Bị chạy về Kinh-châu, Tôn-Quyền giữ Thọ-xuân,
- 202, NHÂM-NGỌ
 VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 160*
 TQ *Đông-Hán Hiến-đế, Kiến-an, năm 7*
 Viên-Thiệu mất, con là Đàm thay thế thống lãnh.
 NB *Thần-công Hoàng-hậu (Jingo) nhiếp-chính, nguyên niên*
 Hoàng-hậu ấy là vị Thiên-hoàng thứ 15 của Nhật-bản.
 Nhật-bản học văn-tự Trung-quốc bắt đầu từ thời-đại Thần-công Hoàng-hậu.
- NK Giáo-đồ của Thiên-chúa giáo bị hại ở Ai-cập.
- 203, QUỶ-VỊ
 VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 161*
 TQ *Đông-Hán Hiến-đế, Kiến-an, năm 8*
 Tào-Tháo đánh Lưu-Biêu.
- 204, GIÁP-THÂN
 VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 162*
 TQ *Đông-Hán Hiến-đế, Kiến-an, năm 9*
 Tào-Tháo vào Nghiệp-đô tự lãnh chức Ký-châu mục,
- 205, ẤT-DẬU
 VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 163*
 TQ *Đông-Hán Hiến-đế, Kiến-an, năm 10*
 Tào-Tháo đánh Nam-Bì, chém Viên-Đàm.
- 207, ĐINH-HỢI
 VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 165*
 Nhà Hán dùng Sĩ-Nhiếp làm Tuy-nam Trung-lang, tướng trông nom 7 quận, rồi lại trao chức An-viễn tướng-quân, phong-tước Long-đệ Đình-hầu,
 TQ *Đông-Hán Hiến-đế, Kiến-an, năm 12*

- Lưu-Bị hội kiến Gia-cát-Lượng ở Long-trung.
- 208, MẬU-TÝ
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 166*
TQ *Đông-Hán Hiến-đề, Kiến-an, năm 13*
Tào-Tháo làm thừa-tướng. Tôn-quyền cả phá Tào-Tháo ở Xích-bích.
- 209, KỶ-SỬU
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 167*
TQ *Đông-Hán Hiến-đề, Kiến-an, năm 14*
Tôn-Quyền dâng biểu xin cho Lưu-Bị lãnh chức Kinh-châu mục.
- 210, CANH-DẦN
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 168*
Ngô-Tôn-Quyền dùng Bộ-Chất làm thứ-sử Giao-chỉ. Sĩ-Nhiếp sai con vào làm con tin ở Ngô, Ngô phong cho Sĩ-Nhiếp làm Long-biên hầu.
TQ *Đông-Hán Hiến-đề, Kiến-an, năm 15*
Tướng Ngô là Chu-Du mất, Lỗ-Túc thay thế.
- 211, TÂN-MÃO
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 169*
TQ *Đông-Hán Hiến-đề, Kiến-an, năm 16*
Tào-Tháo cho con là Tào-Phi làm phó Thừa-tướng.
NK Hoàng-đế La-mã Băng ở Bất-liệt-diên (Bretagne), Già-lặc-già-lạp (Caracalla) lên ngôi.
- 212, NHÂM-THÌN
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 170*
TQ *Đông-Hán Hiến-đề, Kiến-an, năm 17*
Tào-Tháo đánh Tôn-Quyền. Tuân-Úc làm chức thị-trung tự sát.
- 213, QUÝ-TY
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 171*
TQ *Đông-Hán Hiến-đề, Kiến-an, năm 18*
Tào-Tháo tự lập làm Ngụy-công.
NK La-mã đánh Kha-đức (Goths), rồi sang Cao-lư (Gaule).
- 214, GIÁP-NGO
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 172*
TQ *Đông-Hán Hiến-đề, Kiến-an, năm 19*
Lưu-Bị vào Thành-đô, tự lãnh chức Ích-châu mục.

- NK Ở Triều-tiên, nước Bách-tế, họ Cao đời thứ 6, Cừu
thủ vương nguyên-niên.
- 215, **ÂT-VỊ**
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 173*
TQ *Đông-Hán Hiến-đề, Kiên-an, năm 20*
Lập hoàng-hậu họ Tào. Lưu-Bị và Tôn-Quyền tranh
nhau đất Kinh-châu.
- 216 **BÍNH-THÂN**
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 174*
TQ *Đông-Hán Hiến-đề, Kiên-an, năm 21*
Tào-Tháo tự tiến làm Ngụy-vương.
- 217, **ĐINH-DẬU**
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 175*
TQ *Đông-Hán Hiến-đề, Kiên-an, năm 22*
Tôn-Quyền đầu hàng Tào-Tháo. Tướng Ngô là Lỗ-
Túc mất, Lữ-Mông thay thế.
NK Hoàng-đế La-mã bị giết; Mã-kim-na (Macrin) làm
hoàng-đế, hòa với nước An-túc (Arsace).
- 219, **ÂT-HỢI**
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 177*
TQ *Đông-Hán Hiến-đề, Kiên-an, năm 24*
Lưu-Bị xưng Hán-trung vương. Quan-Vũ mất.
- 220, **CANH-TÝ**
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 178*
TQ *Đông-Hán Hiến-đề, Kiên-an, năm 25*
Tào-Tháo mất. Tào-Phi (Văn-đế) được nhà Hán
nhường ngôi, cải nguyên là Hoàng-sơ.
- 221, **TÂN-SỬU**
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 179*
TQ *Hậu-Hán Chiêu-liệt, Chương-vũ, nguyên-niên*
Tên là Bị, tự là Huyền-đức, dòng-dõi Trung-sơn
Tĩnh-vương (con của Cảnh-đế), ở ngôi được 3 năm,
Dùng Gia-cát-Lượng làm thừa-tướng.
Ngô-Tôn-Quyền xưng Ngô-vương.
- 222, **NHÂM-DẪN**
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 180*
TQ *Hậu-Hán Chiêu-liệt, Chương-vũ, năm 2*
Chiêu-liệt-đế tiến quân ở Hao-dinh cự với Ngô.

223, QUÝ-MÃO

VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 181*

TQ *Hậu-Hán Chiêu-liệt, Chương-vũ, năm 3*

Chiêu-liệt-đế băng, Hậu-chúa tên Thiện nối ngôi, cải-nguyên là Kiến-hưng.

224, GIÁP-THÌN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 182*

TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Kiến-hưng, năm 2*

Tên là Thiện, con của Liệt-đế, ở ngôi được 41 năm, đầu hàng nhà Tấn, được phong làm An-lạc công.

225, ÂT-TỴ

VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 183*

TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Kiến-hưng, năm 3*

Già-cát-Lượng đánh Mạnh-Hoạch ở phương nam, bảy lần tha, bảy lần bắt lại.

226, BÌNH-NGỌ

VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 184*

Sĩ-Nhiếp mất, con tên Huy nối chức làm thái-thủ Giao-chỉ. Nhà Ngô chia Giao-châu, đặt ra Quảng-châu, dùng Lữ-Đại, Đái-Lương làm thứ-sử. Lữ-Đại dụ Sĩ-Huy mà giết đi; nhà Ngô cho Lữ-Đại làm Giao-châu mục.

TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Kiến-hưng, năm 4*

Nguy-Chúa Tào-Phi mất, con là Duệ lên ngôi.

Ngô-Tôn-Quyên, Hoàng-Vũ, năm 5.

NK Á - đạt - tiết - tây - tư (Ardaschir) diệt nước An - tức (Arsace), ấy là triều Tát-sơn (Sassanides) ở Ba-tư.

227, ĐINH-VỊ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 185*

TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Kiến-hưng, năm 5*

Nguy-chúa Duệ (Minh-đế), Thái-hòa, nguyên-niên.

NK Ở Triều-tiên, nước Cao-câu-ly, họ Cao đời thứ 11, Đông-xuyên vương, nguyên-niên.

228, MẬU-THÂN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 186*

TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Kiến-hưng, năm 6*

Già-cát-Lượng đánh Ngụy, Mã-Súc trái tiết độ thua ở Nhai-dinh.

229, KỶ-ĐẬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 187*

TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Kiến-hưng, năm 7*

Ngô-vương xưng đế, dời đô đến Kiến-nghiệp, cải
nguyên là Hoàng-long.

230, CANH-TUẤT

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 188*

TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Kiến-hưng, năm 8*

NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, dời thứ 11, Trợ-bôn
vương, nguyên-niên.

231, TÂN-HỢI

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 189*

TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Kiến-hưng, năm 9*

Gia-cát-Lượng đánh Ngụy, binh Ngụy thua to.

232, NHÂM-TÝ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 190*

TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Kiến-hưng, năm 10*

Ngô cải nguyên là Gia-hòa.

233, QUÝ-SỬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 191*

TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Kiến-hưng, năm 11*

Gia-cát-Lượng làm mộc-ngưu lưu-mã (trâu máy,
ngựa máy bằng gỗ) chở gạo đồn tập ở Tà-cốc-khẩu.
Ngụy-Văn-đế cải-nguyên là Thanh-long.

234, GIÁP-DẦN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, năm 192*

TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Kiến-hưng, năm 12*

Gia-cát-Lượng đồn quân ở Ngũ-trượng-nguyên và
mất trong quân.

NK Ở Triều-tiên, nước Bách-tế, họ Cao dời thứ 7,
Sa-bạn vương, nguyên-niên, lại là dời thứ 8, Cỗ-
nhĩ vương (Ko-i), nguyên niên.

235, ẤT-MÃO

VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 193*

TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Kiến-hưng, năm 13*

Quan Thượng-thư-lệnh Tưởng Uyển trông coi hết
việc nước.

237, ĐINH-TY

VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 195*

- TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Kiên-hưng, năm 15*
Cùng-tôn Uyên xưng vương, đánh Ngụy. Ngụy cải
nguyên là Cảnh-sơ.
- NK Ba-tur và La-mã giảng hòa.
- 238, MẬU-NGO
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 196*
TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Diên-hy, nguyên-niên*
Tư-mã Ý nhà Ngụy đánh Yên, giết vua Yên.
Ngô cải nguyên là Xích-ò.
- NK La-mã nội loạn, các vị lãnh-tự đều tranh nhau lên
ngôi.
Nữ-chúa Nhật-bản vào dâng cống-lễ cho nhà Ngụy
- 239, KỶ-VỊ
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 197*
TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Diên-hy, năm 2*
Ngụy-chúa Duệ mất.
- NK Hoàng-đế La-mã là Dục-đế (Gordien) lên ngôi.
- 240, CANH-THÂN
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 198*
TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Diên-hy, năm 3*
Ngụy - chúa Tào - Phương lên ngôi, cải nguyên là
Chinh-thủy. Ngụy sai sứ sang Nhật-bản.
- 241, TÂN-DẬU
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 199*
TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Diên-hy, năm 4*
Ngô đánh Ngụy không thắng.
- NK Vua Ba-tur Tát-phả (Sapor) lên ngôi, cùng tranh với
La-mã đất Á-mỹ-ni-á (Arménie).
- 243, QUỶ-HỢI
VN *Nội thuộc lần thứ 2, năm 201*
TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Diên-hy, năm 6*
Thục dùng Phi-Huy làm đại tướng-quân
- 244, GIÁP-TÝ thứ 53
VN *Nội thuộc lần thứ 2, nước Ngô, năm 202*
TQ *Hậu-Hán, Hậu-chúa, Diên-hy, năm 7*
Tào-Sảng đánh Thục không thành công.
- 245, ẤT-SỬU
VN *Nội thuộc lần thứ 2, nước Ngô, năm 203*
TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Diên-hy, năm 8*

- Thừa-tướng nước Ngô là Lục-Tồn mất.
- 246, **BÍNH-DẪN**
VN *Nội thuộc lần thứ 2, nước Ngô, năm 204*
TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Diên-hy, năm 9*
NK Quán-khâu Kiệm đánh nước Cao-câu-ly,
- 247, **ĐÌNH-MÃO**
VN *Nội thuộc lần thứ 2, nước Ngô, năm 205*
TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Diên-hy, năm 10*
NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 12 họ Tích, Triêm-giải vương, nguyên-niên.
- 248, **MẬU-THÌN**
VN *Nội thuộc lần thứ 2, nước Ngô, năm 206*
Ở Cửu-chân, Bà Triệu tụ hội đảng chúng đánh cướp quận huyện ; thứ-sử Lục-Dận đánh dẹp yên.
TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Diên-hy, năm 11*
Ngô, niên-hiệu Xích-ô, năm 11
NK Ở Triều-tiên, nước Cao-câu-ly, họ Cao đời thứ 12, Trung-xuyên vương, nguyên-niên.
- 249, **KỶ-TỰ**
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nước Ngô, năm 207*
TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Diên-hy, năm 12*
Nguy cải nguyên là Gia-bình
- 251, **TÂN-VỊ**
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nước Ngô, năm 209*
TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Diên-hy, năm 14*
Tư-mã Ý mất, con là Sư nối theo. Ngô cải nguyên là Thái-nguyên.
- 252, **NHÂM-THÂN**
VN *Nội thuộc lần thứ 2, nước Ngô, năm 210*
TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Diên-hy, năm 15*
Ngô-chúa là Quyền cải nguyên là Thần-phụng rồi mất ; con là Lượng lên ngôi, cải nguyên là Kiến-hưng.
NK Kha-đức (Goths) lại xâm-lăng La-mã.
- 254, **GIÁP-TUẤT**
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nước Ngô, năm 212*
TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Diên-hy, năm 17*
Nguy Tào-Mao lên ngôi, cải nguyên là Chính-nguyên.
Tư-mã Sư nước Ngụy thi-hành việc phế-lập.
Ngô cải nguyên là Ngũ-phụng.

- NK La-mã đưa vàng cho Kha-dức (Goths) để cầu hòa.
255, **ẤT-HỢI**
VN *Nội thuộc lần thứ 2, nước Ngô, năm 213*
TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Diên-hy, năm 18*
Tur-mã Sư phá Quán-khâu Kiêm.
- 256, **BÍNH-TÝ**
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nước Ngô, năm 214*
TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Diên-hy, năm 19*
Khương-Duy nước Thục đánh Ngụy thất lợi.
Ngụy cải nguyên là Cam-lộ.
Ngô cải nguyên là Thái-bình.
- NK Phật-lang-cơ, tức là Pháp-lan-tây (France), đánh Tây-ban-nha.
- 257, **ĐINH-SỬU**
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nước Ngô, năm 215*
TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Diên-hy, năm 20*
Khương-Duy ra Lạc-cốc.
- 258, **MẬU-DẦN**
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nước Ngô, năm 216*
TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Cảnh-diệu, nguyên-niên*
Ngô-Tôn-Sâm phế vua Lợng, lập Cảnh-đế, tên Hưu, cải nguyên là Vĩnh-an.
- NK Hoàng-đế La-mã thân chinh đánh Ba-tư.
- 260, **CANH-THÌN**
VN *Nội thuộc lần thứ 2, nước Ngô, năm 218*
TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Cảnh-diệu, năm 3*
Tur-mã Chiêu nước Ngụy thi vua, đón Tào-Hoán lập làm vua, cải nguyên là Cảnh-nguyên.
- NK Vua Ba-tư là Tát-phả (Sapor) bắt hoàng-đế La-mã là Duy-la-luân (Valerien).
- 261, **TÂN-TY**
VN *Nội thuộc lần thứ 2, nước Ngô, năm 219*
TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Cảnh-diệu, năm 4*
NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 13, họ Kim, Vị-trâu vương, nguyên-niên.
- 263, **QUÝ-VỊ**
VN *Nội thuộc lần thứ 2, nước Ngô, năm 221*
Viên lại Lữ-Hưng ở quận Giao-chỉ giết thái-thú Tôn-Tư, đem quận Giao-chỉ đầu hàng nước Ngụy.

- TQ *Hậu-Hán Hậu-chúa, Viêm-hung, nguyên-niên*
Ngụy sai Đặng-Ngải, Chung-Hội đánh Thục, Hậu-chúa ra hàng, nhà Hậu-Hán mất.
- 264, GIÁP-THÂN
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nước Ngô và Ngụy, năm 222*
Ngô lại chia Giao-châu đặt ra Quảng-châu. Ngụy dùng Lữ-Hưng làm An-nam tướng-quân coi sóc việc quân ở Giao-châu, dùng Hoắc-Dực cho lãnh chức thứ-sử Giao-châu.
- TQ *Ngụy Nguyên-đề, Hàm-hy, nguyên-niên.*
Họ Tào tên Hoán, cháu nội Tào Tháo, con của Yên-vương-vũ, sau nhường ngôi cho nhà Tấn.
Ngô-vương Tôn-Hạo, đặt niên-hiệu là Nguyên-hung.
- 265, ÂT-DẬU
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nước Ngô và Tấn, năm 223*
Tấn dùng Mã-Dung làm thái-thủ Giao-chỉ. Dung bị bệnh chết. Hoắc-Dực, Dương-Tắc thay thế.
- TQ *Tân Vũ-đề, Thái-thủy, nguyên-niên*
Họ Tư-mã, tên Viêm, con của Tấn-vương Chiêu, soán ngôi nhà Ngụy. ở ngôi được 25 năm. Được Ngụy nhường ngôi. Ngụy mất. Ngô cải-nguyên là Cam-lộ.
- 266, BÍNH-TUẤT
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nước Ngô và Tấn, năm 224*
TQ *Tân Vũ-đề, Thái-thủy, năm 2*
Ngô cải nguyên là Bảo-đỉnh.
- 268, MẬU-TÝ
VN *Nội thuộc lần thứ 2, nước Ngô và Tấn, năm 226*
TQ *Tân Vũ-đề, Thái-thủy, năm 4*
Ngô dùng Lưu-Tuấn làm thứ sử Giao-châu, đánh Dương-Tắc nhà Tấn ; Tắc phá Lưu-Tuấn ở Cồ-thành.
- 269, KỶ-SỬU
VN *Nội thuộc lần thứ 2, nước Ngô và Tấn, năm 227*
TQ *Tân Vũ-đề, Thái-thủy, năm 5*
Dương-Hựu coi sóc việc quân ở Kinh-châu. Ngô cải nguyên là Kiến-hoành.
- 270, CANH-DẦN
VN *Nội thuộc lần thứ 2, nước Ngô và Tấn, năm 228*
TQ *Tân Vũ-đề, Thái-thủy, năm 6*

Đánh Tiên-ly Thụ-cơ-năng.

NB *Ứng-thần Thiên-hoàng (Ojin), nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 15 của Nhật-bản.

NK Hoàng-đế La-mã Áo-liệt-luân (Aurélien) lên ngôi.
Ở Triều-tiên, nước Cao-câu-ly, họ Cao đòi thứ
13, Tây-xuyền vương.

271, TÂN-MÃO

VN *Nội thuộc lần thứ 2, nước Ngô và Tần, năm 229*
Đào-Hoàng nước Ngô đánh Dương-Tắc nước Tấn,
bắt được Dương-Tắc, lấy lại Giao-chỉ, chia đất ấy
làm Tân-xương quận. Ngô dùng Đào-hoàng làm
thứ-sử coi sóc hết việc quân ở Giao-châu.

TQ *Tân Vũ-đề, Thái-thủy, năm 7*

272, NHÂM-NHÌN

VN *Nội Thuộc lần thứ 2, nước Ngô và Tần, năm 230*

TQ *Tân Vũ-đề, Thái-thủy, năm 8*
Ngô cải nguyên là Phụng-hoàng.

275, ÂT-VỊ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nước Ngô và Tần, năm 233*

TQ *Tân Vũ-đề, Hàm-ninh, nguyên-niên*
Ngô cải nguyên là Thiên-sách.

NK Hoàng-đế La-mã Áo-liệt-luân (Aurélien) bị giết ;
Thái-sĩ-đạt (Tacite) lên ngôi.

276, BÍNH-THÂN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nước Ngô và Tần, năm 234*

TQ *Tân Vũ-đề, Hàm-ninh, năm 2*
Ngô cải nguyên là Thiên-lý.

277, ĐINH-DẬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nước Ngô và Tần, năm 235*

TQ *Tân Vũ-đề, Hàm-ninh, năm 3*
Ngô cải nguyên là Thiên-kỷ.

280, CANH-TÝ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 238*
Giao-châu mục nước Ngô là Đào-Hoàng đầu hàng
nhà Tần, Tấn phục nguyên chức.

TQ *Tân Vũ-đề, Thái-khang, nguyên-niên*
Nhà Ngô mất ; bãi binh ở châu quận.

281, TÂN-SỬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 239*

- TQ *Tân Vũ-đê, Thái-khang, năm 2*
Mộ-dung Thiệp-Quy, giống Tiên-ty, cướp phá Xương-lê.
- 284, GIÁP-THÌN
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 242*
TQ *Tân Vũ-đê, Thái-khang, năm 5*
NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 14, họ Tích, Nho-lễ vương, nguyên-niên.
- 286, BÍNH-NGỌ
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 244*
TQ *Tân Vũ-đê, Thái-khang, năm 7*
NK Ở Triều-tiên, nước Bách-tế, đời thứ 9, Trách-kê vương, nguyên-niên.
- 289, KỶ-DẬU
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 247*
TQ *Tân Vũ-đê, Thái-khang, năm 10*
Mộ-dung Ngỗi đầu hàng, được làm Tiên-ty đô-đốc.
- 290, CANH-TUẤT
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 248*
TQ *Tân Huệ-đê, Vinh-hy, nguyên niên*
- 291, TÂN-HỢI
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 249*
TQ *Tân Huệ-đê, Nguyên-khang, nguyên-niên*
Giả-Hậu phế Dương-thái-hậu, giết quan thái-phó Dương-Tuấn.
- 292, NHÂM-TÝ
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 250*
TQ *Tân Huệ-đê, Nguyên-khang, năm 2*
NK Ở Triều-tiên, nước Cao-câu-ly, họ Cao đời thứ 10, Phong-thượng vương, nguyên-niên.
- 296, BÍNH-THÌN
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 254*
TQ *Tân Huệ-đê, Nguyên-khang, năm 6*
Tề Vạn-niên và rợ Khương rợ Hồ làm phản.
- 297, ĐINH-TÝ
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 255*
TQ *Tân Huệ-đê, Nguyên-khang, năm 7.*
Chu-Xử đánh Tề-Vạn-niên, thua trận mà chết.

298, MAU-NGO

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 256*

TQ *Tân Huệ-đề, Nguyên-khang, năm 8*

Sai Mạnh-Quan đánh Tề Vạn-niên.

NK Ở Triều-tiên, nước Bách-tế, đời thứ 10, Phần-tây vương, nguyên-niên ; nước Tân-la, đời thứ 15, họ Tích, Cơ-lâm vương, nguyên-niên.

299, KỶ-VỊ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, 257*

TQ *Tân Huệ-đề, Nguyên-khang, năm 9*

Giả-hậu phế thái-tử và năm sau giết chết, lại giết Nhữ-nam vương là Lược.

300, CANH-THÂN

VN *Nội thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 258*

TQ *Tân Huệ-đề, Vĩnh-khang, nguyên-niên*

Triệu-vương là Luân dấy binh phế Giả-hậu và giết chết.

NK Ở Triều-tiên, nước Cao-câu-ly, họ Cao đời thứ 15, Mỹ-xuyên vương, nguyên-niên.

301, TÂN-DẬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần : năm 259*

TQ *Tân Huệ-đề, Vĩnh-ninh, nguyên-niên*

Triệu-vương tự xưng hoàng-đế, Tề-vương Quýnh dấy binh giết Triệu-vương.

302, NHÂM-TUẤT

VN *Nội thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 260*

TQ *Tân Huệ-đề, Thái-an, nguyên-niên*

Hà-gian vương dấy binh. Trường-sa vương giết Tề-vương.

303, QUÝ-HỢI

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 261*

TQ *Tân Huệ-đề, Thái-an, năm 2*

Thành-dồ Hà-gian vương cử binh. Năm sau Đông-hải vương giết Trường-sa vương.

304, GIÁP-TÝ thứ 54

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 262*

TQ *Tân Huệ-đề, Vĩnh-hưng, nguyên-niên*

Lưu-Uyên xưng là Đại Thiển-vu, dựng nước gọi là

Hàn, đặt niên-hiệu là Nguyên-hy. Lý-Hùng xưng vương ở đất Thục, đặt niên-hiệu là Kiến-hưng.

NK Đái-khắc-lý-liên [Dioclétien] và Mã-tây-man (Maximien) cùng thoái-vị [La-mã].

Ở Triều-liên, nước Bách-tế, Họ Cao đòi thứ 11, Tự lưu vương, nguyên-niên.

305, ẤT-SỬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 263*

TQ *Tần Huệ-đề, Vĩnh-hưng, năm 2*

Thành-đô vương giữ Lạc-dương năm sau bại trận mà chết.

NK Ở La-mã, Cát-lạc-lý [Constance Chlore] và Quân-sĩ-thần [Constant] cùng làm hoàng-đế.

306, BÍNH-DẪN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 264*

TQ *Tần Huệ-đề, Quang-hy, nguyên-niên*

Đông-hải vương làm Thái-phó, Hà-gian vương bị giết. Ở Thục, Lý-Hùng cải-nguyên là Ấn-bình.

NK Quân-sĩ-thần [Constant] bình mà chết, con là Quân-sĩ-thần-đỉnh [Constantin] làm phó-đế.

307 ĐÌNH-MÃO

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 265*

TQ *Tần Hoài-đề, Vĩnh-gia, nguyên-niên*

Tên là Xí, con thứ 25 của vua Tấn Vũ-đế, lúc Huệ-đề lên ngôi, làm Hoàng-thái-đệ, ở ngôi được 6 năm. Lang-da vương là Duệ đồ đốc việc quân ở Dương-châu.

308, MẬU-THÌN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 266*

TQ *Tần Hoài-đề, Vĩnh-gia, năm 2*

Hán Lưu-Uyên cải nguyên là Vĩnh-phụng.

NK Quân-sĩ-thần-đỉnh [Constantin] và Mã-tây-minh [Maximien] cùng làm hoàng-đế; La-mã.

309, KỶ-TỴ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 267*

TQ *Tần Hoài-đề, Vĩnh-gia, năm 3*

Hán đóng đô ở Bình-dương và đánh cướp Lạc-dương. Hán Lưu-Uyên lại cải nguyên là Hà-thụy.

310, CANH-NGỌ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 268*

TQ *Tần Hoài-đề, Vinh-gia, năm 4*

Hán Liệt-tông (Lư-Thông), Quang-hưng, nguyên-niên.

311, TÂN-VỊ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 269*

TQ *Tần Hoài-đề, Vinh-gia, năm 5*

Binh Hán hãm thành Lạc-dương, vua bị cầm tù. Lý-Hùng ở Thục lại cải nguyên là Ngọc-hoành.

NK Ở Triệu-tiên, nước Tân-la, đời thứ 16, họ Tích, Ngất-giải vương, nguyên-niên.

312, NHÂM-THÂN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 270*

TQ *Tần Hoài-đề, Vinh-gia, năm 6*

Bọn Tư-không Tuân-Phiên thờ Tần-vương ở Trường-an.

313, QUÝ-DẬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 271*

TQ *Tần Mẫn-đề, Kiên-hưng, nguyên-niên*

Tên là Nghiệp, con của Ngô-hiếu vương Án (con Tấn Vũ-đế), ở ngôi được 4 năm. Hoài-đế bị hại.

314, GIÁP-TUẤT

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 272*

TQ *Tần Mẫn-đề, Kiên-hưng, năm 2*

Thạch-Lặc lấy U-châu. Trương-Ủy làm Lương-châu mục.

NB *Nhân-đức Thiên-hoàng (Nintoku), nguyên-niên*

Vị Thiên-hoàng thứ 16 của Nhật-bản.

316, BÍNH-TÝ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 274*

TQ *Tần Mẫn-đề, Kiên-hưng, năm 4*

Thạch-Lặc lấy Tinh-châu. Hán Lư-Diệu hãm Trường-an, vua ra đầu hàng.

317, ĐINH-SỬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 275*

TQ *Tần Nguyên-đề, Kiên-vũ, nguyên-niên*

Tên là Duệ, tăng tôn của Lang-da vương Trụ (con Tư-mã-Ý), ở ngôi được 6 năm. Lang-da vương Duệ xưng là Tấn-vương, năm sau lên ngôi hoàng-đế.

318, MẬU-DẪN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 276*

Tấn xuống chiếu gia chức cho Quảng-châu thứ-sử Đào Khản coi hết việc quân ở Giao-châu.

TQ *Tần Nguyên-đế, Đại-hung, nguyên-niên*

Hán Lưu-Diệu, Quang-sơ, nguyên niên.

NK Ở Ấn-độ, Kế-nhiều đệ vương (Tchandra) dựng nên triều Cáp-đa (Goupta).

319, KỶ-MÃO

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 277*

TQ *Tần Nguyên-đế, Đại-hung, năm 2*

Thạch-Lặc xưng là Triệu-vương. Hán cải hiệu là Triệu và dời đô ra Trường-an.

322, NHÂM-NGỌ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 280*

TQ *Tần Nguyên-đế, Vĩnh-xương, nguyên niên.*

Vương-Đôn làm phản ; vua xuống chiếu dùng Đôn làm thừa-tướng. Vua vì ưu sầu mà băng.

323, QUỲ-VỊ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 281*

Lương-Thạch đánh giết thứ-sử Vương-Lượng ; Đào-Khản khiển binh đánh và chém được Thạch. Nhà Tấn cho Khản lãnh chức thứ-sử Giao-châu.

TQ *Tần Minh-đế, Thái-ninh, nguyên-niên*

Tên là Thiệu, con của Tấn Nguyên-đế, ở ngôi được 3 năm. Vương-Đạo làm quan tư-đồ, Dĩ-Lượng làm quan trung-thư-lệnh.

NK Quân-sĩ-thần-đỉnh (Constantin) thống-nhất đông tây La-mã.

324, GIÁP-THÂN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 282*

TQ *Tần Minh-đế, Thái-ninh, năm 2*

Vương-Đôn lại làm phản, vua thân-chinh, Đôn bệnh mà chết.

325, ẤT-DẬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 283*

TQ *Tần Minh-đế, Thái-ninh, năm 3*

Đào-Khản làm đô-đốc châu Kinh, châu Tương.

NK La-mã mở tông-giáo-hội (concile œcuménique).

326, BÍNH-TUẤT

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 284*

TQ *Tần Thành-đề, Hàm-hòa, nguyên niên*

Tên là Diễn, con của Tấn Minh-đế, ở ngôi được 17 năm. Ôn-Kiệu làm đô-đốc Giang-châu.

328, MẬU-TỶ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 286*

TQ *Tần Thành-đề, Hàm-hòa, năm 3*

Kinh-đô Kiến-khang bị hãm. Thạch-Lặc phá và bắt Lưu-Diệu.

329, KỶ-SỬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 287*

TQ *Tần Thành-đề, Hàm-hòa, năm 4*

Thạch-Hồ diệt Tiền-Triệu.

330, CANH-DẦN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 288*

TQ *Tần Thành-đề, Hàm-hòa, năm 5*

Triệu Thạch-Lặc xưng đế.

NK Hoàng-đế La-mã dời đô về Bái-chiêm-dinh (Byzance) gọi là thành Quân-sĩ-thản-dinh (Constantinople).

331, TÂN-MÃO

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 289*

TQ *Tần Thành-đề, Hàm-hòa, năm 6*

NK Ở Triều-tiên, nước Cao-câu-ly, họ Cao dời thứ 16, Cổ-quốc Nguyên-vương, nguyên-niên.

333, QUỶ-TỶ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 291*

TQ *Tần Thành-đề, Hàm-hòa, năm 8*

Thạch-Lặc chết, con là Hoảng nối ngôi, năm sau Thạch-Hồ soán vị. Ở Thục, Lý-Ban kế-vị.

334, GIÁP-NGỌ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 292*

TQ *Tần Thành-đề, Hàm-hòa, năm 9.*

Ở Thục, Lý-Kỳ nối ngôi.

335, ẤT-VỊ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 293*

TQ *Tần Thành-đề, Hàm-khang, nguyên-niên*

Thạch-Hồ dời đô sang đất Nghiệp. Thục cải nguyên là Ngọc-hăng.

337, ĐINH-DẬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 295*

TQ *Tân Thành-đề, Hàm-khang, năm 3*

Mộ-dung Hoảng xưng Yên-vương.

NK Hoàng-đế La-mã là Quân-sĩ-thần-dinh (Constantin) băng, 3 người con chia ra mà trị nước mỗi vị đều xưng đế.

338, MẬU-TUẤT

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 296*

TQ *Tân Thành-đề, Hàm-khang, năm 4*

Ở Thục, Lý-Thọ soạn ngôi, cải hiệu là Hán, đặt niên-hiệu là Hán-hưng.

342, NHÂM-DẪN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 300*

TQ *Tân Thành-đề, Hàm-khang, năm 8*

Yên-vương đánh Cao-ly, hãm kinh-đô của Cao-ly.

343, QUÝ-MÃO

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 301*

TQ *Tân Khang-đề, Kiến-nguyên, nguyên-niên*

Tên là Nhạc, con của Tấn Minh-đế, ở ngôi được 2 năm. Dũ-Dục làm Quân-sư Đô-đốc, mưu đồ Trung-nguyên.

344, GIÁP-THÌN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 302*

TQ *Tân Khang-đề, Kiến-nguyên, năm 2*

Ở Thục-Hán, Lý-Thế kế vị, đặt niên-hiệu là Thái-hòa.

NK Ở Triều-tiên, nước Bách-Tế, đời thời 12, Khiết-vương, nguyên-niên.

345, ẤT-SỬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 303*

TQ *Tân Mục-đề, Vĩnh-hòa, nguyên-niên*

Tên là Đàm, con của Tấn Khang-đế, ở ngôi được 17 năm. Dũ-Dục mất, Hoàn-Ọn thay thế.

346, BÍNH-NGỌ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 304*

TQ *Tân Mục-đề, Vĩnh-hòa, năm 2*

Ở Thục-Hán. Lý-Thế cải nguyên là Gia-ninh.

- NK Ở Triều-tiên, nước Bách-tế, họ Cao đời thứ 13, Cậ-tiểu Cổ vương, nguyên-niên.
- 347, ĐINH-VỊ
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 305*
TQ *Tần Mục-đề, Vinh-hòa, năm 3*
Hoàn-Ôn đánh lấy Thục.
- 349, KỶ-DẬU
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 307*
TQ *Tần Mục-đề, Vinh-hòa, năm 5*
Thạch-Hồ mất, các con tranh ngôi. Tiễn-Yên Mộ-dung Huê dấy lên.
- 350, CANH-TUẤT
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 308*
TQ *Tần Mục-đề, Vinh-hòa, năm 6*
Nhiêm-Mẫn xưng là Ngụy-đế, Thạch-Kỳ xưng là Triệu-đế, năm sau đều thua.
- 351, TÂN-HỢI
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 309*
TQ *Tần Mục-đề, Vinh-hòa, năm 7*
Phù-Kiến xưng là Tần-thiên vương. Triệu mất.
- 352, NHÂM-TÝ
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 310*
TQ *Tần Mục-đề, Vinh-hòa, năm 8*
Tạ-Thượng đánh Tần bị thua. Yên-vương xưng đế, đóng đô ở đất Nghiệp.
- 353, QUỶ-SỬU
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 311*
Thứ-sử Giao-châu Nguyễn-Phu đánh vua Lâm-ấp Phạm-Phật và phá được.
TQ *Tần Mục-đề, Vinh-hòa, năm 9*
Ân-Hạo đánh Tần Diêu-Tương, đem quân trở về bị thua to.
- NK Quân - sĩ - thần - đồ (Constance) giết Mã - ninh - tát (Magnence), La-mã lại thống nhất.
- 354, GIÁP-DẦN
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 312*
TQ *Tần Mục-đề, Vinh-hòa, năm 10*
Hoàn-Ôn đánh phía bắc cả thắng quân Tần.

355, **ẤT-MÃO**

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 313*

TQ *Tần Mục-đề, Vinh-hòa, năm 11*

Tần Phù-Sinh kế vị.

356, **BÍNH-THÌN**

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 314*

TQ *Tần Mục-đề, Vinh-hòa, năm 12*

NK Ở Triều-tiên, nước Tần-la, đời thứ 17 họ Kim, Nại-vật vương, nguyên-niên.

357, **ĐINH-TỴ**

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 315*

TQ *Tần Mục-đề, Thăng-bình, nguyên-niên*

Tần Phù-Kiên soạn vị, Diêu-Trường đầu hàng Tần.

NK Hoàng-đế La-mã Chu-lý-an (Julien) đánh Nhật-nhĩ-man (Germanie).

360, **CANH-THÂN**

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 318*

TQ *Tần Mục-đề, Thăng-bình, năm 4*

Tiền-Yên Mộ-dung Thùy kế vị.

362, **NHÂM-TUẤT**

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 320*

TQ *Tần Ai-đề, Long-hòa, nguyên-niên*

Tên là Phi, con của Tấn Thành-đế, ở ngôi được 4 năm. Yên đánh Lạc-Dương, Hoàn-Ôn khiển binh đến cứu.

NK Hoàng-đế La-mã Chu-lý-an (Julien) đánh Ba-tư, không thắng lợi, năm sau lại đi đánh nữa, Hoàng-đế thua và mất.

363, **QUỖY-HỢI**

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 321*

TQ *Tần Ai-đề, Hưng-ninh, nguyên-niên*

Hoàn-Ôn thêm chức Tư-mã, lãnh việc Thượng-thư.

NK Hoàng-đế La-mã Chu-duy-an (Jovien) giảng-hòa với Ba-tư.

364, **GIÁP-TỬ thứ 55**

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 322*

TQ *Tần Ai-đề, Hưng-ninh, năm 2*

366, **BÍNH-DẪN**

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 324*

- TQ *Tân phê-đê, Thái-hòa, nguyên-niên*
Tên là/Dịch, con của Tấn Thành-đế, ở ngôi được 5 năm, bị Hoàn-Ôn phế, Cối-kê vương là Dục làm thừa-tướng.
- 369, KỶ-TỶ
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 327*
TQ *Tân Phê-đê, Thái-hòa, năm 4*
Hoàn-Ôn đánh Yên bị Mộ-dung Thùý phá ở Phương-dầu.
- 370, CANH-NGỌ
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 328*
TQ *Tân Phê-đê, Thái-hòa, năm 5*
Tân-đế tự đi đánh và diệt nước Yên.
NK Tát-khắc-sâm (Saxons) thêm cường-thịnh, xâm-lãng La-mã.
- 371, TÂN-VỊ
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 329*
TQ *Tân Giản-văn-đê, Hàm-an, nguyên-niên*
Tên là Dục, con của Tấn Nguyên-đế, ở ngôi được 2 năm.
NK Ở Triều-tiên, nước Cao-câu-ly, họ Cao đòi thứ 17, Thù-lam vương, nguyên-niên.
- 373, QUỶ VỊ
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 331*
TQ *Tân Hiều-vũ-đê, Khang-ninh, nguyên-niên*
Tên là Diệu, con của Giản-văn-đế, ở ngôi được 24 năm. Nước Cao-câu-ly châu ở Tân. Phật pháp bắt đầu từ Trung-quốc truyền vào Tam-hàn.
- 374, GIÁP-TUẤT
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 332*
TQ *Tân Hiều-vũ-đê, Khang-ninh, năm 2*
NK Hung-nô chinh-phục A-lan-liêu.
- 375, ẤT-HỢI
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 333*
TQ *Tân Hiều-vũ-đê, Khang-ninh, năm 3*
NK Hung-nô chinh-phục Nhật-nhĩ-man, người Nhật-nhĩ-man thua vỡ, dời đi nơi khác.
Ở Triều-tiên, nước Bạch-lẽ, đòi thứ 14, Cậ-cừ Thử-vương, nguyên-niên.

376, BÌNH-TỶ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 334*

TQ *Tần Hiều-vũ-đề, Thái-nguyên, nguyên-niên*
Nước Lương, nước Đại mất.

NK Hung-nô vào Hung-gia-lợi.

380, CANH-THÌN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 338*

Thái-thú Cửu-chân là Lý-Tồn giữ châu làm phản.

TQ *Tần Hiều Vũ-đề, Thái-nguyên, năm 5*

381, TÂN-TỶ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 339*

Thái-thú Giao chỉ Đổ-Viện đánh Tồn và dẹp yên.

TQ *Tần Hiều-vũ-đề, Thái-nguyên, năm 6*

383, QUỲ-VỊ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 341*

TQ *Tần Hiều-vũ-đề, Thái-nguyên, năm 8*
Tần cử đại binh đến cướp, bị Tạ-Huyền cả phá ở Phi-thủy.

384, GIÁP-THÂN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 342*

TQ *Tần Hiều-vũ-đề, Thái-nguyên, năm 9*
Mộ-dung Thùy xưng Yên-vương. Diêu-Trường xưng Tần-vương.

NK Ở Triều-tiên, nước Bách-tế, đời thứ 15, Chăm-lưu-vương, nguyên niên.

Nước Cao-câu-ly, họ Cao đời thứ 18, Cố-quốc Nhượng-vương, nguyên niên.

385, ÂT-DẬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 343*

TQ *Tần Hiều-vũ-đề, Thái-nguyên, năm 10*
Tạ-An mất. Tần Tuyên-chiêu-đế là Kiên bị giết, con là Phi nối ngôi.

NK Ở Triều-tiên, nước Bách-tế, đời thứ 16, Thần-tư-vương, nguyên niên.

386, BÌNH-TUẤT

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 344*

TQ *Tần Hiều-vũ-đề, Thái-nguyên, năm 11*
Nguy Đạo-vũ-đế là Thác-bạc Khuê, niên-hiệu Đãng-quốc, nguyên niên.

Hậu-Yên, Hậu-Tần đều xưng đế.

389, KỶ-SỬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 347*

TQ *Tân Hiếu-vũ-đề, Thái-nguyên, năm 14*

Lữ-Quang xưng Lương-đế, ấy là Hậu-Lương

392, NHÂM-THÌN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 350*

TQ *Tân Hiếu-vũ-đề, Thái-nguyên, năm 17*

NK Ở Triều-tiên, nước Bách-lế, đời thứ 17, A-sản
vương nguyên niên.

Nước Cao-câu-ly, họ Cao đời thứ 19, Quảng-khai
Thổ-vương, nguyên niên

393, QUỲ-Từ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 351*

TQ *Tân Hiếu-vũ-đề, Thái-nguyên, năm 18*

Hậu-Tần Vũ-chiêu đế là Trường mất, con là
Hưng nối ngôi.

394, GIÁP-NGỌ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 352*

TQ *Tân Hiếu Vũ-đề, Thái-nguyên, năm 19*

Tiền-Tần, Tây-Yên đều mất.

NK Địch-áo-da (Théodose) đại-đế thống nhất đông tây,
năm sau thì mất, 2 con chia ra lên ngôi. La-mã
vĩnh-viễn chia ra Đông, Tây hai nước.

396, BÍNH-THÂN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 354*

TQ *Tân Hiếu Vũ-đề, Thái-nguyên, năm 21*

Hậu-Yên Thành-vũ-đế là Thù mất, con là Bảo nối
ngôi.

397, ĐINH-DẬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 355*

TQ *Tân An-đề, Long-an, nguyên-niên*

Tên là Đức-Tôn, con Tấn Hiếu-vũ-đế, ở ngôi được
22 năm.

Nam-Lương và Bắc-Lương dựng nước.

398, MẬU-TUẤT

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 356*

TQ *Tân An-đề, Long-an, năm 2*

Vương-Cung, Ân-Trọng-Kham, Hoàn-Huyền làm phản. Ngụy bắt đầu xưng đế.

399, KỶ-HỢI

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, 357*

Vua Lâm-ấp là Phạm Hồ-Đạt vào cướp, bị Đổ-Viện phá vỡ ; nhà Tần lên chức chò Đổ-Viện làm Giao-châu thứ-sử.

TQ *Tần An-đề, Long-an, năm 3*

Hoàn-Huyền giết Ân-Trọng-Kham.

440, CANH-TÝ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 358*

TQ *Tần An-đề, Long-an, năm 4*

Tây-Lương dựng nước.

NB *Lý-Trung Thiên-hoàng (Richū). nguyên-niên*

Vị Thiên-hoàng thứ 17 của Nhật-bản.

402, NHÂM-DẪN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 360*

TQ *Tần An-đề, Nguyên-hưng, nguyên-niên*

Hoàn-Huyền giết Cối-kê vương là Đạo-Tử.

NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 18 họ Kim,

Thực-thánh vương, nguyên-niên.

403, QUÝ-MÃO

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 361*

TQ *Tần An-đề, Nguyên-hưng, năm 2*

Hoàn-Huyền xưng Sở-vương. Hậu-Lương mất.

404, GIÁP-THÌN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 362*

TQ *Tần An-đề, Nguyên-hưng, năm 3*

Lưu-Dụ dấy binh đánh Hoàn-Huyền, Hoàn-Huyền thua chạy và chết.

405, ẤT-TÝ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 363*

TQ *Tần An-đề, Nghĩa-hy, nguyên-niên*

Vua trở về Kiến-khang.

NK Ở Triều-tiên, nước Bách-tế, đời thứ 18, Thiển-chi-vương, nguyên-niên.

406, BÍNH-NGỌ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 364*

- TQ *Tân An-đê, Nghĩa-hy, năm 2*
NB *Phản-chính (Hanshō) Thiên-hoàng, nguyên-niên.*
Vị Thiên-hoàng thứ 18 của Nhật-bản.
- 107, ĐÌNH-VỊ
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 365*
TQ *Tân An-đê, Nghĩa-hy, năm 3*
Hạ dựng nước, ấy là Thế-tổ Vũ-liệt-đế Hách-liên Bột-bột.
- 109, KỶ-DẬU
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 367*
TQ *Tân An-đê, Nghĩa-hy, năm 5*
Ngụy Minh-nguyên-đế, Vĩnh-hưng, nguyên-niên.
Tây-Tần dựng nước.
- 110, CANH-TUẤT
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 368*
TQ *Tân An-đê, Nghĩa-hy, năm 6*
Nam-Yên mất.
- 111, TÂN-HỢI
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 369*
Nghịch-tặc của nhà Tấn là Lư-Tuần chạy sang Giao-châu bị quan thứ-sử Đồ-Tuệ-Độ đánh giết.
TQ *Tân An-đê, Nghĩa-hy, năm 7*
- 112, NHÂM-TÝ
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 370*
TQ *Tân An-đê, Nghĩa-hy, năm 8*
Đánh Thục. Lưu-Dụ giết Đồ-độc Kinh-châu Lưu-Nghị.
NB *Doãn-cung (Inkyo) Thiên-hoàng, nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 19 của Nhật-bản.
- 113, QUÝ-SỬU
NV *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tấn, năm 371*
Đồ-Tuệ-Độ đánh phá Lâm-ấp.
TQ *Tân An-đê, Nghĩa-hy, năm 9*
Chu Linh-Thạch phá Thục, Tiệu-Tung thua chạy mà chết.
NK Vương-quốc của giống Bô-căn-đê (Burgondes) sáng lập.
Ở Triều-tiên, nước Cao-câu-ly, họ Cao đời thứ 20, Trường-thọ-vương, nguyên-niên.

414, GIÁP-DẪN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 372*

TQ *Tần An-đê, Nghĩa-hy, năm 10*

Nam-Lương mất.

416, BÍNH-THÌN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 374*

TQ *Tần An-đê, Nghĩa-hy, năm 12*

Lưu-Dụ thu-phục Lạc-dương. Hậu-Tần Văn-Hoàn-đế là Hung mất, nước loạn.

417, ĐINH-TỶ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 375*

TQ *Tần An-đê, Nghĩa-hy, năm 13*

Lưu-Dụ cử đại binh đánh Tần, Hậu-Tần mất.

NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 19, họ Kim, Nột-kỳ vương, nguyên-niên.

418, MẬU-NGO

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 376*

TQ *Tần An-đê, Nghĩa-hy, năm 14*

Lưu-Dụ thi vua. Hạ-vương lấy Trường-an.

419, KỶ-VỊ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tần, năm 377*

TQ *Tần Cung-đê, Nguyên-hy, nguyên-niên*

Lưu-Dụ làm Tống-vương, năm sau được nhường ngôi.

Tấn Cung-đế tên là Đức, con của Văn-hiếu-vũ-đế, ở ngôi được 2 năm thì bị Lưu-Dụ soán ngôi.

420, CANH-THÂN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 378*

Đỗ-Tuệ-Độ cả phá Lâm-ấp và khiến đầu hàng.

TQ *Tống Vũ-đê, Vĩnh-sơ, nguyên-niên*

Họ Lưu tên Dụ, dòng-dõi Hán-Sở Nguyên-vương, làm quan cho nhà Tấn, được phong Tống-vương, lại được nhường ngôi, lên ngôi được 3 năm.

NK Đông La-mã đánh nhau với Ba-tư.

Ở Triều-tiên, nước Bách-tế, đời thứ 19, Cửu-nhĩ Tân-vương, nguyên-niên

421, TÂN-DẬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 379*

TQ *Tống Vũ-đê, Vĩnh-sơ, năm 2*

- Tây-Lương mất. Giết Tấn Cung-đế.
- 422, NHÂM-TUẤT
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 380*
TQ *Tống Vũ-đề, Vinh-sơ, năm 3*
Vua băng. Từ-Tiện-Chi, Phó-Lượng và Tạ-Hối phụ-chính.
NK Đông La-mã lập điều ước với Ba-tư, mỗi năm nạp lễ cống.
- 423, QUỶ-HỢI
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 381*
TQ *Tống Phê-đề, Cảnh-bình, nguyên-niên.*
Tên là Nghĩa-Phù, con của Tống-vũ-đế ở ngôi được 2 năm, năm sau bọn Tiễn-Chi thi-hành việc phế-lập.
- 424, GIÁP-TÝ thứ 56
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 382*
TQ *Tống Văn-đề, Nguyên-gia, nguyên-niên*
Tên là Nghĩa-Long, con của Tống Vũ-đế, ở ngôi được 30 năm.
Ngụy Thái-vũ đế, niên-hiệu Thủy-nguyên, nguyên-niên.
- 427, ĐINH-MÃO
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 385*
Nhà Tống dùng Vương-Huy làm thứ-sử.
TQ *Tống Văn-đề, Nguyên-gia, năm 4*
NK Ở Triều-tiên, nước Bách-tế, đời thứ 20, Tỳ-hữu vương, nguyên-niên.
- 428, MẬU-THÌN
VN *Nội-thuộc thứ 2, nhà Tống, năm 386*
TQ *Tống Văn-đề, Nguyên-gia, năm 5*
Ngụy bắt giữ chúa nhà Hạ, nhà Hạ lập vua mới.
- 429, KỶ-TY
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 387*
TQ *Tống Văn-đề, Nguyên-gia, năm 6*
Ngụy đánh giống Nhu-nhiên, hàng phục được giống Đinh-linh và Cao-xa.
NK Vua giống Vạn-đạt (Vandales) là Kim-tây-lợi (Genséric) dựng nước ở A-phi-lợi-gia (Afrique).
- 430, CANH-NGO
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 388*

- TQ *Tông Văn-đề, Nguyên-gia, năm 7*
Đàn-Đạo-Tế đánh Ngụy lấy Hà-nam.
- NK Hung-nô xâm-lãng Ba-tư.
- 431 TÂN-VỊ
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 389*
Vua Lâm-ấp là Phạm-Dương-Mại cướp phá Cửu-chân. Thù-sử Giao-Châu Nguyễn-Di-Chi đánh không thắng-lợi, đem quân về.
- TQ *Tông Văn-đề, Nguyên-gia, năm 8*
Tây-Tần và Hạ cùng đầu hàng nhà Ngụy.
433. QUỶ-DẬU
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 391*
Vua Lâm-ấp là Dương-Mại sai sứ sang nhà Tống xin lãnh cai-trị đất Giao-châu mà không được.
- TQ *Tông Văn-đề, Nguyên-gia, năm 10*
436. BÍNH-TỶ
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 394*
TQ *Tông Văn-đề, Nguyên-gia, năm 13*
Giết Đàn-Đạo-Tế, Ngụy đánh Yên, chúa nước Yên chạy sang Cao-ly.
- NK Ở Ấn-độ triều An-đạt-la (Andhra) mất.
- 439, KỶ-MÃO
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 397*
TQ *Tông Văn-đề, Nguyên-gia, năm 16*
Bắc-Lương đầu hàng nhà Ngụy. Thiên-hạ chỉ còn lại hai triều Tống và Ngụy.
- NK Vua giống Vạn-đạt (Vandales) cướp phá La-mã.
- 442, NHÂM-NGỌ
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 400*
TQ *Tông Văn-đề, Nguyên-gia, năm 19*
NK Đông La-mã cầu-hòa với Hung-nô.
- 446, BÍNH-TUẤT
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 404*
TQ *Tông Văn-đề, Nguyên-gia, năm 23*
Đánh và dẹp yên nước Lâm-ấp.
Ngụy giết sa-môn (người xuất gia tu theo Phật-giáo) và phá chùa Phật.
- 447, ĐINH-HỢI
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 405*

- TQ *Tổng Văn-đề, Nguyên-gia, năm 24*
Ngụy dẹp yên Tây-vực.
- NK Hung-nô ép Đông La-mã phải nộp lễ cống mỗi năm.
- 450, CANH-DẪN
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 408*
TQ *Tổng Văn-đề, Nguyên-gia, năm 27*
Cất đại binh đánh Ngụy.
- 451, TÂN-MÃO
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 409*
TQ *Tổng Văn-đề, Nguyên-gia, năm 28*
Tống, Ngụy lại giao-hảo.
- NK Hung-nô cất đại-quân đánh Đông và Tây La-mã.
Vua Kha-đức (Goths) chiến-dấu mà chết.
- 452, NHÂM-THÌN
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 410*
TQ *Tổng Văn-đề, Nguyên-gia, năm 29*
Ngụy Văn-thành-đế lên ngôi.
- NK Hung-nô lại xâm-lược Ý-đại-lợi, công hãm vài thành.
- 453, QUÝ-TY
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 411*
TQ *Tổng Văn-đề, Nguyên-gia, năm 30*
Thái-tử Thiệu giết vua tự-lập làm vua, bị Vũ-Lăng-vương giết chết.
- NK Vua Hung-nô là Ất-đích-lạt (Attila) mất, nước chia làm hai và lập vua riêng.
- 454, GIÁP-NGỌ
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 412.*
TQ *Tổng Hiều-vũ-đề, Hiều-kiền, nguyên-niên,*
Tên là Tuấn ; con của Văn-đế, ở ngôi được 11 năm. Đánh dẹp Tang-Chất.
- NB *An-khang Thiên-hoàng (Anko), nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 20 của Nhật-bản.
- 455, ẤT-VỊ
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 413.*
TQ *Tổng Hiều vũ-đề, Hiều-kiền, năm 2*
NK Ở Triều-tiên, nước Bách-tế, đời thứ 21, Cái-lỗ (Cái-lâu) vương, nguyên-niên,

456, BÍNH-THÂN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 414*

TQ *Tống Hiều-vũ-đê, Hiều-kiên, năm 3*

NK Lý-cơ-mễ (Ricimer) chuyên-chính ở Tây La-mã, dụng ý phế lập.

457, ĐÌNH-DẬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 415*

TQ *Tống Hiều-vũ-đê, Đại-minh, nguyên-niên*

NK Hoàng-đế Lợi-áo (Léon) của Đông La-mã lên ngôi và bắt đầu chịu lễ gia-miên của Đại Giáo-chủ Quân-sĩ-thần-đình (Constantinople).

458, MẬU-TUẤT

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 416*

TQ *Tống Hiều-vũ-đê, Đại-minh, năm 2*

NB *Hùng-lược Thiên-hoàng (Yûryaku), nguyên-niên.*

Vị Thiên-hoàng thứ 21 của Nhật-bản.

NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 20, họ Kim, Từ bi-vương, nguyên-niên.

459, KỶ-HỢI

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 417*

TQ *Tống Hiều-vũ-đê, Đại-minh, năm 3*

Cánh-lăng-vương tên Đăn, làm phản bị giết.

NK Tướng quân Lý-cơ-mễ (Ricimer) của Tây La-mã phế Mã-ước-thường (Majorien) xuống và đem Thi-đuy-lặc (Sévère) lên ngôi.

464, GIÁP THÌN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 422*

TQ *Tống Hiều-vũ-đê, Đại-minh, năm 8*

Vua băng, thái-tử lên ngôi lại bạo-ngược, năm sau bị phế.

465, ÂT-TỴ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 423*

TQ *Tống Minh-đê, Thái-Thủy, nguyên-niên*

Tên là Úc, con của Văn-đế, ở ngôi được 8 năm.

NK Hoàng-đế Tây La-mã bị giết, Lý-cơ-mễ (Ricimer) trong 2 năm không đem vua khác lên ngôi

466, BÍNH-NGỌ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 424*

QT *Tống Minh-đê, Thái-thủy, năm 2*

Ngụy Hiến-văn-đế lên ngôi. Tống Tấn-an-vương xưng đế, bị giết.

468, MẬU-THÂN

VN *Nội thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 426*

Lý Trường-Nhân, người Giao-châu, chiếm cứ Giao-châu tự xưng là thứ-sử, nhân sai sứ xin hàng, được thuận cho.

TQ *Tống Minh-đề, Thái-thủy, năm 4*

471, TÂN-HỢI

VN *Nội thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 429*

TQ *Tống Minh-đề, Thái-thủy, năm 7*

Ngụy Hiến-văn-đế, lên ngôi.

472, NHÂM-TÝ

VN *Nội thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 430*

TQ *Tống Minh-đề, Thái-dự, nguyên niên*

Giết Vương Cảnh-Văn.

473, QUÍ-SỬU

VN *Nội thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 431*

TQ *Tống Thương-ngô-vương, Nguyên-Huy, nguyên-niên*

Tên là Dục, con của Minh-đế, ở ngôi được 4 năm thì bị giết.

NK Vua Kha-đức (Goths) vào Tây-ban-nha.

474, GIÁP-DẦN

VN *Nội thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 432*

TQ *Tống Thương-ngô-vương, Nguyên-Huy, năm 2*

Vương Hưu-Phạm ở Quế-dương làm phản, bị Tiêu Đạo-Thành chém.

475, ẤT-MÃO

VN *Nội thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 433*

TQ *Tống Thương-ngô-vương, Nguyên-Huy, năm 3*

NK Ở Triều-tiên, nước Bách-tế, đời thứ 22, Văn-minh-vương, nguyên-niên.

476, BÍNH-THÌN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 434*

TQ *Tống Thương-ngô-vương, Nguyên-Huy, năm 4*

NK Tây La-mã mất, nối theo sau chỉ còn Đông La-mã tức nước Phất-lâm (Byzance).

477, ĐINH-TY

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tống, năm 435*

- TQ *Tổng Thuận-đề, Thăng-minh, nguyên-niên*
Tên là Chuần, con của Minh-đế, ở ngôi được 2 năm
thì nhường ngôi cho Tề.
- NK Ở Triều-tiên, nước Bách-tế, đời thứ 23, Tam Cán-
vương, nguyên-niên.
- 479, KỶ-VỊ
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tề, năm 437*
Tề dùng Lý-Thúc-Hiến làm thứ-sử Giao-châu.
- TQ *Tề Cao-đề, Kiên-nguyên, nguyên-niên*
Họ Tiêu, tên Đạo-Thành, người Nam-lan-lãng, làm
quan nhà Tống, được phong Tề-vương, được nhường
ngôi và ở ngôi được 4 năm.
Trao cho vua Nhật-bản chức Trấn-dông Đại-tướng-
quân (tức là Hùng-lược Thiên-hoàng).
- NK Ở Triều-tiên, nước Bách-tế, đời thứ 24, Đông
Thành-vương, nguyên-niên. Nước Tân-la, đời thứ
21, Chiêu Tri-vương, nguyên-niên,
- 480, CANH-THÂN
VN *Nội thuộc lần thứ 2, nhà Tề, năm 438.*
TQ *Tề Cao-đề, Kiên-nguyên, năm 2.*
NB *Thanh-ninh Thiên-hoàng (Seinei), nguyên-niên,*
Vị Thiên-hoàng thứ 22 của Nhật-bản.
- 483, QUÝ-HỢI
VN *Nội thuộc lần thứ 2, nhà Tề, năm 441.*
TQ *Tề Vũ-đề, Vĩnh-minh, nguyên-niên.*
Tên là Di, con của Cao-đế, ở ngôi được 11 năm.
Nguy cấm người cùng một họ lấy nhau.
- 484, GIÁP-TÝ thứ 57
VN *Nội thuộc lần thứ 2, nhà Tề, năm 442.*
TQ *Tề Vũ-đề, Vĩnh-minh, năm 2.*
- 485, ẤT-SỬU
VN *Nội thuộc lần thứ 2, nhà Tề, năm 443.*
Lý Thúc-Hiến theo đường hẹp về châu vua Tề.
TQ *Tề Vũ-đề, Vĩnh-minh, năm 3.*
NB *Hiển-tôn Thiên-hoàng (Kensô), nguyên-niên.*
Vị Thiên-hoàng thứ 23 của Nhật-bản.
- 486, BÍNH-DẦN
VN *Nội thuộc lần thứ 2, nhà Tề, năm 444.*
TQ *Tề Vũ-đề, Vĩnh-minh, năm 4.*

- NK Khắc-la-vĩ (Clovis) làm vua giống Phạt-lang-cơ.
(Frances), chiếm cứ Cao-lư (Gaule).
- 488, MẬU-THÌN
VN *Nội thuộc lần thứ 2, nhà Tề, năm 446.*
Tề dùng Phòng Pháp-Thừa làm thứ-sử Giao-châu.
TQ *Tề Vũ-đề, Vinh-minh, năm 6.*
NB *Nhân-hiến Thiên-hoàng (Ninken), nguyên-niên.*
Vị Thiên-hoàng thứ 24 của Nhật-bản.
- 490, CANH-NGỌ
VN *Nội thuộc lần thứ 2, nhà Tề, năm 448.*
Quan Trướng-sử Giao-châu là Phục Đãng-Chi bắt
Phòng Pháp-thừa cầm tù; Tề dùng Đãng-chị làm
thứ-sử.
TQ *Tề Vũ-đề, Vinh-minh, năm 8.*
- 492, NHÂM-THÂN
VN *Nội thuộc lần thứ 2, nhà Tề, năm 450.*
TQ *Tề Vũ-đề, Vinh-minh, năm 10.*
NK Ở Triều-tiên, nước Cao-câu-ly, đời thứ 21, Văn-tư
Minh-vương, nguyên-niên.
- 493, QUỲ-DẬU
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tề, năm 451*
TQ *Tề Vũ-đề, Vinh-minh, năm 11*
Ngụy đánh Tề, đóng doanh ở Lạc-đô.
NK Địch-áo-da-ly (Théodoric) làm vua Đông-khà-đức
(Ostrogoths) chiếm-cứ Ý-đại-lợi.
- 494, GIÁP-TUẤT
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tề, năm 452*
TQ *Tề Minh-đề, Kiến-vũ, nguyên-niên*
Tên Loan, con của Đạo-sinh (con người anh vua Tề
Cao-đế), phế Hải-lăng-vương, tự lập làm vua, ở ngôi
được 5 năm.
Ngụy dòi dò về Lạc-dương.
- 496, BÍNH-TÝ
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tề, năm 454*
TQ *Tề Minh-đề, Kiến-vũ, năm 3*
Ngụy đổi họ Nguyên, bắt đầu định họ của hoàng-tộc.
- 498, MẬU-DẪN
VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tề, năm 456*

- TQ *Tể Minh-đề, Vinh-thái, nguyên-niên*
Cuộc tàn-sát lớn những người thuộc họ nhà vua.
NK Triều Cáp-đa (Goupta) ở Ấn-độ mất.

499, KỶ-MÃO

- VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tể, năm 457*
TQ *Tể Đông-hôn-hầu, Vinh-nguyên, nguyên-niên*
Tên là Bảo-Quyền, con của Minh-đế, ở ngôi được 2 năm. Giết quan Bộc-xạ Tiêu Thản-Chi.
NB *Vũ-liệt Thiên-hoàng (Buretsu), nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 25 của Nhật-bản.

500, CANH-THÌN

- VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tể, năm 458*
TQ *Tể Đông-hôn-hầu, Vinh-nguyên, năm 2*
Ngụy Tuyên-vũ lên ngôi.
NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 22, họ Kim. Trĩ
Chứng-vương, nguyên-niên.

501, TÂN-TY

- VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Tể, năm 459*
TQ *Tể Hòa-đề, Trung-hưng, nguyên-niên*
Tên là Bảo-Dung, con của Minh-đế, ở ngôi được 2 năm thì nhường ngôi cho nhà Lương. Tiêu-Diễn vào Kiến-khang.
NK Ở Triều-tiên, nước Bách-tế, đời thứ 25, Vũ Ninh-vương, nguyên-niên.

502, NHÂM-NGỌ

- VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, năm 460*
TQ *Lương Vũ-đề, Thiên-giám, nguyên-niên*
Họ Tiêu, tên Diễn, đồng tộc với Tề, cất binh đánh Đông-hôn-hầu, được phong vương và được nhường ngôi, ở ngôi được 48 năm.
NK Vua Ba-tư trách Đông La-mã thiếu lễ cống bèn đi đánh.

505, ẤT-DẬU

- VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, năm 463*
Thứ-sử Giao-châu là Lý-Khải chiếm cứ Giao-châu chống cự với nhà Lương, bị Trưởng-sử Lý-Tắc giết; nhà Lương dùng Lý-Tắc làm thứ-sử.
TQ *Lương Vũ-đề, Thiên-giám, năm 4*

507, ĐÌNH-HỢI

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, năm 465*

TQ *Lương Vũ-đề, Thiên-giám, năm 6*

NB *Kê-thể Thiên-hoàng (Keitai), nguyên niên*

Vị Thiên-hoàng thứ 26 của Nhật-bản, kiến nguyên là Thiện-hóa ; Nhật-bản bắt đầu dựng kỷ-nguyên từ đây.

508, MẬU-TỶ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, năm 466*

TQ *Lương Vũ-đề, Thiên-giám, năm 7*

NB Nhật-bản cải nguyên là Chính-hòa.

509, KỶ-SỬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, năm 467*

TQ *Lương Vũ-đề, Thiên-giám, năm 8*

Nguyên-niên-hiệu Vĩnh-bình, nguyên-niên

NB Nhật-bản cải nguyên là Phát-khẩu.

512, NHÂM-THÌN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, năm 470*

TQ *Lương Vũ-đề, Thiên-giám năm 11*

Nguyên Diên-xương, nguyên-niên

514, GIÁP-NGỌ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, năm 472*

TQ *Lương Vũ-đề, Thiên-giám, năm 13*

NK Ở Triều-liên, nước Tân-la, đời thứ 23, Pháp Hưng-vương, nguyên-niên.

512, ẤT-VỊ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, năm 473*

TQ *Lương Vũ-đề, Thiên-giám, năm 14*

Nguyên-đế băng, Cao-dương-vương tên Ung và Nhâm-thành vương tên Trùng phụ chính, giết Tư-dồ Cao-Triệu.

516, BÍNH-THÂN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, năm 474*

Lý-Tắc đánh dư-đảng của Lý-Khải là Nguyễn Tôn-Hiếu và chém được, trong châu mới yên.

TQ *Lương Vũ-đề Thiên-giám, năm 15*

Nguyên Hiên-minh đế lên ngôi. Hồ thái-hậu thay quyền thiên-tử.

518, MẬU-TUẤT

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, năm 476*

TQ *Lương Vũ-đề, Thiên-giám, năm 17*

Ngụy Thần-quy, nguyên-niên.

519, KỶ-HỢI

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, năm 477*

TQ *Lương Vũ-đề, Thiên-giám, năm 18*

NK Ở Triều-tiên, nước Cao-câu-ly, đời thứ 22, An
Tuương-vương, nguyên-niên.

520 CANH-TỶ

NV *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, năm 478*

TQ *Lương Vũ-đề, Phổ-thông, nguyên-niên*

Quan thị-trung của nhà Ngụy là Nguyên-Thoa giam
cầm Thái-hậu.

523, QUỶ-MÃO

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, năm 481*

Nhà Lương phân chia Giao-châu, đặt ra Ái-châu.

TQ *Lương Vũ-đề, Phổ-thông, năm 4*

NK Ở Triều-tiên, nước Bách-tế, đời thứ 26, Thánh-vương
nguyên-niên.

525, ÂT-TỶ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, năm 483*

TQ *Lương Vũ-đề, Phổ-thông, năm 6*

Ngụy Hiếu-xương, nguyên-niên

527, ĐINH-VỊ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, năm 485*

TQ *Lương Vũ-đề, Đại-thông, nguyên-niên*

Vị thiên-tăng ở Thiên-trúc là Đạt-ma đến Quảng-
châu.

NK Hoàng-đế Đông La-mã là Tra-sĩ-đinh-ni (Justinien)
lên ngôi.

528, MẬU-THÂN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, năm 486*

TQ *Lương Vũ-đề, Đại-thông, năm 2*

Ở Ngụy, Nhĩ-chu-Vĩnh cử binh đem Hiếu-trang-đế
lên ngôi.

NK Vua Tây-kha-đức (Wisigoths) cầu-hôn ở Phạt-lang-
cơ (Francs)

520. KỶ-DẬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, năm 487*

TQ *Lương vũ-đề, Trung-đại-thông, nguyên-niên*

Ngụy-vương tên là Hạo xưng đế, bị Nhĩ-chu-Vinh giết.

NK Hoàng-đế Đông La-mã ban-bổ dân pháp trong nước (Code justinien).

530. CANH-TUẤT

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, năm 488*

TQ *Lương Vũ-đề, Trung-đại-thông, năm thứ 2*

Ngụy-đế giết Nhĩ-chu-Vinh, Nhĩ-chu-Triệu giết hại vua.

NK Vua Tây-kha-đức (Wisigoths) ngược-dãi hoàng-hậu năm sau bị Phạt-lang-cơ (Franks) đánh, vua thua mà chết.

Ở Triều-tiên, nước Cao-câu-ly, đời thứ 23, An-nguyên-vương, nguyên-niên

531. TÂN-HỢI

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, năm 489*

TQ *Lương Vũ-đề, Trung-đại-thông, năm 3*

Ngụy Phế-đế lên ngôi.

NK Vua Ba-tư là Kha-sĩ-lâu đệ nhất (Chosroès I) lên ngôi, La-mã nộp tiền hàng năm kết tình giao-hòa.

532. NHÂN-TÝ

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, năm 490*

TQ *Lương Vũ-đề, Trung-đại-thông, năm 4*

Ở Ngụy, Cao-Hoan đánh họ Nhĩ-chu và đem Hiếu-vũ-đế lên ngôi.

NK Đô-thành ở Đông La-mã có loạn, đại-tướng Bối-lợi-tát (Bélisaire) dẹp yên.

533. QUỶ-SỬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, năm 491*

TQ *Lương Vũ-đề, Trung-đại-thông, năm 5*

534. GIÁP-DẦN

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, năm 492*

TQ *Lương Vũ-đề, Trung-đại-thông, năm 6*

Nước Ngụy chia ra Đông và Tây. Đông Ngụy Hiến-tĩnh-đế lên ngôi.

- NB *An-nhàn Thiên-hoàng (Ankan), nguyên-niên*
 Vị Thiên-hoàng thứ 27 của Nhật-bản.
- NK Bối-lợi-tát (Bélisaire) diệt người Vạn-đạt (Vandalon),
- 535, **ẮT-MÃO**
 VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, năm 493*
 TQ *Lương Vũ-đề, Đại-đồng, nguyên-niên*
 Tây-Nguy Văn-đế lên ngôi.
- NB *An-nhàn Thiên-hoàng, năm 2*
- NK Bối-lợi-tát (Bélisaire) đánh Ý-đại-lợi lấy Tây-tây-lý
 (Sicile).
- 536, **BÍNH-THÌN**
 VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, 494*
 TQ *Lương Vũ-đề, Đại-đồng, năm 2*
- NB *Tuyên-hóa Thiên-hoàng (Senka), nguyên-niên*
 Vị Thiên-hoàng thứ 28 của Nhật-bản, dựng kỳ
 nguyên là Tăng-thính.
- 537, **ĐINH-TỶ**
 VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Lương, năm 495*
 TQ *Lương Vũ-đề, Đại-đồng, năm 3*
- 540, **CANH-THÂN**
 VN *Nội-thuộc lần thứ hai, nhà Lương, năm 498*
 TQ *Lương Vũ-đề, Đại-đồng, năm 6*
- NB *Khâm-minh Thiên-hoàng (Kimmei), nguyên-niên*
 Vị Thiên-hoàng thứ 29 của Nhật-bản, kiến-nguyên
 là Đồng-yếu.
- 541, **TÂN-DẬU**
 VN *Lý-Bôn chiếm giữ Long-biên, năm 1.*
 Lý-Bôn, người Giao-chỉ, dấy binh đánh đuổi thứ-sử
 nhà Lương là Tiêu-Tư mà chiếm giữ Long-biên.
- TQ *Lương Vũ-đề, Đại-đồng, năm 7.*
- NK Nhật-bản niên-hiệu Quý-lạc.
 Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 24, Chàn-hưng-
 vương, nguyên-niên.
- 542, **NHÂM-TUẤT**
 VN *Lý-Bôn chiếm giữ Long-biên năm 2.*
 TQ *Lương Vũ-đề, Đại-đồng, năm 8.*
- NK Đột-dục-hồn dựng nước, Khoa-lữ khả-hãn, nguyên-
 niên.
 Nhật-bản niên-hiệu Kết-thanh.

513, QUỠ-HỢI

VN *Lý-Bôn chiếm giữ Long-biên, năm 3.*

Lâm-ấp xâm lấn Nhật-nam, Lý-Bôn sai tướng Phạm-Tu đánh và phá được giặc ở Cửu-đức.

TQ *Lương Vũ-đề, Đại-đồng, năm 9.*

Tây-Ngụy Vũ-văn-Thái và Cao-Hoan đánh nhau ở Mang-sơn.

NB *Niên-hiệu Huynh-đệ.*

514, GIÁP-TÝ thứ 58

VN *Tiền lý Nam-Đề, niên hiệu Thiên-đức, nguyên-niên.*

Họ Lý, tên là Bôn, người ở Long-hưng, huyện Thái-bình, dấy binh đánh quan thứ-sử nhà Lương là Tiêu-Tư, chiếm giữ thành Long-biên, lên ngôi hoàng-đế, quốc-hiệu là Vạn-xuân, đặt ra bá quan, dựng điện Vạn-thọ, niên-hiệu là Thiên-đức, nước Nam ta có niên-hiệu bắt đầu từ đây, ở ngôi được 5 năm.

TQ *Lương Vũ-đề, Đại-đồng, năm 10.*

NB *Khâm-minh Thiên-hoàng, năm 5.*

Niên-hiệu là Tàng-hòa.

515, ẤT-DẬU

VN *Tiền-Lý Nam-đề, Thiên-đức, năm 2.*

Triệu-Túc làm quan Thái-phó, Tinh-Thiều làm tướng văn, Phạm-Tu làm tướng võ.

Nhà Lương sai Dương-Phiêu, Trần Bá-Tiên sang đánh, Lý Nam-đề chạy về thành Gia-ninh.

TQ *Lương Vũ-đề, Đại-đồng, năm 11.*

NK Người Đột-quyết dựng nước, Thổ-môn, nguyên-niên. Nhật-bản, niên-hiệu là Sư-an.

Ở Triều-tiên, nước Cao-câu-Ly, đời thứ 24, Dương nguyên-vương, nguyên-niên.

546, BÍNH-DẪN

VN *Tiền-Lý Nam-đề, Thiên-đức, năm 3.*

Dương-Phiêu thắng ở Gia-định, Lý Nam-đề chạy về Tân-xương. Lý Nam-đề dồn binh ở hồ Điền-triệt, quân nhà Lương lại đến đánh, Lý Nam-đề lui giữ động Khuất-liêu.

TQ *Lương Vũ-đề, Trung-dại-đồng, nguyên-niên*

Vua giảng kinh Phật.

- NB *Niên-hiệu Hòa-tăng.*
- 547, ĐINH-MÃO
- VN *Tiến-Lý Nam-đê, Thiên-đức, năm 4*
Triệu Quang-Phục giữ Dạ-trạch.
- TQ *Lương Vũ-đê, Thái-thanh, nguyên-niên*
- NB *Niên-hiệu Kim-quang*
- 548, MẬU-THÌN
- VN *Tiến-Lý Nam-đê, Thiên-đức, năm 5*
Nam-đế mất ở động Khuất-liêu.
- TQ *Lương Vũ-đê, Thái-thanh, năm 2*
Hầu-Cảnh làm phản.
- 549, KỶ-TỴ
- VN *Triệu Việt-vương, nguyên-niên*
Họ Triệu, tên là Quang-Phục, con của Triệu-Túc, người ở huyện Chu-diên, theo Lý Nam-đế chinh-chiến có công, được trao cho chức Tả-tướng-quân, Lý Nam-đế mất, mới xưng vương, ở ngôi được 22 năm.
- TQ *Lương Vũ-đê, Thái-thanh, năm 3*
Hầu-Cảnh làm thừa-tướng. Vua băng.
- 550, CANH-NGỌ
- VN *Triệu Việt-vương, năm 2*
Đánh bại tướng nhà Lương là Dương-Sàn rồi vào ở thành Long-biên. Anh của Lý Nam-đế là Lý Thiên-Bảo giữ động Dã-năng, xưng là Đào-lang-Vương.
- TQ *Lương Giản-văn-đê Đại-bảo, nguyên-niên*
Tên là Cương, con của Vũ-đế, ở ngôi được 2 năm. Bắc-tề Văn-tuyên-đế Cao-Dương lên ngôi.
- 551, TÂN-VỊ
- VN *Triệu Việt-vương, năm 3*
- TQ *Lương Giản-văn-đê, Thiện-chính, nguyên-niên*
Hầu-Cảnh tự lập làm Hán-đế.
- NK Đông La-mã được giống (trứng) tằm của Trung-quốc.
- 552, NHÂM-THÂN
- VN *Triệu Việt-vương, năm 4*
- TQ *Lương Nguyên-đê, Thừa-thánh, nguyên-niên*
Tên là Dịch, con của Lương Vũ-đế, ở ngôi được 3 năm.

553, QUỠ-DẬU

VN *Triệu Việt-vương, năm 5*

TQ *Lương Nguyên-đề, Thừa-thánh, năm 2*

554, GIÁP-TUẤT

VN *Triệu Việt-vương, năm 6*

TQ *Lương Nguyên-đề, Thừa-thánh, năm 3*

Tây-Ngụy công hãm Giang-lăng, Lương-đế ra hàng và bị giết. Tây-Ngụy Cung-đế lên ngôi,

NK Vua Ý-đại-lợi là Địa-ước (Teia) thua trận mà chết. Ở Triều-tiên, nước Bách-tế, đời thứ 27, Uy-đức-vương, nguyên-niên.

555, ẤT-HỢI

VN *Triệu-Việt-vương, năm 7*

Lý Thiên-Bảo mất, Lý Phật-Tử được tôn lên làm soái.

TQ *Lương Kinh-đề, Thiệu-thái, nguyên-niên.*

Tên là Phương-Trí, con của Nguyên-đế, ở ngôi được 3 năm.

Hậu-Lương dựng nước.

NK Ý-đại-lợi tôn Na-tích-sĩ (Narsès) làm giả vương. Đông Kha-đức (Ostrogoths) mất.

556, BÍNH-TỠ

VN *Triệu Việt-vương, năm 8*

TQ *Lương Kinh-đề, Thái-bình, nguyên-niên.*

Tây-Ngụy Vũ-Văn-Thái mất.

557, ĐINH-SỬU

VN *Triệu Việt-vương, năm 9*

Lý Phật-Tử đánh nhau với Triệu Việt-vương không thắng-lợi, mới xin hòa, vương bèn cắt ranh ở bãi Quân-thần, huyện Từ-liêm, cho Phật-Tử ở về phía tây. Lý Phật-Tử dời về thành Ô-diên.

TQ *Trần Vũ-đề, Vĩnh-định, nguyên-niên.*

Họ Trần, tên là Bá-Tiên, người ở Ngô-hung ; cuối đời nhà Lương được phong là Trần-vương, được nhường ngôi ; ở ngôi được 3 năm.

Chu Mậu-đế, Vũ-Văn-Giác lên ngôi xưng là Chu thiên-vương.

558, MẬU-DẦN

VN *Triệu Việt-vương, năm 10*

- TQ *Trần Vũ-đê, Vinh-định, năm 2*
Chu Vũ-Văn-Hộ giết Mẫn-đế, đem Minh-đế tên là
Dục lên ngôi làm Thiên-vương.
- NK Hung-nô xâm-lăng Đông La-mã bị Bối-lợi-tát (Bél-
saire) đánh bại.
- 559, KỶ-MÃO
VN *Triệu Việt-vương, năm 11*
TQ *Trần Vũ-đê, Vinh-định, năm 3*
Tề diệt tông-tộc họ Nguyên.
Chu-vương bắt đầu xưng đế.
- 560, CANH-THÌN
VN *Triệu Việt-vương, năm 12*
TQ *Trần Văn-đê, Thiên-gia, nguyên-niên*
Tên là Thiển con, của Đạo-Đàm (anh của Vũ-đế), ở
ngôi được 7 năm.
Bắc-Tề Hiếu-Chiêu-đế lên ngôi.
- 561, TÂN-TY
VN *Triệu Việt-vương, năm 13*
TQ *Trần Văn-đê, Thiên-gia, năm 2*
Chu Vũ-vương lên ngôi.
Bắc-Tề Vũ-thành-đế lên ngôi
- 562, NHÂM-NGỌ
VN *Triệu Việt-vương, năm 14*
TQ *Trần Văn-đê, Thiên-gia, năm 3*
NK Nước Tân-la diệt Nhâm-na và phá hủy phủ Nhật-quan.
- 563, QUÝ-VỊ
VN *Triệu Việt-vương, năm 15*
TQ *Trần Văn-đê, Thiên-gia, năm 4*
- 564, GIÁP-THÂN
VN *Triệu Việt-vương, năm 16*
TQ *Trần Văn-đê, Thiên-gia, năm 5*
- 565, ẤT-DẬU
VN *Triệu Việt-vương, năm 17*
TQ *Trần Văn-đê, Thiên-gia, năm 6*
Bắc-Tề Hậu-chúa lên ngôi.
- NK Hoàng-đế Đông La-mã băng, Bối-lợi-tát (Bélisaire)
cũng mất, cuộc thế quốc-gia từ đây ngày một suy.
- 566, BÍNH-TUẤT
VN *Triệu Việt-vương, năm 18*

- TQ *Trần Văn-đề, Thiên-khang, nguyên-niên*
Trần Văn-đề băng, An-thành-vương tên Húc phụ
chinh.
- NK Hoàng-đế Đông La-mã Tra-sĩ-định đệ nhị (Justin II)
bắt đầu nạp cống và trao chức quan.
- 567, ĐÌNH-HỢI
VN *Triệu Việt-vương, năm 19*
TQ *Trần Phê-đề, Quang-đại, nguyên-niên*
Tên là Bá-Tôn, con của Văn-đề, ở ngôi được 2 năm.
- 568, MẬU-TÝ
VN *Triệu Việt-vương, năm 20*
TQ *Trần Phê-đề, Quang-đại, năm 2*
An-thành-vương phế vua và tự lên ngôi.
NK A-nhĩ-pha-âm (Alboin) dựng vương quốc Luân-ba
(Lombards).
- 569, KỶ-SỬU
VN *Triệu Việt-vương, năm 21*
TQ *Trần Tuyên-đề, Thái-kiên, nguyên-niên*
Tên là Húc, em của Văn-đề, ở ngôi được 14 năm.
- 570, CANH-DẦN
VN *Triệu Việt-vương, năm 22*
TQ *Trần Tuyên-đề, Thái-kiên, năm 2*
- 571, TÂN-MÃO
VN *Lý Hậu-đề, Phật-Tử, nguyên-niên*
Họ Lý tên là Phật-Tử, là vị tướng cùng họ với
Tiền Lý Nam-đế, nối ngôi, dời đô về Phong-châu ;
ở ngôi được 32 năm, cất binh đánh úp Triệu Việt-
vương. Triệu Việt-vương chạy về phía nam, nhảy
xuống cửa bể Đại-nha mà chết. Nhà Triệu mất.
TQ *Trần Tuyên-đề, Thái-kiên, năm 3*
Bắc-Tề đánh phá được Chu.
NK Hung-nô xâm-lăng Phật-lang-cơ (Franks) mà không
thắng.
Giáo-chủ Hồi-giáo là Mục-hãn-mặc-đức (Mahomet)
ra đời.
- 572, NHÂM-THÌN
VN *Lý Hậu-đề, năm 2*
TQ *Trần Tuyên-đề, Thái-kiên, năm 4*

- NB *Mẫn-đạt Thiên-hoàng (Bitatsu), nguyên-niên.*
Vị Thiên-hoàng thứ 30 của Nhật-bản, niên-hiệu
Tiền-tiếp.
- 573, QUÝ-TY
VN *Lý Hậu-đề, năm 3*
TQ *Trần Tuyên-đề, Thái-kiên, năm 5*
NB *Niên-hiệu Kinh-dương.*
- 574, GIÁP-NGO
VN *Lý Hậu-đề, năm 4*
TQ *Trần Tuyên-đề, Thái-kiên, năm 6*
NB *Niên-hiệu Thảng-chiêu.*
- 575, ÂT-VỊ
VN *Lý Hậu-đề, năm 5*
TQ *Trần Tuyên-đề, Thái-kiên, năm 7*
Ngô Minh-Triệt cả phá quân Tề.
NK Áo-pháp (Aethelfrith ?) tự lập xưng là vua Đông
Anh-cát-lợi (Angleterre). Nước Anh-cát-lợi bắt đầu
do đây.
- 576, BÍNH-THÂN
VN *Lý Hậu-đề, năm 6*
TQ *Trần Tuyên-đề, Thái-kiên, năm 8*
Chu đánh Bắc-Tề. Tề-đế chạy về Tấn-dương.
KN Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 25, Chân-tri-
vương, nguyên-niên.
- 577, ĐINH-DẬU
VN *Lý Hậu-đề, năm 7*
TQ *Trần Tuyên-đề, Thái-kiên, năm 9*
Chu diệt Bắc-Tề, Trung-nguyên hoàn-toàn thuộc về
nhà Chu.
- 578, MẬU-TUẤT
VN *Lý Hậu-đề, năm 8*
TQ *Trần Tuyên-đề, Thái-kiên, năm 10*
Chu Tuyên-vương lên ngôi.
- 579, KỶ-HỢI
VN *Lý Hậu-đề, năm 9*
TQ *Trần Tuyên-đề, Thái-kiên, năm 11*
Chu Tĩnh-đế lên ngôi.
Chu sửa-chữa cung Lạc-dương.

- NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 26, Chân-Bình-vương, nguyên-niên.
- 580, CANH-TÝ
- VN Lý Hậu-đề, năm 10
- TQ Trần Tuyên-đề, Thái-kiên, năm 12
Dương-Kiến nhà Chu tự làm Đại Thừa-tướng.
- NK Tướng Lý-tây (Maurice) của Đông La-mã đi đánh và cả phá được Ba-tư.
- 581, TÂN-SỬU
- VN Lý Hậu-đề, năm 11
- TQ Trần Tuyên-đề, Thái-kiên, năm 13
Tùy Văn-đế là Dương-Kiến, niên-hiệu Khai-hoàng, nguyên-niên.
- NK Ba-tư cầu-hòa với Đông La-mã.
- 582 NHÂM-DẪN
- VN Lý Hậu-đề, năm 12
- TQ Trần Tuyên-đề, Thái-kiên, năm 14
- 583, QUÝ-MÃO
- VN Lý Hậu-đề, năm 13
- TQ Trần Hậu-chúa, Chí-đức, nguyên-niên
Tên là Thúc-Bảo con của Tuyên-đế, ở ngôi được 7 năm, bị nhà Tùy diệt. Nhà Tùy dời đô về Trường-an, đổi quận ra châu.
- 584 GIÁP-THÌN
- VN Lý Hậu-đề, năm 14
- TQ Trần Hậu-chúa, Chí-đức, năm 2
Đột-Quyết làm tòi nhà Tùy.
- NK Đông La-mã hứa hòa với Ba-tư.
- 585, ẤT-TÝ
- VN Lý Hậu-đề, năm 15
- TQ Trần Hậu-chúa, Chí-đức, năm 3
- 586, BÍNH-NGỌ
- VN Lý Hậu-đề, năm 16
- TQ Trần Hậu-chúa, Chí-đức, năm 4
- NB Dụng-minh Thiên-hoàng (Yōmei), nguyên-niên
Vị Thiên-hoàng thứ 31 của Nhật-bản.
- 587, ĐINH-VỊ
- VN Lý Hậu-đề, năm 17

TQ *Trần Hậu-chúa, Trinh-minh, nguyên-niên*.

Tùy diệt nhà Hậu Lương.

NK Bất-liệt-diên (Bretagne) bị phân chia, lúc ấy có 4 vị vua.

588, MẬU-THÂN

VN *Lý Hậu-đề, năm 18*

TQ *Trần Hậu-chúa, Trinh-minh, năm 2*,

Tùy đánh Trần.

NB *Sùng-tuần Thiên-hoàng (Sushun), nguyên-niên*

Vị Thiên-hoàng thứ 32 của Nhật-bản, niên-hiệu là Đoan-chính.

589, KỶ-DẬU

VN *Lý Hậu-đề, năm 19*

TQ *Tùy Văn-đề, Khai-hoàng, năm 9*

Họ Dương, tên Kiên, người ở Hoành-nông, làm quan nhà Chu, được phong là Tùy-vương, được Chu nhường ngôi, ở ngôi được 24 năm. Tùy-công hãm Kiến-khang, bắt đăng Trần-chúa.

NK Vua Ba-tư là Kha-sĩ-lâu đệ nhị (Chosroès II) lên ngôi. Ở Triều-tiên, nước Cao-câu-ly, đời thứ 23, Anh-dương vương, nguyên niên.

590, CANH-TUẤT

VN *Lý Hậu-đề, năm 20*

TQ *Tùy Văn-đề, Khai-hoàng, năm 10*

591, TÂN-HỢI

VN *Lý Hậu-đề, năm 21*

TQ *Tùy Văn-đề, Khai-hoàng, năm 11*

592, NHÂM-TÝ

VN *Lý Hậu-đề, năm 22*

TQ *Tùy Văn-đề, Khai-hoàng, năm 12*

593, QUÝ-SỬU

VN *Lý Hậu-đề, năm 23*

TQ *Tùy Văn-đề, Khai-hoàng, năm 13*

NB *Suy-cổ Thiên-hoàng (Suiko), nguyên-niên*

Vị Thiên-hoàng thứ 33 của Nhật-bản, niên hiệu Tùng-quý.

594, GIÁP-DẦN

VN *Lý Hậu-đề, năm 24*

- TQ *Tùy Văn-đề, Khai-hoàng, năm 14*
NB Niên-hiệu Tụng-chuyên.
- 595, **ẢT-MÃO**
VN *Lý Hậu-đề, năm 25*
TQ *Tùy Văn-đề, Khai-hoàng, năm 15*
NB Niên-hiệu Quang-nguyên.
- 596, **BÍNH-THÌN**
VN *Lý Hậu-đề, năm 26*
TQ *Tùy Văn-đề, Khai-hoàng, năm 16*
NB Niên-hiệu Định-cư.
- 597, **ĐINH-TỴ**
VN *Lý Hậu-đề, năm 27*
TQ *Tùy Văn-đề, Khai-hoàng, năm 17*
NB Niên-hiệu Uy (Oa) - kinh.
- 598, **MẬU-NGỌ**
VN *Lý Hậu-đề, năm 28*
TQ *Tùy Văn-đề, Khai-hoàng, năm 18*
NK Niên-hiệu Nhân-chí.
 Ở Triều-tiên, nước Bách-tế, đời thứ 28, Huệ-vương,
 nguyên niên.
- 599, **KỶ-VỊ**
VN *Lý Hậu-đề, năm 29*
TQ *Tùy Văn-đề, Khai-hoàng, năm 19*
NK Ở Triều-tiên, nước Bách-tế đời thứ 29, Pháp-
 vương, nguyên-niên.
- 600, **CANH-THÂN**
VN *Lý Hậu-đề, năm 30*
TQ *Tùy Văn-đề, Khai-hoàng, năm 20*
 Phế Thái-tử tên Dũng và lập Tấn-vương tên Quảng.
NK Đông La-mã bị nội loạn.
 Ở Triều-tiên, nước Bách-tế, đời thứ 30, Vũ-vương,
 nguyên-niên.
- 601, **TÂN-DẬU**
VN *Lý Hậu-đề, năm 31*
TQ *Tùy Văn-đề, Nhân-thọ, nguyên-niên*
- 602, **NHÂM-TUẤT**
VN *Lý Hậu-đề, năm 32*
 Nhà Tùy sai Lưu-Phương sang xâm-lăng, Hậu-đề

đầu hàng, Lưu-Phương cho Hậu-đế về Tàu; nhà Hậu-Lý mất.

- TQ *Tùy Văn-đề, Nhân-thọ, năm 2*
- 603, QUỲ-HỢI
- VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Tùy, năm 1*
- TQ *Tùy Văn-đề, Nhân-thọ, năm 3*
- 604, GIÁP-TÝ thứ 59
- VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Tùy, năm 2*
- TQ *Tùy Văn-đề, Nhân-thọ, năm 4*
- Thái-tử Quảng giết Văn-đề và lên ngôi.
- 605, ẤT-SỬU
- VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Tùy, năm 3*
- Tùy-đế trao cho Lưu-Phương chức Hành-quân Tổng-trấn đạo Hoan-châu. Cất binh đi đánh nước Lâm-ấp, đuổi vua nước ấy là Phan-Chí, rồi Lưu-Phương bị bệnh mà chết ở giữa đường.
- TQ *Tùy Dạng-đề, Đại-nghiệp, nguyên-niên*
- Tên là Quảng, con của Văn-đề, ở ngôi được 13 năm, bị Vũ-văn Hóa-cập giết. Khai thông Tế-cừ từ Lạc-thủy đến Hoàng-hà.
- 606, BÍNH-DẪN
- VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Tùy, năm 4*
- TQ *Tùy Dạng-đề, Đại-nghiệp, năm 2*
- Nhà Tùy bắt đầu đặt ra khoa tiến-sĩ.
- 607, ĐINH-MÃO
- VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Tùy, năm 5*
- TQ *Tùy Dạng-đề, Đại-nghiệp, năm 3*
- Nhà Tùy sửa sang Trường-thành.
- 611, TÂN-VỊ
- VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Tùy, năm 9*
- TQ *Tùy Dạng-đề, Đại-nghiệp, năm 7*
- Tùy-đế tự làm tướng đi đánh nước Cao-câu-ly. Trộm cướp nổi lên khắp nơi.
- 613, QUỲ-DẬU
- VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Tùy, năm 11*
- TQ *Tùy Dạng-đề, Đại-nghiệp, năm 9.*
- Lại đánh nước Cao-câu-ly, Dương Huyền-Cầm làm phản.

614, GIÁP-TUẤT

VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Tùy, năm 12.*

TQ *Tùy Dạng-đề, Đại-nghiệp, năm 10.*

Cắt đại quân đánh nước Cao-câu-ly. Vua nước ấy xin hàng.

615, ẤT-HỢI

VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Tùy, năm 13.*

TQ *Tùy Dạng-đề, Đại-nghiệp, năm 11.*

Đột-Quyết vào cướp. Giặc cướp đều nổi lên.

NK Ba-tư đánh lấy Ai-cập.

616, BÍNH-TÝ

VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Tùy, năm 14.*

TQ *Tùy Dạng-đề, Đại-nghiệp, năm 12.*

Tùy-đế đến Giang-đô.

Lý-Mật khởi binh.

617, ĐINH-SỬU

VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Tùy, năm 15.*

TQ *Tùy Cung-đề, Nghĩa-ninh, nguyên-niên.*

Tên là Hựu, cháu của Tùy Văn-đế, ở ngôi được 2 năm thì nhường ngôi cho nhà Đường. Lý-Uyên khởi binh xưng là Đường-vương.

NK Đông La-mã cắt đại binh đánh Ba-tư.

618, MẬU-DẦN

VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 16.*

TQ *Đường Cao-tổ, Vũ-đức, nguyên-niên.*

Họ Lý, tên Uyên, dòng-dõi của Tây Lương-vương Lý Nhật-Cao, nối theo tước của tổ-tiên làm Đường-công, giữ Thái-nguyên, dấy binh được phong làm Đường-vương ; được nhà Tùy nhường ngôi ; ở ngôi được 9 năm. Lên ngôi ở Trường-an.

NK Ở Triều-tiên, nước Cao-câu-ly, đời thứ 27, Vinh-lưu vương, nguyên-niên.

619, KỶ-MÃO

VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 17.*

TQ *Đường Cao-tổ, Vũ-đức, năm 2.*

Đậu Kiến-đức, Vương Thế-Sùng xưng vương.

621, TÂN-TY

VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 19.*

Nhà Đường trao chức Đại Đò-đốc Giao-châu cho Khâu-Hòa.

TQ *Đường Cao-tổ, Vũ-đức, năm 4.*

Tần-vương là Thế-Dân trừ Vương Thế-Sung, Đậu Kiến-đức.

NK Người nước Đại-thực (Arabie) muốn giết Mục-hãn-mặc (Mahomet), năm sau chạy trốn ở Mặc-đức-na (Médine).

622, NHÂM-NGỌ

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 20*

Nhà Đường đòi Giao-châu ra An-nam, đặt đò-hộ phủ.

TQ *Đường Cao-tổ, Vũ-đức, năm 5*

Lưu Hắc-Thất tự xưng là Hán Đòng-vương bị Tần-vương trừ dẹp.

NK Năm đầu kỷ-nguyên của đạo Hồi-hồi.

623, QUÝ-VỊ

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 21*

TQ *Đường Cao-tổ, Vũ-đức, năm 6*

Thiên-hạ đều quy-phục nhà Đường.

NK Đòng La-mã đánh Ba-tư

625, ÂT-DẬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 23*

TQ *Đường Cao-tổ, Vũ-đức, năm 8*

Đột-Quyết vào cướp bị Tần-vương phá dẹp.

626, BÍNH-TUẤT

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 24*

TQ *Đường Cao-tổ, Vũ-đức, năm 9*

Thế-Dân giết thái-tử Kiến-thành. Tần-vương làm thái-tử và được truyền ngôi.

627, ĐINH-HỢI

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 25*

TQ *Đường Thái-tông, Trinh-quân, nguyên-niên*

Tên là Thế-Dân, con của Cao-tổ, ở ngôi được 23 năm, tôn Cao-tổ làm Thái-thượng-hoàng.

NK Đòng La-mã lại đánh Ba-tư, thu-hồi được tất cả những đất bị chiếm.

629, KỶ-SỬ-U

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường năm 27*

TQ *Đường-thái-tông, Trinh-quán, năm 3*

Đánh Đột-Quyết, năm sau bắt được Hiệp-lợi Khả-hãn.

NB *Thư-minh Thiên-hoàng (Jomei), nguyên-niên*

Vị Thiên-hoàng thứ 34 của Nhật-bản, niên-hiệu Thành-đức.

NK Ba-tư nội-loạn.

Nam-chiếu Cao-tổ (Kỳ-gia-vương) Tể-nô-la, nguyên-niên.

630, CANH-DẪN

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường năm 28*

TQ *Đường Thái-tông, Trinh-quán, năm 4*

Vua Lâm-ấp dâng ngọc-châu to cho nhà Đường.

NB Niên-hiệu Tăng-yếu.

631, TÂN-MÃO

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 29*

TQ *Đường Thái-Tông, Trinh-quán, năm 5*

NB Niên-hiệu Mệnh-trường.

632, NHÂM-THÌN

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 30*

TQ *Đường-Thái-tông, Trinh-quán, năm 6*

Đãi yến các cận thần ở điện Đan-liêu.

NK Mục-hãn-mặc-đức (Mahomet) mất, A-bố-khắc (Abou Bakr) làm giáo-chủ nước Đại-thực.

Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 27, Thiện-đức vương, nguyên-niên.

634, GIÁP-NGỌ

TQ *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 32*

TQ *Đường Thái-tông, Trinh-quán, năm 8*

NK Áo-mã (Omar) làm giáo-chủ nước Đại-thực (Arabie)

635, ẤT-VỊ

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 33*

TQ *Đường Thái-tông, Trinh-quán, năm 9*

Cả phá nước Đột-dục-hồn. Thái-thượng-hoàng nhà Đường băng.

NK Nước Đại-thực phá quân Ba-tư.

639, KỶ-HỢI

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 37*

TQ *Đường Thái-tông, Trinh-quán, năm 13*

NK Nước Đại-thực phá Ai-cập.

640, CANH-TÝ

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 38*

TQ *Đường Thái-tông, Trinh-quán, năm 14*

Diệt nước Cao-xương làm Tây-châu.

641, TÂN-SỬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 39*

TQ *Đường Thái-tông, Trinh-quán, năm 15*

Gả Văn - thành Công - chùa cho nước Thổ - phiên (Tây-tạng).

NK Nước Đại-thực diệt nước Ba-tư.

Ở Triều-tiên, nước Bách-tế, đời thứ 31, Nghĩa-từ vương, nguyên-niên.

642, NHÂM-DẦN

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 40*

TQ *Đường Thái-tông, Trinh-quán, năm 16*

NB *Hoàng-cực Thiên-hoàng, (Kogyoku), nguyên-niên*

Vị Thiên-hoàng thứ 35 của Nhật-bản.

NK Ở Triều-tiên, nước Cao-câu-ly, đời thứ 28, Bảo-làng vương, nguyên-niên.

643, QUỲ-MÃO

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 41*

TQ *Đường Thái-tông, Trinh-quán, năm 17*

Nguy Trung mất. Vẽ hình tượng công thần ở Lăng-yên các. Phế Thái-tử.

644, GIÁP-THÌN

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 42*

TQ *Đường Thái-tông, Trinh-quán, năm 18*

Vua thân chinh Cao-ly.

Đột-Quyết dời đến ở Hà-nam.

NK Vị Giáo-chủ của nước Đại-thực (Arabie) bị người Ba-tư giết, Ngạc-tư-man (Othman Ibn Affan) kế vị.

645, ÂT-TÝ

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 43*

TQ *Đường Thái-tông, Trinh-quán, năm 19*

NB *Hiều-đức Thiên-hoàng (Kotoku), nguyên-niên*

Vị Thiên-hoàng thứ 36 của Nhật-bản, kiến-nguyên là Đại-hóa. (Nhật-bản từ đấy trở về trước đổi niên hiệu mà không đổi kỷ-nguyên, và từ đấy trở về sau đổi niên-hiệu và cũng đổi kỷ-nguyên).

647, ĐÌNH-VỊ

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 45*

TQ *Đường Thái-tông, Trinh-quán, năm 21*

NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 28, Chân-đức vương, nguyên-niên.

650, CANH-TUẤT

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 48*

TQ *Đường Cao-tông, Vĩnh-huy, nguyên-niên*

Tên là Tri, con của Thái-tông, ở ngôi được 24 năm, lập Hoàng-hậu họ Vương.

NB Cải-nguyên là Bạch-trĩ, nguyên-niên.

651, TÂN-HỢI

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 49*

TQ *Đường Cao-tông, Vĩnh-huy, năm 2*

Ba-tur cầu việc nhưng vì đường xa mà không nhận.

654, GIÁP-DẦN

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 52*

TQ *Đường Cao-tông, Vĩnh-huy, năm 5*

NB *Tể-minh Thiên-hoàng. (Samei), nguyên-niên*

NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 29, Thái-tôn Vũ-liệt vương, nguyên-niên.

655, ÂT-MÃO

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 53*

TQ *Đường Cao-tông, Vĩnh-huy, năm 6*

Phế Hoàng-hậu họ Vương, lập Hoàng-hậu họ Vũ. Giáng chức quan Chủ Toại-Lương.

656, BÍNH-THÌN

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 54*

TQ *Đường Cao-tông, Hiến-khánh, nguyên-niên*

NK Giá-chủ A-lực (Ali) nước Đại-thực (Arabie) được lập.

657, ĐÌNH-TÝ

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 55*

TQ *Đường Cao-tông, Hiến-khánh, năm 2*

Đánh Tây Đột-Quyết bắt Sa-bát-la Khả-hãn.

660, CANH-THÂN

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 58*

TQ *Đường Cao-tông, Hiến-khách, năm 5*

Bắt đầu khiến họ Vũ phán-quyết việc tấu.

Đánh và diệt nước Bách-tế.

NK Ở Triều-tiên, nước Bách-tế, đời thứ 32, Phong-vương, nguyên-niên.

661, TÂN-DẬU

VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 59.*

TQ *Đường Cao-tông, Long-sóc, nguyên-niên.*

Đánh Cao-ly vây Bình-nhưỡng mà không hạ nổi.

NK Triều Ông-mễ-á (Ommeyâdes) nước Đại-thực (Arabie) hưng-thịnh.

663, QUỶ-HỢI

VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 61.*

TQ *Đường Cao-tông, Long-sóc, năm 3.*

Đánh bại quân cứu viện của Nhật-bản ở nước Bách-tế.

NK Ở Triều-tiên, nước Bách-tế bị nhà Đường diệt.

664, GIÁP-TÝ thứ 60

VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 62.*

TQ *Đường Cao-tông, Tân-đức, nguyên-niên.*

Giết Thượng-quan Nghi. Lương-vương Trung bị tội chết.

666, BÍNH-DẪN

VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 64.*

TQ *Đường Cao-tông, Càn-phong, nguyên-niên.*

Lên Thái-sơn tế trời đất.

NK Năm này các rợ Đột-Quyết đều thuộc về Thổ-phiền.

667, ĐINH-MÃO

VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 65.*

TQ *Đường Cao-tông, Càn-phong, năm 2.*

Lý-Tích đánh Cao-ly, năm sau diệt nước ấy ; từ đấy nước Cao-câu-ly thuộc nhà Đường lại cũng thuộc nước Tân-la.

668, MẬU-THÌN

VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 66.*

TQ *Đường Cao-tông, Tống-chương, nguyên-niên.*

NB Thiên-trí Thiên-hoàng (Tenchi), nguyên-niên.

Vị Thiên-hoàng thứ 38 của Nhật-bản.

670, CANH-NGỌ

VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 68.*

TQ *Đường Cao-tông, Hàm-hanh, nguyên-niên.*
Tiết Nhâu-Quý đánh Thổ-phiền bị thua.

672, NHÂM-THÂN

VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 70.*

TQ *Đường Cao-tông, Hàm-hanh, năm 3.*

NB *Hoảng-văn Thiên-hoàng (Kobun), nguyên-niên.*
Vị Thiên-hoàng thứ 39 của Nhật-bản.

673, QUÝ-DẬU

VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 71.*

TQ *Đường Cao-tông, Hàm-hanh, năm 4.*

NB *Thiên-vũ Thiên-hoàng (Temmu), nguyên-niên.*
Vị Thiên-hoàng thứ 40 của Nhật-bản, kiến-nguyên
là Bạch-phụng.

674, GIÁP-TUẤT

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 72.*

TQ *Đường Cao-tông, Thượng-nguyên, nguyên-niên.*
Vua xưng là Thiên-hoàng, hoàng-hậu xưng là Thiên-
hậu.

NK *Nam-chiếu Thố-tông, La-thành-bì, nguyên-niên.*

676, BÍNH-TÝ

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 74*

TQ *Đường Cao-tông, Nghi-Phụng, nguyên-niên*
Dùng Địch Nhân-Kiệt làm Thị Ngự-sử.

679, KỶ-MÃO

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 77*

Nhà Đường bắt đầu đặt An-nam Đô-hộ phủ để cai-
trị Giao-châu.

TQ *Đường Cao-tông, Điều-lộ, nguyên-niên*
Bùi Hành-kiệm đánh Đột-Quyết.

NK *Vương-quốc Bảo-gia-lợi-á (Bulgarie) thành-lập.*
Nước Đột-Quyết lại hưng-thịnh một lần nữa.

680, CANH-THÌN

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 78*

TQ *Đường Cao-tông, Vinh-long, nguyên-niên*
Phế thái-lữ làm thường-dân, lập Anh-vương tên
Triết.

681, TÂN-TY

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 79*

TQ *Đường Cao-tông, Khai-diệu, nguyên-niên*
Bùi Hành-Kiểm khiến A-sử-na-phục-niệm của Đột-
Quyết đầu hàng.

NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la đời thứ 31, Thần-văn
(Thần-Minh) vương, nguyên-niên.

682, NHÂM-NGO

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 80*

TQ *Đường Cao-tông, Vĩnh-thuần, nguyên-niên*
Cốt-dốc-lộc vào cướp, bị Tiết-Nhân-Quý dẹp yên.

683, QUỲ-VỊ

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, Nhà Đường, năm 81*

TQ *Đường Cao-tông, Hoảng-đạo, nguyên-niên*
Đường Cao-tông băng, Thái-tử Triết lên ngôi, Vũ-
hậu lâm-triều thay quyền Thiên-tử,

684, GIÁP-THÂN

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 82*

TQ *Đường Trung-tông, Tự-thánh, nguyên-niên*
Tên là Triết, con của Cao-tông, ở ngôi được 5 năm.
Vũ-hậu phế vua mới, đem em của vua mới lên ngôi
tên là Đán, cải-nguyên là Quang-trạch.

685, ÂT-DẬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 83*

TQ *Đường Duệ-tông, Thùy-củng, nguyên-niên*
Tên là Đán, con của Cao-tông ở ngôi được 3 năm.
Vũ-hậu dời Trung-tông về Phòng-châu.

NK Hoàng-đế Đông La - mã Tra - sĩ - đinh - ni đệ nhị
(Justinien II) lên ngôi.

Tây Đột-Quyết lại hưng thịnh.

686, BÍNH-TUẤT

VN *Nội-thuộc lần thứ 2, nhà Đường, năm 84*

TQ *Đường Duệ-tông, Thùy-củng, năm 2*

NB Cải-nguyên là Chu-diêu

687, ĐINH-HỢI

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 85*

Người bản xứ làm loạn giết quan Đô-hộ Lưu
Diên-Hựu, Tào Huyền-Tĩnh đánh dẹp yên.

- TQ *Đường Duệ-tông, Thùy-cung, năm 3*
- 688, MẬU-TỶ
VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 86*
TQ *Đường Duệ-tông, Thùy-cung, năm 4*
Vũ-hậu đại tàn sát Tôn-thất nhà Đường.
- 689, KỶ-SỬU
VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 87*
TQ *Đường Duệ-tông, Vinh-xương, nguyên-niên*
NK Ở nước Đại-pháp năm (5) vua cùng lập, quan cung tướng Phi-binh (Pépin) nắm quyền binh toàn quốc.
- 690, CANH-DẦN
VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 88*
TQ *Chu Vũ-hậu, Thiên-thụ, nguyên-niên.*
Tên là Chiêu, chánh hậu của Cao-tông tiếm vị được 21 năm. Vũ-hậu xưng đế, cho Duệ-tông làm Hoàng-tử, đổi quốc-hiệu là Chu.
- 691, TÂN-MÃO
VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 89*
TQ *Chu Vũ-hậu, Thiên-thụ, năm 2*
NB *Tri-thông Thiên-hoàng (Jito), nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 41 của Nhật-bản.
- 692, NHÂM-THÌN
VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 90*
TQ *Chu Vũ-hậu, Như-y, nguyên-niên*
NK Nước Đại-thực (Arabie) cướp phá Tiểu-tế-á, Á-mỹ-ni-á (Arménie).
Ở Triều-tiên, nước Tân-la, dời thứ 32, Hiếu-chiếu vương, nguyên-niên.
- 693, QUÝ-TỶ
VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 91*
TQ *Chu Vũ-hậu, Trường-thọ, nguyên-niên*
Vua rợ Đột-Quyết là Cốt-đốc-lộc mất.
- 694, GIÁP-NGỌ
VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 92*
TQ *Chu Vũ-hậu, Diên-tái, nguyên-niên*
Đúc thiên xu [đồng trụ đề ghi công đức].
- 695, ÂT-VỊ
VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 93.*

- TQ *Chu Vũ-hậu, Thiên-sách Vạn-tuê, nguyên-niên.*
Khiên binh đánh Thổ-phiên.
- 696, BÌNH-THÂN
VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 94.*
TQ *Chu Vũ-hậu, Vạn-tuê Thông-thiên, nguyên-niên.*
Đánh Khất-đơn bị thua.
NK Đông La-mã không có chính-phủ.
- 697, ĐÌNH-DẬU
VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 95.*
TQ *Chu Vũ-hậu, Thần-công, nguyên-niên.*
Đem Mặc-Xuyết của Đột-Quyết làm vua rợ.
NB Văn-vũ Thiên-hoàng, (Momm), nguyên-niên.
Vị Thiên-hoàng thứ 42 của Nhật-bản.
NK Nước Đại-thực (Arabie) cướp phá A-phi-lợi-gia (Afrique).
- 698, MẬU-TUẤT
VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 96.*
TQ *Chu Vũ-hậu, Thánh-lịch, nguyên-niên.*
Trung-tống trở về Lạc-dương, rồi làm Thái-tử, Duệ-tôn từ ngôi.
- 700, CANH-TÝ
VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 98.*
TQ *Chu Vũ-hậu, Cửu-thị, nguyên-niên.*
- 701, TÂN-SỬU
VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 99.*
TQ *Chu Vũ-hậu, Trường-an, nguyên-niên.*
Quách Nguyên-chấn làm Đô-đốc Lương-châu.
NB Cải nguyên là Đại-bảo.
- 702, NHÂM-DẦN
VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 100.*
TQ *Chu Vũ-hậu, Trường-an, năm 2.*
NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 33, Thánh-đức vương, nguyên-niên.
- 704, GIÁP-THÌN
VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 102.*
TQ *Chu Vũ-hậu, Trường-an, năm 4.*
NB Cải nguyên là Khánh-vân.

705, **ẤT-Từ**

VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 103.*

TQ *Đường Trung-tông, Thẩn-long, nguyên-niên.*

Đường Trung-tông lại lên ngôi. Vũ-hậu băng năm 82 tuổi.

707, **ĐINH-VỊ**

VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 105.*

TQ *Đường Trung-tông, Cảnh-long, nguyên-niên.*

708, **MẬU-THÂN**

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 106*

TQ *Đường Trung-tông, Cảnh-long, năm 2*

NB *Nguyên-minh Thiên-hoàng (Gemmyo), nguyên-niên*

Vị Thiên-hoàng thứ 43 của Nhật-bản, kiến-nguyên là Hòa-dồng.

710, **CANH-TUẤT**

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 108*

TQ *Đường Duệ-tông, Cảnh-vân, nguyên-niên*

Vi-hậu giết Trung-tông và lâm triều thay quyền Thiên-tử. Lâm-tri-vương tên Long-Cơ dẹp loạn, Duệ-tông lại lên ngôi.

711, **TÂN-HỢI**

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 109*

TQ *Đường Duệ-tông, Cảnh-vân, năm 2*

NK Nước Đại-thực (Arabie) đánh Tây-ban-nha, diệt vương-quốc Tây kha-đức (Wisigoths).

712, . **NHÂM-Từ**

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 110*

TQ *Đường Duệ-tông, Thái-cực, nguyên-niên*

Duệ-tông truyền ngôi cho Thái-tử Long-Cơ. Bột-hải kiến quốc.

NK Nam-chiếu Uy-thành vương Thạnh-la-bì, nguyên-niên.

713, **QUừ-SỬU**

VN *Nội-thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 111*

TQ *Đường Huyền-tông, Khai-nguyên, nguyên-niên*

Tên là Long-Cơ, con của Duệ-tông, ở ngôi được 45 năm. Diêu-Sùng làm Tể-tướng. Phong Đại-Trà-Vinh làm Quận-vương ở Bột-hải.

- NK Hoàng-đế Đông La-mã là A-ni-dạt-tây đệ nhị (Anastase II) lên ngôi.
- 715, **ẤT-MÃO**
VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 113*
TQ *Đường Huyền-tông, Khai-nguyên, năm 3*
NB *Nguyên-chính Thiên-hoàng (Genshō), nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 44 của Nhật-bản, kiến nguyên
là Linh-quy.
- 717, **ĐINH-TY**
VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 115*
TQ *Đường Huyền-tông, Khai-nguyên, năm 5*
NB *Cải nguyên là Dưong-lão*
- 721, **TÂN-DẬU**
VN *Nội thuộc lần thứ 3, nhà Đường, năm 119*
TQ *Đường Huyền-tông, Khai-nguyên, năm 9*
- 722, **NHÂM-TUẤT**
VN *Mai-Hắc đề*
Mai Thúc-Loan ở Hoan-châu chiếm giữ châu rồi
xung đế, nhà Đường sai bốn quan nội thị là Dương
Tur-Húc đánh dẹp.
TQ *Đường Huyền-tông, Khai-nguyên, năm 10*
- 723, **QUÝ-HỢI**
VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 1*
TQ *Đường Huyền-tông, Khai-nguyên, năm 11*
- 724, **GIÁP-TÝ** thứ 61
VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 2*
TQ *Đường Huyền-tông, Khai-nguyên, năm 12*
NB *Thánh-vũ Thiên-hoàng (Shōmu), nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 45 của Nhật-bản, kiến nguyên
là Thần-quy.
- 725, **ẤT-SỬU**
VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 3*
TQ *Đường Huyền-tông, Khai-nguyên, năm 13*
NB *Cải nguyên là Bạch-quy.*
- 726, **BÍNH-DẦN**
VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 4*
TQ *Đường Huyền-tông, Khai-nguyên, năm 14*
NK Hoàng-đế Đông La-mã cấm dân thờ hình tượng.

728, MẬU-THÌN

VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 6*

TQ *Đường Huyền-tông, Khai-nguyên, năm 16*

NK Vua Bi-la-các của Nam-chiếu lên ngôi.

729, KỶ-Từ

VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 7*

TQ *Đường Huyền-tông, Khai-nguyên, năm 17*

NB Cải-nguyên là Thiên-bình.

732, NHÂM-THÂN

VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 10*

TQ *Đường Huyền-tông, Khai-nguyên, năm 20*

Tin-an vương đánh đại bại rợ Hề-khất-dan.

NK Nước Đại-thực (Arabie) đánh nước Đại-Pháp bị thua.

733, QUỲ-DẬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 11*

TQ *Đường Huyền-tông, Khai-nguyên, năm 21*

Chia thiên-hạ làm 15 đạo, đặt Thái-Phổng-sứ. Đánh Bột-hải.

737, ĐINH-SỬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 15*

TQ *Đường Huyền-tông, Khai-nguyên, năm 25*

NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 34, Hiếu-thành vương, nguyên-niên.

739, KỶ-MÃO

VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 17*

TQ *Đường Huyền-tông, Khai-nguyên, năm 27*

Nhà Đường truy-phong thụy-hiệu cho Không-tử là Văn-tuyên vương ; các đệ-tử của ngài đều làm Công, Hầu, Bá.

742, NHÂM-NGỌ

VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 20*

TQ *Đường Huyền-tông, Thiên-bảo, nguyên-niên*

Kinh truy-hiệu cho Lão-tử làm Huyền-nguyên Hoàng-đế và được thờ ở Tân-miếu.

NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời 35, Cảnh-đức vương, nguyên-niên

749, KỶ-SỬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 27*

- TQ *Đường Huyền-tông, Thiên-bảo, năm 8*
NK Nhật-bản cải-nguyên là Thiên-bình Cẩm-bảo.
Nam-chiếu Thần-vũ-đế Các-la-phụng lên ngôi.
- 750, CANH-DẪN
VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 28*
TQ *Đường Huyền-tông, Thiên-bảo, năm 9*
NB *Hiếu-khiêm Thiên-hoàng (Koken), nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 46 của Nhật-bản, kiến-nguyên
là Thiên-bình Thăng-bảo.
Nước Đại-thực (Arabie) dựng triều A-bạt-kỳ (Abbas).
- 752, NHÂM-THÌN
VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 30*
TQ *Đường Huyền-tông, Thiên-bảo, năm 11*
Lý Lâm-Phủ chết; dùng Dương Quốc-Trung làm
Hữu-tướng
NK Vua Luân-ba (Lombards) đuổi Giả-vương của Ý-
đại-lợi, từ đấy Giả-vương mới mất.
Nam-chiếu kiến-nguyên là Tân-phổ-chung.
- 753, QUÝ-Từ
VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 31*
TQ *Đường Huyền-tông, Thiên-bảo, năm 12*
NK Đột-quyết bị Hồi-hột đánh bại, vua rợ ấy đầu nhà
Đường, nhà Đường phong làm Kim-sơn-vương.
- 755, ẤT-VỊ
VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 33*
TQ *Đường Huyền-tông, Thiên-bảo, năm 14*
An-lộc-Sơn làm phản, Nhan-chân-Khanh khởi binh
đẹp giặc.
NK Nước Đại-Pháp bình-dịnh Ý-đại-lợi và đem đất xưa
của Giả-vương giao cho Giáo-hoàng.
- 756, BÍNH-THÂN
VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 34*
Nhà Đường đòi An-nam Đò-hộ-phủ ra Trấn-nam
Đò-hộ-phủ.
TQ *Đường Túc-tông, Chi-đức, nguyên-niên*
Tên là Hanh, con của Huyền-tông, ở ngôi được 7
năm. Huyền-tông chạy vào Thục, vua Túc-tông lên
ngôi ở Linh-vũ.

- NK Tây-ban-nha lại lập A-bổ-đích-lạp-man (Abd Er-Rahman) làm vua, dựng nên triều-đình Ông-mễ-á (Ommeyades).
- 757, ĐÌNH-DẬU
VN *Nội-thuộc lần 4, năm 35*
TQ *Đường Túc-tông, Chí-đức, năm 2*
An Khánh-Tự giết Lộc-Son. Giặc cướp Tuy-dương, Trương-Tuần chết theo.
- NB Cải-nguyên là Thiên-bình Bảo-tự.
- 758, MẬU-TUẤT
VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 36*
TQ *Đường Túc-tông, Càn-nguyên, nguyên-niên*
Đem Công-chúa Ninh-quốc gả cho vua rợ Hồi-hộ.
- NB *Thuần-nhân Thiên-hoàng (Junnin), nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 47 của Nhật-bản, lại có một tên là Phế-đế.
- 759, KỶ-HỢI
VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 37*
TQ *Đường Túc-tông, Càn-nguyên, năm 2*
Sử Tư-Minh giết An-Khánh-Tự. Quách-tử-Nghi lấy Lạc-dương.
- 760, CANH-TÝ
VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 38*
TQ *Đường Túc-tông, Thượn-nguyên, nguyên-niên.*
Lý Phụ-Quốc đòi Huyền-tông về Tây-nội. Lý Quang-Bật phá quân giặc.
- 761, TÂN-SỬU
VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 39*
TQ *Đường Túc-tông, Thượn-nguyên, năm 2*
Sử Triều-Nghĩa giết Sử Tư-Minh.
- 762, NHÂM-DẪN
VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 40*
TQ *Đường Túc-tông, Bảo-ứng, nguyên-niên*
Túc-tông và Huyền-tông đều băng.
Hồi-hộ vào tiếp-viên Triều-nghĩa bị thua mà chết.
- NK Nước Đại-thực (Arabie) dựng phủ Báo-đạt (Bagdad).
- 763, QUỠ-MÃO
VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 41*
TQ *Đường Đại-tông, Quảng-đức, nguyên-niên*

Tên là Dự, con của Túc-tông, ở ngôi được 17 năm. Thỗ-phiên vào cướp Trường-an, bị Quách-Tử-Nghị đánh.

765, **ẤT-TY**

VN *Nội thuộc lần thứ 4, năm 41*

TQ *Đường Đại-tông, Vĩnh-thái, nguyên-niên.*

Hồi-hột và Thỗ-phiên vào cướp, Hồi-hột nhận lời thề mà trở về.

NB *Xứng-dức Thiên-hoàng (Shotoku), nguyên-niên.*

Vị Thiên-hoàng thứ 48 của Nhật-bản, kiến-nguyên là Thiên-binh Thần-hộ.

NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 36, Cung-huệ-vương nguyên-niên.

766, **BÍNH-NGỌ**

VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 44.*

TQ *Đường Đại-tông, Đại-lịch, nguyên-niên.*

NK Xứng-dức nữ-dế nước Nhật dùng tăng Đạo-Kính làm pháp-hoàng (vị giáo-chủ bên đạo Phật).

767, **ĐINH-VỊ**

VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 45.*

Quân Côn-luân và Đồ-bà vào cướp, quan kinh-lược-sứ là Trương Bá-Nghị đánh dẹp. Đắp La-thành.

TQ *Đường Đại-tông, Đại-lịch, năm 2.*

NB Cải-nguyên là Thần-hộ Cảnh-vân.

768, **MẬU-THÂN**

VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 46.*

Nhà Đường lại sửa Trấn-nam ra An-nam Đô-hộ-phủ.

TQ *Đường Đại-tông, Đại-lịch, năm 3.*

NK Hạ-ly-man (Charlemagne) của nước Đại-Pháp lập người em [là Carloman] làm Nô-đắc-vương (?).

769, **KỶ-DẬU**

VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 47.*

TQ *Đường Đại-tông, Đại-lịch, năm 4*

NB Xứng-dức nữ-dế muốn nhường ngôi cho tăng Đạo-Kính, nhưng không kết-quả.

770, **CANH-TUẤT**

VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 48*

- TQ *Đường Đại-tông, Đại-lịch, năm 5.*
NB *Quang-nhân Thiên-hoàng (Kōnin), nguyên-niên.*
Vị Thiên-hoàng thứ 49 của Nhật-bản, lại có một tên là Thiên-Tông Cao-thiệu Thiên-hoàng, kiến-
nguyên là Bảo-quy.
- 774, GIÁP-DẪN
VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 52.*
TQ *Đường Đại-tông, Đại-lịch, năm 9*
Chu-Thử vào triều.
NK Vua Luân-ba (Lombards) vây La-mã, nước Đại-
Pháp cứu viện và diệt nước Luân-ba.
Nước Đại-Pháp thôn tính Ý-đại-lợi.
- 777, ĐINH-TY
VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 55.*
TQ *Đường Đại-tông, Đại-lịch, năm 12.*
Giết quan Tề-tướng Nguyên-Tải.
- 778, MẬU-NGO
VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 56*
TQ *Đường Đại-tông, Đại-lịch, năm 13.*
Nước Đại-Pháp tấn công Tây-ban-nha.
- 779, KỶ-VỊ
VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 57*
TQ *Đường Đại-tông, Đại-lịch, năm 14.*
NK Nước Nam-chiếu, vua Phụng-gia-dị lên ngôi, rồi
Dị-mâu lại kế-vị, đổi nước Đại-Mông ra nước
Đại-Lý.
- 780, CANH-THÂN
VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 58*
TQ *Đường Đức-tông, Kiến-trung, nguyên-niên*
Tên là Quát, con của Đại-tông, ở ngôi được 26
năm. Bắt đầu đặt ra lưỡng-thuế-pháp trưng thu
thuế mùa hạ và thuế mùa thu.
NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 37, Tuyên-dức
vương, nguyên-niên.
- 781, TÂN-DẬU
VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 59*
TQ *Đường-Đức-tông, Kiến-trung, năm 2*
NB Cải-nguyên là Thiên-ứng.

782, NHÂM-TUẤT

VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 60*

TQ *Đường Đức-tông, Kiên-trung, năm 3*

Lý Hy-Liệt, Chu-Thao, Vương Vũ-Tuấn làm phản.

NB *Hoàn-vũ-Thiên-hoàng, (Kammu), nguyên-niên*

Vị Thiên-hoàng thứ 50 của Nhật-bản, lại có một tên là Bách - nguyên Thiên - hoàng, kiến nguyên là Diên-lịch.

783, QUỠ-HỢI

VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 61*

TQ *Đường Đức-tông, Kiên-Trung, năm 4*

Chu-Thử làm phản, Đoàn Tú-Thực chết theo. Nhà vua chạy về Phụng-thiên.

784, GIÁP-TÝ thứ 62

VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 62*

TQ *Đường Đức-tông, Hưng-nguyên, nguyên-niên*

Vua xuống chiếu tự trách mình. Các trấn xin hàng, chỉ có Lý Hy-Liệt xưng đế.

785, ẤT-SỬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 63*

TQ *Đường Đức-tông, Trinh-nguyên, nguyên-niên*

NK Tắt-khắc-Sâm (Saxons) đầu hàng nước Đại-Pháp. Ở Triều-tiên, nước Tân-la đời thứ 38, Nguyên-thành vương, nguyên-niên.

786, BÍNH-DẪN

VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 64*

TQ *Đường Đức-tông, Trinh-nguyên, năm 2*

Trần Tiên-kỳ giết Lý Hy-Liệt đề đầu hàng. Lý-Thạnh phá Thổ-phiên.

NK Hạp-luân (Haroun-al-Raschid) được lập làm giáo-vương đạo Hồi-hồi.

790, CANH-NGỌ

VN *Nội-thuộc lần thứ 4, năm 68*

TQ *Đường Đức-tông, Trinh-nguyên, năm 6*

791, TÂN-VỊ

VN *Phùng Bồ-cái Đại-vương*

Vua tên là Hưng, người Đường-lâm (Phong-châu) dấy binh đánh Đô-hộ-phủ và chiếm cứ được, rồi

mất; con là An nối theo, tôn Phùng-Hưng làm Bồ-cái Đại-vương.

Nhà Đường dùng Triệu-Xương làm Đô-hộ. Triệu-Xương đắp thêm La-thành, biên-tập sách địa-chỉ về An-nam Đô-hộ-phủ.

TQ Đường Đức-tông, Trinh-nguyên, năm 7.

Dùng quan Thị-giảng Lục-Chi làm Binh-bộ Thị-lang.

NK Hung-nô xâm lăng nước Đại-Pháp.

792, NHÂM-THÂN

VN Nội-thuộc lần thứ 5, năm 1.

TQ Đường Đức-tông, Trinh-nguyên, năm 8.

794, GIÁP-TUẤT

VN Nội-thuộc lần thứ 5, năm 3.

TQ Đường Đức-tông, Trinh-nguyên, năm 10.

Phong Di-mâu-tầm làm Nam-chiếu-vương.

799, KỶ-MÃO

VN Nội-thuộc lần thứ 5, năm 8

TQ Đường Đức-tông, Trinh-nguyên, năm 15.

Phát các đạo binh đánh Ngô Thiệu-Thành.

NK Nam-chiếu Tầm-các-khuyến lên ngôi.

Ở Triều-tiên nước Tân-la, đời thứ 39, Chiếu-thánh-vương (lại có tên là Chiếu-thành-vương), nguyên-niên.

800, CANH-THỊN

VN Nội-thuộc lần thứ 5, năm 9

TQ Đường Đức-tông, Trinh-nguyên, năm 16

NK Giáo-hoàng La-mã tôn vua nước Đại-Pháp làm Hoàng-đế Tây La-mã.

Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 40, Ai-trang-vương, nguyên-niên.

801, TÂN-TY

VN Nội-thuộc lần thứ 5, năm 10

Quan Đô-hộ Triệu-Xương nhân bệnh ở chân xin trở về, nhà Đường dùng Bùi-Thái làm quan đô-hộ.

TQ Đường Đức-tông, Trinh-nguyên, năm 17.

802, NHÂM-NGỌ

VN Nội-thuộc lần thứ 5, năm 11

TQ Đường Đức-tông, Trinh-nguyên, năm 18.

Vi-Cao đánh bại Thỗ-phiên ở Duy-châu và bắt được viên tướng của chúng.

- NK Tổng-dốc Đông La-mã là Nãi-phúc-la (Nicéphore)
tự lập và đuổi Nữ-chúa.
- 803, QUỶ-VỊ
VN *Nội thuộc lần thứ 5, năm 12.*
Nhà Đường lại dùng Triệu-Xương làm quan Đô-hộ.
TQ *Đường Đức-tông, Trinh-nguyên, năm 19.*
- 805, ẤT-DẬU
VN *Nội thuộc lần thứ 5, năm 14.*
TQ *Đường Thuận-tông, Vĩnh-trinh, nguyên-niên.*
Tên là Tụng, con của Đức-tông, ở ngôi được 8
tháng. Tháng giêng Đức-tông băng, Thuận-tông lên
ngôi, tháng 8 truyền ngôi.
- NK Hồi-giao vương đánh đất Da-giáo của Đông La-mã,
Ở Nam-chiếu, Khuyển-long-thạnh lên ngôi.
- 806, BÍNH-TUẤT
VN *Nội thuộc lần thứ 5, năm 15.*
TQ *Đường Hiền-tông, Nguyên-hòa, nguyên-niên.*
Tên là Thuần, con của Thuận-tông, ở ngôi được 15
năm. Thuận-tông băng. Lưu-Tịch làm phản, bị dẹp
yên.
- NB *Bình-thành Thiên-hoàng (Heijo), nguyên-niên.*
Vị Thiên-hoàng thứ 51 của Nhật-bản, lại có tên là
Nại-lương đế, kiến-Nguyên là Đại-dồng.
- NK Ở Nam-chiếu, Khuyển-lợi-thạnh lên ngôi.
- 807, ĐINH-HỢI
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 16.*
TQ *Đường Hiền-tông, Nguyên-hòa, năm 2.*
Lý-Kỷ làm phản, bị đánh dẹp yên.
- 808, MẬU-TÝ
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 17.*
Nhà Đường dùng Trương-Chu làm quan Đô-hộ.
Trương-Chu xây sửa thành Đại-la. Năm ấy Trương
đánh Hoàn-vương quốc (vốn là nước Lâm-ấp), và
cải quốc-hiệu nước ấy ra Chiêm-thành.
- TQ *Đường Hiền-tông, Nguyên-hòa, năm 3*
- 809, KỶ-SỬU
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 18*

- TQ *Đường Hiến-tông, Nguyên-hòa, năm 4.*
NK Ở Triều-liên, nước Tân-la, đời thứ 41, Hiến-dức-vương lên là Ngạn-Thăng, nguyên-niên.
- 810, CANH-DẦN
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 19.*
TQ *Đường Hiến-tông, Nguyên-hòa, năm 19.*
Khiến Lưu-Tể đánh Vương Thừa-Tông.
NB *Tha-nga Thiên-hoàng, (Saga), nguyên-niên.*
Vị Thiên-hoàng thứ 52 của Nhật-bản, kiến nguyên là Hoảng-nhân.
- 811, GIÁP-NGỌ
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 23.*
TQ *Đường Hiến-tông, Nguyên-hòa, năm 9.*
NK Hoàng-đế Tây La-mã Hạ-lý-man (Charlemagne) băng, Lộ-dị đệ I (Louis I) lên ngôi, tức vua Phậtlang-cơ (Frances).
- 815, ẤT-VỊ
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 24.*
TQ *Đường Hiến-tông, Nguyên-hòa, năm 10.*
Ngô Nguyên-Tể lên giết Vũ Nguyên-Hoành. Dùng Bùi-Độ làm tể-tướng, đánh Hoài-tây.
- 817, ĐINH-DẬU
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 26.*
TQ *Đường Hiến-tông, Nguyên-hòa, năm 12.*
Lý-Tể đang đem đánh úp Thái-châu bắt Ngô Nguyên-Tể, đất Hoài-tây được dẹp yên.
NK Hoàng-đế Tây La-mã bắt đầu phong cho ba con làm quốc-vương Pháp, Ý, Nhật-nhĩ-man.
- 819, KỶ-HỢI
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 28.*
Dương-Thanh làm phản đánh úp thành phủ, giết quan Đô-hộ Lý Tượng-Cồ.
Nhà Đường dùng Mã-Tổng làm quan Đô-hộ.
TQ *Đường Hiến-tông, Nguyên-hòa, năm 14.*
- 820, CANH-TÝ
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 29.*
TQ *Đường Hiến-tông, Nguyên-hòa, năm 15.*
Hoạn quan Trần Hoảng-Chi giết Hiến-tông.
NK Tổng-dốc đất Ha-la-san (Khorassan) làm phản nước

Đại-thực (Arabie) tự lập làm vua, ấy là triều Thá-l-hậu (dynastie Tahiride).

821, TÂN-SỬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 30*

TQ *Đường Mục-tông, Trường-khánh, nguyên-niên*

Tên là Hằng, con của Hiến-tông. Ở ngôi được 4 năm.

Giáng chức quan Lý Tôn-Mẫn ; hiềm khích về đảng phái bắt đầu.

824, GIÁP-THÌN

VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 33*

Quan Đô-hộ Lý-Nguyên-Gia dòi phủ thành ra ngoài cửa Đông-quan.

TQ *Đường Mục-tông, Trường-khánh, năm 4*

NB *Thuần-hòa Thiên-hoàng (Junna), nguyên-niên*

Vị Thiên-hoàng thứ 53 của Nhật-bản, lại có một tên là Tây-viện để kiến-nguyên là Thiên-trường.

NK Ở nước Nam-chiếu, vua Thanh-phong-hựu lên ngôi.

825, ẤT-TY

VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 34*

Nhà Đường dòi An-nam Đô-hộ-phủ về Tống-bình.

TQ *Đường Kinh-tông, Bảo-lich, nguyên-niên.*

Tên là Trạm, con của Mục-tông, ở ngôi được 2 năm. Lý Đức-Dự dâng Đôn-Ý lục-châm (sáu điều răn).

NK Anh-vương lấy Mặc-táy-á (Mercie), lại lấy Nặc-đông [Northumbrie ?].

826, BÍNH-NGỌ

VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 35*

TQ *Đường Kinh-tông, Bảo-lich, năm 2*

Hoạn quan Lưu Khắc-Minh thí vua Kinh-tông.

NK Người Hồi chinh-phục Tây-tây-ly (Sicile)

Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 42, Hưng-đức vương, nguyên-niên.

827, ĐINH-VỊ

VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 36*

Vương Thăng-Triều làm phản, quan Đô-hộ Hàn-Uớc đánh giết được.

- TQ *Đường Văn-tông, Thái-hòa, nguyên-niên*
Tên là Ngang, con của Mục-tông, ở ngôi được 13 năm.
- NK Vua xứ Uy-tắc-khắc-tur (Wessex) là Ái-cách-bá (Egbert) thống-nhất nước Anh-cát-lợi.
- 831, TÂN-HỢI
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 40*
TQ *Đường Văn-tông, Thái-hòa, năm 5*
Thồ-phiền đem Tất-dát mưu dâng nạp để xin dầu hàng bị Ngưu Tăng-Nhũ luận bàn không nhận.
- 831, GIÁP-DẦN
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 43*
TQ *Đường Văn-tông, Thái-hòa, năm 8*
NB *Nhân-minh Thiên-hoàng (Nimmjó), nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 54 của Nhật-bản, lại có một tên là Thâm-thảo-đế, kiến-nguyên là Thừa-hòa.
- 835, ÂT-MÃO
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 44*
TQ *Đường Văn-tông, Thái-hòa, năm 9*
Bọn Lý-Huấn, Trịnh-Chú mưu giết hoạn quan mà không thành ; hoạn quan đại sát bọn Tề-tướng Vương-Nhai.
- 836, BÍNH-THÌN
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 45*
Nhà Đường dùng Mã-Thực làm quan Đò-hộ.
TQ *Đường Văn-tông, Khai-thành, nguyên-niên*
Lý Cổ-ngôn làm Tề-tướng.
NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 43, Hy-khang vương, nguyên-niên.
- 838, MẬU-NGỌ
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 47*
TQ *Đường Văn-tông, Khai-thành, năm 3*
NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 44, Mẫn-ai vương, nguyên-niên.
- 839, KỶ-VỊ
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 48*
TQ *Đường Văn-tông, Khai-thành, năm 4*
NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 45, Thần-vũ vương; đời thứ 46, Văn-thánh vương, nguyên-niên.

840, CANH-THÂN

VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 49*

TQ *Đường Văn-tông, Khai-thành, năm 5*

Văn-tông băng, em của vua là Triền giết Thái-tử rồi lên ngôi. Lý Đức-Dụ làm tướng.

NK Hoàng-đế Tây La-mã băng, ba người con tranh nhau.

841. TÂN-DẬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 50*

Nhà Đường dùng Vũ-Hồn làm Kinh-lược-sứ.

TQ *Đường Vũ-tông, Hội-xương, nguyên-niên,*

Tên là Triền, con của Mục-tông, ở ngôi được 14 năm. Quân Lư-long làm loạn, Trương-Trọng-Vũ dẹp yên.

843, QUỠ-HỢI

VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 52.*

TQ *Đường Vũ-tông, Hội-xương, năm 3.*

Lưu-Miến cả phá rợ Hồi-hột.

NK Nước Đại-Pháp phân ra làm 3: Đông-Bộ, Tây-Bộ, Trung-Bộ, 3 người con [của Louis le Pieux] chia ra mà chiếm lãnh.

844. GIÁP-TÝ thứ 63

VN *Nội thuộc lần thứ 5, năm 53.*

TQ *Đường Vũ-tông, Hội-xương, năm 4.*

845, ẤT-SỬU

VN *Nội thuộc lần thứ 5, năm 54.*

TQ *Đường Vũ-tông, Hội-xương, năm 5.*

Phá hủy các chùa Phật trong thiên-hạ, các tăng-ni bị bắt buộc quy-tục.

NK Nặc-man (Normands) cướp phá lớn ở Âu-châu.

846, BÍNH-DẪN

VN *Nội thuộc lần thứ 5, năm 55.*

Người Nam-chiếu vào cướp phá bị quan Kinh-lược-sứ Bùi Nguyên-Dụ đánh bại.

TQ *Đường Vũ-tông, Hội-xương, năm 6.*

Vũ-tông băng, người chú là Quang-vương tên Thầm lên ngôi.

847. ĐINH-MÃO

VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 56.*

TQ *Đường Tuyên-tông, Đại-trung, nguyên-niên.*

Tên là Thầm, con của Hiến-tông, ở ngôi được 13 năm.

Giáng chức quan Lý Đức-Dụ.

848, MẬU-THÌN

VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 57.*

TQ *Đường Tuyên-tông, Đại-trung, năm 2.*

NB Cải nguyên là Gia-tường.

851, TÂN-VỊ

VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 60.*

TQ *Đường Tuyên-tông, Đại-trung, năm 5.*

NB *Văn-đức Thiên-hoàng (Montoku), nguyên-niên.*

Vị Thiên-hoàng thứ 55 của Nhật-bản, lại có một tên là Điền-ấp đế, kiến nguyên là Nhân-thọ.

854, GIÁP-TUẤT

VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 63.*

TQ *Đường Tuyên-tông, Đại-trung, năm 8.*

NB Cải-nguyên là Tề-hoành.

857, ĐINH-SỬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 66.*

Nhà Đường dùng Chu-Nhai làm quan Kinh-lược-sứ. Đuổi man-khẩu ; giết loạn dân.

TQ *Đường Tuyên-tông, Đại-trung, năm 11*

NK Nhật-bản cải-nguyên là Thiên-an.

Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời 47, Hiến-an vương, nguyên-niên.

858, MẬU-DẦN

VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 67*

Nhà Đường dùng Vương-Thức làm quan Kinh-lược Đô-hộ-sứ.

TQ *Đường Tuyên-tông, Đại-trung, năm 12*

859, KỶ-MÃO

VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 68*

TQ *Đường Tuyên-tông, Đại-trung, năm 13*

NB *Thanh-hòa Thiên-hoàng (Seiwa) nguyên-niên*

Vị Thiên-hoàng thứ 56 của Nhật-bản, kiến-nguyên là Trinh-quan.

860, CANH-THÌN

VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 69*

Nhà Đường dùng Lý Hộ làm quan Đô-hộ. Quân Nam-chiếu công hãm thành phủ, Lý Hộ bỏ chạy.

TQ *Đường Ý-tông, Hàm-thông, nguyên-niên*

Tên là Xác (Giác), con của Tuyên-tông, ở ngôi được 14 năm. Giác ở Chiết-đông là Cầu-Phủ làm loạn, Vương-Nhung đánh dẹp yên.

NK Sắc-đắc-hồi dựng nên nước Pháp-lang-đức.

Ở Nam-chiếu vua Thế-long lên ngôi.

861, TÂN-TY

VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 70*

Nhà Đường dùng Vương-Khoan làm quan Kinh-lược-sứ.

TQ *Đường Ý-tông, Hàm-thông, năm 2*

NK Ở Triều-liên, nước Tân-la, đời thứ 48, Cảnh-văn vương, nguyên-niên.

862, NHÂM-NGỌ

VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 71*

Quân Nam-chiếu vào cướp, nhà Đường dùng Thái-Tập làm quan Kinh-lược-sứ để chống ngự.

TQ *Đường Ý-tông, Hàm-thông, năm 3*

Nhà Đường phân Lĩnh-nam làm 2 đạo Đông và Tây, dùng Vi-Trụ, Thái-Kinh làm quan Tiết-độ-sứ.

NK Người Nặc-man (Normands) là Lộc-Liệt (Rurik) bắt đầu dựng nước Nga-lạ-tư.

863, QUÝ-VỊ

VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 72*

Quân Nam-chiếu công hãm phủ Đô-hộ, Thái-Tập chết theo. Nhà Đường bỏ phủ Đô-hộ, đặt Hành Giao-châu ở trấn Hải-môn, rồi lại đặt phủ Đô-hộ ở Hành Giao-châu, dùng Tống-Nhung làm quan Kinh-lược-sứ.

TQ *Đường Ý-tông, Hàm-thông, năm 4*

864, GIÁP-THÂN

VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 73.*

Nhà Đường dùng Trương-Nhân xử-lý luôn các việc ở Giao-châu, rồi dùng Cao-Biên làm quan Đô-hộ tổng-quản Kinh-lược Chiêu-thảo-sứ.

- TQ *Đường Ý-tông, Hàm-thông, năm 5.*
865, ẤT-DẬU
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 74*
Cao-Biên phá thổ bình ở Phong-châu.
TQ *Đường Ý-tông, Hàm-thông, năm 6.*
866 BÍNH-TUẤT
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 75.*
Cao-Biên khắc phục được châu thành, giặc man
được dẹp yên. Nhà Đường đặt quân Tĩnh-hải,
dùng Cao-Biên làm quan Tiết-độ-sứ, đắp thành
Đại-la, mở cảng Dung-châu.
TQ *Đường Ý-tông, Hàm-thông, năm 7.*
870, CANH-DẦN
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 79.*
TQ *Đường Ý-tông, Hàm-thông, năm 11.*
Quân Nam-chiếu tấn công đô-thành.
NK Nước Đại-Pháp chia ra làm 3 nước: Ý-đại-lợi
(Italie), Đức-y-chi (Germanie), Pháp-lan-tây (France).
874, GIÁP-NGỌ
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 83.*
TQ *Đường Hy-tông, Càn-phù, nguyên-niên.*
Tên là Nghiêm, con của Ý-tông, ở ngôi được 16
năm.
Vương Tiên-Chi làm loạn.
NK Người Nặc-man (Normands) di thực dân ở Băng-
châu (Islande).
875, ẤT-VỊ
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 84.*
Nhà Đường dời Cao-Biên về Tây-xuyên làm Tiết-
độ-sứ, dùng Cao-Tâm thay thế trấn thủ Giao-châu.
TQ *Đường Hy-tông, Càn-phù, năm 2.*
Vương Tiên-Chi công hãm các châu, Hoàng-Sào
ứng theo giặc.
NK Ai-cập phần lại nước Đại-thực (Arabie) để độc-lập.
Ở Triều-tiên, nước Tân-la, Hiến-khang vương,
nguyên-niên.
877, ĐINH-DẬU
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 86.*
TQ *Đường Hy-tông, Càn-phù, năm 4.*

- NB *Dương-thành Thiên-hoàng (Yozei), nguyên-niên.*
Vị Thiên-Hoàng thứ 57 của Nhật-bản, kiến nguyên
là Nguyên-khánh.
- NK Ở Nam-chiếu, vua Long-thuấn lên ngôi.
- 880, CANH-TÝ
- VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 89.*
Quân Nam-chiếu công hãm phủ Đò-hộ, quan Tiểi-
chế nhà Đường là Tăng-Cổn chạy về Ung-châu.
Người thổ hào là Khúc-Thừa-Dụ vào chiếm phủ
thành và xưng là Tiết-độ-sứ.
- TQ *Đường Hy-tông, Quảng-minh, nguyên-niên.*
Hoàng-Sào vào Trường-an, vua chạy về Hưng-
nguyên.
Hoàng-Sào tiếm hiệu là Tề-đế.
- 881, TÂN-SỬU
- VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 90.*
- TQ *Đường Hy-tông, Trung-hòa, nguyên-niên.*
Vua đến Thành-đô, quan quân khắc phục được
Trường-an rồi lại bị mất.
- 882, NHÂM-DẦN
- VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 91.*
- TQ *Đường Hy-tông, Trung-hòa, năm 2.*
Vương-Đặc đem các đạo² binh tụ-tập lại ở Trường-an,
- NK Tra-ly (Charles) Đức-vương kiêm Ý-vương xưng là
Hoàng-đế Tây La-mã.
- 883, QUÝ-MÃO
- VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 92*
- TQ *Đường Hy-tông, Trung-hòa, năm 3*
Lý Khắc-Dụng phá quân Hoàng-Sào và thu-phục
Trường-an.
- 884, GIÁP-THÌN
- VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 93*
- TQ *Đường Hy-tông, Trung-hòa, năm 4*
Quân giặc giết Hoàng-Sào đề đầu hàng.
- NK Hoàng-đế La-mã gồm 3 nước Pháp, Ý, Đức mà
làm vua.
- 885, ẤT-TY
- VN *Nội thuộc lần thứ 5, năm 94.*
- TQ *Đường Hy-tông, Quang-khải, nguyên-niên.*

Tần Tông-Quyền tiếm hiệu. Lý Khắc-Dụng bức kinh-sư. vua chạy về Phụng-tường.

NB *Quang-hiều Thiên-hoàng (Kôkô), nguyên-niên*

Vị Thiên-hoàng thứ 58 của Nhật-bản, lại có một tên là Tiều-tùng Thiên-hoàng, kiến-nguyên là Nhân-hòa.

NK Người Nặc-man (Normands) cướp phá nước Pháp, vây Ba-lê, năm sau mới lui.

886, BÌNH-NGO

VN *Nội thuộc lần thứ 5, năm 95*

TQ *Đường Hy-tông, Quang-khải, năm 2*

NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 50, Định-khang vương, nguyên-niên.

887, ĐINH-VỊ

VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 96*

TQ *Đường Hy-tông, Quang-khải, năm 3*

Khiến Vương-Kiến giữ Tây-Thục, Dương Hành-Mật giữ Hoài-nam, Tiễn-Lưu giữ Khoãn-châu.

888, MẬU-THÂN

VN *Nội thuộc lần thứ 5, năm 97.*

TQ *Đường Hy-tông, Văn-đức, nguyên-niên*

NB *Đa-vũ Thiên-hoàng (Uda), nguyên-niên*

Vị Thiên-hoàng thứ 59 của Nhật-bản.

NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, Chân-thánh vương, nguyên-niên

Hoàng-đế Tây La-mã bị phế ; ba nước Đức, Ý, Pháp mỗi nước đều lập vua như cũ.

889, KỶ-DẬU

VN *Nội thuộc lần thứ 5, năm 98*

TQ *Đường Chiêu-tông, Long-kỷ, nguyên-niên*

Tên là Diệp, con của Ý-tông. ở ngôi được 15 năm. Tần Tông-Quyền chịu tội chết.

890, CANH-TUẤT

VN *Nội thuộc lần thứ 5, năm 99*

TQ *Đường Chiêu-tông, Đại-thuận, nguyên-niên*

Lý Khắc-Dụng làm phản, Trương-Duyệt đánh dẹp.

NK Người Nặc-man (Normands) tìm thấy Cách-lâm-lan (Groeland).

892, NHÂM-TÝ

VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 101*

- TQ *Đường Chiêu-tông, Cảnh-phúc, nguyên-niên*
Lý Mậu-Trinh lấy Hưng-nguyên.
- NK Người Tát-man (Samanides) dựng nước ở Thỏ-nhĩ-kỳ-tur-thảo (Turkestan).
- 894, GIÁP-DẪN
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 103*
TQ *Đường Chiêu-tông, Càn-ninh, nguyên-niên*
Lý Khắc-Dụng giết Lý Tồn-Hiếu, nhà Đường phong cho Lý-Khắc-Dụng làm Tấn-vương.
- NK Người Mã - gia (Magyars) chiếm Hung - gia - lợi (Hongrie).
- 896, BÍNH-THÌN
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 105*
TQ *Đường Chiêu-tông, Càn-ninh, năm 3*
Lý Mậu-Trinh tiến phạm vào cung-khuyết, vua đi về Hoa-châu; Lý-Khắc-Dụng đem binh vào cứu-viện.
- 897, ĐÌNH-TỶ
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 106*
TQ *Đường Chiêu-tông, Càn-ninh, năm 4*
NK Vua Thuấn-hóa-chân ở Nam-chiếu lên ngôi.
- 898, MẬU-NGO
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 107*
TQ *Đường Chiêu-tông, Quang-hóa, nguyên-niên*
Phục hồi quan-tước cho Lý Mậu-Trinh, nhà vua trở về Trường-an.
- NB *Đề-hổ Thiên-hoàng (Daigo), nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 60 của Nhật-bản, lại có một tên là Tiểu-Dã-đế, kiến nguyên là Xương-thái.
- NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 52, Hiếu-Cung-vương, nguyên-niên,
- 900, CANH-THÂN
VN *Nội thuộc lần thứ 5, năm 109*
TQ *Đường Chiêu-tông, Quang-hóa, năm 3*
Hoạn-quan Lưu Quý-Thuật bắt giam vua Chiêu-tông, và đem Thái-tử lên ngôi.
- 901, TÂN-DẬU
VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 110*
TQ *Đường Chiêu-tông, Thiên-phục, nguyên-niên*
Lưu Quý-Thuật chịu tội chết; vua Chiêu-tông lại

- lên ngôi; Chu Toàn-Trung cử binh phá Đại-Lương.
- NB Cải nguyên là Diên-hỷ.
- 902, NHÂM-TUẤT
- VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 111*
- TQ *Đường Chiêu-tông, Thiên-phục, năm 2*
- NK Nhật-bản cải nguyên là Diên-hy.
Ở Nam-chiếu, Trịnh Mãi tự lên làm vua.
- 903, QUỠ-HỢI
- VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 112*
- TQ *Đường Chiêu-tông, Thiên-phục, năm 3*
Xe ngựa nhà vua trở về Trường-an, mở cuộc giết
lớn các hoạn quan. Chu Toàn-Trung làm Lương-
vương.
- 904, GIÁP-TÝ thứ 64
- VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 113*
- TQ *Đường Chiêu-tuyên-đề, Thiên-hựu, nguyên-niên*
Chu Toàn-Trung thi vua Chiêu-tông mà lập Huy-
vương tên là Chúc lên ngôi.
Phong Tiền-Lưu làm Ngô-Việt vương, Dương Hành-
Mật làm Ngô-vương.
- NK Bạch-lâm-già (Béranger) đuổi Hoàng-đế Tây La-mã.
- 905, ẤT-SỬU
- VN *Nội-thuộc lần thứ 5, năm 114*
- TQ *Đường Chiêu-tuyên-đề, Thiên-hựu, năm 2*
Ai-đế tên là Chúc lên ngôi, không cải-nguyên.
Ngô-vương là Dương Hành-Mật chết.
- 906, BÍNH-DẦN
- VN *Khúc Thừa-Dụ làm Tiết-độ, năm 1*
Nhà Đường gia phong cho Tĩnh-hải Tiết-độ sứ
Khúc-Thừa-Dụ hàm Đồng-Bình-chương-sự. Thừa-Dụ,
người ở Hồng-châu là vị thổ hào, tự xưng là Tiết-
độ-sứ, nhà Đường nhận lời xin của Thừa-Dụ mà
trao cho chức Tiết-độ-sứ, ấy là Khúc Tiên-chủ.
- TQ *Đường Chiêu-tuyên-đề, Thiên-hựu, năm 3*
- NK Ở Triều-tiên, nước Bạch-tế, Lý Chân-Tuyên chiếm-
cứ Hoàn-sơn-châu, tự xưng là Hậu Bạch-tế vương.
- 907, ĐINH-MÃO
- VN *Khúc Thừa-Hạo làm Tiết-độ, năm 1*
Khúc Thừa-Dụ mất, con là Hạo chiếm-cứ Giao-
châu, xưng là Tiết-độ-sứ, ấy là Khúc Trung-chủ,

định ra lộ, phủ, châu, xã ở các nơi, điều hành thuế ruộng, tạo ra hộ-tịch.

TQ *Lương Thái-tổ, Khai-bình, nguyên-niên*

Họ Chu tên Toàn-trung, người ở Đãng-sơn, lần đầu theo Hoàng-Sào, đầu hàng nhà Đường, được phong Vương và được nhường ngôi, ở ngôi được 7 năm. Chu Toàn-Trung phế vua nhà Đường, lên ngôi ở Đại-Lương.

NK Khất-đơn (K'i-tan), Thái-tổ Đà-luật-ức (Ye-liu), nguyên-niên.

908, MẬU-THÌN

VN *Khúc Thừa-Hạo làm Tiết-độ, năm 2*

TQ *Lương Thái-tổ, Khai-bình, năm 2*

Tấn-vương là Lý Khắc-Dụng mất, con là Tồn-Húc được nối theo.

Thục dựng nước, Vương-Kiến lên ngôi xưng là Vũ-thành, nguyên-niên.

909, KỶ-TY

VN *Khúc Thừa-Hạo làm Tiết-độ, năm 3*

TQ *Lương Thái-tổ, Khai-bình, năm 3*

Dời đô về Lạc-dương.

NK Ai-cập dựng nên triều-đại Hoa-địch-mã (Fatimides).

910, CANH-NGỌ

VN *Khúc Thừa-Hạo làm Tiết-độ, năm 4*

TQ *Lương Thái-tổ, Khai-bình, năm 4*

NK Ở Nam-chiếu, Trịnh-Mân nối ngôi.

911, TÂN-VỊ

VN *Khúc Thừa-Hạo làm Tiết-độ, năm 5*

TQ *Lương Thái-tổ, Càn-hóa, nguyên-niên*

Tấn đánh Lương và cả phá được.

Lưu Thủ-Quang xưng đế.

Ở Thục, niên-hiệu Vĩnh-bình, nguyên-niên.

NK Đức-vương là Cương-lập-đức (Conrad) lên ngôi.

912, NHÂM-THÂN

VN *Khúc Thừa-Hạo làm Tiết-độ, năm 6*

TQ *Lương Thái-tổ, Càn-hóa, năm 2*

Hữu-Khuê thi vua cha là Thái-tổ rồi tự lên ngôi.

913, QUỲ-DẬU

VN *Khúc Thừa-Hạo làm Tiết-độ, năm 7*

TQ *Lương Mạt-đề, Càn-hóa, năm 3*

Tên là Hữu-Trinh, con của Thái-tổ, ở ngôi được 11 năm.

Mạt-đế giết Hữu-Khuê mà lên ngôi, không cải-nguyên.

NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời 53, Thần-đức vương, nguyên-niên.

914. GIÁP-TUẤT

VN Khúc Thừa-Hạo làm Tiết-độ, năm 8

TQ Lương Mạt-đề, Càn-hóa, năm 4

Tấn bắt Lưu Nhân-Cung và Thu-Quang mà giết đi.

915. ÂT-HỢI

VN Khúc Thừa-Hạo làm Tiết-độ, năm 9

TQ Lương Mạt-đề, Trinh-minh, nguyên-niên

Tấn-vương lấy Ngụy-châu.

916. BÍNH-TÝ

VN Khúc Thừa-Hạo làm Tiết-độ, năm 10

TQ Lương Mạt-đề, Trinh-minh, năm 2

NK Thái-tổ nước Khất-đơn (K'i-tan) là A-bảo-cơ (Apaski) xưng đế, kiến-nguyên là Thần-sách.

917. ĐINH-SỬU

VN Khúc Thừa-Mỹ làm Tiết-độ, năm 1

Khúc-Hạo sai con là Thừa-Mỹ sang thông hiếu với Nam-Hán. Khúc-Hạo mất, Thừa-Mỹ nối theo, ấy là Khúc Hậu-chủ.

TQ Lương Mạt-đề, Trinh-minh, năm 3

Lưu-Nham xưng đế ở Quảng-châu, quốc-hiệu là Nam-Hán.

NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 54, Cảnh-minh vương, nguyên-niên.

918. MẬU-DẦN

VN Khúc Thừa-Mỹ làm Tiết-độ, năm 2

TQ Lương Mạt-đề, Trinh-minh, năm 4

Tấn đánh Lương. Thục-đế là Vương-Kiến mất; con là Diễn lên ngôi, niên hiệu Quang-thiên, nguyên-niên.

NK Ở Cao-ly, đời thứ 1, Thái-tổ Vương-kiến (Nhược Thiên) dựng nước, kiến nguyên là Thiên-thụ, nguyên-niên.

919. KỶ-MÃO

VN Khúc Thừa-Mỹ làm Tiết-độ, năm 3

Khúc Thừa-Mỹ sai sứ sang nhà Lương xin tiết-việt
[Cờ-tiết và phủ-việt : tượng trưng mệnh-lệnh nhà
vua và uy-quyền của vị trưởng-quan].

TQ *Lương Mạt-đề, Trinh-minh, năm 5*

921, TÂN-TY

VN *Khúc Thừa-Mỹ làm Tiết-độ, năm 5*

TQ *Lương Mạt-đề, Long-đức, nguyên-niên*

Tấn được truyền quốc-bảo. Khất-đơn (K'i-tan) vào
cướp U-châu, năm sau bị Tấn phá.

923, QUÝ-VI

VN *Dương Diên-Nghệ, năm 1*

Nam-Hán sang xâm lăng. Khúc Thừa-Mỹ bị tướng
Nam-Hán là Lý Khắc-Chính bắt ; Dương Diên-Nghệ
ở Ái-châu đánh đuổi được Lý Khắc-chính. Nam-
Hán dùng Lý-Tiến làm Giao-châu thứ-sử.

TQ *Đường Trang-tông, Đồng-quang, nguyên-niên*

Họ Lý tên Tồn-Húc, vốn người thuộc bộ lạc Sa-dà.
Khắc-Dụng có công đánh Hoàng-sào, được phong
Tấn-Vương ; sau khi chết con là Tồn-Húc nối nghiệp
và lên ngôi, ở ngôi được 4 năm, Lý Tồn-Húc xưng
đế, quốc hiệu là Đường, dời về Lạc-dương, diệt
nhà Lương.

924, GIÁP-THÂN

VN *Dương Diên-Nghệ, năm 2*

TQ *Đường Trang-tông, Đồng-quang, năm 2*

NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời 55, Cảnh Ai-vương,
nguyên-niên.

925, ẤT-DẬU.

VN *Dương Diên-Nghệ, năm 3*

TQ *Đường Trang-tông, Đồng-quang, năm 3*

Đánh Thục. Vương Diễn đầu hàng.
Mạnh Tri-Tường làm Tiết-độ-sứ Tây-xuyên.

926, BÍNH-TUẤT

VN *Dương Diên-Nghệ, năm 4.*

TQ *Đường Minh-tông, Thiên-thành, nguyên-niên*

Tên là Tự-nguyên, con nuôi của Lý Khắc-Dụng,
người Đại-bắc, được loạn binh ở Nghiệp-đô lập làm
vua, ở ngôi được 8 năm. Trang-tông bị giết, Tự-
Nguyên lên ngôi.

- NK Thái-tông của Khất-dơn (K'i-tan) lên ngôi.
- 927, ĐÌNH-HỢI
- VN *Dương Diên-Nghệ, năm 5*
- TQ *Đường Minh-tông, Thiên-thành, năm 2*
Khất-dơn diệt Bột-hải.
- NK Ở Triều-tiên, nước Tân-la, đời thứ 56, Kinh-thuận
vương, nguyên-niên.
- 930, CANH-DẦN
- VN *Dương Diên-Nghệ, năm 8*
- TQ *Đường Minh-tông, Trường-hưng, nguyên-niên*
Mạnh Tri-Tường làm phản, vua sai Thạch Kinh-
Đường đánh dẹp.
- 931, TÂN-MÃO
- VN *Dương Diên-Nghệ làm Tiết-độ, năm 9*
Dương Diên-Nghệ tự xưng là Tiết-độ-sứ.
- TQ *Đường Minh-tông, Trường-hưng, năm 2*
Giết An Trọng-Hối.
Ở Ngô, Từ Tri-Cáo trấn Kim-Lăng.
- NB *Chu-trước Thiên-hoàng (Shujaku), nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 61 của Nhật-bản, kiến nguyên
là Thừa-bình.
- 933, QUỶ-TY
- VN *Dương Diên-Nghệ làm Tiết-độ, năm 11*
- TQ *Đường Minh-tông, Trường-hưng, năm 4*
Mạnh Tri-Tường làm Thục-vương, hiệu là Hậu-Thục.
Minh-tông băng; Mẫn-đế lên ngôi bị hại.
- 934, GIÁP-NGO
- VN *Dương Diên-Nghệ làm Tiết-độ, năm 12*
- TQ *Đường Mẫn-đế, Thanh-thái, nguyên-niên*
Tên là Tùng-Hậu, con của Minh-tông, ở ngôi được
4 tháng. Lộ-Vương soạn ngôi.
- 935, ẤT-VỊ
- VN *Dương Diên-Nghệ làm Tiết-độ, năm 13*
- TQ *Đường Lộ-vương, năm 2*
Tên là Tùng-Kha, con nuôi của Minh-tông, vốn họ
Vương, giết Mẫn-đế, tự lập vua, ở ngôi được 3
năm.
Ở Ngô, Thiên-tộ, nguyên-niên.

- NK Nước Tân-la bị thôn-tính vào Cao-ly ; rồi vua nước Bách-tế cũng bị Thái-tổ Cao-ly Vương Kiến giết, vì thế mà nước Cao-ly thống nhất.
- 936, **BÍNH-THÂN**
VN *Dương Diên-Nghệ làm Tiết-độ, năm 14*
TQ *Tân Cao-tổ, Thiên-phúc, nguyên-niên*
Họ Thạch, tên Kinh-Đường, người Thái-Nguyên, lấy chức lưu-thủ Bắc-kinh dấy binh, được Khất-đơn (k'i-tan) lập làm vua, ở ngôi được 7 năm. Thạch Kinh-Đường làm kẻ bầy tôi của Khất-đơn, khi lên ngôi cắt đất cho Khất-đơn.
- NK Đức-vương là Ngạc-đồ đệ nhất (Otton Ier) lên ngôi. Nước Hậu Bách-tế mất.
- 937, **ĐINH-DẬU**
VN *Kiều Công-Tiện, năm 1*
Nha tướng của Dương Diên-Nghệ là Kiều Công-Tiện giết Dương Diên-Nghệ mà lên thay.
TQ *Tân Cao-tổ, Thiên-phúc, năm 2*
Tư-Tri-Cáo dựng nước quốc-hiệu là Nam-Đường.
NK Khất-đơn (K'i-tan) đổi quốc-hiệu là Liêu (Léao). Anh-vương là A-tắc-đơn (Ethelstan) cả phá người Đan (Danois) và người Tô-cách-lan (Ecoissais). Đoàn Tư-Bình nước Nam-chiếu lên ngôi.
- 938, **MẬU-TUẤT**
VN *Kiều Công-Tiện, năm 2*
Ngô-Quyền, người Đường-lâm, dấy binh đánh giết được Kiều Công-Tiện.
Vua Nam-Hán sai con là Hoảng-Thao sang cứu viện Kiều Công-Tiện, bị Ngô-Quyền đánh bại ở sông Bạch-Đằng.
TQ *Tân Cao-tổ, Thiên-phúc, năm 3*
NB Cải-Nguyên là Thiên-khánh.
- 939, **KỶ-HỢI**
VN *Ngô-vương Quyền, nguyên-niên*
Họ Ngô, tên là Quyền, giết Kiều Công-Tiện, phá quân Nam-Hán, tự lập làm vua, đóng đô ở Cổ-loa, ở ngôi được 6 năm. Đặt ra trăm quan, chế ra triều-nghi, định ra sắc-phục.
TQ *Tân Cao-tổ Thiên-phúc, năm 4*

942, NHÂM-DẦN

VN *Ngô-vương Quyền, năm 4*

TQ *Tần Xuất-đề, Thiên-phúc, năm 7*

Tên là Trưng-Quý, con của anh vua Cao-tổ, ở ngôi được 5 năm.

Cao-tổ băng. Vua (Xuất-đề) lên ngôi mà không cải nguyên.

944, GIÁP-THÌN

VN *Ngô-vương-Quyền, năm 6*

Ngô-vương mất.

TQ *Tần Xuất-đề, Khai-vận, nguyên-niên*

Khiến bọn Lưu Tri-Viễn phòng bị quân Khất-đơn (K'i-tan).

Mất về nhà Đường.

NK Ở Cao-ly, đời thứ 2, Huệ-tông Nghĩa-cung vương, nguyên-niên.

945, ẤT-TY

VN *Ngô Xương-Ngập và Dương Tam-Kha, năm 1*

Dương Tam-Kha trộm ngôi xưng là Dương-Bình vương. Con trưởng của Ngô-vương là Xương-Ngập chạy về Nam-sách.

TQ *Tần Xuất-đề, Khai-vận, năm 2*

NK Đoàn Tư-Anh ở Nam-chiếu lên ngôi.

946, BÍNH-NGO

VN *Ngô Xương-Ngập và Dương Tam-Kha, năm 2*

TQ *Tần Xuất-đề, Khai-vận, năm 3*

Đỗ-Uy đánh Khất-đơn (K'i-tan)

NK Ở Cao-ly, đời thứ 3, Định-tông Chương-kính vương, nguyên-niên.

Đoàn Tư-Lương ở Nam-chiếu lên ngôi.

947, ĐINH-VỊ

VN *Ngô Xương-Ngập và Dương Tam-Kha, năm 3*

TQ *Hán Cao-tổ, Thiên-phúc, nguyên-niên*

Họ Lưu tên Tri-Viễn, vốn người trong bộ-lạc Sa-đà, tự-lập làm vua ở Đại-Lương thuộc miền Hà-đông, cải hiệu là Hán, ở vị Thái-nguyên vương mà lên ngôi, ở ngôi được 1 năm.

NB *Thôn-thượng Thiên-hoàng (Murakami), nguyên-niên*

Vị Thiên-hoàng thứ 62 của Nhật-bản, kiến nguyên là Thiên-lịch.

Thế-tông nước Liêu (Leao) lên ngôi.

948, MẬU-THÂN

VN *Ngô Xương-Ngập và Dương Tam-Kha, năm 4*

TQ *Hán Ân-đề, Càn-hựu, nguyên-niên*

Tên Thừa-Hựu, con của Cao-tổ, ở ngôi được 3 năm. Lý Thủ-Trình làm phản, năm sau bị Quách-Uy dẹp yên.

950, CANH-TUẤT

VN *Ngô Xương-Ngập, Dương Tam-Kha, năm 6*

Ngô Xương-Văn đuổi Dương-Tam-Kha.

TQ *Hán Ân-đề, Càn-hựu, năm 3*

Giết Dương-Bân, Sử-Hoảng, Triệu-vương, tên là Chương.

Quách-Uy giết Ân-đề và tự lập làm vua.

NK Ở Cao-ly, đời thứ 4, Quang-tông Tuyên-liệt vương, nguyên niên.

951, TÂN-HỢI

VN *Ngô Xương-Văn, nguyên-niên*

Ngô Xương-Văn lên ngôi, ấy là Nam-Tấn vương, khiến rước anh là Xương-Ngập làm Thiên-sách vương cùng chung trị nước. Đinh-Bộ-Lĩnh dấy binh ở Hoa-Lư.

TQ *Chu Thái-tổ, Quảng-thuận, nguyên-niên*

Họ Quách, tên Uy, người Hình-Châu, lấy chức lưu-thủ Nghiệp-dò mà soán ngôi, ở ngôi được 4 năm. Lưu-Mân xưng đế, lấy hiệu là Bắc-Hán,

NK Mục-tông nước Liêu lên ngôi.

953, QUỲ-SỬU

VN *Ngô Xương-Văn, năm 3*

TQ *Chu Thái-tổ, Quảng-thuận, năm 3*

Bản in chín bộ kinh đã thành.

NK Đoàn Tư-Thông ở Nam-chiếu lên ngôi

954, GIÁP-DẦN

VN *Ngô Xương-Văn, năm 4*

Thiên-sách vương là Xương-Ngập mất. Nam-Tấn vương bắt đầu thân chinh, xin được phong ở Nam-Hán.

TQ *Chu Thê-tông, Hiền-đức, nguyên-niên.*

Tên là Vinh, con nuôi của Thái-tổ, vốn họ Sài, cháu của vợ Thái-tổ, ở ngôi được 6 năm.

Nước Liêu sang đánh, vua tự làm tướng ra phá giặc.

957, ĐÌNH-TỰ

VN *Ngô Xương-văn, năm 7*

TQ *Chu Thê-tông, Hiến-đức, năm 4*

Vua tự làm tướng đánh Nam-Đường.

NB Cải nguyên là Thiên-đức.

958, MẬU-NGO

VN *Ngô Xương-Văn, năm 8*

TQ *Chu Thê-tông, Hiến-đức, năm 5*

Nam-Đường dâng đất Bắc-Giang, bỏ đế-hiệu, theo chính-sóc của Chu.

959, KỶ-VỊ

VN *Ngô Xương-Văn, năm 9*

TQ *Chu Cung-đê, nguyên-niên*

Tên là Tông-Huấn, con của Thế-tông, ở ngôi được 2 năm, 14 năm sau khi nhường ngôi cho Tống thì mất.

Dùng Triệu-Khuôn-Dận làm Đò-diêm-kiếm.

960, CANH-THÂN

VN *Ngô Xương-Văn, năm 10*

TQ *Tông Thái-tổ, Kiên-long, nguyên-niên*

Họ Triệu, tên Khuôn-Dận, người Trác-quận, làm quan cho nhà Chu, soạn ngôi, ở ngôi được tất cả 17 năm.

Triệu Khuôn-Dận được Chu nhường ngôi.

Hàn-Thông chết.

961, TÂN-DẬU

VN *Ngô Xương-Văn, năm 11*

TQ *Tông Thái-tổ, Kiên-long, năm 2*

NB Cải nguyên là Ứng-hòa.

962, NHÂM-TUẤT

VN *Ngô Xương-Văn, năm 12*

TQ *Tông Thái-tổ, Kiên-long, năm 3*

NK Đức-vương xưng là Thần-thánh La-mã đế (sau khi nối nghiệp xưng là Đức-đế) (Saint-Empire romain).

963, QUỠ-HOÏ

VN *Ngô Xương-Văn, năm 13*

TQ *Tông Thái-tổ, Càn-đức, nguyên-niên*
Dùng văn thần làm Tri-châu-sự.
Nước Kinh-nam họ Cao mất.

964, GIÁP-TỢ thứ 65

VN *Ngô Xương-Văn, năm 14*

TQ *Tông Thái-tổ, Càn-đức, năm 2*

NB Cải nguyên là Khang-bảo.

965, ẤT-SỬU

VN *Ngô Xương-Văn, năm 15*

Nam-Tấn vương Ngô Xương-Văn mất.

Mười hai Sứ-quân mỗi người cắt đất mà ở riêng.

TQ *Tông Thái-tổ, Càn-đức, năm 3*

Vương Toàn-Bân đánh Thục, nước Hậu-Thục họ
Mạnh mất.

966, BÍNH-DẪN

VN *Mười hai Sứ-quân.*

TQ *Tông Thái-tổ, Càn-đức, năm 4*

967 ĐINH-MÃO

VN *Mười hai Sứ-quân*

TQ *Tông Thái-tổ, Càn-đức, năm 5*

968, MẬU-THÌN

VN *Đinh Tiên-hoàng-đề, nguyên-niên*

Họ Đinh, tên là Bộ-Lĩnh, người ở Đại-hoàng, động
Hoa-lư, dẹp được 12 Sứ-quân, lên ngôi Hoàng-đề,
tên nước là Đại Cồ-Việt, đóng đô ở Hoa-lư, ở ngôi
được 12 năm. Bầy tôi gọi tôn là Đại-thắng Minh-
hoàng-đề.

TQ *Tông Thái-tổ, Khai-bảo, nguyên-niên*

NB *Lãnh-tuyển Thiên-hoàng (Reizei), nguyên-niên*

Vị Thiên-hoàng thứ 63 của Nhật-bản, kiến-nguyên
là An-hòa.

969, KỶ-TỶ

VN *Đinh Tiên-hoàng-đề, năm 2*

Đặt vạc, nuôi cạp để thị uy với tội-nhân.

TQ *Tông Thái-tổ, Khai-bảo, năm 2*

NK Đoàn Tổ-Thuận ở Nam-Chiếu lên ngôi.

970, CANH-NGỌ

- VN *Đinh Tiên-hoàng, Thái-bình, nguyên-niên*
Sai sứ sang Tống. Bắt đầu lập Hoàng-hậu, 5 bà.
TQ *Tống Thái-tổ, Khai-bảo, năm 3*
NB *Viên-dung Thiên-hoàng (En-yû), nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 64 của Nhật-bản, kiến-nguyên
là Thiên-lộc.

971, TÂN-VỊ

- VN *Đinh Tiên-hoàng, Thái-bình, năm 2*
Định phẩm cấp quan văn quan võ, dùng Nguyễn-Bặc làm Định-quốc-công, Lưu-Cơ làm Sĩ-sư ở Đò-hộ-phủ; cho Tăng-Thống, Ngô Chân-Lưu hiệu là Khuông-Việt Đại-sư.

TQ *Tống Thái-tổ, Khai-bảo, năm 4*

972, NHÂM-THÂN

- VN *Đinh Tiên-hoàng, Thái-bình, năm 3*
Sai con là Liễn đem vật thổ sản sang Tống dâng lễ.

TQ *Tống Thái-tổ, Khai-bảo, năm 5*

973, QUÝ-DẬU

- VN *Đinh Tiên-hoàng, Thái-bình, năm 4*
Nhà Tống phong cho Đinh Tiên-hoàng làm Quận-vương Giao-chỉ, cho Liễn làm Kiểm-hiệu Thái-sư, Tĩnh-hải-quân Tiết-Độ-Sứ, An-nam Đò-hộ.

TQ *Tống Thái-tổ, Khai-bảo, năm 6*

- NK Nhật-bản cải nguyên là Thiên-diên.
Hoàng-đế nước Đức là Ngạc-đô đệ nhị (Otton II)
lên ngôi.

974, GIÁP-TUẤT

- VN *Đinh Tiên-hoàng, Thái-bình, năm 5*
Định ra 10 đạo quân.

TQ *Tống Thái-tổ, Khai-bảo, năm 7*
Tào Bân đánh Nam-Đường.

975, ẤT-HỢI

- VN *Đinh Tiên-hoàng, Thái-bình, năm 6*
Định ra áo mào quan văn võ.
Sứ nhà Tống đến.

TQ *Tống Thái-tổ, Khai-bảo, năm 8*
Tào-Bân thắng ở Kim-Lãng. Nam-Đường mất.

- NK Nước Đại-thực (Arabie) đánh Đông La-mã không
thắng.

976, BÌNH-TÝ

VN *Đinh Tiên-hoàng, Thái-bình, năm 7*

Sai sứ sang Tống.

TQ *Tống Thái-tông, Thái-bình Hưng-quốc, nguyên-niên*

Tên là Quang-Nghĩa, em của Thái-tổ, ở ngôi được 22 năm.

NK Quân-sĩ-thần dệ cửu, (Constantin IX), Hoàng-đế Đông La-mã lên ngôi, đời hưng-thịnh nhất của La-mã.

Nhật-bản cải-nguyên là Trinh-nguyên.

Ở Cao-ly, đời thứ 5, Cảnh-tông Thành-mục vương, nguyên-niên.

977, ĐINH-SỬU

VN *Đinh Tiên-hoàng, Thái-bình, năm 8*

Sai sứ sang Tống mừng Tống Thái-tông lên ngôi.

TQ *Tống Thái-tông, Thái-bình Hưng-quốc, năm 2*

978, MẬU-DẦN

VN *Đinh Tiên-hoàng, Thái-bình, năm 9*

Lập con út là Hạng-Lang làm Thái-tử và con kế là Duệ làm Vệ-vương.

TQ *Tống Thái-tông, Thái-bình Hưng-quốc, năm 3*

Lập ra viện Sùng-văn.

Nước Ngô-Việt họ Tiền mất.

NB Nhật-bản cải-nguyên là Thiên-nguyên.

979, KỶ-MÃO

VN *Đinh Tiên-hoàng, Thái-bình, năm 10*

Đinh-Liên giết Thái-tử Hạng-Lang. Vua bị Đỗ-Thích giết, Nam-Việt-vương là Liên bị hại. Nguyễn-Bặc bắt Đỗ-Thích giết đi và đem Vệ-vương lên ngôi. Thập-đạo Tướng-quân Lê-Hoàn xưng là Phó-vương. Bọn Nguyễn - Bặc đánh Lê - Hoàn không thắng mà chết.

Ngô Nhật-Khánh đem người Chiêm vào cướp phá.

TQ *Tống Thái-tông, Thái-bình Hưng-quốc, năm 4*

Vua tự làm tướng đánh nhà Hán, Lưu Kế-Nguyên đầu hàng, Bắc-Hán mất.

980, CANH-THÌN

VN *Lê Đại-hành Hoàng đế, Thiên-phúc, nguyên-niên*

Họ Lê, tên là Hoàn, người làng Bảo-thái, huyện

Thanh-Liêm : ở ngôi được 24 năm. Dương Hoàng-hậu sai Lê-Hoàn phát binh cự nhà Tống, Lê-Hoàn bèn xưng đế, phết vua nhà Đinh là Duệ xuống làm Vệ-vương. Lê-Hoàn truy-tôn cha làm Vương, mẹ làm Hoàng-thái-hậu. Sai sứ sang Tống.

TQ *Tổng Thái-tông, Thái-bình Hưng-quốc, năm 5*
981, TÂN-TY

VN *Lê Đại-hành Hoàng đế, Thiên-phúc, năm 2*
Quân nhà Tống sang xâm-lãng, vua tự làm tướng đánh bại được quân nhà Tống. Sai sứ sang nhà Tống.

TQ *Tổng Thái-tông, Thái-bình Hưng-quốc, năm 6*
982, NHÂM-NGO

VN *Lê Đại-hành Hoàng đế, Thiên-phúc, năm 3*
Nhà vua thân-chinh và cả phá được Chiêm-thành.

TQ *Tổng Thái-tông, Thái-bình Hưng-quốc, năm 7*
Giáng chức Tần-vương lên là Đình-Mỹ, khiến cho ở Phòng-châu,

NK Ở Cao-ly, đời thứ 6, Thành-tông Chương-hiến (Văn-Ý) vương, nguyên-niên.

983, QUỲ-VỊ

VN *Lê Đại-hành Hoàng đế, Thiên-phúc, năm 4*
Sai sứ sang Tống báo việc đánh thắng Chiêm-thành.

TQ *Tổng Thái-tông, Thái-bình Hưng-quốc, năm 8*

NK Nhật-bản cải-nguyên là Vĩnh-quan.
Thánh-tông nước Liêu lên ngôi.
Hoàng-đế nước Đức Ngạc-đồ đệ tam. (Otton III) lên ngôi.

Nước Nga dời đô về Cơ-phụ (Kiev).

984, GIÁP-THÂN

VN *Lê Đại-hành Hoàng đế, Thiên-phúc, năm 5*
Đức tiên Thiên-phúc ; dựng điện Bách-bảo Thiên-tuế.

TQ *Tổng Thái-tông, Ung-hy, nguyên-niên*
Trần Đoàn, người ần-sĩ ở Hoa-sơn vào triều.

985, ÂT-DẬU

VN *Lê Đại-hành Hoàng đế, Thiên-phúc, năm 6*
Ngày sinh-nhật đưa thuyền. Sai sứ sang nhà Tống.

TQ *Tổng Thái-tông, Ung-hy, năm 2*

- NB *Hoa-sơn Thiên-hoàng (Kazan), nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 65 của Nhật-bản, kiến-nguyên là
Khoan-hòa.
- NK Ở Nam-chiếu, Đoàn-Tổ-Anh lên ngôi.
- 986, BÌNH-TUẤT
- VN *Lê Đại-hành Hoàng đế, Thiên-phúc, năm 7*
Tuyển chọn thân quân. Sứ nhà Tống đến. Sai sứ
sang Tống.
- TQ *Tổng Thái-tông, Ung-hy, năm 3*
- 987, ĐÌNH-HỢI
- VN *Lê Đại-hành Hoàng đế, Thiên-phúc, năm 8*
Vua cày ở tịch-diên.
- TQ *Tổng Thái-tông, Ung-hy, năm 4*
- NB *Nhật-điều Thiên-hoàng (Ichi-jô), nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 66 của Nhật-bản, kiến-nguyên là
Vĩnh-diên.
- NK Nước Đại-Pháp lập Hồ-khách-bái (Hugues Capet)
làm vua, dựng nên triều Khách-bái (dynasties des
Capétiens).
- 988, MẬU-TÝ
- VN *Lê Đại-hành Hoàng đế, Thiên-phúc, năm 9*
Sứ nhà Tống đến sách phong cho Lê Đại-hành
làm Khai-quốc-công.
- TQ *Tổng Thái-tông, Doan-củng, nguyên-niên*
Cho Lý Kế-Phủng họ và tên là Triệu Bảo-Trung.
- NK Quốc-vương nước Nga cưới em của Đông-đế và
theo đạo Cơ-đốc.
- 989, KỶ-SỬU
- VN *Lê Đại-hành Hoàng đế, Hưng-thông, nguyên-niên*
Lập con là Long-Việt làm Nam-phong-vương. Dương
Tiến-Lộc ở châu Hoan, châu Ái làm phản mà bị
bắt giết đi.
- TQ *Tổng Thái-tông, Doan-củng, năm 2*
- NB Cải-nguyên là Vĩnh-tộ.
- 990, CÂN-H-DẦN
- VN *Lê Đại-hành Hoàng đế, Hưng-thông, năm 2*
Sứ nhà Tống đến gia-phong.
- TQ *Tổng Thái-tông, Thuần-hoá, nguyên-niên*

- NK Nhật-bản cải nguyên là Chính-lich.
Nước Liêu phong Lý Kế-Thiên làm Hạ-vương.
- 991, TÂN-MÃO
VN Lê Đại-hành Hoàng đế, Hưng-thông, năm 3
Sai sứ sang Tống.
TQ Tống Thái-tông, Thuần-hóa, năm 2
NK Cao-ly và Khất-đơn (nước Liêu) liên-kết với nhau.
- 992, NHÂM-THÌN
VN Lê Đại-hành Hoàng đế, Hưng-thông, năm 4
Lập con là Long-Đĩnh làm Khai-minh-vương, các
con khác theo thứ-tự được phong và chia cho ở
các châu, quận.
Mở đường đất từ Nam-giới hải-môn đến châu Địa-ly.
TQ Tống Thái-tông, Thuần-hóa, năm 3
- 993, QUỶ-TY
VN Lê Đại-hành Hoàng đế, Hưng-thông, năm 5
Sứ nhà Tống sang sách-phong cho Đại-hành làm
Tĩnh-hải-quân Tiết-độ-sứ Giao-chỉ Quận-vương.
TQ Tống Thái-tông, Thuần-hóa, năm 4
- 994, GIÁP-NGỌ
VN Lê Đại-hành Hoàng đế, Ứng-thiên, nguyên-niên
Sai sứ sang Tống.
Người Chiêm-thành đến châu.
TQ Tống Thái-tông, Thuần-hóa, năm 5
- 995, ÂT-VỊ
VN Lê Đại-hành Hoàng đế, Ứng-thiên, năm 2
TQ Tống Thái-tông, Chí-đạo, nguyên-niên
NK Nhật-bản cải-nguyên là Trường-đức.
Tò-cách-lan Khanh-Nãi đệ tứ (Knut IV ?) giết Quân
sĩ-thần-đỉnh (Constantin) tự lập làm vua.
- 996, BÍNH-THÂN
VN Lê Đại-hành Hoàng đế, Ứng-thiên, năm 3
Sai sứ sang Tống. Sứ nhà Tống sang cho chiếu thư
và đai ngọc.
TQ Tống Thái-tông, Chí-đạo, năm 2
- 997, ĐINH-DẬU
VN Lê Đại-hành Hoàng-đế, Ứng-thiên, năm 4
Nhà Tống gia-phong cho Lê Đại-hành làm Nam-

bình-vương. Sai sứ sang Tống. Vua thân chinh đánh
Đỗ-động.

TQ *Tống Thái-tông, Chí-đạo, năm 3*

Chia thiên-hạ ra 15 lộ.

NK Vua nước Già-sắc-ni (Ghazni) là Mã-hợp-mộc
(Mahmoud) lên ngôi đánh Ba-tư và Ấn-độ.

998, MẬU-TUẤT

VN *Lê Đại-hành Hoàng đế, Ứng-thiên, năm 5*

TQ *Tống Chân-tông, Hàm-bình, nguyên-niên*

Tên là HẰNG, con của Thái-tông, ở ngôi được 25 năm.

NK Da-luật Huru-kha nước Liêu chết.

Hoàng-đế nước Đức đến La-mã giết Khắc-lợi-sinh,
(Crescentius).

Ở Cao-ly, đời thứ 7, Mục-tông Tuyên-nhượng-vương,
nguyên-niên.

999, KỶ-HỢI

VN *Lê Đại-hành Hoàng đế, Ứng-thiên, năm 6.*

Nhà vua thân-chinh đi đánh Hà-động, các châu
đều thuận-phục.

TQ *Tống Chân-tông, Hàm-bình, năm 2*

NB Cải-nguyên là Trường-bảo

1000, CANH-TÝ

VN *Lê Đại-hành Hoàng đế, Ứng-thiên, năm 7*

Trịnh-Hàng làm loạn, bị đánh dẹp. Sai tướng phân
ra canh tuần biên-thùy.

TQ *Tống Chân-tông, Hàm-bình, năm 3*

1001, TÂN-SỬU

VN *Lê Đại-hành Hoàng đế, Ứng-thiên, năm 8*

Vua Đinh-Duyệt xưa chết.

TQ *Tống Chân-tông, Hàm-bình, năm 4*

1002, NHÂM-DẦN

VN *Lê Đại-hành Hoàng đế, Ứng-thiên, năm 9*

Đặt định ra luật lệnh chọn lựa quân đội.

Sửa 10 đạo ra lộ, phủ, châu.

TQ *Tống Chân-tông, Hàm-bình, năm 5*

1003, QUÝ-MÃO

VN *Lê Đại-hành Hoàng đế, Ứng-thiên, năm 10*

Nhà vua đi Hoan-châu.

TQ *Tống Chân-tông, Hàm-bình, năm 6*

1004, GIÁP-THÌN

VN *Lê Đại-hành Hoàng đế, Ứng-thiên, năm 11*

Lập Long-Việt làm Thái-tử. Sai chức Hành-quân là Vương Minh-Đề sang Tống.

TQ *Tổng Chân-tổng, Cảnh-đức, nguyên-niên*

Nước Liêu cử đại-binh đánh Thiên-Uyên. Vua Tống thần chinh, nước Liêu xin thề.

NK Nhật-bản cải-nguyên là Khoan-hoảng.

Triều Tát-man (Samanides) mất.

1005, KỶ-TY

VN *Lê Đại-hành Hoàng đế, Ứng-thiên, năm 12*

Lê Đại-hành băng, Thái-tử lên ngôi, Khai-minh-Vương là Long-Đĩnh thi vua và tự lên ngôi. Dùng Lý Công-Uần làm Tứ-sương-quân Phó Chỉ-huy-sứ. Lập bốn bà Hoàng-hậu. Các vị Vương chống lại mệnh lệnh đều bị dẹp yên.

TQ *Tổng Chân-tổng, Cảnh-đức, năm 2*

1006, BÍNH-NGỌ

VN *Lê Long-Đĩnh, năm 13*

Con vua Lê Đại-hành, ở ngôi được 4 năm, gọi là vua Ngọa-triều. Lập các con làm Vương. Sửa định lại quan chế và triều-phục theo nhà Tống. Sứ nhà Tống đến.

TQ *Tổng Chân-tổng, Cảnh-đức, năm 3*

1007, ĐINH-VỊ

VN *Lê Long-Đĩnh, năm 14*

Sai em là Minh-Sưởng sang nhà Tống dâng con tê trắng và dâng biểu xin 9 bộ kinh và bảng văn kinh Đại-tạng, nhà Tống bằng lòng và lại cho nhà vua giáp trụ, kim trang. Sứ nhà Tống sang sách-phong cho làm Giao-chỉ Quận-vương, lãnh chức Tĩnh-hải-quân Tiết-độ-sứ, và cho cái ấn Giao-chỉ Quận-vương

TQ *Tổng Chân-tổng, Cảnh-đức, năm 4*

1008, MẬU-THÂN

VN *Lê Long-Đĩnh, Cảnh-thụy, nguyên-niên*

TQ *Tổng Chân-tổng, Đại-trung Tường-phù, nguyên-niên*

Thiên-Thư xuất-hiện ở cửa cung. Nhà vua tế cáo trời đất tại Thái-sơn.

NK Mã-hợp-mộc (Mahmoud) đánh Ấn-độ.

1009, KỶ-DẬU

VN *Lê Long-Đĩnh, Cảnh-thụy, năm 2*

Nhà vua đi Ái-châu. Thân chinh các châu Hoan, Đường, Thạch-hà. Vua Long-Đĩnh băng.

Lý Công-Uẩn làm chức Tả-thân-vệ Điện-tiền Chỉ-huy-sứ tự lập làm vua.

Lập 6 bà Hoàng-hậu. Lập con là Phật-Mã làm Thái-lử.

TQ *Tổng Chân-tổng, Đại-trung Tường-phù, năm 2*

NK Ở Nam-chiếu, Đoàn-Tổ-Liêm lên ngôi.

1010, CANH-TUẤT

VN *Lý Thái-tổ, Thuận-thiên, nguyên-niên*

Họ Lý, tên là Công-Uẩn, người ở làng Cồ-pháp (Bắc-giang), thay nhà Lê, ở ngôi được 19 năm. Sai sứ sang nhà Tống. Dời đô ra thành Thăng-Long. Sửa sang lại chùa Phật. Sứ nhà Tống sang phong. Đổi 10 đạo ra 24 lộ, Ái-châu, Hoan-châu làm trại.

TQ *Tổng Chân-tổng, Đại-trung Tường-phù, năm 3*

NK Ở Cao-ly, đời thứ 8, Hiến-tổng Nguyên-văn vương, nguyên-niên.

1011, TÂN-HỢI

VN *Lý Thái-tổ, Thuận-thiên, năm 2*

Nhà vua thân chinh đi đánh và diệt Cử-Long. Sai sứ sang nhà Tống.

TQ *Tổng Chân-tổng, Đại-trung Tường-phù, năm 4.*

1012, NHÂM-TÝ

VN *Lý Thái-tổ, Thuận-thiên, năm 3*

Lập Thái-lử Phật-Mã làm Khai-thiên-vương. Nước Chân lập sang cống. Nhà vua thân chinh đánh dẹp Diễn-châu.

TQ *Tổng Chân-tổng, Đại-trung Tường-phù, năm 5*

NB *Tam-điều Thiên-hoàng (Sanjō), nguyên-niên*

Vị Thiên-hoàng thứ 67 của Nhật-bản, kiến-nguyên là Trường-hòa.

1013, QUỶ-SỬU

VN *Lý Thái-tổ, Thuận-thiên, năm 4*

Định các lệ thuế. Nhà vua thân chinh đánh Vị-long.

TQ *Tổng Chân-tổng, Đại-trung Tường-phù, năm 6*

- 1011, GIÁP-DẪN
VN *Lý Thái-tổ, Thuận-thiên, năm 5*
Dực Thánh-vương phá rợ Hạc-chá. Dựng thành đất Thăng-long. Đồi Ứng-thiên phủ ra Nam-kinh.
TQ *Tổng Chân-tổng, Đại-trung Tường-phù, năm 7*
- 1016, BÌNH-THÌN
VN *Lý Thái-tổ, Thuận-thiên, năm 6*
Lại lập 3 bà Hoàng-hậu.
Sứ nhà Tống sang gia phong cho vua Lý là Nam-Bình-vương. Cho thiên-hạ miễn nạp tô thuế ba năm.
TQ *Tổng Chân-tổng, Đại-trung Tường-phù, năm 9*
- 1017, ĐINH-TÝ
VN *Lý Thái-tổ, Thuận-thiên, năm 8*
TQ *Tổng Chân-tổng, Đại-trung Tường-phù, năm 10*
NB *Hậu Nhật-điều Thiên-hoàng (Go-ichigō), nguyên-niên*
Vị thiên-hoàng thứ 68 của Nhật-bản, kiến nguyên là Khoan-nhân.
- 1018, MẬU-NGO
VN *Lý Thái-tổ, Thuận-thiên, năm 9*
Sai sứ sang nhà Tống xin kinh Tạm-Tạng, nhà Tống thuận cho.
TQ *Tổng Chân-tổng, Thiên-hy, nguyên-niên*
Vương Đán chết, Vương Khâm-Nhược làm tể-tướng.
NK Cam-nữu-đặc (Canut) làm Quốc-vương hai nước Anh và Đan-mạch.
Ở Nam-Chiếu, Đoàn Tổ-Long lên ngôi.
- 1019, KỶ-VỊ
VN *Lý Thái-tổ, Thuận-thiên, năm 10*
Phổ độ dân chúng trong thiên-hạ làm tăng.
TQ *Tổng Chân-tổng, Thiên-hy, năm 2*
- 1020, CANH-THÂN.
VN *Lý Thái-tổ, Thuận-thiên, năm 11*
Khai-thiên vương phá Chiêm-thành.
TQ *Tổng Chân-tổng, Thiên-hy, năm 3*
- 1021, TÂN-DẬU
VN *Lý Thái-tổ, Thuận-thiên, năm 12*
TQ *Tổng Chân-tổng, Thiên-hy, năm 4*
NB Cải nguyên là Trị-an.

1022, NHÂM-TUẤT

VN *Lý Thái-tổ, Thuận-thiên, năm 13*

Đại-Nguyên-Lịch quấy nhiễu biên thùy, bị Dục-thành vương phá.

TQ *Tổng Chân-tông, Càn-hưng, nguyên-niên*

Tổng Chân-tông băng, di chiếu cho Lưu Hoàng-hậu quyền xử trị việc nước.

1023, QUÝ-HỢI

VN *Lý Thái-tổ, Thuận-thiên, năm 14*

TQ *Tổng Nhân-tông, Thiên-thánh, nguyên-niên*

Con của Tổng Chân-tông, ở ngôi được 43 năm, Khấu-Chuẩn chết.

1024, GIÁP-TÝ thứ 66

VN *Lý Thái-tổ, Thuận-thiên, năm 15*

Dựng chùa Chân-giáo.

TQ *Tổng Nhân-tông, Thiên-thánh, năm 2*

NB Cải-nguyên là Vạn-thọ.

1025, ÂT-SỬU

VN *Lý Thái-tổ, Thuận-thiên, năm 16*

Định ra giáp ngũ trong binh lính.

TQ *Tổng Nhân-tông, Thiên-thánh, năm 3*

1026, BÍNH-DẦN

VN *Lý Thái-tổ, Thuận-thiên, năm 17*

Tu soạn Ngọc-diệp.

TQ *Tổng Nhân-tông, Thiên-thánh, năm 4*

NK Ở Nam-chiếu, Đoàn Tổ-Trình lên ngôi.

1028, MẬU-THÌN

VN *Lý Thái-tông, Thiên-thành, nguyên-niên*

Tên là Phật-Mã, con của Thái-tổ, ở được được 27 năm. Lý Thái-tổ băng. Ba vị Vương làm loạn, bị bọn Lý Nhân-Nghĩa đánh dẹp yên. Vua lên ngôi cải-nguyên, đại ân-xá. Hội bày tội lại mà thề-ước. Lập con là Nhật-tông làm Thái-tử. Lập 7 bà Hoàng-hậu. Đặt Thập vệ cấm quân.

TQ *Tổng Nhân-tông, Thiên-thánh, năm 6*

NB Cải nguyên là Trường-nguyên.

1029, KỶ-TY

VN *Lý Thái-tông, Thiên-thành, năm 2*

Bắt đầu gả công-chúa Bình-Dương cho quan Lang.

châu mục là Thân Thiệu-Thái. Nhà vua thân chinh đánh Đản Nãi Giáp.

Ở Ái-châu. Sứ nhà Tống sang điều tang và sách-phong.

TQ *Tống Nhân-tông, Thiên-thánh, năm 7*

1030, CANH-NGỌ

VN *Lý Thái-tông, Thiên-thành, năm 3*

Sai sứ sang Tống. Định áo mào của quan văn võ công hầu. Nhà vua đến đồng ruộng Ô-lộ xem gặt hái.

TQ *Tống Nhân-tông, Thiên-thánh, năm 8*

1031, TÂN-VỊ

VN *Lý Thái-tông, Thiên-thành, năm 4*

Nhà vua thân-chinh đánh Hoan-châu. Lập chùa-chiền được 950 chỗ, bày ra hội làm chay và đại ân-xá cho thiên-hạ.

TQ *Tống Nhân-tông, Thiên-thánh, năm 9*

NK Hưng-tông nước Liêu (tức là Khất-đơn) lên ngôi. Triều Ông-mễ-á (Ommeyades) nước Tây Đại-thực (Arabie) mất, trong nước tranh nhau loạn-lạc.

1032, NHÂM-THÂN

VN *Lý Thái-tông, Thiên-thành, năm 5*

Nhà vua tự đi cày ở Tịch-diên. Nhà vua đến Lạng-châu.

TQ *Tống Nhân-tông, Minh-đạo, nguyên-niên*

Hạ-Vương là Triệu Đức-Minh chết, con là Nguyên-Hạo nối nghiệp.

NK Đức diệt Bồ-căn-nữ (Bourgogne).

Ở Cao-ly, đời thứ 9, Đức-tông Kinh-khang vương, nguyên-niên.

1033, QUÝ-DẬU

VN *Lý Thái-tông, Thiên-thành, năm 6*

Nước Chân-lạp sang dâng lễ cống. Nhà vua thân chinh đánh châu Định-nguyên. Lập Thái-tử Nhật-tông làm Khai-hoàng vương, Nhà vua thân chinh đánh châu Trệ-nguyên.

TQ *Tống Nhân-tông, Minh-đạo, năm 2*

Lý Nguyên-Hạo nước Hạ lên ngôi.

1034, GIÁP-TUẤT

VN *Lý Thái-tông, Thông-thụy, nguyên-niên*
Sai sứ sang nhà Tống.

TQ *Tông Nhân-tông, Cảnh-hựu, nguyên-niên*
Hạ vương làm phản.

1035, ẤT-HỢI

VN *Lý Thái-tông, Thông-thụy, năm 2*
Nhà vua thân chinh đánh Ái-châu. Tướng quân
Nguyễn-Khánh làm phản phải chịu tội chết.

TQ *Tông Nhân-tông, Cảnh-hựu, năm 2*

NK Ở Cao-ly, đời thứ 10, Tĩnh-tông Khang-hiến (Dung-
Huệ) vương, nguyên-niên.

1036, BÍNH-TÝ

VN *Lý Thái-tông, Thông-thụy, năm 3*
Đời Hoan-châu gọi là Nghệ-an châu trại.

TQ *Tông Nhân-tông, Cảnh-hựu, năm 3*
Giáng chức quan bọn Phạm Trọng-Yêm, Âu-dương
Tu và cấm nói việc quá chức phận mình.

NB *Hậu Chu-tước Thiên-hoàng (Go-Shūjaku), nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng đời thứ 69, của Nhật-bản, kiến
nguyên là Trường-lic.

1037, ĐINH-SỬU

VN *Lý Thái-tông, Thông-thụy, năm 4*
Nhà vua thân chinh đánh Lâm-tây.

TQ *Tông Nhân-tông, Cảnh-hựu, năm 4*

1038, MẬU-DẦN

VN *Lý Thái-tông, Thông-thụy, năm 5*
Sứ nhà Tống sang gia-phong cho vua Lý là Nam-
binh vương.

TQ *Tông Nhân-tông, Bảo-nguyên, nguyên-niên*

1039, KỶ-MÃO

VN *Lý Thái-tông, Càn-phù Hữu-đạo, nguyên-niên*
Nhà vua thân chinh đánh tù-trưởng làm phản
Nùng Tồn-Phúc và giết di. Sai sứ sang dâng lễ cho
nhà Tống. Nước Chân-lạp sang cống.

TQ *Tông Nhân-tông, Bảo-nguyên, năm 2*

1040, CANH-THÌN

VN *Lý Thái-tông, Càn-phù Hữu-đạo, năm 2*
Sai cung-nữ dệt gấm vóc, phát gấm của nhà Tống

cho bầy tôi. Xuống chiếu cho Khai-hoàng-vương phân xử việc án.

TQ *Tổng Nhân-tông, Khang-dinh, nguyên-niên*

Người nhà Hạ vào cướp.

Bổ lệnh cấm nói việc quá chức-phận mình.

NB Cải nguyên là Trường-cửu.

1011, TÂN-TY

VN *Lý Thái-tông, Càn-phù Hữu-đạo, năm 3*

Đinh-Lộc và Phùng-Luật làm phản chịu tội chết.

Nùng Trí-Cao làm phản bị đánh dẹp và bị bắt rồi lại được trao cho chức châu-mục Quảng-nguyên.

TQ *Tổng Nhân-tông, Khánh-lich, nguyên-niên*

Nhà Hạ vào cướp; Phạm-Trọng-Yêm và Hàn-Kỳ chống giữ.

NK Ở Nam-chiếu, Đoàn-Tổ-Hưng lên ngôi.

1042, NHÂM-NGỌ

VN *Lý Thái-tông, Minh-đạo, nguyên-niên*

Văn-châu làm phản, sai Khai-hoàng vương đánh dẹp.

Ban bố Hình-thư và ra lệnh chuộc tội.

TQ *Tổng Nhân-tông, Khánh-lich, năm 2*

Nước Liêu xin đất, nhà Tống sai Phú-Bật đáp lễ.

1043, QUÝ-VỊ

VN *Lý Thái-tông, Minh-đạo, năm 3*

Sai Khai-hoàng vương đánh dẹp Ái-châu, Phụng-càn vương đánh dẹp Văn-châu. Cho bá quan tiền Minh-đạo.

TQ *Tổng Nhân-tông, Khánh-lich, năm 3*

Nhà Hạ xin hòa; Phạm-Trọng-Yêm làm Tham-Chính, Phú-Bật làm Xu-mật-sứ.

1044, GIÁP-THÂN

VN *Lý Thái-tông, Thiên-cảm Thánh-vũ, nguyên-niên*

Nhà vua thân chinh đánh Chiêm-thành, chém Chiêm-chùa Sa-Đầu.

TQ *Tổng Nhân-tông, Khánh-lich, năm 4*

Sách phong Triệu Nguyên-Hạo làm Hạ quốc-vương.

NK Ở Nam-chiếu, Đoàn-Tur-Liêm lên ngôi.

1045, ẤT-DẬU

VN *Lý Thái-tông, Thiên-cảm Thánh-vũ, năm 2*

- TQ *Tổng Nhân-tông, Khánh-lich, năm 5*
BN Cải nguyên là Khoan-đức.
- 1046, BÍNH-TUẤT
VN *Lý Thái-tông, Thiên-cảm Thánh-vũ, năm 3*
TQ *Tổng Nhân-tông, Khánh-lich, năm 6*
NB *Hậu Lãm-tuyển Thiên-hoàng (Go-Reizei), nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 70 của Nhật-bản, kiến nguyên
là Vĩnh-thừa.
- 1047, ĐÌNH-HỢI
VN *Lý Thái-tông, Thiên-cảm Thánh-vũ, năm 4*
TQ *Tổng Nhân-tông, Khánh-lich, năm 7*
Vương-Tắc ở Bối-châu làm phản.
NK Ở Cao - ly, đời thứ 11, Văn - tông Chương-thánh
(Nhân-hiến) vương, nguyên-niên.
- 1048, MẬU-TÝ
VN *Lý Thái-tông, Thiên-cảm Thánh-vũ, năm 5*
Sai Phùng Tri-Năng đánh Ai-lao và thắng được.
Nùng Tri-Cao lại làm phản, công hãm Ung-châu
của nhà Tống.
TQ *Tổng Nhân-tông, Khách-lich, năm 8*
Văn Ngạn-Bác làm Tể-tướng.
Hạ chúa mất, hiệu là Cảnh-tông.
- 1049, KỶ-SỬU
VN *Lý Thái-tông, Sùng-hưng Đại-bảo, nguyên-niên*
TQ *Tổng Nhân-tông, Hoàng-hựu, nguyên-niên*
Nùng Tri-Cao ở Quảng-nguyên châu làm phản.
Lý Lượng Tộ nhà Hạ lên ngôi.
NK Nước Liêu đánh nhà Hạ.
- 1050, CANH-DẦN
VN *Lý Thái-tông, Sùng-hưng Đại-bảo, năm 2*
Nước Chiêm-thành dâng cống voi trắng.
TQ *Tổng Nhân-tông, Hoàng-hựu, năm 2*
- 1052, NHÂM-THÌN
VN *Lý Thái-tông, Sùng-hưng Đại-bảo, năm 4*
Đặt Hồng-chung (chuông to) ở thềm rồng, khiến
dân chúng ai có việc oan-uổng thì đánh lên để nghe
biết.
TQ *Tổng Nhân-tông, Hoàng-hựu, năm 4*

1053, QUỠ-TỶ

VN *Lý Thái-tông, Sùng-hưng Đại-bảo, năm 5*

TQ *Tổng Nhân-tông, Hoàng-hựu, năm 5*

Địch-Thanh đánh Nùng Trí-Cao và dẹp yên được.

NB Cải nguyên là Thiên-hỷ.

1054, GIÁP-NGO

VN *Lý Thánh-tông, Long-thụy Thái-bình, nguyên-niên*

Tên là Nhật-tông, con của Lý Thái-tông, ở ngôi được 17 năm. Cải tên nước là Đại-Việt.

TQ *Tổng Nhân-tông, Chí-hòa, nguyên-niên*

NK Hà-lan Thê-do-lễ bắt đầu định tên nước là Hà-lan.

1055, ẤT-VỊ

VN *Lý Thánh-tông, Long-thụy Thái-bình, năm 2*

Nước Chiêm-thành sang cống.

Sứ nhà Tống sang điều tang và sách phong.

TQ *Tổng Nhân-tông, Chí-hòa, năm 2*

Phong cho cháu xa đời của Khổng-tử là Nguyên làm Diển-thánh-công.

NK Ở nước Liêu, Đạo-tông lên ngôi.

Triều-đình Tắc-nhĩ-trụ (Seldjoukides) hưng-thịnh.

1056, BÍNH-THÂN

VN *Lý Thái-tông, Long-thụy Thái-bình, năm 3*

TQ *Tổng Nhân-tông, Gia-hựu, nguyên-niên*

Nhân-tông bị bệnh, bọn Văn Ngạn-Bác và Phú-Bật vào túc-trực trong cung-cấm.

1057, ĐINH-DẬU

VN *Lý Thánh-tông, Long-thụy Thái-bình, năm 4*

Sai sứ sang Tống.

TQ *Tổng Nhân-tông, Gia-hựu, năm 2*

1058, MẬU-TUẤT

VN *Lý Thánh-tông, Long-thụy Thái-bình, năm 5*

TQ *Tổng Nhân-tông, Gia-hựu, năm 3.*

NB Nhật-bản cải-nguyên là Khang-bình.

1059, KỶ-HỢI

VN *Lý Thánh-tông, Chương-thánh Gia-khánh, nguyên-niên*

Đánh nhà Tống đến Khâm-châu mới trở về. Bắt đầu chế ra triều-phục, định ra quân hiệu.

TQ *Tổng Nhân-tông, Gia-hựu, năm 4*

1064, GIÁP-THÌN

VN *Lý Thánh-tổng Chương-thánh Gia-khánh, năm 6*
Sai sứ sang Tống mừng vua mới lên ngôi. Xuống sắc cho quan-lại giữ ngục đối-xử khoan-dung (với phạm-nhân).

TQ *Tổng Anh-tổng, Trị-bình, nguyên-niên*
Tên là Thự, cháu của Ung-vương là Nguyên-Bân (con của Thái-tổng), ở ngôi được 4 năm.
Mộc-Chinh của Thổ-Phiên xin nội phụ nhà Tống.

1065, ẤT-TÝ

VN *Lý Thánh-tổng, Chương-thánh Gia-khánh, năm 7*

TQ *Tổng Anh-tổng, Trị-bình, năm 2*

NB Cải nguyên là Trị-lịch.

1066, BÍNH-NGỌ

VN *Lý Thánh-tổng, Long-chương Thiên-tự, nguyên-niên.*
Lập con là Càn-Đức làm Thái-tử,

TQ *Tổng Anh-tổng, Trị-bình, năm 3*
Xuống chiếu xưng Bộc-vương là thân thuộc.

NK Vua nước Anh là Uy-Liêm [William, Guillaume] dựng triều đình Nặc-man [Normands].

1067, ĐINH-VỊ

VN *Lý Thánh-tổng, Long-chương Thiên-tự, năm 2*
Nước Ngưu-hống và Ai-lao đều vào dâng lễ cống.
Sứ nhà Tống sang gia phong.

TQ *Tổng Anh-tổng, Trị-bình, năm 4*

1068, MẬU-THÂN

VN *Lý Thánh-tổng, Thiên-huông Bảo-tượng, nguyên-niên*

TQ *Tổng Thần-tổng, Hy-ninh, nguyên-niên*
Tên là Tỏa, con của Anh-tổng, ở ngôi được 18 năm.
Xuống chiếu cho Vương An-Thạch vào tâu đối.

NK Vua nước Anh dựng kinh-thành Luân-đôn.

1069, KỶ-DẬU

VN *Lý Thánh-tổng, Thần-vũ, nguyên-niên*

Thần chinh Chiêm-thành, bắt được Chiêm-chúa là Chế-Củ. Chế-Củ dâng ba châu Địa-lý. Ma-linh, Bố-chinh, được cho trở về nước.

TQ *Tổng Thần-tổng, Hy-ninh, năm 2*

Thi-hành tân pháp, sai Vương An-Thạch lãnh việc ấy.
Nước Hạ, Lý-Bình-Thường lên ngôi.

NB *Hậu Tam-diệu Thiên-hoàng (Go-Sanjō), nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 71 của Nhật-bản, kiến-nguyên là
Diên-cửu.

1070, CANH-TUẤT

VN *Lý Thánh-tông, Thần-vũ, năm 2*
Bắt đầu dựng Văn-miếu, đắp tượng Chu-công,
Khổng-tử cùng 4 vị Nhan-tử, Tử-Tư, Tăng-tử,
Mạnh-tử và vẽ 72 vị hiền, bốn mùa cúng tế và
khiến Hoàng-thái-tử đến học.

TQ *Tống Thần-tông, Hy-ninh, năm 3*

1071, TÂN-HỢI

VN *Lý Thánh-tông, Thần-vũ, năm 3*
Chiêm-thành sang cống.

TQ *Tống Thần-tông, Hy-ninh, năm 4*

1072, NHÂM-TÝ

VN *Lý Nhân-tông, Thái-ninh, nguyên-niên*
Tên là Càn-Đức, con của Thánh-tông, ở ngôi được
56 năm. Thái-hậu họ Dương cùng ra nghe việc
chính; quan Thái-sư Lý Đạo-Thành phụ chính.

TQ *Tống Thần-tông, Hy-ninh, năm 5*
Ban hành phương điền quân thuế, cấm phải báng
việc chính-trị đương thời.

NK Vua nước Anh khiến dân tập theo thuyết Nặc-man
(Normands).

1073, QUÝ-SỬU

VN *Lý Nhân-tông, Thái-ninh, năm 2*
Sứ nhà Tống sang sách-phong. Lý Đạo-Thành ra
cai-trị Nghệ-an.

TQ *Tống Thần-tông, Hy-ninh, năm 6*

NB *Bạch-hà Thiên-hoàng (Shirakawa), nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 72 của Nhật-bản, kiến-nguyên
là Thừa-bảo.

1074, GIÁP-DẦN

VN *Lý Nhân-tông, Thái-ninh, năm 3*
Lại dùng Lý Đạo-Thành làm Thái-phó.

TQ *Tống Thần-tông, Hy-ninh, năm 7*

1075, ẤT-MÃO

VN *Lý Nhân-tông, Thái-ninh, năm 4*
Bắt đầu mở khoa thi tam-trường.

Sai Lý - Thường - Kiệt đánh Chiêm - thành nhưng không thắng.

Đổi Địa-lý ra châu Lâm-bình, Ma-linh ra châu Minh-linh và gọi dân đến ở. Quan Thái-úy Lý-Thường-Kiệt đánh nhà Tống, hãm được hai châu Khâm và Liêm.

TQ *Tống Thần-tông, Hy-ninh, năm 8*

NK Giáo - hoàng và Hoàng - đế nước Đức tranh chấp với nhau.

Ở Nam-chiếu, Đoàn Liên-Nghĩa lên ngôi.

1076, BÌNH-THÌN

VN *Lý Nhân-tông, Anh-vũ Chiêu-thắng, nguyên-niên*

Tôn-Đản hãm Ung-châu của nhà Tống và giết dân chúng trong thành.

Lập Quốc-tử-giám.

Binh nhà Tống sang xâm-lăng, lấy Quảng-nguyên châu.

TQ *Tống Thần-tông, Hy-ninh, năm 9*

Vương An-Thạch bị truất chức tướng.

NK Người Tắc-nhĩ-trụ (Seldjoukides) lấy Đa-lô-tát-lãnh (Jérusalem).

1077, ĐÌNH-TÝ

VN *Lý Nhân-tông, Anh-vũ Chiêu-thắng, năm 2*

Khảo-thí lại-viên bằng thư-toán và hình-luật.

TQ *Tống Thần-tông, Hy-ninh, năm 10*

Thiệu-Ung, Trương-Tải mất.

NK Hoàng-đế nước Đức là Hanh-lợi đệ tứ (Henri IV) tạ tội với Giáo-hoàng Hách-đức-bổ-lăng (Hildebrand tức là Grégoire VII).

1078, MẬU-NGỌ

VN *Lý Nhân-tông, Anh-vũ Chiêu-thắng, năm 3*

TQ *Tống Thần-tông, Nguyên-phong, nguyên-niên*

1079 KỶ-VỊ

VN *Lý Nhân-tông, Anh-vũ Chiêu-thắng, năm 4*

Nhà Tống trả Quảng-nguyên châu lại cho nước ta.

TQ *Tống Thần-tông, Nguyên-phong, năm 2*

1080, CANH-THÂN

VN *Lý Nhân-tông, Anh-vũ Chiêu-thắng, năm 5*

TQ *Tống Thần-tông, Nguyên-phong, năm 3*

NK Ở Nam-chiếu, Đoàn Thọ-Huy lên ngôi.

1081, TÂN-DẬU

VN *Lý Nhân-tông, Anh-vũ Chiêu-thắng, năm 6*

TQ *Tổng Thần-tông, Nguyên-phong, năm 4*

NB Cải nguyên là Vĩnh-bảo.

1082, NHÂM-TUẤT

VN *Lý Nhân-tông, Anh-vũ Chiêu-thắng, năm 7*

TQ *Tổng Thần-tông, Nguyên-phong, năm 5*

NK Ở Nam-chiếu, Đoàn Chính-Minh lên ngôi.

1084, GIÁP-TÝ thứ 67

VN *Lý Nhân-tông, Anh-vũ Chiêu-thắng, năm 9*

Sai Lê Văn-Thịnh sang nhà Tống bàn-nghị việc cương-giới.

TQ *Tổng Thần-tông, Nguyên-phong, năm 7*

NK Nhật-bản cải nguyên là Ứng-đức.

Ở Cao-ly, đời thứ 12, Thuận-tông Tuyên-huệ vương, đời thứ 13. Tuyên-tông Tư-hiếu-vương, nguyên-niên

1085, ẤT-SỬU

VN *Lý Nhân-tông, Quảng-hựu, nguyên-niên*

TQ *Tổng Thần-tông, Nguyên-phong, năm 8*

1086, BÍNH-DẪN

VN *Lý Nhân-tông, Quảng-hựu, năm 2*

Tuyển chọn người có văn-học để sung vào Hàn-lâm viện.

TQ *Tổng Triết-tông, Nguyên-hựu, nguyên-niên*

Tên Hủ, con của Thần-tông, ở ngôi được 15 năm.

Tư-Mã Quang là Tề-tướng, bãi bỏ tàn pháp.

1087, ĐINH-MÃO

VN *Lý Nhân-tông, Quảng-hựu, năm 3*

Sứ nhà Tống sang gia phong.

TQ *Tổng Triết-tông, Nguyên-hựu, năm 2*

Nước Hạ, Lý Càn-Thuận lên ngôi.

NB *Quật-hà Thiên-hoàng (Horikawa), nguyên-niên*

Vị Thiên-hoàng thứ 73 của Nhật-bản, kiến-nguyên là Khoan-trị.

1088, MẬU-THÌN

VN *Lý Nhân-tông, Quảng-hựu, năm 4*

Cho nhà sư tên Khô-Đầu hiệu Quốc-sư

TQ *Tổng Triết-tông, Nguyên-hựu, năm 3*

- 1989, KỶ-Từ
 VN Lý Nhân-tổng, Quảng-hựu, năm 5
 Định chức quan.
 TQ Tống Triết-tổng, Nguyên-hựu, năm 4
- 1091, TÂN-VỊ
 VN Lý Nhân-tổng, Quảng-hựu, năm 7
 TQ Tống Triết-tổng, Nguyên-hựu, năm 6
 Lưu-Chí làm Tề-tướng.
 NK Triều-đình Ma-lợi-duy (Almoravides) nước Tây Đại-
 thực (Arabie) hưng thịnh.
- 1092, NHÂM-THÂN
 VN Lý Nhân-tổng, Hội-phong, nguyên-niên
 TQ Tống Triết-tổng, Nguyên-hựu, năm 7
 NK Tắc-nhĩ-trụ (Seldjoukides) chia ra làm nhiều nước.
- 1094, GIÁP-TUẤT
 VN Lý Nhân-tổng, Hội-phong, năm 3
 Sai sứ sang Chiêm-thành,
 TQ Tống Triết-tổng, Thiệu-thánh, nguyên-niên
 Chương-Đôn làm Tề-tướng, lại thi-hành tân pháp.
 NB Cải nguyên là Gia-bảo.
- 1095, ẤT-HỢI
 VN Lý Nhân-tổng, Hội-phong, năm 4
 QT Tống Triết-tổng, Thiệu-thánh, năm 2
 NK Giáo-hoàng chiêu-tập Thập-tự-quân (1ère Croisade).
 Nước Bồ-đào-nha hưng thịnh.
 Ở Cao-ly đời thứ 14, Hiến-tổng Cung - thương
 vương, nguyên-niên.
- 1096, BÍNH-Từ
 VN Lý Nhân-tổng, Hội-phong, năm 5
 Thái-sư Lê - Văn - Thịnh mưu nghịch bị an trí ở
 Thao-giang.
 TQ Tống Triết-tổng, Thiệu-thánh, năm 3
 NK Nhật-bản cải nguyên là Vĩnh-trường.
 Thập-tự-quân khởi lên.
 Ở Cao-ly đời thứ 15, Túc-tổng Minh-hiếu vương,
 nguyên-niên.
- 1097, ĐINH-SỬ
 VN Lý Nhân-tổng, Hội-phong, năm 6
 Định Hội-điền.

- TQ *Tổng Triết-tông, Thiệu-thánh, năm 4*
NB Cải nguyên là Thừa-dức.
- 1098, MẬU-DẪN
VN *Lý Nhân-tông, Hội-phong, năm 7*
TQ *Tổng Triết-tông, Nguyên-thứ, nguyên-niên*
NK Thập-tư-quân lấy An-đê-a (Antioche).
- 1099, KỶ-MÃO
VN *Lý Nhân-tông, Hội-phong, năm 8*
TQ *Tổng Triết-tông, Nguyên-thứ, năm 2*
Nước Liêu xin cho nước Hạ được giảng hòa với nhà Tống, nhà Tống chấp-thuận việc ấy.
NK Nhật-bản cải nguyên là Khang-hòa.
Thập-tư-quân dựng vương-quốc Da-lô-tát-lãnh (Jérusalem).
- 1101, TÂN-TY
VN *Lý Nhân-tông, Long-phù, nguyên-niên*
TQ *Tống Huy-tông, Kiến-trung Tĩnh-quốc, nguyên-niên*
Tên là Cát, con của Thần-tông, ở ngôi được 26 năm.
Chương-Đôn thôi làm Tể-tướng, Thái-Kinh lên thay.
NK Ở nước Liêu, Thiên-tộ-đế lên ngôi.
- 1102, NHÂM-NGỌ
VN *Lý Nhân-tông, Long-phù, năm 2*
TQ *Tống Huy-tông, Sùng-ninh, nguyên-niên*
Truy biếm chức tước bọn Tư-mã-Quang
- 1103, QUÝ-VỊ
VN *Lý Nhân-tông, Long-phù, năm 3*
Lý Giác làm phản bị Lý Thường-Kiệt đánh bại.
Chiếm-thành lại chiếm-cứ ba châu Lâm-bình, Bó-chính, Minh-linh.
TQ *Tống Huy-tông, Sùng-ninh, năm 2*
- 1104, GIÁP-THÂN
VN *Lý Nhân-tông, Long-phù, năm 4*
Lý Thường-Kiệt đánh Chiêm-thành ; Chiêm-chùa bị đánh bại trả lại đất ba châu.
TQ *Tống Huy-tông, Sùng-ninh, năm 3*
NB Cải nguyên là Trường-trị.
- 1105, ẤT-DẬU
VN *Lý Nhân-tông, Long-phù, năm 5*
Lý Thường-Kiệt mất.

- TQ *Tổng Huy-tông, Sùng-ninh, năm 4*
NK Ở Nam-chiếu, Đoàn Chính-Thuần lên ngôi.
- 1106, BÌNH-TUẤT
VN *Lý Nhân-tông, Long-phù, năm 6*
TQ *Tổng Huy-tông, Sùng-ninh, năm 5*
NK Nhật-bản cải-nguyên là Gia-thừa.
Ở Cao-ly, đời thứ 16, Duệ-tông Văn-hiếu vương,
nguyên-niên.
- 1107, ĐÌNH-HỢI
VN *Lý Nhân-tông, Long-phù, năm 7*
TQ *Tổng Huy-tông, Đại-quan, nguyên-niên*
Thái Kinh lại làm Tề-tướng. Trình Di chết.
- 1108, MẬU-TÝ
VN *Lý Nhân-tông, Long-phù, năm 8*
Đắp con dê ở phường Cơ-xá.
TQ *Tổng Huy-tông, Đại-quan, năm 2*
NB *Điếu-vũ Thiên-hoàng (Toba), nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 74 của Nhật-bản, kiến nguyên
là Thiên-nhân.
NK Ở Nam-chiếu, Đoàn Chính-Nghiêm lên ngôi.
- 1110, CANH-DẦN
VN *Lý Nhân-tông, Hội-tường Đại-khánh, nguyên-niên*
Chiêm-thành sang cống.
TQ *Tổng Huy-tông, Đại-quan, năm 4*
NB Cải nguyên là Thiên-vĩnh.
- 1111, TÂN-MÃO
VN *Lý Nhân-tông, Hội-tường Đại-khánh, năm 2*
TQ *Tổng Huy-tông, Chính-hòa, nguyên-niên*
Hoạn quan Đồng-Quán đi sứ ở nước Liêu.
- 1113, QUÝ-TÝ
VN *Lý Nhân-tông, Hội-tường Đại-khánh, năm 4*
TQ *Tổng Huy-tông, Chính-hòa, năm 3*
NB Cải nguyên là Vĩnh-cửu.
- 1114, GIÁP-NGỌ
VN *Lý Nhân-tông, Hội-tường Đại-khánh, năm 5*
TQ *Tổng Huy-tông, Chính-hòa, năm 4*
NK A-cốt-đả nước Nữ-chân phần lại nước Liêu, nước
Liêu chinh phạt nước ấy, bị thua to.

1115, **ẦT-VỊ**

VN *Lý Nhân-tông, Hội-tường Đại-khánh, năm 6*
Lập ba bà Hoàng-hậu.

NK A-cốt-dả (tức là Hoàng-Nhan-Mân) xưng đế, tên nước là Kim, kiến nguyên là Thu-quốc.

1117, **ĐINH-DẬU**

VN *Lý Nhân-tông, Hội-tường Đại-khánh, năm 8*
Lập Dương-Hoán làm Thái-tử

TQ *Tống Huy-tông, Chính-hòa, năm 7*

1118, **MẬU-TUẤT**

VN *Lý Nhân-tông, Hội-tường Đại-khánh, năm 9*
Chân-lạp sai sứ đến triều.
Chiêm-thành đến cống.

TQ *Tống Huy-tông, Trọng-hòa, nguyên-niên*
Sai Mã-Chính đi sứ sang nước Kim, hẹn cùng đánh
ép hai bên vào nước Liêu.
Ban chiếu cho Nhật-bản.

NB Cải nguyên là Nguyên-vĩnh.

1119, **KỶ-HỢI**

VN *Lý Nhân-tông, Hội-tường Đại-khánh, năm 10*
Nhà vua thân chinh đánh Ma-sa, bắt đảng viên
động-trưởng.

TQ *Tống Huy-tông, Tuyên-hòa, nguyên-niên*

NK Nước Kim chế ra văn-tự Nữ-chận.

1120, **CANH-TÝ**

VN *Lý Nhân-tông, Thiên-phù Duệ-vũ, nguyên-niên*

TQ *Tống Huy-tông, Tuyên-hòa, năm 2*

NB Cải nguyên là Bảo-an.

1121, **TÂN-SỬU**

VN *Lý Nhân-tông, Thiên-phù Duệ-vũ, năm 2*

TQ *Tống Huy-tông, Tuyên-hòa, năm 3*

Tống Giang cướp Kinh-đông bị đánh dẹp và đầu
hàng. Đồng Quán dẹp yên Phương-Lập.

1122, **NHÂM-DẦN**

VN *Lý Nhân-tông, Thiên-phù Duệ-vũ, năm 3*

TQ *Tống Huy-tông, Tuyên-hòa, năm 4*

Đồng-Quán đánh nước Liêu, bị thua.

NK Nước Kim khắc-phục được Yên-kinh của nước Liêu
Giáo-hoàng hòa với Hoàng-đế nước Đức.

1123, QUỖ-MÃO

VN *Lý Nhân-tông, Thiên-phù Duệ-vũ, năm 4*
Nhà vua đến Ứng-phong xem gặt hái trở về được
các giáo-phái Nho, Lão, Phật đều dâng thơ chúc
mừng.

TQ *Tống Huy-tông, Tuyên-hòa, năm 5*

NK Ở nước Kim, Thái-tông Ngô Khất-Mãi (Hoàn Nhan
Thạnh) lên ngôi.

Ở Cao-ly, đời thứ 17, Nhân-tông Cung-hiếu vương,
nguyên-niên.

1124, GIÁP-THÌN

VN *Lý Nhân-tông, Thiên-phù Duệ-vũ, năm 5*

TQ *Tống Huy-tông, Tuyên-hòa, năm 6*

NB *Sùng-đức Thiên-hoàng (Sutoku), nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 75 của Nhật-bản, kiến nguyên
là Thiên-trị.

NK Ở nước Liêu, Đức-tông lên ngôi.

1125, ẤT-TY

VN *Lý Nhân-tông, Thiên-phù Duệ-vũ, năm 6*

TQ *Tống Huy-tông, Tuyên-hòa, năm 7*
Nước Kim vào cướp. Nhà vua truyền ngôi.

NK Nước Liêu mất. Tây Liêu dựng nước.
Quốc-thống nước Đức dứt. Công-lộ-đề đệ nhĩ
(Conrad II) của Tát-khắc-sâm (Saxe) làm vua cả
hai nước Đức và Ý.

1126, BÍNH-NGỌ

VN *Lý Nhân-tông, Thiên-phù Duệ-vũ, năm 7*

TQ *Tống Khâm-tông, Tĩnh-khang, nguyên-niên*
Tên là Hoàn, con của Huy-tông, ở ngôi được 2
năm, bị người nước Kim phế xuống. Nước Kim
công-hãm Biện-kinh.

NB Cải nguyên là Đại-trị.

1127, ĐINH-VỊ

VN *Lý Nhân-tông, Thiên-phù Khánh-thọ, nguyên-niên*

TQ *Tống Cao-tông, Kiến-viêm, nguyên-niên*
Tên Cầu, con của Huy-tông, ở ngôi được 36 năm.
Nước Kim bắt hai vua Huy-tông và Khâm-tông đem
về bắc. Vua Cao-tông lên ngôi ở Nam-kinh.

1128, MAU-THÂN

VN *Lý Thần-tông, Thiên-thuận, nguyên-niên*

Tên là Dương-Hoán, con của Sùng-hiền hầu, được Nhân-lông lập làm Thái-tử, ở ngôi được 11 năm. Lưu Khánh-Đàm, Lê Bá-Ngọc phụ chính. Bắt đầu cùng các quan giảng-luận sách sử tại Kinh-diên. Nước Chân-lạp cướp phá Nghệ-an, bị Lý Công-Bình đánh bại. Chân-lạp lại cướp phá, bị bọn Nguyễn Hà-Viêm đánh bại.

TQ *Tông Cao-tông, Kiến-viêm, năm 2.*

1129, KỶ-DẬU

VN *Lý Thần-tông, Thiên-thuận, năm 2*

Tên cha là Sùng-hiền hầu làm Thái-thượng-hoàng, mẹ họ Đỗ làm Hoàng-thái-hậu.

TQ *Tông Cao-tông, Kiến-viêm, năm 3*

1130, CANH-TUẤT

VN *Lý Thần-tông, Thiên-thuận, năm 3*

Sứ nhà Tống sang sách phong.

TQ *Tông Cao-tông, Kiến-viêm, năm 4*

Nước Kim lập Lưu-Dự làm Tề-đế.

1131, TÂN-HỢI

VN *Lý Thần-tông, Thiên-thuận, năm 4*

TQ *Tông Cao-tông, Thiệu-hưng, nguyên-niên*

Ngô-Giới, Ngô-Lân đánh bại người Kim.

Tân-Cối làm Tề-tướng.

NB Cải nguyên là Thiên-thừa.

1132, NHÂM-TÝ

VN *Lý Thần-tông, Thiên-thuận, năm 5*

Chân-lạp và Chiêm-thành vào cướp, bị Dương Anh-Nhị đánh bại. Sứ nhà Tống sang gia phong.

TQ *Tông Cao-tông, Thiệu-hưng, năm 2*

NB Cải nguyên là Trường-thừa.

1133, QUÝ-SỬU

VN *Lý Thần-tông, Thiên-chương Bảo-tự, nguyên-niên*

TQ *Tông Cao-tông, Thiệu-hưng, năm 3*

1134, GIÁP-DẦN

VN *Lý Thần-tông, Thiên-chương Bảo-tự, năm 2*

TQ *Tông Cao-tông, Thiệu-hưng, năm 4*

Ngô-Giới, Ngô-Lân và Hàn Thế-Trung đánh đại bại người Kim.

1135, **ẦT-MÃO**

VN *Lý Thần-tông, Thiên-chương Bảo-tự, năm 3*
Chân-lạp và Chiêm-thành sang cống.

TQ *Tổng Cao-tông, Thiệu-hưng, năm 5*
Huy-tông mất ở nước Kim.

NK Hy-tông nước Kim lên ngôi.
Nhật-bản cải-nguyên là Bảo-diên.

1136, **BÍNH-THÌN**

VN *Lý Thần-tông, Thiên-chương Bảo-tự, năm 4*
Cho nhà sư Minh-Không hiệu Quốc-sư.

TQ *Tổng Cao-tông, Thiệu-hưng, năm 6*

NK Tiêu-Hậu ở Tây-Liêu lên ngôi.

1137, **ĐINH-TÝ**

VN *Lý Thần-tông, Thiên-chương Bảo-tự, năm 5*
Chân-lạp vào cướp bị Lý-Công Bình đánh bại.

TQ *Tổng Cao-tông, Thiệu-hưng, năm 7*
Nước Kim phế Lưu-Dự xuống.

1138, **MẬU-NGỌ**

VN *Lý Anh-tông, Thiệu-minh, nguyên-niên*
Tên là Thiên-Tộ, con của Thần-tông, ở ngôi được
37 năm.

TQ *Tổng Cao-tông, Thiệu-hưng, năm 8*

1139. **KỶ-VỊ**

VN *Lý Anh-tông, Thiệu-minh, năm 2*
Sứ nhà Tống sang sách phong.

TQ *Tổng Cao-tông, Thiệu-hưng, năm 9*
Lý Nhân-Hiếu nước Hạ lên ngôi.

1140, **CANH-THÂN**

VN *Lý Anh-tông, Đại-định, nguyên-niên*
Dùng Đỗ Anh-Vũ làm Cung-diện-lệnh tri nội-ngoại-sự.

TQ *Tổng Cao-tông, Thiệu-hưng, năm 10.*

1141, **TÂN-DẬU**

VN *Lý Anh-tông, Đại-định, năm 2*
Sai Lưu Vũ-Xưng đánh giặc Thân-Lợi, bị thua.
Đỗ Anh-Vũ đánh giặc Thân-Lợi, Thân-Lợi thua
chạy bị Tô Hiến-Thành bắt.

TQ *Tổng Cao-tông, Thiệu-hưng, năm 11*
Giết Nhạc-Phi, cuộc nghị hòa được thành, chịu
xưng thần và nộp cống cho nước Kim.

- NB Cải nguyên là Vĩnh-trị.
- 1142, NHÂM-TUẤT
- VN *Lý Anh-tông, Đại-định, năm 3*
- TQ *Tổng Cao-tông, Thiệu-hưng, năm 12*
- NB *Cận-vệ Thiên-hoàng (Konoe) nguyên-niên.*
Vị Thiên-hoàng thứ 76 của Nhật-bản, kiến-nguyên
là Khang-trị.
- NK Nhân-tông nước Tây-Liên lên ngôi.
- 1144, GIÁP-TÝ thứ 68
- VN *Lý Anh-tông, Đại-định, năm 5*
- TQ *Tổng Cao-tông, Thiệu-hưng, năm 4*
- NB Cải nguyên là Thiên-dưỡng.
- 1145, ẤT-SỬU
- VN *Lý Anh-tông, Đại-định, năm 6*
Đàm Hữu-Lượng cướp phá Quảng-nguyên, bị bọn
Dương Tự-Minh đánh bại.
- TQ *Tổng Cao-tông, Thiệu-hưng, năm 15*
- NB Cải nguyên là Cửu-an.
- 1147, ĐINH-MÃO
- VN *Lý Anh-tông, Đại-định, năm 8*
- TQ *Tổng Cao-tông, Thiệu-hưng, năm 17*
- NK Nước Kim và Mông-cổ hòa nhau.
Mông-cổ dựng nước, niên-hiệu Liệt-tổ, nguyên-niên.
Nam-chiếu, Đoàn-Chính-Hưng lên ngôi.
Thập-tự-quân lại khởi lên, được Hoàng-đế nước
Đức và vua nước Pháp giúp vào.
Ở Cao-ly, đời thứ 18, Nghị-tông Trang-hiếu vương,
nguyên-niên.
- 1149, KỶ-TY
- VN *Lý Anh-tông, Đại-định, năm 10*
Cho thuyền tàu của ngoại-quốc đậu ở trang Vân-
đồn.
- TQ *Tổng Cao-tông, Thiệu-hưng, năm 19*
- NK Thừa-tướng nước Kim là Lượng thi vua Hy-tông
rời tự lập làm vua xưng là Hải-lăng vương.
- 1150, CANH-NGO
- VN *Lý Anh-tông, Đại-định, năm 11*
Nước Chân-lạp vào cướp Nghệ-an.
Giết bọn Vũ-Đái Đồng-Lợi.

- TQ *Tổng Cao-tông, Thiệu-hưng, năm 20*
1152, NHÂM-THÂN
VN *Lý Anh-tông, Đại-định, năm 13*
Thị Đình.
Lý Mông đem binh đưa Ung-Minh Ta-Điệp vào Chiêm-thành, không thắng mà bị giết.
- TQ *Tổng Cao-tông, Thiệu-hưng, năm 22*
NB Cải nguyên là Nhân-bình.
- 1153, GIÁP-TUẤT
VN *Lý Anh-tông, Đại-định, năm 15*
Dựng đàn Viên-khâu. Thâu nạp người con gái của vua Chiêm dâng lên. Thân chinh đánh dẹp rợ ở Đại-Hoàng-son.
- TQ *Tổng Cao-tông, Thiệu-hưng, năm 24*
NK Nhật-bản cải nguyên là Cửu-thọ.
Ở nước Tây-Liên, Thừa-Thiên-Hậu được lập.
- 1156, BÍNH-TÝ
VN *Lý Anh-tông, Đại-định, năm 17*
Dựng miếu Khổng-tử ở phía nam thành Thăng-long.
- TQ *Tổng Cao-tông, Thiệu-hưng, năm 26*
NB *Hậu Bạch-hà Thiên-hoàng (Go-Shirikawa), nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 77 của Nhật-bản, kiến nguyên là Bảo-nguyên.
- 1157, ĐINH-SỬU
VN *Lý Anh-tông, Đại-định, năm 18*
Định ra luật-lệnh.
- TQ *Tổng Cao-tông, Thiệu-hưng, năm 27*
- 1159, KỶ-MÃO
VN *Lý Anh-tông, Đại-định, năm 20*
Giặc Nguru-hống và Ai-lao vào cướp phá bị Tô-Hiến-Thành đánh bại.
Tô Hiến-Thành làm Thái-úy.
- TQ *Tổng Cao-tông, Thiệu-hưng, năm 29*
NB *Nhị-diều Thiên-hoàng (Nijō), nguyên-niên*
Vị Thiên-hoàng thứ 78 của Nhật-bản, kiến nguyên là Bình-trị.
- 1160, CANH-THÌN
VN *Lý Anh-tông, Đại-định, năm 21*
TQ *Tổng Cao-tông, Thiệu-hưng, năm 30*

- NB Cải nguyên là Vĩnh-licb.
- 1161, TÂN-TY
- VN *Lý Anh-tông, Đại-định, năm 22*
Sai Tô Hiến-Thành đi tuần ở biên-thùy.
- TQ *Tổng Cao-tông, Thiệu-hưng, năm 31*
Người Kim vào cướp bị đánh bại.
- NK Nhật-bản, cải nguyên là Ứng-bảo.
Chúa nước Kim bị giết, Thế-tông lên ngôi.
- 1163, QUỲ-VỊ
- VN *Lý Anh-tông, Chính-long Bảo-ứng, nguyên-niên*
- TQ *Tổng Hiều-tông, Long-hưng, nguyên-niên*
Tên là Tích, dòng-dõi của Tần-vương tên Đức-
Phương (con của Thái-tổ), ở ngôi được 27 năm.
Trương-Tuấn làm tướng.
- NB Cải nguyên là Trường-khoan.
- 1164, GIÁP-THÂN
- VN *Lý Anh-tông, Chính-long Bảo-ứng, năm 2*
Chiêm-thành đến cống.
Nhà Tống sách phong cho vua Lý làm An-nam
Quốc-vương.
- TQ *Tổng Hiều-tông, Long-hưng, năm 2*
- 1165, ẤT-DẬU
- VN *Lý Anh-tông, Chính-long Bảo-ứng, năm 3*
Thi các học-sinh.
- TQ *Tổng Hiều-tông, Càn-đạo, nguyên-niên*
Đến khi hòa với Kim mới bắt đầu định lễ giữa hai
nước bình-đẳng.
- NB Cải nguyên là Vĩnh-vạn.
- 1166, BÍNH-TUẤT
- VN *Lý Anh-tông, Chính-long Bảo-ứng, năm 4*
- TQ *Tổng Hiều-tông, Càn-đạo, năm 2*
- NB *Lục-điều Thiên-hoàng, (Rokujō), nguyên-niên.*
Vị Thiên-hoàng thứ 79 của Nhật-bản, kiến-nguyên
là Nhân-an.
- 1167, ĐINH-HỢI
- VN *Lý Anh-tông, Chính-long Bảo-ứng, năm 5*
Tô Hiến-Thành đánh Chiêm-thành. Chiêm-thành
xin hòa, vua xuống chiếu đem quân về.
- TQ *Tổng Hiều-tông, Càn-đạo, năm 3*

- NK Người Luân-ba (Lombards) đồng-minh cất quân đả
chống nước Đức.
- 1168, MẬU-TÝ
- VN *Lý Anh-tông, Chính-long Bảo-ứng, năm 6*
Sứ nhà Tống và sứ nước Kim đều đến.
- TQ *Tống Hiều-tông, Càn-đạo, năm 4*
- NK Vị chúa cuối cùng của Tây-Liêu lên ngôi.
- 1169, KỶ-SỬU
- VN *Lý Anh-tông, Chính-long Bảo-ứng, năm 7.*
- TQ *Tống Hiều-tông, Càn-đạo, năm 5*
Ngu Doãn-Văn làm Tể-tướng.
- NB *Cao-thương Thiên-hoàng (Takakura), nguyên-niên*
Thiên-hoàng thứ 80 của Nhật-bản, kiến-nguyên là
Gia-ưng.
- NK Nước Anh chinh-phục Ái-nhĩ-lan (Irlande).
- 1171, TÂN-MÃO
- VN *Lý Anh-tông, Chính-long Bảo-ứng, năm 9*
Vua tuần-hành đường biển.
- TQ *Tống Hiều-tông, Càn-đạo, năm 7*
- NK Nhật-bản cải nguyên là Thừa-an.
Ở Cao-ly, đời thứ 19, Minh-tông Quang-hiếu vương,
nguyên-niên.
- 1172, NHÂM-THÌN
- VN *Lý Anh-tông, Chính-long Bảo-ứng, năm 10*
Vua lại đi tuần đường biển và biên-thùy nam bắc,
- TQ *Tống Hiều-tông, Càn-đạo, năm 8*
Ở Nam-chiếu, Đoàn Tri-Hưng lên ngôi.
- 1174, GIÁP-NGỌ
- VN *Lý Anh-tông, Thiên-cảm Chi-bảo, nguyên-niên*
Phế Thái-tử Long-Sưởng.
- TQ *Tống Hiều-tông, Thuần-hy, nguyên-niên*
Ngu Doãn-Văn chết.
- NK Vua nước Anh đánh Tô-cách-Lan (Ecosse), bắt
nước ấy làm thuộc quốc.
- 1175, ẤT-VỊ
- VN *Lý Anh-tông, Thiên-cảm Chi-bảo, năm 2*
Lập con là Long-Cán làm Thái-tử.
Thêm tước vương cho Tô Hiến-Thành giúp Thái-tử
nhiep chính. Anh-tông băng.

- TQ *Tổng Hiếu-tông, Thuần-hy, năm 2*
NB Cải nguyên là An-nguyên.
- 1176, BÌNH-THÂN
VN *Lý Cao-tông, Trinh-phù, nguyên-niên*
Tên húy là Long-Cán, con của Anh-tông, ở ngôi được 35 năm.
TQ *Tổng Hiếu-tông, Thuần-hy, năm 3*
- 1177, ĐÌNH-DẬU
VN *Lý Cao-tông, Trinh-phù, năm 2*
Chiếm-thành vào cướp Nghệ-an.
TQ *Tổng Hiếu-tông, Thuần-hy, năm 4*
NB Cải nguyên là Trị-thừa.
- 1179, ÂT-HỢI
VN *Lý Cao-tông, Trinh-phù, năm 4*
NB Thái-úy Tô-Hiến-Thành mất.
TQ *Tổng Hiếu-tông, Thuần-hy, năm 6*
- 1181, TÂN-SỬU
VN *Lý Cao-tông, Trinh-phù, năm 6*
TQ *Tổng Hiếu-tông, Thuần-hy, năm 8*
NB *An-đức Thiên-hoàng (Antoku), nguyên-niên*
Thiên-hoàng thứ 81 của Nhật-bản, kiến nguyên là Dưỡng-hòa.
- 1182, NHÂM-DẪN
VN *Lý Cao-tông, Trinh-phù, năm 7*
Tìm người hiền lương.
Gọi Lý Kinh-Tu là đế sư (thầy của vua).
Tiêm-la sang cống.
TQ *Tổng Hiếu-tông, Thuần-hy, năm 9*
NB Cải nguyên là Thọ-vĩnh.
- 1183, QUỲ-MÃO
VN *Lý Cao-tông, Trinh-phù, năm 8*
Ngô Lý-Tin đánh Ai-lao.
TQ *Tổng Hiếu-tông, Thuần-hy, năm 10*
Trần-Cổ xin cấm Đạo-học.
NK Luân-ba (Lombards) lập quyền dân-chủ.
- 1184, GIÁP-THÌN
VN *Lý Cao-tông, Trinh-phù, năm 9*
TQ *Tổng Hiếu-tông, Thuần-hy, năm 11*

- NB *Hậu Điều-vũ Thiên-hoàng (Go-Toba) nguyên-niên*
Thiên-hoàng thứ 82 của Nhật-bản, kiến nguyên là
Nguyên-lịch.
- 1185, **ÂT-TỶ**
VN *Lý Cao-tông, Trinh-phù, năm 10*
Khảo-thí nhân-sĩ đề sung vào Ngự-diên thị học.
TQ *Tổng Hiếu-tông, Thuần-hy, năm 12*
NB Cải nguyên là Văn-trị.
- 1186, **BÍNH-NGỌ**
VN *Lý Cao-tông, Thiên-tư Gia-thụy, nguyên-niên*
Sử nhà Tống sang sách phong làm quốc-vương,
Sai sử đem đồ thổ-sản sang nhà Tống.
TQ *Tổng Hiếu-tông, Thuần-hy, năm 13*
- 1187, **ĐINH-VỊ**
VN *Lý Cao-tông, Thiên-tư Gia-thụy, năm 2*
TQ *Tổng Hiếu-tông, Thuần-hy, năm 14*
NK Vua Ai-cập Tát-lạp-đinh (Saladin) lấy thành Da-lô-
tát-lãnh (Jésusalem), đuổi các giáo đồ Cơ-đốc.
- 1189, **KỶ-DẬU**
VN *Lý Cao-tông, Thiên-tư Gia-thụy, năm 4*
TQ *Tổng Hiếu-tông, Thuần-hy, năm 16*
Vua truyền ngôi.
NK Thập-tự-quân dấy lên lần thứ 3, được các nước
Đức, Anh và Pháp trợ giúp.
- 1190, **CANH-TUẤT**
VN *Lý Cao-tông, Thiên-tư-gia-thụy, năm 5*
TQ *Tổng Quang-tông, Thiệu-hy, nguyên-niên*
Tên là Đôn, con của Hiếu-tông, ở ngôi được 5 năm.
NK Ở nước Kim, Chương-tông lên ngôi.
Nhật-bản cải nguyên là Kiến-cửu.
Hoàng-đế nước Đức Hanh-lợi đệ lục (Henri VI) lên
ngôi kiêm vua nước Ý.
- 1192, **NHÂM-TÝ**
VN *Lý Cao-tông, Thiên-tư Gia-thụy, năm 7*
TQ *Tổng Quang-tông, Thiệu-hy, năm 3*
NK Ở Nhật-bản dòng Vũ-vương đời thứ nhất, Nguyên-
lại triều được lập lên.
- 1194, **GIÁP-DẦN**
VN *Lý Cao-tông, Thiên-tư Gia-thụy, năm 9*

- TQ *Tổng Quang-tông, Thiệu-hy, năm 5*
Hiếu-tông băng. Vua Quang-tông cớ bệnh, truyền
ngôi cho Gia-tông.
- NB Hoàng-đế nước Đức diệt vương-quốc Tây-tây-ly
(Sicile).
- 1195, **ẤT-MÃO**
VN *Lý Cao-tông, Thiên-tư Gia-thụy, năm 10*
Bắt đầu khảo-thí ba đạo (Nho, Phật, Lão).
- TQ *Tổng Ninh-tông, Khánh-nguyên, nguyên-niên*
Tên là Khuếch, con của Quang-tông, ở ngôi được
30 năm.
Triệu Nhữ-Ngu bị bãi chức.
Lý Thuần-Hữu nước Hạ lên ngôi.
- NK Người Ma-nhĩ (Maures) phá quân Gia-tư-đức-lạp
(Castille).
- 1196, **BÍNH-THÌN**
VN *Lý Cao-tông, Thiên-tư gia-thụy, năm 11*
TQ *Tổng Ninh-tông, Khánh-nguyên, năm 2*
Cấm dùng người trong đảng Ngụy-học.
Tước chức của quan tu-soạn Chu-Hy.
- 1198, **MẬU-NGỌ**
VN *Lý Cao-tông, Thiên-tư Gia-thụy, năm 13*
Xuống chiếu sa-thải thầy tăng.
TQ *Tổng Ninh-tông, Khánh-nguyên, năm 4*
NK Ở Cao-ly, đời thứ 20, Thần-tông Tĩnh-hiếu vương,
nguyên-niên.
- 1199, **KỶ-VỊ**
VN *Lý Cao-tông Thiên-tư Gia-thụy, năm 14*
Sai sứ phong cho vua Chiêm-thành làm quốc-vương.
TQ *Tổng Ninh-tông, Khánh-nguyên, năm 5*
NB *Thổ-ngư-môn Thiên-hoàng (Tsuchimikado), nguyên-niên*
Thiên-hoàng thứ 83 của Nhật-bản, kiến-nguyên là
Chính-trị.
- 1200, **CANH-THÂN**
VN *Lý Cao-tông, Thiên-tư Gia-thụy, năm 15*
QT *Tổng Ninh-tông, Khánh-nguyên, năm 6*
NK Đoàn Tri-Liên ở Nam-chiếu lên ngôi.
- 1201, **TÂN-DẬU**
VN *Lý Cao-tông, Thiên-tư Gia-thụy, năm 16*

- TQ *Tổng Ninh-tông, Gia-thái, nguyên-niên*
NK Tây-Liêu mất.
Nhật-bản cải nguyên là Kiến-nhan.
- 1202, NHÂM-TUẤT
VN *Lý Cao-tông, Thiên-gia Bảo hựu, nguyên-niên*
Chế ra nhạc khúc Chiêm-thành.
- TQ *Tổng Ninh-tông, Gia-thái, năm 2*
NK Thập-tự quân dấy lên lần thứ tư, cấm tư nhân soạn sử được người Pháp giúp.
Vũ-vương Nhật-bản thuộc Nguyên-lại-gia đòi thứ 2 lên ngôi.
- 1203, QUÝ-HỢI
VN *Lý Cao-tông, Thiên-gia Bảo hựu, năm 2*
Đại chấn hưng cung-điện.
Đỗ-Thanh, Phạm-Diên mưu đánh úp người Chiêm-thành mà bị chúng giết.
- TQ *Tổng Ninh-tông, Gia-thái, năm 3*
NK Vũ-vương Nhật-bản thuộc triều Nguyên-thị đòi thứ 3 lên ngôi.
- 1204, GIÁP-TÝ thứ 69
VN *Lý Cao-tông Thiên-gia Bảo hựu, năm 3*
TQ *Tổng Ninh-tông, Gia-thái, năm 4*
Truy phong Nhạc Phi làm Ngạc-vương. Hàn Sá-Trụ bàn nghị chinh phạt nước Kim.
- NK Thập-tự quân diệt Đông La-mã, dựng nên Đế-quốc Lạp-dinh (Empire latin).
Nhật-bản cải nguyên là Nguyên-cửu.
- 1205, ÂT-SỬU
VN *Lý Cao-tông, Trị-bình Long-ứng, nguyên-niên*
TQ *Tổng Ninh-tông, Khai-hy, nguyên-niên*
Hàn Sá-Trụ thay quyền tể-tướng coi việc nước.
- NK Đoàn Trí-Tường ở Nam-chiếu lên ngôi.
Ở Cao-ly, đòi thứ 21, Hy-tông Hiếu-thành vương, nguyên-niên.
- 1206, BÍNH-DẦN
VN *Lý Cao-tông, Trị-bình Long-ứng, năm 2*
TQ *Tổng Ninh-tông, Khai-hy, năm 2*
Nước Kim vào cướp, vùng Hoài-tây đều mất.
Lý An-Toàn nước Hạ lên ngôi.

- NK Thái-tổ Thiết-mộc-chân nhà Nguyên (Mông-cổ) xưng
đế năm đầu tiên.
Nhật-bản cải-nguyên là Kiến-vĩnh.
- 1207, ĐINH-MÃO
- VN Lý Cao-tông, Trị-bình Long-ứng, năm 3
- TQ Tống Ninh-tông, Khai-hy, năm 3
Hàn Sá-trụ chịu tội chết. Lại nghị hòa với nước Kim.
- NB Cải nguyên là Thừa-nguyên.
- 1208, MẬU-THÌN
- VN Lý Cao-tông, Trị-bình long-ứng, năm 4
Lập con tên Sam làm Thái-tử.
Phạm-Du ở Nghệ-an làm phản, bị Phạm Bình-Di
đánh dẹp.
- TQ Tống Ninh-tông, Gia-định, nguyên-niên
Đưa thủ-cấp của Hàn Sá-Trụ sang nước Kim, cuộc
nghị hòa mới thành.
- NK Giáo-hoàng Anh-nặc-sâm đệ tam (Innocent III)
lên ngôi.
- 1209, KỶ-TỶ
- VN Lý Cao-tông, Trị-bình Long-ứng, năm 5
Giết Phạm Bình-Di, Quách-Bốc làm loạn, vua chạy
về sông Quy-Hóa. Anh em Trần-Lý dẹp loạn ; vua
trở về cung.
- TQ Tống Ninh-tông, Gia-định, năm 2
- NK Vĩnh-Tế nước Kim lên ngôi.
Trưởng-úy-ngô-nhi của Tây-Hạ đầu hàng Mông-cổ.
- 1210, CANH-NGO
- VN Lý Cao-tông, Trị-bình Long-ứng, năm 6
Cao-tông băng, Thái-tử lên ngôi.
- TQ Tống Ninh-tông, Gia-định, năm 3
- NK Mông-cổ xâm-lăng nước Kim.
Thập-tự-quân đánh Á-nhĩ-tĩ-nhiên-tư (Albigois).
- 1211, TÂN-VỊ
- VN Lý Huệ-tông, Kiến-gia, nguyên-niên
Tên là Sam, con của Cao-tông, ở ngôi được 14 năm,
truyền ngôi cho Chiêu-hoàng, về sau bị Trần-Thủ-
Độ giết.
Sách phong Trần thị làm Nguyên-phi.

- TQ *Tổng Ninh-tông, Gia-định, năm 4*
Lý Tuân-Húc nước Hạ lên ngôi.
NB *Thuận-đức Thiên-hoàng (Juntoku), nguyên-niên*
Thiên-hoàng thứ 84 của Nhật-bản, kiến-nguyên là
Kiến-lịch.

1212, NHÂM-THÂN

- VN *Lý Huệ-tông, Kiên-gia, năm 2*
Đoàn-Thượng chiếm-cứ Hồng-châu để làm phản.
TQ *Tổng Ninh-tông, Gia-định, năm 5*
NK Ở Cao-ly, đời thứ 22, Khang-tông Nguyên-hiếu
vương, nguyên-niên.

1213, QUÝ-DẬU

- VN *Lý Huệ-tông, Kiên-gia, năm 3*
TQ *Tổng Ninh-tông, Gia-định, năm 6*
NK Nguyên Soái Hồ Sa-Hồ nước Kim giết chúa nước
Kim và lập Tuyên-Tông lên ngôi.
Nhật-bản cải-nguyên là Kiến-bảo.
Vua nước Pháp đánh nước Anh, Giáo - hoàng
khuyến-dụ nên đình chiến.

1214, GIÁP-TUẤT

- VN *Lý Huệ-tông, Kiên-gia, năm 4*
TQ *Tổng Ninh-tông, Gia-định, năm 7*
NK Mông-cổ và nước Kim hòa nhau.
Ở Cao-ly, đời thứ 23, Cao-tông An-hiếu vương
nguyên-niên.
Hoàng-đế nước Đức bị đuổi; Phi-đặc-liệt (Frédé-
ric) lên ngôi.

1215, ẤT-HỢI

- VN *Lý Huệ-tông, Kiên-gia, năm 5*
TQ *Tổng Ninh-tông, Gia-định, năm 8*
NK Mông-cổ lấy nước Yên.
Vua nước Anh định đại hiến-chương.

1216, BÍNH-TÝ

- VN *Lý Huệ-tông, Kiên-gia, năm 6*
Lập Hoàng-hậu họ Trần. Dừng anh của Hoàng-
hậu là Tự-Khánh làm thái-úy, và Thừa làm nội-
thị phán-thủ.
TQ *Tổng Ninh-tông, Gia-định, năm 9*

- NK Mông-cổ thắng nước Kim ở Đồng-quan.
Vua nước Anh, Hanh-lợi đệ tam (Henri III) lên ngôi.
- 1218, MẬU-DẦN
VN Lý Huệ-tông, *Kiến-gia*, năm 8
Người Mán ở Quảng-oai làm phản, đánh dẹp không
thắng.
Chiếm-thành, Chân-lạp vào cướp phá Nghệ-an, bị
Lý Bất-Nhiễm đánh bại.
- TQ *Tổng Ninh-tông, Gia-định*, năm 11
- 1219, KỶ-MÃO
VN Lý Huệ-tông, *Kiến-gia*, năm 9
TQ *Tổng Ninh-tông, Gia-định*, năm 12
NB Cải nguyên là Thừa-cửu.
- 1220, CANH-THÌN
VN Lý Huệ-tông, *Kiến-gia*, năm 10
Nguyễn-Nộn tự chiếm-cử Phù-đồng xưng là Hoài-
đạo vương.
- TQ *Tổng Ninh-tông, Gia-định*, năm 13
- 1221, TÂN-TY
VN Lý Huệ-tông, *Kiến-gia*, năm 11
TQ *Tổng Ninh-tông, Gia-định*, năm 14
NB *Cửu-Điều Phê-đề*, (*Chūkkyō*), nguyên-niên
Thiên-hoàng thứ 85 của Nhật-bản.
- 1222, NHÂM-NGỌ
VN Lý Huệ-tông, *Kiến-gia*, năm 12
TQ *Tổng Ninh-tông, Gia-định*, năm 15
NB *Hậu Quật-hà Thiên-hoàng* (*Go-Horikawa*), nguyên-niên
Thiên-hoàng thứ 86 của Nhật-bản, kiến nguyên là
Trình-đức.
- NK Mông-cổ diệt nước Hồi-hồi (Islam), tiến quân đóng
ở Hân-đô.
- 1223, QUÝ-VỊ
VN Lý Huệ-tông, *Kiến-gia*, năm 13
Dùng Trần-Thừa làm phụ-quốc thái-úy.
- TQ *Tổng Ninh-tông, Gia-định*, năm 16.
Lý Đức-Vượng nước Hạ lên ngôi.
- 1224, GIÁP-THÂN
VN Lý Huệ-tông, *Kiến-gia*, năm 14
Lý Chiêu-hoàng, Thiên-chương Hữu-đạo, nguyên-niên
Dùng người em họ của hoàng-hậu là Trần-Thủ-Độ

làm điện-tiền chỉ-huy-sứ. Vua lập người con gái là Phật-Kim làm Thái-tử. Vua truyền ngôi, ra ở chùa Chân-giáo. Thái-tử lên ngôi, cải nguyên là Thiên-chương Hữu-đạo, lấy hiệu là Chiêu-hoàng, năm sau truyền ngôi cho họ Trần.

TQ *Tống Ninh-tông, Gia-định, năm 17*

Ninh-tông băng, Sử Di-Viễn ủng-hộ và đem Lý-tông lên ngôi.

NK Ai-tông nước Kim lên ngôi.

Mông-cổ đánh Nga-la-tur và phá được liên-quân nước ấy.

Nhật-bản cải nguyên là Nguyên-nhân.

1225, ẤT-DẬU

VN *Trần Thái-tông, Kiên-trung, nguyên-niên*

Tên là Cảnh, con Trần-Thừa, người ở Tức-mộ (Thiên-trường), nhận ngôi của Chiêu-hoàng, ở ngôi được 33 năm.

TQ *Tống Lý-tông, Bảo-khánh, nguyên-niên*

Tên là Duân, dòng-dõi của Tống Thái-tổ, ở ngôi được 40 năm.

Sử Di-Viễn giết Tể-vương là Hoành.

NB Cải nguyên là Gia-lộc

1226, BÍNH-TUẤT

VN *Trần Thái-tông, Kiên-trung, năm 2*

Sách phong cho Lý-thị làm Hoàng-hậu.

Dùng Trần Thủ-Độ làm thái-sư thống-quốc.

Phế Lý Huệ-tông làm Huệ-quang đại-sư rồi giết chết.

Đem Lý thái-hậu gả cho Trần Thủ-Độ.

Định ra luật-lệnh.

TQ *Tống Lý-tông, Bảo-khánh, năm 2*

Lý-Hiện nước Hạ lên ngôi.

NB Đắc-nguyên Lai-kinh, thuộc dòng Vũ-vương đời thứ 4, lên ngôi.

1227, ĐINH-HỢI

VN *Trần Thái-tông, Kiên-trung, năm 3*

Hội bá quan lại thề ở đền Đồng-cổ.

TQ *Tống Lý-tông, Bảo-khánh, năm 3*

Nước Hạ bị quân Mông-cổ diệt.

- NK Mông-cồ diệt Tây-Hạ.
Thành-cát-tư-hãn chết.
Nhật-bản cải nguyên là An-trinh.
- 1228, MẬU-TỶ
VN *Trần Thái-tông, Kiền-trung, năm 4*
Khảo-thí các lại-viên.
Chiêm-thành sang cống.
Nguyễn-Nộn công hãm giết Đoàn-Thượng. Năm sau Nguyễn-Nộn chết.
- TQ *Tống Lý-tông, Thiệu-định, nguyên-niên*
NK Nước Kim phá quân Mông-cồ.
Thập-tự-quân dấy lên lần thứ 5, khôi-phục thành Đa-lộ-tát-lãnh (Jérusalem).
Ở Mông-cồ, Thái-tông, nguyên-niên.
- 1229, KỶ-SỬU
VN *Trần Thái-tông, Kiền-trung, năm 5*
Sai sứ sang nhà Tống xin phong.
TQ *Tống Lý-tông, Thiệu-định, năm 2*
NK Mông-cồ bắt đầu định ra toán phú (thuế đinh khẩu).
Thái-tông nước Mông-cồ lên ngôi.
Nhật-bản cải nguyên là Khoan-hỷ.
- 1230, CANH-DẦN
VN *Trần Thái-tông, Kiền-trung, năm 6*
Định ra thông-chế và các sách hình, lễ.
TQ *Tống Lý-tông, Thiệu-định, năm 3*
NK Nước Nguyên (Mông-cồ) định kinh-đô ở Hòa-lâm, lập ra chỗ đánh thuế ở mười lộ.
- 1231, TÂN-MÃO
VN *Trần Thái-tông, Kiền-trung, năm 7*
Khiến các nhà trạm đều đắp tượng Phật.
TQ *Tống Lý-tông, Thiệu-định, năm 4*
NK Mông-cồ dùng Da-luật Sở-Tài làm trung thư lệnh.
- 1232, NHÂM-THÌN
VN *Trần Thái-tông, Thiên-ứng Chính-bình, nguyên-niên*
Định ra triều-nghi. Khảo-thí thái-học-sinh, chia ra tam giáp. Ban bố triều-húy.
TQ *Tống Lý-tông, Thiệu-định, năm 5*
NK Nhật-bản cải nguyên là Trinh-vĩnh.
- 1233, QUỶ-TỶ
VN *Trần Thái-tông, Thiên-ứng Chính-bình, năm 2*

- TQ *Tổng Lý-tổng, Thiệu-định, năm 6*
Quân nhà Tống hội với quân Mông-cổ đánh nước Kim.
- NB *Tứ-Điều Thiên-hoàng (Shijo), nguyên-niên*
Thiên-hoàng thứ 87 của Nhật-bản, kiến nguyên là
Thiên-phúc.
- 1234, GIÁP-NGỌ
VN *Trần Thái-tổng, Thiên-ứng Chính bình, năm 3*
TQ *Tổng Lý-tổng, Đoan-bình, nguyên-niên*
NK Nước Kim mất.
Nhật-bản cải nguyên là Văn-lịch.
- 1235, ẤT-VỊ
VN *Trần Thái-tổng, Thiên-ứng Chính bình, năm 4*
TQ *Tổng Lý-tổng, Đoan-bình, năm 2*
NB Cải nguyên là Gia-trinh.
- 1236, BÍNH-THÂN
VN *Trần Thái-tổng, Thiên-ứng Chính-bình, năm 5*
Định ra phẩm hàm quan đại-thần. Cho con em cáo
văn thần vào học ở Quốc-tử-viện.
Sứ nhà Tống sang sách phong.
TQ *Tổng Lý-tổng, Đoan-bình, năm 3*
- 1237, ĐINH-DẬU
VN *Trần Thái-tổng, Thiên-ứng Chính-bình, năm 6*
Lập bà phi của Hoài-vương tên Liễu làm hoàng-
hậu, phế Lý hoàng-hậu làm công-chúa.
TQ *Tổng Lý-tổng, Gia-hy, nguyên-niên*
NK Mông-cổ đánh nước Nga bắt cầm tù chúa nước ấy,
tù-trưởng các bộ-lạc đều đầu hàng.
- 1238, MẬU-TUẤT
VN *Trần Thái-tổng, Thiên-ứng Chính-bình, năm 7*
TQ *Tổng Lý-tổng, Gia-hy, năm 2*
NK Vương-quốc Cồ-lạp-na-đạt (Grenade) hưng thịnh.
Nhật-bản cải nguyên là Lịch-nhân.
- 1239, KỶ-HỢI
VN *Trần Thái-tổng, Thiên-ứng Chính-bình, năm 8*
TQ *Tổng Lý-tổng, Gia-hy, năm 3*
NK Nhật-bản cải nguyên là Diên-ứng.
Đoàn Tường-Hưng ở Nam-chiếu lên ngôi.
- 1240, CANH-TÝ
VN *Trần Thái-tổng, Thiên-ứng Chính-bình, năm 9*

Lập con tên là Hoảng làm Thái-tử.

TQ *Tông Lý-tông, Gia-hy, năm 4*

NB Cải nguyên là Nhân-trị.

1211, TÂN-SỬU

VN *Trần Thái-tông, Thiên-ứng Chính-bình, năm 10*

Phạm Kinh-Ân dẹp yên giặc mán.

Nhà vua đi tuần biên-thùy vào nội-cảnh nhà Tống.

TQ *Tông Lý-tông, Thuần-hựu, nguyên-niên*

NK Thái-tông nước Mông-cổ băng, hoàng-hậu thay quyền vua

Quân Mông-cổ cả phá liên-quân của các chư-hầu ở Bắc-Âu.

1242, NHÂM-DẪN

VN *Trần Thái-tông, Thiên-ứng Chính-bình, năm 11*

Chia thiên hạ ra 12 lộ. Khiển-tướng quân Trần Nhuận-Kinh trấn thủ biên-cảnh phía bắc.

TQ *Tông Lý-tông, Thuần-hựu, năm 2*

NK Hoàng-hậu Hải-mê-thất nước Mông-cổ xirng chế (thay vua).

1243, QUÝ-MÃO

VN *Trần Thái-tông, Thiên-ứng Chính-bình, năm 12*

TQ *Tông Lý-tông, Thuần-hựu, năm 3*

NB *Hậu Tha-nga Thiên-hoàng (Gô-Saga), nguyên-niên*

Thiên-hoàng thứ 88 của Nhật-bản, kiến-nguyên là Khoan-nguyên.

1244, GIÁP-THÌN

VN *Trần Thái-tông, Thiên-ứng Chính-bình, năm 13*

Khiển các văn quan đến nhậm chức ở các lộ phủ. Định binh luật.

TQ *Tông Lý-tông, Thuần-hựu, năm 4*

NB Đẳng Nguyên-Lại, thuộc dòng Vũ-vương đời thứ 5, nối ngôi.

1246, BÍNH-NGỌ

VN *Trần Thái-tông, Thiên-ứng Chính-bình, năm 15*

Định ra quân-hiệu. Định ra khoa thi hương, lấy niên hạn 7 năm làm định chuẩn.

TQ *Tông Lý-tông, Thuần-hựu, năm 6*

NK Định-tông nước Mông-cổ lên ngôi.

1247, ĐINH-VỊ

VN *Trần Thái-tông, Thiên-ứng Chính-bình, năm 16*

Khảo-thí thái-học-sinh, bắt đầu đặt ra tam khôi.

Khảo-thí ba đạo : Khổng, Lão, Thích.

TQ *Tống Lý-tống, Thuần-hựu, năm 7*

NB *Hậu Thâm-thảo Thiên-hoàng (Go-Fukakusa), nguyên-niên*
Thiên-hoàng thứ 89 của Nhật-bản, kiến-nguyên là
Bảo-trị.

NK Mông-cổ đánh Cao-ly.

1248, MẬU-THÂN

VN *Trần Thái-tống, Thiên-ứng Chính-bình, năm 17*

Bắt đầu đắp con đê Đĩnh-nhĩ. Khiến thuật-sĩ trấn-
áp các núi sông.

TQ *Tống Lý-tống, Thuần-hựu, năm 8*

NK Định-tống nước Mông-cổ băng, Hoàng hậu thay
quyền vua.

Thập-tư-quân dấy lên lần thứ 6, được vua nước
Pháp giúp đỡ nhưng không thắng.

1249, KỶ-DẬU

VN *Trần Thái-tống, Thiên-ứng Chính-bình, năm 18*

TQ *Tống Lý-tống, Thuần-hựu, năm 9*

NK Nhật-bản cải nguyên là Kiến-trường.

Hoàng-hậu Hải-mê-thất nước Mông-cổ xưng chủ
(thay vua).

1251, TÂN-HỢI

VN *Trần Thái-tống, Nguyên-phong, nguyên-niên*

TQ *Tống Lý-tống, Thuần-hựu, năm 11*

NK Huệ-tống nước Mông-cổ lên ngôi.

Áo-địa-lợi (Autriche) thuộc Ba-hy-mẽ (Bohême).

Đoàn Hưng-Trí nước Nam-chiếu lên ngôi.

1252, NHÂM-TÝ

VN *Trần Thái-tống, Nguyên-phong, năm 2*

Vua tự làm tướng đánh Chiêm-thành bắt nàng
vương-phi của vua Chiêm là Bố-da-la cùng đa số
quân dân đem về.

TQ *Tống Lý-tống, Thuần-hựu, năm 12*

NK Ở Nhật-bản dòng Vũ-Vương đời thứ 6 là Tông-tôn
Thân-vương.

Nam-chiếu bị Mông-cổ đánh bại. Đoàn Hưng-Trí
bèn được phong làm Ma-a-la-sa.

1253, QUỶ-SỬU

VN *Trần Thái-tống, Nguyên-phong, năm 3*

Lập ra Quốc-học-viện. Lập ra Giảng-vũ-đường. Xuống chiếu gọi những học-giả vào Quốc-tử-viện giảng Ngũ-kinh, Tứ-thư.

TQ *Tổng Lý-tổng, Bảo-hựu, nguyên-niên*

NK Mông-cổ diệt nước Đại-lý và bắt nước Thồ-phiên dầu hàng.

1254, GIÁP-DẦN

VN *Trần Thái-tổng, Nguyên-phong, năm 4*

Cho dân xuất tiền mua công điền làm của tư.

TQ *Tổng Lý-tổng, Bảo-hựu, năm 2*

1255, ÂT-MÃO

VN *Trần Thái-tổng, Nguyên-phong, năm 5*

Đắp con đê sông ở Thanh-hóa. Đặt ra hà-đê-sứ.

TQ *Tổng Lý-tổng, Bảo-hựu, năm 3*

1256, BÍNH-THÌN

VN *Trần Thái-tổng, Nguyên-phong, năm 6*

Khảo-thi Thái-học-sinh, cho hiệu kinh và trại trạng-nguyên.

TQ *Tổng Lý-tổng, Bảo-hựu, năm 4*

NB Cải nguyên là Khang-nguyên.

1257, ĐINH-TY

VN *Trần Thái-tổng, Nguyên-phong, năm 7*

Thồ quan nhà Tống là Hoàng-Binh đem bộ-thuộc 1200 người sang nội thuộc vào nước ta. Sách phong cho người con gái vị quan ấy làm Huệ-túc phu-nhân. Binh Mông-cổ tiến phạm Thao-giang, vua thân chinh nhưng bị thua, lại tiến binh phá giặc ở Đông-bộ-đầu, binh Mông-cổ thoái lui.

TQ *Tổng Lý-tổng, Bảo-hựu, năm 5*

Mông-cổ vào cướp vây Tương-dương.

NK Các nước ở Âu-châu đều đuổi người Do-thái. Nhật-bản cải nguyên là Chính-gia.

1258, MẬU-NGỌ

VN *Trần Thánh-tổng, Thiệu-long, nguyên-niên*

Tên là Hoảng, con của Thái-tổng ở ngôi được 21 năm. Thái-tổng nhường ngôi. Thánh-tổng lên ngôi xưng là Nhân-hoàng, tôn Thái-tổng làm Thái-thượng hoàng-đế. Sai sứ sang nhà Tống và Mông-cổ.

TQ *Tổng Lý-tổng, Bảo-hựu, năm 6*

- NK Mông-cổ diệt nước Bão-đạt (Bagdad) (tức là Đại-thực) dựng nên Y-nhi-quốc.
Ủy-ni-tư (Venise) và Nhiệt-na-á (Gênes) đánh nhau.
- 1259, KỶ-VỊ
VN *Trần Thánh-tông, Thiệu-long, năm 2*
TQ *Tổng Lý-tông, Khai-khánh, nguyên-niên*
NK Chúa Mông-cổ vây Hợp-châu và chết trong quân.
Nhật-bản cải nguyên là Chính-nguyên.
- 1260, CANH-THÂN
VN *Trần Thánh-tông, Thiệu-long, năm 3*
TQ *Tổng Lý-tông, Cảnh-định, nguyên-niên*
NB *Quy-sơn Thiên-hoàng (Kameyama), nguyên-niên*
Thiên-hoàng thứ 90 của Nhật-bản, kiến nguyên là Văn-ưng.
NK Thế-tổ Hốt-tất-liệt của Mông-cổ lên ngôi, kiến nguyên là Trung-thống.
Ở Cao-ly, đời thứ 24, Nguyên-tông Thuận-hiếu vương nguyên-niên.
- 1261, TÂN-DẬU
VN *Trần Thánh-tông, Thiệu-long, năm 4*
Khảo-thí các lại-viên và thái-y, thái-chúc.
Sứ Mông-cổ sang sách phong.
Dùng em là Chiêu-minh Đại-vương tên Quang-Khải làm Thái-ủy.
TQ *Tổng Lý-tông, Cảnh-định, năm 2*
NK Hốt-tất-liệt và A-lý-bất-ca tranh ngôi
Nước Lạp-đinh (Latium) mất.
Đông La-mã hưng-thịnh trở lại.
Nhật-bản cải nguyên là Hoảng-trường.
Nam-chiếu thừa lúc Mông-cổ không phòng bị, thoát ly ra mà độc lập, họ Đoàn tự làm tổng-quản, từ đấy về sau được 121 năm, cộng được 12 vị tổng-quản.
- 1262, NHÂM-TUẤT
VN *Trần Thánh-tông, Thiệu-long, năm 5*
Thăng bậc làng Tức-mặc làm phủ Thiên-trường.
Sứ nhà Tống sang sách phong, lại gia phong cho Thái-tông làm Đại-vương.
TQ *Tổng Lý-tông, Cảnh-định, năm 3*

1264, GIÁP-TÝ thứ 70

VN *Trần Thánh-tông, Thiệu-long, năm 7*
Trần Thủ-Độ mất.

TQ *Tống Lý-tông, Cảnh-định, năm 5*

NB Cải nguyên là Văn-vĩnh.

1265, ẤT-SỬU

VN *Trần Thánh-tông, Thiệu-long, năm 8*
Chiêm-thành sang cống.

TQ *Tống Độ-tông, Hàm-thuần, nguyên-niên*

Tên là Kỳ, con của Phúc-vương tên Dữ-Nhuệ (em của Lý-tông), ở ngôi được 10 năm.

Giả Tự-Đạo được phong là Ngụy-quốc-công.

NK Nước Anh định chương-trình quốc-hội.

1266, BÍNH-DẪN

VN *Trần Thánh-tông, Thiệu-long, năm 9*
Sai sứ sang Mông-cổ. Xuống chiếu cho các vương hầu đặt ra điền trang.

TQ *Tống Độ-tông, Hàm-thuần, năm 2*

NB Dòng Vũ-vương đời thứ 7 là Duy-Khang Thân-vương.

1267, ĐINH-MÃO

VN *Trần Thánh-tông, Thiệu-long, năm 10*
Định việc phong ấp cho hàng tôn-thất.

TQ *Tống Độ-tông, Hàm-thuần, năm 3*

1268, MẬU-THÌN

VN *Trần Thánh-tông, Thiệu-long, năm 11*
Xuống chiếu cho vương hầu tôn-thất vào nhập thị ở nội điện.

TQ *Tống Độ-tông, Hàm-thuần, năm 4*

1269, KỶ-TY

VN *Trần Thánh-tông, Thiệu-long, năm 12*
Sứ Mông-cổ đến.

TQ *Tống Độ-tông, Hàm-thuần, năm 5*

1270, CANH-NGỌ

VN *Trần Thánh-tông, Thiệu-long, năm 13*

TQ *Tống Độ-tông, Hàm-thuần, năm 6*

Dùng Lý Đình-Chi làm chức Chế-tri-sứ ở Kinh-hồ cứu viện Tương-Phàn.

NK Thập-tự-quân dấy lên lần thứ 7 không nên công.

1271, TÂN-VỊ

VN *Trần Thánh-tông, Thiệu-long, năm 14*

TQ *Tống Độ-tông, Hàm-thuần, năm 7*

NK Mông-cổ dựng nước, hiệu là Nguyên.
Mã-kha Bật-la (Marco Polo) đồng du.

1272, NHÂM-THÂN

VN *Trần Thánh-tông, Thiệu-long, năm 15*

Lê-văn-Hưu soạn xong bộ *Đại-việt sử-ký*.

Sứ nhà Nguyên sang hỏi ranh giới cây trụ đồng,
vua sai Lê Kinh-Phu nhóm lại khảo xét.

Xuống chiếu tìm những người hiền-tài giỏi về
kinh sách.

TQ *Tống Độ-tông, Hàm-thuần, năm 8*

1273, QUỲ-DẬU

VN *Trần Thánh-tông, Bảo-phù, nguyên-niên*

TQ *Tống Độ-tông, Hàm-thuần, năm 9*

Phản-thành bị hãm, Tương-dương đầu hàng quân
Nguyên.

NK Người Đức là Phụng-ha-bổ-tư - bảo - bá - chủng - la -
phúc (Rodolphe de Habsbourg) làm hoàng-đế.

1274, GIÁP-TUẤT

VN *Trần Thánh-tông, Bảo-phù, năm 2*

Lập con trưởng là Khâm làm Hoàng-thái-tử.

TQ *Tống Độ-tông, Hàm-thuần, năm 10*

Thừa tướng nhà Nguyên là Bá-Nhan cử đại quân
vào cướp nhà Tống.

1275, ẤT-HỢI

VN *Trần Thánh-tông, Bảo-phù, năm 3*

Khảo-thí thái học sinh, kinh và trại hợp chung.

Sai sứ sang nhà Nguyên.

TQ *Tống Cung-đề, Đức-hựu, nguyên-niên*

Tên là Hiền, con của Độ-tông, ở ngôi được 2 năm.

NB *Hậu Vũ-đa Thiên-hoàng (Go-Uda), nguyên-niên*

Thiên-hoàng thứ 91 của Nhật-bản, kiến nguyên là
Diên-trị.

NK Ở Cao-ly, đời thứ 25, Trung-liệt vương, nguyên-
niên.

1276, BÍNH-TÝ

VN *Trần Thánh-tông, Bảo-phù, năm 4*

- TQ *Tổng Cung-đề, Đức-hựu, năm 2*
Bá-Nhan vào Lâm-an, vua chạy lên bắc, Đoan-tông lên ngôi.
- 1277, ĐÌNH-SỬU
VN *Trần Thánh-tông, Bảo-phù, năm 5*
Thái-tông băng.
- TQ *Nguyên Thê-tổ, Chí-nguyên, năm 14*
Họ Kỳ-ốc-ôn, tên là Hốt-tất-liệt, tổ là Thiết-mộc-chân, xưng là Thành-cát-tur-hãn, ấy là dòng-dõi 4 đời của Mông-cổ, đến Thê-tổ mới định quốc-hiệu là Nguyên, đóng đô ở Yên-kinh, ở ngôi được 35 năm.
Tổng Đoan-tông, Cảnh-viêm, năm 2
- 1278, MẬU-DẦN
VN *Trần Thánh-tông, Bảo-phù, năm 6*
Vua truyền ngôi, Thái-tử lên ngôi, tôn Thánh-tông làm Thái-thượng hoàng-đế.
Sai sứ sang nhà Nguyên.
- TQ *Nguyên Thê-tổ, Chí-nguyên, năm 15*
Vua nhà Tống băng, Vệ-vương lên ngôi và dời về Nhai-sơn. Nhà Nguyên bắt giữ Văn Thiên-Tường.
- NB *Cải nguyên là Hoằng-an.*
- 1279, KỶ-MÃO
VN *Trần Nhân-tông, Thiệu-bảo, nguyên-niên*
Tên là Khâm, con của Thánh-tông, ở ngôi được 14 năm.
Chiêm-thành sang cống.
Lập Hoàng-hậu họ Trần.
- TQ *Nguyên Thê-tổ, Chí-nguyên, năm 16*
Đô - nguyên - sủy Trương Hoảng - Phạm công hãm Nhai-sơn; nhà Tống mất.
- 1280, CANH-THÌN
VN *Trần Nhân-tông, Thiệu-bảo, năm 2*
Ban hành quan xích (thước của nhà nước chế định).
Chiêu Văn-vương là Nhật-Duật dụ người Mán ở Đà-giang đầu hàng.
- TQ *Nguyên Thê-tổ, Chí-nguyên, năm 17*
Cử đại binh đánh Nhật-bản.
- 1281, TÂN-TY
VN *Trần Nhân-tông, Thiệu-bảo, năm 3*

- TQ *Nguyên Thê-tổ, Chí-nguyên, năm 18*
Quân Nguyên chết sạch ở Nhật-bản.
Đốt sách của Đạo giáo. Hứa Hoàn chết.

1282, NHÂM-NGO

- VN *Trần Nhân-tông, Thiệu-bảo, năm 4*
Chiêm-thành sang cống.
Hàn-Thuyên khởi xướng làm thơ phú bằng quốc-ngữ.
Biên-cảnh cấp báo quân Nguyên sang ; nhà vua đến
Bình-than nhóm các vương-hầu và bá quan hỏi
kế công và thủ.

- TQ *Nguyên Thê-tổ, Chí-nguyên, năm 19*
Giết thừa-tướng nhà Tống là Văn Thiên-Tường.
Đánh Miến-diện.

- NK Tây-tây-ly (Sicile), nội thuộc Á-lạp-cương (Aragon)

1283, QUỶ-VỊ

- VN *Trần Nhân-tông, Thiệu-bảo, năm 5*
Dùng Hưng-đạo vương làm Quốc-công tiết-chế
thống lãnh các quân.

- TQ *Nguyên Thê-tổ, Chí-nguyên, năm 20*
Khiến rợ Tây-nam đầu hàng.

- NK Vua nước Anh là Ái-đức-hoa (Edouard) đệ nhất
chinh-phục Uy-nhĩ-tur (pays de Galles).

1284, GIÁP-THÂN

- VN *Trần Nhân-tông, Thiệu-bảo, năm 6*
Sai sứ sang nhà Nguyên xin hoãn binh, nhà
Nguyên không nghe theo.
Vời các bộ lão nhóm ở điện Diên-hồng đề hỏi kế,
cả thấy đều nói « nên đánh ».
Quân Nguyên tiến phạm vào biên-tải, vua đến Hải-
dòng. Hưng-đạo vương nhóm quân các lộ ở Vạn-
kiếp.

- TQ *Nguyên Thê-tổ, Chí-nguyên, năm 21*

- NK Nữ-vương xứ Na-ngõa (Navarre) lấy vua nước
Pháp, đem nước ấy nội thuộc nước Pháp.

1285, ẤT-DẬU

- VN *Trần Nhân-tông, Trùng-hưng, nguyên-niên.*
Binh của Thoát-Hoan công hãm kinh thành. Quang-
Khải đóng ở Nghệ-an. Binh-Trọng bị quân Nguyên

đánh bại mà chết. Nhật-Duật đánh bại quân Nguyên ở Hàm-tử quan.

Vua rước Thượng-hoàng, tự làm tướng đánh quân Nguyên, chém Toa-Đô. Hưng-đạo vương đánh bại quân Nguyên ở Vạn-kiếp. Vua rước Thượng-hoàng về cung.

TQ *Nguyên Thê-tổ, Chí-nguyên, năm 22*

1286, BÌNH-TUẤT

VN *Trần Nhân-tông, Trùng-hưng, năm 2*

Trả tù binh nhà Nguyên về.

Xuống chiếu cho tôn thất vương hầu mộ binh.

TQ *Nguyên Thê-tổ, Chí-nguyên, năm 23*

1287, ĐÌNH-HỢI

VN *Trần Nhân-tông, Trùng-hưng, năm 3*

Bọn Thoát-Hoan của nhà Nguyên sang xâm lấn.

Binh nhà Nguyên tiến phạm kinh-thành, vua rước Thượng-hoàng đi Hàm-nam.

TQ *Nguyên Thái-tổ, Chí-nguyên, năm 24*

1288, MẬU-TÝ

VN *Trần Nhân-tông, Trùng-hưng, năm 4*

Ô-mã-nhi của nhà Nguyên tiến phạm Long-hưng.

Nhân-Huệ-vương là Khánh-Dur đánh bại quân Nguyên ở Vạn-dồn.

Hưng-đạo vương cả phá quân Nguyên ở Bạch-dăng, bắt sống Ô-mã-nhi, Thoát-Hoan chạy trốn.

Vua rước Thượng-hoàng về cung.

Sai sứ sang nhà Nguyên tỏ bày tạ lỗi.

TQ *Nguyên Thê-tổ, Chí-nguyên, năm 25*

NB *Phục-kiến Thiên-hoàng (Fushimi), nguyên-niên*

Thiên-hoàng thứ 92 của Nhật-bản, kiến nguyên là Chính-ưng.

NK Ngạc-tur-man (Othman) dựng nước ở Tiểu-Á-tế-á (Asie mineure) là thủy-tổ của nước Thổ-nhĩ-kỳ.

1289, KỶ-SỬU

VN *Trần Nhân-tông, Trùng-hưng, năm 5*

Đưa trả tù binh nhà Nguyên về nước. Định công dẹp giặc Nguyên, luận tội đầu hàng giặc Nguyên.

TQ *Nguyên Thê-tổ, Chí-nguyên, năm 26*

- NB Cửu-Minh Thân-vương, thuộc dòng Vũ-vương đời thứ 8
1290. CANH-DẦN
- VN *Trần Nhân-tông, Trưng-hưng, năm 6*
Vua tự làm tướng đánh Ai-lao.
Thánh-tông băng.
Sai sứ sang nhà Nguyên báo tang và xin được phong.
- TQ *Nguyên Thê-tổ, Chí-nguyên, năm 27*
- 1291, TÂN-MÃO
- VN *Trần Nhân-tông, Trưng-hưng, năm 7*
Sứ nhà Nguyên sang.
- TQ *Nguyên Thê-tổ, Chí-nguyên, năm 28*
- 1292, NHÂM-THÌN
- VN *Trần Nhân-tông, Trưng-hưng, năm 8*
Lập con tên Phong làm Hoàng-thái-tử. Dùng Đinh Cung-Viên làm Thái-tử Thiệu-bảo.
- TQ *Nguyên Thê-tổ, Chí-nguyên, năm 29*
Đánh nước Qua-oa.
- NK Thụy-sĩ độc lập.
- 1293, QUÝ-TY
- VN *Trần Anh-tông, Hưng-long, nguyên-niên*
Tên là Phong, con của Nhân-tông ở ngôi được 21 năm. Anh-tông được nhường ngôi xưng là Anh-hoàng, tôn Nhân-tông làm Thái-thượng hoàng-đế.
Sứ nhà Nguyên sang.
- TQ *Nguyên Thê-tổ, Chí-nguyên, năm 30*
- NB Cải nguyên là Vĩnh-nhân
- 1294, GIÁP-NGỌ
- VN *Trần Anh-tông, Hưng-long, năm 2*
Chiêu-minh Đại-vương là Quang-Khải chết.
Thượng-hoàng tự làm tướng đánh Ai-lao.
- TQ *Nguyên Thê-tổ, Chí-nguyên, năm 31*
Thế-tổ băng, hoàng-tôn là Thiết-mộc-nhĩ lên ngôi.
- 1295, ẤT-VỊ
- VN *Trần Anh-tông, Hưng-long, năm 3*
Sứ nhà Nguyên sang. Thượng-hoàng từ Ai-lao trở về.
Khảo-thí con các văn-quan.
- TQ *Nguyên Thành-tông, Nguyên-trinh, nguyên-niên*
Ở ngôi được 13 năm.

Giáo-đồ đạo Cơ-đốc là Phương tế - Các truyền đạo vào Trung-quốc.

1097, ĐÌNH-DẬU

VN *Trần Anh-tông, Hưng-long, năm 5*
Ai-lao sang xâm-lăng, bị Phạm-Ngũ-Lão phá.

TQ *Nguyên Thành-tông, Đại-đức, nguyên-niên*

NK Tò-cách-lan (Ecosse) phá quân Anh.

1298, MẬU-TUẤT

VN *Trần Anh-tông, Hưng-long, năm 6*

Đặt thêm quân hiệu.

TQ *Nguyên Thành--tông, Đại-đức, năm 2*

NK Ở Cao-ly, đời thứ 26, Trung-tuyên-vương, nguyên-niên.

1299, KỶ-HỢI

VN *Trần Anh-tông, Hưng-long, năm 7*

Dùng Đoàn Nhữ-Hải làm Ngự-sử trung-lân.

Thượng-hoàng đến An-tử-sơn, xả thân tu ở Ngọa-vân am.

TQ *Nguyên Thành-tông, Đại-đức, năm 3*

NB *Hậu Phục-kiến Thiên-hoàng (Go-Fushini), nguyên-niên*

Thiên-hoàng thứ 93 của Nhật-bản, kiến nguyên là Chính-an.

1300, CANH-TÝ

VN *Trần Anh-tông, Hưng-long, năm 8*

Tiết-chế Hưng-đạo Đại-vương mất.

TQ *Nguyên Thành-tông, Đại-đức, năm 4*

Đánh nước Bát-bách-tức-phụ.

1301, TÂN-SỬU

VN *Trần Anh-tông, Hưng-long, năm 9*

Thượng-hoàng sang Chiêm-thành.

Ai-lao cướp phá Đà-giang bị Phạm-Ngũ-Lão đánh bại.

Thượng-hoàng từ Chiêm-thành trở về.

TQ *Nguyên Thành-tông, Đại-đức, năm 5*

1302, NHÂM-DẪN

VN *Trần Anh-tông, Hưng-long, năm 10*

Gia-phong cho Chiêu-văn-vương Nhật-Duật làm thái-úy quốc-công. Cho ông đạo-sĩ người Tàu tên Hứa Tồn-Đạo ở phường An-hoa ; cách thức lập đàn cúng tế về phù-thủy bắt đầu từ đây.

- TQ *Nguyễn Thành-tông, Đại-đức, năm 6*
Rợ ở tây-nam làm phản bị dẹp yên.
- NB *Hậu Nhị-diệu Thiên-hoàng (Go-nijo), nguyên-niên*
Thiên-hoàng thứ 94 của Nhật-bản, kiến nguyên là
Càn-nguyên.
- NK Nước Pháp bắt đầu lập quốc-hội.
- 1303, QUÝ-MÃO
VN *Trần Anh-tông, Hưng-long, năm 11*
Thượng-hoàng đến Trùng-quang cung. Dùng Trần-
khắc-Chung làm nhập-nội hành-khiển.
- TQ *Nguyễn Thành-tông, Đại-đức, năm 7*
- NB Cải nguyên là Gia-nguyên.
- 1304, GIÁP-THÌN
VN *Trần Anh-tông, Hưng-long, năm 12*
Khảo-thí thái-học-sinh. Dùng 7 khoa khảo thí-sĩ.
Đoàn Nhữ-Hải làm Xu-mật-viện sự.
- TQ *Nguyễn Thành-tông, Đại-đức, năm 8*
- NK Vua nước Anh là Ái-đức-hoa đệ nhất (Edouard Ier)
chinh-phục Tô-cách-lan (Ecosse).
- 1305, ÂT-TỶ
VN *Trần Anh-tông, Hưng-long, năm 13*
Lập con tên Mạnh làm đồng-cung thái-tử.
- TQ *Nguyễn Thành-tông, Đại-đức, năm 9*
- 1306, BÍNH-NGỌ
VN *Trần Anh-tông, Hưng-long, năm 14*
Đem Huyền-trân Công-chúa gả cho vua Chiêm-
thành, vua Chiêm-thành dâng đất hai châu Ô, Lý.
Sai Nguyên Sĩ-Cổ giảng Ngũ kinh.
- TQ *Nguyễn Thành-tông, Đại-đức, năm 10*
- NK Nhật-bản cải-nguyên là Đức-trị.
Tô-cách-lan lập Bô-lỗ-sĩ (Bruce) làm vua, ly khai
nước Anh mà độc-lập.
- 1307, ĐINH-VỊ
VN *Trần Anh-tông, Hưng-long, năm 15*
Đổi hai châu Ô, Lý ra Thuận-châu và Hóa-châu,
sai Đoàn Nhữ-Hải đi chiêu dụ dân chúng vùng ấy.
Sứ Chiêm-thành sang báo vua Chiêm mất ;
Huyền-trân trở về.
- TQ *Nguyễn Thành-tông, Đại-đức, năm 11*

1308, MẬU-THÂN

VN *Trần Anh-tông, Hưng-long, năm 16*
Nhân-tông băng tại Ngọa-vân am ở An-tử sơn, được hỏa-thiêu.

Mạc-Đĩnh-Chi đi sứ sang nhà Nguyên.

TQ *Nguyên Vũ-tông, Chí-đại, nguyên-niên*

Tên là Hải-sơn, cháu của Thế-tổ, ở ngôi được 4 năm
Nguyệt-xích-sát-nhi tiến đánh Sát-bát-nhi, Mạc-bắc
các bộ đều dẹp yên.

NB *Hoa-viên Thiên-hoàng (Hanazono), nguyên-niên*

Thiên-hoàng thứ 95 của Nhật-bản, kiến nguyên là
Diên-khánh.

Thủ-Bang Thân-vương thuộc dòng Vũ-vương đời
thứ 9.

1309, KỶ-DẬU

VN *Trần Anh-tông, Hưng-long, năm 17*

Lập con tên Mạnh làm Hoàng-thái-tử.

TQ *Nguyên Vũ-tông, Chí-đại, năm 2*

NK Giáo-hoàng La-mã ở Á-uy-nông (Avignon) của
nước Pháp, uy thế suy kém lắm.

Ở Cao-ly, đời thứ 26, Hậu Trung-tuyên-vương,
nguyên-niên.

1311, TÂN-HỢI

VN *Trần Anh-tông, Hưng-long, năm 19*

Vua thân-chinh đánh Chiêm-thành.

TQ *Nguyên Vũ-tông, Chí-đại, năm 4*

NB Cải nguyên là Chính-hòa.

1312, NHÂM-TÝ

VN *Trần Anh-tông, Hưng-long, năm 20*

Vua Chiêm-thành là Chế-Chi đến đầu hàng và bị
bắt đem về, quân đội trở về.

Sai sứ sang nhà Nguyên.

TQ *Nguyên Nhân-tông, Hoàng-khánh, nguyên-niên*

Tên là Ái-dục-lê-bạt-lực-nhập-đạt, em của Vũ-tông
ở ngôi được 9 năm.

NK Vua nước Đức là Hanh-lợi đệ thất (Henri VII) đánh
Phật-la-lăng-tát (Florence) không thành công.

1313, QUỶ-SỬU

VN *Trần Anh-tông, Hưng-long, năm 21*

Dùng Đỗ Thiên-Thự làm Nghệ-an Lâm-bình kinh-lược sứ.

Bày rõ ràng biên giới phía Bắc với người nhà Nguyên.

TQ *Nguyên Nhân-tông, Hoàng-khánh, năm 2*
1314, GIÁP-DẦN

VN *Trần Minh-tông, Đại-khánh, nguyên-niên*
Tên húy là Mạnh, con của Anh-tông ở ngôi được 15 năm.

Minh-tông được nhường ngôi, xưng là Ninh-hoàng, tôn Anh-tông làm Thái-thượng hoàng-đế.

Khảo thí thái-học-sinh.

Bọn Nguyễn Trung-Ngạn, Phạm-Ngộ đi sứ sang nhà Nguyên.

TQ *Nguyên Nhân-tông, Diên-hựu, nguyên-niên*

NK Lộ-dị (Louis) và Phi-đặc-liệt (Frédéric) tranh ngôi hoàng-đế nước Đức.

Ở Cao-ly, đời thứ 27, Trung-túc vương, nguyên-niên.

1315, ẤT-MÃO

VN *Trần Minh-tông, Đại-khánh, năm 2*

TQ *Nguyên Nhân-tông, Diên-hựu, năm 2*

Chu-vương là Hòa Thế-Tùng ra trấn Vân-nam.¹

NK Người Thụy-sĩ phá quân Áo-địa-lợi.

1316, BÍNH-THÌN

VN *Trần Minh-tông, Đại-khánh, năm 3*

TQ *Nguyên Nhân-tông, Diên-hựu, năm 3*

Chu-vương trốn ra ở Mạc-bắc.

1317, ĐINH-TY

VN *Trần Minh-tông, Đại-khánh, năm 4*

TQ *Nguyên Nhân-tông, Diên-hựu, năm 4*

NB Cải nguyên là Văn-bảo.

1318, MẬU-NGỌ

VN *Trần Minh-tông, Đại-khánh, năm 5*

Sai Huệ-vũ vương là Quốc-Chân đánh Chiêm-thành

TQ *Nguyên Nhân-tông, Diên-hựu, năm 5*

1319, KỶ-VỊ

VN *Trần Minh-tông, Đại-khánh, năm 6*

TQ *Nguyên Nhân-tông, Diên-hựu, năm 6*

- NB *Hậu Đế-hổ Thiên-hoàng (Go-Daigo), nguyên-niên*
Thiên-hoàng thứ 96 của Nhật-bản, kiến nguyên là
Nguyên-ứng.
- 1320, CANH-THÂN
- VN *Trần Minh-tông, Đại-khánh, năm 7*
Anh-tông băng. Điện-sử Phạm Ngũ-Lão mất.
- TQ *Nguyên Nhân-tông, Diên-hựu, năm 7*
- 1321, TÂN-DẬU
- VN *Trần Minh-tông, Đại-khánh, năm 8*
Khảo thí các nhà sư.
Sai sứ sang nhà Nguyên.
- TQ *Nguyên Anh-tông, Chí-trị nguyên-niên*
Tên là Thạch-đức-bát-lạt, con của Nhân-tông, ở
ngôi được 3 năm.
Dời con của Vũ-tông là Đồ-thiếp-mộc-nhĩ về Quỳnh-
châu.
- NB Cải nguyên là Nguyên-hạnh.
- 1323, QUỶ-HỢI
- VN *Trần Minh-tông, Đại-khánh, năm 10*
Vua đến Thái-học khảo thí thái-học-sinh.
Đúc tiền chi rồi lại bỏ.
- TQ *Nguyên Anh-tông, Chí-trị, năm 3*
Thiết-Thất giết Anh-tông, giết Bái-Trú, lập Tấn-
vương Dã-tiên Thiết-mộc-nhi.
- NK Vua nước Anh và Tô-cách-lan lập hòa-ước bằng
lòng cho Tô-cách-lan tự chủ.
- 1324, GIÁP-TÝ thứ 71
- VN *Trần Minh-tông, Khai-thái, nguyên-niên*
Sứ nhà Nguyên sang.
- TQ *Nguyên Thái-định-đề, Thái-định, nguyên-niên*
Cháu tăng tôn của Thế-tông, ở ngôi được 5 năm.
Gọi Đồ-thiếp-mộc-nhĩ ở Quỳnh-châu về phong làm
Hoài-vương, năm sau cho ra ở Kiến-khang.
- NB Cải nguyên là Chính-trung.
- 1326, BÍNH-DẪN
- VN *Trần Minh-tông, Khai-thái, năm 3*
Huệ-túc vương là Đại-Niên đánh Cbiêm - thành
không thắng.

- TQ *Nguyên Thái-định-đề, Thái-định, năm 3*
NB Cải nguyên là Gia-lịch.
- 1328, MẬU-THÌN
VN *Trần Minh-tông, Khai-thái, năm 5*
TQ *Nguyên Văn-tông, Thiên-lịch, nguyên-niên*
Tên Đồ-thiếp-mộc-nhĩ, con của Vũ-tông ở ngôi được 5 năm.
Thái-định đế băng ở Thượng-đô, cải nguyên là Thiên-thuận rồi bị giết.
Yên-thiếp-mộc-nhi lập Hoài-vương ở Đại-dô.
- 1329, KỶ-TỶ
VN *Trần Hiền-tông, Khai-hựu, nguyên-niên*
Tên là Vượng, con của Minh-tông, ở ngôi được 13 năm.
Hiền-tông được nhường ngôi, xưng là Triết-hoàng, tôn Minh-tông làm Thái-thượng hoàng-đế.
Thượng-hoàng đến Thiên-trường.
Thượng-hoàng thân chinh đánh rợ Nguru-hống.
- TQ *Nguyên Văn-tông, Thiên-lịch, năm 2*
Nghinh lập Chu-vương, ấy vì Minh-tông băng quá thình-linh nên Văn-tông được trở lại ngôi.
- NB Cải nguyên là Nguyên-đức.
- 1330, CANH-NGỌ
VN *Trần Hiền-tông, Khai-hựu, năm 2*
Thái-sư Chiêu-văn đại vương Nhật-Duật mất.
- TQ *Nguyên Văn-tông, Chí-thuận, nguyên-niên*
Lập con của Minh-tông là Ý-lân Chất-ban làm Phụ-vương.
- 1331, TÂN-VY
VN *Trần Hiền-tông, Khai-hựu, năm 3*
Sứ nhà Nguyên sang.
Đoàn Tử-Trình đi sứ sang nhà Nguyên.
- TQ *Nguyên Văn-tông, Chí-thuận, năm 2*
NB Nhật-bản cải nguyên là Nguyên-hoảng.
Ở Cao-ly, đời thứ 28, Trung-huệ vương, nguyên-niên.
- 1332, NHÂM-THÂN
VN *Trần Hiền-tông, Khai-hựu, năm 4*
TQ *Nguyên Văn-tông, Chí-thuận, năm 3*

Văn-tông băng, Phu-vương lên ngôi, ấy là Ninh-tông, rồi lại băng, nghinh lập thứ trưởng-tử của Minh-tông.

NB *Bắc-triều Quang-nghiêm-đề, nguyên-niên*

Nhật-bản, Bắc-triều đời thứ 1, kiến nguyên là Chính-khánh.

1333, QUỠ-DẬU

VN *Trần Hiến-tông, Khai-hựu, năm 5*

TQ *Nguyên Thuận-đề, Nguyên-thông, nguyên-niên*

Tên là Thỏa-Hoan Thiếp-mộc-nhi, con của Minh-tông, ở ngôi được 35 năm.

Bá-Nhan làm hữu-tướng, được phong Tần-vương.

NB Hộ-lương Thân-vương thuộc dòng Vũ-vương.

1334, GIÁP-TUẤT

VN *Trần Hiến-tông, Khai-hựu, năm 6*

Thượng-hoàng thân chinh đánh Ai-lao rồi lại đem quân về kinh-đô.

TQ *Nguyên Thuận-đề, Nguyên-thông, năm 2*

NB Nhật-bản cải nguyên là Kiến-vũ.

Thành-lương Thân-vương thuộc dòng Vũ-vương.

1335, ẤT-HỢI

VN *Trần Hiến-tông, Khai-hựu, năm 7*

Sử nhà Nguyên sang.

Thượng-hoàng tự làm tướng đánh Ai-lao bị thua, năm sau trở về.

TQ *Nguyên Thuận-đề, Chí-nguyên, nguyên-niên*

Đường Kỳ-Thế làm phản chịu tội chết.

Bá Nhan giết hoàng hậu.

Bãi bỏ khoa cử.

NK Vua nước Anh lại đánh Tô-cách-lan và phá nước ấy.

1336, BÍNH-TÝ

VN *Trần Hiến-tông, Khai-hựu, năm 8*

TQ *Nguyên Thuận-đề, Chí-nguyên, năm 2*

NB *Bắc-triều Quang-minh-đề, nguyên-niên.*

Nhật-bản Bắc-triều đời thứ 2, kiến nguyên là Kiến-vũ.

Nhật-bản Nam-triều cải nguyên là Diên-nguyên.

Họ Đặc-viện Túc-lợi-tôn, dòng dõi Vũ-vương đời thứ 10.

1337, ĐÌNH-SỬU

VN *Trần Hiến-tông, Khai-hựu, năm 9*
Xuống chiếu lập táo-thương (vừa lúa) trừ lúa nộp thuế cho nhà nước để chẵn-cứu cho dân đói kém, Hưng-hiếu vương dẹp rợ Ngưu-hống.

TQ *Nguyễn Thuận-đề, Chí-nguyên, năm 3*
Quảng-dông Hà-nam dấy binh, cấm người Hán người Nam cầm binh-khí.

NB Chia ra Nam, Bắc-triều.

1338, MẬU-DẦN

VN *Trần Hiến-tông, Khai-hựu, năm 10*

TQ *Nguyễn Thuận-đề, Chí-nguyên, năm 4*

NB Nhật-bản Bắc-triều cải nguyên là Lịch-ưng.

1339, KỶ-MÃO

VN *Trần Hiến-tông, Khai-hựu, năm 11*

Đặng-Lộ làm linh-lung-nghi để khảo-xét thiên tượng.

TQ *Nguyễn Thuận-đề, Chí-nguyên, năm 5*

NK Chiến tranh « Trăm năm » giữa Anh và Pháp khởi đầu.

1340, CANH-THÌN

VN *Trần Hiến-tông, Khai-hựu, năm 12*

TQ *Nguyễn Thuận-đề, Chí-nguyên, năm 6*

Thoát-Thoát trách Bá-Nhan và đuổi bỏ Bá Nhan. Giết Yên-Thiếp Cỗ-Tư.
Cho mở khoa cử lại.

NB Nam-triều Hậu Thôn-Thượng Thiên-hoàng (Go-Murakami), nguyên-niên.
Thiên-hoàng thứ 97 của Nhật-bản kiến-nguyên là Hưng-quốc.

NK Ở Cao-ly, đời thứ 28, Trung-Huệ-vương. nguyên-niên.

1341, TÂN-TỊ

VN *Trần Dụ-tông, Thiệu-phong, nguyên-niên*

Tên là Hạo, là em của Hiến-tông, ở ngôi được 29 năm. Hiến-tông băng, Dụ-tông lên ngôi xưng là Dụ-hoàng. Sai Nguyễn Trung-Ngạn Trương Hán-Siêu biên định triều-điển và hình-thư.

TQ *Nguyễn Thuận-đề, Chí-chính, nguyên-niên*
Hồ-quảng, Yên-nam, Sơn-dông dấy binh.

1342, NHÂM-NGO

VN *Trần Dụ-tông, Thiệu-phong, năm 2*
Sứ Chiêm-thành sang.
Nguyễn Trung-Ngạn làm hành-khiển tri xu-mật-viện sự.

TQ *Nguyễn Thuận-đề, Chí-chính, năm 2*

NB Bắc triều cải nguyên là Khang-vĩnh.

1344. GIÁP-THÂN

VN *Trần Dụ-tông, Thiệu-phong, năm 4*

Sửa định lại tên quan.

TQ *Nguyễn Thuận-đề, Chí-chính, năm 4*

Thoát-Thoát từ chức, được phong Trịnh vương, tiến cử A-lỗ-đồ-đầu làm hữu-tướng.

NB Bảo-khiếp-viện Túc-lợi-nghĩa-thuyền thuộc dòng dõi Vũ-vương đời thứ 11.

1345, ÂT-DẬU

VN *Trần Dụ-tông, Thiệu-phong, năm 5*

Khảo thí thái-học-sinh.

Sứ nhà Nguyên sang hỏi ranh giới cây trụ đồng. Phạm Sư-Mạnh sang nhà Nguyên tranh luận.

TQ *Nguyễn Thuận-đề, Chí-chính, năm 4*

NB Bắc triều ở Nhật-bản cải nguyên là Trinh-hòa.

Ở Cao-ly, đời thứ 29, Trung-mục-vương, nguyên-niên.

1346, BÍNH-TUẤT

VN *Trần Dụ-tông, Thiệu-phong, năm 6*

Sai sứ sang Chiêm-thành.

Bảo-uy vương tên Hiến phá Ai-lao.

TQ *Nguyễn Thuận-đề, Chí-chính, năm 6*

NB Nam-triều của Nhật-bản cải nguyên là Chính-bình.

1347, ĐINH-HỢI

VN *Trần Dụ-tông, Thiệu-phong, năm 7*

TQ *Nguyễn Thuận-đề, Chí-chính, năm 7*

Diên Giang đẩy binh.

NK Quân Anh lấy Gia-lai (Calais).

1348, MẬU-TÝ

VN *Trần Dụ-tông, Thiệu-phong, năm 8*

TQ *Nguyễn Thuận-đề, Chí-chính, năm 8*

Phượng Quốc-Trần đẩy binh.

NK Bình dịch chuột khởi lên dữ-dội ở Âu-châu.

1349, KỶ-SỬU

VN *Trần Dụ-tông, Thiệu-phong, năm 9*
Bắt đầu đặt Sát-hải-sứ ở Văn-dồn và Bình-hải-quân.

TQ *Nguyễn Thuận-đề, Chí-chính, năm 9*
Thoát-Thoát lại làm hữu-tướng.
Khiến Hoàng-thái-tử học tập văn-tự người Hán.

NB *Bắc triều, Sùng-Quang-đề, nguyên-niên*
Hoàng-đế thứ 3 của Bắc-triều Nhật-bản, kiến-nguyên
là Quan-ừng.

NK Ở Cao-ly đời thứ 30, Trung-định vương, nguyên-niên.

1350, CANH-DẦN

VN *Trần Dụ-tông, Thiệu-phong, năm 10*
Kép hát người nhà Nguyên là Đinh-Bàng-Đức sang,
trò hý-kịch bắt đầu từ đây.

TQ *Nguyễn Thuận-đề, Chí-chính, năm 10*

1351, TÂN-MÃO

VN *Trần Dụ-tông, Thiệu-phong, năm 11*

TQ *Nguyễn Thuận-đề, Chí-chính, năm 11*
Bọn Lưu Phúc-Thông, Lý-Nhị dấy binh.
Từ Thọ-Diệu xưng là Thiên-Hoàn-đế.

NB Bắc-triều cải nguyên là Chính-bình.

1352, NHÂM-THÌN

VN *Trần Dụ-tông, Thiệu-phong, năm 12*
Chế-Mỗ của Chiêm-thành chạy sang.

TQ *Nguyễn Thuận-đề, Chí-chính, năm 12*
Thoát-Thoát cả phá Lý-Nhị.
Quách Tử-Hưng dấy binh chiếm cứ Hào-châu.

NB *Bắc-triều Hậu Quang-đề, nguyên-niên*
Hoàng-đế thứ 4 của Bắc-triều Nhật-bản, kiến nguyên
là Văn-hòa.

NK Ở Cao-ly đời thứ 31, Cung-mãn vương, nguyên-niên.

1353, QUỶ-TY

VN *Trần Dụ-tông, Thiệu-phong, năm 13*
Cho binh theo Chế-Mỗ về đánh Chiêm-thành nhưng
không thắng.

Trương Hàn-Siêu lãnh quân trấn Hóa-châu.

TQ *Nguyễn Thuận-đề, Chí-chính, năm 13*

Trương Sĩ-Thành chiếm cứ Cao-buru và xưng
vương hiệu là Đại-Chu.

1354, GIÁP-NGỌ

VN *Trần Dụ-tông, Thiệu-phong, năm 14*

TQ *Nguyên Thuận-đề, Chí-chính, năm 14*

Thoát-Thoát đánh bại Trương-Sĩ-Thành, Sáp-Ma
gièm siểm Thoát-Thoát, năm sáu Thoát-Thoát bị
giết ở Vân-nam.

1355, ẤT-VỊ

VN *Trần Dụ-tông, Thiệu-phong, năm 15*

TQ *Nguyên Thuận-đề, Chí-chính, năm 15*

Hàn Lâm-Nhi xưng Tống-đế đóng đô ở Bạc-châu.
Chu Nguyên-Chương dấy binh.

1356, BÍNH-THÂN

VN *Trần Dụ-tông, Thiệu-phong, năm 16*

Vua rước Thượng-hoàng đi tuần biên-cảnh đến
Nghệ-an rồi trở về cung.

TQ *Nguyên Thuận-đề, Chí-chính, năm 16*

Sáp-Ma bị giết, Sóc-Tur-Giám làm hữu-tướng.
Chu Nguyên-Chương thắng ở Kim-lăng.

NK Thái-tử nước Anh phá quân Đại-Pháp ở Ba-á-diệp
(Poitiers), vua nước Pháp bị bắt.

Bắc-triều của Nhật-bản cải nguyên là Diên-văn.

1357, ĐINH-DẬU

VN *Trần Dụ-tông, Thiệu-phong, năm 17*

Minh-tông băng.

TQ *Nguyên Thuận-đề, Chí-chính, năm 17*

Trương Sĩ-Thành đầu hàng được làm Thái-úy.
Minh Ngọc-Trần làm phản ở Thành-đô,

NK La-Hộc-vương thâu gồm Xiêm-quốc. ấy là triều
vua thứ nhất của Xiêm-la.

1358, MẬU-TUẤT

VN *Trần Dụ-tông, Đại-trị, nguyên-niên*

Ngô Bệ nhóm hợp bè đảng làm loạn.

TQ *Nguyên Thuận-đề, Chí-chính, năm 18*

Sóc-Tur-Giám có tội bị truất chức.

Hàn-Lâm-Nhi chiếm cứ Đại-Lương.

1359, KỶ-HỢI

VN *Trần Dụ-tông, Đại-trị, năm 2*

Lê Kinh-Phu sang nhà Nguyễn.

Đỗ Tử-Bình coi việc Xu-mật-viện.

TQ *Nguyễn Thuận-đề, Chí-chính, năm 19*
Đại đô - đốc Bật-la-trần-đại-đồng-sát-hãn thắng
Đại-Lương.

1360, CANH-TÝ

VN *Trần Dụ-tông, Đại-trị, năm 3*
Đúc tiền Đại-trị thông-bảo.

TQ *Nguyễn Thuận-đề, Chí-chính, năm 20*
Sóc-Tư-Giám lại làm tướng.
Trần-Hữu-Lượng giết Từ Thọ-Huy và xưng đế.

NK Anh Pháp giảng hòa.
Người Anh thả vua Pháp là Ước-hàn (Jean II).

1361, TÂN-SỬU

VN *Trần Dụ-tông, Đại-trị, năm 4*
Chiêm-thành cướp phá Lâm-binh, bị đánh bại.

TQ *Nguyễn Thuận-tông, Chí-chính, năm 21*
Chu Nguyên-Chương đánh Trần Hữu-Lượng khiến
Lượng phải thua chạy.

NB Bắc-triều cải nguyên là Khang-an (Ứng-hòa).

1362, NHÂM-DẦN

VN *Trần Dụ-tông, Đại-trị, năm 5*
Khiến vương hầu, công chúa dâng các trò hát.
Trò hát của nước ta khởi đầu từ đây.

TQ *Nguyễn Thuận-đề, Chí-chính, năm 22*
Sát-Hãn bị giết, con là Khuếch-Lang thống-lãnh
quân-đội ấy.

NB Bắc-triều cải nguyên là Trinh-trị.

1363, QUỶ-MÃO

VN *Trần Dụ-tông, Đại-trị, năm 6*
Khảo thí các sĩ-nhân và các lại-viên.
Làm hậu-uyên.

TQ *Nguyễn Thuận-đề, Chí-chính, năm 23*
Bật-La và Khuếch-Lang đánh nhau.
Minh Ngọc-Trân xưng đế.
Trần Hữu-Lượng chết.

NK Vua Thụy-diễn là Hải-khoan (Haakon) lên ngôi
hợp Na-uy làm thành một nước.

1364, GIÁP-THÌN

VN *Trần Dụ-tông, Đại-trị, năm 7*

TQ *Nguyễn Thuận-đề, Chí-chính, năm 24*

Chu Nguyên-Chương xưng là Ngô-vương.

1365, ÂT-TỶ

VN *Trần Dụ-tông, Đại-trị, năm 8*

Chiêm-thành cướp phá Hóa-châu

TQ *Nguyễn Thuận-đề, Chí-chính, năm 25*

Bột-La chịu tội chết.

1366, BÍNH-NGỌ

VN *Trần Dụ-tông, Đại-trị, năm 9*

Chiêm-thành lại đến Lâm-bình, bị đánh tan.

TQ *Nguyễn Thuận-đề, Chí-chính, năm 26*

Khuếch-Lang đánh Trương Lương-Bật.

Minh Ngọc-Trân, Hàn Lâm-Nhi nổi nhau mà mất.

Thiếp-mộc-nhi của Mông-cổ lấy Hoa-thích-tử-mô.

1367, ĐINH-VỊ

VN *Trần Dụ-tông, Đại-trị, năm 10*

Trần Thố-Hưng và Đỗ Tử-Bình đánh Chiêm-thành bị thua.

TQ *Nguyễn Thuận-đề, Chí-chính, năm 17*

Thái-Tử đoạt quân của Khuếch-Lang. Ngô-vương bắt Trương-Sĩ-Thành.

1368, MẬU-THÂN

VN *Trần Dụ-tông, Đại-trị, năm 11*

Sứ Chiêm-thành sang xin đất Hóa-châu.

Sứ nhà Minh sang ; sai Đào Văn-Đích đáp lễ.

TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, nguyên-niên*

Họ Chu, tên là Nguyên-Chương, cha là Thố-Trân, ở Chung-ly đất Hào-châu, nhà vua theo Quách-Tử-Hưng làm Trấn-phủ, sau qua sông cướp đất tự lập làm Ngô-vương, lên ngôi được 31 năm, đóng đô ở Kim-lăng.

Từ-Đạt, Thường Ngô-Xuân bình-định Trung-nguyên, công-hãm kinh-đô nhà Nguyên, vua nhà Nguyên chạy ra Khai-bình.

NB *Nam-triều, Trưong-khánh Thiên-hoàng (Chôkei), nguyên-niên.*
Thiên-hoàng thứ 98 của Nhật-bản, năm ấy chưa kiến nguyên, còn xưng là Chính-bình, năm thứ 23.

Dòng-dõi Vũ-vương thứ 12 là Lộc-nguyên-viện Túc-lợi-nghĩa-mãn.

1369, KỶ-DẬU

VN *Trần Dụ-tông, Đại-trị, năm 12*

Dụ-tông băng, Huệ-từ thái-hậu lập Dương Nhật-Lễ làm vua, cải nguyên là Đại-định, năm sau Cung-định vương là Phủ đánh Nhật-Lễ và giết được.

TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 2*

Thường Ngô-Xuân thắng ở Khai - bình, vua nhà Nguyên chạy về Hòa-lâm ; vua Chiêu-tông của Bắc-Nguyên lên ngôi, kiến nguyên là Tuyên-quang.

1370, CANH-TUẤT

VN *Trần Nghệ-tông, Thiệu-khánh, nguyên-niên*

Tên là Phủ, con của Minh - tông, ở ngôi được 3 năm.

Phế Dương Nhật-Lễ làm Hôn-đức-công rồi lại giết đi, cải nguyên xưng là Nghĩa-hoàng.

Quốc-Tử-Giám tư nghiệp tri-sĩ là Chu-An mất.

TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 3*

Đại phong cho các công thần.

Vua nhà Nguyên băng, thụy là Thuận-đế.

NK Nam-triều của Nhật-bản cải nguyên là Kiến-đức.

Vua Hung-nha-lợi là Lộ-dị (Louis) đệ nhất kiêm vua nước Ba-lan.

1371, TÂN-HỢI

VN *Trần Nghệ-tông, Thiệu-khánh, năm 2*

Chiêm-thành cướp phá kinh-đô. Lập em là Cung-tuyên-vương tên Kinh làm Hoàng-thái-tử, năm sau nhường ngôi cho.

Dùng người thân bên ngoại là Lê Quý-Ly làm Xu-mật-dại-sứ.

TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 4*

Tả thừa-tướng là Lý-Thiện-Trường tri-sĩ.

Đặt ra chức lương-trưởng để đốc thúc thuế-vụ ở hương-thôn.

1372, NHÂM-TÝ

VN *Trần Nghệ-tông, Thiệu-khánh, năm 3*

TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 5*

Đánh Khuếch-Lang nhà Nguyên không thắng.

- NB *Bắc-triều Hậu Đỗ-dung-đề, nguyên-niên*
Hoàng-đế thứ 5 của Bắc-triều.
Nam-triều của Nhật-bản cải nguyên là Văn-trung.
- 1373, QUỶ-SỬU
- VN *Trần Duệ-tông, Long-khánh, nguyên-niên*
Tên là Kính, em của Nghệ-tông, ở ngôi được 5 năm. Tôn Nghệ-tông làm Thái-thượng hoàng-đế.
- TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 6*
Sai Đặng-Dũ đánh rợ ở Hồ-tây Quảng-nam.
- 1374, GIÁP-DẦN
- VN *Trần Duệ-tông, Long-khánh, năm 2*
Bắt đầu đặt ra khoa tiến-sĩ
- TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 7*
Sai Ngô-Trình tuần biên phòng bị giống người Oa (Nhật-bản).
- 1375, ẤT-MÃO
- VN *Trần Duệ-tông, Long-khánh, năm 3*
Đổi Lâm-bình làm Tân-bình; đốc thúc người ở Thanh-hóa, Nghệ-an, Tân-bình sửa đường lộ từ Cửu-chân đến Hà-hoa dự-bị đánh Chiêm-thành; lại sai Lê Quý-Ly đốc thúc việc vận lương bằng đường thủy ở Nghệ-an, Thuận-hóa, Tân-bình.
- TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 8*
Thành-ý-bá là Lưu-Cơ mất. Khuếch-Lang mất.
- NB *Nam-triều Hậu Quy-Sơn Thiên-hoàng (Go-Kameyama), nguyên-niên.*
Thiên-hoàng thứ 99 của Nam-triều Nhật-bản kiến nguyên là Thiên-thụ.
Bắc-triều cải nguyên là Vĩnh-hóa.
- NK Ở Cao-ly, Cung-mẫn vương bị giết.
Tân-ngung đời thứ 32 nổi nghiệp. Năm ấy Cao-ly bắt đầu bị Bắc-Nguyên chinh phục rồi lại thần phục nhà Minh.
- 1376, BÍNH-THÌN
- VN *Trần Duệ-tông, Long-khánh, năm 4*
Chiêm-thành cướp phá Hóa-châu, vua tự làm tướng đánh Chiêm-thành, năm sau tiến quân vào thành Chà-bàn bị thua, hãm trong trận mà băng.

- TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 9*
Vua mong được lời nói thẳng ; Diệp Bá-Cự dâng thư mà bị giết.
- 1377, ĐÌNH-TÝ
- VN *Trần Đề-Nghiễn, Xương-phù, nguyên-niên*
Con của Duệ-tông, ở ngôi được 12 năm, bị Quý-Ly giết.
Chiêm-thành cướp phá kinh-đô.
Trần Đình-Sâm đi sứ nhà Minh.
- TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 10*
Hồ Duy - Dung, Uông Quảng - Dương làm Tả, Hữu-tướng.
- 1378, MẬU-NGO
- VN *Trần Đề-Nghiễn, Xương-phù, năm 2*
Chiêm-thành cướp phá kinh-thành, quan Đại-doãn Lê-Giác chết theo.
Bắt đầu thi-hành thuế đinh.
- TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 11*
Trung tập các quan bố-chính-sứ và tri-phủ đề thi hạch xem ai hơn kém.
Chiêu-tông nhà Nguyên mất ; Hậu-chúa là Cồ-tư Thiếp-mộc-nhi lên ngôi, kiến nguyên là Thiên-nguyên.
- 1379, KỶ-VỊ
- VN *Trần Đề-Nghiễn, Xương-phù, năm 3*
- TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 12*
Uông Quảng-Dương vì lừa dối mà bị tội chết.
- NK Bắc-triều của Nhật-bản cải nguyên là Khang-lic. Nhiệt-na-á (Gênes) đánh bại Ủy-ni-tur (Venise) trên biển.
- 1380, CANH-THÂN
- VN *Trần Đề-Nghiễn, Xương-phù, năm 4*
Chiêm-thành cướp phá Nghệ-an, Thanh-hóa.
- TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 13*
Giết Hồ Duy-Dung, phế thừa tướng, quan Lục-bộ thượng-thư chấp chính.
- 1381, TÂN-DẬU
- VN *Trần Đề-Nghiễn, Xương-phù, năm 5*
Khiến Đại-Than thiên-sư độc-suất các tăng nhân

trong thiên-hạ đánh Chiêm-thành.

TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 14*

NB Nam-triều cải nguyên là Hoằng-hòa.

Bắc-triều cải nguyên là Vĩnh-đức.

1382, NHÂM-TUẤT

VN *Trần Đề-Nghiễn, Xương-phù, năm 6*

Chiêm-thành cướp phá Thanh-hóa bị đánh bại.

TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 15*

1383, QUÝ-HỢI

VN *Trần Đề-Nghiễn, Xương-phù, năm 7*

Lê Quý-Ly thống lãnh chiến thuyền đánh Chiêm-thành, chưa đến mà trở về.

Chiêm-thành cướp phá Quảng-oai, Thượng-hoàng đến Đông-ngàn rồi đến Bảo-hòa-cung.

TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 6*

1384, GIÁP-TÝ thứ 72

VN *Trần Đề-Nghiễn, Xương-phù, năm 8*

Sứ nhà Minh sang xin lương-thực

TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 17*

NB *Bắc triều Hậu Tiểu-tùng-đề, nguyên-niên*

Hoàng-đế thứ 6 của Bắc-triều, kiến nguyên là Chi-đức.

Nam-triều cải nguyên là Nguyên-trung.

1385, ẤT-SỬU

VN *Trần Đề-Nghiễn, Xương-phù, năm 9*

Sứ nhà Minh sang xin thầy tu.

Quan tư-đồ Trần Nguyên-Đán về trí-sĩ.

TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 18*

NK Vua xứ Gia-đức-tur-lạp (Castille) là Ước-hàn (Jean) nhiếp chính nước Bồ rồi lại lên ngôi.

1386, BÍNH-DẦN

VN *Trần Đề-Nghiễn, Xương-phù, năm 10*

Sứ nhà Minh sang xin gỗ tốt, voi thuần.

TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 19*

1387, ĐÍNH-MÃO

VN *Trần Đề-Nghiễn, Xương-phù, 11*

Thượng-hoàng trở về cung, dùng Lê Quý-Ly thế quyền tể-tướng, cho cờ và gươm ; năm sau Quý-Ly gièm siểm vua với Thượng-hoàng, Thượng-

hoàng phế vua xuống làm Linh-đức Đại-vương rồi giết di.

TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 20*

Sai Thang-Hòa xây Tần-hải thành để phòng bị Nhật-bản.

NB Bắc-triều cải nguyên là Gia-khánh (Giai-khánh).

1388, MẬU-THÌN

VN *Trần Thuận-đề, Quang-thái, nguyên-niên*

Tên là Ngung, con của Nghệ-tông ở ngôi được 11 năm. Quy-Ly bức vua (Nghiễn) nhường ngôi rồi lại giết di.

TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 21*

Mộc-Anh đánh Tư-Luận-Phát, Tư-Luận-Phát thua chạy.

Thiên Hoàn-đế nhà Nguyên bị giết, Dã-tốc-Điệt-nhi lên ngôi.

NK Ở Cao-ly, đời thứ 33, Tân-xương lên ngôi.

1389, KỶ-TỶ

VN *Trần Thuận-đề, Quang-thái, năm 2*

Chiêm-thành cướp phá Thanh-hóa, Quý-Ly binh bại trốn trở về.

Chiêm-thành tiến phạm Hoàng-giang, Đô-tướng Trần Khát-Chân chống giữ.

Vị yêu tăng Phạm Sư-Ôn làm loạn bị dẹp yên.

TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 22*

NK Bắc-triều của Nhật-bản cải nguyên là Khang-ứng. Ở Cao-ly, đời thứ 34, Cung-nhượng vương, nguyên-niên.

1390, CANH-NGỌ

VN *Trần Thuận-đề, Quang-thái, năm 3*

Trần Khát-Chân đánh bại quân Chiêm-thành ở Hải-triều, vua Chiêm-thành là Chế Bồng-Nga chết trong trận.

Tướng Chiêm-thành là La-Khải chiếm lấy nước tự lập làm vua.

TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 23*

Sai Tấn-vương, Yên-vương đánh phía bắc.

Khiển Hàn-Quốc-Công Lý Thiện-Trường chết.

NB Bắc-triều cải nguyên là Minh-đức.

1391, TÂN-VỊ

VN *Trần Thuận-đê, Quang-thái, năm 4*
Quý-Ly di tuần Hóa-châu, bị Chiêm-thành đánh bại, bèn trở về.

Trang-dịnh-vương tên Giáp bị Quý-Ly giết.

TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 24*

Hoàng thái-tử tuần phủ Thiểm-tây, năm sau mất.

1392, NHÂM-THÂN

VN *Trần Thuận-đê, Quang-thái, năm 5*

Lê Quý-Ly làm sách Minh-đạo, 14 thiên.

TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 25*

NK Nhật-bản, nam bắc hợp chung.

Ở Cao-ly, Lý Thành-Quế tự lập, gọi là nước Triều-tiên.

1393, QUỲ-DẬU

VN *Trần Thuận-đê, Quang-thái, năm 6*

TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 26*

Giết Lương quốc-công Lam-Ngọc, giết cả bè đảng ấy.

NB *Hậu Tiểu-tùng Minh-đức Thiên-hoàng (Go Komatsu), năm thứ 4*

Thiên-hoàng thứ 100 của Nhật-bản.

NK Ở Triều-tiên, Thái-tổ đời thứ nhất, Khang-hiến vương (Lý Thành-Quế), nguyên-niên.

1394, GIÁP-TUẤT

VN *Trần Thuận-đê, Quang-thái, năm 7*

Thượng-hoàng lấy Tử-phụ-đồ ban cho Quý-Ly. Nghệ-tông băng.

TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 27*

Khiến Dĩnh quốc-công Phó Hữu-Đức chết.

NB Cải nguyên là Ứng-vĩnh, Thăng-dịnh-viện Túc-lợi-trứ-trì thuộc dòng Vũ-vương, đời thứ 13.

1395, ẤT-HỢI

VN *Trần Thuận-đê, Quang-thái, năm 8*

Quý-Ly xưng Phụ-chính kiêm Giáo hoàng-đế. Sứ nhà Minh xin binh, voi, lương-thực, gạo.

TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 28*

Khiến Tổng quốc-công Phùng-Thắng chết.

Tín quốc-công Thang-Hòa chết.

1396, BÍNH-TÝ

VN *Trần Thuận-đề, Quang-thái, năm 9*

Sa thả tăng đạo.

Bắt đầu thông-hành tiền hội-sao (tiền giấy), cấm dùng tiền đồng.

Định ra phép thi dùng văn thề bốn trường.

Định áo mào các quan.

TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 29*

1397, ĐÌNH-SỬU

VN *Trần Thuận-tông, Quang-thái, năm 10*

Dựng tân đô ở Thanh-hóa.

Đổi các lộ phủ ra trấn, định chức quan ở lộ, phủ, châu, huyện.

Đặt chức Học-quan ở các lộ và cấp cho học điền.

Lập ra phép hạn chế ruộng đất.

Quý-Ly ép vua dời đô về Thanh-hóa, năm sau lại khiến vua nhường ngôi cho Hoàng-thái-tử.

TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 30*

1398, MẬU-DẦN

VN *Trần Thiệu-đề, Kiến-tân, nguyên-niên*

Tên là Án, con của Thuận-tông, ở ngôi được 3 năm bị Quý-Ly phế xuống.

Quý-Ly xưng là Đại-vương nhiếp chính.

Đo ruộng của dân.

TQ *Minh Thái-tổ, Hồng-vũ, năm 31*

Thái-tổ băng, cháu của Thái-tổ lên ngôi, Tề-Thái và Hoàng-Tử-Trừng tham-dự việc nước.

NK Mông-cổ Thiếp-mộc-nhi đánh Ấn-độ.

1399, KỶ-MÃO

VN *Trần Thiệu-đề, Kiến-tân, năm 2*

Quý-Ly giết Thuận-tông ở Ngọc-thanh-quán.

Quan thái-bảo Trần Nguyên-Hằng, thượng tướng-quân Trần Khát-Chân mưu giết Quý-Ly không thành mà bị giết.

Quý-Ly tự xưng là Chương-hoàng.

Năm sau Quý-Ly phế Trần Thiệu-đề xuống làm Ninh-bảo Đại-vương rồi tự xưng là Hoàng-đế.

TQ *Minh Huệ-đề, Kiến-vân, nguyên-niên*

Tên là Doãn-Thác, con của Thái-tử Tiêu (con của

Thái-lỗ), ở ngôi được 4 năm.

Yên-vương tên Đệ cất binh trị nạn.

NK Ở Triều-tiên, đời thứ 2, Định-tông Cung-tĩnh-vương nguyên-niên.

1100, CANH-THÌN

VN *Nhuận-Hổ Quý-Ly, Thánh-nguyên, nguyên-niên*

Quý-Ly xưng đế, tên nước là Đại-Ngu, cải họ là Hồ. Khảo-thí thái-học-sinh.

Đánh Chiêm-thành không thắng, Quý-Ly truyền ngôi cho con là Hán-Thương tự xưng là Thái-thượng hoàng, cùng trông coi việc chính.

Sai sứ sang nhà Minh.

Đánh thuế, các thuyền buôn.

TQ *Minh Huệ-đế, Kiến-văn, năm 2*

1101, TÂN-TY

VN *Nhuận-Hổ Hán-Thương, Thiệu-thành, nguyên-niên*

Làm hộ-tịch, hai tuổi trở lên đều phải vào sổ.

Lập ra phép hạn nô (hạn chế nô-tỳ).

Dựng thành Tây-đô.

Định quan-chế và hình-luật.

TQ *Minh Huệ-đế, Kiến-văn, năm 3*

Yên-vương cử đại binh tiến phạm miền Nam.

Biếm chức Tề-Thái và Hoàng-tử Trùng.

NK Thiếp-mộc-nhi thôn tính Ba-tư.

Ở Triều-tiên, đời thứ 3, Thái-tông Cung-dịnh vương nguyên-niên.

1102, NHÂM-NGỌ

VN *Nhuận-Hổ Hán-Thương, Thiệu-thành, năm 2*

Duyệt quân ngũ.

Đỗ-Mãn đánh Chiêm-thành.

Chiêm-thành dựng động Cồ-lũy xin hàng, chia ra làm 4 châu : Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa.

Canh cải phép đánh thuế ruộng và bắt dân làm trâu.

Sửa đường xá từ thành Tây-đô đến Hóa-châu gọi là Thiên-lý-cù.

TQ *Minh Huệ-đế, Kiến-văn, năm 4*

Kinh-đô bị hãm, Yên-vương tự lập làm vua, giết bọn Tề-Thái và Tử-Trùng.

Nhi-lục-xích Khách-hàn nhà Nguyên lên ngôi.

NK Hoàng-dế Thổ-nhĩ-kỳ là Bái-nha-tức (Bajazet) đánh với Thiếp-mộc-nhi, bị bắt.
Năm ấy trở về sau, nhà Nguyên cải tên là Thất-đát.

1403, QUÝ-VỊ

VN *Nhượng-Hổ Hán-Thương, Khai-đại, nguyên-niên*
Di dân vào Thăng, Hoa.
Sứ nhà Minh sang sách phong.
Đánh Chiêm-thành không thắng.
Bắt đầu đặt Quảng-tế-thự.

TQ *Minh Thành-tổ, Vĩnh-lạc, nguyên-niên*
Tên là Đệ, con của Thái-tổ, khi trước được phong là Yên-vương, dấy binh trừ nạn, vào nối đại-thông, ở ngôi được 21 năm.
Lập ra Kiến-châu-vệ, dùng A-sáp-xuất làm Chỉ huy-sứ.

1404, GIÁP-THÂN

VN *Nhượng-Hổ Hán-Thương, Khai-đại, năm 2*
Sai sứ sang nhà Minh.
Lại định phép thi.
Sứ nhà Minh sang.

TQ *Minh Thành-tổ, Vĩnh-lạc, năm 2*

1405, ÂT-DẬU

VN *Nhượng-Hổ Hán-Thương, Khai-đại, năm 3*
Sai Hoàng Hối-Khanh cắt 59 thôn ở Cổ-lâu trả cho nhà Minh.
Hán-Thương đi tuần xem xét núi sông và các cửa biển ở kinh-đô và ở các lộ.
Sai sứ sang nhà Minh.

TQ *Minh Thành-tổ, Vĩnh-lạc, năm 3*
Sai Mộc-Thạnh đánh nước Bát-bách-đại-diện và khiến chúng đầu hàng.

NK Khâm-sát-quốc (một nước của Mông-cổ) bị phân liệt.
Thiếp-mộc-nhi chết.

1406, BÍNH-TUẤT

VN *Nhượng-Hổ Hán-Thương, Khai-đại, năm 4*
Nhà Minh đem binh đưa Trần Thiêm-Bình về nước bị Hán-Thương đón giết.
Sai sứ sang nhà Minh.

Tướng nhà Minh là bọn Chu Năng thống binh sang đánh nước ta. Quân Minh đánh lấy thành Đa-bang rồi lấy Đông-dô. Tháng năm năm sau quân Minh đến Kỳ-la bắt cha con Hồ Quý-Ly đưa về Kim-lăng.

TQ *Minh Thành-tổ, Vinh-lạc, năm 4*

Bồn-nhã-thất-ly làm Khách-hàn (chúa) của giống Thát-đát-khắc.

1407, ĐINH-HỢI

VN *Trần Đề-Ngôi, Hưng-khánh, nguyên-niên*

Con của Nghệ-tông, ở ngôi được 3 năm, bị nhà Minh bắt đưa về Kim-lăng.

Minh đổi An-nam ra Giao-chỉ, đặt quan phủ-thự. Trần Giản-định xưng tên Ngôi xưng đế.

Trần Nguyệt-Hồ xưng vương ở Bình-than, bị nhà Minh bắt. Quân Minh bắt Bùi Bá-Kỳ, vua Ngôi chạy vào Nghệ-an.

TQ *Minh Thành-tổ, Vinh-lạc, năm 5*

1408, MẬU-TÝ

VN *Trần Đề-Ngôi, Hưng-khánh, năm 2*

Đặng Tất, quan nhà Trần, phá quân Phạm Thố-Cảng ở cửa biển Nhật-lệ.

Đế Ngôi cả phá quân Minh ở Bồ-cô.

TQ *Minh Thành-tổ, Vinh-lạc, năm 6*

1409, KỶ-SỬU

VN *Trần Đề Quý-Khoách, Trùng-quang, nguyên-niên*

Vua Ngôi giết Đặng-Tất và Tham-mưu Nguyễn Cảnh-Chân. Bọn Nguyễn Cảnh-Dị, Đặng Dung rước Trần Quý-Khoách lập làm vua.

Quý-Khoách là cháu Nghệ-tông ở ngôi được 5 năm, bị quân Minh bắt, nhảy xuống sông mà chết. Quân Minh bắt Trần Đế-Ngôi.

Trần Quý-Khoách lui về Nghệ-an.

TQ *Minh Thành-tổ, Vinh-lạc, năm 7*

NK Ở Âu-châu ba vị giáo-hoàng cùng lên ngôi.

1410, CANH-DẦN

VN *Trần Đề Quý-Khoách, Trùng-quang, năm 2*

Vua Quý-Khoách phá quân Minh ở Hồng-châu, rồi lại tan vỡ phải dẫn quân về Nghệ-an.

- TQ *Minh Thành-tổ, Vĩnh-lạc, năm 8*
Vua tự làm tướng đánh Thát-đát, tiến đánh A-lỗ-đài.
- 1411, TÂN-MÃO
VN *Trần Đế Quý-Khoách, Trùng-quang, năm 3*
Vua Quý-Khách sai sứ sang nhà Minh cầu phong.
Quân Minh bắt Lê Cảnh-Tuân đưa về Kim-lăng.
- TQ *Minh Thành-tổ, Vĩnh-lạc, năm 9*
Đào con sông Hội-thông-hà.
Mở đường thủy vận lương Nam Bắc.
- 1412, NHÂM-THÌN
VN *Trần Đế Quý-Khoách, Trùng-quang, năm 4*
Đặng-Dung và Nguyễn-Súy của nhà Trần đánh với quân Minh ở Mô-độ phải thua chạy.
- TQ *Minh Thành-tổ, Vĩnh-lạc, năm 10*
Đặt ra Kiến-châu Tả-vệ cho Kha Thiếp mộc-nhi lãnh chức ấy.
- 1413, QUỠ-TY
VN *Trần Đế Quý-Khoách, Trùng-quang, năm 5*
Trương-Phụ nhà Minh đánh Nghệ-an, vua Quý-Khoách chạy về Hóa-châu.
Đặng-Dung và Trương-Phụ đánh nhau ở Thái-gia-cảng.
Vua Quý-Khoách bị quân Minh bắt, Nguyễn-Cảnh Di chết theo. Năm sau Quý-Khoách bị đưa sang Yên-kinh, nửa đường nhảy xuống sông mà chết, Đặng-Dung và Nguyễn-Súy chết theo.
Nhà Trần mất.
- TQ *Minh Thành-tổ, Vĩnh-lạc, năm 11*
Vua đi Bắc-kinh, Thái-tử trông việc nước.
A-lỗ-đài đầu hàng được phong làm Hòa-ninh vương.
Đặt Bối-chính ty ở Quý-châu.
- NB *Xưng-quang Thiên-hoàng (Shôkô), nguyên-niên*
Thiên-hoàng thứ 101 của Nhật-bản, không cải nguyên.
- 1414, GIÁP-NGO
VN *Nội-thuộc lần thứ 6, nhà Minh năm 1*
Trương-Phụ nhà Minh trở về.
Nhà Minh lập Văn-miếu và Bách-thần đàn, đặt ra nhà học ở phủ châu, cấm cắt tóc, định phép đánh thuế.

TQ *Minh Thành-tổ, Vĩnh-lạc, năm 12*

Vua đánh bộ-lạc Ngõa-Thích và phá được.

NK Âu-châu mở hội-nghị tôn-giáo ở Quân-sĩ-thần-tư (Constance).

1415, ẤT-VỊ

VN *Nội-thuộc lần thứ 6, nhà Minh, năm 2*

Nhà Minh mở ra trường khai mỏ vàng mỏ bạc, lập ra thuế muối, đặt ra dịch-trạm.

Trương-Phụ lại sang.

TQ *Minh Thành-tổ, Vĩnh-lạc, năm 13*

Bỏ vận-tải bằng mặt biển.

1416, BÍNH-THÂN

VN *Nội-thuộc lần thứ 6, nhà Minh, năm 3*

Nhà Minh chọn binh.

TQ *Minh Thành-tổ, Vĩnh-lạc, năm 14*

A-lỗ-dài đánh bại Ngõa-Thích rồi đến hiến tiếp.

NK Hội-nghị tôn-giáo cấm giết Tân-giáo-đồ.

1417, ĐINH-DẬU

VN *Nội-thuộc lần thứ 6, nhà Minh, năm 4*

Phong-thành hầu nhà Minh là Lý-Bân thay Trương-Phụ trấn thủ nước ta.

Nhà Minh định lệ thuế cống sinh-viên.

TQ *Minh Thành-tổ, Vĩnh-lạc, năm 15*

Vua đi tuần phương bắc.

Cốc-vương có tội bị làm thứ-dân.

1418, MẬU-TUẤT

VN *Lê Bình-định vương, năm 1*

Người Thanh-hóa, Lê-Lợi dấy binh ở Lam-sơn, tự lập làm Bình-định vương đánh với Mã-Kỳ nhà Minh và thắng được.

Nhà Minh lập ra châu-trường (chỗ tụ liềm ngọc trai),

TQ *Minh Thành-tổ, Vĩnh-lạc, năm 16.*

1419, KỶ-HỢI

VN *Lê Bình-định vương, năm 2*

Nhà Minh ban cho châu huyện Tứ-thư, Ngũ kinh, lại sai nhà sư truyền kinh Phật, thu góp sách vở sự tích của nước ta đưa về Kim-lăng.

Bình-định vương lui quân về núi Chí-linh ; Lê-Lai tử tiết ; Ai-lao đưa binh giúp vua Lê.

Bình ở các châu dấy lên bị Lý-Bân đánh bại.

TQ *Minh Thành-tổ, Vĩnh-lạc, năm 17*

Giống người Oa (Nhật-bản) cướp phá Liêu-đông, quan tổng-binh Lưu-Vinh phá được giặc ấy.

NK Ở Triều-tiên, đời thứ 4, Thế-tông Trang-hiến vương, nguyên-niên.

1420, CANH-TÝ

VN *Lê Bình-định vương, năm 3*

Bình-định vương phá trại Quan-du.

TQ *Minh Thành-tổ, Vĩnh-lạc, năm 18*

Yêu phụ Đường Trại-Nhi làm loạn bị đánh dẹp yên. Đặt ra Đông-xưởng.

NK Anh, Pháp lại hòa với nhau, con gái vua nước Pháp làm Hoàng-hậu vua nước Anh.

1421, TÂN-SỬU

VN *Lê Bình-định vương, năm 4*

Bình-định vương phá quân Trần-Tri nhà Minh và phá Ai-lao

TQ *Minh Thành-tổ, Vĩnh-lạc, năm 19*

Dời đô về Bắc-kinh.

1422, NHÂM-DẦN

VN *Lê Bình-định vương, năm 5*

Quan Tổng-binh Lý-Bân nhà Minh chết, Trần-Tri thay thế.

Bình-định vương đại bại ở Khôi-sách, phải đem quân về Chí-linh.

TQ *Minh Thành-tổ, Vĩnh-lạc, năm 20*

Vua tự làm tướng đánh A-lỗ-ngột-thực-sáp.

NK Vua nước Anh và nước Pháp đều băng.

Con vua nước Anh là Hanh-lợi (Henry) đệ lục lên ngôi ở hai nước.

1423, QUỲ-MÃO

VN *Lê Bình-định vương, năm 6*

Bình-định vương trở về Lam-sơn.

TQ *Minh Thành-tổ, Vĩnh-lạc, năm 21*

Vua đi đánh phía bắc.

NK Con vua nước Pháp là Tra-ly đệ Thất (Charles VII), đánh với vua nước Anh, trở thành vua nước Pháp.

Ở Nhật-bản, Vũ-vương thứ 14 là Trường-đắc-viện Túc-lợi-nghĩa-lượng.

1424, GIÁP-THÌN

VN *Lê Bình-định vương, năm 7*

Bình-định vương đánh lấy được đồn Đa-căng.

Hoàng-Phúc trở về, Trần-Hiệp thay thế.

Vua vây Nghệ-an và đánh bại quân Minh.

TQ *Minh Thành-tổ, Vĩnh-lạc, năm 22*

Thành-tổ băng ở Du-mộc-xuyên, Thái-tử lên ngôi.

1425, ẤT-TY

VN *Lê Bình-định vương, năm 8*

Bình-định vương vây Nghệ-an tiến binh đánh Tây-đô, khiến bọn Trần-Hãn vây Tân-bình, Thuận-hóa và đều lấy được.

Các tướng suy tôn vua là Đại-thiên hành-hóa.

TQ *Minh Nhân-tông, Hồng-hy, nguyên-niên*

Tên là Cao-Xí, con của Thành-tổ, ở ngôi được 2 năm.

Nhân-tông băng, Thái-tử lên ngôi, bắt đầu đặt ra tuần phủ.

NB Đời Vũ-vương thứ 13 là Thăng-định-viện Túc-lợi-nghĩa-tri được phục chức.

1426, BÍNH-NGỌ

VN *Lê Bình-định vương, năm 9*

Bình-định vương chia các tướng vây Đông-đô và các lộ.

Vua tấn-công thành Đông-quan.

Vua chia Đông-đô làm 4 đạo đặt ra quan chức nội ngoại văn vũ.

Vua lập Hồ-Ông làm Trần-chủ, kỹ-nguyên là Thiên-khánh, đề ứng đối với người nhà Minh.

Vua chia các tướng sù đánh úp các thành.

TQ *Minh Tuyên-tông, Tuyên-đức, nguyên-niên*

Tên là Thiệu-Cơ, con của Nhân-tông, ở ngôi được 10 năm.

Lập Nội-thư-đường dạy hoạn quan.

Hán-vương là Cao Hủ làm phản, bị nhà vua đánh phải đầu hàng.

1427, ĐÌNH-VỊ

VN *Lê Bình-định vương, năm 10*

Bình-định vương đánh thành Đông-quan. Hai tướng nhà Minh giữ thành Nghệ-an và Diên-châu đầu hàng.

Vua dùng Nguyễn-Trãi làm Lại-bộ thượng-thư kiêm Xu-mật-viện sự.

Chiêm-thành sang cống.

Liễu Thăng nhà Minh sang cứu viện bị vua đánh tan. Vương-Thông xin hòa, vua bằng lòng, Vương-Thông dẫn binh trở về Tàu.

TQ *Minh Nguyên-tông, Tuyên-đức, năm 2*

1428, MẬU-THÂN

VN *Lê Thái-tổ, Thuận-thiên, nguyên-niên*

Tên là Lợi, người ở Lam-sơn (Thanh-hóa), dẹp giặc Tàu, ở ngôi được 6 năm.

Đặt ra học hiệu.

Định ngôi thứ công thần cho bọn Nguyễn-Trãi và đều ban cho họ Lê.

Chia trong nước làm 5 đạo.

Đặt tên nước là Đại-Việt; đúc tiền Thuận-thiên; định luật-lệ; soạn điển-tịch, hộ-tịch.

TQ *Minh Tuyên-tông, Tuyên-đức, năm 3*

Cải nguyên là Chính-trường.

1429, KỶ-DẬU

VN *Lê Thái-tổ, Thuận-thiên, năm 2*

Lập con Tư-Tề làm Quốc-vương, Nguyên-Long làm Hoàng Thái-tử.

Định ra phép quân điền.

Phong cho các công thần làm liệt hầu.

Cử người hiền có tài ẩn dật sót lại.

Khảo thí các tăng và đạo-sĩ bằng khoa Minh-kinh.

TQ *Minh Tuyên-tông, Tuyên-đức, năm 4*

NB *Hậu Hoa-viên Thiên-hoàng (Go-Hanazono) nguyên-niên*

Thiên-hoàng thứ 102 của Nhật-bản, kiến nguyên là Vĩnh-hạnh.

Phồ-quang-viên Túc-lợi-nghĩa-giáo, thuộc dòng-dõi
Vũ-vương thứ 15.

1430, CANH-TUẤT

VN *Lê Thái-tổ, Thuận-thiên, năm 3*

Ban hành luật-lệ.

Quan Tổng-quân Lê-Khôi trấn Hóa-châu.

Đổi Đông-đô làm Đông-kinh, Tây-đô làm Tây-kinh.

Giết thái-úy Lê Văn Xảo.

Tù trưởng thổ dân ở Thạch-lâm châu (Thái-nguyên)
làm phản, nhà vua thân chinh; năm sau thắng đem
binh trở về kinh,

TQ *Minh Tuyên-tông, Tuyên-đức, năm 5*

1431, TÂN-HỢI

VN *Lê Thái-tổ, Thuận-thiên, năm 4*

Mở khoa Hoành-từ,

Sứ nhà Minh sang sách phong.

Sai sứ sang nhà Minh báo tạ và nộp thuế cống.

TQ *Minh Tuyên-tông, Tuyên-đức, năm 6*

1432, NHÂM-TÝ

VN *Lê Thái-tổ, Thuận-thiên, năm 5*

Vua thân chinh đánh Ninh-viễn, thắng ở đấy và
dem quân trở về kinh-đô.

TQ *Minh Tuyên-tông, Tuyên-đức, năm 7*

1433, QUÝ-SỬU

VN *Lê Thái-tổ, Thuận-thiên, năm 6*

Quốc-vương Tư-Tề cuồng loạn bị giáng xuống làm
Quận-vương, sai Thái-tử Nguyên-long trông nom
việc nước.

Trao chức đại-tư-đồ cho Lê Sát.

Thái-tổ băng, Thái-tử lên ngôi.

Dựng Lam-kinh điện.

TQ *Minh Tuyên-tông, Tuyên-đức, năm 8*

1434, GIÁP-DẦN

VN *Lê Thái-tông, Thiệu-bình, nguyên-niên*

Tên là Nguyên-Long. con của Thái-tổ, ở ngôi
được 9 năm.

Vua đến Hiệu-trường, nhóm các bầy tôi mà thề
ước.

Tù-trưởng thổ dân ở Lạng-sơn làm phản bị dẹp yên.
Khảo thí học-sinh.

Chiêm-thành cướp phá Hóa-châu.

Sai Lê-Liệt đi kinh lược Tân-bình, Thuận-hóa.

Ai-lao vào cống.

Chiêm-thành sai sứ sang giảng-hòa.

Nhà Minh sang hiểu dụ cúng tế.

TQ *Minh Tuyên-tông, Tuyên-đức, năm 9*

Ngoã Thích giết A-lỗ-đài.

1435, ẤT-MÃO

VN *Lê Thái-tông, Thiệu-bình, năm 2*

Khiến quan lấy ngày đình tháng 2 cúng tế ở Văn-miếu.

La-la-tư-diện đến cống.

Đúc tượng Thái-tổ và Quốc thái-mẫu bằng vàng.

Khảo thí các giáo-chức và các quân dân có học.

Giảm thuế ngạch.

Bồn-man đến cống.

Đánh Ngọc-ma, bắt Cầm-Quý đưa về kinh mà giết.

TQ *Minh Tuyên-tông, Tuyên-đức, năm 10*

Tuyên-tông băng.

Dương Sĩ-Kỳ, Dương-Vinh, Dương-Phổ phụ-chính.

1436, BÌNH-THÌN

VN *Lê Thái-tông, Thiệu-bình, năm 3*

TQ *Minh Anh-tông, Chính-thống, nguyên-niên*

Tên là Kỳ-Trấn, con của Tuyên-tông ở ngôi được 23 năm.

Bắt đầu ngự kinh-diên.

1437, ĐÌNH-TY

VN *Lê Thái-tông, Thiệu-bình, năm 3*

Tù-trưởng thổ dân ở Gia-hung làm phản bị dẹp yên.

Sứ nhà Minh sang sách phong.

Thâu đoạt quan chức đại-tư-đồ của Lê-Sát rồi lại cho tội chết.

Xiêm-la sang cống.

Giết quan Nhập-nội đại đô-đốc Lê-Ngân.

TQ *Minh Anh-tông, Chính-thống, năm 2*

Sai quan Binh-bộ thượng-thor Vương-Ký đi kinh-lược các biên-vụ ở Cam-túc.

1439, KỶ-VỊ

VN *Lê Thái-tổng, Thiệu-bình, năm 6*

Cầm-Man dùng người Ai-lao cướp phá biên-giới, vua tự làm tướng thân chinh.

TQ *Minh Anh-tổng, Chính-thống, năm 4*

1440, CANH-THÂN

VN *Lê Thái-tổng, Đại-bảo, nguyên-niên*

Tù-trưởng Thu-Vật làm phản, vua thân chinh bắt được và giết di.

Lập con là Nghi-Dân làm Thái-tử.

Tù-trưởng thồ dân ở Gia-hưng, Thuận-mỗi đem người Ai-lao cướp phá biên-giới, vua tự làm tướng thân chinh.

TQ *Minh Anh-tổng, Chính-thống, năm 5*

1441, TÂN-DẬU

VN *Lê Thái-tổng, Đại-bảo, năm 2*

Thân chinh đánh thổ-tù ở Gia-hưng, Thuận-mỗi và bắt được.

Giáng Nghi-Dân làm Lạng-sơn vương, rồi lập Bang-Cơ làm Thái-tử.

TQ *Minh Anh-tổng, Chính-thống, năm 6*

Vương-Ký đánh Lộc-xuyên-man và phá dẹp được.

NK Người nước Đức là Ước-Hàn (Johann Gensfleisch dit Gutenberg) chế ra chữ rời sáng lập ra phép in sách.

NB Cải nguyên là Gia-cát, Khánh-vân-viện Túc-lợi-nghĩa-thắng, dòng dõi Vũ-vương, đời thứ 16.

1442, NHÂM-TUẤT

VN *Lê Thái-tổng, Đại-bảo, năm 3*

Bắt đầu thi tiến-sĩ, dựng bia khắc tên.

Đi tuần miền đông về đến Gia-định thì băng.

Thái-tử lên ngôi, giết quan Đại-hành-khiển Lê-Trãi và tru di cả họ.

TQ *Minh Anh-tổng, Chính-thống, năm 7*

Sai Tiêu-Hoảng chỉnh sức Chiết-giang và Phúc-kiến đề phòng bị Nhật-bản.

NK Các quốc-gia Âu-châu bắt nô-lệ da đen ở Phi-châu đem bán khắp nơi.

1443, QUỖY-HỢI

VN *Lê Nhân-tông, Thái-hòa, nguyên-niên*

Tên húy là Bang-Cơ, con của Thái-tông, ở ngôi được 17 năm rồi bị Nghi-Dân giết.

Bầy tôi thỉnh Hoàng thái-hậu cùng nghe việc nước.
Sứ nhà Minh sang dụ tế và sách phong.

TQ *Minh Anh-tông, Chính-thống, năm 8*

1444, GIÁP-TÝ thứ 73

VN *Lê Nhân-tông, Thái-hòa, năm 2*

Chiêm-thành cướp phá Hóa-châu, vua khiến quan Thái-bảo Lê-Bôi và quan Tổng-quản Lê-Khả đi đánh.

TQ *Minh Anh-tông, Chính-thống, năm 9*

NB Cải nguyên là Văn-an.

1445, ẤT-SỬU

VN *Lê Nhân-tông, Thái-hòa, năm 3*

Chiêm-thành cướp phá Hóa-châu, khiến quan tư-đồ Lê-Thận, đô-đốc Lê-Xi đi đánh.

Phong Hoàng-đệ là Tư-Thành làm Bình-nguyên vương.

TQ *Minh Anh-tông, Chính-thống, năm 10*

1446, BÍNH-DẦN

VN *Lê Nhân-tông, Thái-hòa, năm 4*

Khiến các quan nhập-nội đô-đốc Lê Thụ, Lê Khả thiếu-phó Lê Khắc-Phục đánh Chiêm-thành, tấn công thành Chà-bàn và hạ được thành ấy, bắt vua Chiêm-thành đem về, lập Ma-kha-quý-lai làm vua.

TQ *Minh Anh-tông, Chính-thống, năm 11*

1448, MẬU-THÌN

VN *Lê Nhân-tông, Thái-hòa, năm 6*

Mãn đại-tang, Lê-Xi lại ra làm thiếu-bảo tri quân dân-sự.

Quan thái-phó Lê-Văn-Linh chết.

Tồn-bồn man nội thuộc vào nước ta, lấy đất ấy làm châu Quy-hợp.

Đình-thượng hầu Lê-Chích chết.

TQ *Minh Anh-tông, Chính-thống, năm 13*

1449, KỶ-TY

VN *Lê Nhân-tông, Thái-hòa, năm 7*

Tấu khúc nhạc Bình Ngô phá trận.

Em quốc-vương Chiêm-thành là Quý-Do thí chúa
tự lập làm vua, sai sứ sang cống bị từ khước.
Đình-thượng hầu Lê-Lễ chết.

TQ *Minh Anh-tông, Chính-thống, năm 14*

Ngõa-Thích vào cướp phá, vua thân chinh, quân
bị tan vỡ, bị bắt làm tù binh đem về bắc.

NK Anh đánh Pháp không thắng.

Nhật-bản cải nguyên là Bảo-đức, Vũ-Vương thứ
17 là Từ-chiếu-viên Túc-lợi-nghĩa-chính.

1450, CANH-NGO

VN *Lê Nhân-tông, Thái-hòa, năm 8*

TQ *Minh Cảnh-tông, Cảnh-thái, nguyên-niên*

Tên là Kỳ-Ngọc, con của Tuyên-tông, ở ngôi được
8 năm.

Ngõa-Thích xin hòa, Anh-tông từ, Ngõa-Thích trở về.

1451, TÂN-VỊ

VN *Lê Nhân-tông, Thái-hòa, năm 9*

Giết thái-ủy Lê-Khả và tư-khấu Lê Khắc-Phục.

Sứ nhà Minh sang báo việc Minh Cảnh-tông lên
ngôi, nước ta sai sứ sang mừng.

TQ *Minh Cảnh-tông, Cảnh-thái, năm 2*

1452, NHÂM-THÂN

VN *Lê Nhân-tông, Thái-hòa, năm 10*

Bỏ ngục thái-ủy Lê-Thụ, sau lại thả ra.

TQ *Minh Cảnh-tông, Cảnh-thái, năm 3*

NK Nhật-bản cải nguyên là Hanh-đức.

Ở Triều-tiên, đời thứ 5, Văn-tôn Cung-thuận vương,
nguyên-niên.

1453, QUÝ-ĐẬU

VN *Lê Nhân-tông, Thái-hòa, năm 11*

Vua bắt đầu giữ việc triều chính.

TQ *Minh Cảnh-tông, Cảnh-thái, năm 4*

NK Ở Triều-tiên, đời thứ 6, Đoan-tôn Cung-y-vương,
nguyên-niên

1454, GIÁP-TUẤT

VN *Lê Nhân-tông, Diên-ninh, nguyên-niên*

Đức tiền Diên-ninh

TQ *Minh Cảnh-tông, Cảnh-thái, năm 5*

1455, **ẤT-HỢI**

- VN *Lê Nhân-tông, Diên-ninh, năm 2*
Khiến quan quốc-tử bác-sĩ Phan Phu-Tiên soạn bộ Việt-sử, bắt đầu từ Trần Thái-tông đến khi người nhà Minh trở về nước.
- TQ *Minh Cảnh-tông, Cảnh-thái, năm 6*
- NK Nước Anh nội loạn, hai quân Hồng và Bạch tường-vi đánh nhau (Guerre des Deux-Roses). Nhật-bản cải nguyên là Khang-chính

1456, **BÍNH-TÝ**

- VN *Lê Nhân-tông, Diên-ninh, năm 3*
Nhà vua đi Lam-kinh.
- TQ *Minh Cảnh-tông, Cảnh-thái, năm 7*
Cảnh-Tông bị bệnh, năm sau bọn Thạch-Hanh, Từ Hữu-Trình rước Anh-tông trở lên ngôi.
- NK Ở Triều-tiên, đời thứ 7, Thế-tổ Huệ-trang vương, nguyên-niên.

1457, **ĐINH-SỬU**

- VN *Lê Nhân-tông, Diên-ninh, năm 4*
- TQ *Minh Anh-tông, Thiên-thuận, nguyên-niên*
Anh-tông phục vị, giết Vu-Khiêm, Vương-Văn.
- NB Cải nguyên là Trường-lục.

1459, **KỶ-MÃO**

- VN *Lê Nhân-tông, Diên-ninh, năm 6*
Mùa đông tháng 10, Lạng-son vương là Nghi-Dân giết vua rồi tự lập làm vua. Đào-Biểu chết theo. Nghi-Dân cải nguyên là Thiên-hưng.

TQ *Minh Anh-tông, Thiên-thuận, năm 3*

1460, **CANH-THÌN**

- VN *Lê Thánh-tông, Quang-thuận, nguyên-niên*
Tên là Tư-Thành, con của Thái-tông, ở ngôi được 28 năm.
Nghi-Dân chia đặt ra sáu bộ và sáu khoa.
Tháng 6 bọn đại thần Lê-Xí giết Nghi-Dân và bẻ đảng rồi rước vua Lê Thánh-tông lên ngôi.
Sai bọn Lê-Liệt đánh Bồn-man.
- TQ *Minh Anh-tông, Thiên-thuận, năm 4*
Thạch-Hanh mưu việc trái nghịch bị tội chết. Thát-đát vào cướp phá.
- NB Cải nguyên là Khoan-chính,

1461, TÂN-TY

VN *Lê Thánh-tông, Quang-thuận, năm 2*

Nhà vua đến Tây - kinh.

Cấm lập chùa-chiền mới.

TQ *Minh Anh-tông, Thiên-thuận, năm 5*

Tào Cát-Tường mưu phản phải chịu tội chết.

1462. NHÂM-NGO

VN *Lê Thánh-tông, Quang-thuận, năm 3*

Định phép thi hương.

Giết thái-úy Lê-Lăng.

Định lệ tuổi cho các quan văn vũ trí sĩ.

Sứ nhà Minh sang sách phong.

Lập con tên Tăng làm Thái-tử.

Đại xá.

Dùng Lê-Xí làm Nhập nội hữu tướng quốc.

TQ *Minh Anh-tông, Thiên-thuận, năm 6*

Vua nước Nga Y-Phàm đệ tứ (Ivan IV) lên ngôi.

1463, QUÝ-VỊ

VN *Lê Thánh-tông, Quang-thuận, năm 4*

Bắt đầu định cứ 3 năm có 1 kỳ thi Hội vào những năm Sửu, Thìn, vị, Tuất.

TQ *Minh Anh-tông, Thiên-thuận, năm 7*

1464, GIÁP-THÂN

VN *Lê Thánh-tông, Quang-thuận, năm 5*

Truy tặng Lê-Trãi làm Tán trù bá. Xướng chiếu cho con cháu công thần được ban quốc-tính đăng lấy lại họ cũ.

TQ *Minh Anh-tông, Thiên-thuận, năm 8*

Minh Anh-tông băng. Xướng chiếu bãi việc các cung tần phải chết theo.

1465, ÂT-ĐẬU

VN *Lê Thánh-tông, Quang-thuận, năm 6*

Định Văn-miếu ở các lộ, cứ hai ngày đình mùa xuân và mùa thu cúng tế 10 vị hiền-triết.

Đặt ra lục viện.

Hoàng thái-tử vào học.

TQ *Minh Hiến-tông, Thành-hóa, nguyên-niên*

Tên là Kiến-Thâm, con của Anh-tông, ở ngôi được 23 năm.

Hàn-Ung cả phá giặc Mãn Đại-đăng-giáp.

NB *Hậu - tổ Ngự - môn Thiên - hoàng (Go - Tsuchimikado),
nguyên-niên*

Thiên-hoàng thứ 103 của Nhật-bản.

1466, BÍNH-TUẤT

VN *Lê Thánh-tông, Quang-thuận, năm 7*

Vua thân ra khảo-thi cống-sĩ.

Sửa định quân năm phủ.

Bãi bỏ Lục-viện, đổi ra đặt Lục-bộ, Lục-tự.

Chia trong nước ra làm 12 đạo.

TQ *Minh Hiến-tông, Thành-hóa, năm 2*

NB Cải nguyên là Văn-chính.

1467, ĐINH-HỢI

VN *Lê Thánh-tông, Quang-thuận, năm 8*

Đến Văn-miếu cúng tế Tiên-sư.

Vua đi Lam-kinh rồi lại trở về cung.

Chiêm-thành sang cống.

Tù-trưởng thổ dân ở Thuận-châu đem người Ai-lao
đến cướp phá Hưng-hóa, bị dẹp yên.

Bắt đầu đặt ra Ngũ-kinh bác-sĩ.

Ban bản in Ngũ-kinh cho Quốc-tử-giám, khiến các
quân đọc sách.

Đặt ra Hoành-từ khoa.

TQ *Minh Hiến-tông, Thành-hóa, năm 3*

NB Cải nguyên là Ứng-nhân rồi lại có loạn Ứng-nhân.

1468, MẬU-TÝ

VN *Lê Thánh-tông, Quang-thuận, năm 9*

Vua đến Lam-kinh.

TQ *Minh Hiến-tông, Thành-hóa, năm 4*

1469, KỶ-SỬU

VN *Lê Thánh-tông, Quang-thuận, năm 10*

Cấm tư-gia tàng trữ quân-khi.

Vua đến Bình-than rồi đi đánh Bồn-man.

Người Chiêm-thành cướp phá Hóa-châu.

Định ra bản đồ 12 thừa-tuyên.

TQ *Minh Hiến-tông, Thành-hóa, năm 5*

NK Nhật-bản cải nguyên là Văn-minh.

Ở Triều-tiên, đời thứ 8, Duệ-tông Tương-diệu
vương, nguyên-niên.

1470, CANH-DẦN

VN *Lê Thánh-tông, Hồng-đức, nguyên-niên*
Vua đến Lam-kinh.

Chiêm-thành cướp phá Hóa-châu, vua tự làm tướng đi đánh dẹp.

TQ *Minh Hiến-tông, Thành-hóa, năm 6*

NK Ở Triều-tiên. đời thứ 9, Thành-tông Khang-tĩnh vương, nguyên-niên.

1471, TÂN-MÃO

VN *Lê Thánh-tông, Hồng-đức, năm 2*

Vua tiến binh vây thành Chà-bản bắt Trà-Toàn.

Tướng Chiêm-thành là Bô-tri-tri xưng chúa ở Phan-lung vào cống được vua phong cho Quốc-vương, lại phong cho Hoa-Anh và Nam-Phan hai Quốc-Vương, lấy đất Đại-Chiêm và Cồ-lũy đặt ra đạo Quảng-nam.

Trà-Toại làm phản.

Lê-Niệm bắt Trà-Toại.

Định quan-chế.

TQ *Minh Hiến-tông, Thành-hóa, năm 7*

1473, QUỠ-TY

VN *Lê Thánh-tông, Hồng-đức, năm 4*

Vua thân ra cây ở tịch-diền.

Vua đến Tây-kinh.

Định ra Đài-hiến chức-chương.

TQ *Minh Hiến-tông, Thành-hóa, năm 9*

Thồ-lỗ-phiên chiếm-cử Sáp-mật.

Vương-Việt đánh bại quân cướp ở Hồng-diêm trì.

NK Hoàng-đế nước Đức và Bồ-căn-đê (Bourgogne) hòa nhau.

Ở Nhật - bản, Thường - đức - viện Túc - lợi - nghĩa - thượng, dòng dõi Vũ-vương thứ 18.

1474, GIÁP-NGỌ

VN *Lê Thánh-tông, Hồng-đức, năm 5*

Mộ binh đánh giặc mán ở Bằng-tường châu.

Ai-lao sang cống.

TQ *Minh Hiến-tông, Thành-hóa, năm 10*

1475, ẤT-VỊ

VN *Lê Thánh-tông, Hồng-đức, năm 6*

Đặt ra quan Hà-đê và Khuyển-nông.

- TQ *Minh Hiến-tông, Thành-hóa, năm 11*
1476, BÌNH-THÂN
VN *Lê Thánh-tông, Hồng-đức, năm 7*
Vua đến Thái-học cùng tế Tiên sư.
Vua đến Lam-kinh rồi lại về cung.
Cung-vương là Khắc-Xương bị hạ ngục rồi chết.
- TQ *Minh Hiến-tông, Thành-hóa, năm 12*
1477, ĐÌNH-DẬU
VN *Lê Thánh-tông, Hồng-đức, năm 8*
TQ *Minh Hiến-tông, Thành-hóa, năm 13*
Đặt ra Tây-xưởng để xét bắt kẻ gian, khiến thái-giám Uông-Trực nhiệm lãnh.
- 1479, KỶ-HỢI
VN *Lê Thánh-tông, Hồng-đức, năm 10*
Khiến Ngô-Sĩ-Liên soạn bộ *Đại Việt sử-ký* từ họ Hồng-bàng đến Lê Thái-tổ.
Lão-quạ phạm biên giới, vua khiến các tướng đánh dẹp, chiếm đất đến bờ cõi phía nam Miến-điện.
Vua thân chinh đánh Bồn-man, khiến Lê-Niệm đánh dẹp yên.
- TQ *Minh Hiến-tông, Thành-hóa, năm 15*
Ủy nhiệm Uông-Trực tuần biên-cảnh ; biếm trích quan Binh-bộ thị-lang Mã-Văn-Thăng.
- 1480, CANH-TÝ
VN *Lê Thánh-tông, Hồng-đức, năm 11*
TQ *Minh Hiến-tông, Thành-hóa, năm 16*
Vương Việt đánh bại Thát-đát.
NK Vua nước Nga là Y-phạm đệ tứ (Ivan IV) diệt nước Khâm-sát (của giống Mông-cổ).
- 1482, NHÂM-DẪN
VN *Lê Thánh-tông, Hồng-đức, 13*
Vua đến Tây kinh.
TQ *Minh Hiến-tông, Thành-hóa, năm 18*
Bãi bỏ Tây xướng.
Sáp-Thương khôi phục Sáp-mật.
- 1483, QUÝ-MÃO
VN *Lê Thánh-tông, Hồng-đức, năm 14*
Sửa Thái-học.

Sai bộn Thân Nhân-Trung soạn bộ *Thiên nam dư hạ tập* và *Thân chinh kỷ sự*.

TQ *Minh Hiến-tông, Thành-hóa, năm 19*

1484, GIÁP-THÌN

VN *Lê Thánh-tông, Hồng-đức, năm 15*

Dựng đài Tiên-nông và đài Quan-canh.

TQ *Minh Hiến-tông, Thành-hóa, năm 20*

1485, ẤT-TY

VN *Lê Thánh-tông, Hồng-đức, năm 16*

Quan thái-phó Tĩnh-quốc công Lê-Niệm chết.

TQ *Minh Hiến-tông, Thành-hóa, năm 21*

NK Vua nước Anh thua mà chết, Hanh-lợi đệ thất (Henri VII) lập triều-đình Đa-thích-nhĩ (Tudor).

1486, BÍNH-NGỌ

VN *Lê Thánh-tông, Hồng-đức, năm 17*

TQ *Minh Hiến-tông, Thành-hóa, năm 22*

NK Người Bồ-đào-nha đến mũi phía nam Phi-châu gọi là Hảo-vọng giác (Cap de Bonne Espérance).

1487, ĐINH-VỊ

VN *Lê Thánh-tông, Hồng-đức, năm 18*

TQ *Minh Hiến-tông, Thành-hóa, năm 23*

NB Cải nguyên là Trường-hanh.

1488, MẬU-THÂN

VN *Lê Thánh-tông, Hồng-đức, năm 19*

Vua đến Lam-kinh.

TQ *Minh Hiều-tông, Hoảng-trị, nguyên-niên*

Thổ-lỗ-phiên giết Trung-thuận vương.

Sáp-Thương, lại chiếm cứ Sáp-mật.

1489, KỶ-DẬU

VN *Lê Thánh-tông, Hồng-đức, năm 20*

TQ *Minh Hiều-tông, Hoảng-trị, năm 2*

NB Cải nguyên là Diên-đức.

1490, CANH-TUẤT

VN *Lê Thánh-tông, Hồng-đức, năm 21*

Chia trong nước làm 13 xứ.

TQ *Minh Hiều-tông, Hoảng-trị, năm 3*

NB Huệ-lâm-viện Túc-lợi-nghĩa-thực thuộc dòng Vũ-vương thứ 19.

1491, TÂN-HỢI

VN *Lê Thánh-tông, Hồng-đức, năm 22*

Vua đến Tây-kinh.

- TQ *Minh Hiếu-tông, Hoằng-trị, năm 4*
1492, NHÂM-TÝ
VN *Lê Thánh-tông, Hồng-đức, năm 23*
TQ *Minh Hiếu-tông, Hoằng-trị, năm 5*
NK Nước Cồ-lập-na-đạt (Grenade) mất.
Kha-luân-bổ (Christophe Colomb) đi về phía tây
Đại-tây dương và phát kiến Cồ-ba (Cuba).
Nhật-bản cải nguyên là Minh-ưng
- 1494, GIÁP-DẦN
VN *Lê Thánh-tông, Hồng-đức, năm 25*
TQ *Minh Hiếu-tông, Hoằng-trị, năm 7*
NB Pháp-trú-viện Túc-lợi-nghĩa-trừng thuộc dòng Vũ-
vương thứ 20.
- 1495, ẤT-MÃO
VN *Lê Thánh-tông, Hồng-đức, năm 26*
Chế ra 9 khúc ca Quỳnh-uyển.
TQ *Minh Hiếu-tông, Hoằng-trị, năm 8*
NK Ở Triều-tiên, đời thứ 10, Yên-sơn quân, nguyên-niên.
- 1496, BÍNH-THÌN
VN *Lê Thánh-tông, Hồng-đức, năm 27*
Vua đến Tây-kinh.
TQ *Minh Hiếu-tông, Hoằng-trị, năm 9*
- 1497, ĐINH-TÝ
VN *Lê Thánh-tông, Hồng-đức, năm 28*
Mùa xuân, tháng giêng. Thành-tông băng, Thái-tử
lên ngôi.
TQ *Minh Hiếu-tông, Hoằng-trị, năm 10*
- 1498, MẬU-NGỌ
VN *Lê Hiến-tông, Cảnh-thông, nguyên-niên*
Sai sứ tuần hành quận huyện.
TQ *Minh Hiếu-tông, Hoằng-trị, năm 11*
Vương-Việt phá Tiều Vương-tử ở Hạ-lan sơn.
NK Người nước Bồ-đào-nha bắt đầu đi thuyền đến Ấn-độ.
- 1499, KỶ-VỊ
VN *Lê Hiến-tông, Cảnh-thông, năm 2*
Cấm cưới phụ-nữ nước Chiêm-thành và bắt dân
Mán bán làm nô-tỳ.

Định lại lệ nộp thóc để nhận chức quan.

Lập con là Thuần làm Thái-tử.

TQ *Minh Hiều-tông, Hoằng-trị, năm 12*

1500, CANH-THÂN

VN *Lê Hiến-tông, Cảnh-thông, năm 3*

Sứ nhà Minh sang dụ tế và sách phong.

TQ *Minh Hiều-tông, Hoằng-trị, năm 13*

1501, TÂN-DẬU

VN *Lê Hiến-tông, Cảnh-thông, năm 4*

Vua đến Tây-kinh.

TQ *Minh Hiều-tông, Hoằng-trị, năm 14*

NB *Hậu Bách - nguyên Thiên - hoàng (Go - kashiwabara),
nguyên-niên*

Thiên-hoàng thứ 104 của Nhật-bản, kiến-nguyên là Văn-quy.

1504, GIÁP-TÝ thứ 74

VN *Lê Túc-tông, Thái-trinh, nguyên-niên*

Tên là Thuần, con của Hiến-tông ở ngôi được 1 năm.
Mùa hạ, tháng năm, Hiến-tông băng; Thái-tử
lên ngôi.

Đoàn-Thế-Nùng ở Cao-bắc làm phản, phải chịu
tội chết.

Tháng chạp Túc-tông băng; bọn đại thần Lê-Quảng-
Độ rước người anh dòng thứ của ngài lên ngôi.

TQ *Minh Hiều-tông, Hoằng-trị, năm 17*

NB Cải nguyên là Vĩnh-chính.

1505, ẤT-SỬU

VN *Lê Uy-mục đế, Đoan-khánh, nguyên-niên*

Tên là Huyền, con của Hiến-tông ở ngôi được
5 năm, bị Giản-tu công là Oanh giết.

Thái-hoàng Thái-hậu bị giết.

Giết Lê-bộ thượng-thư Đàm-văn-Lễ và Đô-ngự-sử
Nguyễn-quang-Bật.

TQ *Minh Hiều-tông, Hoằng-trị, năm 18*

Hiếu-tông băng. Lưu-Kiện, Lý-Đông-Dương phụ
chính.

NK Người Bồ-đào-nha đặt Tổng-đốc ở Ấn-độ.

Nhật-bản cải nguyên là Vĩnh-trấn.

1506, BÍNH-DẪN

VN *Lê Uy-mục đề, Đoan-khánh, năm 2*

TQ *Minh Vũ-tông, Chính-đức, nguyên-niên*

Tên là Hậu-Chiếu, con của Hiếu-tông ở ngôi được 16 năm.

Dùng Lưu-Cần giữ Tư-lễ-giám.

NK Kha-luân-bổ (Christophe Colomb) chết.

Nhật-bản cải nguyên là Di-lặc, nguyên-niên.

1507, ĐÌNH-MÃO

VN *Lê Uy-mục đề, Đoan-khánh, năm 3*

Vua đến Tây-kinh.

Sứ nhà Minh sang dụ tế và sách phong.

Sai sứ sang nhà Minh.

TQ *Minh Vũ-tông, Chính-đức, năm 2*

Lưu-Cần giả thác chiếu vua đánh dòn gian đảng ở triều.

NK Ở Triều-tiên, đời thứ 11, Trung-tông Cung-hy vương, nguyên-niên.

1508, MẬU-THÌN

VN *Lê Uy-mục đề, Đoan-khánh, năm 4*

Dùng Mạc-Đặng-Dung làm Thiên-vũ-vệ chỉ-huy-ty đô-chỉ-huy-sứ.

Sai bọn Lê-Tử-Vân đi kinh-lý Quảng-nam.

TQ *Minh Vũ-tông, Chính-đức, năm 3*

Bắt triều-sĩ hơn 300 người hạ ngục.

1509, KỶ-TY

VN *Lê Tương-dực đề, Hồng-thuận, nguyên-niên*

Tên là Oanh, con của Kiến-vương (tên Tân), ở ngôi được 8 năm bị Trịnh-Duy-Sản giết.

Tháng chạp Giản-tu công là Oanh giết Uy-mục đề rồi lên làm vua.

TQ *Minh Vũ-tông, Chính-đức, năm 4*

1510, CANH-NGỌ

VN *Lê Tương-dực đề, Hồng-thuận, năm 2*

Luận công khi lâm nạn, cho bọn Nguyễn-Văn-Lang quan tước.

Bắt đầu đặt qnan Đề-lãnh ở bốn thành.

Ai-lao xin nội phụ vào nước ta, bị từ khước.

Lương-đắc-Bằng dâng 14 kẻ-sách binh-trị.

TQ *Minh Vũ-tông, Chính-đức, năm 5*
An-hóa vương làm phản bị đánh dẹp yên.
Lưu-Cần chịu tội chết.

1511, TÂN-VỊ

VN *Lê Tương-dực đề, Hồng-thuận, năm 3*
Vua đến Tây-kinh.
Vũ-Quỳnh soạn xong sách *Đại-Việt thông-giám*.
Phong Mạc-Đăng-Dung làm Vũ-xuyên bá.
Ban bố *Bình-trị bảo phạm* cho thiên hạ.
Trần-Tuân ở Sơn-tây làm loạn bị Trịnh-Duy-Sản giết.

TQ *Minh Vũ-tông, Chính-đức, năm 6*

1512, NHÂM-THÂN

VN *Lê Tương-dực đề, Hồng-thuận, năm 4*
Sai bọn Đỗ-Nhạc đánh dư đảng Trần-Tuân.
Bọn Lê-Hy cử binh ở Nghệ-an bị đánh giết.
Dựng điện 100 nóc và đài 9 tầng.

TQ *Minh Vũ-tông, Chính-đức, năm 7*

1513, QUÝ-DẬU

VN *Lê Tương-dực đề, Hồng-thuận, năm 5*
Tề-tướng Thượng-tề Nguyễn-Văn-Lang chết.
Sứ nhà Minh sang sách phong.

TQ *Minh Vũ-tông, Chính-đức, năm 8*

1514, GIÁP-TUẤT

VN *Lê Tương-dực đề, Hồng-thuận, năm 6*
Vua đến Tây-kinh.
Xây thành ở bên sông Tô-lich.
TQ *Minh Vũ-tông, Chính-đức, năm 9*
Làm Càn-thanh cung, thêm thuế trong thiên-hạ
100 vạn.

1515, ẤT-HỢI

VN *Lê Tương-dực đề, Hồng-thuận, năm 7*
Phùng-Chương ở Sơn-tây làm loạn bị đánh dẹp yên.
Bọn Đặng-Hân ở Thanh-hóa làm loạn bị dẹp yên.
Năm sau Trần-Công-Ninh ở An-lãng làm loạn, vua
thân chinh đánh dẹp yên.

TQ *Minh Vũ-tông, Chính-đức, năm 10*

1516, BÍNH-TÝ

VN *Lê Chiêu-tông, Quang-thiệu, nguyên-niên*

Tên Ý, là tăng-tôn của Thánh-tông, ở ngôi được 11 năm.

Tương-dục để đánh Trần-Cao.

Trịnh-Sản giết Tương-dục để, lập vua Chiêu-tông.

Trần-Cao hãm kinh-thành, bị vua đánh bại.

Trịnh-Sản đánh Trần-Cao bị Trần-Cao giết.

Trần-Chân cả phá Trần-Cao.

TQ *Minh Vũ-tông, Chính-đức, năm 11*

1517, ĐINH-SỬU

VN *Lê Chiêu-tông, Quang-thiệu, năm 2*

Nguyễn-Hoảng-Dụ và Trịnh-Tuy đánh nhau.

TQ *Minh Vũ-tông, Chính-đức, năm 12*

Vua tự xưng là Tổng-đốc quân-vụ Uy-vũ-đại-tướng quân.

NK Người Đức là Lô-đức (Luther) xưng lên Da-tô giáo, từ đây tôn-giáo chia làm hai, là Tân và Cựu.

1518, MẬU-DẦN

VN *Lê Chiêu-tông, Quang-thiệu, năm 3*

Thêm tước Mạc-Đăng-Dung làm Vũ-xuyên hầu.

Giết Thiết-sơn bá Trần-Chân, đảng của Trần-Chân là Hoàng-Nhạc làm loạn.

Vua đến Gia-lâm.

Đăng-Dung dời vua về Bồ-đề rồi lại dời về Bảo-châu.

Bọn Trịnh-Tuy, Nguyễn-Sur làm phản, vua xuống chiếu trưng vời Nguyễn-Hoảng-Dụ giúp vua.

Khiến Đăng-Dung thống lãnh các doanh thủy và bộ.

TQ *Minh Vũ-tông, Chính-đức, năm 13*

1519, KỶ-MÃO

VN *Lê Chiêu-tông, Quang-thiệu, năm 4*

Vua đến Bồ-đề, Trịnh-Tuy trốn.

Vua sai Đăng-Dung đánh bọn Lê-Do, Nguyễn-Sur và bắt được giết đi.

Vua trở về cung phong Mạc-Đăng-Dung làm Minh quận-công.

TQ *Minh Vũ-tông, Chính-đức, năm 14*

Ninh-vương làm phản bị Vương-Thủ-Nhân dẹp yên.

Vua thân chinh, trú ở Nam-kinh.

NK Tây-ban-nha xâm lược Mạc-tây-kha (Mexique).

1520, CANH-THÌN

VN *Lê Chiêu-tông, Quang-thiệu, năm 5*

Con em của vị tù-trưởng thổ dân ở Thuận-hóa đốc-suất người bôn-xứ đánh ép thành-trị, đuổi quan Tổng-binh Phạm-Văn-Huấn.

TQ *Minh Vũ-tông, Chính-đức, năm 15*

NK Lộ-đức (Luther) đốt sắc-lệnh tước tịch của Giáo-hoàng.

Mạch-triết-luân (Magellan) đi qua eo biển Mạch-triết.

1521, TÂN-TY

VN *Lê Chiêu-tông, Quang-thiệu, năm 6*

Gia phong Mạc-Đăng-Dung làm Nhân quốc-công.

Sai Mạc-Đăng-Dung đánh Trần-Thắng ở Lạng-sơn và đánh đuổi được.

TQ *Minh Vũ-tông, Chính-đức, năm 16*

Vũ-tông băng, Dương-Đình-Hòa rước Hưng-vương làm vua.

NK Mạch-triết-luân (Magellan) bị giết ở Phi-luật-tân.

Nhật-bản cải nguyên là Đại-vĩnh, Vạn-tùng-viện Túc-lợi nghĩa-tĩnh dòng Vũ-vương thứ 21.

1522, NHÂM-NGỌ

VN *Lê Chiêu-tông, Quang-thiệu, năm 7*

Vua di Mộng-sơn, Đăng-Dung lập Hoàng-dệ tên Xuân làm vua, cải nguyên là Thống-nguyên.

Vua di Từ-liêm rồi lại trở về dừng nghỉ ở Thượng-an quyết.

Trịnh-Tuy bắt vua trở về Thanh-hóa.

Giang-Văn-Dụ dấy binh đánh Đăng-Dung không thắng.

Hoàng-dệ Xuân trở về Gia-phúc, trú ở Bồ-đề.

TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, nguyên-niên*

Tên là Hậu-Thông, cháu của Hiến-tông, ở ngôi được 45 năm.

NK Lộ-đức (Luther) trở về ẩn ở Uy-đinh-bảo (Wartburg).

1523, QUỠY-VỊ

VN *Lê Chiêu-tông, Quang-thiệu, năm 8*

Trịnh-Tuy dời vua về châu Lương-chính. Đăng-Dung mạo chiếu của Hoàng-dệ Xuân phế vua Chiêu-tông làm Đà-dương vương.

- TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 2*
NK Người Thụy-diên ly khai Đan-mạch, đề độc lập, rước Ngỗa-tát (Gustave Ier Vasa) làm vua.
1524. GIÁP-THÂN
VN *Lê Chiêu-tông, Quang-thiệu, năm 9*
TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 3*
Truy tôn Hoàng khảo Hưng-hiến vương làm Hoàng-đế.
1525. ẤT-DẬU
VN *Lê Chiêu-tông, Quang-thiệu, năm 10*
Đặng-Dung đánh bại Trịnh-Tuy rồi bắt vua trở về Đông-hà.
Thái-tổ Gia-dụ hoàng-đế dẫn sinh.
TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 4*
1526. BÍNH-TUẤT
VN *Lê Chiêu-tông, Quang-thiệu, năm 11*
Vua ở Đông-hà bị Đặng-Dung giết.
TQ *Minh Thê-tổ, Gia-tĩnh, năm 5*
Ba-bái-nhĩ (Baber) lấy Ấn-độ, lập Mông-ngột-nhi đế quốc (Empire mongol).
1527. ĐINH-HỢI
VN *Hoàng-đệ Xuân, Thông-nguyên, năm 6*
Ngụy Mạc Minh-đức, nguyên-niên
Đặng-Dung tự làm An-hưng vương, gia cửu tích (được ban cho 9 vật quý). Tháng 6 Mạc-Đặng-Dung tự xưng đế, ép Hoàng-đệ Xuân nhường ngôi, rồi phế xuống làm Cung-vương, rồi lại giết đi.
Mạc-Đặng-Dung, người ở Cồ-trai (Hải-dương) tiến ngôi được 3 năm.
TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 6*
NB *Hậu Nại-lương Thiên-hoàng.*
1528. MẬU-TÝ
VN *Ngụy Mạc Minh-đức, năm 2*
Đức tiền chi mới.
Bọn Lê-Công-Uyên đánh Đặng-Dung không thắng.
TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 7*
NB Cải nguyên là Hanh-lộc.
1529. KỶ-SỬU
VN *Ngụy Mạc Minh-đức, năm 3*

Triệu-tổ Tĩnh hoàng-đế dấy binh ở Ai-lao.

Đặng-Dung mở khoa thi hội.

TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 8*
1530, CANH-DẦN

VN *Nguy Mạc-Đặng-Doanh, Đại-chính, nguyên-niên*

Là con Đặng-Dung ; Đặng-Dung truyền ngôi cho được 11 năm.

Đặng-Dung truyền ngôi, tự xưng là Thái-thượng hoàng, trở về ở Cổ-trai.

Lê-Ý, người Thanh-hóa dấy binh ở Liễu-châu đánh bại Đặng-Dung ở sông Mã, tiến binh ra Tây-đô rồi bị binh của họ Mạc đánh bại mà chết.

TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 9*

Đổi niên-lê cùng tế ở miếu Khổng-tử, tôn Khổng-tử gọi là Chí-thánh tiên-sư.

1532, NHÂM-THÌN

VN *Nguy Mạc-Đặng-Doanh, Đại-chính, năm 3*

TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 11*

NK Mở hội-nghị tôn-giáo ở Noa-noa-ni-bảo (Áo-cổ-tư-bảo = Genève ?) công nhận Tân-giáo.
Nhật-bản cải-nguyên là Thiên-văn.

1533, QUÝ-TY

VN *Lê Trang-tông, Nguyên-hòa, nguyên-niên*

Tên là Ninh, con của Chiêu-tông.

Triệu-tổ Tĩnh hoàng-đế của triều ta (Nguyễn) rước ngài lên ngôi, trị vì được 16 năm. Vua lên ngôi ở Ai-lao tấn phong Triệu-tổ Tĩnh hoàng-đế của triều ta (Nguyễn) làm Thượng-phụ thái-sư Hưng-quốc công, nắm giữ cả việc trong ngoài.

Thông hiếu với Ai-lao.

TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 12*

1536, BÍNH-THẦN

VN *Lê Trang-tông, Nguyên-hòa, năm 4*

Lại sai sứ sang nhà Minh.

TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 15*

1537, ĐINH-DẬU

VN *Lê Trang-tông, Nguyên-hòa, năm 5*

Nhà Minh sai Cừu-Loan, Mao-Bá-Ôn đánh Mạc-Đặng-Dung. Năm sau nhà Mạc sai sứ xin hàng.

- TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 16*
1539, KỶ-HỢI
VN *Lê Trang-tông, Nguyên-hòa, năm 7*
Khiến bọn đại-tướng Trịnh-Kiểm vây Thanh-hóa và cả thẳng binh họ Mạc ở Lôi-dương.
- TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 18*
1540, CANH-TÝ
VN *Lê Trang-tông, Nguyên-hòa, năm 8*
Nhà Mạc, Đại-chính, năm 11
Đặng-Doanh chết, con là Phúc-Hải nối ngôi.
Binh của Mao-Bá-Ôn nhà Minh đến ngoài quan-ải,
Đặng-Dung đến quân môn đầu hàng, lấy đất 5 động
hồi lộ nhà Minh.
Vị Triệu-tổ Tĩnh hoàng-đế triều ta (Nguyễn) vây
Nghệ-an.
- TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 19*
1541, TÂN-SỬU
VN *Lê Trang-tông, Nguyên-hòa, năm 9*
Mạc Phúc-hải, Quảng-hòa, nguyên-niên
Mạc Đặng-Dung chết.
Nhà Minh đòi nước An-nam ra An-nam Đô-thống
sứ-ty, cho Đặng-Dung làm Đô-thống-sứ, sau Đặng-
Dung chết, lại cho người cháu của Đặng-Dung là
Phúc-Hải nối nghiệp.
- TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 20*
1542, NHÂM-DẦN
VN *Lê Trang-tông, Nguyên-hòa, năm 10*
Vua tự làm tướng vây Thanh-hóa.
- TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 21*
Nghiêm-Tung làm đại-học sĩ.
Đưa tỳ trong cung là Dương-Kim-Anh toan thí vua,
không xong phải chịu tội chết.
- 1543, QUỲ-MÃO
VN *Lê Trang-tông, Nguyên-hòa, năm 11*
Vua tiến binh ra Tây-dô. Tướng nhà Mạc là Dương-
Chấp-Nhất đầu hàng.
Thăng chức cho Triệu-tổ Tĩnh hoàng-đế của triều
ta (Nguyễn) làm Thái-tề.
- TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 22*

1545, **ẤT-Từ**

VN *Lê Trang-tông, Nguyên-hòa, năm 13*

Triệu-tổ Tĩnh hoàng-đế của triều ta (Nguyễn) rước vua đi đánh Sơn-nam.

Tháng 5, Triệu-tổ Tĩnh hoàng-đế triều ta băng.

Thái-tổ Gia-dụ hoàng-đế làm Hạ-khe hầu lãnh binh đánh quân giặc,

Dương-Chấp-Nhất trốn trở về với họ Mạc.

Dùng Trịnh-Kiểm làm Đô-tướng, gia phong tước Lượng quốc-công.

TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 24*

Vòi Hạ-Ngôn trở vào nội các.

NK Đắc-lâm-thoát (Trente) bắt đầu mở hội nghị tôn-giáo.

Ở Triều-tiên, đời thứ 12, Nhân-tông Vinh-tĩnh vương, nguyên-niên.

1546, **BÍNH-NGỌ**

VN *Lê Trang-tông, Nguyên-hòa, năm 14*

Lập hành-diện ở sách Vạn-lại.

Nhà Mạc, Quảng-hòa, năm 6

Phúc-Hải chết, con là Phúc-Nguyên lên ngôi.

TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 25*

Tăng-Tiền làm tổng-đốc quân-vụ Thiêm-tây.

NK Nước Đức và vị Minh-trưởng Tân-giáo ở Tát-khắc-sâm (Saxe) đánh nhau.

Ở Triều-tiên, đời thứ 13, Minh-tông Cung-hiến vương, nguyên-niên.

1547, **ĐINH-VỊ**

VN *Lê Trang-tông, Nguyên-hòa, năm 15*

Mạc-Phúc-Nguyên, Vinh-định, nguyên-niên

TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 26*

NB Quang-nguyên-viện Túc-lợi-nghĩa-huy, dòng Vũ-vương thứ 22.

1548, **MẬU-THÂN**

VN *Lê Trang-tông, Nguyên-hòa, năm 16*

Nhà Mạc, Cảnh-lịch, nguyên-niên

Mùa xuân, tháng giêng, Trang-tông băng.

Thái-tử tên là Huyền lên ngôi.

- TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 27*
Giết Hạ-Ngôn và Tăng-Tiền.
- 1549, KỶ-DẬU
- VN *Lê Trung-tông, Thuận-bình, nguyên-niên*
Tên là Huyền, con của Trang-tông, ở ngôi được 8 năm.
Mạc-Phúc-Nguyên dời ra ở ngoài thành Thăng-long.
- TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 28*
Yêm-Đáp vào cướp.
Người Oa cướp phá ở Chiết-đông.
Đoá-Nhan xâm phạm Liêu-đông.
- 1550, CANH-TUẤT
- VN *Lê Trung-tông, Thuận-bình, năm 2*
Bọn tướng nhà Mạc là Lê-Bá-Ly, Nguyễn-Thiến đầu hàng.
- TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 29*
Yêm-Đáp xâm phạm kinh-đô, đốt phá cướp bóc rồi đi
- NK Vua nước Anh và Pháp hòa nhau.
- 1551, TÂN-HỢI
- VN *Lê Trung-tông, Thuận-bình, năm 3*
Khiến binh đánh Đông-kinh, Phúc-Nguyên chạy ra Kim-thành.
- TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 30*
Mở chợ buôn ngựa.
- 1552, NHÂM-TÝ
- VN *Lê Trung-tông, Thuận-bình, năm 4*
Quân nhà vua dẹp yên Thuận-hóa, thừa thắng bình định Quảng-nam, đặt quan chia quân trấn-định phủ-an hai nơi ấy.
- TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 31*
Cừu-Loan chết và bị phơi thây.
Từ-Giai làm đại-học-sĩ.
- NK Nước Nga diệt Khách-sơn (Kazan).
- 1553, QUỶ-SỬU
- VN *Lê Trung-tông, Thuận-bình, năm 5*
Dời hành-tại về An-trường.
- TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 32*
Yêm-Đáp cất đại binh vào cướp phá.

NK Vua nước Anh bằng, người chị là Mã-lợi (Marie) lên ngôi, cấm đạo Da-tô (Tân-giáo).

1554, GIÁP-DẦN

VN Lê Trung-tông, Thuận-bình, năm 6

Bắt đầu đặt ra chế-khoa.

Mạc cải nguyên là Quang-bảo.

TQ Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 33

Người Oa cướp phá vùng Giang, Chiết.

NK Nước Nga diệt A-tư-thoát-thích-hãn (Astrakhan).

1555, ẤT-MÃO

VN Lê Trung-tông, Thuận-bình, năm 7

Mạc Kinh-Điền cướp phá Thanh-hóa, bị Thái-sư Kiểm đánh bại.

TQ Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 34

Giết tổng-đốc Trương-Kinh và Dương-Kế-Thịnh.

NK Vua nước Nga là Y-phàm (Ivan) bắt đầu lấy Tây-bá-lợi-á (Sibérie).

Nhật-bản cải nguyên, là Hoảng-trị.

1556, BÍNH-THÌN

VN Lê Trung-tông, Thuận-bình, năm 8

Mùa xuân, tháng giêng, Trung-tông băng. Thái-sư Trịnh-Kiểm và bảy tôi rước cháu huyền-tôn của Lam quốc-công là Duy-Bang lên ngôi.

TQ Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 35

Sai Công - bộ thượng - thư Triệu - Văn - Hoa thị sát quân-đội ở Giang-nam.

NK Hoàng-đế Mông-cổ là Á-cách-bá (Akbar) lên ngôi.

1557, ĐINH-TY

VN Lê Anh-tông, Thiên-hựu, nguyên-niên

Tên là Duy-Bang, ở ngôi được 16 năm bị Trịnh-Tùng giết.

Mạc Kinh-Điền lại cướp phá Thanh-hóa, bị Thái-sư Kiểm đánh úp phá được.

Quan thái-phó Phạm-Đốc đánh bại tướng nhà Mạc ở Nghệ-an.

Thái-sư Kiểm lấy được Sơn-nam, tiến đến Giao-thủy bị nhà Mạc đánh bại, dẫn quân trở về Thanh-hóa,

TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 36*

Người Bồ lấy Áo-môn.

Hồ-Tôn-Hiến dụ giết được tên giặc biển Uông-Trực.

1558, MẬU-NGỌ

VN *Lê Anh-tông, Chính-trị, nguyên-niên*

Thái-sur Kiềm lại vây Sơn-nam.

Thái-tổ Gia-dụ hoàng-đế của triều ta đi trấn ở Thuận-hóa, bắt đầu đóng doanh ở Ái-tử, người thời đó gọi là Chúa Tiên. Là con thứ 2 của Triệu-tổ, ở ngôi được 56 năm, thọ 89 tuổi, an táng tại lăng Trường-cơ.

TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 37*

NB *Chính Thân-đỉnh Thiên-hoàng (Ogimachi), nguyên-niên*

Thiên-hoàng thứ 106 của Nhật-bản, kiến nguyên là Vĩnh-lộc.

1559, KỶ-VỊ

VN *Lê Anh-tông, Chính-trị, năm 2*

Sai Thái-sur cất đại quân đánh đất Bắc.

TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 38*

1360, CANH-THÂN

VN *Lê Anh-tông, Chính-trị, năm 3*

Mạc Phúc-Nguyên chạy ra Thanh-đàm.

TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 39*

1561, TÂN-DẬU

VN *Lê Anh-tông, Chính-trị, năm 4*

Mạc Kinh-Điền lại vào cướp phá Thanh-hóa, quan quân thất lợi bèn thoái về An-trường; Kinh-Điền lại cướp phá An-trường, bị Vũ-Sur-Thước, Lại-Thế-Khanh đánh đuổi.

Năm Quang-bảo thứ 8 nhà Mạc, Phúc-Nguyên chết, con là Mậu-Hợp nối ngôi.

TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 40*

1562, NHÂM-TUẤT

VN *Lê Anh-tông, Chính-trị, năm 5*

Mạc Mậu-Hợp, Thuần-phúc, nguyên-niên

Mở trường thi hương ở Tây-đô.

Thái-sur Kiềm lại ra Sơn-nam.

TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 41*

Bất Nghiêm-Tung và con là Thế-Phồn hạ ngục.

NK Người Pháp bắt đầu khai-thác đất-đai ở Mỹ-châu.

1563, QUỶ-HỢI

VN *Lê Anh-tông, Chính-trị, năm 6*

TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 42*

Nhật-bản công hãm Bình-hải, bị Thích-Kế-Quang đánh đuổi.

NK Vua nước Pháp cho phép dân tin theo Tân-giáo. Anh, Pháp đánh nhau.

1564, GIÁP-TỶ thứ 75

VN *Lê Anh-tông, Chính-trị, năm 7*

Ai-lao vào cống.

Mở đường núi từ Thanh-hóa đến Sơn-nam.

Thái-sur Kiềm đem quân trở về Thanh-hóa.

TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 43*

1565, ÂT-SỬU

VN *Lê Anh-tông, Chính-trị, năm 8*

Thái-sur Kiềm đánh Trường-an và lấy được.

Mạc Kính-Điền cướp phá Thanh-hóa, quan quân thất lợi.

TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 44*

Nghiêm-Thế-Phồn bị tội chết.

NK Tây-ban-nha lấy Phi-luật-tân.

1566, BÍNH-DẦN

VN *Lê Anh-tông, Chính-trị, năm 9*

Thái-sur Kiềm ra Sơn-nam đến Gia-viễn mà trở về.

Mạc cải nguyên là Sùng-khang.

TQ *Minh Thê-tông, Gia-tĩnh, năm 45*

Thế-tông băng, di chiếu bãi bỏ những chính lệnh bất tiện.

1567, ĐINH-MÃO

VN *Lê Anh-tông, Chính-trị, năm 10*

TQ *Minh Mục-tông, Long-khánh, nguyên-niên*

Tên là Tả-Hậu, con của Thế-tông, ở ngôi được 6 năm.

Trương-Cư-Chính làm đại-học-sĩ.

NK Vua Tô-cách-lan là Mã-lợi (Marie) nhường ngôi chạy sang nước Anh.

Vua Tây-ban-nha là Phi-lục đệ lục (Philippe VI) gởi tin đồ Tân-giáo Hà-lan.

Ở Nhật-bản, Túc-lợi-nghĩa-vinh, dòng Vũ-vương thứ 23.

Ở Triều-tiên, đời thứ 14, Tuyên-tổ Chiêu-kính vương, nguyên-niên.

1368, MẬU-THÌN

VN *Lê Anh-tông, Chính-trị, năm 11*

Quan Tổng-trấn Quảng-nam Bùi-Tá-Hán chết, dùng Nguyễn-Bá-Quỳnh làm Tổng-binh thay thế trấn thủ đất ấy.

TQ *Minh Mục-tông, Long-khánh, năm 2*

Đó đốc Thích-Kế-Quang thủ Kế-môn.

NK Hà-lan độc lập.

Ở Nhật-bản, Linh-dương-viện Túc-lợi-nghĩa-chiêu, dòng Vũ-vương thứ 24.

1569, KỶ-TỶ

VN *Lê Anh-tông, Chính-trị, năm 12*

Gia tước cho Thái-sur Kiểm là Thượng-tướng Thái quốc-công thượng-phụ.

Thái-tổ Gia-dụ hoàng-đế của triều ta (Nguyễn) đi Tây-kinh yết-kiến vua Lê ở hành-tại An-trường.

TQ *Minh Mục-tông, Long-khánh, năm 3*

NB Cải nguyên là Nguyên-quy.

1570. CANH-NGỌ

VN *Lê Anh-tông, Chính-trị, năm 13*

Thái-tổ Gia-dụ hoàng-đế triều ta từ Tây-kinh trở về, thống lãnh những xứ Thuận-hóa, Quảng-nam. Trịnh-Kiểm chết, truy tặng là Minh-khang vương ; con là Cối lên thay. Trịnh-Cối, Trịnh-Tùng cầm binh đánh nhau.

Kinh-Điền cướp phá Thanh-hóa, Trịnh-Cối đầu hàng nhà Mạc.

Dùng Trịnh-Tùng làm Thống-binh.

Vua tự làm tướng đánh đuổi Kinh-Điền.

TQ *Minh Mục-tông, Long-khánh, năm 4*

1571, TÂN-VỊ

VN *Lê Anh-tông, Chính-trị, năm 14*

Gia tước Trịnh-Tùng làm Thái-úy Trưởng-quốc-công.

Mỹ-Lương, người ở Khang-lộc làm loạn, bị đánh dẹp yên.

Khiến Đoan-vũ hầu Lê-Cập-Đệ vây Thiên-quan.

TQ *Minh Mục-tông, Long-khánh, năm 5*

Phong Yểm-Đáp làm Thuận-nghĩa vương,

NK Thồ-nhĩ-kỳ lấy Cư-bá-la (Chypre).

1572, NHÂM-THÂN

VN *Lê Anh-tông, Hồng-phúc, nguyên-niên*

Tướng nhà Mạc là Lập-Bạo cướp phá Thuận-hóa, bị Thái-tổ Gia-dụ hoàng-đế đánh úp giết được.

Trịnh-Tùng mạo chiếu vua giết Lê-Cập-Đệ.

Vua đi Nghệ-an.

TQ *Minh Mục-tông, Long-khánh, năm 6*

Mục-tông băng.

Đại-học-sĩ Cao-Củng bị bãi chức, Trương-Cur-Chính phụ chính.

NK Vua Ba-lan lên ngôi, dùng chế-độ tuyển-cử.

1573, QUỶ-ĐẬU

VN *Lê Thê-tông, Gia-thái, nguyên-niên*

Tên là Duy-Đàm, con của Anh-tông, ở ngôi được 27 năm,

Anh-tông đi Nghệ-an. Trịnh-Tùng rước vua Thê-tông lập làm vua. Trịnh-Tùng giết vua Anh-tông ở Lôi-dương, tự gia chức là Đô-tướng tiết-chế.

Thái-tổ Gia-dụ hoàng-đế được tấn phong Thái-phó.

Nhà Mạc xâm phạm An-trường.

Vũ-Công-Kỷ trấn Đại-dồng.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, nguyên-niên*

Tên là Dục-Quân, con của Mục-tông, ở ngôi được 48 năm.

NK Thái-hậu nước Pháp tàn sát tín-đồ Tân-giáo.

Nhật-bản cải nguyên là Thiên-chính.

1574, GIÁP-TUẤT

VN *Lê Thê-tông, Gia-thái, năm 2*

Nguyễn - Quyện nhà Mạc xâm phạm Nghệ-an. Sai Tấn quận-công Trịnh-Mô, Lai quận-công Phan-Công-Tích đến cứu.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 2*

1575, **ẤT-HỢI**

VN *Lê Thê-tông, Gia-thái, năm 3*
Mạc-Kinh-Điền, Nguyễn-Quyện đến xâm phạm.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 3*

1576, **BÍNH-TÝ**

VN *Lê Thê-tông, Gia-thái, năm 4*
Nguyễn-Quyện lại cướp phá Nghệ-an.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 4*

1577, **ĐINH-SỬU**

VN *Lê Thê-tông, Gia-thái, năm 5*
Kính-Điền xâm-phạm Đồng-cổ giang, bị Trịnh-Tùng đánh đuổi.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 5*

1578, **MẬU-DẦN**

VN *Lê Thê-tông, Quang-hưng, nguyên-niên*
Kính-Điền lại xâm-phạm Thanh-hoa, bị Trịnh-Tùng cả phá.

Mạc cải nguyên là Diên-thành.

Vũ-Công-Kỷ cả phá Mạc-Ngọc-Liên ở Thu-châu.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 6*

NB Tổng-kiến-viện Chức-diên-tín-trưởng, thuộc dòng
Vũ-vương thứ 25.

1579, **KỶ-MÃO**

VN *Lê Thê-tông, Quang-hưng, năm 2*
Mạc Kinh-Điền cướp phá Hà-trung, bị thái-phó
Đặng-Huấn đánh bại, Kinh-Điền bệnh mà chết.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 7*
Hủy bỏ thư-viện trong thiên-hạ làm công sương
(nhà cồng).

NK Bảy châu của Hòa-lan hợp sức chống cự quân
Tây-ban-nha.

1580, **CANH-THÌN**

VN *Lê Thê-tông, Quang-hưng, năm 3*
Lại mở khoa thi hội.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 8*
Đo ruộng trong nước.
Vua Đông-di là Ngột-Đường cướp phá biên cảnh,
bị Lý-Thành-Lương đánh bại.

- NK Vua nước Bồ-đào-nha là Hanh-lợi (Henri) chết,
vua nước Tây-ban-nha thay thế thâu gồm nước ấy.
- 1581, TÂN-TY
- VN Lê Thê-tông, Quang-hưng, năm 4
Mạc-Đôn-Nhượng đến xâm phạm, bị bọn Hoàng-
Đĩnh-Ái đánh bại.
- TQ Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 9
Thổ-Mặc-Đặc xâm phạm Liêu-dương.
- NK Hòa-lan dựng nên nước Cộng-hòa.
- 1582, NHÂM-NGỌ
- VN Lê Thê-tông, Quang-hưng, năm 5
- TQ Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 10
Lợi-mã-đậu (Matteo Ricci) đến.
- NK Giáo hoàng Ngạch-ngã-lược (Gregoire) thứ XIII đổi
lich-pháp, tức là dương-lich bây giờ.
- 1583, QUÝ-VY
- VN Lê Thê-tông, Quang-hưng, năm 6
Trịnh-Tùng ra binh đánh Sơn-nam.
- TQ Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 11
Trưởng bộ-lạc Kiến-châu là Nô-Nhĩ-Sáp xưng là
Mãn-châu hãn (vua Mãn-châu) và xâm phạm Liêu-
đông.
- 1584, GIÁP-THÂN
- VN Lê Thê-tông, Quang-hưng, năm 7
Trịnh-Tùng ra Trường-an, rồi lại trở về.
- TQ Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 12
Lưu-Đĩnh dẹp yên Lũng-xuyên.
- NK Vua nước Nga là Phúc-đa-nhĩ (Fédor) đệ I lên ngôi,
bắt đầu đặt vị tướng-quân ở Tây-bá-lợi-á (Sibérie).
- 1585, ẤT-DẬU
- VN Lê Thê-tông, Quang-hưng, năm 8
Trịnh-Tùng đánh Sơn-tây và thắng được ở đấy.
- TQ Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 13
Lý-Thành-Lương đánh úp Ba-đồ-nhĩ Xước-sáp và cả
phá được.
- NK Nước Pháp nội loạn, ba Ông Hanh-lợi (Henri) đánh
nhau.
Ở Nhật-bản, Phong-thần-tứ-cát, thuộc dòng Vũ-
vương thứ 26.

1586, BÌNH-TUẤT

VN *Lê Thê-tông, Quang-hưng, năm 9*
Sứ nhà Lê đến Thuận-hóa và Quảng-nam do ~~xét~~
ruộng đất, soạn sổ bộ rồi trở về.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 14*
Phong Thần-tú-cát làm Thái-chính đại-thần.

1587, ĐÌNH-HỢI

VN *Lê Thê-tông, Quang-hưng, năm 10*
Trịnh-Tùng đánh phá Trường-an, Thiên-quan, ~~tiến~~
binh ra Mỹ-lương cả phá quân nhà Mạc.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, 15*

NB *Hậu Dương-thành Thiên-hoàng (Go-Yôzei)*
Thiên-hoàng thứ 107 của Nhật-bản.

NK Vua nước Anh giết Nữ-vương Tô-cách-lan.
Vua nước Tây-ban-nha dùng chiến hạm vô địch
đánh nước Anh.

1588, MẬU-TÝ

VN *Lê Thê-tông, Quang-hưng, năm 11*
Quân chúa Trịnh cả thắng quân nhà Mạc ở Dương-
vũ trại.

Nhà Mạc cải nguyên là Hưng-trị.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 16*

NK Nước Anh cả phá quân nước Tây-ban-nha.

1589, KỶ-SỬU

VN *Lê Thê-tông, Quang-hưng, năm 12*
Trịnh-Tùng đánh bại quân nhà Mạc ở núi Tam-
diệp, Mạc-Đôn-Kinh chạy trốn.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 17*

1590, CANH-DẦN

VN *Lê Thê-tông, Quang-hưng, năm 13*

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 18*

1591, TÂN-MÃO

VN *Lê Thê-tông, Quang-hưng, năm 14*
Trịnh-Tùng vây Sơn-tây, cả phá quân nhà Mạc ở
Phấn-thượng, tiến bức thành Thăng-long.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 19*

NB Phong-thần-tú-thứ, thuộc dòng Vũ-vương thứ 27,

1592. NHÂM-THÌN

VN *Lê Thê-tông, Quang-hưng, năm 15*

Trịnh-Tùng tấn công Thăng-long, chúa nhà Mạc là Mậu-Hợp chạy về Gia-lâm ; bắt được tướng nhà Mạc là Nguyễn-Quyện.

Mậu-Hợp chạy về Kim-thành, cho con coi tất cả việc nước, cải nguyên là Vũ-an.

Trịnh-Tùng khiến bọn Nguyễn-Văn-Khoái tấn công Kinh-bắc, bắt được Mạc-Mậu-Hợp giết đi.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lich, năm 20*

Bột-Bái ở Ninh-hạ làm loạn.

Nhật-bản công hãm Triều-tiên. Nhà Minh sai quân đi cứu viện.

NB Cải nguyên là Văn-lộc.

1593, QUÝ-TY

VN *Lê Thê-tông, Quang-hưng, năm 16*

Mạc-Kính-Chỉ chiếm cứ Thanh-lâm, lên ngôi, cải nguyên là Bảo-định, lại đổi là Khang-hựu.

Trịnh-Tùng tiến binh ra Thanh-lâm giết Kinh-Chỉ.

Xa giá đến Thăng-long. Định công trung-hưng.

Thái-tổ Gia-dụ hoàng-đế vào yết kiến vua Lê, được tiến tước là Thái-úy Đoan-quốc-công tổng binh đề đánh giặc.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lich, năm 21*

Quân đội bị bại ở Triều-tiên rồi giảng hòa.

1594, GIÁP-NGỌ

VN *Lê Thê-tông, Quang-hưng, năm 17*

Giặc cướp dấy lên ở Kinh-bắc, Thái-nguyên, Lạng-sơn.

Tướng nhà Mạc là Mạc-Ngọc-Liên lập con của Mậu-Hợp là Kính-Cung ở châu Văn-lan, hiệu là Càn-thống, chiếm cứ Lạng-sơn.

Trịnh-Tùng sai quân tấn công, Kính-Cung chạy về Long-châu.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lich, năm 22*

Xiêm-la và Trần-Dụng-Tân của Trung-quốc ước hẹn đánh hai mặt vào Miến-diện (nước Xiêm-la triều thứ 2, đời Tùng-Đường làm vua).

Công-ty tàu thủy thành lập chạy trên mặt biển nước Anh và Ấn-độ.

1595, **ÂT-VỊ**

VN *Lê Thê-tông, Quang-hưng, năm 18*
Bắt đầu cho thi điện trở lại.
Nhóm bách quan lại thê ở Nam-môn.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lich, năm 23*
Trần-Dụng-Tân thiết lập tám quan-ải ở Đẳng-xung, ước hẹn Xiêm-la đánh hai mặt vào Miến-diện.

1596, **BÍNH-THÂN**

VN *Lê Thê-tông, Quang-hưng, năm 19*
Quan trấn thủ Hải-dương là Phan-Ngạn đánh đảng nhà Mạc, bắt đảng Ngụy Tráng-vương là Kinh-Chương.
Vua đi Trấn-nam-quan rồi lại trở về kinh.
Ở Sơn-nam, Phạm-Hàng làm loạn, bị Bùi-Văn-Khuê đánh dẹp yên.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lich, năm 24*

NB Cải nguyên là Khánh-trường.

1597, **ĐINH-DẬU**

VN *Lê Thê-tông, Quang-hưng, năm 20*
Vua lại đi Trấn-nam-quan rồi lại sai bọn Phùng-Khắc-Khoan sang nhà Minh.
Khiến các thừa-tuyên đều lập trường thi hương.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lich, năm 25*
Nhật-bản lại tiến phạm Triều-tiên.
Sai Dương-Hạo kinh-lược Triều-tiên.

1598, **MẬU-TUẤT**

VN *Lê Thê-tông, Quang-hưng, năm 21*
Trịnh-Tùng cho con là Tráng làm Bình-quận-công. Thỗ-binh ở Hải-dương làm phản, bị Thái-tổ Gia-dụ hoàng-đế triều ta (Nguyễn) đánh dẹp yên.
Ngụy Uy-vương nhà Mạc là Kinh-Dụng cướp phá An-bác, Phú-lương hầu dụ và bắt được.
Dư đảng nhà Mạc cướp phá Thái-nguyên, Lạng-sơn.
Nhà Minh cho Kinh-Cung đóng ở Cao-bằng.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lich, năm 26*

NK Vua nước Pháp ban-bố sắc lệnh đặc biệt cho Tân giáo được tự do.

Ở Nhật-bản, Phong-thân-tú-lại thuộc dòng Vũ-vương
thứ 28.

1599, KỶ-HỢI

VN *Lê Thê-tông, Quang-hưng, năm 22*

Trịnh-Tùng tiến phong làm Đô-nguyên-súy, Tổng
quốc-chính, thượng-phụ An-bình vương, mở phủ đặt
thuộc lại, ấy là họ Trịnh bắt đầu thế tập tước vương.
Vũ-Đức-Cung làm phản bị đánh bại.

Thế-tông băng, con thứ là Duy-Tân lên ngôi.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lich, năm 27*

1600, CANH-TÝ

VN *Lê Kinh-tông, Thận-đức, nguyên-niên*

Tên là Tân, con của Thế-tông, ở ngôi được 20 năm,
bị Trịnh-Tùng giết.

Bọn Phan-Ngạn, Bùi-Văn-Khuê làm phản.

Thái-tổ Gia-dụ hoàng-đế triều ta (Nguyễn) đốc suất
tướng sĩ trở về Thuận-hóa.

Vua Lê đi Thanh-hóa.

Kính-Cung chiếm cứ Đông-kinh bị Trịnh-Tùng đánh
đuổi.

Tháng 11 vua Lê cải nguyên là Hoằng-định.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lich, năm 28*

Đẹp yên loạn Dương-Ứng-Long ở Bá-châu.

NK Người Anh sáng lập công-ty Đông Ấn-độ.

1601, TÂN-SỬU

VN *Lê Kinh-tông, Hoằng-định, năm 2*

Trịnh-Tùng đánh Nguyễn-Dụng ở Lãnh-giang và
chém được.

Hoàng-đình-Ái vây Hải-dương, Kính-Cung chạy về
Lạng-sơn.

Vua trở về kinh.

Sơn-tây, Kinh-bắc đều đẹp yên.

Thái-tổ Gia-dụ hoàng-đế, năm thứ 44 bắt đầu dựng
chùa Thiên-mụ.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lich, năm 29*

1602, NHÂM-DẪN

VN *Lê Kinh-tông, Hoằng-định, năm 3*

Thái-tổ Gia-dụ hoàng-đế, năm thứ 45 sai con thứ 6
làm Quảng-nam trấn-thủ.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lich, năm 30*

1603, QUỲ-MÃO

VN *Lê Kinh-tông, Hoằng-định, năm 4*

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 31*

NK Nữ chúa nước Anh chết, vua Tô-cách-lan là Nhạ-mễ-tư (Jacques) kiêm làm vua nước Anh.
Ở Nhật-bản, Đức-xuyên Gia-khang thuộc dòng Vũ-vương, thứ 29.

1605, ÂT-TỶ

VN *Lê Kinh-tông, Hoằng-định, năm 6*

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 33*

NK Nước Nga nội loạn, Ngụy Địch-mễ-ly (le faux Dimitri) tự lập vua, năm sau bị giết.
Ở Nhật-bản Đức-xuyên Tú-trung thuộc dòng Vũ-vương thứ 30.

1606, BÍNH-NGỌ

VN *Lê Kinh-tông, Hoằng-định, năm 7*

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 34*

Miến-diện vây hãm Mộc-bang (một bộ-lạc người Miêu ở tỉnh Vân-nam).

NK Nước Pháp chiếm Gia-nã-dại.

1607, ĐINH-VỊ

VN *Lê Kinh-tông, Hoằng-định, năm 8*

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 35*

NK Hải-quân Hòa-lan cả phá Tây-ban-nha ở Trục-bổ-la-đa (Gibraltar).

1608. MẬU-THÂN

VN *Lê Kinh-tông, Hoằng-định, năm 9*

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 36*

NK Ở Triều-tiên đời thứ 15, Quang-hải-quân, nguyên-niên.

1609, KỶ-DẬU

VN *Lê Kinh-tông, Hoằng-định, năm 10*

Trịnh-Giang kinh-lược Thái-nguyên.
Kính-Cung chạy trốn.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 37*

1611, TÂN-HỢI

VN *Lê Kinh-tông, Hoằng-định, năm 12*

Thái-tổ Gia-dụ hoàng-đế, năm 54. Chiêm-thành xâm-phạm biên-cảnh, ngài đánh thắng được

và đặt phủ Phú-yên, lấy hai huyện Đồng-xuân và Tuy-hòa lệ phủ vào.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 39*

1612, NHÂM-TỶ

VN *Lê Kinh-tông, Hoằng-định, năm 13*

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 40*

NB *Hậu Thủy-vý Thiên-hoàng (Go-mi-no-o), nguyên-niên*
Thiên-hoàng thứ 108 của Nhật-bản.

1613, QUÝ-SỬU

VN *Lê Kinh-tông, Hoằng-định, năm 14*

Hy-tông Hiếu-văn hoàng-đế nối nghiệp, được chiếu nhà Lê gia tước là Thái-bảo, lưu trấn Thuận-hóa ; ngài là con thứ 6 của Thái-tổ, ở ngôi được 20 năm, thọ 73 tuổi, an táng tại Trường-diễn lăng, gọi là chùa Sãi, đổi quốc tính là họ Nguyễn-phúc.

Trịnh-Tráng kinh lược An quảng.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 41*

1614, GIÁP-DẦN

VN *Lê Kinh-tông, Hoằng-định, năm 15*

Hy-tông Hiếu-văn hoàng-đế, nguyên-niên sai con trưởng là Kỳ, trấn Quảng-nam.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 42*

1615, ẤT-MÃO

VN *Lê Kinh-tông, Hoằng-định, năm 16*

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 43*

Trương-Sai cầm gậy vào cung bị tội chết.

NK Nhật-bản cải nguyên là Nguyên-hòa.

Đức-xuyên Gia-khang diệt họ Phong-thần.

1616, BÍNH-THÌN

VN *Lê Kinh-tông, Hoằng-định, năm 17*

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 44*

NK Vua Mãn-châu (cũng là Hậu Kim) xưng đế, kiến nguyên là Thiên-mệnh, ấy là Thái-tổ nhà Thanh,

1618, MẬU-NGỌ

VN *Lê Kinh-tông, Hoằng-định, năm 19*

Trịnh-Tráng đánh Cao-bằng, Mạc-Kính-Khoan chạy trốn.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lịch, năm 46*

1619, KỶ-VỊ

VN *Lê Thần-tông, Vinh-tộ, nguyên-niên*

Vua Kinh-tông năm Hoảng-định thứ 20, vào tháng 5, bị Trịnh-Tùng giết, rồi rước Hoàng-tử Duy-Kỳ lập làm vua, ở ngôi được 25 năm, rồi trở lại ngôi 13 năm.

TQ *Minh Thần-tông, Vạn-lich, năm 47*

Dương-Mạo bị thua.

NK Mãn-châu diệt bộ-lạc Diệp-hách.

Hà-lan đặt Tổng-đốc ở Qua-oa (Java).

1620, CANH-THÂN

VN *Lê Thần-tông, Vinh-tộ, năm 2*

TQ *Minh Quang-tông, Thái-xương, nguyên-niên*

Tên là Thường-Lạc, con của Thần-tông, ở ngôi được 30 ngày.

Thần-tông băng. Quang-tông lên ngôi rồi lại băng.

1621, TÂN-DẬU

VN *Lê Thần-tông, Vinh-tộ, năm 3*

TQ *Minh Hy-tông, Thiên-khải, nguyên-niên*

Tên Do-Hiệu, con của Quang-tông, ở ngôi được 7 năm.

Vua Mãn-châu lấy Thầm-dương, định đô Liêu-dương.

1622, NHÂM-TUẤT

VN *Lê Thần-tông, Vinh-tộ, năm 4*

TQ *Minh Hy-tông, Thiên-khải, năm 2*

Bạch-liên giáo ở Sơn-đông làm loạn.

1623, QUÝ-HỢI

VN *Lê Thần-tông, Vinh-tộ, năm 5*

Con thứ của Trịnh-Tùng là Xuân làm loạn, bị Trịnh-Tùng dụ đến rồi giết đi.

Trịnh-Tùng chết, con là Trịnh-Tráng lên ngôi.

Trịnh-Tráng rước vua di Thanh-hoa, được tấn phong là Thái-úy Thanh-quốc-công.

Mạc-Kính-Khoan xâm phạm Gia-lâm, bị Trịnh-Tráng đánh đuổi.

Vua Lê trở về kinh, Trịnh-Tráng được tấn phong Nguyên-soái tổng-quốc-chính, Thanh-đô vương.

TQ *Minh Hy-tông, Thiên-khải, năm 3*

Ngụy-Trung-Hiền làm đề-đốc Đông-xương.

NK Hà-lan chiếm cứ Bành-hồ, năm sau chiếm cứ Đài-loan.

Ở Triều-tiên, đời thứ 16, Nhân-tổ Hiến-văn vương, nguyên-niên.

Ở Nhật-bản, Đức-xuyên Gia-quang thuộc dòng Vũ-vương thứ 31.

1624, GIÁP-TÝ, thứ 76

VN *Lê Thần-tông, Vinh-tộ, năm 6*

TQ *Minh Hy-tông, Thiên-khải, năm 4*

NB Cải nguyên là Khoan-vĩnh.

1625, ẤT-SỬU

VN *Lê Thần-tông, Vinh-tộ, năm 7*

Trịnh-Kiều đánh Cao-bằng, bắt Mạc-Kinh-Cung đưa về kinh rồi giết di. Mạc-Kinh-Khoan đầu hàng, được phong là Thái-úy Thông-quốc-công.

Bắt đầu đặt khoa Sĩ-vọng.

Hy-tông Hiếu-văn hoàng-đế, năm thứ 12 Trần-Đức-Hòa tiến cử Đào-Duy-Từ.

TQ *Minh Hy-tông, Thiên-khải, năm 5*

Ngụy-Trung-Hiền giết bọn Dương-Liên, Tả-Quang-Đầu, Ngụy-Đại-Trung.

1626, BÍNH-DẦN

VN *Lê Thần-tông, Vinh-tộ, năm 8*

Chúa Trịnh dùng Đãng-quận-công làm Chính-nam đại-tướng-quân tiến phạm Hóa-châu, tháng 6 tiến đến Lũy Thầy ; quân Nam (Nguyễn) từ Phú-xuân đến đánh, quân Trịnh bị thua.

TQ *Minh Hy-tông, Thiên-khải, năm 6*

1627, ĐINH-MÃO

VN *Lê Thần-tông, Vinh-tộ, năm 9*

Trịnh-Tráng đem vua đến Nhật-lệ.

Hy-tông Hiếu-văn hoàng-đế triều ta (Nguyễn) khiến Tôn-Thất-Vệ, Nguyễn-Hữu-Dật lãnh bộ binh, Hoàng-tử Trung tiết-chế thủy-sur, chống ngự với Trịnh, quân Trịnh lăm lăm thua.

Vua trở về Đông-kinh.

TQ *Minh Hy-tông, Thiên-khải, năm 7*

Ngụy-Trung-Hiền chịu tội chết.

NK Mãn-châu đánh Triều-tiên, Triều-tiên đầu hàng.
Thái-tông nhà Thanh lên ngôi.

1628, MẬU-THÌN

VN *Lê Thần-tông, Vinh-tộ, năm 10*

TQ *Minh Hoài-tông, Sùng-trinh, nguyên-niên*

Tên là Do-Kiểm, con của Quang-tông ở ngôi, được
17 năm.

Bọn cướp biển Trịnh-Chi-Long đầu hàng.

Giặc cướp dấy lên khắp nơi.

NK Bình Mãn-châu đánh Sát-cáp-nhĩ.

Tề-tướng Xiêm-la là Khách-lạp-phù-mỹ soán ngôi,
ấy là thời đại triều thứ 3.

1629, KỶ-Từ

VN *Lê Thần-tông, Đức-long, nguyên-niên*

Trịnh-Tráng tự tiến phong làm Sư-phụ Thanh-
vương.

TQ *Minh Hoài-tông, Sùng-trinh, năm 2*

Viên-Sùng-Hoán giết Mao-Văn-Long.

Mãn-châu cử đại quân vào cướp phá.

1630, CANH-NGỌ

VN *Lê Thần-tông, Đức-long, năm 2*

Hy-tông Hiếu-văn hoàng-đế năm 17 dựng lũy Trường-
dục, lập doanh Bổ-chính cho Trương-Phúc-Phấn
trấn ở đây.

TQ *Minh Hoài-tông, Sùng-trinh, năm 3*

NB *Minh-chính Thiên-hoàng (Myôshô)*

Thiên-hoàng thứ 109 của Nhật-bản.

1631, TÂN-Từ

VN *Lê Thần-tông, Đức-long, năm 3*

Hy-tông Hiếu-văn hoàng-đế, năm 18 Đào-Duy-Từ
tiến cử Nguyễn-Hữu-Tiến.

TQ *Minh Hoài-tông, Sùng-trinh, năm 4*

Bình Mãn-châu hãm thành Đại-lăng.

Khổng-Hữu-Đức làm phản.

1632, NHÂM-THÂN

VN *Lê Thần-tông, Đức-long, năm 4*

TQ *Minh Hoài-tông, Sùng-trinh, năm 5*

Tên giặc Trương-Hiến-Trung cướp phá Sơn-táv.

- NK Vua Thụy-diện đánh quân Đức, bị tử trận.
1633, QUỶ-DẬU
VN Lê Thần-tông, Đức-long, năm 5
Trịnh-Tráng xâm phạm Nhật-lệ bị quân ta (Nguyễn) đánh bại.
TQ Minh Hoài-tông, Sùng-trinh, năm 6
Lưu tặc xâm phạm Kỳ-nam, Hà-bắc, lại xâm phạm Hồ-quảng.
1634, GIÁP-TUẤT
VN Lê Thần-tông, Đức-long, năm 6
TQ Minh Hoài-tông, Sùng-trinh, năm 7
Lưu tặc trá hàng với Trần-Kỳ-Du rồi lại làm phản.
1635, ẤT-HỢI
VN Lê Thần-tông, Dương-hòa, nguyên-niên
Thần-tông Hiếu-chiêu hoàng-đế của triều ta (Nguyễn) nối nghiệp. Ngài là con thứ 2 của Hy-tông, ở ngôi được 13 năm, thọ được 48 tuổi, an táng ở lăng Trường-diên, thời ấy gọi là chúa Thượng. Năm ấy trấn-thủ Quảng-nam là Ánh làm phản, quân chúa Nguyễn đến đánh bắt được Ánh.
TQ Minh Hoài-tông, Sùng-trinh, năm 8
Lưu tặc hãm Phụng-dương, đốt Hoàng-lăng.
1636, BÍNH-TÝ
VN Lê Thần-tông, Dương-hòa, năm 2
Thần-tông Hiếu-chiêu hoàng-đế, nguyên-niên, dời Công-phủ về Kim-long.
TQ Minh Hoài-tông, Sùng-trinh, năm 9
Lý-Tự-Thành cướp Thiểm-tây.
Mãn-châu cải tên nước là Thanh.
1637, ĐINH-SỬU
VN Lê Thần-tông, Dương-hòa, năm 3
TQ Minh Hoài-tông, Sùng-trinh, năm 10
NK Hoàng-đế nhà Thanh thân chinh đánh Triều-tiên, Triều-tiên đầu hàng.
1638, MẬU-DẦN
VN Lê Thần-tông, Dương-hòa, năm 4
Mạc-Kinh-Khoan ở Cao-bắc chết, con là Kinh-Hoàn làm phản, tiếm hiệu là Thuận-đức, Trịnh-Tráng thống binh đi đánh.

TQ *Minh Hoài-tông, Sùng-trinh, năm 11*
Binh nhà Thanh xâm-phạm Nam-kinh.
Hồng-Thừa-Trù cả phá Lý-Tự-Thành.

1640, CANH-THÌN

VN *Lê Thần-tông, Dương-hòa, năm 6*
Thần-tông Hiếu-chiêu hoàng-đế năm thứ 5, khải-
phục được châu Bố-chính rồi lại trả cho Trịnh.

TQ *Minh Hoài-tông, Sùng-trinh, năm 13*

1641, TÂN-TY

VN *Lê Thần-tông, Dương-hòa, năm 7*

TQ *Minh Hoài-tông, Sùng-trinh, năm 14*
Lý-Tự-Thành hãm Hà-nam.

1642, NHÂM-NGO

VN *Lê Thần-tông Dương-hòa, năm 8*
Trịnh-Tráng dùng các con là Tạc, Lịch ra làm trấn-
thủ.

TQ *Minh Hoài-tông, Sùng-trinh, năm 15*
Binh của Tả-Lương-Ngọc tan vỡ.
Lý-Tự-Thành hãm Khai-phong.

NK Vua nước Anh là Tra-lý đệ I (Charles I) gây chiến
với quốc-hội.

1643, QUÝ-VỊ

VN *Lê Chân-tông, Phúc-thái, nguyên-niên*
Tên là Duy-Hựu, con của Thần-tông, ở ngôi được
7 năm.

Trịnh-Tráng đem Thần-tông đi An-bài rồi lại trở
về kinh, tháng 10 truyền ngôi cho Hoàng-thái-tử là
Duy-Hựu.

Tôn Thần-tông làm Thái-thượng-hoàng.

TQ *Minh Hoài-tông, Sùng-trinh, năm 16*

Lý-Tự-Thành hãm Đồng-quan, năm sau hãm Bắc-
kinh, vua Sùng-trinh bỏ mình vì nạn ấy.

Trương-Hiến-Trung chiếm cứ Vũ-xương, tự xưng
là Nghĩa-vũ nguyên-niên.

NK Vua nước Pháp là Lô-dị (Louis) thứ 14 lên ngôi.

1644, GIÁP-THÂN

VN *Lê Chân-tông, Phúc-thái, năm 2*

Trịnh-Tạc đánh Cao-bằng và thắng trận.

TQ *Thanh Thê-tổ, Thuận-trị, nguyên-niên*

Họ Ái-tân-giác-la, tên là Phúc-Lâm, tổ là Nã-nhĩ-cáp-xích dấy binh ở Mãn-châu truyền ngôi cho con, đến cháu thay thế nhà Minh xưng đế, lên ngôi được 18 năm.

Vua vào Bắc-kinh. Lý-Tự-Thành chạy về phía tây, Trương-Hiến-Trùng vào Tây-xuyên.

NB *Hậu Quang-minh Thiên-hoàng (Go-Kômyô), nguyên-niên.*

Thiên-hoàng thứ 110 của Nhật-bản cải nguyên là Chính-bảo.

1645, ẤT-DẬU

VN *Lê Chân-tông, Phúc-thái, năm 3*

Trịnh-Tạc được tấn phong làm Thái-úy Tây quốc-công. Trịnh-Lịch, Trịnh-Sầm làm loạn bị tội chết.

TQ *Thanh Thê-tổ, Thuận-trị, năm 2*

Hãm Nam-kinh, bắt Phúc-vương, hạ lệnh cắt tóc. Tự-Thành, Hiến-Trung chết.

Đường-vương nhà Minh lên ngôi ở Quế-châu, hiệu là Long-vũ đế.

1646, BÍNH-TUẤT

VN *Lê Chân-tông, Phúc-thái, năm 4*

TQ *Thanh Thê-tổ, Thuận-trị, năm 3*

Bình nhà Thanh lấy Phúc-kiến, giết Đường-vương. Quế-vương nhà Minh xưng đế ở Triệu-khánh, ấy là Vĩnh-lịch đế.

NK Vua nước Anh thất bại chạy trốn ở Tô-cách-lan.

1647, ĐINH-HỢI

VN *Lê Chân-tông, Phúc-thái, năm 5*

Thần-tông Hiếu-chiêu hoàng-đế năm 12, bắt đầu mở khoa thi Chính-đồ hoa văn.

TQ *Thanh Thê-tổ, Thuận-trị, năm 4*

Vĩnh-lịch đế nhà Minh chạy về Quế-lâm.

NK Người Tô-cách-lan bắt vua nước Anh đưa về Anh cầm tù.

1648, MẬU-TÝ

VN *Lê Chân-tông, Phúc-thái, năm 6*

Người họ Trịnh xâm phạm Quảng-bình, bị Thái-tông Hiếu-triết hoàng-đế triều ta đánh phá được.

Thái-tông Hiếu-triết hoàng-đế triều ta nối nghiệp, vua là con thứ 2 của Thần-tông, ở ngôi được 30 năm, thọ được 68 tuổi, an táng ở Trường-hung lăng, thời ấy gọi là chúa Liễn.

TQ *Thanh Thê-tổ, Thuận-trị, năm 5*

NK Ba nước: Đức, Thụy-điển và Pháp ký minh-ước ở Uy-tư-đặc-pháp-lâm (Westphalie) cuộc chiến-tranh ba mươi năm chấm dứt.

Nhật-bản cải nguyên là Khánh-an.

1649, KỶ-SỬ-U

VN *Lê Thần-tông, Khánh-đức, nguyên-niên*

Tháng 8 Chân-tông băng ; tháng 10, Thần-tông lên ngôi trở lại.

TQ *Thanh Thê-tổ, Thuận-trị, năm 6*

Lỗ vương nhà Minh chạy về Đan-sơn.

NK Dân Anh trách tội vua và giết đi.

1650, CANH-DẦN

VN *Lê Thần-tông, Khánh-đức, năm 2*

TQ *Thanh Thê-tổ, Thuận-trị, năm 7*

Vĩnh-lich đế nhà Minh chạy về Ngô-châu.

Nhiếp-chính vương Đa-Nhĩ-Cồn chết.

NK Quân cộng-hòa nước Anh phá người Tô-cách-lan, ở Triều-tiên, đời thứ 17, Hiếu-tông Tuyên-văn vương, nguyên-niên.

1651, TÂN-MÃO

VN *Lê Thần-tông, Khánh-đức, năm 3*

Vĩnh-lich đế nhà Minh sai sứ sang sách phong cho Trịnh-Tráng làm Phó quốc-vương.

TQ *Thanh Thê-tổ, Thuận-trị, năm 8*

Bình nhà Thanh hãm Đan-sơn, Lỗ-vương trốn ra biển.

NK Vua nước Anh là Tra-ly đệ nhị (Charles II) từ Tô-cách-lan chạy sang nước Pháp.

Nhật-bản, Đức-xuyên Gia-vông thuộc dòng Vũ-vương thứ 32.

1652, NHÂM-THÌN

VN *Lê Thần-tông, Khánh-đức, năm 4*

Trịnh-Tạc được tấn phong Nguyên-súy Chưởng-quốc-chính Tây-dịnh-vương.

- TQ *Thanh Thê-tổ, Thuận-trị, năm 9*
Vĩnh-lịch đế nhà Minh ở An-long.
NK Anh và Hà-lan đánh nhau trên biển.
Nhật-bản cải nguyên là Thừa-ưng.

1653, QUỶ-TY

- VN *Lê Thần-tông, Thịnh-đức, nguyên-niên*
Thái-tông Hiếu-triết hoàng-đế năm 5, bắt đầu đặt
doanh Thái-khang, chiếm đất Chiêm-thành đến
sông Phan-lang.
TQ *Thanh Thái-tổ, Thuận-trị, năm 10*
NK Khắc-luân-uy-nhĩ (Cromwell) làm Anh-quốc đò-hộ,
giải tán Quốc-hội.

1655, ẤT-TY

- VN *Lê Thần-tông, Thịnh-đức, năm 3*
Bình chúa Trịnh xâm-phạm Nam Bố-chính ; Thái-
tông Hiếu-triết hoàng-đế sai Nguyễn-Hữu-Tiến,
Nguyễn-Hữu-Dật đánh phá được, tiến binh khắc
phục doanh Hà-trung, lại phá binh của Trịnh-Trượng
ở Lạc-sơn, quân chúa Trịnh trở về An-trường
(Nghệ-an).
TQ *Thanh Thê-tổ, Thuận-trị, năm 12*
NB *Hậu Tây Thiên-hoàng (Go-Saiin), nguyên-niên*
Thiên-hoàng thứ 111 của Nhật-bản, cải nguyên là
Minh-lịch.
NK Thụy-điền cướp phá lớn ở Ba-lan.

1656, BÍNH-THÂN

- VN *Lê Thần-tông, Thịnh-đức, năm 4*
Nam Bắc giao chiến, binh chúa Trịnh lắm lần thua.
TQ *Thanh Thê-tổ, Thuận-trị, năm 13*
Vĩnh-lịch đế nhà Minh chạy về Vân-nam.

1657, ĐINH-DẬU

- VN *Lê Thần-tông, Thịnh-đức, năm 5*
Trịnh-Tráng chết, con là Trịnh-Tạc nối ngôi và sai
con là Trịnh-Căn trấn thủ Nghệ-an.
TQ *Thanh Thê-tổ, Thuận-trị, năm 14*
Tôn-Khả-Vọng đầu hàng được phong là Nghĩa-vương.

1658, MẬU-TUẤT

- VN *Lê Thần-tông, Vĩnh-thọ, nguyên-niên*

Xuống chiếu cho thiên-hạ nộp thóc được bỏ làm quan.

Quân chúa Trịnh và quân của Nguyễn-Hữu-Tiến đánh nhau ở Tuần-lễ.

TQ *Thanh Thê-tổ, Thuận-trị, năm 15*

NK Khắc-luân-uy-nhĩ (Cromwell) chết, Lục-tra (Richard) nối nghiệp, năm sáu từ chức.

Nhật-bản cải nguyên là Vạn-trị.

1659, KỶ-HỢI

VN *Lê Thần-tông, Vinh-thọ, năm 2*

Trịnh-Tạc tự tiến phong làm Thượng-sư Tây-vương. Bắt đầu thi Đông-các.

TQ *Thanh Thê-tổ, Thuận-trị, năm 16*

Vĩnh-lich đế nhà Minh chạy sang Miến-diện.

Trịnh-Thành-Công vào Nam-kinh.

NK Vua nước Pháp phá quân Tây-ban-nha và cùng hòa với Tây-ban-nha, từ đấy uy-lực nước Tây-ban-nha suy kém.

1660, CANH-TÝ

VN *Lê Thần-tông, Vinh-thọ, năm 3*

Quân chúa Trịnh đánh nhau với quân Nguyễn-Hữu-Dật ở Lăng-kê, bị thua chạy. Nguyễn-Hữu-Tiến tiến quân ra Nghi-xuân rồi lại trở về Nhật-lệ.

TQ *Thanh Thê-tổ, Thuận-trị, năm 17*

Vua nước Anh là Tra-ly đệ nhị (Charles II) trở lên ngôi.

NK Ở Triều-tiên, đời thứ 18, Hiến-tông Chiêu-huê vương, nguyên-niên.

1661, TÂN-SỬU

VN *Lê Thần-tông, Vinh-thọ, năm 4*

Trịnh-Căn dẫn quân trở về.

Đào-Quang-Nhiều trấn Nghệ-an. Trịnh-Tạc đem vua di Phù-lộ, năm sau trở về kinh.

TQ *Thanh Thê-tổ, Thuận-trị, năm 18*

Trịnh-Thành-Công chiếm cứ Đài-loan.

Người Miến-diện bắt Vĩnh-lich đế nộp cho quân của Ngô-Tam-Quế.

NB Nhật-bản cải nguyên là Khoan-văn.

1662, NHÂM-DẪN

VN *Lê Thần-tông, Vạn-khánh, nguyên-niên*
Trịnh-Kiên và Phùng-Viết-Tu đánh Cao bằng, bọn
phản nghịch họ Mạc chạy trốn.
Vua Lê lập con là Duy-Vụ làm Thái-tử.
Thần-tông băng, Thái-tử lên ngôi.

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, nguyên-niên*
Tên là Huyền-Diệp, con của Thế-tổ, ở ngôi được
61 năm.
Giết Vĩnh-lich để nhà Minh.
Trịnh-Thành-Công chết, con là Kinh nối nghiệp.

1663, QUÝ-MÃO

VN *Lê Huyền-tông, Cảnh-trị, nguyên-niên*
Tên là Duy-Vụ, con của Thần-tông, ở ngôi được
9 năm.

Bọn Trịnh-Liêm cai quản Thị-vệ.
Sai sứ sang nhà Thanh.
Cấm chuộc tội.
Thân mình các giáo điều.
Lại cấm đạo Da-tô.

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 2*

NB *Linh-nguyên Thiên-hoàng, (Reigen), nguyên-niên.*
Thiên-hoàng thứ 112 của Nhật-bản.

1664, GIÁP-THÌN

VN *Lê Huyền-tông, Cảnh-trị, năm 2*
Tây-vương Trịnh-Tạc vào triều không lạy, chương
tấu không xưng danh, đặt chỗ ngồi ở bên trái
ngự tọa.
Khảo thi lại sinh-đồ.
Bắt đầu đặt Ngũ phủ Chưởng-thự-quan.
Sứ nhà Thanh sang.

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 3*

1665, ẤT-TY

VN *Lê Huyền-tông, Cảnh-trị, năm 3*
Thi hiếu-liêm.

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 4*

1666, BÍNH-NGỌ

VN *Lê Huyền-tông, Cảnh-trị, năm 4*
Bọn Trịnh-Đổng, Lê Hiến đánh Mạc-Kinh-Vũ ở

Cao-bằng. Khen thưởng các bầy tôi tử tiết trong
niên-hiệu Quang Thiệu là Vũ-Duyệt, Ngô-Hoàn,
Nguyễn-Mãn-Đốc, Nguyễn-Thiệu-Tri, Đàm-Thận-
Huy, Lê Mậu, Nguyễn-Duy-Tường, Nguyễn-Tự-
Cường, Lê-Vô-Cương, Nguyễn-hữu-Nghiêm, Lê-
Kim-Bảng, Nguyễn-Thái-Bạt, Nghiêm-Bá-Kỷ.

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 5*

1667, ĐÌNH-VỊ

VN *Lê Huyền-tông, Cảnh-trị, năm 5*

Sứ nhà Thanh sang sách phùng.

Trịnh-Tạc dẹp yên Cao-bằng. Mạc-Kính-Vũ chạy
sang nhà Thanh.

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 6*

Giết quan Nội đại thần Tô-khắc-tát-cáp.

1668, MẬU-THÂN

VN *Lê Huyền-tông, Cảnh-trị, năm 6*

Trịnh-Tạc tự gia tước là Đại Nguyên-súy Thượng-
sur Thái-phụ Tây-vương.

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 7*

NK Anh, Hà-lan và Thụy điển ba nước liên-minh
chống với Pháp. Vua nước Pháp là Lô-dị (Louis)
thứ 14 ký hòa-ước.

1669, KỶ-DẬU

VN *Lê Huyền-tông, Cảnh-trị, năm 7*

Đem bốn châu ở Cao-bằng cho Mạc-Kính-Vũ.

TQ *Thanh Thánh-tổ, năm 8*

Nội đại thần là Ngao-Bái có tội bị miễn chức.

1670, CANH-TUẤT

VN *Lê Huyền-tông, Cảnh-trị, năm 8*

Lê-Hiến dẹp yên Tuyên-quang.

TQ *Thanh Thánh-tổ, năm 9*

1671, TÂN-HỢI

VN *Lê Huyền-tông, Cảnh-trị, năm 9*

Huyền-tông băng, Trịnh-Tạc lập hoàng-đế là Duy-
Hội lên ngôi.

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 10*

1672, NHÂM-TÝ

VN *Lê Gia-tông, Dương-đức, nguyên-niên*

Tên là Duy-Hội, em của Huyền-tông, ở ngôi được 4 năm.

Vũ-Công-Tuấn trở về Tuyên-quang làm phản.

Trịnh-Tạc đem vua đi Bắc-Bổ-chính, tiến quân ở Trấn-ninh bị quân ta đánh lui, từ đấy nam, bắc nghỉ việc chiến-tranh.

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 11*

NK Vua nước Pháp là Lô-dị (Louis) thứ 14 đi đánh Hà-lan.

1673, QUỶ-SỪU

VN *Lê Gia-tông, Dương-đức, năm 2*

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 12*

Bình-tây vương là Ngô-Tam-Quế làm phản ở Vân-nam.

NB Cải nguyên là Diên-bảo.

1674, GIÁP-DẦN

VN *Lê Gia-tông, Đức-nguyên, nguyên-niên*

Loạn binh giết Quốc-Trình, cướp nhà Phạm-Công-Trứ.

Trịnh-Tạc phong cho con là Trịnh-Căn làm Nguyên-súy Điền quốc-chính Định-nam vương, tểm xưng là Phó-vương.

Thái-tông Hiếu-triết hoàng-đế năm thứ 26, quân ta cứu Chân-lập, vây thành Nam-vinh.

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 13*

Tĩnh-nam vương là Cảnh-Tĩnh-Trung làm phản ở Phúc-kiến được Trịnh-Kinh giúp.

1675, ẤT-MÃO

VN *Lê Gia-tông, Đức-nguyên, năm 2*

Gia-tông băng. Trịnh-Tạc lập hoàng-đế là Duy-Hạp. Thái-tông Hiếu-triết hoàng-đế, năm 27, bắt đầu đặt chức Thái-phông.

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 14*

Sát-cáp-nhĩ ở Mông-cổ làm phản bị đánh dẹp yên.

NK Ở Triều-tiên, đời thứ 19, Tức-tổng Hiền-vương nguyên-niên.

1676, BÍNH-THÌN

VN *Lê Hy-tông, Vĩnh-trị, nguyên-niên*

Sai Hồ-Sĩ-Dương xem việc tu-soạn Quốc-sử.

- TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 15*
Thượng-Chi-Tín, con của Bình-nam vương Thượng-Khả-Hỷ, làm phản ở Quảng-đông.
Cảnh-Tinh-Trung đầu hàng.
- 1677, ĐÌNH-TÝ
- VN *Lê Hy-tông, Vĩnh-trị, năm 2*
Đình-Văn-Tả đánh Mạc-Kinh-Vũ ở Cao-bằng. Mạc-Kinh-Vũ chạy sang nhà Thanh. Nhà Mạc giữ Cao-bằng được 3 đời, tất cả 85 năm, đến đây thì bị dẹp yên.
- TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 16*
Thượng-Chi-Tín đầu hàng.
- 1678, MẬU-NGO
- VN *Lê Hy-tông, Vĩnh-trị, năm 3*
- TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 17*
Ngô-Tam-Quế xưng là Chu-đế rồi chết, cháu là Thế-Phiên nối nghiệp.
Xuống chiếu soạn bộ sử nhà Minh.
- NK Năm nước. Pháp, Tây-ban-nha, Hà-lan, Thụy-điền, Đan-mạch minh-ước ở Ni-mật-căn (Nimègue).
- 1679, KỶ-VỊ
- VN *Lê Hy-tông, Vĩnh-trị, năm 4*
Thái-tông Hiếu-triết hoàng-đế, năm 31, cho bầy tôi nhà Minh chạy sang là bọn Dương-Ngạn-Địch gồm có ba ngàn người ở tại Đông-phố, đất Chân-lạp.
- TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 18*
Mở khoa Bác-học hoành-từ.
- 1680, CÂN-THÂN
- VN *Lê Hy-tông, Vĩnh-trị, năm 5*
Tháng 10 cải nguyên là Chính-hòa.
- TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 19*
Đánh bại Trịnh-Kinh ở Hạ-môn.
Cho Thượng-Chi-Tín tội chết.
- NK Công-ty Anh ở Đông Ấn-độ bắt đầu thông thương với Trung-quốc.
Ở Nhật-bản, Đức-xuyên Vồng-cát thuộc dòng Vũ-vương thứ 83.
- 1681, TÂN-DẬU
- VN *Lê Hy-tông, Chính-hòa, năm 2*

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 20*
Trịnh-Kinh ở Đài-loan chết.
Ngô-Thế-Phiên chiến bại mà chết.

NB Cải nguyên là Thiên-hòa.

1682, NHÂM-TUẤT

VN *Lê Hy-tông, Chính-hòa, năm 3*
Trịnh-Tạc chết, con là Trịnh-Căn nối ngôi, xưng
là Định-vương.

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 21*
Giết Cảnh-Tĩnh-Trung.

NK Hoàng-đế nước Nga là Y-Phàm (Ivan) và Bỉ-đắc
(Pierre) cùng lên ngôi.

1683, QUÝ-HỢI

VN *Lê Hy-tông, Chính-hòa, năm 4*
Sứ nhà Thanh sang sách phong và cho bốn chữ
« Trung-hiếu thủ bang » do vua Thanh viết.

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 22*
Đề-độc Thi-Ngân đánh dẹp yên Đài-loan.

NK Quân Thổ-nhĩ-kỳ vây Duy-dã-nạp (Vienne);
Hoàng-đế nước Đức phá quân Thổ.
Nước Pháp chiếm Lộ-y-tây-dương (Louisiane).

1684, GIÁP-TÝ thứ 77

VN *Lê Hy-tông, Chính-hòa, năm 5*
Trịnh-Căn cho con thứ là Bách làm Tiết-chế, và
tự tiến phong làm Đại Nguyên-súy tổng quốc-chính
Thượng-thánh phụ sư Định-vương.

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 23*

NB Cải nguyên là Trinh-hạnh.

1685, ẤT-SỬU

VN *Lê Hy-tông, Chính-hòa, năm 6*

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 24*
Đánh La-sát (tức Nga-la-tư), thu-phục thành Nhã-
khắc-tát (Albasin).

1686, BÍNH-DẦN

VN *Lê Hy-tông, Chính-hòa, năm 7*

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 25*

NK Đức, Thụy-điền, Tây-ban-nha đồng-minh.

1687, ĐÌNH-MÃO

VN *Lê Hy-tông, Chính-hòa, năm 8*

Anh-tông Hiếu-nghĩa hoàng-đế của triều ta nối ngôi; vua là con thứ hai của Thái-tông, ở ngôi được 4 năm, thọ được 43 tuổi, an táng tại lăng Trường-mậu, thời bấy giờ gọi là chùa Nghĩa. Dời phủ mới vào Phú-xuân, lấy núi phía trước làm bình-phong.

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 26*

Sai Sách-Ngạch-Đồ đến Ni-bố-sở để cùng sứ nước Nga định ước.

NB *Đông-Sơn Thiên-hoàng (Higashi-yama), nguyên-niên*

Thiên-hoàng thứ 113 của Nhật-bản.

NK Vua Hung-gia-lợi là Ước-hàn (Jean) lên ngôi, định ngôi vua sẽ đời đời kế nối.

1688, MẬU-THÌN

VN *Lê Hy-tông, Chính-hòa, năm 9*

Trịnh-Cần dùng người cháu là Bính làm Tiết-chế. Quan thổ-tý nhà Thanh ở Vân-nam xâm chiếm đất ba châu ở Tuyên-hưng.

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 27*

Vũ-xương dấy loạn rồi được dẹp yên.

NK Người Anh rước vua Hà-lan là Uy-liêm Nghệ-chúa (Guillaume d'Orange). Vua nước Anh là Nha-mê-tư đệ-nhi (Jacques II) chạy sang nước Pháp.

1689, KỶ-TY

VN *Lê Hy-tông, Chính-hòa, năm 10*

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 28*

Hoạch định ranh giới giữa Trung-quốc và Nga. Vua đi tuần phương nam.

NK Bỉ-đắc (Pierre) nước Nga thân chính.

Uy-liêm lên ngôi vua.

Nhật-bản cải nguyên là Nguyên-lộc.

Nội loạn nước Anh, lập Kỳ-hùng vương, bắt đầu thi hành hiến chính.

1690, CANH-NGỌ

VN *Lê Hy-tông, Chính-hòa, năm 11*

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 29*

Thân chinh đánh Cát-nhĩ-đơn.

NK Vua nước Pháp muốn đưa tiền-vương nước Anh (Jacques II) trở lại ngôi vua nhưng không được.

1691, TÂN-VỊ

VN *Lê Hy-tông, Chính-hòa, năm 12*

Hiền-tông Hiếu-minh hoàng-đế triều ta (Nguyễn) nối ngôi ; vua là con trưởng của Anh-tông, ở ngôi được 34 năm, thọ được 51 tuổi, an táng tại lăng Trường-thanh.

Sửa Văn-miếu.

Chiêm-thành làm phản bị Nguyễn-Hữu-Kinh đánh dẹp yên và đổi làm trấn Thuận-thành.

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 30*

Nhận cho các vua Khách-nhĩ-khách triều yết ở Đa-luân-bạc.

1692, NHÂM-THÂN

VN *Lê Hy-tông, Chính-hòa, Khang-hy, năm 13*

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 31*

1695, ẤT-HỢI

VN *Lê Hy-tông, Chính-hòa, Khang-hy, năm 16*

Hiền-tông Hiếu-minh hoàng-đế, năm 4

Khảo thí Tam-ty văn chức ở triều-đình.

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 34*

1696, BÍNH-TÝ

VN *Lê Hy-tông, Chính-hòa, năm 17*

Lại cấm đạo Da-tô.

Nghiêm-súc cho người Tàu sang trú ngụ phải tuân theo quốc-tục.

Lập Triều-Phúc làm quốc vương Ai-lao.

TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 35*

Thần chinh Cát-nhĩ-đơn, khiến các bộ-lạc ở đó đầu hàng.

NK Hoàng-đế nước Nga đánh Thổ-nhĩ-kỳ, lấy đất miền A-tốc-phu hải (Azov).

1697, ĐINH-SỬU

VN *Lê Hy-tông, Chính-hòa, năm 18*

Hiền-tông Hiếu-minh hoàng-đế năm thứ 6, bắt đầu đặt phủ Bình-thuận, lấy đất Phan-ly, Phan-lang làm hai huyện An-phúc, Hòa-đa.

- TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 36*
Lại chinh-phục Cát-nhĩ-đơn, vùng sa-mạc phương bắc đều được dẹp yên.
- NK Vua Thụy-diên là Tra-ly (Charles) thứ 12 lên ngôi. Hoàng-đế nước Nga là Bĩ-đắc (Pierre) xuất du sang Tây-Âu.
- 1699, KỶ-MÃO
- VN *Lê Hy-tông, Chính-hòa, năm 20*
Hiển-tông Hiếu-minh hoàng-đế năm thứ 8, Nặc-thu nước Chân-lạp làm phản bị bọn Nguyễn-Hữu-Kinh đánh, Nặc-Thu đầu hàng.
- TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 38*
- 1700, CANH-THÌN
- VN *Lê Hy-tông, Chính-hòa, năm 21*
TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 39*
NK Bắc-Âu nổi chiến-tranh.
- 1701, TÂN-TY
- VN *Lê Hy-tông, Chính-hòa, năm 22*
TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 40*
Vua đi ra ngoài biên-tái.
- 1702, NHÂM-NGỌ
- VN *Lê Hy-tông, Chính-hòa, năm 23*
TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 41*
Vua đi tuần phương nam.
- NK Vua Thụy-diên hãm kinh-đô vua Ba-lan là Ngổa-tát (Varsovie).
- 1703, QUỶ-VỊ
- VN *Lê Hy-tông, Chính-hòa, năm 24*
Trịnh-Căn dùng tăng-tôn là Cương làm Tiết-chế An-quốc-công.
- TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 42*
Việc đề điều ở Hoàng-hoài đã xong, vua thân đi xem xét bờ đê.
- NK Nước Nga dựng kinh-đô mới gọi là Bĩ-đắc-bảo (St. Pétersbourg).
- 1704, GIÁP-THÂN
- VN *Lê Hy-tông, Chính-hòa, năm 25*
TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 43*

- NK Tướng nước Anh là Mã-ba-la (Marlborough) cả phá quân Pháp.
Nhật-bản cải nguyên là Bảo-vĩnh.
- 1705, **ẤT-DẬU**
VN *Lê Dụ-tổng, Vinh-thịnh, nguyên-niên*
Vua là con của Hy-tông, ở ngôi được 25 năm.
Mùa hạ tháng 4, Hy-tông nhường ngôi, Thái-tử lên ngôi và cải nguyên, tôn Hy-tông làm Thái thượng-hoàng.
Hiền-tông Hiếu-minh hoàng-đế năm thứ 14, sai Nguyễn-Cửu-Vân đánh Chân-lạp đưa Nặc-Yêm trở về nước.
- TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 44*
NK Lập-tạng-hãn giết Đệ-ba-tạng-kết ở Tây-tạng.
- 1706, **BÍNH-TUẤT**
VN *Lê Dụ-tổng, Vinh-thịnh, năm 2*
TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 45*
NK Mã-ba-la (Marlborough) lại phá quân Pháp, năm sau lại phá quân Pháp nữa.
- 1707, **ĐINH-HỢI**
VN *Lê Dụ-tổng, Vinh-thịnh, năm 3*
TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 46*
NK Anh và Tô-cách-lan hợp thành một nước gọi là Bất-liệt-diên quốc (Bretagne).
- 1708, **MẬU-TÝ**
VN *Lê Dụ-tổng, Vinh-thịnh, năm 4*
Hiền-tông Hiếu-minh hoàng-đế năm 17, trao cho Mạc-Cửu chức Tổng-binh Hà-tiên.
TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 47*
Phế Thái-tử, sau lại lập lên, rồi lại phế xuống.
NK Mã-ba-la (Marlborough) lại cả phá quân Pháp.
- 1709, **KỶ-SỬU**
VN *Lê Dụ-tổng, Vinh-thịnh, năm 5*
Trịnh-Căn chết, cháu tăng-tôn là Trịnh-Cương nối ngôi, tự gia phong làm An-đô-vương.
TQ *Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 48*
NK Nước Anh và nước Đức cả phá quân Pháp.
Hoàng-đế nước Nga đánh đại bại quân Thụy-diễn, vua Thụy-diễn chạy trốn.

Ở Nhật-bản, Đức-xuyên Gia-tuyên thuộc dòng Vũ-
vương thứ 34.

1710, CANH-DẦN

VN Lê Dụ-tông, Vinh-thịnh, năm 6

TQ Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 49

NB Trung Ngự-môn Thiên-hoàng (Nakamikado), nguyên-niên.

1711, TÂN-MÃO

VN Lê Dụ-tông, Vinh-thịnh, năm 7

Bắt đầu sai quan ở kinh đô đốc-suất công việc
bờ đề.

TQ Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 50

Bộ-lạc Thổ-nhĩ-hồ-đặc đến cống.

NK Nga và Thổ-nhĩ-kỳ đánh nhau, người Thổ giảng
hòa.

Nhật-bản cải nguyên là Chính-đức.

1712, NHÂM-THÌN

VN Lê Dụ-tông, Vinh-thịnh, năm 8

TQ Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 51

Sai sứ đến nước Nga.

NK Nga và Pháp nghỉ việc binh và ký hòa ước.

1713, QUỲ-TY

VN Lê Dụ-tông, Vinh-thịnh, năm 9

TQ Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 52

Lễ lục-tuần của vua, thần dân chúc mừng.

NB Đức-xuyên gia-kế thuộc dòng Vũ-vương thứ 35.

1714, GIÁP-NGO

VN Lê Dụ-tông, Vinh-thịnh, năm 10

Trịnh-Cương tự tiến phong làm Đại Nguyên-Sứ
Tổng quốc - chính Thượng-sư An-vương, bái yết
Thái-miếu, rồi chầu vua ở điện Vạn-thọ.

TQ Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 53

1715, ẤT-VỊ

VN Lê Dụ-tông, Vinh-thịnh, năm 11

TQ Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 54

Phá quân Sách-võng-a-lạp-bổ-thần ở Cáp-mật.

NK Vua nước Pháp là Lô-dị (Louis) thứ 14 băng.

1716, BÍNH-THÂN

VN Lê Dụ-tông, Vinh-thịnh, năm 12

TQ Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 55

Vua Thụy-diên đánh Na-uy.

NB Cải nguyên là Hanh-bảo. Đức-xuyên Cát-tôn thuộc dòng Vũ-vương thứ 36.

1717, ĐÌNH-DẬU

VN Lê Dụ-tổng, Vinh-thịnh, năm 13

TQ Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 56

NK Sách-Võng giết Tạng-hàn.

Vua Tây-ban-nha là Phi-lực đệ-ngũ (Philippe V) chiếm cứ Tát-đỉnh (Sardaigne).

1718, MẬU-TUẤT

VN Lê Dụ-tổng, Vinh-thịnh, năm 14

Trịnh-Cương tự đặt ra Lục-phiên.

TQ Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 57

Tây-tạng được bình định.

NK Những nước ở Ấn-độ là Mã-thích-gia (Madhya), Hải-đặc-lợi-ba (Hyderabad), Ô-đức (Oudh), độc-lập. Bốn nước Anh, Pháp, Đức, Hà-lan đồng-minh với nhau đề kháng Tây-ban-nha.

1719, KỶ-HỢI

VN Lê Dụ-tổng, Vinh-thịnh, năm 15

Sứ nhà Thanh sang sách phong.

TQ Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 58

1720. CANH-TÝ

VN Lê Dụ-tổng, Bảo-thái, nguyên-niên

Trịnh-Cương cho con là Trịnh-Giang làm Thế-tử. Bắt đầu đánh thuế đồng, quế.

TQ Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 59

Đẹp loạn ở Tây-tạng.

Sách-Võng phá quân Nga ở sông Ngạch-nhĩ-tề-tư.

NK Vị công-tước Tát-ngỗa (Savoie) làm vua Tát-đỉnh (Sardaigne).

1721, TÂN-SỬU

VN Lê Dụ-tổng, Bảo-thái, năm 2

Bỏ hình phạt chặt ngón tay.

Định phép học võ và thi tuyển võ.

Bắt đầu thi-hành phép đánh thuế muối.

TQ Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 60

Chu-Nhất-Quý ở Đài-loan làm loạn bị Lam-Đình-Trần dẹp yên.

NK Thụy-diễn và Nga hòa nhau.

Ở Triều-tiên, đời thứ 22, Cảnh-tông Đức-văn vương, nguyên-niên.

1722, NHÂM-DẦN

VN Lê Dụ-tông, Bảo-thái, năm 3

Trịnh-Cương ra lệnh cho những người họ Trịnh khác bỏ binh quyền.

Bắt đầu đặt Lục-doanh.

TQ Thanh Thánh-tổ, Khang-hy, năm 61

1723, QUÝ-MÃO

VN Lê Dụ-tông, Bảo-thái, năm 4

Bắt đầu thi-hành phép tô (thuế ruộng), dung (sưu dịch) điều (thuế tơ lụa).

TQ Thanh Thê-tông, Ung-chính, nguyên-niên

Là con của Thánh-tổ, ở ngôi được 13 năm.

Thanh-hải làm phản, bị Niên-Canh-Nghiêu đánh dẹp, Cấm đạo Thiên-chúa.

1724, GIÁP-THÌN

VN Lê Dụ-tông, Bảo-thái, năm 5

Bắt đầu khảo thí khoa bác-cử.

TQ Thanh Thê-tông, Ung-chính, năm 2

Niên-Canh-Nghiêu và Nhạc-Chung-Kỳ dẹp yên Thanh-hải.

1725, ẤT-TỴ

VN Lê Dụ-tông, Bảo-thái, năm 6

Túc-tông Hiếu-ninh hoàng-đế triều ta (Nguyễn) nối nghiệp; vua là con trưởng của Hiến-tông ở ngôi được 13 năm, thọ được 43 tuổi, an táng ở lăng Trường-phong, gọi là Linh-tuyền đạo-nhân.

Trịnh-Cương khiến trăm họ khen chê quan cai-trị.

TQ Thanh Thê-tông, Ung-chính, năm 3

Cho Niên-Canh-Nghiêu tội chết.

NK Hoàng-đế nước Nga là Bửu-đắc (Pierre) băng.

Ở Triều-tiên, đời thứ 21, Anh-tông Chí-hạnh vương nguyên-niên.

1726, BÍNH-NGỌ

VN Lê Dụ-tông, Bảo-thái, năm 7

Bắt đầu đặt quan tuần thủ ở các trấn.

Hội với người nhà Thanh đề lập ranh giới ở núi
Duyên-xưởng.

Khảo thi Hương-cống.

TQ *Thanh Thê-tông, Ung-chính, năm 4*

1727, ĐÌNH-VỊ

VN *Lê Dụ-tông, Bảo-thái, năm 8*

Trịnh-Cương lập Hoàng thứ-tử là Duy-Banh (Phương)
làm Thái-tử. Trịnh-Cương cho con là Trịnh-Giang
làm Tiết-chế Uy-quốc-công, tự dựng phủ ở Cồ-bì.

TQ *Thanh Thê-tông, Ung-chính, năm 5*

Cùng với người Nga ký kết điều ước Kháp-khắc-đồ
(Kiakhda ?).

1728, MẬU-THÂN

VN *Lê Dụ-tông, Bảo-thái, năm 9*

Nhà Thanh trả lại Long-đồng-xưởng, Nguyễn-Công-
Thái ra nhận, chỗ sông Đồ-chú dựng bia lập ranh-giới.

TQ *Thanh Thê-tông, Ung-chính, năm 6*

1729, KỶ-DẬU

VN *Lê đế Duy-Banh (Phương), Vĩnh-khánh, nguyên-niên*

Là con của Dụ-tông, ở ngôi được 4 năm, bị
Trịnh-Giang phế xuống.

Mùa hạ, tháng tư, Trịnh-Cương ép Dụ-tông truyền
ngôi cho Thái-tử Duy-Banh (Phương).

Thái-tử lên ngôi và cải nguyên, tôn Dụ-tông làm
Thái-thượng-hoàng.

Trịnh-Cương chết, Trịnh-Giang nối ngôi.

TQ *Thanh Thê-tông, Ung-chính, năm 7*

1730, CANH-TUẤT

VN *Lê đế Duy-Banh (Phương), Vĩnh-khánh, năm 2*

TQ *Thanh Thê-tông, Ung-chính, năm 8*

NK Nữ-hoàng nước Nga là An (Anna) lên ngôi.

1731, TÂN-HỢI

VN *Lê đế Duy-Banh (Phương), Vĩnh-khánh, năm 3*

Dụ-tông băng.

Bùi-Sĩ-Tiêm nói về việc nhường ngôi nên bị đoạt
chức.

TQ *Thanh Thê-tông, Ung-chính, năm 9*

Sách-Lăng cả phá Chuẩn-cát-nhĩ.

1732, NHÂM-TÝ

VN *Lê Thuần-tông, Long-đức, nguyên-niên*

Là con của Dụ-tông ở ngôi được 4 năm.

Trịnh-Giang phở vua Duy-Banh (Phương) xuống làm Hôn-đức-công, lập con trưởng của Dụ-tông là Duy-Tường làm vua, cái nguyên là Long-đức.

Trịnh-Giang tự tiến phong làm Thượng-sư Uy-vương. Túc-tông Hiếu-ninh, hoàng-đế năm thứ 7, phân Gia-định đặt ra châu Định-viên và lập ra doanh Long-hồ.

TQ *Thanh Thê-tông, Ung-chính, năm 10*

1734, GIÁP-DẦN

VN *Lê Thuần-tông, Long-đức, năm 3*

Ban cho bản khắc các sách, và cấm mua sách Tàu. Cấm dùng đồ hoa-mỹ.

Soạn bộ Hội-diễn của quốc triều.

Sứ nhà Thanh sang sách phong và dụ tế.

TQ *Thanh Thê-tông, Ung-chính, năm 12*

Chuẩn-cáp-nhĩ xin hòa.

1735, ÂT-MÃO

VN *Lê Ý-tông, Vinh-hựu, nguyên-niên*

Là em của Thuần-tông, ở ngôi được 6 năm rồi nhường ngôi.

Năm Long-đức thứ 4, tháng tư Thuần-tông băng, Trịnh-Giang lập Hoàng-đệ là Duy-Thận làm vua, cải nguyên. Vua Duy-Banh (Phương) bị Trịnh-Giang giết.

TQ *Thanh Thê-tông, Ung-chính, năm 13*

1736, BÍNH-THÌN

VN *Lê Vinh-hựu, năm 2*

Trịnh-Giang tiến phong cho em là Doanh làm Tiết-chế Thái-úy Ân-quốc-công.

Trịnh-Giang tự khảo-thí tiến-sĩ.

Ra lệnh cho quan dân ai nộp tiền thì được thăng chức hoặc bỏ ra làm quan.

Túc-tông Hiếu-ninh hoàng-đế năm thứ 11, Mạc-Thiên-Tứ làm Đô-đốc trấn Hà-tiên.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, nguyên-niên*

Tên là Hoảng-Lịch, con của Thế-tông, ở ngôi được 60 năm.

NB *Anh-thinh Thiên-hoàng, (Sakuramachi), nguyên-niên*
Thiên-hoàng thứ 115 của Nhật-bản, cải nguyên là Văn-nguyên.

1737, ĐÌNH-TÝ

VN *Lê Vĩnh-hựu, năm 3*

Đức tượng Phật Quỳnh-lâm, khiến các quan tỉnh theo phàm-trật mà nộp đồng.

Ở Sơn-tây và Thái-nguyên, giặc cướp nổi lên, bị dẹp yên.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 2*

1738, MẬU-NGỌ

VN *Lê Vĩnh-hựu, năm 4*

Thế-tông Hiếu-vũ hoàng-đế nối nghiệp; vua là con trưởng của Túc-tông ở ngôi được 27 năm, thọ được 52 tuổi, an táng ở lăng Trường-thái, hiệu là Từ-tế đạo-nhân.

Tôn-thất nhà Lê là bọn Duy-Mật khởi binh ở Thanh-hoa.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 3*

Trương-Quảng-Tứ dẹp rợ Miêu.

NK Nga, Đức và Pháp cùng hội minh ở Duy-dã-nạp (Vienne).

1739, KỶ-VỊ

VN *Lê Ý-tông, Vĩnh-hựu, năm 5*

Bàn nghị xử trí sáu điều về ngoại-phiên.

Trịnh-Giang mạo xưng là An-nam Thượng-vương.

Lập phép đoàn kết.

Thế-tông Hiếu-vũ hoàng-đế nguyên-niên, nước Chân-lạp xâm phạm Hà-tiên, bị Mạc-Thiên-Tứ đánh tan.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 4*

1740, CANH-TÂN

VN *Lê Hiến-tông, Cảnh-hưng, nguyên-niên*

Là con của Thuần-tông, ở ngôi được 47 năm.

Trịnh-Doanh tự tiến phong làm Minh-đô vương, tôn Trịnh-Giang làm Thái-thượng-vương, sai Trịnh-Kính kinh-lược Sơn-nam, bọn Trần-Đình-Miên kinh lược Sơn-tây.

Tháng 5, Ý-tông nhường ngôi cho con trưởng của Thuần-tông là Duy-Thiệu.

Giặc Ngân-gia bị dẹp yên.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 5*

NK Trận chiến-tranh vì ngôi hoàng-đế nước Áo-d|n-lợi (Autriche) khởi lên.

Phật-lai-đặc-lý đệ nhị (Frédéric II) làm vua 134 (Phổ) quốc (Prusse).

1741, TÂN-DẬU

NV *Lê Cảnh-hưng, năm 2*

Chia Sơn-nam làm Thượng, Hạ lộ.

Hoàng-Nghĩa-Bá đánh phá được quân Vũ-Trác-Oanli và Nguyễn-Cừ, Nguyễn-Tuyền thua chạy và chết, Loạn binh phá Nguyễn-Quý-Cảnh.

Đặt Nông-quan ở bốn trấn.

Phạm-Đình-Trọng bắt Nguyễn-Cừ và giết đi.

Đặng-Đình-Mật đánh phá Lê-Duy-Mật.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 6*

NB Cải nguyên là Khoan-bảo.

1742, NHÂM-TUẤT

VN *Lê Cảnh-hưng, năm 3*

Nguyễn-Đặng-Hiền bắt dặng viên tù-trưởng làm phản là Toàn-Cơ và giết đi.

Trịnh-Doanh tự tiến phong làm Thượng-sur Minh-vương, đặt « cáo mật đồng » (cải ông báo việc mật) rồi lại bỏ.

Thế-tông Hiếu-vũ hoàng-đế năm thứ 4, đổi phủ Quy-ninh làm phủ Quy-nhon, phủ Diên-ninh làm phủ Diên-khánh.

Vũ-Công-Tề chết.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 7*

1743, QUỲ-HỢI

VN *Lê Hiến-tông, Cảnh-hưng, năm 4*

Nguyễn-Hữu-Cầu cướp phá Thanh-hà, bị Hoàng-Công-Kỳ và Hoàng-Ngũ-Phúc đánh bại.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 8*

13-2-1744, GIÁP-TÝ thứ 78

VN *Lê Cảnh-hưng, năm 5*

Cho bày tôi của Chánh-phủ (?) thực ấp.

Nguyễn-Hữu-Cầu hãm Kinh-bắc, bọn Hoàng-Ngũ-Phúc lấy lại.

Nguyễn-Danh-Phương ở Sơn-tây cướp phá Bạch-hạc. Thế-tông Hiếu-vũ hoàng-đế, năm 6, lên ngôi ở Phú-xuân, định ra triều-phục quan văn, quan võ, văn thư thì dùng niên-hiệu nhà Lê.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 9*

NB Cải nguyên là Kiến-hanh.

1-2-1745, ẤT-SỬU

VN *Lê Cảnh-hưng, năm 6*

Giặc nhà Mạc hãm Thái-nguyên, bị bọn Văn-Đình. Úc, Hoàng-Ngũ-Phúc phá và lấy lại thành ấy.

Giặc nhà Mạc vây Cao-băng bị Trần-Danh-Lâm dẹp yên.

Hoàng - Ngũ - Phúc, Phạm - Đình - Trọng đánh phá Nguyễn Hữu Cầu ở thành Xương-giang.

Quân trấn thủ ở Sơn - nam là Hoàng-Công-Kỳ bị tên giặc Hoàng-Văn-Chất bắt mà chết.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 10*

NB Đức-xuyên Gia-trọng thuộc dòng Vũ-vương thứ 37.

22-1-1746, BÍNH-DẦN

VN *Lê Cảnh-hưng, năm 7*

Thế-tông Hiếu-vũ hoàng-đế, năm 8, bắt đầu đúc tiền chi trắng, sau lại đúc thêm tiền Thiên-minh thông-bảo.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 11*

9-2-1747, ĐÌNH-MÃO

VN *Lê Hiến-tông, Cảnh-hưng, năm 8*

Xét thi công-sĩ.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 12*

Thổ-ty Kim-xuyên làm loạn.

NB *Đào-viên Thiên-hoàng Momozono), nguyên-niên*

Thiên-hoàng thứ 116 của Nhật-bản.

NK Anh và Pháp tranh quyền ở Ấn-độ, đánh nhau mấy năm liền.

30-1-1748, MẬU-THÌN

VN *Lê Cảnh-hưng, năm 9*

Ra lệnh cho bách ty nộp tiền thì trao chức quan chớ. Khiến các quan đại-thần chia giữ đồ-thành.

Nguyễn-Hữu-Cầu xâm-phạm Bồ-đề, bị Phạm-Đình-Trọng đánh chạy.

Thế-tông Hiếu-vũ hoàng-đế, năm 10, đặt ra đường chạy trạm đến Gia-định, gọi là « Thiên-lý-cù » (con đường ngàn dặm), gặp sông thì đặt bến đò.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 13*

NK Anh Pháp, Phổ, Áo, Tây-ban-nha, hội nhau ở Á-xâm (Aachen), ký kết hòa-ước, mỗi nước đều trả lại đất đã xâm-chiếm.

Nhật-bản cải nguyên là Khoan-đình.

17-2-1749, KỶ-Từ

VN *Lê Cảnh-hưng, năm 10*

Lê-Duy-Mật đem quân ra Sơn-nam.

Khiến bọn Văn-Đình-Úc chống giữ.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 14*

Kim-xuyên dựng dẹp yên.

7-2-1750, CANH-NGỌ

VN *Lê Cảnh-hưng, năm 11*

Bắt đầu lấy tiền thông-kinh của sĩ-tử

Trịnh-Doanh tự đốc-suất đại quân đánh Nguyễn-Danh-Phương.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 15*

27-1-1751, TÂN-VỊ

VN *Lê Hiến-tông, Cảnh-hưng, năm 12*

Phạm-đình-Trọng bắt Nguyễn-Hữu-Cầu ở Nghệ-an.

Nguyễn-Phan bắt Nguyễn-Danh-Phương ở Sơn-tây.

Thân-minh lại các giáo điều đòi Cảnh-trị.

Thế-tông Hiếu-vũ hoàng-đế, năm 13, Nguyễn-Cư-Trinh dâng thư tỏ bày mọi việc.

Thủy-xá, Hỏa-xá, vào cống.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 16*

Vua đi tuần phương Nam.

NB Cải nguyên là Bảo-lic.

15-2-1752, NHÂM-THÂN

VN *Lê Cảnh-hưng, năm 13*

Bọn Đàm-Xuân-Vực, Nguyễn-Nghiêm phá giặc Thương ở Sơn-tây,

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 17*

3-2-1753, QUỶ-DẬU

VN *Lê Cảnh-hưng, năm 14*

Phục chức cho Nguyễn-Công-Thái miễn tang làm Tham-tụng.

Bãi bỏ lệ lấy tiền « thông-kinh » của sĩ-tử.

Trịnh-Doanh cho con là Trịnh-Sâm làm Thế-tử.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 18*

Vua Miến-diện là Ma-cáp-tổ vào cống.

23-1-1754, GIÁP-TUẤT

VN *Lê Cảnh-hưng, năm 15*

Quan đốc-suất bộ Nghệ-an là Hải-quận-công Phạm-Đình-Trọng mất.

Vua đến Nhĩ-hà duyệt binh.

Thế-tông Hiếu-vũ hoàng-đế, năm 16, bắt đầu dựng dò, ấp, diện, các, đường và hiên cực kỳ khéo-léo.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 19*

NK Ung-tịch-vương soạn ngôi vua Miến-diện.

11-2-1755, ẤT-HỢI

VN *Lê Hiến-tông, Cảnh-hưng, năm 16*

Trịnh-Doanh tự gia phong làm Thượng-sư Thượng-phụ Minh-vương, tự dựng cung miếu ở Cồ-bi.

Bắt đầu chế ra y-phục áo-mão để dùng khi tế ở Văn-miếu.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 20*

Đẹp yên Chuần-cát-nhĩ.

NK Anh, Pháp đánh nhau ở châu Mỹ.

31-1-1756 BÍNH-TÝ

VN *Lê Cảnh-hưng, năm 17*

Trịnh-Doanh bắt đầu ra lệnh cho người được tuyển dụng vào yết kiến.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 21*

NK Vua nước Phổ lại xâm-phạm nước Áo, từ đấy Áo và Phổ tranh nhau trong 7 năm.

18-2-1757, ĐINH-SỬU

VN *Lê Cảnh-hưng, năm 18*

Lại mở khoa thi Hoành-từ.

Thế-tông Hiếu-vũ hoàng-đế, năm 19, Mạc-Thiên-Tử đưa vua Chân-lạp là Nặc-Tôn trở về nước, Nặc-Tôn dâng năm phủ để tạ ơn.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 22*

NK Viên tướng nước Anh là Khắc-lai-vũ (Clive) phá Ấn-độ, chiếm cứ Gia-nhĩ-các-đáp (Calcutta).

8-2-1758, MẬU-DẦN

VN *Lê Cảnh-hưng, năm 19*

Trịnh-Doanh cho con là Trịnh-Sâm làm Tiết-chế Thái-ủy Tĩnh-quốc-công.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 23*

Sai binh đánh Hòa-trác-mộc, bỏ lạc người Hồi.

NK Nước Phổ diệt binh Nga.

29-1-1759, KỶ-MÃO

VN *Lê Hiến-tông, Cảnh-hưng, năm 20*

Ý-tông băng.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 24*

Hồi-bộ được dẹp yên.

Các bộ-lạc Bô-lỗ-đặc-cáp-tát-khắc nối nhau đầu hàng

NK Nước Anh đánh bại quân Pháp, lấy Gia-nã-dại.

17-2-1760, CANH-THÌN

VN *Lê Cảnh-hưng, năm 21*

Khiến dân nộp thóc để lãnh chức quan.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 25*

5-2-1761, TÂN-TY

VN *Lê Cảnh-hưng, năm 22*

Lê-Đình-Chu đánh giặc Hoàng-Văn-Chất ở Hưng-hóa và đánh bại được giặc.

Sứ nhà Thanh sang dụ tế và sách phong.

Trịnh-Giang chết.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 26*

NB Đức-xuyên Gia-trị thuộc dòng Vũ-vương thứ 38.

25-1-1762, NHÂM-NGỌ

VN *Lê Cảnh-hưng, năm 23*

Đặt ra Bi-thư-các.

Thế-tông Hiếu-vũ hoàng-đế, năm thứ 24, Thế-tổ Cao Hoàng-đế dẫn sanh.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 27*

NK Hoàng-đế nước Nga là Bử-đắc đệ III (Pierre III) lên ngôi, Hoàng-hậu là Khách-đức-lân (Catherine) phế vua xuống và tự lập làm vua.

13-2-1763, QUỠ-VỊ

- VN *Lê Hiến-tông, Cảnh-hưng, năm 24*
Trịnh-Doanh trở về trấn Thanh-hóa.
Cho Bùi-Thế-Đạt tạm lãnh chức vụ trấn thủ Nghệ-an.
Cho Đỗ-Thế-Giai lúc mãn đại tang, tạm lãnh chức vụ ở phủ chúa.
- TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 28*
- NK *Hậu Anh-thịnh Thiên-hoàng (Go-Sakuramachi), nguyên-niên*
Thiên-hoàng thứ 117 của Nhật-bản.

12-2-1764, GIÁP-THÂN

- VN *Lê Cảnh-hưng, năm 25*
Lập con là Duy-Huy làm Hoàng thái-tử.
Cấm phi báng.
Lại cấm thương khách người Tàu không đặng ở lẫn-lộn với người Việt-nam.
Cho Đàm-Xuân-Vực làm Đốc-suất Thanh, Nghệ.
- TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 29*
Cuộc nổi loạn ở Ô-thập (Hồi bộ).
- NK Hoàng-hậu nước Nga là Khách-đức-lân (Catherine) lập vị sủng thần làm vua Ba-lan.
Nhật-bản cải nguyên là Minh-hòa.

21-1-1765, ẤT-DẬU

- VN *Lê Cảnh-hưng, năm 26*
Duệ-tông Hiếu-định hoàng-đế triều ta (Nguyễn) nối ngôi ; vua là con thứ 16 của Thế-tông, được vị quyền-thần là Trương-Phúc-Loan mạo chiếu-mệnh lập làm vua, ở ngôi đặng 12 năm, thọ được 24 tuổi, an-táng tại lăng Trường-thiệu, gọi là Khánh-phủ đạo-nhân.
- TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 30*
Hồi-bộ lại nổi loạn, bị Minh-Thụy đánh dẹp.
Miến-diện vào cướp phá.
- NK Vua Mông-cổ ở Ấn-độ cắt những đất Mạnh-gia-lợi (Bengale) cho Anh.
Dân Anh ở Mỹ-châu không nhận chịu thuế của Anh.

31-1-1767, ĐÌNH-HỢI

- VN *Lê Cảnh-hưng, năm 28*
Trịnh-Doanh chết, con là Trịnh-Sâm tự lập làm Nguyên-súy Tĩnh-đô-vương.

Bùi-Thế-Đạt đánh Lê-Duy-Mật ở Hương-sơn, đuổi được Lê-Duy-Mật.

Em của Trịnh-Sâm là Đệ mưu giết Trịnh-Sâm, việc phát giác, mà bị hạ ngục.

TQ *Thanh Cao-tông, năm 32*
Minh-Thụy đánh Miến-diện.

NK Miến-diện hãm kinh-đô Xiêm-la là Do-địa-á (Ayouthia).

18-2-1768, MẬU-TÝ

VN *Lê Cảnh-hung, năm 29*
Nguyễn-Đình-Huấn làm Thống-lãnh Thanh-hoa, Sơn-tây, Hưng-hóa, đánh Thanh-châu.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 33*

7-2-1769, KỶ-SỬU

VN *Lê Cảnh-hung, năm 30*
Quan Thống-lãnh Đoàn-Nguyên-Xúc vào Thanh-châu, Mãn-thiên-dộng được dẹp yên.
Hoàng-thái-tử Duy-Huy bị Trịnh-Sâm phế.
Trịnh-Sâm tự tiến phong làm Thượng-sư Tĩnh-vương.

Lập Duy-Cần làm Hoàng-thái-tử.

Bọn Bùi-Thế-Đạt đánh Trấn-ninh, năm sau đắc thắng, Duy-Mật tự thiêu mà chết.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 34*
Hòa với Miến-diện.

NK Người Mỹ mưu tự lập.
Nã-phá-luân sinh ra.

15-2-1771, TÂN-MÃO

VN *Lê Cảnh-hung, năm 32*
Nhà Thanh trả lại ta đất Lộc-Bình châu.
Nam-chưởng đến cống.
Ngô-Thì-Sĩ miễn chức.
Trịnh-Sâm giết cố Thái-tử Duy-Huy và quan Hiệu-diêm Nguyễn-Lệ
Duệ-tông Hiếu-định hoàng-đế, năm thứ 6, quân Xiêm bức Hà-tiên, Mạc-Thiên-Tứ chạy, đến năm thứ 8, Xiêm mới trả lại Hà-tiên.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 36*
Bộ lạc Thổ-nhĩ-hộ-đặc đến quy phụ.

- NB *Hạm Đào-viên Thiên-hoàng (Go-Monozono), nguyên-niên.*
Thiên-hoàng thứ 118 của Nhật-bản.
- NK Vua nước Anh sai binh đánh Mỹ mà không thắng.
- 4-2-1772, NHÂM-THÌN
- VN *Lê Cảnh-hưng, năm 33*
- TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 37*
Lại đi chinh phạt Kim-xuyên.
- NK Nước Ba-lan bị chia làm ba, mỗi nước Nga, Áo,
Thổ lấy một bộ.
Nhật-bản cải nguyên là Vĩnh-an.
- 23-1-1773, QUỠ-TY
- VN *Lê Hiến-tông, Cảnh-hưng, năm 34*
Duệ-tông Hiếu-định hoàng-đế năm 8, Tây-sơn
Nguyễn-Văn-Nhạc chiếm cứ thành Quy-nhơn, và
lại chiếm cứ Quảng-nghĩa, khiến bộ-đảng đánh
cướp các phủ Diên-khánh, Bình-khang.
- TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 38*
Mở ra Tứ-khố toàn-thư-quán, cho Kỷ-Duân làm
Tổng-toản.
- NK Hoàng-đế nước Thổ lấy Ai-cập.
- 11-2-1774, GIÁP-NGỌ
- VN *Lê Cảnh-hưng, năm 35*
Trịnh-Sâm sai Hoàng-Ngũ-Phúc xâm phạm phía
nam, kinh-thành Thuận-hóa bị hãm.
Duệ-tông Hiếu-định hoàng-đế đến Quảng-nam.
- TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 39*
Vương-Luân ở Sơn-dông làm loạn.
- NK Người Mỹ mở Hội-nghị đại lực ở Phi-lạp-đắc-nhĩ
phi-á (Philadelphia).
- 31-1-1775, ẤT-VỊ
- VN *Lê Cảnh-hưng, năm 36*
Duệ-tông năm thứ 10, lập Mục-vương làm Thái-tử,
đóng đồn ở Cầu-đê.
Trịnh xâm phạm Quảng-nam, vua đi đường biển
vào Gia-định.
Tây-sơn đầu hàng chúa Trịnh, chúa Trịnh vời
Hoàng-Ngũ-Phúc trở về, cho Bùi-Thế-Đạt thay thế,
lại cho Lê-Quý-Đôn làm Tham-thị Thuận-hóa.
- TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 40*

19-2-1776, BÌNH-THÂN

VN *Lê Cảnh-hưng, năm 37*

Tháng ba năm Duệ-tông thứ 11, Nguyễn-Văn-Nhạc dựng thành Đồ-bàn, tiếm xưng là Tây-sơn vương, Nguyễn-Huệ làm Long-nhương tướng-quân.

Tháng 11 vua nhường ngôi cho Đông-cung ; vua mới xưng là Tân-chính-vương, tôn Duệ-tông làm Thái-thượng-hoàng.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 41*

Tướng quân A-Quế dẹp yên Kim-xuyên.

NK Người Mỹ tôn Hoa-thịnh-đốn (Washington) làm sứ, ly khai nước Anh mà độc-lập.

8-2-1777, ĐÌNH-DẬU

VN *Lê Hiến-tông, Cảnh-hưng, năm 38*

Trịnh-Sâm khiến bọn Lê-Quý-Đôn định binh thuế ở Thuận-hóa.

• Cho Nguyễn-văn-Nhạc trấn Quảng-nam.

Hợp Nam, Bắc Bổ-chính lại làm một, thuộc vào Nghệ-an.

Duệ-tông năm thứ 12, Nguyễn-Văn-Huệ tiến phạm Gia-định, Tân-chính-vương bị hại, vua (Duệ-tông) đến Long-xuyên, đến tháng 9 thì băng.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 42*

NK Hợp-chúng-quốc ở Mỹ-châu thành lập.

Ở Triều-tiên, đời thứ 22, Chính-tông Văn-thành vương nguyên-niên.

28-1-1778, MẬU-TUẤT

VN *Lê Cảnh-hưng, năm 39*

Thế-tổ Cao-hoàng-đế, nguyên-niên ; nhà vua là con thứ 3 của Hưng-tổ Hiếu-khang hoàng-đế, lên ngôi vương 22 năm, lên Đế-vị 18 năm, thọ 58 tuổi, an táng ở lăng Thiên-thụ.

Vua đóng ở Sài-côn, khắc phục được Bình-thuận. Nguyễn-Văn-Nhạc đặt nguy hiệu là Thái-đức.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 43*

NK Xiêm-la phá Miến-diện.

Trịnh-Chiếu (người Trung-Quốc) làm vua nước Xiêm-la.

16-2-1779, KỶ-HỢI

VN *Lê Cảnh-hưng, năm 40*

Trịnh-Sâm tự mở các khoa thi hương, hội.

Thế-tổ Cao-hoàng-đế, năm 2, đánh Chân-lập, lập
Nặc-Ấn làm vua, đề Hồ-Văn-Lân bảo-hộ.

Chia Gia-định làm ba dinh : Trấn-biên, Phiên-trấn,
Long-hồ.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 44*

5-2-1780, CANH-TÝ

VN *Lê Cảnh-hưng, năm 41*

Trịnh-Sâm truất con trưởng là Trịnh-Khải.

Người nhà Thanh chiếm đất sáu châu ở An-tây.

Thế-tổ Cao hoàng-đế, nguyên-niên, lên ngôi vương
ở Sài-côn.

Đẹp yên viên tù-trưởng làm phản ở Niết-vinh.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 45*

Ban-thiên lạt-ma đến châu.

NB *Quang-cách Thiên-hoàng (Kōkaku), nguyên-niên.*

Thiên-hoàng thứ 119 của Nhật-bản.

NK Nước Nga xởng ra đầu tiên «Cuộc ngoại trung
lập công pháp».

24-1-1781, TÂN-SỬU

VN *Lê Hiến-tông, Cảnh-hưng, năm 42*

Trịnh-Sâm lập con út là Trịnh-Cán làm Thế-tử.

Thế-tổ Cao -hoàng -đế, năm 2, Đỗ-Thành-Nhân
có tội phải chết.

Xiêm-la xâm phạm Chân-lập. Năm sau vua sai
Nguyễn-Hữu-Thụy đi cứu viện.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 46*

Đại học-sĩ A-Quế dẹp yên cuộc khởi loạn của
người Hồi.

NK Pháp, Tây-ban-nha và Hà-lan ba nước hợp binh
đánh Anh.

Tướng nước Anh là Khang-hoa-ly (Cornwallis) đầu
hàng ở Mỹ.

Nhật-bản cải nguyên là Thiên-minh.

12-2-1782, NHÂM-DẪN

VN *Lê Cảnh-hưng, năm 43*

Trịnh-Sâm chết, binh tam-phủ làm loạn, phế

Trịnh-Cán, lập Trịnh-Khải, phong Đao-nam-vương.
Nguyễn-Hữu-Chỉnh chạy đi đầu hàng Tây-sơn.
Thế-tổ Cao-hoàng-đế, năm 3, Nguyễn-Nhạc và
Nguyễn-Huệ vào cướp phá.
Chu-Văn-Tiếp khắc phục Gia-định, vua hồi loan.
Thông-hiệu với Xiêm-la.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 47*

Trịnh-Hoa làm vua Xiêm-la sai sứ vào cống.

NK Quốc-hội Ái-nhĩ-lan độc lập.

2-2-1783, QUỲ-MÃO

VN *Lê Cảnh-hưng, năm 44*

Lập Duy-Kỳ làm Hoàng-thái-tôn, giáng Duy - Càn
làm Sùng - nhượng - công. Dừng Nguyễn - Lệ làm
tham-tụng, Dương-Khuông quyền Phủ-sự.

Thế-tổ năm 4, Nguyễn-Lữ và Nguyễn-Huệ vào
cướp phá.

Phạm-Văn-Nhân, Nguyễn-Văn-Liêm cùng Bá-đa-lộc
hộ-vệ Tăng-duệ hoàng-tử sang Tây xin giúp.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 48*

NK Anh, Pháp và Tây-ban-nha giao hòa, cho Mỹ độc-lập.

22-1-1784, GIÁP-THÌN

VN *Lê Cảnh-hưng, năm 45*

Bình Tam-phủ giết Nguyễn-Triêm.

Bùi-Huy-Bích làm tham-tụng.

Thế-tổ Cao - hoàng - đế, năm 5, vua đi Xiêm - la,
tháng 6 vua trở về Gia-định ; Xiêm-la cho binh
giúp, bị Nguyễn-Huệ đánh bại chạy trở về.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 49*

9-2-1785, ẤT-TY

VN *Lê Hiến-tông, Cảnh-hưng, năm 46*

Quần thần dâng tôn-hiệu.

Phạm-Nguyễn-Du dâng thư nói việc lầm lỗi.

Tu sửa Thái-học.

Giặc biển ở An-quảng khởi lên.

Thế-tổ Cao - hoàng - đế, năm 6, vua đến thành
Vọng-các, Lê-Văn-Quân tướng-binh bản bộ bãi yết
ở hành-tại. Đến năm thứ 8 vua từ Xiêm trở về.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 50*

10-1-1786, BÌNH-NGO

VN *Lê Cảnh-hung, năm 47*

Nguyễn-Huệ cướp phá Thuận-hóa, tiến phạm Thăng-long, Trịnh-Khải tự sát.

Hiền-tông băng, cháu Thái-tông lên ngôi.

Nguyễn-Nhạc đến Thăng-long, cho Nguyễn-Huệ trở vào nam. Nguyễn-Hữu-Chỉnh chạy về Nghệ-an.

Trịnh-Bồng tự lập làm Án-đô vương.

Vua vời Nguyễn-Hữu-Chỉnh vào hộ vệ, năm sau đánh Trịnh-Bồng, nhà Trịnh mất.

TQ *Thanh Cao-tông, năm 51*

Lâm-Giáp-Văn ở Đài-loan làm phản, hãm huyện Chương-hóa, năm sau bị dẹp yên.

18-2-1787, ĐÌNH-VỊ

VN *Lê Mẫn-đê, Chiêu-thông, nguyên-niên*

Tên là Duy-kỳ, cháu của Hiền-tông, ở ngôi được 3 năm.

Nguyễn-Văn-Nhạc xưng đế ở Quy-nhơn, Nguyễn-Huệ làm Bắc-bình-vương, Nguyễn-Lữ làm Đông-định-vương rồi chết. Tây-sơn công hãm Thăng-long, vua Chiêu-thống xuất bôn, giặc bắt Hữu-Chỉnh và giết đi.

TQ *Thanh Cao-tông, năm 52*

NK Nga và Thổ khai chiến.

Ở Nhật-bản, Đức-xuyên Gia-tế thuộc dòng Vũ-vương thứ 39.

7-2-1788, MẬU-THÂN

VN *Lê Mẫn-đê, Chiêu-thông, năm 2*

Nguyễn-Văn-Huệ vào Thăng-long rồi lại trở vào Nam. Hoàng-thái-hậu sang nhà Thanh xin binh, Tôn-Sĩ-Nghị nhà Thanh đem viện binh khắc phục Thăng-long, vua Lê trở về kinh,

Thế-tổ, năm 9; khắc phục Gia-định, trừ bỏ những luật pháp hà-khắc của Tây-sơn.

Nguyễn-Văn-Huệ xưng đế-hiệu là Quang-trung, cử đại binh cướp đất Bắc.

TQ *Thanh Cao-tông, năm 53*

NK Nước Mỹ bắt đầu thực dân ở Úc-châu.

26-2-1789, KỶ-DẬU

VN *Lê Mân-đề, Chiêu-thông, năm 3*

Quân nhà Thanh bị Nguyễn-Huệ đánh bại, Tôn-Sĩ-Nghị chạy trở về, vua Lê xuất bôn sang nhà Thanh (năm Kỷ-sửu thì mất), nhà Lê mất. Nhà Thanh phong cho Nguyễn-Huệ làm An - nam quốc-vương. Thế-tổ, năm 10, Tăng-duệ hoàng-tử từ bên Tây trở về, có Nguyễn-Văn-Thắng, Nguyễn-Văn-Chấn đi theo.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 45*

NK Ở nước Mỹ, Hoa-thịnh-dốn làm Đại tổng-thống.

Ở nước Pháp, Đại Cách-mạng khởi lên.

Nhật-bản cải nguyên là Khoan-chính.

14-2-1790, CANH-TUẤT

VN *Hoàng-triều Thê-tổ Cao hoàng-đề, năm 11*

Khắc-phục Bình-thuận.

Sai Nguyễn-Đình-Đắc chiêu dụ những hào kiệt ở Bắc-hà.

Bắt đầu đặt đồn-điền.

Nguyễn-Văn-Huệ xưng là Nguyễn-Quang-Bình, cầu phong với nhà Thanh, khiến người thay thế qua triều kiến vua Thanh.

TQ *Thanh Cao-tông, năm 55*

Khoách-nhĩ-khách (Gurkha) xâm phạm Tây-tạng.

NK Nước Pháp mở công-hội, định hiến-pháp.

3-2-1791, TÂN-HỢI

VN *Hoàng-triều Thê-tổ, năm 12*

Chưởng tiền-quân Lê-Bá-Quân có tội, tự sát.

Thánh-tổ Nhân hoàng-đế sinh ra.

Lập đền Hiền-trung.

Mở khoa thi.

TQ *Thanh Cao-tông, năm 56*

24-1-1792, NHÂM-TÝ

VN *Hoàng-triều Thê-tổ, năm 13*

Vua thân chinh, trú quân ở Thi-nại, đắc thắng khải hoàn.

Nguyễn-Văn-Huệ chết, con là Quang-Toản nối ngôi hiệu là Cảnh-thịnh.

TQ *Thanh Cao-tông, năm 57*

Tướng-quân Phúc-Khang-An đánh Khoách-nhĩ-khách và dẹp yên được.

NK Nước Pháp trở thành nước Cộng-hòa. Các nước Áo và Phổ đánh nước Pháp.

Nã-phá-luân làm Tổng-thống.

Loại-tư thứ 16 (Louis XVI) chết.

11-2-1793, QUỲ-SỬU

VN *Hoàng-triều Thê-tổ Cao hoàng-đế, năm 14*

Lập Tăng-duệ hoàng-tử làm Đông-cung. Mở Sứ-phủ. Vua thân chinh đánh Quy-nhơn, đề Đông-cung trấn Gia-định, thu phục được Diên-khánh, Bình-khang, Phú-yên, bèn vây Quy-nhơn rồi lại đem quân trở về. Đông-cung trấn Diên-khánh. Nguyễn-Văn-Nhạc chết.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 58*

Anh-cát-lợi sai sứ dâng sinh-lễ.

Bạch-liên giáo làm loạn.

NK Ở nước Pháp, La-bá-tư-tỷ-nhĩ (Robespierre) chủ chính, năm sau bị giết.

31-1-1794, GIÁP-DẦN

VN *Hoàng-triều Thê-tổ, năm 15*

Giặc tiến phạm Phú-yên, vây Diên-khánh.

Vua thân chinh và đánh đuổi được.

Thuyền rồng tiến vào cửa Thị-nại, khiến Đông-cung trở về Gia-định trước. Vua trở về Gia-định. để lại Chưởng hậu-quân Võ-Tánh trấn Diên-khánh.

Dùng Đặng-Trần-Thường làm Lại-bộ Tả tham-tri.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 59*

NK Người Ba-lan mưu khôi phục nhưng không thắng.

21-1-1795, ẤT-MÃO

VN *Hoàng-triều Thê-tổ, năm 16*

Trần-Quang-Diệu tiến phạm Diên-khánh, vua sai Đông-cung trấn Gia-định, rồi tự đốc suất đoàn chiến-thuyền đi cứu viện. Trần-quang-Diệu chạy về Quy-nhơn. Tôn-thất-Hội ở lại trấn Diên-khánh.

Vua trở về Gia-định.

Bọn Tây-sơn Vũ-Văn-Dũng giết lẫn nhau, Nguyễn-Quang-Toản không chế-dự được.

TQ *Thanh Cao-tông, Càn-long, năm 60*

9-2-1796, BÍNH-THÌN

VN *Hoàng-triều Thê-tổ, năm 17*

Sai sứ sang Xiêm,

Nguyễn-Hoàng-Đức thay Tôn-thất-Hội trấn Diên
khánh.

Sửa lại Thái-miếu.

Bắt đầu đúc tiền Gia-hưng thông-bảo.

TQ *Thanh Nhân-tông, Gia-khánh, nguyên-niên*

Tên là Ngung-Diệm, con của Cao-tông, ở ngôi được
25 năm, đã được nhường ngôi trong ngày nguyên-
đán.

28-1-1797, ĐÌNH-TY

VN *Hoàng-triều Thê-tổ Cao hoàng-đề, năm 18*

Vua thân trông coi chiến-thuyền đi đánh Quy-nhơn
rồi lại đem quân về, để lại Nguyễn-Văn-Thành
trấn Diên-khánh.

Sai sứ sang Xiêm.

TQ *Thanh Nhân-tông, Gia-khánh, năm 2*

NK Tướng nước Pháp là Nã-phá-luân đi đánh nước Ý
và nước Áo.

16-2-1798, MẬU-NGỌ

VN *Hoàng-triều Thê-tổ, năm 19*

Đông-cung trấn Diên-khánh có Bá-đa-lộc đi theo.
Bình-tây đại tướng-quân Tôn-thất-Hội chết.

Tây-sơn Tiều-triều Nguyễn-Văn-Bảo bị Quang-Toản
giết.

TQ *Thanh Nhân-tông, Gia-khánh, năm 3*

NK Nã-phá-luân đánh Ai-cập bị tướng nước Anh là
Nột-nhĩ-tôn (Nelson) phá.

Giáo-hoàng Ti-hộ thứ 6 (Pie VI) bị bắt ở nước Pháp.

25-2-1799, KỶ-VỊ

VN *Hoàng-triều Thê-tổ, năm 20*

Sai sứ sang Xiêm, Xiêm hẹn giúp binh.

Vua đi đánh Quy-nhơn, thắng được ; đổi làm thành
Bình-định, khiến Võ-Tánh và Ngô-Tùng-Châu ở lại
trấn giữ.

Nguyễn-Văn-Thành khắc phục được Phú-yên.

Giám-mục Thượng-sư Bá-đa-lộc chết.

Cho Nguyễn-Văn-Tĩnh, Đặng-Trần-Thường trấn

Diên-khánh.

Vua đến Gia-định.

TQ *Thanh Nhân-tông, Gia-khánh, năm 4*
Cao-tông băng, cho Hòa-Thân tội chết.

NK Nước Pháp và Nga, Áo, Anh, Bồ đánh nhau.

25-1-1800, CANH-THÂN

VN *Hoàng-triều Thê-tổ, năm 21*

Tướng Tây-sơn là Diệu và Dũng vây Bình-định, vua cử đại binh đến cứu viện, khiến Hoàng-tử thứ 2 là Hy trấn Diên-khánh, Nguyễn-Văn-Thành, Tống-Viết-Phúc, Lê-Văn-Duyệt cả phá quân giặc ở Thị-dã. Bọn Thượng-đạo tướng-quân Nguyễn-Văn-Thụy đánh Nghệ-an, Bắc-hà hưởng ứng.

TQ *Thanh Nhân-tông, Gia-khánh, năm 5*

NK Nã-phá-luân cả phá quân Áo.

13-2-1801, TÂN-DẬU

VN *Hoàng-triều Thê-tổ Cao hoàng-đê, năm 22*

Đoàn chiến-thuyền phá giặc ở cửa Thị-nại.

Đông-cung Nguyên-sủy quận-công chết.

Nguyễn-Văn-Trương khắc phục Quảng-nam.

Tháng 5 năm Mậu-dần khôi phục được kinh-đô cũ.

Giặc là Quang-Toản chạy ra bắc, cải nguyên là Bảo-hùng, cất quân và cướp phá, vua thân chinh đi đánh

Võ - Tánh, Ngô - Tùng - Châu tuần tiết ở thành Bình-định.

TQ *Thanh Nhân-tông, Gia-khánh, năm 6*

NK Nhật-bản cải nguyên là Hanh-hòa.

Ở Triều-tiên, đời thứ 23, Thuần-tổ Uyên-dức vương, nguyên-niên.

Giáo-hoàng Tý-hộ thứ 7 (Pie VII) cùng với Nã-phá-luân lập điều-uớc.

3-2-1802, NHÂM-TUẤT

VN *Hoàng-triều Thê-tổ, Gia-long, nguyên-niên*

Thu phục thành Bình-định.

Đúc tiền.

Đổi phủ Gia - định làm trấn. Phụng Quốc - mẫu tiến kinh

Xây dựng hoàng-thành.

Vua ngự ra điện nhận lời chúc mừng của triều-thần, kiến nguyên là Gia-long, đại ân xá.

Vua ngự giả đánh đất bắc, giặc Tây-sơn đều dẹp yên, vua trở về kinh.

Sai sứ sang nhà Thanh xin phong.

TQ *Thanh Nhân-tông, Gia-khánh, năm 7*

NK Nã-phá-luân chung thân làm Tổng-thống.

23-1-1803, QUỲ-HỢI

VN *Hoàng-triều Thê-tổ, Gia-long, năm 2*

Đúc 9 chiếc đại bác bằng đồng.

Lập đàn ở An-ninh hợp tế trời đất.

Dựng đô thành.

Hồng-mao xin thông thương, không cho.

Vua đi tuần đất Bắc.

Mở tiền cuộc ở Bắc thành.

Lập ra miếu Lịch-dại đế-vương.

TQ *Thanh Nhân-tông, Gia-khánh, năm 8*

11-2-1804, GIÁP-TÝ

VN *Hoàng-triều Thê-tổ, Gia-long, năm 3*

Vua trú-tất ở Thăng-long.

Sứ nhà Thanh là Tề-Bố-Sâm sang tuyên phong, đổi quốc hiệu là Việt-nam, lễ bang giao xong, vua trở về.

Đúc ấn lục bộ.

Dời miếu nhà Lê dựng ở Bồ vệ (Thanh-hóa).

Linh cữu của Lê Mẫn-đế từ bên Tàu đưa về.

Dời dựng trấn thành Nghệ-an, Thanh-hóa.

TQ *Thanh Nhân-tông, Gia-khánh, năm 9*

Vùng Tây-nam luôn mấy năm bị loạn to, đến năm này đều dẹp yên.

NK Nã-phá-luân xưng đế, năm sau kiêm làm vua nước Ý, Nhật-bản cải nguyên là Văn-hóa.

Nước Anh chiếm Áo-tước-ni (Océanie) làm đất thực dân.

31-2-1805, ÂT-SỬU

VN *Hoàng-triều Thê-tổ Cao hoàng-đê, Gia-long, năm 4*

Xây dựng kinh thành.

Định luật lĩnh.

TQ *Thanh Nhân-tông, Gia-khánh, năm 10*

NK Nga, Đức đánh với Hoàng-đế nước Pháp.
Tướng nước Anh là Nột-nhĩ-tôn (Nelson) phá hạm-
đội Pháp.

18-2-1806, BÍNH-DẪN

VN *Hoàng-triều Thê-tổ, Gia-long, năm 5*

Xây đàn Nam-giao, đàn Xã-tắc.

Định phẩm phục quan văn, quan võ.

Tháng 5, lên ngôi Hoàng-đế ở điện Thái-hòa.

Truy tôn huy hiệu các Vua và Hoàng-hậu đời trước.

Xiêm-la hiến dâng chiến-thuyền.

Lê-Quang-Định tiến dâng bộ *Nhất thống dư-địa chí*.

TQ *Thành Nhân-tông, Gia-khánh, năm 11*

NK Hoàng-đế nước Đức tước bỏ cái tên Thần-thánh
La-mã Đế-quốc (Saint Empire romain), cải xưng là
Hoàng-đế nước Áo.

7-2-1807, ĐÌNH-MÃO

VN *Hoàng-triều Thê-tổ, Gia-long, năm 6*

Tháng 2 tế giao, rước Gia-dụ hoàng-đế thăng phối.

Định phép thi hương.

Sách phong Cao-man quốc-vương, định 3 năm cống
một lần.

Bắt đầu mở khoa thi hương từ Nghệ-an ra bắc.

Hiển-tổ Chương-hoàng-đế sinh ra.

TQ *Thanh Nhân-tông, Gia-khánh, năm 12*

Đề-dốc Lý-Trường-Canh đánh giặc biển ở Đài-loan
bị tử-chiến.

NK Nước Phổ với nước Nga đánh với nước Pháp
bị thua.

Người Mỹ-Phú-nhĩ-tôn (Fulton) chế tạo ra thuyền
chạy bằng hơi nước.

28-1-1808, MẬU-THÌN

VN *Hoàng-triều Thê-tổ Gia-long, năm 7*

Đổi trấn Gia-định ra thành Gia-định, đổi các doanh :
Phiên-trấn làm Phiên-an, Trấn-biên làm Biên-hòa,
Trấn-vĩnh làm Vĩnh-thanh, Trấn-định làm Định-
tường. Sai Lê-Văn-Duyệt đánh rợ Đá-vách.
Dựng Văn-miếu ở An-ninh.

Giặc cướp ở Bắc-thành được dẹp yên.

TQ *Thanh Nhân-tông, Gia-khánh, năm 13*

Anh, Pháp chiếm Áo-môn rồi lại rút lui.

NK Hoàng-đế nước Pháp đánh với nước Anh

Nước Pháp lấy Tây-ban-nha.

14-2-1809, KỶ-TY

VN *Hoàng-triều Thê-tổ Cao hoàng-đề, Gia-long, năm 8*

Đặt chức Bắc-thành đề-chính.

Định thuế ngạch thuyền buôn ở Hà-tiên, Hạ-châu và Xiêm-la

Bắt đầu đặt lục-bộ-thượng-thư.

TQ *Thanh Nhân-tông, Gia-khánh, năm 14*

Bọn đề-dốc Vương-Đắc-Lộc phá được giặc biển, hai biển Mân, Chiết bắt đầu được dẹp yên.

NK Hoàng-đế nước Pháp vây kinh đô nước Áo, nước Áo phải cắt đất đầu hàng.

4-2-1810, CANH-NGO

VN *Hoàng-triều Thê-tổ, Gia-long, năm 9*

Định vị thứ các bầy tôi trung tiết trong thời khai-quốc và các công thần trong buổi trung-hưng.

Nguyễn-Văn-Thành từ Bắc-thành vào bề kiến.

Quan Chưởng-trung-quân Nguyễn-Văn-Trương chết.

Ban bố thước đo ruộng.

TQ *Thanh Nhân-tông, Gia-khánh, năm 15*

NK Nước Pháp thôn-tính nước Hà-lan.

25-1-1811, TÂN-VỊ

VN *Hoàng-triều Thê-tổ, Gia-long, năm 10*

Định luật - lệ, cho Nguyễn - Văn - Thành sung chức Tổng-Tài.

Trương-Phúc-Giáo làm Trấn-thủ Hà-tiên.

Hoàng-thái-hậu băng.

TQ *Thanh Nhân-tông, Gia-khánh, năm 16*

NK Ủy-nội-thụy-lạp (Venezuela) độc-lập.

13-2-1812, NHÂM-THÂN

VN *Hoàng-triều Thê-tổ, Gia-long, năm 11*

Khiến các tổng ở các trấn đặt Tổng-giáo để dạy sơ học.

Nguyễn-Văn-Thành dâng sớ điều-trần.

Cho Lê-Văn-Duyệt làm Tổng-trấn thành Gia-dịnh,

Trương-Tấn-Bửu làm phó.

Bắt đầu đúc đỉnh bạc một lượng.

TQ *Thanh Nhân-tông, Gia-khánh, năm 17*

NK Pháp đánh Nga, vây kinh-đô nước Nga, rồi đại bại trở về.

Hy-lạp mở hội Văn-học ở Nhã-diễn (Athènes).

1-2-1813, QUỲ-DẬU

VN *Hoàng-triều Thê-tổ Cao hoàng-đê, Gia-long, năm 12*

Dựng Điện-hải-dài và An-hải-bảo ở Quảng-nam.

Đổi cửa Nhuyễn-hải làm cửa Thuận-an, dựng Trấn-hải-dài.

Sai Lê-Văn-Duyệt, Ngô-Nhân-Tĩnh đưa vua Chân-lạp về nước.

Dựng thành Nam-vang và Lư-yêm, để Nguyễn-Văn-Thụy ở lại bảo-hộ.

Mở khoa thi từ Quảng-bình trở về Nam.

TQ *Thanh Nhân-tông, Gia-khánh, năm 18*

Thiên-Lý-Giáo cướp phá Lâm-thanh, tiến phạm cung cấm, Tri-Dũng Thân-vương đánh lui được chúng.

NK Các nước ở Âu-châu hợp lực đánh Nã-phá-Luân, quân Pháp thua luôn.

20-2-1814, GIÁP-TUẤT

VN *Hoàng-triều Thê-tổ, Gia-long, năm 13*

Xiêm-la hiến dâng phẩm vật.

Thừa-thiên Cao-hoàng-hậu băng.

TQ *Thanh Nhân-tông, Gia-khánh, năm 19*

NK Hoàng-đế nước Pháp bị đưa ra Hải-đảo.

Mở Hội-nghị ở Duy-nã-nạp (Vienne).

Các nước Đồng-minh mở hội-nghị giảng hòa ở Ba-lê, ký kết Điều-ước Ba-lê lần thứ nhất, điều-ước có 33 điều.

Nước Pháp ban bố Tàn-hiến-pháp.

9-2-1815, ẤT-HỢI

VN *Hoàng-triều Thê-tổ, Gia-long, năm 14*

Ban hành luật-lệ của quốc-triều.

Quan Chưởng hữu-quân Phạm-văn-Nhân chết.

TQ *Thanh Nhân-tông, Gia-khánh, năm 20*

NK Nã-phá-luân khởi binh lại thua, bị đưa ra xa ở

Thánh-hải-luân (Sainte Hélène).

Các nước Đồng-minh ký kết điều-ước Ba-lê lần thứ hai.

Ba nước quân chủ là Nga, Áo, Phổ ký kết Thần-thánh đồng-minh (Sainte-Alliance).

Duy-dã-nạp (Vienne) mở hội-ngهی.

29-1-1816, BÌNH-TỶ

VN *Hoàng-triều Thê-tổ, Gia-long, năm 15*

Đắp thành Châu-đốc.

Lập Thánh-tổ làm Thái-tử.

Thu hồi ấn-thụ Chương trung-quân của Nguyễn-Văn-Thành.

Cho phiên-liều Chân-lạp áo mảo thường triều.

Cho Lưu-Phúc-Tường bảo-hộ Chân-lạp.

Diên-tự-công Lê-Duy-Hoán mưu phản bị hạ ngục.

Ban-bổ tiền Gia-long thông-bảo.

TQ *Thanh Nhân-tông, năm 21*

Sứ thần Anh-cát-lợi đến dâng sinh-lễ.

16-2-1817, ĐÌNH-SỬU

VN *Hoàng-triều Thê-tổ Cao hoàng-đế, Gia-long, năm 16*

Nguyễn-văn-Thành tự sát.

Soạn bộ *Diên-hải lục*.

Cho Nguyễn-văn-Xuân quyền bảo-hộ Chân-lạp.

Thuyền của nước Đại Pháp đậu ở Đà-nẵng, xin đến kinh-đô bị từ khước.

TQ *Thanh Nhân-tông, Gia-khánh, năm 24*

NB *Nhân-hiệu Thiên-hoàng (Ninkô)*

Thiên-hoàng thứ 120 của Nhật-bản.

NK Tri-lợi (Chili) độc lập.

5-2-1818, MẬU-DẦN

VN *Hoàng-triều Thê-tổ, Gia-long, năm 17*

TQ *Thanh Nhân-tông, Gia-khánh, năm 23*

NB Nhật-bản cải-nguyên là Văn-chính.

NK Đồng-minh quan-thuế của Đức-ý-chi (Germanie) thành lập.

26-1-1819, KỶ-MÃO

VN *Hoàng-triều Thê-tổ, Gia-long, năm 18*

Sai Lê-Văn-Duyệt kinh-lược Nghệ-an, Thanh-hóa.

Dựng Phú-văn-lâu.

Năm này mở ba con sông ở Nam-kỳ là An-thông, Bảo-định, Vĩnh-tế.

TQ *Thanh Nhân-tông, Gia-khánh, năm 24*
14-2-1820, CANH-THÌN

VN *Hoàng-triều Thánh-tổ Nhân hoàng-đề, Minh-mệnh, nguyên-niên*

Là con thứ 4 của Thế-tổ, ở ngôi được 21 năm, thọ được 51 tuổi, an táng ở Hiếu-lăng.

Đúc tiền Minh-mệnh thông-bảo bằng đồng và bằng chì.

Dựng miếu Khai-quốc trung-tiết công.

Cấm nha-phiến.

Chân-lập làm loạn, Lê-Văn-Duyệt sai Nguyễn-Văn-Tri đánh dẹp, đề Nguyễn-Văn-Thụy bảo hộ.

TQ *Thanh Nhân-tông, Gia-khánh, năm 25*

NK Quốc dân Anh yêu cầu chính-phủ cải lương lại hình-pháp.

Đại-hội Duy-dã-nạp (Vienne).

3-2-1821, TÂN-TY

VN *Hoàng-triều Thánh-tổ Nhân hoàng-đề, Minh-mệnh, năm 2*

Đúc 3 súng đại-bác.

Bắt đầu dựng Quốc-tử-giám, đặt Tế-tửu, Tư-nghiệp.

Vạn-tượng vào cống.

Nguyễn-Văn-Thắng từ bên Tây trở về, tiến dâng hàn-thủ-biểu.

Vua đi tuần đất Bắc.

Sứ nhà Thanh là Phan-Thần-Cung sang dụ tế và sách phong.

TQ *Thanh Tuyên-tông, Đạo-quang, nguyên-niên*

Tổng-dốc lương Quảng là Nguyễn-Nguyên tâu về việc cấm nha-phiến.

NK Chiến-tranh độc-lập của Hy-lạp khởi lên. Khai-luân-tỷ-á (Colombie), Bí-lỗ (Pérou), Mặc-tây-kha (Mexique) độc-lập.

Nã-phá-luân chết.

23-1-1822, NHÂM-NGỌ

VN *Hoàng-triều Thánh-tổ, Minh-mệnh, năm 3*

Vua đến kinh-sư.

Chưởng hữu-quân quận-công Nguyễn-Văn-Nhơn chết.
Bắt đầu mở ân khoa thi hội.

Chân-lạp đến mừng.

Thuyền của Anh-cát-lợi đến Đà-nẵng xin thông
thương bị từ khước.

Đổi doanh Quảng-đức làm phủ Thừa-thiên

TQ *Thanh Tuyên-tông, năm 2*

NK Ba-tây (Brésil) độc lập.

11-2-1823, QUỲ-VY

VN *Hoàng-triều Thánh-tổ, Minh-mệnh, năm 4*

Vua làm bộ Đễ-hệ kim-sách.

TQ *Thanh Tuyên-tông, năm 3*

NK Liên hợp cộng-hòa-quốc ở Trung Mỹ-châu khởi lên.

Chủ nghĩa Mạnh-lộc (Monroë) được tuyên bố.

Mở hiệp-hội thực-dân địa ở Tây-ban-nha.

31-1-1824, GIÁP-THÂN

VN *Hoàng-triều Thánh-tổ, Minh-mệnh, năm 5*

Sai Tổng-trấn Bắc-thành là Lê-Chất kinh lược
Thanh-Nghệ.

Chân-lạp dâng đất, nhận hai phủ Chân-sâm và Mật-
luật.

Quan Chưởng-cơ Nguyễn-Văn-Chấn, Nguyễn-Văn-
Thắng xin trở về nước, được chuẩn hứa cho.

Thuyền của nước Đại-Pháp đến Đà-nẵng xin
thông-hiểu, ban thưởng và đuổi đi.

TQ *Thanh Tuyên-tông, năm 4*

NK Người Anh phá Miến-diện cắt đất Á-sơn-a-la-hán.

Mộ-dị (Louis) thứ 18 của Pháp chết, em là Tra-ly
(Charles) thứ 10 lên ngôi, về sau bỏ hiến-pháp
hành chuyên-chế.

18-2-1825, ẤT-DẬU

VN *Hoàng-triều Thánh-tổ Nhân hoàng-đề, Minh-mệnh, năm 6*

Trịnh-Hoài-Đức chết.

Vua đến Quảng-nam, lên núi Ngũ-hành rồi trở về.

TQ *Thanh Tuyên-tông, Đạo-quang, năm 5*

Giặc Hồi-hồi là Trương-Cách-Nhĩ làm loạn.

Phong Trịnh-Phúc làm vua Xiêm-La.

NK Nước Cộng-hòa Ba-lê-đuy-á (Bolivie) khởi lên.

7-2-1826, BÌNH-TUẤT

VN *Hoàng-triều Thánh-tổ, Minh-mệnh, năm 7*

Vua đến Quảng-bình.

Bắt đầu đặt Giáo dưỡng binh.

Chưởng Hậu-quân quận-công Nguyễn-Văn-Nhân chết.

Khiến dân ở châu Bố-chính (Quảng-bình) đổi y-phục.

Tên giặc cỏ ở Nam-dịnh là Phan-Bá-Vành đẩy lên ;

Vua sai tướng đánh, năm sau mới dẹp yên.

TQ *Thanh Tuyên-tông, năm 6*

Bọn Dương-Ngộ-Xuân và Dương-Phương đánh Trương-Cách-Nhĩ.

27-2-1827, ĐÌNH-HỢI

VN *Hoàng-triều Thánh-tổ, Minh-mệnh, năm 8*

Lễ lục-tuần đại khánh của Thuận-thiên Hoàng-thái-hậu.

A-nỗ ở Vạn-tượng đánh với Xiêm bị bại, xin quân cứu viện, vua sai Phan-Thủy kinh-lược Biên-vụ, quân Xiêm trở về.

Tù-trưởng Trấn-ninh xin quy thuộc.

Những tù-trưởng Cam-cát, Cam-môn, Cam-linh (ở Nghệ-an) hiến dâng sập vật.

Đặt chín châu Cam-lộ.

TQ *Thanh Tuyên-tông, năm 7*

Loạn Hồi-hồi được dẹp yên, Trương-Cách-Nhĩ bị bắt.

NK Chiến thuyền của ba nước Nga, Anh, Pháp cả phá quân Thổ-nhĩ-kỳ ; hội-nghị ở Luân-đôn.

15-2-1828, MẬU-TÝ

VN *Hoàng-triều Thánh-tổ, Minh-mệnh, năm 9*

Bắt đầu mở tịch-diễn.

Quan Thị-lang Nguyễn-Công-Trứ lãnh chức Doanh-diễn sứ.

Đặt phủ Trấn-biên ở Nghệ-an.

Lại đặt hai phủ Lạc-trấn, Tĩnh-biên ; đặt nha Đề-chính.

Đặt huyện Tiền-hải.

Đặt phủ Trấn-man.

Vạn-tượng và Xiêm đánh nhau, A-nỗ bị thua bỏ thành chạy.

TQ *Thanh Tuyên-tông, Đạo-quang, năm 8*

NK Nga và Thổ khai chiến.

Nước Cộng-hòa Ô-lỗ-khue (Uruguay) khởi lên.

4-2-1829, KỶ-SỬU

VN *Hoàng-triều Thánh-tổ Nhân hoàng-đề, Minh-mệnh, năm 10*

Bắt đầu hành lễ Nghinh-xuân.

Mở con sông Lợi-tế ở Phiên-an.

Định lại phép thi hương, thi hội.

Bắt đầu đặt huyện Kim-sơn.

Đặt phủ Tương-dương ở Nghệ-an.

Cho Thống-chế Nguyễn-Văn-Tuyên bảo-hộ Chân-lạp.

Dực-Tông Anh hoàng-đế sinh ra.

Tạ-Quang-Cự quyền nhiệm phủ Trấn-ninh.

TQ *Thanh Tuyên-tông, Đạo-quang, năm 9*

Hạo-Hãn vào cướp phá.

NK Hy-lạp hưng thịnh trở lại.

Bắt đầu có đường sắt.

25-2-1830, CANH-DẦN

VN *Hoàng-triều Thánh-tổ, Minh-mệnh, năm 11*

Cho Nguyễn-Văn-Hiếu trấn Nghệ-an.

Chiến thuyền nước Đại Pháp đậu ở Đà-tân, lên núi Tam-Thai rồi đi.

TQ *Thanh Tuyên-tông, Đạo-quang, năm 10*

Vương-Tổ-Phổ vào cướp phá.

NK Nước Pháp nội loạn, vua Pháp từ ngôi.

Nước Tỹ-lợi-thì (Belgique) độc-lập.

Nhật-bản cải nguyên là Thiên-bảo.

Anh, Nga, Pháp, Thổ hội-nghị ở Luân-đôn, định cho Hy-lạp làm nước độc-lập.

13-2-1831, TÂN-MÃO

VN *Hoàng-triều Thánh-tổ, Minh-mệnh, năm 12*

Xây thành trấn Nghệ-an.

Xây pháo-đài ở đảo Kim-dữ tỉnh Hà-tiên.

TQ *Thanh Tuyên-tông, Đạo-quang, năm 11*

Lại cho Hạo-Hãn thông thương.

NK Vua Pháp là Lỗ-dị Phi-lực (Louis-Philippe) lên ngôi.

Theo điều-ước Luân-đôn, liệt cường công nhận nước Tỷ-lợi-thì là nước trung-lập.

2-2-1832, NHÂM-THÌN

VN *Hoàng-triều Thánh-tổ, Minh-mệnh, năm 13*

Cho Thiệu-Huống làm Phòng-ngự sứ Trấn-ninh.

Cho Ngô-Bá-Tĩnh bảo-hộ Chân-lập.

Tả-quân Lê-Văn-Duyệt chết.

Cho Nguyễn-Công-Trứ quyền Tổng-đốc Hải-an.

Bắt đầu đặt Đò-sát viện.

Đổi phủ Thuận-thành làm phủ Ninh-thuận.

Hoa-kỳ xin thông thương, bị đuổi đi.

TQ *Thanh Tuyên-tổng, năm 12*

Những cuộc loạn ở Hồ-nam, Đài-loan, Quảng-đông.

20-2-1833, QUÝ-TY

VN *Hoàng-triều Thánh-tổ Nhân hoàng-đề, Minh-mệnh, năm 14*

Dựng điện Thái-hòa và Đại-cung-môn, Ngọ-môn.

Dời tỉnh thành Quảng-nam về La-quả.

Bọn Lê-Duy-Lương ở Ninh-bình cướp phá bị đánh dẹp yên.

Lê-Văn-Khôi làm loạn chiếm cứ Phiên-an.

Nùng-Văn-Vân ở Tuyên-quang làm phản.

Quân Xiêm xâm phạm Hà-tiên và Nam-vang.

TQ *Thanh Tuyên-tổng, Đạo-quang, năm 13*

9-2-1834, GIÁP-NGỌ

VN *Hoàng-triều Thánh-tổ, Minh-mệnh, năm 15*

Trương-Minh-Giảng phá các lộ quân Xiêm đều thắng trận, giặc Xiêm được dẹp yên, đưa vua Chân-lập về nước.

Lê-văn-Khôi chết.

Bắt đầu đặt Cơ mật viện.

Bắt đầu đặt ba huyện Phú-lộc, Hương-thủy, Phong-diễn ở phủ Thừa-thiên.

TQ *Thanh, Đạo-quang, năm 14*

29-1-1835, ẤT-VỊ

VN *Hoàng-triều Thánh-tổ, Minh-mệnh, năm 16*

Xây thành Trấn-tây.

Tên phản nghịch Nùng-Văn-Vân chịu tội chết.

Cho công-thần hành-lễ bảo-tất (ôm gối vua).

Lấy lại thành Phiên-an.

Cho phép học văn-tự ngoại-dương.
Giặc mọi ở Bình-thuận được dẹp yên.
Bắt đầu dựng Vũ-miếu.
Thương thuyền Hồng-mao đậu ở Hà-tiên.
Bắt đầu đúc chín vạc (cửu đỉnh).
Sai Thân-Văn-Quyền đi Lữ-tổng (Luçon).

TQ *Thanh Đạo-quang, năm 15*

NK Ở Triều-tiên, đời thứ 24, Hiến-tông Thế-kien vương,
nguyên-niên.

17-2-1836, BÌNH-THÂN

VN *Hoàng-triều Thánh-tổ, Minh-mệnh, năm 17*

Sai bọn Trương-Đăng-Quế kinh lý Nam-kỳ.
Định khóa-trình Tứ dịch quán.
Phân phát tù-nhân Nam-kỳ làm đồn điền ở Trấn-tây.
Thồ-phi ở Thanh-hoa dấy lên, năm sau bị dẹp yên.
Sai Nguyễn-Tri-Phương đưa thuyền buôn mắc nạn
của Anh-cát-lợi đến Hạ-châu.
Chiến thuyền nước Đại-Pháp đậu ở Quảng-nam,
rồi đi.

TQ *Thanh Tuyên-tông, Đạo-quang, năm 16*

NK Ở Pháp, cháu của Nã-phá-luân là Lô-dị Phá-luân
(Louis-Napoléon) mưu soán ngôi vua nước Pháp mà
không thành, trốn ở Bắc-Mỹ.

5-2-1837, ĐÌNH-DẬU

VN *Hoàng-triều Thánh-tổ Nhân hoàng-đế, Minh-mệnh, năm 18*
Sai biên tập sách *Minh-mệnh chính yếu*.

TQ *Thanh Tuyên-tông, Đạo-quang, năm 17*
Hoàng-hậu nước Anh Vực-đa-lợi-á (Victoria) lên
ngôi.

26-1-1838, MẬU-TUẤT

VN *Hoàng-triều Thánh-tổ, Minh-mệnh, năm 19*

Lập bia Vũ-công.
Sai sứ sang Pháp kháng nghị việc truyền giáo,
không thành, mà trở về không.

TQ *Thanh Tuyên-tông, Đạo-quang, năm 18*

Lâm-Tắc-Từ làm Khâm-sai đại-thần điều-tra sự vụ
ở cửa biển Quảng-dông.

NB Đức-xuyên Gia-khánh thuộc dòng Vũ-vương thứ 40.

14-2-1839, KỶ-HỢI

VN *Hoàng-triều Thánh-tổ, Minh-mệnh, năm 20*
Sai Vũ-Xuân-Cần, Doãn-Uần đi quân điền ở Bình-dịnh.

Chế thêm một thuyền lớn chạy bằng hơi nước.
Phân phái thuyền của nhà nước đi ngoại-dương.

TQ *Thanh Tuyên-tống, Đạo-quang, năm 19*

3-2-1840, CANH-TÝ

VN *Hoàng-triều, Thánh-tổ, Minh-mệnh, năm 21*

Đại khánh-tiết mừng tuổi ngũ-tuần.

Binh dân ở Trấn-tây làm phản.

Việc giặc cướp ở Hà-tiên bành-trướng.

Sai Phạm-Văn-Điền kinh-lược Trấn-tây, Nguyễn-Tiến-Lâm, Nguyễn-Công-Trứ làm Tham-tán.

TQ *Thanh Tuyên-tống, Đạo-quang, năm 20*

Quân Anh hãm Đồn-sơn và xâm phạm Ninh-ba.

NK Nước Pháp dùng nghi-lễ của bậc hoàng-đế chôn hài cốt của Nã-phá-luân ở viện Phế-binh tại Ba-lê.

23-1-1841, TÂN-SỬU

VN *Hoàng-triều Hiến-tổ Chương hoàng-đề, Thiệu-trị, nguyên-niên*

Là con trưởng của Thánh-tổ, ở ngôi được 7 năm, thọ được 41 tuổi, an-táng ở Xương-lăng.

Tháng giêng vua lên ngôi.

Bắt đầu đặt Sử-quán.

Thuyền của nước Pháp đậu ở Trà-sơn rồi lại đi.

TQ *Thanh Tuyên-tống, Đạo-quang, năm 21*

Sai Kỳ-Thiện nghị-hòa với Anh và biếm chức Lâm-Tắc-Từ.

Người Anh hãm Định-hải.

NK Người Anh chinh-phục Bỉ-lỗ-chi (Baloutchistan).

10-2-1842, NHÂM-DẦN

VN *Hoàng-triều Hiến-tổ, Thiệu-trị, năm 2*

Vua đi tuần đất Bắc, vào thành Hà-nội; sứ nhà Thanh là Bảo-Thạch sang sách phong; vua trở về kinh.

Giặc cướp ở Nam-kỳ được dẹp yên.

TQ *Thanh Tuyên-tống, Đạo-quang, năm 22*

Người Anh lại xâm phạm Sa-phô, Ngổ-tùng và tiến bức Kim-lăng; nghị-hòa một lần nữa và bồi thường bằng vàng.

Cho Hương-cảng thuộc nước Anh.

NK Anh đánh Á-phú-hãn (Afghanistan).

18-2-1844, GIÁP-THÌN

VN *Hoàng-triều Hiến-tổ, Thiệu-trị, năm 4*

Bộ Liệt thánh thực lục tiền biên đã xong.

Đào-Tri-Phú từ bên Tây trở về, tiến dâng chiếu hỏa thuyền.

Hiệp-Tả hữu tri Nguyễn-Đăng-Tuân chết.

TQ *Thanh Tuyên-tông, Đạo-quang, năm 24*

Nhật-bản cải nguyên là Hoảng-hóa.

7-2-1845, ẤT-TY

VN *Hoàng-triều Hiến-tổ, Thiệu-trị, năm 5*

Sai đại thần Vũ-Văn-Giải đi kinh-lý Nam-kỳ.

Lấy lại Trấn-tây, tiến quân đến Ô-đông, quân Xiêm xin hòa, sai bọn Nguyễn-Tri-Phương trở về Trấn-tây. Anh-cát-lợi sai sứ đến.

TQ *Thanh Tuyên-tông, Đạo-quang, năm 25*

Hồi Cương-thất-hòa-trác-mộc làm loạn.

27-2-1846, BÍNH-NGỌ

VN *Hoàng-triều Hiến-tổ Chương hoàng-đế, Thiệu-trị, năm 6*

Lê-bộ thượng-thư Nguyễn-Trung-Mậu chết.

Tháng 5, lễ ngũ tuần đại-khánh.

Ban Vũ-kinh.

Bắt đầu mở trường thi võ ở kinh-dô.

Hà-minh Tổng-đốc Tôn-thất-Lương chết.

Tù-trưởng Cao-man là Nặc-Ông-Đôn xin chịu làm bầy tôi và nạp cống, được hứa cho.

TQ *Thanh Tuyên-tông, Đạo-quang, năm 26.*

NK Chiến tranh ở Mặc-tây-cóc (Mexique),

15-2-1847, ĐINH-VỊ

VN *Hoàng-triều Hiến-tổ, Thiệu-trị, năm 7*

Phong Nặc-Ông-Đôn làm Quốc-vương Cao-man ; các tướng Trấn-tây khải-hoàn.

Thuyền của Đại-Pháp gây sự ở Đà-nẵng rồi lại đi. Tháng 9 : triệu bọn đại thần Trương-Đăng-Quế đến nhận cổ mệnh.

Tháng 10, Dục-tông Anh hoàng-đế lên ngôi.

Bắt đầu dựng hai đền Hiến-lương, Trung-nghiã.

TQ *Thanh Tuyên-tông, Đạo-quang, năm 27*

NB *Hiếu-minh Thiên-hoàng (Kômei)*

Thiên-hoàng thứ 121 của Nhật-bản.

5-2-1843, MẬU-THÂN

VN *Hoàng-triều Dực-tông Anh hoàng-đề, niên hiệu Tự-đức, nguyên-niên*

Là con thứ 2 của Hiến-tổ, ở ngôi được 36 năm, thọ được 55 tuổi, an táng ở Khiêm-lăng.

Vũ-Xuân-Cẩn dâng sớ xin suy ân thu-lục con cháu của Nguyễn-Văn-Thành, Lê-Văn-Duyệt, Lê-Chất. Hiệp-tá Lê-Đăng-Doanh chết.

Đặt ra Tập-hiền viện.

TQ *Thanh Tuyên-tông, Đạo-quang, năm 28*

Người Miêu ở Hồ-nam khởi loạn.

NK Nước Pháp lại là nước cộng-hòa, Lộ-dị Nã-phá-luân (Louis Napoléon) làm Đại Tổng-Thống. Nhật-bản cải nguyên là Gia-vĩnh.

24-1-1849. KỶ-DẬU

VN *Hoàng-triều Dực-tông, Tự-đức, năm 2*

Mở Kinh - diên.

Dựng bia An-tây Vũ-công.

Sứ nhà Thanh là Lao-Sùng-Quang đến kinh tuyên-phong. Tổng-đốc An-Hà Doãn-Uần chết.

TQ *Thanh Tuyên-tông, Đạo-quang, năm 29*

12-2-1850, CANH-TUẤT

VN *Hoàng-triều Dực-tông Anh hoàng-đề, Tự-đức, năm 3*

Thuyền của Hoa-kỳ đến Đà-tấn xin thông thương, bị từ khước.

Sai Nguyễn-Tri-Phương kinh-lược Nam-kỳ.

TQ *Thanh Tuyên-tông, Đạo-quang, năm 30*

Hồng-Tú-Toàn khởi binh, đều đề tóc.

NK Ở Triều-tiên, đời thứ 25, Triết-tông Hy-luân vương, nguyên-niên.

1-2-1851, TÂN-HỢI

VN *Hoàng-triều Dực-tông, Tự-đức, năm 4*

Cho Phan-Thanh-Giản sung chức Nam-kỳ Kinh-lược phó-sứ.

Dựng Tôn-học-xá.

Bắt đầu mở chế-khoa,

Sai Nguyễn-Đăng-Giai kinh-lược Hà-nội, Bắc-ninh, Ninh-bình, Lạng-son, Thái-nguyên và Cao-bằng. Thuyền của Đại-Pháp đậu ở Biên-hòa rồi trở về.

TQ *Thanh Văn-tông, Hàm-phong, nguyên-niên*

Tên là Dịch-Trữ, con của Tuyên-tông, ở ngôi được 11 năm.

Hồng-Tú-Toàn xưng là Thái-bình thiên-quốc thiên-vương.

NK Luân-đôn bày ra Vạn-quốc bác-lãm hội.

20-2-1852, NHÂM-TÝ

VN *Hoàng-triều Dục-tông, Tự-đức, năm 5*

Dựng phùng Xử-sĩ Võ-Trường-Toản ở Gia-định. Hiệp-tả Hà-Duy-Phiên chết.

TQ *Thanh Hàm-phong, năm 2*

NK Đại Tổng-thống nước Pháp là Lô-dị Nã-phá-luân (Louis-Napoléon) lên ngôi Hoàng-đế, xưng là Nã-phá-luân đệ tam

8-2-1853, QUÝ-SỬU

VN *Hoàng-triều Dục-tông, Tự-đức, năm 6*

Đổi Quảng-trị, Phú-yên, Hà-tĩnh ra đạo.

TQ *Thanh Hàm-phong, năm 3*

Hồng-Tú-Toàn chiếm cứ Kim-lăng, định vương-đô, thả nô-tỳ, cấm xướng thiếp.

NK Nga đánh Thổ, Thổ cầu viện Anh, Pháp.

Nước Anh cắt đất Miến-điện.

Ở Nhật-bản, Đức-xuyên Gia-định thuộc dòng Vũ-vương thứ 41.

29-1-1854, GIÁP-DẦN

VN *Hoàng-triều Dục-tông Anh hoàng-đê, Tự-đức, năm 7*

Đình-Bảo mưu nghịch phải tự tận.

Vua đến Văn-miếu, Quốc-tử-giám.

Bắc-kỳ kinh-lược Nguyễn-Đăng-Giai chết.

Hộ-bộ thượng-thư Ngụy-Khắc-Tuần chết.

Phó lãnh-binh Sơn-tây đánh phá đảng của Cao-Bá-Quát,

TQ *Thanh Hàm-phong, năm 4*

Bọn Tăng-Quốc-Phiên lấy lại Vũ-xương.

NK Anh Pháp hợp quân đánh quân Nga ở Khắc-ly-mê (Crimée).

Nhật-bản cải nguyên là An-chính.

Nhật-bản mở bến tàu cho thông-thương.

17-2-1855. ẤT-MÃO

VN *Hoàng-triều Dục-tông, Tự-đức, năm 8*

Thuyền của Anh-cát-lợi đậu ở Trà-sơn xin thông-thương, nhưng không được ưng-chuẩn.

Ban Ngự-chế quan chám.

Bộ Đại-Nam hội-diễn xong.

Mọi Đá-vách bị dẹp yên.

TQ *Thanh Hàm-phong, năm 5*

Quân-vương là Tăng-Cách-Lâm-Thâm dẹp yên Hà-bắc.

Quân Thái-bình lại hãm Vũ-xương.

NK Hoàng-đế nước Nga là A-lục-sơn Đại đệ nhị (Alexandre II) lên ngôi, lập điều-ước với các nước, nghỉ việc binh.

6-2-1856, BÍNH-THÌN

VN *Hoàng-triều Dục-tông, Tự-đức, năm 9*

Soạn bộ *Việt sử*.

Hộ-hộ thượng-thư Đặng-Văn-Thiên chết.

Thuyền của Đại Pháp gây sự ở Đà-nẵng, rồi lại lui đi.

TQ *Thanh Hàm-phong, năm 6*

Các tướng của Thái-bình Thiên-quốc giết lẫn nhau.

Hồ-Lâm-Dục khắc phục Vũ-xương.

Nhân vụ án nha-phiến ở Quảng-đông, nhà Thanh và nước Anh khai hãn, Pháp phái hạm-đội điều tra cơ sự ở Quảng-đông.

NK Nga, Thổ, Anh, Pháp, Áo, Tát-dinh (Sardaigne) hội ở Ba-lê ký kết điều ước.

26-1-1857, ĐINH-TY

VN *Hoàng-triều Dục-tông, Tự-đức, năm 10*

Thuyền của Đại-Pháp đậu ở các bến Quảng-bình, Nam-dịnh rồi lại đi và xin mở Đà-nẵng làm thương-khẩu.

TQ *Thanh Hàm-phong, năm 7*

Ở Quảng-đông, quan lại và dân đốt sừ quán Anh, người Anh đốt tỉnh thành Quảng-đông.

NK Anh phế hoàng-đế Mông-cổ và chiếm lãnh toàn cả Ấn-độ.

14-2-1858, MẬU-NGỌ

VN *Hoàng-triều Dục-tông Anh hoàng-đê, Tự-đức, năm 11*
Binh thuyền của Đại-Pháp vào Đà-nẵng bắn phá
các pháo đài.

TQ *Thanh Văn-tông, Hàm-phong, năm 8*
Cùng hai đại-sứ Anh và Pháp nghị hòa ở Thiên-tân

NK Người Mỹ đặt dây điện ở Đại-tây-dương.
Ở Nhật-bản, Đức-xuyên Gia-mậu thuộc dòng Vũ-
vương thứ 41.

Pháp, Ý hợp binh đánh nước Áo.

3-2-1859, KỶ-VỊ

VN *Hoàng-triều Dục-tông, Tự-đức, năm 12*
Binh của Đại-Pháp công hãm Gia-định, Hộ-đốc Vũ-
Duy-Ninh chết theo.

Binh của Đại-Pháp bắn phá pháo đài Định-hải ở
Quảng-nam.

TQ *Thanh Hàm-phong, năm 9*
Tăng-Cách-Lâm-Thâm phá binh Anh Pháp ở Đại-cô.

NK Vua Tát-dinh (Sardaigne) và Hoàng-đế nước Pháp
khải chiến với nước Áo.

23-1-1860, CANH-THÂN

VN *Hoàng-triều Dục-tông, Tự-đức, năm 13*
Viên sứ của Đại-pháp nhờ quân thứ ở Gia-định đệ
lên tờ Hòa thư có mười một khoản.

Cao-man cướp phá An-giang, Hà-tiên.

Đại-Pháp sai đốt các đồn ở Trà-sơn rồi đi.

Quân của Nguyễn-Tri-Phương, Phạm-Thế-Hiền trở
về được sai đi lo việc quân ở Gia-định.

Thuyền của Đại-Pháp đến Vĩnh-long.

TQ *Thanh Hàm-phong, năm 10*
Hai quân Anh và Pháp phá Thiên-tân rồi vào Bắc-
kinh, vua phải ty nạn ở Nhiệt-hà.

NK Lâm-khăng (Lincoln) làm đại Tổng-thống nước Mỹ,
nam bộ nước Mỹ độc-lập.

Tháng 10 tây, nước Pháp và nhà Thanh ký-kết
hòa-ước Bắc-kinh, hạm đội Pháp trở về Nam.

Nhật-bản cải nguyên là Vạn-diên.

Ở nước Nga, đảng Hư-vô phát hiện.

10-2-1861, TÂN-DẬU

VN *Hoàng-triều Dực-tông, Tự-đức, năm 14*
 Binh của Đại-Pháp tấn công lấy đồn Gia-định, hạ
 Định-tường.
 Cho Nguyễn-Bá-Nghi làm Khâm sai đại-thần.
 Y-pha-nho xin giao hảo mà không được.
 Quân Đại-Pháp lấy Biên-hòa.
 Ở Quảng-yên, giặc cướp nổi lên quấy phá.

TQ *Thanh Hàm-phong, năm 11*
 Quan quân lấy lại An-khánh, dựng nha-môn tổng
 lý sự vụ các nước.

NK Vua Tát-đinh (Sardaigne) là Tuy-đa-lợi (Victor-
 Emmanuel II) làm vua nước Ý.
 Ở nước Mỹ, nam bắc đánh nhau.
 Nhật-bản cải nguyên là Văn-cửu.

30-1-1862, NHÂM-TUẤT

VN *Hoàng-triều Dực-tông Anh hoàng-đê, Tự-đức, năm 15*
 Đại-Pháp lấy Vĩnh-long.
 Ở Bắc-ninh, giặc Nguyễn-Thịnh vây tỉnh thành bị
 Vũ-Tảo đánh đuổi đi. Hòa với Đại-Pháp, nhường
 Gia-định, Biên-hòa, Định-tường cho Pháp.
 Ở Bắc-kỳ giặc giã cướp phá, năm sau mới dẹp yên.

TQ *Thanh Mục-tông, Đồng-trị, nguyên-niên*
 Ở Thượng-hải, lập Thường-thắng-quân.

NK Vua nước Phổ là Uy-liêm đệ nhất (Wilhelm I)
 lên ngôi.

18-2-1863, QUÝ-HỢI

VN *Hoàng-triều Dực-tông, Tự-đức, năm 16*
 Sai bọn Phạm-Phú-Thứ, Lâm-Duy-Tiếp hội nghị
 với hai sứ-thần của Pháp và Y-pha-nho; đại sứ
 của hai nước đến kinh, yết vua.
 Trần-Đình-Túc sung chức Doanh-diễn-sứ.
 Phan-Thanh-Giản, Phạm-Phú-Thứ, Ngụy-Khắc-Đản
 đi tây.
 Cho Nguyễn-Tấn-Thân lãnh chức Tiểu-phủ Quảng-
 nghĩa.

Viên sứ của Pháp là Phô-na (Bonard) trở về.

TQ *Thanh Đồng-trị, năm 2*
 Tả-Tôn-Đường bình-định Chiết-giang. Thạch-Đạt-

Khai bị bắt ở Tứ-xuyên.

NK Tổng-thống Mỹ là Lâm-khăng (Lincoln) tuyên bố
lệnh giải-phóng nô-lệ.

Tra-lý thứ 10 (Charles X) của Pháp bình mà chết.

8-2-1864, GIÁP-TÝ thứ 80

VN Hoàng-triều Dục-tông, Tự-đức, năm 17

Sứ bộ đi Tây trở về.

Toàn quyền sứ thần của Đại Pháp là Hà - ba - lý
(Aubaret) đến kinh, định điều ước.

Trả lại cho Pháp tiền quân-nhu là bốn mươi vạn
đồng.

Trương-Quốc-Dụng, Văn-Đức-Khuê, Trần-Huy-Sách
đánh giặc ở La-kê mà chết.

Xây Khiêm-cung.

TQ Thanh Đồng-trị, năm 3

Hồng-Tú-Toàn tự sát.

Tăng-Quốc-Cơ lấy Kim-lăng.

Phong thưởng lớn.

NK Vua Triều-tiên là Lý-Hy lên ngôi.

Áo, Phở khắc-phục Đan-mạch.

Đại-Pháp và Cao-miên đình hòa-ước.

Nhật-bản cải nguyên là Nguyên-trị.

27-2-1865, ẤT-SỬU

VN Hoàng-triều Dục-tông, Tự-đức, năm 18

Viên sù Pháp Gia-lăng-di-ý (De la Grandière) phái
thuộc viên xin yết tâu việc đình ước.

Đánh thuế nha-phiến.

Mở khoa Võ tiến-sĩ.

Giặc cướp người Thanh (Tàu) quấy nhiễu ở Cao-bằng.

Mở khoa Nhã-sĩ.

Quân thứ ở Hải-an khải hoàn.

TQ Thanh Đồng-trị, năm 4

Giặc Niệm-phỉ quấy nhiễu ở phương Bắc.

Tăng-Cách-Lâm-Thâm tử trận.

NK Loạn-lạc ở nước Mỹ dẹp yên, Đại Tổng-thống
Lâm-khăng (Lincoln) bị hành-thích.

Nhật-bản cải nguyên là Khánh-ưng.

15-2-1866, BÍNH-DẦN

VN Hoàng-triều Dục-tông Anh hoàng-đê, Tự-đức, năm 19

Phái viên của viên-sứ Pháp đến Thuận-an xin quản-trị ba tỉnh Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên.

Nhóm giặc Tàu dẹp yên.

Bắt đầu đặt Bình-chuẩn sứ ty, cho Đặng-Huy-Trứ lãnh chức ấy.

Đoàn-Trung phạm cung khuyết, bị tội chết.

Sai giám-mục Hậu, Nguyễn-Trường-Tộ và Nguyễn-Điều đi Tây mua cơ-khí.

Dựng Vũ học-đường ở kinh-đô.

TQ *Thanh Mục-tổng, Đông-trị, năm 5*

Người Hồi hãm Y-lê.

NK Nước Phổ nước Áo đánh nhau, Áo thua, giảng hòa.

Liên-bang Bắc-Đức tôn vua nước Phổ làm minh-chủ.

Ở Nhật-bản, Đức-xuyên Khánh-hỷ thuộc dòng Vũ-vương thứ 43.

5-2-1867, ĐÌNH-MÃO

VN *Hoàng-triều Dục-tổng, Tự-đức, năm 20*

Mở trường thi võ ở Bình-định và ở Hà-nội.

Nước Đại-Pháp lấy Vĩnh-long, An-giang, Hà-tiên ; Phan-Thanh-Giản chết theo. Khiêm-cung đã hoàn thành.

Sai Trần-Tiền-Thành làm Khâm-sai đi Nam-kỳ thương định hiệp-ước mới.

TQ *Thanh Mục-tổng, Đông-trị, năm 6*

Đông-Niệm bị dẹp yên.

Lập Đồng-văn-quán.

NB *Minh-trị Thiên-hoàng (Meiji)*

Chính quyền của vua Nhật trở lại như xưa ; kiến-nguyên là Minh-trị.

25-1-1868, MẬU-THÌN

VN *Hoàng-triều Dục-tổng, Tự-đức, năm 21*

Lễ tứ-tuần đại-khánh. Nhóm giặc Tàu quấy nhiễu Tuyên-quang.

Tên giặc đã đầu hàng là Ngô-Côn đánh úp Cao-bằng Sai sứ sang nhà Thanh.

Quan Tổng-đốc Bình-phủ là Thân-Văn-Dịch dâng sớ xin đình việc xây cất cung-diện.

Trần-Đình-Túc từ Hương-cảng trở về.

Vũ-Trọng-Bình sung Khâm-sai đại-thần ở Tuyên, Thái, Lạng.

TQ *Thanh Mục-tông, Đông-trị, năm 7*
Tây-Niêm bị dẹp yên.

NB *Minh-trị Thiên-hoàng, nguyên-niên (Meiji)*
Thiên-hoàng thứ 122 của Nhật-bản.

NK Ở Nước Anh, Cách-lan-tư-đôn (Gladstone) làm thủ-tướng.

Ở Xiêm-la, Khô-lạp-long khôn dè nhất (Chulalongkorn) nối ngôi, quyết chí cải biến pháp-chế, du lịch Ấn-độ và Âu-châu, phái con em đi du học.

11-2-1869, KỶ-Từ

VN *Hoàng-triều Dục-tông, Tự-đức, năm 22*
Lấy lại Cao-bằng.

Lễ lục-tuần đại-khánh của Hoàng-thái-hậu.

Phái viên của nước Đại-Pháp đến kinh nói về việc giao các tỉnh An-giang, Hà-Tiên, Vĩnh-long.

TQ *Thanh Mục-tông, Đông-trị năm 8*
Nhật-bản sai sứ đến xin giao-hảo.

Giao-ước với Nga việc thông thương bằng đường bộ.

NK Con kinh Tô-di-sĩ (Suez) được khai thông.

31-1-1870, CANH-NGO

VN *Hoàng-triều Dục-tông Anh hoàng-dễ, Tự-đức, năm 23*

Sứ Y-pha-nho đến báo-sính, xin vào triều kiến vua dễ dè quốc thư, nhưng không được trả lời.

Tùng-thiện-công là Miên-Thâm chết.

Cho Đoàn-Thọ thống lĩnh Bắc-kỳ sự-vụ.

Tôn-Từ đánh úp Lạng-son, Đoàn-Thọ chết; cho Hoàng-Tả-Viêm sung chức Thống-đốc Bắc-kỳ.

TQ *Thanh Mục-tông, Đông-trị, năm 9*

Ở Thiên-Tân, đốt giáo đường và giết người Pháp.

NK Nước Pháp, nước Phổ đánh nhau, quân Phổ thắng liên tiếp, vây Ba-lê, năm sau Pháp cắt đất cầu hòa. Ba-lê Quân-phủ đảng công-dịch đồng-minh (La Commune de Paris) thành lập.

19-2-1871, TÂN-VỊ

VN *Hoàng-triều Dục-tông, Tự-đức, năm 24*

Binh nhà Thanh đến Lạng-son, bọn giặc Tàu ở đó kinh-hoàng tan rã.

TQ *Thanh Mục-tông, Đông-trị, năm 10*

Đề ước với Nhật-bản.

Nga chiếm Y-lê.

NK Vua nước Phổ xưng là Đức-ý-chí hoàng-đế.

Nước Pháp lại là nước cộng-hòa.

Tháng 3 ký-kết điều ước Luân-đôn.

9-2-1872, NHÂM-THÂN

VN *Hoàng-triều Dục-tông, Tự-đức, năm 25*

Thuyền của người Pháp là Đồ-phổ-nghĩa (Dupuis) đến Cẩm-môn. Hải-dương xin đi Vân-nam.

Viện-bạc-thần xin mở việc thông thương ở Đà-nẵng, Ba-thắc, Đồ-sơn, nhưng triều-đình bàn nghị không cho; bèn thôi.

TQ *Thanh Mục-tông, Đông-trị, năm 11*

Tăng-Quốc-Phiên chết.

Loạn người Miêu ở Quý-châu bị dẹp yên.

NK Vua các nước Nga, Đức, Phổ hội ở Bá-lâm (Berlin).

29-1-1873, QUỠ-ĐẬU

VN *Hoàng-triều Dục-tông, Tự-đức, năm 26*

Pháp súp là Du-bi-yêu (Dupré) phái sứ đi Tây đề báo-cáo việc nước ta nhường cho Pháp ba tỉnh Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên.

Pháp phái quan ba An-nghiep (Francis Garnier) hăm thành Hà-nội, Nguyễn-Trị-Phương nhin ăn mà chết. An-nghiep chiếm-cứ Hải-dương, Ninh-bình, Nam-định.

Lưu-Vĩnh-Phúc giết An-nghiep.

Viên súp Pháp trả lại 4 tỉnh.

Sai sứ sang nhà Thanh.

TQ *Thanh Mục-tông, Đông-trị, năm 12*

Cuộc khởi loạn của người Hồi ở Vân-nam được dẹp yên.

NK Ở nước Pháp, Mạch-mã-hàn (Mác-Mahon) làm Đại tổng-thống.

17-2-1874, GIÁP-TUẤT

VN *Hoàng-triều Dục-tông Anh hoàng-đê, Tự-đức, năm 27*

Hòa ước mới hiệp định đã xong.

Sai quan Hộ-hộ Phạm-Phú-Thư quyền Tổng-dốc Hải-an sung chức Thương-chính đại-thần.

Ở Nghệ-an Trần-Tân và Đặng-Nhu-Mai làm loạn bị dẹp yên.

Trương-Quang-Thủ, người Quảng-bình, làm phản, hãm thành Hà-tĩnh bị dẹp yên.

TQ *Thanh Dục-tông, Đông-trị, năm 3*

Nhật-bản xâm lăng Đài-loan.

NK Vua nước Ba-tư du lịch Âu-châu, lập nên Vạn-quốc-bưu-chính đồng-minh.

6-2-1875, ẤT-HỢI

VN *Hoàng-triều Dục-tông, Tự-đức, năm 28*

Giao ước lẫn nhau ở dưới lầu Ngọ-môn, Định thể-thức cho viên sứ Pháp trú ở kinh-đô.

Nước Đại-Pháp đặt nha Thương chính ở Hải-dương.

Quân ở Tuyên-quang bắt được tên đầu đảng giặc là Hoàng-Anh.

Lại lấy ba đạo Hà-tĩnh, Quảng-trị và Phú-yên làm tỉnh.

TQ *Thanh Đức-tông, Quang-tự, nguyên-niên*

Tên là Tái-Điền, cháu của Tuyên-tông, ở ngôi được 34 năm.

Thái-hậu lâm triều chấp-chánh, Cung-thân-vương phụ chính.

NK Nước Pháp định lại hiến-pháp cộng-hòa.

La-mã-ni-á (Roumanie) phản lại nước Thổ, Hoàng-đế nước Thổ bị phế.

26-1-1876, BÍNH-TÝ

VN *Hoàng-triều Dục-tông, Tự-đức, năm 29*

Trừ bỏ lệnh cấm buôn bán mặt biển.

Cho Khâm sứ Đại-Pháp là Lê-na (Rheinart) đặt trú thự ở bờ phía nam Hương-giang.

Lãnh-sự Pháp mở thương-chính ở Thị-nại.

Quan quyền Khâm-sứ đóng ở Kinh-đô là Hoắc-đạo-sinh (Philastre) đến.

Sai sứ sang nhà Thanh.

TQ *Thanh Đức-tông, Quang-tự, năm 2*

Ký kết điều ước với nước Anh ở Yên-đài.

Người Nga lấy Hạo-hãn-la (Khokand).

13-2-1877, ĐINH-SỬU

VN *Hoàng-triều Dục-tông, Tự-đức, năm 30*

Bộ *Việt Sử tổng vịnh* do vua soạn đã xong.
Sai quan Lãnh-sự ở Gia-định là Nguyễn-Thành-Ý đem thổ vật sang Pháp đấu xảo. Lại sai bọn Nguyễn-Tăng-Doãn sang Tây đáp sinh.
Ông Nguyễn-Hữu-Độ tấu dâng phượng sách *nội tu ngoại phòng*.

TQ *Thanh, Đức-tổng, Quang-tự, năm 3*
Khiến học sinh sang Anh, Pháp lưu học.

NK Vua Anh kiêm Hoàng-đế Ấn-độ.
Người Mỹ Tắc-nhĩ (Bell) bắt đầu sáng chế ra điện thoại,

2-2-1878, MẬU-DẦN

VN *Hoàng-triều Dục-tông Anh hoàng-đế, Tự-đức, năm 31*
Lễ ngũ-tuần đại-khánh.
Cấp pháo-đạn do Đại Pháp tặng cho Hà-nội.
Mở trường học chữ Pháp và nha thương chính ở Hải-dương.
Lý-Dương-Tài của nhà Thanh đánh Lạng-sơn bị bại. Đề đốc Quảng-tây của nhà Thanh là Phùng-Tử-Tài ra ải quan hội chiến, năm sau hợp binh bắt được Lý-Dương-Tài đưa về nhà Thanh bên Tàu.

TQ *Thanh Đức-tổng, Quang-tự, năm 4*
Tả-Tôn-Đường bình-định Tân-cương.

NK Nga đánh Thổ.
Mở hội nghị Bá-lâm (Berlin).

22-1-1879, KỶ-MÃO

VN *Hoàng-triều Dục-tông, Tự-đức, năm 32*
Lễ thất-tuần đại-khánh của Hoàng-thái-hậu.
Khâm-sứ Đại-Pháp là Lê-na (Rheinart) sang thay.
Sứ Y-pha-nho đến, sai Đỗ-Đệ, Hoàng-Diệu sung chức Toàn-quyền nghị thương ước 12 khoản; năm sau lại đến hồ giao thi hành.

TQ *Thanh Đức-tổng, Quang-tự, năm 5*

NK Nhật-bản lấy Lưu-cầu.
Trí-lợi (Chili) và Bi-lỗ (Pérou) đánh nhau.
Đức, Áo đồng minh với nhau,

10-2-1880, CANH-THÌN

VN *Hoàng-triều Dục-tông, Tự-đức, năm 33*

Tiết Nguyên-dán, viên Sứ Pháp là Lê-na vào lễ khánh chúc.

Viên Sứ Đại-Pháp xin thiết lập điện báo ở Bắc-kỳ. Bọn Nguyễn - Thuật được sung vào sứ bộ sang nhà Thanh.

Sai tỉnh-thần Hải-dương chế các hạng thưởng cấp để tặng cho phái đoàn Pháp.

TQ *Thanh Đức-tông, Quang-tự, năm 6*

Sai Tăng-Kỷ-Trạch sang Nga xin lấy lại Y-lê.

NK Bí-lỗ (Pérou) nội loạn, vị tướng quân là Ba-la-lạp làm vua.

Ý-đại-lợi gia nhập đồng minh Đức-Áo, gọi là ba nước đồng minh.

Pháp khiển binh sang Đột-ni-tư (Tunisie).

31-1-1881, TÂN-TY

VN *Hoàng-triều Dục-tông, Tự-đức, năm 34*

Phan-Liêm mật trình mọi việc, học tập khai thương, khai mỏ.

Sai Phạm-Bính đem học sinh đến Hương-cảng.

Nhà Thanh sai Đường-Đình-Canh đến lập Chiêu-thương-cục.

Xướng sắc cho Tổng-đốc Tam-Tuyên là Hoàng-Tá-Viêm xử trí đoàn quân Lưu-Vĩnh-Phúc.

Nước Y-phá-nho dâng tặng kim-khánh.

TQ *Thanh Đức-tông, Quang-tự, năm 7*

Điều ước Y-lê lập xong.

NK Hoàng-đế nước Nga bị giết, Á-lich-sơn đệ tam (Alexandre) lên ngôi.

Pháp và Đột-ni-tư (Tunisie) ký kết điều ước bảo-hộ.

18-2-1882, NHÂM-NGỌ

VN *Hoàng-triều Dục-tông, Tự-đức, năm 35*

Viên sứ Đại-Pháp phái binh thuyền đến đất Bắc đuổi bọn Lưu-vĩnh-Phúc, bảo vệ việc thương-mãi. Binh Pháp hãm thành Hà-nội, tổng-đốc Hoàng-Diệu chết theo.

Khâm sai Đại-thần Trần-Đình-Túc, Nguyễn-Hữu-Độ đến Hà-nội thương nghị nhận tỉnh thành.

TQ *Thanh Đức-tông, Quang-tự, năm 8*

Đặt tỉnh Tàn-cương.

NK Ai-cập chống người Anh.
Anh đốt thành Lich-sơn (Alexandrie).

8-2-1883, QUỶ-VỊ

VN *Hoàng-triều Dục-tông, Tự-đức, năm 36*
Binh Đại-Pháp hãm Nam-định.
Quan Khâm-sứ Lê-na trở về.
Tháng 6, đề di chiếu cho Hoàng trưởng-tử nối
ngôi (Dục-đức), bị Nguyễn-Văn-Tường, Tôn-thất-
Thuyết phế xuống.
Lạng-quốc-công lên ngôi, kỷ-nguyên là Hiệp-hòa,
cũng bị phế xuống và giết đi. Tháng 11, Giản-tông
lên ngôi.

Binh Đại Pháp hãm Sơn-tây.

TQ *Thanh Đức-tông, Quang-tự, năm 9*

NK Pháp đánh Mã-đạt-gia-tư-gia (Madagascar).
Đức, Áo, Ý ba nước đồng-minh.

28-1-1884, GIÁP-THÂN

VN *Hoàng-triều Giản-tông Nghị hoàng-đề, Kiên-phúc,
nguyên-niên.*

Là con (nuôi) thứ 3 của Dục-tông, ở ngôi được
1 năm, thọ được 16 tuổi, an táng ở Bồi-lăng.

Binh Pháp đánh các tỉnh ở Bắc, binh nhà Thanh
lấy Thái-nguyên. Toàn-quyền Đại-Pháp là Ba-đức-na
(Patenôtre) và Giám-đốc Lê-na (Rheinart) đến bàn
định điều ước mới và thủ tiêu ấn phong của
nhà Thanh.

Tháng 6 vua Hàm-nghi lên ngôi.

TQ *Thanh Đức-tông, Quang-tự, năm 10*

Ở Triều-tiên, Kim-Ngọc-Quân làm loạn, bị dẹp yên.

NK Nước Mỹ mở hội Vạn-quốc tỷ-ngọ-tuyển.

15-2-1885, ẤT-DẬU

VN *Hoàng-triều Hàm-nghi, nguyên-niên*

Tháng giêng sai soạn bộ *Thực-lực*

Tháng 4, nhà Thanh và Pháp giảng hòa ở Yên-kinh,
nhìn nhận nước ta là nước tự chủ.

Tháng 5, vua xuất bôn.

Tháng 8, Cảnh-tông lên ngôi, biên là ất-dậu đời
Đồng-khánh.

Chế ra cờ bảo hộ.

Đặt Bắc-kỳ Kinh-lược.

TQ *Thanh Đức-tông, Quang-tự, năm 11*

Quân Đại-Pháp xâm-lăng Phúc-kiến và Đài-loan, rồi lại giảng hòa.

4-2-1886, BÌNH-TUẤT

VN *Hoàng-triều, Cảnh-tông Thuận hoàng-đế, Đồng-khánh, nguyên-niên*

Tháng giêng, chế ra Long-hội-tinh.

Tháng 3, đặt ra Đại-nam Công-báo-ty.

Tháng 4, đúc lại hai thứ tiền Ngự-tiền, Văn-lý.

Tháng 5, vua đi tuần đất Bắc và Quảng-trị, Quảng-bình ; tháng 8 trở về.

Tháng 10, lấy Trấn-bình-đài làm nhượng địa của Đại-Pháp.

Tháng 11, đúc tượng quan Toàn-quyền Bôn-bi (Paul Bert).

TQ *Thanh Đức-tông, Quang-tự, năm 12*

Lập tỉnh Đài-loan.

NK Anh thôn tính Miến-điện.

Ở Hy-lạp, Tắc-nhĩ-duy-á (Serbie) lập điều-uớc nghị việc binh

12-2-1887, ĐÌNH-HỢI

VN *Hoàng-triều Cảnh-tông, Đồng-khánh, năm 2*

Tháng giêng binh Pháp cả phá binh của Phạm-Bảnh ở Ba-dinh.

Tháng 4, thiết lập Đại Pháp tự thoại học đường.

TQ *Thanh Đức-tông, Quang-tự, năm 13*

NK Người Anh đóng quân ở Ai-cập và sửa trị nước ấy.

12-2-1888, MẬU-TÝ

VN *Hoàng-triều Cảnh-tông, Đồng-khánh, năm 3*

Dời dựng tỉnh thành Phú-yên về thôn Phúc-lý, Bãi bỏ nha Điền nông.

Nhường Đà-nẵng cho nước Đại Pháp.

Quan Pháp rước Hàm-nghi về Thuận-an, rồi hộ tống đưa đi Á-nhĩ-nhiệt-địa (Algérie).

Tuyển kẻ sĩ đi học ở nước Pháp

Xuống chỉ dụ thiết-lập ở mỗi tỉnh một Tòa hình.

Tháng 12, Cảnh-tông băng.

TQ *Thanh Đức-tông, Quang-tự, năm 14*

NK Nga thiết lập đường sắt đến thẳng Tát-mã-nhĩ-hãn (Samarkand).

Hoàng-đế nước Đức là Uy-liêm đệ nhị (Wilhelm II) lên ngôi.

31-1-1889, KỶ-SỬ-U

VN *Hoàng-triều Thành-thái, nguyên-niên*

Mùng 2 tháng giêng, vua lên ngôi.

Thiết lập Phụ-chính phủ.

Khâm-sai Hoàng-Cao-Khải tiểu trừ giặc ở Bắc-ninh.

Định quyền pháp của nha Bắc-kỳ kinh-lược.

Quỳnh quốc-công và Vũ-Văn-Báo đi Tây thông sính.

Đức tiền Thành-thái.

Định thuế thương-chính.

Bộ Khâm định Việt sử in xong.

TQ *Thanh Đức-tông, Quang-tự, năm 15*

Lập Hoàng-hậu họ Na-lạp.

Thái-hậu trả lại chính quyền cho vua.

NK Ba-tư lập Cộng-hòa chính-trị.

21-1-1890, CANH-DẦN

VN *Hoàng-triều Thành-thái, năm 2*

Chuẩn định lễ tế Giao hai năm cử hành một lần.

Dời phủ nha Thừa-thiên về chỗ cũ Đô-sát viện trước.

Chước định lại các quân-hiệu ở kinh-thành.

TQ *Thanh Đức-tông, Quang-tự, năm 16*

NK Đức và Anh định khu-vực chính-trị ở Phi-châu.

Nhật-bản khởi đầu triệu tập Quốc-hội.

9-2-1891, TÂN-MÃO

VN *Hoàng-triều Thành-thái, năm 3*

Dực-tông Anh hoàng-đế được thăng phối ở lễ tế Giao.

Ở Bắc-kỳ, Đồng-văn nhật-báo thành-lập.

TQ *Thanh Đức-tông, Quang-tự, năm 17*

Lập Bắc-dương hải-quân.

NK Thái-tử nước Nga chu-du các nước ở Đông-dương đến Nhật-bản thì bị đâm mang thương-tích.

30-1-1892, NHÂM-THÌN

VN *Hoàng-triều Thành-thái, năm 4*

Thành lập Tín-chỉ cục.

Làm cây cầu sắt Đông-gia.

TQ *Thanh Đức-tông, Quang-tự, năm 18*

NK Anh và Mỹ tranh nhau về ngư-nghiệp.

17-2-1893, QUỲ-TỰ

VN *Hoàng-triều Thành-thái, năm 5*

Sai sứ đi Bắc-kỳ thông-sính.

TQ *Thanh Đức-tông, Quang-tự, năm 19*

Pháp chiếm đất trên bờ sông Mi-công (Mékong).

Hạ-uy-di (Hawaï) đuổi vua nơi ấy và lập chính phủ cộng-hòa.

6-2-1894, GIÁP-NGỌ

VN *Hoàng-triều Thành-thái, năm 6*

Sai phụ thần Nguyễn-Trọng-Hợp đi Tây tu sính.

Thiết lập thông-bảo ở Thanh-hóa.

Bộ Minh-mệnh chính yếu làm xong.

In và ban hành sách *Tùng chính di quy*.

Rước Giản-tông Nghị hoàng-đế, Cảnh-tông Thuần hoàng-đế thăng phụ cúng tế ở Thế-miếu.

TQ *Thanh Đức-tông, Quang-tự, năm 20*

Triều-tiên nội loạn, khiến quân đi tiếp viện, rồi khai chiến với Nhật-bản, hải-quân và lục-quân đều bị thua.

NK Hoàng-đế nước Nga là Ni-á-cô-lap đệ nhị (Nicolas II) lên ngôi.

26-1-1895. ẤT-VỊ

VN *Hoàng-triều Thành-thái, năm 7*

Định Hộ-bộ và Lại-bộ do hai chính phủ thương đồng hội lý.

Định thuế thương-chính ở Trung-kỳ.

Tiết-chế Nguyễn-Thân từ Nghệ-an báo tin thắng trận.

Dưới thời quan Toàn quyền Lộ-thoa công (Rousseau).

TQ *Thanh Đức-tông, Quang-tự, năm 21*

Giảng hòa với Nhật-bản, phải cắt nhường Đài-loan, Liêu-dông, cùng bồi thường phí tổn.

Nga, Đức, Pháp khiến Nhật-bản trả Liêu-dông cho Trung-quốc.

VN *Hoàng-triều Thành-thái, năm 8*

Thiết lập trường Quốc-học tại Kinh-đô.

Làm chiếc cầu sắt ở sông Hương.

TQ *Thanh Đức-tổng, Quang-tự, năm 22*
Sai Lý-Hồng-Chương đi sứ sang Nga định điều-ước
Khách-tây-ni (Cassini).
Hoàng-đế nước Nga làm lễ gia miện.
Quân Ý đánh A-tý-tây-ni-á (Abyssinie) bị thua.

2-2-1897, ĐÌNH-DẬU

VN *Hoàng-triều Thành-thái, năm 9*
Định điều-lệ thuế muối.
Vua đi tuần miền nam ở Gia-dịnh.
Cho người Pháp ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ có quyền
đặt điền-sản.
Bãi bỏ nha kinh-lược Bắc-kỳ.
Dưới thời Toàn-quyền Đô-mỹ công (Doumer).

TQ *Thanh Đức-tổng, Quang-tự, năm 23*
Nước Đức lấy Giao-châu-loan.

NK Vua Triều-tiên xưng là Hoàng-đế Đại-Hàn.
Hy-lạp đánh với Thổ, không thắng.
Mạch-khoa-ni (Marconi) phát minh vô-tuyến-điện-báo.

22-1-1898, MẬU-TUẤT

VN *Hoàng-triều Thành-thái, năm 10*
Bãi bỏ nha Hải-phòng ở Quảng-nam.
Chính-phủ Bảo-hộ lập Đông-dương dự-toán-sách.
Khởi công làm chiếc cầu sắt ở Nhĩ-bà.

TQ *Thanh Đức-tổng, Quang-tự, năm 24*
Vua quyết chí thay đổi pháp chế.
Thái-hậu lâm triều thỉnh chính trở lại, vua bị giam
ở Doanh-đài, phế bỏ tôn-pháp, giết đảng nhân.

NK Mỹ và Tây-ban-nha giao chiến, Tây-ban-nha thua.
Mỹ đoạt Cô-ba (Cu-ba) và Lữ-tông (Luçon).

18-2-1899, KỶ-HỢI

VN *Hoàng-triều Thành-thái, năm 11*
Lập trường Canh-nông và Bách-công ở trong
kinh-thành.
Bộ *Thực lục chính biên, đệ tứ kỷ* đã xong.
Đặt Nghĩa-định sơn-phòng (sở phòng ngự miền núi).
Chính-phủ Bảo-hộ bắt đầu chỉnh-đốn công việc
hành-chính ở Đông-dương.

TQ *Thanh Đức-tổng, Quang-tự, năm 25*

- NK Chiến sự giữa Anh và Nam Phi-châu khởi lên.
Vạn-quốc mở hội-nghị hòa-bình ở thủ-đô Hà-lan
là Hải-nha (La Haye).
- 31-1-1900, CANH-TỴ
- VN *Hoàng-triều Thành-thái, năm 12*
Cầu sắt trên sông Hương đã xong.
Chính-phủ Bảo-hộ nghị-định trước-bạ văn-khế.
- TQ *Thanh Đức-tông, Quang-tự, năm 26*
Nghĩa-hòa-đoàn khởi lên. Liên quân phá Tân-kinh.
Thái-hậu đem vua chạy đi Tây-an.
- 19-2-1901, TÂN-SỬU
- VN *Hoàng-triều Thành-thái, năm 13*
Hoàng-hậu Nghi-thiên-chương thắng hà.
Chính-phủ Đông-dương thiết-lập ủy-viên phúc-thẩm
án vụ.
- TQ *Thanh Đức-tông, Quang-tự, năm 27*
Cuộc nghị hòa đã thành, bồi khoản là bốn trăm
năm mươi triệu.
Pháp và nhà Thanh ký kết điều ước về thiết-lộ
ở Vân-nam.
- NK Tổng-thống của Mỹ là Mạch-kinh-lai (Mc Kinley)
bị đâm.
- 8-2-1902, NHÂM-DẦN
- VN *Hoàng-triều Thành-thái, năm 14*
Tháng giêng, vua đi tuần đất Bắc, khánh thành cây
cầu sắt ở sông Nhị.
Sai Nguyễn-Thân đi Tây thông sính.
Định ngân-số ở kho trừ bị Đông-dương.
Hà-nội mở hội đấu xảo.
Dưới thời quan Toàn quyền Bô (Beau).
- TQ *Thanh Đức-tông, Quang-tự, năm 28*
Vua và Thái-hậu từ Tây-an trở về kinh.
- NK Ba-nã-mã (Panama) độc lập.
Anh thôn tính Nam Phi-châu.
Tháng giêng, Anh và Nhật ký kết điều ước đồng-minh
- 29-1-1903, QUỶ-MÃO
- VN *Hoàng-triều Thành-thái, năm 15*
Dựng Cơ-mật tân-viện đã xong, vua ngự đến
hội thương.

- TQ *Thanh Đức-tổng, Quang-tự, năm 29*
Quân Nga chiếm Phụng-thiên.
- NK Cách mạng Tắc-nhĩ-duy-á (Serbie).
- 10-2-1904, GIÁP-THÂN
- VN *Hoàng-triều Thành-thái, năm 16*
Đổi Phúc-thảm ủy-viên ở Hà-nội làm Phòng 4
Thượng-thẩm viện,
- TQ *Thanh Đức-tổng, Quang-tự, năm 30*
- NK Nhật Nga khai chiến.
Năm ấy, tháng tư tây, điều ước Hiệp-thương giữa
Anh và Pháp đã xong, quy định thế lực của hai
nước ở tây ngạn và đông ngạn sông Mi-kông
(Mékong).
- 4-2-1905, ẤT-TỴ
- VN *Hoàng-triều Thành-thái, năm 17*
Đường xe lửa Hà-nội — Nghệ-an đã xong.
Tuyển quan viên đi Tây học tập.
Pháp và Xiêm hiệp định các điều-ước ngoại giao
về Đông-dương.
- TQ *Thanh Đức-tổng, Quang-tự, năm 31*
Sai Tái-Trạch khảo sát hiến-chính của các nước.
- NK Nhật Nga đình hĩa ước ở Phát-tu-mao-tư (Port-
smouth)
Thụy-diễn và Na-uy phân làm hai nước.
- 25-2-1906, BÍNH-NGO
- VN *Hoàng-triều Thành-thái, năm 18*
Lập hội-đồng định học-quy, năm sau thi hành.
Vua đi tuần đất Bắc Thanh-hóa, tế Tông-lăng ở
Triệu-tường.
Bắc-kỳ lập sổ bộ giá-thú.
- TQ *Thanh Đức-tổng, Quang-tự, năm 32*
Bộ lạc Khoách-nhĩ-khách vào cống.
Xuống chỉ-dụ dự-bị lập hiến-pháp.
- NK Liệt quốc mở hội nghị Ma-lạc kha (Maroc).
Nga tuyên-bố hiến-pháp, thiết lập quốc-hội.
- 13-2-1907, ĐINH-VỊ
- VN *Hoàng-triều Thành-thái, năm 19*
Duy-tân, nguyên-niên
Đường sắt Huế — Đà-nẵng đã xong.

Tháng 7, nhường ngôi, vua mới cải nguyên là
Duy-tân.

Các quan đại thần Cao-Xuân-Dục và Hoàng-Côn di
Nam-kỳ bàn nghị học-chính.

Thiết lập Bộ học, đặt chức thượng-thư.

Pháp Nhật đình ước hợp đồng giao-thiệp về
Đồng-dương.

Đổi phép thi.

Bắc-kỳ thiết lập hội Tư-vấn.

Đăng-cổ tưng-báo thành lập.

TQ *Thanh Đức-tông, Quang-tự, năm 33*

NK Anh Nga đình hiệp ước.

Ba-tư bị loạn.

Pháp và Xiêm đình ước, khiến Xiêm trả lại những
đất xâm chiếm của Cao-miên.

Đảng thanh-niên của Thổ-nhĩ-kỳ mở hội.

Tổng-thống của Đại Pháp là Sơ-công (Fallières)
nối chức.

Tháng 6, Vạn-quốc mở hội nghị hòa-bình lần thứ 2
ở Hải-nha (La Haye), dự hội có 44 nước.

2-2-1908, MẬU-THÂN

VN *Hoàng-triều Duy-tân, năm 2*

Ở Trung-kỳ dân khởi lên xin miễn sưu-dịch.

Thiết lập sở Tu-thư.

Phái học sinh du-học bên Pháp.

Thiết lập Nữ-học-đường.

Định công-sưu ở Trung-kỳ.

Dựng Tân-thư-viện.

Dời Quốc-tử-giám vào trong kinh-thành.

Đường sắt Huế — Quảng-trị đã xong.

Dưới thời quan Toàn-quyền Cách-lộ-bi-cúc-cơ
(Klobukowski).

TQ *Thanh Đức-tông, Quang-tự, năm 34*

Tuyên bố kỳ-hạn mở quốc-hội.

Đức-tông băng. Thuần thân-vương nhiếp chính.

NK Vua Bồ-đào-nha là Khách-la (Carlos) bị đâm chết.

Thổ-nhĩ-kỳ ban hành hiến-pháp.

Nước Áo gồm thâu hai châu Ba, Hách (Bosnie et
Herzégovine).

22-2-1909, KỶ-DẬU

VN *Hoàng-triều Duy-tân, năm 3*

Cho phép dời thư-tịch của Nội-các về Tân-thư-viện.

TQ *Thanh Tuyên-thông, nguyên-niên*

Tên là Phồ-Nghi, cháu của Thuần thân-vương, ở ngôi được 3 năm rồi nhường ngôi.

NK Mở hội nghị Vạn quốc.

Ở Thổ-nhĩ-kỳ có chính biến.

Y-dăng Bắc-văn của Nhật-bản bị người Triều-tiên đâm chết.

Liệt-quốc ở Âu-châu thừa nhận nền độc lập của Bảo-gia-lợi-á (Bulgarie).

Vua nước Anh là Quận-nhĩ-sĩ (Windsor, George V) lên ngôi.

10-2-1910, CANH-TUẤT

VN *Hoàng-triều Duy-tân, năm 4*

Đường sắt Sài-gòn — Phan-thiết đã xong.

Bộ *Thực lục chính biên, đệ lục kỷ* đã xong.

TQ *Thanh Tuyên-thông, năm 2*

Triệu-tập nghị-viên Tu-chính-viện.

Thiết-lập hội Vạn-quốc phòng dịch ở Đông-tam-tĩnh.

Đường sắt Vân-nam đã cho xe lưu-thông.

NK Nước Bồ-đào-nha đòi làm nước Cộng-hòa.

Nhật-bản diệt Triều-tiên.

Quốc-vụ-khanh nước Mỹ đề xuất nghị-án trung lập hóa đường sắt Mãn-châu.

Lần thứ 2, hiệp ước Nhật Nga thành lập.

30-1-1911, TÂN-HỢI

VN *Hoàng-triều Duy-tân, năm 5*

Thiết lập trường Hậu-bổ ở kinh-đô.

Cấm chỉ việc tra khảo, đánh đập.

Dưới thời Toàn-quyền Sa-lô công (Sarrait).

TQ *Thanh Tuyên-thông, năm 3*

Quân Cách-mệnh dấy lên ở Vũ-xương.

NK Mặc-tây-kha (Mexique) nổi loạn, Đại tổng-thống là Địa-á-sĩ (Diaz) xuất bôn.

Ý và Thổ khai chiến.

Tháng 7, lần thứ 2, phát sinh vấn đề Mả-lạc-kha (Maroc), nước Pháp xác định quyền bảo-hộ.

18-2-1912, NHÂM-TÝ

VN *Hoàng-triều Duy-tân, năm 6*

Đường xe lửa Khánh-hòa — Ninh-thuận đã xong.
Mở trường trung-học Bôn-bi (Paul Bert) ở Hà-nội.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, nguyên-niên*

Tôn-Văn làm Tổng-thống lâm thời.
Vua nhà Thanh thoái vị. Dời chính-phủ về Bắc-kinh.
Cử Viên-Thế-Khải làm Tổng-thống.

NB *Đại-chính Thiên-hoàng, nguyên-niên (Taishô)*

Thiên-hoàng thứ 123 của Nhật-bản.

NK Nước Đại-Pháp bảo hộ Ma-lập-kha (Maroc).

Các nước ở Ba-nhĩ-cán (Balkans) khai chiến.

Ý và Thổ ký-kết hòa-ước ở Ô-tây (Ouchy), nước Thụy-sĩ.

Tháng 2, điều-ước Tắc-Bảo (Alliance bulgare-serbe) đã xong.

Tháng 5, Hy-Bảo điều-ước (Alliance gréco-bulgare) đã xong.

6-2-1913, QUÝ-SỬU

VN *Hoàng-triều Duy-tân, năm 7*

Đường sắt Sài-gòn — Nha-trang đã lưu-thông.

Các tỉnh thiết lập trường ấu-học.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 2*

Quốc-hội thành-lập.

Các nước Ba-tây, Mỹ, Bỉ (Pérou) trước sau thừa nhận Dân-quốc.

Chính-phủ chính thức thành-lập.

NK Vua Hy-lạp là Tá-trị đệ nhất (Georges Ier) bị đâm chết.

Ở nước Đại-Pháp, vị tân Tổng-thống là Bôn-ca-lê (Poincaré).

Đại-sứ các nước trú-ngụ ở Anh mở hội-ng nghị sứ-thần đề phàn xử vấn đề Ba-nhĩ-cán (Balkans).

26-1-1914, GIÁP-DẦN

VN *Hoàng-triều Duy-tân, năm 8*

Quy-định điều-lệ cho người ngoài khẩn-hoang ở Trung-kỳ.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 3*

Thành-lập Hội-ng nghị Chính-trị và Hội-ng nghị Ước-pháp.

Tài định đo-đốc các tỉnh.

Thiết-lập viện Tham-chính.

NK Các nước ở Ba-nhĩ-cán (Balkans) nghị hòa.

Vương-quốc Ái-nhĩ-ba-ni-á (Albanie) kiến lập.

Đại-chiến ở Âu-châu khởi lên.

Con kinh vận-tải Ba-nã-mã (Panama) đã xong.

14-2-1915, ẤT-MÃO

VN *Hoàng-triều Duy-tân, năm 9*

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 4*

Nhật-bản lấy eo biển Giao-châu của Đức.

Nhật-bản dùng tối hậu thông-diệp lấy quyền-lợi ở Nam-Mãn, Đông-Mông và Sơn-đông.

Tháng 12, Tổng-thống họ Viên mưu phục-hồi đế-chế ; bọn Thái-Ngạc, Đường-Kế-Nghiêu phản đối ; năm sau họ Viên cải nguyên là Hồng-hiến, sau không thành mới thôi.

NK Nước Mỹ mở hội Vạn-quốc bác-lăm ở Tân-kim-sơn (Melbourne).

Nhật-bản chiếm các đất của Đức ở Thái-bình-dương, Mỹ, Ý, Nhật tuyên chiến với Đức.

3-2-1916, BÍNH-THÌN

VN *Hoàng-triều Duy-tân, năm 10*

Vua đương kim Khải-định, nguyên-niên

Tháng tư về trước là niên hiệu Duy-tân năm thứ 10, ngày mùng 2 tháng 4, vua Duy-tân rời ngôi báu, rồi trong năm ấy bị an-tri ở đảo Lê-uy-ni-ông. (Réunion) đất thuộc-dịa của Pháp.

Ngày 17 tháng 4, rước Hoàng-thượng (Khải-định) lên ngôi ; ngày mùng 1 tháng 5 vua ngự triều.

Đổi phủ Phụ-chính làm Viện Cơ-mật.

Cung-nginh hai bà Thái-hậu Hoàng-Nguyên-từ, Hoàng-Linh-từ về cung hiếu phụng.

Đổi lầu Du-viên làm lầu Kiến-trung.

Tháng 6, cho Hoàng trưởng-tử tôn danh.

Tháng 7, tôn gia huy hiệu Cảnh-tông Thuần hoàng-đế (cho vua cha là Đồng-khánh).

Thi diện lấy nhị tam giáp tiến-sĩ cùng phó-bảng. Cho phép Công-bộ tu sửa Tư lăng.

Tháng 8, ngự giá đi Quảng-nam xem xét phong-tục, tập-quán.

Tháng 9, bàn-nghị gia bỏ chương-trình Quốc-tử-giám.
Ngày 28 tháng 10, rước vua ở Ngưng-hy-diện, hành lễ gia thượng tôn thụ và ban ân-chiếu.

Tháng 11, rước Cảnh-tông Thuần hoàng-đế thăng phụ thờ cúng ở Phụng-tiên-diện.

Cho phép thiết-lập thêm huyện Tiên-phúc ở Quảng-nam.

Tháng 12, làm lễ tôn Hoàng thái-hậu và Hoàng-thái phi.

Quy-định chương-trình trung-học.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 5*

Các tỉnh phản kháng đế-chế của họ Viên.

Tháng 6 họ Viên chết, phó Tổng-thống Lê-Nguyên-Hồng thay thế làm Tổng-thống.

NK Nhật, Nga tái ký kết hiệp ước.

23-1-1917, ĐINH-TY

VN *Đức Kim-thượng Khải-định, năm 2*

Tháng giêng chuẩn-định triều-kỳ.

Tháng 2 vàng lệnh vua đến Tư-lăng đặt lan-can, bài-định, cùng hình tượng người, ngựa.

Cho phép truất tiền sửa phần mộ binh thợ Việt-nam tử trận ở Pháp.

Bộ *Đại Việt sử ký* đã in xong, cấp cho các trường-học.

Phái nhân viên kiểm tra địa bộ các tỉnh ở Trung và Bắc-kỳ.

Chuẩn cấp bài ngà cho các quan về hưu từ nhị phẩm trở lên.

Tháng 3, quốc-vương Ai-lao đến kinh triều yết.

Ngày 26 tháng ấy gặp lễ khánh-tiết ngũ-tuần của Hoàng thái-phi.

Tháng 4, thiết lập huyện Hàm-tân và đình việc lập huyện Tuy-lý-thồ.

Quy-định lệ thưởng thăng áp bỏ về văn thuộc viên.

Tháng 5, đặt bia Thánh-đức thần-công ở Tư-lăng.

Thiết lập trường Nữ-học-đường ở kinh-kỳ, gọi là trường Đồng-khánh.

Tuyên bố luật mới cho Bắc-kỳ.

Tháng 7, cho phái viên san định luật mới.

Làm lại Quốc-tử-giám.

Định lệ đình ưu (các quan có tang cha mẹ).

Sắc chuẩn kim khánh chế làm ngũ hạng chỉ ban cấp.

Xuống chỉ-dụ cho các quan về hưu mỗi người đều trần bày phương-lược cùng nghệ-năng.

Đổi hai huyện Côn-tung và Lâm-viên làm phủ.

Đổi huyện Bình-sơn làm phủ.

Xét định quy-trình hạch bỏ giáo-sư.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 6*

Tuyệt giao với nước Đức.

Tháng 5, Lê Tổng-thống miễn chức của Tổng-ly Đoàn-Kỳ-Thụy

Tháng 6, giải tán Quốc-hội, Trương-Huân đến kinh ủng hộ vua Tuyên-thống trở lại ngôi báu.

Họ Lê bị cấm-cổ được quân Nhật hộ tống ra ngoài.

Tháng 7, Đoàn-Kỳ-Thụy đánh quân nghịch ; phản đối việc phục vị (của vua Tuyên-thống).

Phùng-Quốc-Chương thay quyền Tổng - thống ở Nam-kinh.

Trương-Huân trốn vào sứ quán Hà-lan.

Vua Tuyên-thống rút lui, họ Phùng đến kinh thay thế vào chức Tổng-thống, từ đấy về sau nam bắc phân chia, Tôn-Văn tổ chức chính-phủ phương nam, ở Quảng-đông.

NK Ở nước Nga cách mệnh dân chủ ép hoàng-đế nước Nga thoái vị. Lý-ninh (Lénine) cầm chính quyền nước Nga, tổ-chức chính-phủ lao-binh ở Mạc-tư-khoa, phát khởi chủ-nghĩa cộng-sản Sô-viết.

Phần-lan tuyên bố độc-lập.

Nước Mỹ gia nhập chiến tranh Âu-châu.

Ở Á-châu, Á-tắc-nhi-bái-nhiên (Azerbaidjan), Á-mỹ-ni-á (Arménie) và Tá-tri-á (Géorgie) : ba vùng tổ-chức chính-phủ liên-bang, năm sau phân ra làm ba nước cộng-hòa.

11-2-1918, MẬU-NGỌ

VN *Đức Kim-thượng, Khải-định, năm 3*

Tháng giêng, đức tiền Khải-định thông-báo.

Định-lệ đánh thuế những nhà dón quế ở Thanh-hóa.

Tháng 2, có lễ tế Giao, rước Cảnh-tông Thuần, hoàng-đế thăng phối.

Xuống chỉ-dụ chuẩn-định ngày mừng 2 tháng 5 làm lễ kỷ-niệm.

Tháng 3, ngự giá đi tuần đất Bắc.

Chước nghĩ quy-điều hạch nhập trường Hậu-bổ.

Tháng 4, có kỳ thi hương cuối cùng.

Tháng 6, tăng bổ các điều hình luật ở Bắc-kỳ.

Tháng 9, cho phép các nha Văn-hình lấy tố-phục văn-trạng.

Tháng 10, chuẩn cho người đi Tây tòng chinh có công-trạng khó nhọc được ban phẩm-hàm.

Dời Khâm-thiên-giám đến chỗ Y-sở (Sở Y-được) trước.

Tháng 10, xuống chỉ-dụ quy-định dây đeo Long-bội-tinh, tất cả có năm bực.

Tháng 11, thiết-lập Quốc-âm quan-báo ở Trung-kỳ.

Cải định quan-hàm ở Bắc-kỳ.

Bãi bỏ việc khoa-cử, lưu lại năm sau một khoa thi hội.

Thiết-lập trường Canh-nông ở Tuyên-quang.

Mộ vé Quốc-trái lần thứ 4, giúp chiến-tranh ở Âu-châu.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 7*

Tổ-chức Quốc-hội mới.

Tháng 8, Từ-Thế-Xương được tuyền làm Tổng-thống đề nối theo họ Phùng.

NK Tổng-thống Mỹ là Uy-nhĩ-tôn (Wilson) tuyên-bố điều-kiện hòa-bình vào tháng giêng.

Tháng 11, Hoàng-đế nước Đức thoái vị ẩn tránh ở Hà-lan.

Trong chiến-tranh Âu-châu, nước Pháp toàn thắng ký-kết điều-ước hưu-chiến.

Ba-lan tuyên-cáo độc-lập.

Đảng cộng-sản Nga mở đại hội - nghị giải quyết việc nước.

1-2-1919, KỶ-VỊ

VN *Đức Kim-thượng, Khải-định, năm 5*

Tháng 2, có khoa thi hội sau cùng, ban ơn cho các tú-sĩ đều được ứng-thí.

Hoàng-thân nước Xiêm-la là Bi-la-sa-ta đến kinh vào bệ-kiến.

Khởi vét sông Lợi-nông.

Tháng 4, xuống chỉ dụ đời kỷ-niệm tiết làm Hưng-quốc-khánh-niệm-tiết.

Tháng 6, cho phép thi-hành tổng-quy của Học-chính ở Trung-kỳ.

Tháng 7, cải-định về Học-chính, các trường đều trực thuộc các nha Học-chính của Pháp.

Cho các xã thôn đặt Thân-minh-đình.

Xuống sắc đời nước Cao-man ra nước Cao-miên.

Tháng 8, chuẩn-định chương trình trường Pháp-chính.

Chuẩn-định lệ đánh thuế đình Bắc-kỳ.

Xuống chỉ dụ chỉnh-trị phong-tục.

Tháng 10, cải chế sắc phục cho quan viên.

Tháng 11, gặp đại khánh-tiết mừng thánh-thọ ngũ-tuần, có ban ân-chiếu.

Tháng 12, lập đài kỷ-niệm chiến-sĩ trận-vong.

Định lại điều lệ cho phẩm hàm các linh và thợ đi Tây.

Xuống chỉ-dụ cho phép thiết-lập Hội-dồng tư-vấn Trung-kỳ.

Cho phép bàn nghị bỏ túc về thể lệ quan hôn tang lễ trong dân gian.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 8*

Vương-Chính-Đình, Cố-Duy-Quân tại Hòa-hội Âu-châu yêu cầu phế bỏ mật-ước Trung-Nhật.

NK *Hiến-pháp Cộng-hòa Đức quốc thành lập.*

Âu-châu mở Hội-nghị hòa bình ở Ba-lê; nước Đức đảm nhận bồi thường về chiến-cuộc.

Liệt cường mở Hội liên-minh quốc-tế.

Ở nước Mỹ, thành Hoa-thịnh-đốn, cử hành lần thứ nhất Hội-nghị lao-công quốc-tế.

20-2-1920, CANH-THÌN

VN *Đức Kim-thượng, Khải-định, năm 5*

Tháng giêng, thiết-lập Sở phiên-dịch.

Tháng 2, soạn bộ *Văn Uyển tục biên*.

Phái nhân-viên đi Tây đề dự lễ lạc thành chiến-sĩ nước Nam trận-vong.

Xây dựng Vạn-vạn-niên-tôn-cuộc ở Cù-bạc.

Tháng 4, phái nhân-viên đi Saigon hội-nghị về tiền chính.

Xuống sắc đòi Tiềm-đề làm An-định cung đề cho Hoàng trưởng-tử.

Tháng 6, xây dựng Vạn niên cát-cuộc ở Ứng-thuận sơn.

Tháng 7, thân mình điều-lệ các nha Vấn-hình tri hành án-kien.

Ngự giá đi Đà-nẵng xem các chiếm hạm của Pháp.

Tháng 8, cho phép trích ngân khoản chẩn cứu dân đói ở Thanh-hóa.

Tăng lương bổng cho quan-lại binh-lính.

Tháng 11, tiến phong quan Khâm-sứ trước là Sa-lê (Charles) làm Tế-Nam công.

Tháng 12, cho phép đem vào hai đèn Hiên-lương, Trung-nghĩa những công thần văn vũ đã quá cố từ năm Đồng-khánh nguyên-niên trở về sau.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 9*

NK Đại-Hội quốc-tế liên-minh mở hội nghị lần thứ nhất, rồi về sau mở hội mỗi năm một lần.

Viện hành-chính của Hội quốc-tế liên-minh triệu-tập các nhà pháp-luật khởi thảo điều-lệ của Quốc-tế pháp-đình.

Phần-lan và Nga ký kết hòa-ước.

Bốn nước Anh, Pháp, Ý, Nhật ký kết điều ước với nước La-mã-ni-á (Roumanie) ở Ba-lê.

Nhân quốc-dân Thổ-nhĩ-kỳ vận động, các nước ký hiệp-ước đem quân chia ra đóng ở Thổ.

8-2-1921, TÂN-DẬU

VN *Đức Kim-thượng, Khái-định, năm 6*

Tháng giêng, tu sửa điện Ngưng-hy và Bồi-lăng.

Xây dựng lại lầu Kiến-trung.

Tháng 2, có lễ tế Giao, rước Giản-tông thờ chung ở Thế-miếu.

Tháng 6, quy-định tân chương-trình Quốc-tử-giám.

Lầu Thái-bình đã xong.

Tháng 7, bộ *Đại-Nam hội-diễn tục-biên* đã in xong.
Tháng 8, cho phép sách *Nam được kinh nghiệm toàn tập* lưu-hành trong thế gian.

Tháng 9, cho phép mỗi năm gặp lễ khánh-hội thì cúng tế cho Tăng-duệ hoàng thái-tử.

Tháng 10, các quan nội-các phụng lệnh soạn Nhạc-chương khánh-niệm-tiết.

Cho phép các Bộ án theo phân-sự kiểm lại luật-lệ.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 10*

NK Hội nghị Hoa-thịnh-đốn hạn chế quân bị cùng thảo luận vấn đề Thái-bình-dương và Viễn-dông.

27-2-1922, NHÂM-TUẤT

VN *Đức Kim-thượng, Khải-định, năm 7*

Tháng giêng, mộ công-trái để hoàn-thành đường sắt Nghệ-an đến Đông-hà.

Phái nhân-viên đi Tây dự hội đấu xảo ở Mã-trại thành (Marseille).

Tháng 2, tăng thêm hai viên ngự-sử ở Đò-sát viện.
Xướng sắc chế-tạo kiêu cờ phồng theo dây đeo long-bội-tinh.

Mùng 2, tháng 4, sách-lập Đông-cung hoàng-thái-tử.

Tháng 4, xuống chỉ-dụ cho những quan-viên từng sự tại các tòa (của chính-phủ Bảo-hộ) nhận phẩm hàm. Nhật-thành-lâu đổi ra Nhật-thành-các.

Hậu-phương-đình được cho tên là Lưỡng-kiêm-đình.

Ngày 24, tháng ấy ngự giá đi Tây; tháng 5 đến nước Pháp; ngày 14 tháng 6, từ kinh-đô nước Pháp trở về.

Ngày 19 tháng 7, ngự giá trở về đến kinh-đô Huế.

Tháng 9, cho phép thiết-lập tại kinh-đô một trường Cao-đẳng gọi là trường Uyên-bác.

Đổi Sở phiên-dịch làm Cồ-học-viện.

Tháng 10, cho phép trích phủ Ninh-thuận và huyện An-phúc của tỉnh Khánh-hòa đặt làm Ninh-thuận đạo, có một vị quản-đạo.

Xướng chỉ-dụ bảo tồn cổ-tích ở Trung-kỳ.

Tháng 11, cho phép từ đó trở về sau dân chúng có việc oan-ức được đón xe vua mà kêu bày.

Tháng 12, cho phép Tân-thư-viện được trực thuộc Bộ Học.

Cho phép Bộ học in bộ *Ngự-giá như Tây kỷ*.
Hạ Nghị-viện Pháp phái nhân viên đến kinh.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 11*

Quân các tỉnh Phụng-thiên, Trục-lệ đánh nhau.
Từ-Thế-Xương thoái vị, Lê-Nguyên-Hồng phục chức.

NK Quốc-tế liên-minh mở hội-nghị lần thứ ba.

16-2-1923, QUỶ-HỢI

VN *Đức Kim-thượng, Khải-định, năm 8*

Tháng giêng, trùng-tu điện Thái-hòa.

Tháng 2, trùng-tu Thái-miếu.

Tháng 3, trùng-tu điện Ngưng-hy.

Cho phép khôi-phục khoa hàm quan chức các thân
sĩ bị can về những năm trước.

Thủy-sur đề-đốc của Pháp đến kinh-đô tiến yết.

Cho phép Tàng-cổ-viện Khải-định trú tại Tân thư-
viện.

Tháng 4, việc xây dựng lại lầu Kiến-trung đã hoàn-tất.

Cho phép Bắc-kỳ thi hành tân quan-chế và tân-luật.

Tháng 6, chuẩn-định quan chức Cồ-học-viện.

Tháng 8, bộ *Đồng-khánh chính yếu* và *Khải-định
chính yếu* tập đầu đã biên xong.

Xướng sắc-chỉ cho sử-thần biên-tập bộ *Ngoại-giao
kỷ lược* tiến dâng lên vua xem.

Tháng 10, phụng gia tôn huy-hiệu của Khôn-nguyên
hoàng-thái-hậu và Khôn-nghi hoàng-thái-hậu.

Gia-tăng điền tô lên 3/10.

Tháng 12, cho phép ấn hành quyển *Ngự-giá như
Tây thi tập*.

Đổi Trường-ninh cung gọi là Trường-sinh cung,
Trường-sinh môn gọi là Trường-an môn.

Làm lễ gia-tôn xong thì ban ân-chiếu.

Nghị-định điều-lệ Tàng-cổ-viện.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 12*

Tháng 10, Tào-Côn được tuyển làm Đại tổng-thống.

NK Lãnh-tụ Quốc-dân-đảng Ấn-độ là Cam-địa (Gandhi)
bị bắt.

Nước Tân Thổ-nhĩ-kỳ thành-lập, cùng các nước ký
hiệp-ước khai nghị ở địa-phương Lạc-tang (Lausanne)
của Thụy-sĩ.

5-2-1924, GIÁP-TỠ, thứ 81

VN Năm lễ Đại-khánh Vạn-thọ tứ tuần

Tháng giêng, ngày Nguyên-đán, ban Khánh-niên An-chiếu.

Ngày 19 tháng 2 có lễ Nam-giao, rước vua đi hành lễ.

Tháng 2, cho phép tỉnh Khánh-hòa đặt bố-chính như cũ, bố-chính Bình-thuận đổi làm tuần-phủ.

Quan phụng mệnh soạn bộ *Ngọc điệp tông phả*.

Tháng 5, cho phép hai huyện Đông-sơn và Hoảng-hóa của Thanh-hóa đổi làm phủ.

Tháng 7, Đông-cung hoàng-thái-tử từ nước Pháp về lạy mừng.

Ngày mừng 1 tháng 9, gặp lễ Tứ-tuần đại-khánh.

Trung tuần tháng 11, Đông-cung hoàng-thái-tử phụng sắc trở sang Tây lưu học.

TQ Trung-hoa Dân-quốc, năm 13

Tào-Côn bị truất, các tỉnh suy-tôn Đoàn-Kỳ-Thụy làm Lâm-thời Tổng-chấp-chính.

Tôn-Văn lên miền Bắc.

Họ Tôn bị bệnh mà chết.

NK Lãnh-tụ Quốc-dân-đảng Ấn-độ là Cam-địa được phóng thích.

Quốc-tế liên-minh mở Đại-hội lần thứ 5, Trung-Nga khôi phục bang giao.

PHỤ - LỤC

1925, ẤT-SỬU

VN Khải-Định, năm 10

Tháng 6, Tả đảng bên Pháp ra cầm chính-quyền. Nhờ đó nhà cách-mạng Phan-châu-Trinh được về nước.

Thanh-niên bỗng-bột sang Tàu cầu học và chịu huấn-luyện cách-mạng.

Ngày 30-6 cụ Phan-bội-Châu bị bắt ở Thượng-hải đưa về nước.

Tháng 11, Khải-định thăng-hà.

- TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 14*
Ngày 12 tháng 3, Tôn-dật-Tiên chết.
- NB Nhật-bản thiết-lập cuộc phổ-thông dầu phiếu.
- 1926, BÌNH-DẪN
- VN *Bảo-đại, nguyên-niên*
Khải-định mất, Hoàng-tử Vĩnh-Thụy nối ngôi, hiệu Bảo-đại.
Lên ngôi xong, Bảo-đại trở lại Pháp tiếp-tục du-học.
Tôn-thất-Hân được cử làm phụ chánh.
Phan-châu-Trình mất ngày 24 tháng 3. Toàn-quốc long-trọng cử-hành lễ truy-diệu.
- TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 15*
Nội-chiến bùng nổ: các tướng-lãnh tranh nhau chức Tổng-thống sau khi Tôn-dật-Tiên chết.
- NB Vua Chiêu-Hòa (Hiro-Hito) nối ngôi Yoshi-Hito (Đại-chính Thiên-hoàng).
- 1927, ĐÌNH-MÃO
- VN *Bảo-đại, năm 2*
Ngày 25 tháng 12, Việt-nam quốc-dân-đảng được chính-thức thành-lập. Chủ-trương: lập chính-phủ cộng-hòa chống đế-quốc xâm-lược. Nguyễn-thái-Học làm đảng trưởng.
- TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 16*
Bắt đầu cuộc xung-đột giữa Quốc-dân đảng và Cộng-sản đảng Trung-hoa.
- NK Lindberg một mình bay qua Đại-tây-dương.
Trotsky bị trục-xuất khỏi đảng cộng-sản Nga.
1928. MẬU-THÌN
- VN *Bảo-đại, năm 3*
Tháng 6, Nguyễn-thái-Học gửi sang Thái-lan một phái-đoàn do Nguyễn-ngọc-Son cầm đầu, thiết-lập một chi-nhánh của đảng ở Thái-lan. Trong nước, Nguyễn-thái-Học tiếp-xúc với Nguyễn-an-Ninh và Tân-Việt ý muốn hợp nhất các chánh đảng ở Đông-dương chống Pháp.
- TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 17*
Thống-chế Tưởng-giới-Thạch (Tchang Kai-Tshek) làm Tổng-thống.

Ngày 6 tháng 10, bắt đầu diệt cộng.

NK Trotsky bị đày ra Tây-bá-lợi-á (Sibérie)
1929, KỶ-TỰ

VN *Bảo-đại, năm 4*

Ngày 9 tháng 2 vì cuộc ám-sát Bazin, nhân-viên sở mộ phu di Tân-thế-giới, Việt-nam Quốc-dân-đảng bại-lộ. Nhiều đảng-viên bị bắt giam và tù đày.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 18*

Quân Cách-mạng thống-nhất Trung-quốc.

NK Thánh Cam-địa ở Ấn-độ đòi tự-trị.

1930, CANH-NGỌ

VN *Bảo-đại, năm 5*

Việt-nam Quốc-dân-đảng khởi-nghĩa đánh phá tỉnh Yên-bái nhưng thất-bại. Nguyễn-khắc-Nhu tuần-tiết ở trận Lâm-thao.

Nguyễn-thái-Học bị bắt ở đồn-diền Cồ-Vịt Hải-dương. Quân-đội Pháp oanh-tạc và triệt-hạ làng Cồ-Am (Hải-dương), nơi tập-trung các đảng-viên cao-cấp Việt-nam Quốc-dân-đảng.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 19*

NK Hội-nghị bàn tròn giữa Ấn-độ và Anh-quốc tại Luân-đôn.

1931, TÂN-VỊ

VN *Bảo-đại, năm 6*

Nguyễn-thái-Học cùng 12 đồng-chí, dền nợ nước tại Yên-bái.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 20*

Mãn-châu bị quân-đội Nhật-bản chiếm đóng ngày 19-9.

NK Cuộc Cách-mạng Ý-pha-nho (Espagne) lật đổ chế-độ quân-chủ, thiết-lập nền Cộng-hòa.

NB Nhật chiếm Thẩm-dương (Chen-yang) cùng các thành-thị xung quanh và thiết-lập tân Quốc-gia Mãn-châu.

1932, NHÂM-THÂN

VN *Bảo-đại, năm 7*

Bảo-đại về nước.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 21*

Các nhượng địa ngoại-quốc ở Thượng-hải bị Nhật bắt đầu tiến chiếm.

NK Tổng-Thống Pháp Paul Doumer bị ám-sát. Albert Lebrun được bầu kế vị (5 tháng 5).

Tại Mỹ-quốc, Roosevelt đắc-cử Tổng-thống (8 tháng 11).

1933, QUỶ-DẬU

VN *Bảo-đại, năm 8*

Bảo-đại ban-hành những cải-cách xã-hội và hành-chánh.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 22*

Lợi-dụng Tôn-đế Phổ-nghi, Nhật xúi tổ-chức chính-phủ thân Nhật và lập Mãn-châu quốc.

Tướng-giới-Thạch ký hòa-uớc Đường Cỏ.

Chấm dứt cuộc xung-đột giữa Trung-hoa và Nhật-bản.

NK Hitler được Thống-chế Hindenburg chọn làm Thủ-Tướng (30-1).

Ngày 5-3, tổng-tuyên-cử Quốc-hội Đức. Phe Quốc-xã được 52 phần trăm số thăm.

Đảng Quốc-xã bắt đầu bài Do-thái.

1934. GIÁP-TUẤT

VN *Bảo-đại, năm 9*

Sau thất-bại của Việt-nam Quốc-dân-đảng, đảng cộng-sản Đông-dương bắt đầu hoạt-động. Khắp nước, có những cuộc dân-chúng biểu-tình do Cộng-sản bi mật tổ-chức. Chính-quyền Pháp thẳng tay đàn-áp.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 23*

NK Thống-chế Hindenburg chết. Hitler lên thay làm Quốc-trưởng nắm hết quyền-chính. (1-8).

Hội Quốc-liên nhóm đại-hội không công nhận Mãn-châu-quốc.

Nhật tuyên-bố ra khỏi Liên-hiệp-quốc.

1935, ÂT-HỢI

VN *Bảo-đại, năm 10*

Trong nước có phong-trào đệ-tam và đệ tứ quốc-tế gây trong dân chúng sự chém giết lẫn nhau vì chủ-nghĩa dị-đồng.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 24*

NK Ý xâm-lăng Ethiopie (Á-quốc). Hội Quốc-liên lên án Ý-đại-lợi vì cuộc xâm-lăng này.

Hitler tước-quyền công-dân của những người Do-thái. Ngăn cấm hôn-nhân giữa người Đức và người Do-thái. Hitler vi-phạm hòa-ước Versailles, tái-lập chế-độ quân-dịch cường-bách toàn-thể trai-tráng Đức.

1936, BÌNH-TÝ

VN *Bảo-đại, năm 11*

Đảng Cộng-sản dùng mọi cách phá-hoại các đảng Quốc-gia đối-lập. Thực-dân lợi-dụng sự chia rẽ để dễ bề đàn-áp.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 25*

Tướng-giới-Thạch đến Tây-an thanh-tra các đạo quân do Trương-học-Lương chỉ-huy đang bao-vây Trung-cộng ở Thiểm-tây, Cam-túc. Quân lĩnh mưu với Trương bắt giam Tưởng, ép phải thương-thuyết với Trung-cộng lập một mặt trận thống nhất.

NK Anh-hoàng George V băng-hà. Thái-tử Edouard VIII lên thay. Được ít lâu, thoái-vị nhường ngôi cho em là George VI.

Tại Y-pha-nho (Espagne), nội-chiến bùng nổ. Tướng Franco lên làm Quốc-trưởng.

1937, ĐÌNH-SỬU

VN *Bảo-đại, năm 12*

Nhân cờ-hội mặt trận binh-dân do Léon Blum cầm đầu, lên nắm chính-quyền ở Pháp, tại Việt-nam có phong-trào tổ-chức Đông-dương đại hội-nghị yêu cầu cải-cách chính-trị và giải-phóng quốc-sự phạm.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 26*

Nhân vụ Lư-cầu-Kiều, 1 quân-nhân Nhật mất-tích, Nhật đòi khám các đồn Trung-hoa. Võ-quan Tàu không chịu. Súng nổ và chiến-tranh Trung-Nhật tái-diễn. Nhật tiến chiếm Bắc-kinh 8.8, Thượng-hải 9.11 và Nam-kinh 13.12.

Chiến-tranh Trung-Nhật khởi diễn từ đây và tới năm 1945 mới kết-thúc.

1938, MẬU-DẦN

VN *Báo-đại, năm 13*

Trong năm này có thêm một vài đảng phái mới ra đời như Đông-dương Liên-đoàn Quốc-gia Cách-mạng do cụ Hoàng-văn-Khải tức Cử-Ngọ (Thanh-hóa) lãnh-đạo, Việt-nam Cách-mạng đồng-minh-hội, thành-lập ở Quảng-đông do cụ Nguyễn-hải-Thần lãnh-đạo.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 27*

Nhật tiến chiếm Hán-khẩu và Quảng-châu, tháng 10.

NK Tại Thổ-nhĩ-kỳ (Turquie) Kémal Ataturk chết ngày 15.11.

1939, KỶ-MÃO

VN *Báo-đại, năm 14*

Thế-giới-chiến thứ 2 bùng nổ, quân-đội Nhật vào Đông-dương uy-hiệp Pháp. Pháp bí mật bảo-trợ đảng Cộng-sản Đông-dương lập chiến-khu chống Nhật. Mặt trận Việt-minh ra đời.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 28*

Nhật thành-lập tại Nam-kinh chính-phủ Uông-tĩnh vệ (Wang-tsing-Wei) thân Nhật, chống Tưởng-giới-Thạch.

NK Đức xâm lăng Ba-lan, chiếm Hải-cảng Danzig.

Anh Pháp tuyên-chiến với Đức.

Đệ nhị thế-chiến bùng nổ. (3.9).

1940, CANH-THÌN

VN *Báo-đại, năm 15*

Đảng Phục-quốc của Trần-trung-Lập được Nhật ủng-hộ và viện trợ đánh chiếm Lạng-son. Sau Nhật thỏa-hiệp với Pháp, đảng đó bị bỏ rơi. Trần-trung-Lập bị bắt và xử-tử tại Lạng-son.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 29*

NK Đức-quốc-xã xâm-lăng Hòa-lan, Bỉ và Lục-xâm-bảo, vượt biên-giới Pháp

Đồng-minh Anh Pháp rút lui hải-cảng Dunkerque. Thành Ba-lê bị chiếm.

Thống-chế Pétain xin đình-chiến, lập chính-phủ Vichy.
De Gaulle tổ-chức ủy-ban kháng-chiến tại Luân-đô-u
Đức-Y-Nhật ký hiệp-định cho Nhật có uy-quyền
trong việc lập một nền trật-tự mới ở Đông-Á.

1941, TÂN-TY

VN *Bảo-đại, năm 16*

Đội Cung chiếm đồn Đô-lương, đem quân đánh
thành Nghệ-an, bị quân Pháp tập-kích bắn chết.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 30*

NK Anh, Mỹ tuyên-chiến với Nhật.

Đức, Ý tuyên-chiến với Mỹ.

Nhật ký với Nga hiệp ước bất tương xâm.

Nhật đánh Trân-châu-cảng (Pearl Harbour), Phi-
luật-tân, Guam, buộc Hoa-kỳ phải lâm chiến.

1942 NHÂM-NGO

VN *Bảo-đại, năm 17*

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 31*

Tướng-giới-Thạch thắng được quân Nhật một trận
lớn ở Trường-xa (Hồ-nam).

NK Anh, Mỹ đổ bộ lên Bắc-Phi thuộc Pháp.

Mỹ ném bom Đông-kinh (Tokyo).

Ấn-độ đòi độc-lập. Thánh Cam-địa (Gandhi) bị
chánh-phủ Anh cầm tù. Bạo động đẫm máu ngày
11 và 12 tháng 8.

1943, QUỶ-MÙI

VN *Bảo-đại, năm 18*

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 32*

NK Đức đầu hàng tại Stalingrad.

Bại quân Đức bị bắt ở Cap Bon chấm dứt chiến-
tranh ở Phi-châu.

Anh, Mỹ và Trung-hoa họp Hội-nghị Le Caire. 3
nước cam-kết đánh bại Nhật và giải-phóng Cao-ly.

1944, GIÁP-THÂN

VN *Bảo-đại, năm 19*

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 33*

NK Đồng minh đổ bộ lên Normandie (6.6). Thủ-đô Ba-lê
(Paris) được giải phóng (25.8).

Mỹ chiếm lại Phi-luật-tân.

1945, ẤT-DẬU

VN *Bảo-đại, năm 20*

Ngày 9-3, Nhật đảo-chính Pháp ở Đông-dương. Bảo-đại tuyên-bố hủy-bỏ tất cả các hiệp-uớc ký-kết từ trước, giữa Việt-nam và Pháp.

Ngày 17-4, thành-lập nội-các Trần-trọng-Kim.

Ngày 19-8, Việt-minh cướp chính-quyền.

Ngày 24-8, Bảo-đại thoái-vị, chấm-dứt chính-thể quân-chủ ở Việt-nam.

Ngày 2-9, Việt-minh thành-lập Chánh-phủ lâm-thời của nước Việt-nam dân-chủ cộng-hòa.

Ngày 9-9, quân-đội Trung-hoa thay mặt đồng-minh giải giới quân-đội Nhật ở miền Bắc.

Tại miền nam, việc giải-giới này do tướng Douglas Gracey chỉ huy.

Ngày 12-9, Pháp theo chân quân-đội Anh vào Saigon, tung quân chiếm lại Gia-định, Mỹ-tho, Gò-công, Vĩnh-long, Cần-thơ, phía Nam chiếm tới Cà-mau, phía Bắc chiếm tới Nha-trang và Ban-mê-thuột.

Ngày 19-11, các đảng-phái quốc-gia cùng Việt-minh ký-kết lập chính-phủ liên-hiệp.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 34*

Tháng 8, sau khi Nhật đầu hàng không điều-kiện, Trung-hoa đi từ tình-trạng một nước bị chiếm đóng lên hàng cường-quốc thắng trận.

Ngày 10 tháng 11, Tưởng-giới-Thạch được tái-cử Tổng-thống, triệu-tập quốc-hội ở Nam-kinh, ban-bố tân-hiến-pháp.

Tuy thoát ách ngoại xâm, Trung-hoa lại lâm cảnh nội-chiến ; cuộc tranh-chấp Quốc-Cộng kéo dài từ 1945, đe dọa nền hòa-bình thế-giới.

NK Ngày 2-5, Bá-linh (Berlin) thất-thủ. Việc Hitler tự-sát được loan báo.

Ngày 7-5, Đức chịu đầu hàng vô điều-kiện.

Ngày 6-8, trái bom nguyên-tử đầu tiên nổ ở thành phố Hiroshima.

Ngày 9-8, Nagasaki bị dội bom nguyên-tử.

Ngày 14-8, Nhật đầu hàng vô điều-kiện.

1946, **BÍNH-TUẤT**

VN Ngày 24-2 Việt-minh mời các đảng thành-lập Chính-phủ Liên-hiệp. Bảo-đại đứng đầu ban cố-vấn.

Ngày 28-2, tướng Leclerc đem quân từ Nam ra Bắc.

Ngày 18-3, Bảo-đại được phi-cơ Mỹ đưa sang Trùng-khánh rồi ở luôn tại Hồng-kông cho tới năm 1949.

Ngày 10-6, giải giáp xong quân đội Nhật, quân-đội Trung-hoa rút về nước. Quân Pháp dùng võ lực

chiếm Phủ Toàn-quyền của Chính-phủ Việt-minh.

Ngày 18-12, sau khi Hội-nghị Fontainebleau thất-bại, Pháp gửi tối hậu thư bắt quân đội và công-an Việt-minh hạ hết khí-giới giao trách-nhiệm giữ trật-tự cho Pháp.

Tối 19-12, chiến-tranh Pháp-việt bùng nổ.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 35*

NK Tòa-án Nuremberg được triệu-tập đặc-biệt để xử các chiến-phạm, 7 án tử-hình. Goering tự-tử trước khi bị đem ra xử trảm.

1947, **ĐÌNH-HỢI**

VN Chính-phủ Việt-minh rút khỏi Hà-nội, áp-dụng chiến-lược tiêu-thoả kháng-chiến. Pháp tấn-công ồ-ạt nhưng chỉ chiếm được những tỉnh lỵ. Kháng-chiến vẫn giữ được toàn chủ-lực. Chiến tranh du-kích kéo dài đến năm 1954 mới kết-liệu.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 36*

Tướng - giới - Thạch tổ-chức tổng - tuyển - cử. Đảng cộng-sản không tham-dự.

Đại-diện cộng-quân rút khỏi Nam-kinh. Nội-chiến Quốc-Cộng đi tới giai-đoạn quyết-liệt.

1948, **MẬU-TỠ**

VN Trong khi chống nhau với Việt-minh, Pháp dùng giải-pháp độc-lập giả-hiệu và chính-phủ Việt-nam bù-nhìn, hy-vọng tiếp-tục đô-hộ Việt-nam.

Ngày 27-5-48, Pháp thành-lập chính-phủ trung-ương lâm - thời Việt - nam do Nguyễn - văn - Xuân làm thủ-tướng.

TQ *Trung-hoa Dân-quốc, năm 37*

Ngày 1-9, Chính-phủ nhân-dân lâm-thời được thành-

lập. Tuy-nhiên chiến-tranh Quốc-cộng vẫn tiếp-diễn. Nhờ vũ-khí của Nga-sô cung-cấp, Cộng-quân tiến sang giai-đoạn tổng phản công; chiếm Nam-kinh hồi tháng 4. Tiến vào Thượng-hải ngày 25-5, và đoạt Quảng-châu ngày 15-10.

Ngày 20-11, Trùng-khánh thất-thủ.

Tướng-giới-Thạch chạy sang Đài-loan, chọn Đài-bắc làm Thủ-dô.

NK Thánh Cam-địa ở Ấn-độ bị ám-sát.

Cộng-sản nắm chính quyền ở Tiệp-khắc.

Quốc-gia Do-thái được công-bổ thành-lập.

Chiến phạm Nhật bị kết-án tử hình, trong số có Tojo ; 18 người khác bị khổ-sai.

1949, KỶ-SỬU

VN Ngày 2-7-49 Bảo-đại về nước chấp-chính với danh-nghĩa Quốc-trưởng Việt-nam. Từ 1942 đến hiệp-định Genève, Bảo-đại lập 5 chính-phủ :

1949: chính-phủ Bảo-đại, giải-tán cuối năm 1949.

1950: chính-phủ Nguyễn-phân-Long từ-chức tháng 3-1950.

1952: chính-phủ Trần-văn-Hữu rút lui hồi tháng 6-1952.

1953: chính-phủ Nguyễn-văn-Tâm từ-chức ngày 1-2-1953.

1954: chính-phủ Bửu-Lộc từ-chức tháng 6-1954.

TQ Trung-hoa Dân-quốc, năm 38

Chính-phủ dời sang Đài-loan, thủ-dô Đài-bắc.

Ở lục-địa, Cộng-hòa nhân-dân do Mao-trạch-Đông làm chủ-tịch, thực-hiện chủ-nghĩa Cộng-sản.

NK 4-4, Tò-chức Minh-ước Bắc-đại Tây-Dương bắt đầu hoạt-động. 21-9 Cộng-hòa liên-bang Tây-Đức được thành-lập.

27-12, ngày độc lập của Indonésia. Năm sau, ngày 26-1-50, Anh quốc trả độc lập hoàn toàn cho Ấn-Độ.

1954, GIÁP-NGO

Chiến-tranh Việt-Pháp tiến đến giai-đoạn chót.

Quân-đội Pháp tổ-chức cù diêm Điện-biên-phủ lớn nhất Đông-dương.

Quân-đội kháng-chiến bắt đầu tấn-công từ 13-3-54 và chiếm trọn cù-diêm này ngày 6-5-54.

Tướng De Castries chỉ-huy cứ-diểm Điện-biên-Phủ phải đầu hàng.

Chiến-tranh chấm-dứt bằng hiệp-định Genève ký-kết ngày 20-7-1954.

Việt-nam bị cắt làm hai phần, lấy sông Bến-Hải ở vĩ-tuyến 17 làm ranh-giới : miền Bắc thuộc Việt-cộng, miền Nam thuộc chính-phủ Quốc-gia.

Tại miền Nam, ngày 7-7, Bảo-đại trao-quyền cho Thủ-tướng Ngô-đình-Diệm.

Ngày 24-9, Thủ-tướng tuyên-bố cải-tổ chính-phủ lần thứ nhất.

Nội-các « tranh-đấu » ra mắt quốc-dân với một chương-trình đầy đủ thực-tế và hữu-hiệu.

Thủ-tướng tuyên-bố nhận nhiệm-vụ « Cứu-vãn tình-thế, thực-hiện hòa-bình, thống-nhất lãnh-thổ, bảo-vệ chủ-quyền quốc-gia, hoàn-bị hòa-bình trong tự-do, tôn-trọng nhân-phẩm và gia-đình ».

NK Hiệp-ước phòng-thủ Đông-nam-á được ký-kết tại Mani.

Tây-đức được giao trả chủ-quyền và gia-nhập khối Bắc-đại tây-dương và Liên-hiệp các quốc-gia Tây-Âu.

1955, ẤT-MÙI

VN Cộng-hòa Việt-nam, năm 1

Thực-hiện công-cuộc di-cư vĩ-đại trong lịch-sử thế-giới.

Cải-tổ nội-các lần thứ hai.

Ký sắc-lệnh đặt Bình-xuyên ra ngoài vòng pháp-luật. Thực-hiện chương-trình kiến-quốc : đóng cửa 2 sông bạc công khai do Bình-xuyên khai-thác.

Giành lại quyền điều-khiển ngành Cảnh-sát, Công-an ở tay Bình-xuyên.

Ngày 23-10, toàn-dân tham-gia cuộc trưng-cầu dân-ý truất-phế Bảo-Đại, thiết-lập chính-thể Cộng-hòa.

Ngày 26-10, bản hiến-ước tạm thời ra đời.

Ngày 29-10, Quốc-trưởng Ngô-đình-Diệm ký sắc-lệnh thành-lập chính-phủ của nước Việt-nam Cộng-hòa.

NK Tiềm-thủy-đĩnh nguyên-tử Nautilus của Hoa-kỳ bắt đầu ra bề.

1956, BÍNH-THÂN

VN *Cộng-hòa Việt-nam, năm 2*

Ngày 23-2, thiết-lập quốc-hội lập-hiến dân cử.

Ngày 4-3, toàn dân bầu-cử Quốc-hội lập-hiến.

Tháng 4, mở chiến-dịch Hoàng-diệu diệt phiến-loạn Bình-xuyên ở Rừng Sát.

Tháng 5, mở chiến-dịch Nguyễn-Huệ dẹp Hòa-hảo. Trần-văn-Soái tức Năm Lửa ra hàng.

Lê-quang-Vinh tức Ba Cụt bị bắt ở Long-xuyên ngày 13-4 và bị xử tử ở Cần-thơ ngày 19-7.

NK Công-dân Ba-lan chống chế-độ cộng-sản ở Poznan nhưng bị Hồng-quân đàn áp.

Cuộc nổi-loạn tại Budapest chống độc-tài cộng-sản Hung-gia-lợi. Thủ-tướng Imré Nagy bị cộng-sản bắt và thủ-tiêu.

Liên-hiệp-quốc lên án Nga-sô xâm-lăng Hung-gia-lợi.

1957, ĐÌNH-DẬU

VN *Cộng-hòa Việt-nam, năm 3*

Thâu-hồi độc-lập hoàn-toàn cho đất nước.

Thâu-hồi Viện phát-hành, sở Hối-đoái, Thương-khẩu Saigon, sở Hàng-không dân-sự, sở Khi-tượng, sở Hải-dăng và Hải-tiêu, phòng Thương-mại và Viện Đại-học.

Dinh độc-lập được trao trả Việt-nam.

Bãi bỏ các tòa-án hỗn-hợp và sở Mật-thám liên-bang.

Thiết-lập nền tư-pháp Việt-nam.

Thâu hồi quyền chỉ huy các quân-khu ở toàn-quốc.

Ngày 26-4 đoàn quân viễn-chinh Pháp rút hết khỏi lãnh-thổ Việt-nam.

Tiền Việt-nam do Ngân-hàng quốc-gia phát-hành hoàn-toàn thay thế cho giấy bạc Đông-dương Ngân-hàng.

Hủy bỏ những độc quyền kinh-tế trong tay ngoại kiều.

NK Liên-bang Mã-lai được nhìn nhận độc-lập.

Mỹ bắt đầu sản xuất nhiều vũ-khi nguyên-tử.

Ngày 4-10, Nga phóng vệ-tinh nhân-tạo đầu-tiên Sputnik 1 lên không-gian.

Ngày 3-11, Nga phóng Sputnik II mang theo chó Leika.

1958, MẠU-TUẤT

VN *Cộng-hòa Việt-nam, năm 4*

Thực-hiện chương-trình kiến-thiết quốc-gia và cải-tiến dân-sinh.

Giải-quyết nạn thất-nghiệp. Thiết-lập các khu dinh-điền : Cái Sắn, La-ngà, Pleiku, khai-khẩn đất hoang. Xây đập Đồng cam (Tuy-hòa), bảo đảm nước cho 23 ngàn mẫu ruộng.

Khai-thác vùng Cà-mau, Đồng-tháp-mười.

Khẩn-hoang miền Pleiku, Kontum.

Thiết-lập hợp-tác-xã sản-xuất và tiêu-thụ nông-nghiệp.

Đặt cơ-quan nông-tín-cuộc giúp đỡ nông-dân thiếu phương-tiện sản-xuất.

NK 31-1, Hỏa-tiến Jupiter đưa 1 hành-tinh nhân-tạo vào vòng quỹ-đạo.

27-3, Khrushchev lên chức Thủ-tướng Nga thay thế Bulganin.

1-6, Charles De Gaulle được bầu Thủ-tướng Pháp.

19-9, Giáo-hoàng Pie XII từ trần.

28-10, Hồng-y giáo-chủ Roncalli được bầu làm Giáo-hoàng, với giáo-hiệu Gioan XXIII.

1959, KỶ-HỢI

VN *Cộng-hòa Việt-nam, năm 5*

Chính-phủ tiếp-tục cố-gắng xây-dựng hạ tầng cơ-sở dân-chủ từ căn-bản thôn-xã bằng những tiến-bộ kinh-tế và xã-hội.

Mở rộng diện-tích canh-tác, nâng cao mức sản-xuất. Góp phần đầu tư với tư-nhân mở các nhà máy : máy sợi, máy đường Hiệp-hòa, máy gỗ Tân-mai, máy giấy Biên-hòa, nhà máy Xi-măng Tiên-yên, nhà máy Thủy-tinh Khánh-hội để dần dần thực-hiện chương-trình kỹ-nghệ-hóa Việt-nam.

Đối ngoại, Cộng-hòa Việt-nam ký hiệp-ước thân-hữu với Cộng-hòa Phi-luật-tân.

Mở rộng giao-tế với Cận Đông, Phi-châu và Nam-Mỹ.

Thiết-lập bang-giao với Thổ-nhĩ-Kỳ, Tuy-ni-di, Ba-tư và Á-căn-đinh.

Phái-đoàn Quốc-hội Việt-nam đã tranh-thủ được thắng-lợi tại Hội-nghị Quốc-tế Liên-hiệp Nghị-sĩ ở Varsovie chống lại đơn xin gia-nhập của Việt-cộng.

NK 8-1, Fidel Castro đánh bại Batista, làm tổng-thống Cuba.

6-1, Congo nổi lên chống Bỉ.

Nga phóng-hỏa-tiên nhân-tạo Lunik I lên quỹ-đạo và Lunik II, Lunik III, lên cung-trăng.

Mỹ liên-tiếp phóng hỏa-tiên Vanguard II, Discoverer I, Pionnier IV, Discoverer II, Vanguard III.

Trung-cộng xua quân chiếm một phần đất Ladakh (Cachemire) Ấn-độ.

1960, CANH-TÝ

VN Cộng-hòa Việt-nam, năm 6

Gây dựng và củng-cố các điều-kiện kinh-tế và xã-hội làm hạ-tầng cơ-sở cho 1 chế-độ dân-chủ thật-sự. Tăng-gia sản-xuất trong mọi ngành, nâng cao mức sống của đại-chúng, thâu-dụng thêm tài-nguyên dùng vào công-cuộc kỹ-nghệ-hóa.

Đặc-biệt chú-trọng đến công-cuộc phát-triển nông-nghiệp, hoàn-thành công-cuộc cải-cách điền-địa, san bằng sự chênh-lệch quá đáng trong sự phân-phối quyền sở-hữu về ruộng đất. Cung-cấp cho nông dân 1 tư hữu cơ-bản đảm-bảo các tự do dân-chủ và tạo cho họ một đời sống mới.

Thiết-lập những khu trù mật.

Nền kinh-tế Việt-nam đã có một căn-bản vững chắc. Công-cuộc kỹ-nghệ-hóa bắt đầu phát triển.

Tổng-thống Việt-nam đã qua thăm Trung-hoa Dân-quốc và Liên-bang Mã-lai.

Quốc-vương và Hoàng-hậu Thái-lan tới thăm Việt-nam.

Việt-nam đặt thêm tòa Đại-sứ tại Tunisie, Sénégal, Mali và Maroc.

Thụy-diễn sẽ đặt Đại-sứ quán tại Việt-nam.

Việt-nam đã ký thỏa-ước với Nhật-bản thi-hành hiệp-ước bởi thường chiến-tranh.

Một hiệp-định hợp-tác kinh-tế và tài-chánh đã được ký với Pháp để thực-hiện tại Đà-nẵng một hệ-thống kỹ-nghệ gồm : 2 máy phát điện, 1 nhà máy làm phân hóa-học, 1 nhà máy chế-tạo đất đèn.

Một số dự-án đã bắt đầu thực-hiện để hợp-tác chặt chẽ về nền kinh-tế giữa Việt-nam và các nước Đông-nam-á.

NK 15-3, Lý-thừa-Văn tái-cử Tổng-thống Đại-hàn Dân-quốc.

19-4, Tổng-thống Đại-hàn dân-quốc Lý-thừa-Văn (Syngman Rhee) từ-chức.

Tháng 3, Thống chế Tưởng-giới-Thạch tái-cử Tổng-thống Trung-hoa Quốc-gia tại Đài-loan.

Tháng 11, ông John Kennedy đắc-cử Tổng-thống Hoa-kỳ.

MỤC-LỤC PHÂN TÍCH

Bản Mục-lục phân-tích này gồm các **danh-từ riêng** về tên người, tên đất, tên sách, niên-hiệu v.v... và một số **danh-từ chung** như : Xã-hội, Học-chính... bao gồm nhiều sự-kIỆN lĩnh-tĩnh trong mỗi ngành hoạt-động.

Để phân biệt những niên-hiệu (n. h.) có thể trùng nhau giữa Việt-nam, Trung-quốc và Nhật-bản, khi cần, có chú-thích ở cạnh những chữ tắt (VN), (NB).

Mục-lục này, để khỏi quá dài, chỉ chú trọng đến những sự-kIỆN Việt-nam và Trung-quốc. Đối với những nước khác như Nhật-bản, Triều-tiên, Nam-chiêu, Cao-ly... thì chỉ ghi những dòng vua chính hoặc số trang để tìm thôi.

A

A-lỗ-dài, 246, 247, 252.

A-lỗ-đồ-đấu, 231.

A-lỗ-ngột-thực-sáp, 248.

A-nỗ, 333, 334.

A-phòng (cung), 52.

A-quế, 319.

A-sáp-xuất, 244.

Ai-lao, 186, 188, 200, 203, 222,

223, 229, 231, 248, 252, 253,

258, 259, 264, 269, 275, 301.

Ái-châu, 166, 176, 180, 183,

184, 185.

Ái-tử, 274.

An-ấp (kinh-đô), 7.

An-bác, 282.

An-bài, 290.

An-chính (n.h.) 340.

An-duyong, 47 — 52.

An-đế, 78, 79.

An-định, 78.

An-đức Thiên-hoàng, 203.

An-giang, 339, 342, 345, 346.

An-hải-bảo, 329.

An-hoa (phường), 223.

An-hòa (n.h.), 172.

An-hóa vương, 265.
An-khang thiên-hoàng, 113.
An-khánh, 343.
An-khánh-tự, 147.
An-lãng, 265.
An-long, 293.
An lộc-sơn, 146, 147.
An-nam, 134, 245, 270.
An-nam đô-hộ phủ, 134, 139,
140, 146, 148, 150, 151, 154,
158, 160.
An-nam Đô thống sứ ty, 270.
An-nam quốc vương, 201.
An-nam tướng-quân, 94.
An-ninh, 326, 327.
An-ninh Thiên-hoàng, 33, 34.
An-nguyên (n.h.), 203.
An-nhân Thiên-hoàng, 122.
An-phúc, 301, 367.
An-quảng, 285, 320.
An-tây, 319.
An-tây Vũ-công (bia), 339.
An-tử sơn, 223, 225.
An-thông (sông), 331.
An-trình (n.h.), 211.
An Trọng-Hối, 167.
An-trường, 272, 274, 276, 293.
An-viễn tướng quân, 86.
An-vương (vua), 38, 39
Ấn-bình (n.h.), 98.
Anh, 337, 338, 342, 348. X.
Anh-cát-lợi.
Anh-bổ, 54.
Anh-cát-lợi, 332, 341, X. Anh.
Anh-Tề (thái-tử), 58, 59.
Anh-tông Hiếu-nghĩa hoàng-đế,
(Nguyễn-Phúc-Trần), 300.

Anh-thịnh thiên-hoàng, 309.
Anh-vũ Chiêu-thắng (n.h.), 190
Ankan, 122.
Anko, 113.
Annei, 33.
Antoku, 203.
Aubaret, 344.
Âm-nhạc :
nhạc khúc Chiêm-thành, 206
nhạc bình Ngô, 254.
nhạc chương khánh niệm
367.
Ân (nhà), 14, 18.
Ân-Hạo, 103.
Ân-Trọng-Kham, 108.
Âu-dương Tu, 184.
Âu-lạc, 47.

B

Ba (đất). 5.
Ba-Cụt : X. Lê-Quang-Vinh.
Ba-đình, 352.
Ba-dồ-nhĩ Xước-sáp, 279.
Ba-thắc, 347.
Bà Triệu, 92.
Bá-Côn, 4.
Bá-châu, 283.
Bá-đa-lộc, 320, 324.
Bá-Ích, 5.
Bá-Mỹ, 7.
Bá-Nhan, 218, 219, 229, 230.
Bá-Phục, 25.
Bạc (đất), 11.
Bạc-châu, 233.
Bách-lương đài, 59.

Bách-nguyên Thiên-hoàng :

X. Hoàn-vũ Thiên-hoàng.

Bách-tế (nước), 68 - 138, 163,

168. X. Triều-tiên.

Bách-thần đàn, 246.

Bách-đăng, 168, 221.

Bách-hà Thiên-hoàng, 189.

Bách-hạc, 311.

Bách-hồ quan, 76.

Bách-Khởi, 47.

Bách-liên giáo, 286, 323.

Bách-phụng (n.h.), 319.

Bách-quy (n.h.), 144.

Bách-trĩ (n.h.), 137.

Bái (đất), 52.

Bái-công, 52.

Bái-hạ, 52.

Bái-Trú, 227.

Ban-Cổ, 77.

Ban-Siêu, 76 — 78.

Bàn-Canh, 14.

Bản-đồ (định) 12 tuyên, 258.

Bang-Cơ, 253, 254.

Bảo-an (n.h.), 195.

Bảo-châu, 266.

Bảo-diên (n. h.), 198.

Bảo-đại (n.h.), 370 — 377, 379.

Bảo-đỉnh (n.h.), 94.

Bảo-định (n.h.), 281.

Bảo-định (sông), 331.

Bảo-đức (n.h.), 255.

Bảo-hòa cung, 239.

Bảo-hưng (n.h.), 325.

Bảo-hựu (n.h.), 215.

Bảo-khánh (n.h.), 210.

Bảo-lịch (n.h.), 154.

— — 312 (NB).

Bảo-nguyên (n.h.), 184.

— — 200 (NB).

Bảo-phù (n.h.), 218 (VN)

Bảo-quy (n.h.), 149.

Bảo-tồn cổ-tích, 367.

Bảo-thái (làng), 174.

Bảo-thái (n.h.), 305 — 307.

Bảo-Thanh, 337.

Bảo-trị (n.h.), 214.

Bảo-ứng (n.h.), 147.

Bảo-vĩnh (n.h.), 303.

Bazin, 371.

Bắc-bình-vương 321.

Bắc Bổ-chính, 297, 318.

Bắc-giang, 171.

Bắc-hà, 322, 325.

Bắc-Hán, 170, 174.

Bắc-hạnh, 28.

Bắc-kinh, 246, 248, 290, 291,
360.

Bắc-kỳ, 343, 358.

Bắc-bình-vương, 352, 353, 355.

Bắc-lương (nhà), 107, 112.

Bắc-Mông, 14.

Bắc-Nguyên (nhà), 236, 237.

Bắc-Tề Hậu-chúa, 126.

Bắc-Tề Hiếu-Chiêu-đế, 126.

Bắc-Tề Văn-tuyên-đế, 124.

Bắc-Tề Vũ-thành-đế, 126.

Bằng-tường châu, 259.

Bắc-ninh, 340, 343, 353.

Bắc-thành, 326, 328.

Bân (đất), 9.

Bân-hầu, 16.

Bất-giáng (vua), 8, 9.

Beau. 356.

- Bệnh-Kỷ, 64.
Bert (Paul), 352, 360.
Bi (người), 12.
Bi-thư-các, 314.
Bia :
 dựng, 50, 307, 339, 362.
 tiến-sĩ, 253.
 Vũ-công, 336.
Bích-phương, 22.
Biên-hòa, 327, 340, 343.
Biện-kinh, 196.
Bình-chuẩn sử ty, 345.
Bình-dương, 98.
Bình-định, 324, 325, 337, 345.
Bình-định-vương, 247, 248.
Bình-hải, 274.
Bình-hải-quân, 232.
Bình-khang (phủ), 317, 323.
Bình-nhưỡng, 138.
Bình-phú, 345.
Bình-than, 220, 245, 258.
Bình-thành Thiên-hoàng, 152.
Bình-thuận (phủ), 301, 318,
 322, 336, 368.
Bình-trị (n.h.), 200.
Bình-vương, 25, 26.
Bình-xuyên, 379, 380.
Bitatsu, 128.
Bonard, 343.
Bô-trì-trì, 259.
Bồ-cô, 245.
Bồ-đề, 266, 267, 312.
Bổ-cái Đại-vương, 150, 151.
Bổ-chính (châu), 188, 193,
 333; (doanh), 288.
Bổ-chính ty, 246.
Bổ-da-la, 214.
Bổ-vệ, 326.
Bộ-Chất, 87.
Bộc (đất), 2.
Bồi-lãng, 135, 306.
Bồi-thường chiến-tranh, 344,
 356.
Bối-châu, 186.
Bội (nước), 19.
Bôn-nhung, 25.
Bồn-Man, 252, 256, 258.
Bồn-sơ, (n.h.), 81.
Bồn-thủy (n.h.), 64.
Bột-Bái, 281.
Bột-hải (rợ), 143, 145, 167.
Bột-la-trấn-đại-đồng - sát - hãn,
 234, 235.
Bùi-Bá-Kỳ, 245.
Bùi-Độ, 153.
Bùi-Hành-Kiểm, 139, 140.
Bùi-Huy-Bích, 320.
Bùi-Nguyên-Dụ, 156.
Bùi-Sĩ-Tiêm, 307.
Bùi-Tả-Hán, 276.
Bùi-Thái, 151.
Bùi-Thế-Đạt, 314, 316.
Bùi-Văn-Khuê, 282, 283.
Buretsu, 118.
Bửu-Lộc, 378.
- C**
- Ca** (khúc) Quỳnh uyển, 262.
Cam-Bàn, 15.
Cam-cát, 333.
Cam-linh, 333.

Cam-lộ (n.h.), 65 (Hán Tuyên-
đế).

— — 93 (Ngụy); 94, (Ngô)
— (9 châu), 333.

Cam-môn, 333.

Cam-túc, 252, 373.

Càn-đạo (n.h.), 201, 202.

Càn-đức (n.h.), 172,

Càn-hóa (n.h.), 164.

Càn-hưng (n.h.), 182.

Càn-hựu (n.h.), 170.

Càn-long (n.h.), 308—323.

Càn-ninh (n.h.), 162.

Càn-nguyên (n.h.), 147.

— — 224 (NB).

Càn-phong (n.h.), 138.

Càn-phù (n.h.), 159.

Càn-phù Hữu-đạo (n.h.), 184.

Càn-thanh cung, 265.

Canh-đỉnh (vua), 16.

Canh-nông :

tỉnh điền, 40 ;

vua cày ở tịch điền, 176,
183, 259 ;

vua đến đồng ruộng Ô-lộ
xem gặt hái, 183, 261 ;

vua đến Ưng-phong xem
gặt hái, 196 ;

đặt Hà dê sứ, 214, 259 ;

đặt quan Khuyến-nông, 259 ;

lập vựa lúa, 230 ;

dựng đài Tiên-nông và
Quan-canh, 261 ;

mở tịch điền, 333 ;

quân điền, 337 ;

nha Điền nông, 352 ;

trường canh-nông, 355, 364.

Canh-thủy (n.h.), 71.

Cánh-lăng vương Đản, 114

Cánh-ninh (n.h.), 67.

Cảnh (đất), 13 ; (nước), 28.

Cảnh-bình (n.h.), 111.

Cảnh-Diệp, 80.

Cảnh-diệu (n.h.), 93.

Cảnh-định (n.h.), 216, 217.

Cảnh-đức (n.h.), 179.

Cảnh-hoàng Thiên-hoàng, 75.

Cảnh-hưng (n.h.), 309—321.

Cảnh-hựu (n.h.), 184.

Cảnh-lich (n.h.), 271.

Cảnh-long (n.h.), 143.

Cảnh-nguyên (n.h.), 93,

Cảnh-phúc (n.h.), 162.

Cảnh-sơ (n.h.), 91.

Cảnh-Tinh-Trung, 297, 298, 299

Cảnh-tông Thuần hoàng-đế,
352, 354, 364. X. Đồng-khánh.

Cảnh-thái (n.h.), 255, 256.

Cảnh-thịnh (n.h.), 322.

Cảnh-thống (n.h.), 262, 263.

Cảnh-thụy (n.h.), 179-180.

Cảnh-trị (n.h.), 295-296.

Cảnh-vân (n.h.), 143.

Cảnh-viêm (n.h.), 219.

Cảnh-vương, 33, 34.

Cao (vua), 9.

Cao-bá-Quát, 340.

Cao-bằng, 263, 282, 285, 287,
289, 295, 296, 298, 311, 340,
344, 345, 346.

Cao-Biền, 158, 159.

Cao-buru, 233.

Cao-câu-ly (nước), 67, 68, 132,
133, 138. X. Cao ly.

Cao-Củng, 277.

- Cao-dương, (họ), 2.
Cao-Dương, 124.
Cao-Hoan, 121, 122.
Cao-Hủ, 250.
Cao-Lỗ, 48.
Cao-ly, 102, 136, 138, 165, 168, 169, 170, 174, 175, 177, 178, 180, 183, 184, 186, 191, 192, 193, 196, 199, 202, 205, 206, 208, 214, 216, 218, 222, 225, 226, 228, 230, 231, 232, 237, 240, 241.
Cao-man, 338, 342, 365.
Cao-man quốc-vương, 327, 338.
Cao-miên, 365.
Cao-Tâm, 159.
Cao-thương Thiên-hoàng, 202.
Cao-Triệu (tư-đồ), 119.
Cao-xa (rợ), 111.
Cao-Xí, 249,
Cao-Xuân-Dục, 358.
Cao-xương (nước), 136.
Castries (de), 379.
Cát (nước), 9.
Cát-nhĩ-đơn, 301, 302.
Cầm-Man, 253,
Cầm-Quý, 252.
Cấm-Kê, 73.
Cấm-môn, 347.
Cần (vua), 8, 9.
Cận-vệ Thiên-hoàng, 199.
Câu-dực phu-nhân, 62.
Câu-đê, 317.
Cầu-Phủ, 158.
Con tin, 58.
Cổ-Duy-Quân, 365.
Cồ-am, 371.
Cồ-bì, 307, 313.
Cồ-học viện, 367.
Cồ-lâu, 244.
Cồ-loa, 168; (xã), 47.
Cồ-lũy (động), 243, 259.
Cồ-pháp, 180.
Cồ-thành, 94.
Cồ-trai, 269.
Cốc (vua), 2.
Cối-kê, 5; (quận), 50.
Còn-dương, 71.
Còn-luân (quận), 148.
Còn-minh, 61.
Còn-Ngô, 5,
Còn-ngô (họ), 9, 10.
Còn-tung (quận), 363.
Cồn, 3.
Công-báo, 352.
Công-Lưu, 9.
Công-nghệ :
 dệt vải, 40.
 sai cung nữ dệt gấm vóc, 184.
 ban bản khắc các sách và cấm mua sách Tàu, cấm dùng đồ hoa mỹ, 308.
 đấu xảo, 349, 367.
 trường Bách công, 355.
Công-tôn Thuật, 71-73.
Cùng-tôn Uyên, 91.
Công-trái, quốc trái, 364, 367.
Cống-lễ :
 — rửa thân. 3.
 — bạch trĩ, 19.
 — ngọc châu. 135.
 — tê trắng, 179.
 — voi trắng, 186.

- sinh viên, 247.
Cộng-hòa nhà Chu, 23, 24.
Cộng-hòa Việt-Nam, 379—383.
Cốt-đốc-lộc, 140, 141.
Cơ-đốc giáo :
truyền vào TQ, 223.
cấm đạo, 295, 301, 306.
đốt giáo đường, 346.
Cơ mật (tân viện), 356, 361 ;
(viện), 335.
Cơ-tử, 18, 19.
Cơ-xá, 194.
Cờ, 351, 367.
Cù-bạc, 366.
Cung, 52, 128, 239, 265, 345,
366, 368.
Cung-đế, 125.
Cung-vương (vua), 22.
Cung-niết, 25.
Cùng-Thiên, 4.
Cư-nhiếp (n.h.), 70.
Cừ-lê (nước), 64.
Cử (nước), 37.
Cử-Long, 180.
Cử-Ngo, 374.
Cương-vực.
Ranh-giới :
nhà Hán, 73.
cây trụ đồng, 231.
giữa Nga-Hoa, 300.
Địa-lý, Ma - linh, Bồ-chính,
188.
nhà Tống trả Quảng - uyên
châu, 190.
sang nhà Tống bàn nghị việc
cương giới, 191.
bày rõ biên giới phía Bắc
với nhà Nguyên, 226.
trả 59 thôn cho nhà Minh,
244.
Châu Quy-hợp, 254.
đạo Quảng-nam, 259.
Phan-lý, Phan-lang, 301.
nhà Thanh trả đất Lộc-binh
châu, 316.
Cừu-Loan, 269, 272.
Cửu-an (n.h.), 199.
Cửu-chân, 54, 72, 80, 82, 92,
106, 112, 237.
Cửu-diều Phế-đế, 209.
Cửu-đơn, 11.
Cửu-đức, 123.
Cửu-thị (n.h.), 142.
Cửu-thọ (n.h.), 200.
Chà-bàn (thành), 237, 254, 259.
Châm-quán (nước), 6.
Châm-tâm, 5, 6, 9.
Chân-giáo (chùa), 182, 210.
Chân-lạp, 180, 183, 184, 195,
197, 198, 199, 209, 297, 302,
303, 309, 313, 319, 329, 330,
331, 332, 335,
Chân Sâm, 332.
Charles, 366.
Chất-đế, 81.
Chất-Đô, 57.
Châu-đốc, 330.
Châu-nhai (quận), 66.
Chế-Bồng-Nga, 240
Chế-Cử, 188.
Chế-Chí, 225.
Chế-Mỗ, 232.
Chi (vua), 2, 3.
Chí-chính (n.h.), 230—234.

Chí-đại (n.h.), 225.
 Chí-đạo (n.h.), 178.
 Chí-đức (n.h.), 129,
 — — 146, 147.
 — — 239 (NB)
 Chí-hòa (n.h.), 187.
 Chí-linh (núi), 248.
 Chí-nguyên (n.h.), 219, 220,
 229, 230.
 Chí-thuận (n.h.), 228.
 Chí-trị (n.h.), 227,
 Chiêm-thành, 152, 175, 177, 185,
 190, 192, 195, 197, 198, 200,
 201, 203, 205, 206, 209, 214,
 217, 219, 220, 223, 227, 231,
 241, 243, 244, 250, 252, 254,
 255, 258, 259, 284, 293, 301.
 Chiết-dông, 158, 272.
 Chiết-giang, 253, 273, 343.
 Chiêu-hòa Thiên-hoàng, 370.
 Chiêu-liệt (vua), 88, 89,
 Chiêu-trương-vương, 321, 322.
 Chiêu-thống (n.h.), 321, 322.
 Chiêu-vương, 21, 44, 46.
 Chính-an (n.h.), 223.
 Chính-bảo (n.h.), 291.
 Chính-bình (n.h.), 231, 235.
 Chính-đức (n.h.), 264-267.
 — — 304 (NB).
 Chính-gia (n.h.), 215.
 Chính-hòa (n.h.), 194.
 — — , 225 (NB).
 — — , 298, 302 (VN).
 Chính-khánh (n.h.), 229.
 Chính-lich (n.h.), 177.
 Chính-long Bảo-ưng (n.h.), 201.
 Chính-nguyên (n.h.), 92.

 — — 216 (NB).
 Chính Thân-đỉnh Thiên-hoàng,
 274.
 Chính-thống (n.h.), 252-255.
 Chính-thủy (n.h.), 91.
Chính-trị : phong các cậu làm
 liệt hầu, 67 ; tiến cử kẻ sĩ
 phẩm hạnh siêu việt, 82 ;
 cấm nói quá chức phận
 mình, 145 ; dâng Đơn-ỷ lục-
 châm, 154 ; hội bá quan lại
 thề, 182, 210, 251, 282 ; khoan
 dung với phạm nhân, 188 ;
 cấm phỉ báng việc chính trị
 đương thời, 189 ; mong được
 lời nói thẳng, 238 ; cử người
 hiền tài còn sót lại, 250 ; bỏ
 chính lệnh bất tiện, 275 ;
 khiến trăm họ khen chê
 quan cai trị, 306 ; lập phép
 đoàn kết, 309.
 Chính-trị (n.h.), 205 (NB).
 — — , 274, 276.
 Chính-trung (n.h.), 227.
 Chính-trường (n.h.), 250.
 Chính-ưng (n.h.), 221.
 Chôkei, 235.
 Chu (nhà), 18 - 48 ; 125 - 130.
 Chu Á-phu, 56, 57.
 Chu-An, 236.
 Chu-công, 17, 19, 23, 189.
 Chu Cung-đế, 171.
 Chu-diên (huyện), 124.
 Chu-Du, 87.
 Chu-diêu (n.h.), 140.
 Chu-Hy, 205.
 Chu Linh-Thạch, 109.

Chu Mậu-đế, 125.
Chu-Năng, 245.
Chu-Ngung, 84.
Chu Nguyên Chương, 233 235.
Chu-Nhai, 157.
Chu Nhất-Quý, 305.
Chu Tĩnh-đế, 128.
Chu Toàn-Trung, 163, 164.
Chu Tuyên-vương, 128.
Chu-trước Thiên-hoàng, 167.
Chu Thái-tổ, 170.
Chu-Thảo, 150.
Chu Thế-tông, 170, 171.
Chu Thế-Trân, 235.
Chu thiên-vương, 125, 126.
Chu-Thử, 149, 150.
Chu-văn-Tiếp, 320.
Chu Văn-vương, 17.
Chu Vũ-hậu, 141, 142, 143.
Chu Vũ-vương, 126.
Chu-vương, 226.
Chu-Xử, 96.
Chu-Xưởng (thứ sử), 80.
Chùa : 182, 210, 283.
Chùa Hiền, 292.
Chùa Nghĩa, 300.
Chùa Sãi, 284.
Chùa Tiên, 274.
Chùa, 85.
Chuẩn-cát-nhĩ, 307, 308, 313.
Chúc-Lương, 80.
Chũkyô, 209.
Chung-Hội, 94.
Chung-ly, 235.
Chung-húc, (vua), 2, 4.
Chữ Toại-Lương, 137.
Chương-đế, 76, 77.

Chương-đôn, 192, 193.
Chương-hóa, 321.
Chương hoàng-đế, 327.
Chương-thánh gia-khánh (n.h.),
187, 188.
Chương-vũ (n.h.), 89, 89.

D

Dã-năng (động), 124.
Dã-tiên Thiết Mộc-nhi, 227.
Dã-tốc Diệt-nhi, 240.
Dạ-trạch, 124.
Dận-Hầu, 5.
Di-dân, 244.
Di-lặc (n.h.), 264.
Di-vương, 22, 23.
Dịch (kinh), 17.
Dịch-vương, 43.
Diêm-Hiền, 79.
Diêm Thái-hậu, 79.
Diên-bảo (n.h.), 297.
Diên-bình (n.h.), 78.
Diên-cửu (n.h.), 189.
Diên-đức (n.h.), 261.
Diên-Giang, 231.
Diên-hải lục, 330.
Diên-hồng (điện), 220.
Diên-hựu (n.h.), 226, 227.
Diên-hy (n.h.), 82, 91, 93.
— — 163 (NB).
Diên-hỷ (n.h.), 163.
Diên-khánh (n.h.), 225.
— (phủ), 310, 317,
323—325.
Diên-lich (n.h.), 150.
Diên-ninh (n.h.), 255, 256.
Diên-ninh (phủ), 310.

- Diên-nguyên (n.h.), 229.
Diên-quang (n.h.), 79.
Diên-tải (n.h.), 141.
Diên-thành (n.h.), 278.
Diên-tri (n.h.), 218.
Diên-ứng (n.h.), 212.
Diên-xương (n.h.), 119.
Diễn-châu, 180, 250.
Diệp Bá-cự, 238.
Diêu-Sùng, 143.
Diêu-Trường, 104, 106.
Dĩnh (nước), 27.
Dĩnh quốc-công, 241.
Doãn-cung Thiên-hoàng, 109.
Doãn-Uẩn, 337, 339.
Doumer, 355, 372.
Du-mộc-xuyên, 249.
Du-viễn (lầu), 361.
Du-Võng (vua), 1.
Dũ-Dực, 102.
Dũ-Lượng, 100.
Duệ-tông Hiếu-định hoàng-đế,
315, 318.
Dung-châu (cảng), 159.
Dụng-minh Thiên-hoàng, 129.
Dupré, 347.
Duy-châu, 151.
Duy-tân (n.h.), 357 — 361.
Duyên-xưởng (núi), 307.
Dư-Thần, 25, 26.
Dữ-Nhuệ, 217.
Dực-tông Anh hoàng-đế, 334,
338 — 351, 353.
Dực Thánh-vương, 181, 182.
Dương Anh-Nhị, 197.
Dương-Bân, 170.
Dương-Chấn, 79.
Dương Chấn-Nhất, 270, 271.
Dương Diên-Nghệ, 166 — 168.
Dương Đình-Hòa, 267.
Dương-đức (n.h.), 296.
Dương-gia (n.h.), 80.
Dương-giáp (vua), 14.
Dương Hành-Mật, 161, 163.
Dương-Hạo, 282.
Dương-hòa (n.h.) 259.
Dương-Hoán, 195, - 197.
Dương-Hùng, 71.
Dương-Huyền-Cảm, 132.
Dương-Hựu, 94,
Dương Kế-Thịnh, 273.
Dương-thành Thiên-hoàng, 160.
Dương-Viên, 129, 130.
Dương Kim-Anh, 270.
Dương-Khuông, 320.
Dương-Liên, 287.
Dương-Mạo, 286.
Dương Ngạn-Địch, 298.
Dương Nhật-Lễ, 235, 236.
Dương-Phiêu, 123.
Dương-Phổ, 252.
Dương-Phương, 333.
Dương Quốc-Trung, 146.
Dương-Sàn, 124.
Dương Sĩ-Kỳ, 252.
Dương-sóc (n.h.), 68.
Dương Tam-Kha, 169, 170.
Dương-Tắc, 94, 95.
Dương Tiến-lộc, 176.
Dương-Tuấn, 96.
Dương Tư-Húc, 144.
Dương Tự-Minh, 199.
Dương-Thanh, 153.
Dương Ưng-Long, 283.

Dương Vinh, 252.
Dương-vũ trại, 280.
Dưỡng-hòa (n.h.), 203
Dưỡng-lão (n.h.), 144.
Dữu-lý, 17.

Đ

Đa-bang (thành), 245.
Đa-cảng (đồn), 249.
Đa-nhĩ-Cổn, 292.
Đa-vũ Thiên-hoàng, 161
Đà-giang, 219, 223.
Đà-năng, 330, 332, 338, 341.
342, 347, 352.
Đà-tân, 334.
Đá-vách, 327.
Đài, 59, 60, 365.
Đài-bắc, 378.
Đài-loan, 294, 299, 305, 321,
327, 335, 348, 352, 354, 378.
Đài-Lương, 89.
Đại (nước), 50, 106.
Đại-bành (nước), 15.
Đại-bảo (n.h.), 124.
— — , 142 (NB).
— — , 253 (VN).
Đại-cô, 342,
Đại Cồ-Việt, 172.
Đại-cung-môn, 335.
Đại-Chiêm, 259
Đại-chính (n.h.), 269.
— Thiên-hoàng, 360.
Đại-Chu (nhà), 233.
Đại-dồng (n.h.), 122.
Đại-định (n.h.), 236 (Trần-Dụ-
tông).

— — 198-201 (Lý Anh-tông).
Đại-đô, 228.
Đại-dồng (n.h.), 152.
Đại-đức (n.h.), 223, 224.
Đại-Hàn 355.
Đại-hóa (n.h.), 137,
Đại-hoàng, 172.
Đại-Hoàng sơn, 200.
Đại-hưng (n.h.), 100.
Đại-khánh (n.h.), 226, 227.
Đại-la (thành), 152, 159.
Đại-lăng, 288.
Đại-lệ, 36.
Đại-lich (n.h.), 148, 149.
Đại-Lương, 41, 46, 163, 164,
169, 233, 234.
Đại-lý (nước), 149, 215.
Đại-minh (n.h.), 114.
Đại-Mông (nước), 149.
Đại-nam hội-diễn (tục biên), 341,
367.
Đại-Niên, 227.
Đại-Ngu, 243.
Đại-Nguyên-Lịch, 182.
Đại-nghiệp (n.h.), 132.
Đại-nha (cửa bể), 127.
Đại Pháp (nước), 330, 332, 334,
336, 338, 340, 341-343, 246,
348, 349, 351. X. Pháp
Đại-quan (n.h.), 194.
Đại-quận, 50,
Đại-tân (nước), 49.
Đại-Thần thiên-sư. 328.
Đại-thắng Minh-hoàng đế, 172.
Đại Thiên-vu, 97.
Đại-thông (n.h.), 120.
Đại-thuận (n.h.), 161.

- Đại-Trá-Vinh, 143.
Đại-trị (n.h.), 196 (NB).
— — , 233—235.
Đại-trung (n.h.), 157.
Đại-trung Tường-phù (n.h.), 179.
Đại-Việt, 187, 250.
Đại-Việt sử-ký, 218, 260, 362.
Đại-Việt thông-giám, 265.
Đại-vĩnh (n.h.), 267.
Đại-vũ (vua), 4, 5.
Daigo, 162.
Đàm-Hữu-Lượng, 199.
Đàm-Thận-Huy, 296.
Đàm-Văn-Lễ, 263.
Đàm-Xuân-Vực, 312, 315.
Đan-son 292.
Đan-tiểu (điện), 135.
Đàn : 200, 246, 326, 327.
Đàn-Đạo-Tế, 112.
Đán (Yên-vương), 63.
Đản (Cánh-lăng-vương), 114.
Đản Nãi Giáp, 183.
Đản-Phụ, 16.
Đăng-son, 164.
Đào-Biểu, 256.
Đào-Duy-Từ, 287, 288.
Đào-Hoàng, 95.
Đào-Khẩn, 100.
Đào-lang-vương, 124.
Đào-Quang-Nhiều, 294.
Đào-Văn-Địch, 235.
Đào-viên Thiên-hoàng, 311.
Đạo-quang (n.h.), 331, 334, 338
Đạo-Tử, 108.
Đằng-quốc (n.h.), 106.
Đằng-xung, 282.
Đặng-Chất, 78.
Đặng-Dũ, 237.
Đặng-Dung, 245, 246.
Đặng-Đình-Mật, 310.
Đặng-Hân, 265.
Đặng-Huấn, 278.
Đặng-Huy-Trừ, 345.
Đặng-Lộ, 230.
Đặng-Ngãi, 94.
Đặng-Như-Mai, 348.
Đặng-Tất, 245.
Đặng Thái-hậu, 78.
Đặng-Trần-Thường, 323, 324.
Đặng-văn-Thiêm, 341.
Đặng-Vũ, 4.
Đậu-Cổ, 75.
Đậu-Hiến, 77.
Đậu-Kiến-Đức, 133, 134.
Đậu Thái-hậu, 77.
Đậu-Vũ, 83.
Đê (rợ), 15.
Đê điều — sông ngòi.
 đắp đê Đĩnh-nhĩ, 214 đặt
 Hà-đê sử, 215.
 đào sông Hội thông-hà, 246.
 xem xét đê, 302, 304.
 đặt Bắc-thành đê chính, 328.
 mở sông Lợi-tế, 334.
 vét sông Lợi-nông, 364.
Đế-ất, 17.
Đê-hệ kim-sách, 332.
Đền : 210, 261, 322, 338, 339.
Địa-lý (châu), 177, 188, 190.
Địa-phụng (n.h.), 4.
Địa-tiết (n.h.), 64.
Địch (rợ), 30.
Địch-Nghĩa, 70.

Địch-Nhân-Kiệt, 139.

Địch-Thanh, 157.

Điền-quốc, 59.

Điền-ấp đế : X. Văn-đức
Thiên-hoàng.

Điền-hòa, 38.

Điền thổ

định biến pháp chuyên việc
làm ruộng, 40.

tĩnh điền, 40.

cấm bán ruộng, 40.

công điền, 215.

điền trang, 217.

hạn chế ruộng đất, 242.

điền-tịch, 250.

quán điền, 337.

đồn điền, 322, 336.

đo ruộng, 219, 242, 278, 280,
328.

Điền-Văn, 43. X. Mạnh-thường
quân.

Điền-triệt (hồ), 123.

Điện : 121, 135, 251, 265, 304,
327, 335, 362, 366, 368.

Điện-biên-phủ, 378, 379.

Điện-hải-dài, 329.

Điều nhung, 25.

Điều-đài, 5.

Điều-lộ (n.h.), 139.

Điều-vũ Thiên-hoàng, 194.

Đinh (nhà), 173, 174.

Đinh-Bàng-Đức, 232.

Đinh-Bảo, 340.

Đinh-Bộ-Lĩnh, 170, 172 — 174.

Đinh-Cung-Viên, 222.

Đinh-Duệ, 174, 178.

Đinh-Liễn, 173, 174.

Đinh-linh (rợ), 111.

Đinh-Lộc, 185.

Đinh Tiên-hoàng-đế, 172.

Đinh-Văn-Tả, 298.

Đinh-Mỹ, 275.

Định-hải, 337, 342.

Định-nguyên (châu), 183.

Định-tường, 327, 343.

Định-viễn (châu), 308.

Định-vương, 31, 32, 71.

Đo-lường :

ban hành quan xích, 219.

ban bố thước đo ruộng, 328.

Đóa-Nhan, 272.

Đoan-bình (n.h.), 212.

Đoan-củng (n.h.), 176.

Đoan-chính (n.h.), 130.

Đoan-khánh (n.h.), 263, 264.

Đoàn-Kỳ-Thụy, 363, 369.

Đoàn-Nguyễn-Xúc, 316.

Đoàn-Nhữ-Hải, 223, 224.

Đoàn-Tú-Thực, 150.

Đoàn-Tử-Trình, 228.

Đoàn-Thế-Nùng, 263.

Đoàn-Thọ, 346.

Đoàn-Thượng, 208, 211.

Đoàn-Trung, 345.

Đối kếm : 230, 236.

Đô-lương, 375.

Đô-sát viện, 335.

Đồ-bà (quân) 148.

Đồ-bàn (thành) 318.

Đồ-sơn, 5, 347.

Đồ-thiếp-mộc-nhĩ, 227, 228.

Đỗ-Anh-Vũ, 198.

Đỗ-chú (sông), 307.

Đỗ-Đệ, 349.

- Đỗ-dộng, 178.
Đỗ-Mãn, 243.
Đỗ-Mục, 72.
Đỗ-Nhạc, 265.
Đỗ-Tuệ-Độ, 109, 110.
Đỗ Tử-Bình, 234, 235.
Đỗ-Thanh, 206.
Đỗ-Thành-Nhân, 319.
Đỗ, Thố-Giai, 314.
Đỗ-Thích, 174.
Đỗ Thiên-Thự, 226.
Đỗ-Viện, 106, 108.
Đỗ-Uy, 169.
Đông-bộ-dầu, 215.
Đông-Chu, 48.
Đông-di (rợ), 278.
Đông-dương cộng-sản đảng, 272, 373.
Đông-dương Liên-đoàn Quốc-gia Cách-mạng, 374.
Đông-độ, 20, 24, 245, 251.
Đông-gia, (cầu), 354.
Đông-hà, 268.
Đông-Hán, 71 — 88.
Đông-hải vương, 97, 98.
Đông-hôn hầu (Tề), 118.
Đông-kinh, 251, 272, 283, 287.
Đông-kê (huyện), 47.
Đông-ngân, 239.
Đông-phố, 298.
Đông-sơn, 368.
Đông Thiên-hoàng, 300.
Đồng (đất), 10.
Đồng-cổ (dền), 210.
Đồng-cổ giang, 278.
Đồng-khánh (n.h.), 351, 352.
Đồng-khánh chính-yếu, 368.
Đồng-Lợi, 199.
Đồng-quan, 209.
Đồng-Quán, 194, 195.
Đồng-quang (n.h.), 166.
Đồng-trị (n.h.), 343.
Đồng-văn nhật-báo, 353.
Đồng-văn-Quan, 345.
Đồng-xuân (huyện), 285.
Đồng-yếu (n.h.), 122.
Đồng-Hiền, 69.
Đồng-Trác, 84, 85.
Đột-dục-hồn (nước), 135.
Đột-Quyết (rợ), 129, 133, 142, 146.
Đua thuyền, 175.
Đức hựu (n.h.), 218, 219.
Đức-long (n.h.), 288.
Đức-nguyên, 297.
Đức-nguyên (n.h.), 297.
Đức-trị (n.h.), 224.
Đường (nhà), 133 — 164, 166 — 167.
Đường Cao-tổ, 133, 134, 135.
Đường Cao-tông, 137 — 140.
Đường-châu, 180.
Đường Chiêu-tông, 161 — 163.
Đường Chiêu-tuyên-đế, 163.
Đường Duệ-tông, 140 — 143.
Đường Đại-tông, 147 — 149.
Đường Đình-Canh, 350.
Đường Đức-tông, 149 — 152.
Đường Hiến-tông, 152, 153.
Đường Huyền-tông, 143 — 147.
Đường Hy-tông, 159 — 161.
Đường Kế-Nghiêu, 361.
Đường Kinh-tông, 154.

Đường Kỳ-Thế, 229.
Đường Lâm, 150, 168.
Đường Lộ-vương, 167.
Đường Mẫn-đế, 167.
Đường Minh-tông, 166, 167.
Đường Mục-tông, 154.
Đường Túc-tông, 146, 147.
Đường Tuyên-tông, 157.
Đường Thái-tông, 134 — 137.
Đường Thế-Dân, 134.
Đường Trại-Nhi, 248.
Đường Trang-tông, 166.
Đường Trung-tông, 140 — 143.
Đường Văn-tông, 155.
Đường Vũ-tông, 156.
Đường-vương, 291.
Đường Ý-tông, 158, 159.

E

Ế-Hỗ, 22.
En-yũ, 173.

F

Fushini, 221.

G

Garnier (Francis), 347.
Gemmyo, 143.
Genshō, 144.
Gia-bảo (n.h.), 192.
Gia-bình (n.h.), 92.
Gia-cát Lượng, 87, 90.
Gia-định, 123, 253, 308, 312,
317, 321, 323, 325, 327, 328,
342, 343, 355.

Gia-định (n.h.), 207.
Gia-hòa (n.h.), 90.
Gia-hưng, 252, 253.
Gia-hựu (n.h.), 187.
Gia-hy (n.h.), 212, 213.
Gia-khánh (n.h.), 240, (NB).
— 324 — 332.
Gia-lâm, 266, 281, 286.
Gia-lich (n.h.), 228.
Gia-long (n.h.), 325, 326.
Gia-lộc (n.h.), 210.
Gia-ninh (n.h.), 102.
Gia-ninh (thành), 123.
Gia-nguyên (n.h.), 224.
Gia-phúc, 267.
Gia-tĩnh (n.h.), 267 — 275.
Gia-tường (n.h.), 157.
Gia-thái (n.h.), 206, 277, 278.
Gia-thừa (n.h.), 194.
Gia-trinh (n.h.), 212.
Gia-ưng (n.h.), 202.
Gia-viên, 275.
Gia-vĩnh (n.h.), 339.
Giá-thú (Bắc-kỳ lập sổ bộ), 357.
Giả-hậu, 96, 97.
Giả Mạnh-Kiên, 84.
Giả Tự-Đạo, 217.
Giản hoàng-đế, 70.
Giản-tông Nghị hoàng-đế, 351,
354. X. Kiến-phúc.
Giản-vương, 32.
Giang-châu, 101.
Giang-đô, 133.
Giang-Kinh, 79.
Giang-lăng, 125.
Giang-nam, 237.

Giang-tô, 273.

Giang-Văn-Dụ, 267.

Giáng (đất), 24.

Giao-châu, 80, 89, 94, 100, 109, 115, 118, 120, 134, 159, 163 ;
— mục, 89, 95 ; Đại-đồ đốc
—, 134 ; Hành —, 158 ; —
Thứ-sử—, 80, 94, 95, 103, 108,
109, 111, 112, 115—118, 166 ;
Trưởng-sử —, 117, 118. Xem
Giao-chỉ.

Giao-châu loan, 355.

Giao-chỉ, 54, 72, 80 — 82, 84,
86, 87, 89, 93, 94, 95, 106,
245 ; Thái-thú —, 72, 73, 84,
89, 94, 106 ; Thứ-sử —, 80,
81, 82, 84, 87, 122 ; — quận
vương, 173.

Giao-thông vận-tải

lập đường thông suốt trong
nước, 50.

sửa đường lộ từ Cửu-chân
đến Hả-hoa, 237.

mở đường thủy, 246, 331, 334.

bỏ vận-tải bằng mặt biển, 247.

đặt dịch trạm, 247, 312.

Thiên lý cù, 243, 312.

cầu :

Đông-gia, 354.

Sông Hương, 354, 356.

Nhĩ-hà, 355.

đường sắt :

Hanoi — Nghệ-an, 357.

Huế — Đà-nẵng, 357.

Huế — Quảng-trị, 358.

Sài-gòn — Phan-thiết, 359.

Vân-nam, 359.

Khánh-hòa—Ninh-thuận, 360.

Sài-gòn — Nha-trang, 360.

Nghệ-an — Đông-hà, 367.

Giao-thủy, 273.

Giao-xã thành, 19.

Go Daigo, 227.

Go Fukakusa, 214.

Go Fushini, 223.

Go Hanazono, 250.

Go Ichigô, 181.

Go Kameyama, 237.

Go Kashiwabara, 263.

Go Komatsu, 241.

Go Mino — o, 285.

Go Monozono, 317.

Go Murakami, 230.

Go Nijo, 224.

Go Reizei, 186.

Go Saga, 213.

Go Saiin, 293.

Go Sakuramachi, 315.

Go Sanjô, 189.

Go Shirikawa, 200.

Go Shujaku, 184.

Go Toba, 204.

Go Tsuchimikado, 258.

Go Yôgei, 280.

Gracey, 376.

H

Hà-âm (huyện), 12.

Hà-bá, 8.

Hà-bắc, 341.

Hà-bình (n.h.) 67, 68.

Hà Duy-Phiên, 340.

- Hà-dương, 30.
 Hà-dẫn-giáp (vua), 12, 13.
 Hà-dông, 45, 169.
 Hà-động, 178.
 Hà-gian vương, 97, 98.
 Hà-hoa, 237.
 Hà-nam, 12, 112, 230, 290.
 Hà-nội, 80, 337, 340, 345, 349, 350, 356.
 Hà-tây, 41.
 Hà-tiên, 303, 308, 309, 316, 328, 334—337, 339, 342, 345.
 Hà-Tiến, 84.
 Hà-tĩnh, 348.
 Hà-thụy (n.h.), 98.
 Hà-trung, 278; (doanh), 293.
 Hạ (nhà), 8—10; (nước), 111, 112, 183, 185, 186, 188, 191, 193, 198, 205, 206, 208, 209, 210.
 Hạ-châu, 328.
 Hạ-đài, 10.
 Hạ-lan sơn, 262.
 Hạ-lộ, 310.
 Hạ-môn, 298.
 Hạ-Ngôn, 271, 272.
 Hạ-Phương, 81, 82.
 Hạ-vương, 110, 183, 184.
 Hạc-chá (rợ), 181.
 Hách-liên Bột-bột, 109.
 Hải-an, 335, 344.
 Hải-dương, 282, 283, 347—350.
 Hải-dông, 220.
 Hải-lăng-vương, 117.
 Hải-phòng (nha), 355.
 Hải-triều, 240.
 Hàm-an (n.h.), 105.
 Hàm-binh (n.h.), 178.
 Hàm-dương, 40, 52.
 Hàm-đan, 40.
 Hàm-hanh (n.h.), 139.
 Hàm-hòa (n.h.), 101.
 Hàm-hy, (n.h.) 94.
 Hàm-khang (n.h.), 101, 102.
 Hàm-ninh, (n.h.), 95.
 Hàm-nghi (n.h.) 351; (vua), 352.
 Hàm-phong (n.h.), 340—343.
 Hàm-tử quan, 221.
 Hàn-Kỳ, 185.
 Hàm-thông (n.h.), 158,
 Hàm-thuận (n.h.), 217, 218.
 Hám-nam, 221.
 Hàn (họ), 36; (nước), 41, 42, 43, 49.
 Hàn Diên-Thọ, 65.
 Hàn-Kiền, 38.
 Hàn Khang-tử, 37.
 Hàn Lâm-Nhi, 233, 235.
 Hàn-lâm-viện, 191.
 Hàn Sá-Trụ, 206, 207.
 Hàn-Tin, 53, 54.
 Hàn Thố-Trung, 197.
 Hàn-Thông, 171.
 Hàn-Thuyền, 220.
 Hàn-Trạc, 6, 7.
 Hàn-Ung, 257.
 Hàn-Ước, 154.
 Hán (nước), 53, 73; (nhà), 53, 71, 73, 77, 80, 86.
 Hán Ai-đế, 69.
 Hán-an, (n.h.), 81.

Hán Ân-đế, 171.

Hán Bình-đế, 69, 70.

Hán Cảnh-đế, 56, 57.

— Hậu, 57.

— Trung, 57.

Hán Cao-tổ, 53, 54, 55, 169.

Hán Chiêu-đế, 62, 63.

Hán-đế, 124.

Hán Huệ-đế, 54.

Hán-hưng (n.h.), 102.

Hán Liệt-tông, 99.

Hán Lưu-Diệu, 99—101.

Hán Lưu-uyên, 98.

Hán Nguyên-đế, 65—67.

Hán Tuyên-đế, 64, 65.

Hán Thành-đế, 67—69.

Hán-trung, 44.

Hán Văn-đế, 55, 56.

Hán Vũ-đế, 57—62.

Hán vương, 53.

Hanazono, 225.

Hạng-Lang, 174.

Hạng-Lương, 52.

Hạng-Vũ, 52, 53.

Hanh-bảo (n.h.), 305.

Hanh-đức (n.h.), 255.

Hanh-hòa (n.h.), 325.

Hanh-lộc (n.h.), 268.

Hành-chính :

hành chánh Cộng hòa, 23.

cải tổ địa hạt, 129, 180, 181,

216, 224, 242, 249, 250, 258,

301, 308, 310, 318, 319, 325,

332, 334, 335, 340, 348, 362,

363, 367, 369.

chia thiên hạ làm 15 đạo,
145.

dùng văn thần làm tri châu
sự, 172.

chia thiên hạ làm 15 lộ,
178.

định phẩm hàm, 212, 334.

định lệ tuổi về trí sĩ, 257.

bỏ Lục-viện làm Lục-bộ,
Lục-tự, 258.

lập cơ quan mới, 260, 295,
306, 353, 355, 359, 364.

nộp thóc, tiền để nhận chức
quan, 263, 294, 308, 311,
314.

bắt ng. Tàu sang trú ngụ
tuân theo quốc tục, 301.

thương khách ng. Tàu không
đặng ở lẫn với ng. VN,
315.

lập sổ bộ giá thú, 357.

cải chế sắc phục quan viên,
365.

Hanshō, 109.

Hao-dinh, 88.

Hào-châu, 237, 235.

Hạo-Hãn, 334.

Hát :

Kép hát, hý kịch, 232.

trò hát, 234.

Hằng (Đại-vương), 55.

Hầu Bá, 78.

Hầu-Cảnh, 124.

Hậu (giám-mục), 345.

Hậu Anh-thịnh Thiên-hoàng,
315.

- Hậu Bách-nguyên Thiên-hoàng, 263.
 Hậu Bạch-hà Thiên-hoàng, 200.
 Hậu Chu-tước Thiên - hoàng, 184.
 Hậu-chúa, 89 — 94, 238.
 Hậu Dương-thành Thiên-hoàng, 280.
 Hậu Đào-viên Thiên - hoàng, 317.
 Hậu Đề-hồ Thiên - hoàng, 227.
 Hậu Điều-vũ Thiên-hoàng, 204.
 Hậu-Hán (nhà), 88 — 94.
 Hậu Hoa-viên Thiên - hoàng, 250.
 Hậu Lãnh-tuyền Thiên-hoàng, 186.
 Hậu-Lương (nhà), 107, 108, 125, 130.
 Hậu Nại-lương Thiên-hoàng, 268,
 Hậu-nguyên (n.h.), 57, 62.
 Hậu Nhất-diên Thiên - hoàng, 181.
 Hậu Nhị - diện Thiên - hoàng, 224.
 Hậu Phục-kiến Thiên - hoàng, 223.
 Hậu Quang-minh Thiên-hoàng, 291.
 Hậu Quật-hà Thiên-hoàng, 209.
 Hậu Quy-sơn Thiên-hoàng, 237.
 Hậu Tam-diên Thiên - hoàng, 189.
 Hậu-Tần (nhà), 107, 110.
 Hậu Tây Thiên-hoàng, 293.
 Hậu Tiều - tùng Minh - đức Thiên-hoàng, 241.
 Hậu Tổ-ngự-môn Thiên-hoàng, 258.
 Hậu Tha-nga Thiên-hoàng, 213.
 Hậu Thâm-thảo Thiên-hoàng, 214.
 Hậu Thôn-thượng Thiên-hoàng, 230.
 Hậu Thục (nhà) 167, 172.
 Hậu Thủy - vĩ Thiên - hoàng, 285.
 Hậu Vũ-da Thiên-hoàng, 218.
 Hậu-Yên (nhà) 107.
 Hề Khất-đan (rợ), 145.
 Heijo, 152.
 Hiên-viên (họ), 1, 2.
 Hiên-lương (đền), 338, 366.
 Hiến-đế, 85 — 88.
Hiến-pháp : 357, 379.
 Hiến - tổ Chương hoàng - đế, (Thiệu-trị), 337, 338.
 Hiên-đức (n.h.), 170, 171.
 Hiên-khánh (n.h.), 137.
 Hiên-tôn Thiên-hoàng, 116.
 Hiên-tông Hiếu-minh hoàng-đế, 300, 302, 303 (Nguyễn-Phúc-Chu).
 Hiên-trung (đền), 322.
 Hiên-vương, 39 — 43.
 Hiệp-hòa (n.h.), 351.
 Hiệp-lợi khả-hãn, 135.
 Hiêu (đất), 12.
 Hiếu-an Thiên-hoàng, 38.
 Hiếu-chiêu Thiên-hoàng, 36.
 Hiếu-đức Thiên-hoàng, 136.
 Hiếu-kiến (n.h.), 113.

- Hiếu-Kỷ, 15.
 Hiếu-khiêm Thiên-hoàng, 146.
 Hiếu-lăng, 331.
 Hiếu-linh Thiên-hoàng, 339.
 Hiếu-nguyên Thiên-hoàng, 51, 52.
 Hiếu Trang-đế, 120.
 Hiếu Văn-vương (Tần), 48.
 Hiếu Vũ-đế, 121.
 Hiếu-vương, 22.
 Hiếu-xương (n.h.), 120.
 Hình (đất), 13.
 Hình-châu, 170.
 Hiro-Hito, 370.
 Hoa-Anh, 259.
 Hoa-châu, 162, 244.
 Hoa-kỳ, 335.
 Hoa-lư, 170, 173.
 Hoa-sơn Thiên-hoàng, 176.
 Hoa-viên Thiên-hoàng, 225.
 Hòa (họ), 5.
 Hòa-bình (n.h.), 81.
 Hòa-đa, 301.
 Hòa-đế, 77, 78.
 Hòa-đồng (n.h.), 143.
 Hòa-hảo, 380.
 Hòa-lâm, 236.
 Hòa-tăng (n.h.), 124.
 Hòa-Thân, 325.
 Hòa Thố-Tùng, 226.
 Hóa-châu, 224, 232, 234, 241, 243, 246, 251, 252, 254, 258, 259,
 Hỏa-xá, 312.
 Họa-sơn, 175.
 Hoài (Hòe) (vua), 7
 Hoài-di (rợ), 6, 19, 24.
 Hoài-duyên-vương, 70, 71.
 Hoài-nam, 161.
 Hoài-nam-vương, 55.
 Hoài-tây, 153, 206.
 Hoan-châu (đạo), 132, 145, 176, 178, 180, 183, 184.
 Hoàn-đế, 81—83.
 Hoàn-Huyền, 108.
 Hoàn-Ôn, 102—105.
 Hoàn-vũ Thiên-hoàng, 150.
 Hoàn-vương, 26.
 Hoàn-vương quốc, 152. X
 Lâm-ấp.
Hoạn-quan, 77, 79, 83, 84, 155, 163, 249.
 Hoàng-Anh, 348.
 Hoàng-cao-Khải, 353.
 Hoàng-Bình, 215.
 Hoàng-Cân (giặc), 84.
 Hoàng-Côn, 358.
 Hoàng Công Kỳ, 310, 311.
 Hoàng-cực Thiên-hoàng, 136.
 Hoàng-Diệu, 349, 350.
 Hoàng-đế (vua), 1, 2.
 Hoàng Đình Ái, 279, 283.
 Hoàng-giang, 240.
 Hoàng-hoài, 302.
 Hoàng Hối-Khanh, 244.
 Hoàng-hựu (n.h.), 186, 187.
 Hoàng-khánh (n.h.), 255, 256.
 Hoàng-lăng, 289.
 Hoàng-lĩnh-từ (thái hậu), 361.
 Hoàng-long (n.h.) :
 65, (Hán Tuyên-đế).
 90, (Hậu chúa).

Hoàng-Ngũ-Phúc, 310, 311, 317.
Hoàng-Nguyên-tử, 361 (Thái hậu).

Hoàng-Nghĩa-Bá, 310.

Hoàng-Nhạc, 266.

Hoàng-Phúc, 249.

Hoàng-Sào, 159, 160.

Hoàng-Tá-Viêm, 346, 350.

Hoàng-văn-Chất, 311, 314.

Hoàng-văn-Khải, 374.

Hoàng-Vũ, (n.h.), 89.

Hoàng-Yết, 47.

Hoành nông, 130.

Hoắc (nước), 28.

Hoắc-Dực, 94.

Hoắc Khử Bệnh, 59.

Hoắc-Quang, 62, 63.

Hoảng-đạo (n.h.), 140.

Hoảng-định (n.h.), 283.

Hoảng-hòa, (n.h.), 239.

Hoảng-hóa, 368.

Hoảng-hóa, (n.h.), 338.

Hoảng-nhân (n.h.), 153.

Hoảng-Thao, 168.

Hoảng-trị (n.h.), 261, 263.

Hoảng-trường (n.h.), 216.

Hoảng-văn Thiên-hoàng, 139.

Học chính — học thuật :

đốt kinh Thi và sách của
Bách-gia chư-tử, 51.

chôn học trò, 52.

xin 9 bộ kinh và bản văn
kinh Đại tạng, 179.

xin kinh Tam tạng, 181.

lập Văn miếu, 189, 246, 257.

lập Quốc tử giám, 190, 331.
tuyển chọn người có văn
học, 191.

Nho, Lao, Phật dâng thơ
chúc mừng, 196.

luận sách sử tại Kinh diên,
197, 339.

dựng miếu Khổng tử, 200.

Trần Cỗ xin cấm Đạo học,
203.

cấm dùng ng. trong đảng
Ngụy học, 205.

tim hiền tài giỏi về kinh
sách, 218.

đốt sách của Đạo giáo, 220.

làm sách Minh đạo, 241.

nhà Minh ban Tứ-thư, Ngũ
kinh cho châu huyện, thu
góp sách vở sự tích nước
ta đem về, 247.

đặt học hiệu, 250.

đặt chế khoa, 273, 339.

lập Bộ học, bàn nghị học
chính, 358.

tiền thông kinh, 312, 313.

đặt Tổng giáo để dạy sơ
học, 328.

du học, 350, 352, 358.

định học quy, 357.

Nữ học đường, 358, 362.

lập trường ấu học, 360.

hạch bổ giáo sư, 363.

lập trường Cao đẳng, 367.
Xem Khoa cử.

Hồ (rợ), 44, 49.

Hồ Duy-Dung, 238.

Hồ Hán-Thương, 243, 244.

Hồ-Hội, 52.

Hồ Lâm-Dục, 341.

Hồ-nam, 335, 339.

Hồ-Ông, 249.

Hồ-quảng, 230.

Hồ Sĩ-Dương, 297.

Hồ-tây, 237.

Hồ-Tề, 28.

Hồ Tôn-Hiến, 274.

Hồ thái-hậu, 119.

Hồ-văn-Lân, 319.

Hộ - tịch :

cho Lý Kế Phủng họ và tên
là Triệu Bảo-Trung, 76.

làm hộ-tịch, 243.

soạn — , 250.

Hồi (người), 314, 319, 338, 347.

Hồi bộ, 314, 325.

Hồi-hồi, 332.

Hồi-hột (rợ), 146, 147, 148, 156.

Hội-diễn, 192, 308.

Hội họa — điêu khắc :

vẽ hình tượng, 136, 189.

đắp tượng hiền triết, 189.

đúc tượng Lê Thái-tổ và
Quốc thái-mẫu bằng vàng,
252.

đúc tượng Phật Quỳnh-lâm,
309.

đúc 9 vạc (cửu đỉnh), 336.

Hội-phong (n.h.), 192, 193.

Hội-trường Đại-khánh (n.h.),
194.

Hội-thông hà, 246.

Hội-xương (n.h.), 156.

Hôn nhân :

gả tôn nữ, công chúa cho
rợ, 136, 147.

quan, 182.

cấm người cùng họ lấy nhau,
116.

cấm cưới phụ nữ Chiêm-
thành, 262.

cấm xướng thiếp, 340.

Hôn-Tà (Houen-sie), 59.

Hồng-bàng, 47.

Hồng-châu, 208, 245.

Hồng-đức (n.h.), 259 — 262.

Hồng-gia (n.h.), 68.

Hồng-hy (n.h.), 249.

Hồng-mao, 326, 336. (Xem
Anh cát Lợi)

Hồng-hiến (n.h.), 361.

Hồng-phúc (n.h.) 277.

Hồng-Tú-Toàn, 339, 340, 344.

Hồng-Thừa-Trù, 289.

Hồng-vũ (n.h.), 235 — 242.

Horikawa, 191.

Hốt-tất-liệt, 216, 211.

Hội, 8.

Hợp-châu, 216.

Hợp-phố, 84.

Huê (nước), 25.

Huệ Văn-công, 41.

Huệ Văn-vương, 43.

Huệ-vương, 28, 29.

Hung-nô, 51, 54, 56, 58, 59,
61, 64, 70, 74, 77, 82.

Hùng-huy-vương, 19.

Hùng-lược Thiên-hoàng, 114.

Hùng-vương, 1.

- Huy-Dương, 65.
 Huyền-Trân, 224.
 Huynh-đệ (n.h.), 123.
 Hử, (đất), 9.
 Hứa (đất), 85.
 Hứa Hoàn, 220.
 Hứa Tồn Đạo, 223.
 Hưng-bình (n.h.), 85.
 Hưng-đạo vương, 220 - 223. X.
 Trần Quốc-Tuấn.
 Hưng-hiến vương, 268.
 Hưng-hóa, 258, 314, 316.
 Hưng-khánh (n.h.), 245.
 Hưng-long (n.h.), 222, 223.
 Hưng-ninh (n.h.), 104.
 Hưng-nguyên, 160, 162.
 — (n.h.), 150.
 Hưng-quốc (n.h.), 230.
 Hưng-thống (n.h.), 176.
 Hưng-tổ Hiếu-khang hoàng-đế,
 318.
 Hương-cảng, 338, 345.
 Hương-giang, 348.
 Hương-sơn, 316.
 Hương-thủy, 335.
 Hữu-Dịch, 8.
 Hữu-hùng, 2.
 Hữu-nhưng, 6.
 Hữu-thi (họ), 9.
 Hy (họ), 5.
 Hy-bình (n.h.), 83.
 Hy-ninh (n.h.), 188, 189.
 Hy-tông Hiếu-văn hoàng-đế
 (Nguyễn phúc Nguyên), 284,
 287, 288.
 Hy-vương, 28.
I
 Ichijô, 176.
 Inkyo, 109.
J
 Jimmo, 28.
 Jingo, 86.
 Jito, 141.
 Jomei, 135.
 Junna, 154.
 Junnin, 147.
 Juntoko, 208.
K
 Kaika, 56.
 Kammu, 150.
 Kazan, 176.
 Kế-môn, 276.
 Kế-tân, 56.
 Kế-thế Thiên-hoàng, 119.
 Keiko, 75.
 Keitai, 119.
 Kenso, 116.
 Kết-thanh (n.h.), 122.
 Kiến-an (n.h.), 85 - 88.
 Kiến-bảo (n.h.), 208.
 Kiến-bình (n.h.), 69.
 Kiến-cửu (n.h.), 204.
 Kiến-châu, 279.

Kiến-chiêu (n.h.), 66, 67.
Kiến-đức (vua), 60.
Kiến-gia (n.h.), 207 — 209.
Kiến-hanh (n.h.), 311.
Kiến-hòa (n.h.), 81.
Kiến-hoành (n.h.), 94.
Kiến-hưng (n.h.), 89 — 91, 92, 98, 99.
Kiến-khang (kinh-đô), 101, 108, 120, 130, 227.
Kiến-khang (n.h.), 81.
Kiến-lich (n.h.), 208.
Kiến-long (n.h.), 14.
Kiến-ninh (n.h.), 83.
Kiến-nguyên (n.h.) :
57 — 58 (Hán).
79 (Đông-Hán).
102 (Tấn Khang-đế).
116 (Tề Cao-đế).
Kiến-nghiệp, 90.
Kiến-nhân (n.h.), 206.
Kiến-phúc (n.h.), 351.
Kiến-quốc (n.h.), 70.
Kiến-sơ (n.h.), 76.
Kiến-tân (n.h.), 242.
Kiến-thủy (n.h.), 67.

Kiến-trúc

dựng điện 100 nóc dài 9
từng, 265.
dựng đô, ấp, điện, các,
đường và hiên cực kỳ
khéo léo, 310.
xem : cung, đài, đàn, đèn,
điện, chùa, lăng, lầu,
thành quách...

Kiến-trung (lầu), 361, 366.
Kiến-trung (n.h.), 149, 150.
— — , 210, 211 (VN)
Kiến-trung Tỉnh-quốc (n.h.),
193.
Kiến-trường (n.h.), 214.
Kiến-văn (n.h.), 242.
Kiến-viêm (n.h.), 196, 197.
Kiến-vĩnh (n.h.), 207.
Kiến-vũ (n.h.) :
71—74 (Đông-Hán)
99 (Tần Nguyên-đế).
117 (Tề Minh-đế).
229 (NB).
Kiến-giang (thành), 73.
Kiệt (vua), 9, 10.
Kiêu, 6.
Kiều Công-Tiện, 168.
Kim (nước), 195—199, 201,
204, 206—212.
Kim-dữ (đảo), 334.
Kim-khánh, 363.
Kim-lăng, 167, 173, 233, 235,
245—247, 337, 340, 344.
Kim-long, 289.
Kim-quang (n.h.), 124.
Kim-Quy (thần), 48.
Kim-thành, 272, 281.
Kim-thiên (họ), 2.
Kim-son, 334.
Kim-xuyên (thổ ty), 311, 312,
317.
Kim-bắc, 281, 283, 310.
Kimmei, 122.

- Kinh-châu, 70, 86, 88, 94, 109. Khai-bình, 236.
Kinh-diên, 197, 252, 339. — (n.h.), 164.
Kinh-dương vương, 1. Khai-diệu (n.h.), 140.
Kinh-dông, 195. Khai-đại (n.h.), 244 (VN)
Kinh-hồ, 217. Khai-hóa Thiên-hoàng, 56.
Kinh-nam (nước), 172. Khai-hoàng (n.h.), 129, 130.
Kinh-vương, 34—36. Khai-hoàng vương, 183, 185.
Kính-dương (n.h.), 128. Khai-hựu (n.h.), 228—230.
Klobukowski, 358. Khai-hy (n.h.), 206.
Kôan, 38. Khai-nguyên (n.h.), 143, 145.
Kobun, 139. Khai-phong, 290.
Kogen, 51. Khai-thái (n.h.), 227, 228.
Koguryu : X. Cao-câu-ly. Khai-thành (n.h.), 155, 156.
Kogyoku, 136. Khai-vận (n.h.), 169.
Kokaku, 319. Khai-khánh (n.h.), 216.
Koken, 146. Khải (vua), 5.
Kôkô, 161. Khải-định, 361 — 369.
Kômei, 339. *Khải-định chính-yếu*, 368.
Kônin, 149. Khang-an (n.h.), 234.
Konoe, 199. Khang-bảo (n.h.), 172.
Korei, 45. Khang-bình (n.h.), 187.
Koshô, 36. Khanh-chính (n.h.), 256.
Kotôku, 136. Khang-định (n.h.), 185.
Kỳ (đất), 16, 26. Khang-hòa (n.h.), 193.
Kỳ-cung, 21. Khang-hựu (n.h.) 281.
Kỳ-la. 245. Khang-hy (n.h.), 295 — 306.
Kỳ-lân, 35. Khang-lộc, 277.
Kỳ-Thiện, 337. Khang-ninh (n.h.), 105.
Kỷ, 3. Khang-nguyên (n.h.), 215.
Kỷ (nước), 27. Khang-trị (n.h.), 199.
Kỷ-Duân, 317. Khang-vĩnh (n.h.), 231.
Khai-bảo (n.h.), 172, 173. Khang-vương (vua), 20, 21.
Khánh (Thái-tử), 76.
Khánh-đức (n.h.), 292,
Khánh-hòa, 367, 368.
Khánh-lịch (n.h.), 185, 186.

K H

Khánh-nguyên, (n.h.), 205.
Khánh-trường (n.h.), 282.
Khánh-ưng (n.h.), 344.
Khánh-vân (n.h.), 142.
Khảo-liệt-vương, 47.
Khảo-vương (vua), 37.
Khắc-Xương, 260.
Khâm-châu, 187, 190.
Khâm-minh Thiên-hoàng, 112,
Khâm-định Việt-sử, 353.
Khâm-thiên giám, 364.
Khất-đơn (rợ), 142, 166 — 169.
Khâu-Hòa, 134.
Khấu-Chuẩn, 182.
Khiêm-cung, 344.
Khiêm-lãng, 339.

Khoa cử :

— khoa (mở), 329.
 tiến sĩ, 132
 Bác học hoành từ, 251,
 258, 313.
 sĩ-vọng, 287.
 Chinh đồ hoa văn, 291.
 thi hương, 327.
 Võ tiến sĩ, 344.
 Nhã sĩ, 344.

— khoa-cử :

 bãi bỏ, 229.
 mở lại, 230.

— thi :

 Tam trường, 189.
 lại-viên, 190, 216, 234.
 Đình, 200.
 học sinh, 201, 252.
 nhân sĩ, 204, 234.
 tam giáo, 205, 214.

 thái học sinh, 211, 214,
 215, 218, 224, 226, 227,
 243.

 hương, 213, 257, 274, 282,
 319, 327, 334, 364.

 thái y, thái chúc, 216.

 con các quan văn, 222.

 các nhà sư, 227.

 hạch bố chính và tri phủ,
 238.

 định phép, 242, 244.

 tăng và đạo sĩ, 250.

 giáo chức và quân dân, 252,
 tiến sĩ, 253, 308.

 hội, 257, 269, 278, 319,
 332, 334, 364.

 cống sĩ, 258, 311.

 điện, 282, 361.

 Đồng các, 294,

 sinh đồ, 295.

 hiếu liêm, 295.

 Tam ty văn chức ở Triều-
 đình, 301.

 khoa bác cử, 306.

 hương cống, 307.

 võ, 345.

Khoách-nhĩ-Khách, 322, 323,
 357.

Khoan-bảo (n.h.), 310.

Khoan-chính (n.h.), 256, 322.

Khoan-đình (n.h.), 312.

Khoan-đức (n.h.), 186.

Khoan-hòa (n.h.), 176.

Khoan-hoảng (n.h.), 179.

Khoan-hỷ (n.h.), 211.
Khoan-nguyên (n.h.), 213.
Khoan-nhân (n.h.) 181.
Khoan-trị (n.h.), 191.
Khoan-văn (n.h.), 294.
Khoan-vĩnh (n.h.), 287.

L

La Grandière (de), 344.
La-Khải, 240.
La-khê, 344.
La-quà, 335.
La-thành, 148, 151.
Lã-bất-vi, 48.
Lã-Chính, 48.
Lạc-ấp, 19 20, 25.
Lạc-cốc, 93.
Lạc-dương, 98, 99, 104, 110,
117, 142, 147, 164, 166 ;
(cung), 128.
Lạc-dô, 117.
Lạc-sơn, 293.
Lạc-tướng, 73.
Lạc-trấn (phủ), 333.
Lai (vua), 1.
Lại-Kim-Bảng, 296.
Lại-Thế-Khanh, 274.
Lam-Đình-Trần, 305.
Lam-kinh, 256, 258, 259, 260,
261.
Lam-kinh điện, 251.
Lam-Ngọc, 241,
Lam-sơn, 247, 248, 250.
Lang-da, 70.
Lang-da vương, 99.
Lãng-bạc, 73.
Lãng-khê, 294.
Lạng-châu, 183.
Lạng-sơn, 252, 267, 282, 283,
346, 349, 374.
Lạng-sơn-vương, 256.
Lãnh-giang, 283.
Lãnh-tuyên Thiên-hoàng, 172.
Lão-quà, 260.
Lão-tử, 145.
Lão-thượng (Lao-chang) Thiên-
vu, 55,
Lãng tảm, 285, 288, 292, 300,
301, 306, 309, 315, 318, 331,
339, 345, 361.
Lâm-an, 219.
Lâm-ấp, 103, 108, 109, 110, 112,
123, 132, 135, 152.
Lâm-bình (châu), 190, 193, 234,
235, 237.
Lâm-Duy-Tiếp, 343.
Lâm-Giáp-Văn, 321.
Lâm-hoài (đất), 70.
Lâm-Tắc-Từ, 336, 337,
Lâm-tây, 184.
Lâm-thao, 371.
Lâm-thanh, 329.
Lâm-tri vương, 143.
Lâm-viên, 363.
Lãm-Tân, 16.
Lân-đức (n.h.), 138.
Lận Trương-như, 46.
Lập-Bạo, 277.
Lâu-lan, 60, 63.
Lầu, 331, 361, 366, 367, 368.
Leclerc 377

- Lê (nhà), 175 — 180, 247 — 322.
Lê Anh-tông, 273 — 277.
Lê-Bá-Ly, 272.
Lê-Bá-Ngọc, 197.
Lê-Bá-Quân, 322.
Lê-Bôi, 254.
Lê Cảnh-Tuân, 246.
Lê Cập-Đệ, 277.
Lê Công-Uyên, 268.
Lê Chân-tông, 290, 291.
Lê-Chất, 332, 339.
Lê-Chích, 294.
Lê Chiêu-tông, 265—268.
Lê-Do, 266.
Lê Dụ-tông, 303—307.
Lê Duy-Bang, 273.
Lê (đế) Duy-Banh, 307, 308.
Lê Duy-Cần, 316, 320.
Lê Duy-Đàm, 277.
Lê Duy-Hạp, 297.
Lê Duy-Hội, 296, 297.
Lê Duy-Huy, 314, 316.
Lê Duy-Hiệu, 290.
Lê Duy-Kỳ, 286, 320.
Lê Duy-Lương, 335.
Lê Duy-Mật, 309, 310, 312, 316.
Lê Duy-Tân, 283.
Lê Duy-Tường, 308.
Lê Duy-Thận, 308.
Lê Duy-Thieu, 310.
Lê Duy-Vụ, 295.
Lê Đại-hành, 174—179.
Lê Đăng-Doanh, 339.
Lê Đình-Chu, 314.
Lê Gia-tông, 296.
Lê-Giác, 238.
Lê-hầu, 18.
Lê-Hiến, 295, 296.
Lê Hiến-tông, 262, 263.
Lê Hiền-tông, 309, 321.
Lê-Hoàn, 174.
Lê Huyền-tông, 295, 296.
Lê-Hy, 265.
Lê Hy-tông, 297—302.
Lê Kinh-Phu, 218, 234.
Lê Kinh-tông, 283—285.
Lê-Khả, 254, 255.
Lê Khắc-Phục, 254, 255.
Lê-Khôi, 251.
Lê-Lai, 248.
Lê-Lăng, 257.
Lê-Lễ, 255.
Lê-Liệt, 252, 256.
Lê Long-Đĩnh, 177.
Lê Long-Việt, 176, 179.
Lê-Lợi, 247, 250.
Lê Mẫn-đế, 321, 322, 326.
Lê-Mậu, 296.
Lê Minh-Sửng, 179.
Lê-Niệm, 259—261.
Lê-Ngân, 252.
Lê-Nguyên-Hồng, 362, 363, 368.
Lê Nhân-tông, 254—256.
Lê-Quang-Định, 327.
Lê-Quang-Vinh, 380.
Lê-Quảng-Độ, 263.
Lê-Quý-Đôn, 317, 318.
Lê-Quý-Ly, 236—241.
Lê-Sát, 251, 252.
Lê-Tử-Vân, 264.
Lê Thái-tổ, 250, 251.
Lê Thái-tông, 251—253.

- Lê Thánh-tông, 256—262.
Lê Thần-tông, 286—290.
Lê-Thận, 254.
Lê Thế-tông, 277—283.
Lê-Thụ, 254, 255.
Lê Thuần-tông, 308.
Lê-Trãi, 253, 257.
Lê Trang-tông, 269—271.
Lê Trung-tông, 272, 273.
Lê Uy-mục đế, 263, 264.
Lê-văn-Duyệt, 325, 328, 329,
330, 331, 335, 339.
Lê-Văn-Hưu, 218.
Lê-Văn-Linh, 254.
Lê-Văn-Quân, 320.
Lê-văn-Khôi, 335.
Lê-Văn-Thịnh, 191, 192.
Lê-văn-Xảo, 251.
Lê-Vô-Cương, 296.
Lê-Xí, 254, 256, 257.
Lê-Ý, 269.
Lê Ý-tông, 308, 309, 311.
Lệ (thái-tử), 62, 63.
Lệ-vương (vua), 23.
Lịch-đại đế-vương (miếu), 326.
Lịch rùa, 3.
— nhà Hạ, 4.
— Thái-sơ, 61.
— Thái-dương, 66.
Lịch-ứng (n.h.), 230.
Liêm (châu), 190.
Liệt thánh thực lục tiền biên, 338.
Liệt-vương, 39.
Liêu (nước), 170, 171, 177, 178,
179, 185, 186, 187, 193, 194,
195.
Liêu dương, 279, 286.
Liêu-đông, (quận), 50, 248, 272,
279, 354.
Liêu-châu, 269.
Liêu-Thăng, 250.
Linh-đế, 83, 84.
Linh-nguyên Thiên-hoàng, 295.
Linh-quang Kim-quy Thần-nỗ,
48.
Linh-quy (n.h.), 144.
Linh-vũ, 146.
Linh-vương, 32, 33.
Lĩnh-Kiên, 80.
Lĩnh-nam, 51, 73, 158.
Loa-thành, 47.
Long-an (n.h.), 107, 108.
Long-biên, 122, 123.
— thành, 124.
Long-biên hầu, 87.
Long bội tinh, 352, 362.
Long-châu, 281.
Long-chương Thiên-tự (n.h.),
188.
Long-đệ Đình-hầu, 86.
Long-đồng-xưởng, 307.
Long-đức (n.h.), 166.
— — , 308 (V.N.)
Long-hòa (n.h.), 104.
Long-hồ (doanh), 308, 319.
Long-hưng, 123, 221.
— (n.h.), 201.
Long-kỹ (n.h.), 161.
Long-khánh (n.h.), 237. (VN.).
— — 275 — 277.
Long-phù (n.h.), 193.
Long-Phùng, 10.
Long-sóc (n.h.), 138.

- Long-thụy Thái-bình (n.h.), 187.
Long-trung, 87.
Long-vũ-đế, 291.
Long-xuyên, 318,
Lỗ Ân-công, 26.
Lỗ Hoàn-công, 27.
Lỗ Hy-công, 29,
Lỗ Mẫn-công, 28.
Lỗ Siêu-công, 33.
Lỗ Túc, 87, 88.
Lỗ Tuyên-công, 31.
Lỗ Tương-công, 32.
Lỗ Thành-công, 32.
Lỗ Trang-công, 27.
Lỗ Văn-công, 30.
Lỗ-vương, 292.
Lộ-Bác, 60.
Lộc-bình châu, 316.
Lộc-xuyên-man, 253.
Lôi-dương, 270.
Lợi-nông (sông), 365.
Lợi-tế (sông), 334.
Lục-bộ, 258
Lục-bộ thượng-thư, 328,
Lục-Chi, 151.
Lục-Dận; 92.
Lục-doanh, 306.
Lục-diệu Thiên-hoàng, 201.
Lục-Giả, 54.
Lục-lâm, 70.
Lục-Tổn, 92.
Lục-tự, 258.
Lục-viện, 257, 258.
Lũng-hữu, 73.
Lũng-tây, 79.
Lũng-xuyên, 279.
Lũy Thầy, 287.
Lư-cầu-Kiều, 373.
Lư-long (quân), 156.
Lư-Tuần, 109,
Lư-yêm, 329.
Lữ-Bố, 85.
Lữ-Đại, 89.
Lữ-Gia, 59, 60.
Lữ-hầu, 22.
Lữ-hậu, 54, 55.
Lữ-Hưng, 93, 94.
Lữ-Mông, 88.
Lữ-Quang, 107.
Lữ-tổng, 336.
Lương (nước), 106 ; (nhà),
118 — 122, 164 — 166.
Lương-châu, 142.
Lương-chính châu, 267.
Lương-đế, 107.
Lương Giản-văn-đế, 124.
Lương Kinh-đế, 125.
Lương-Ký (lệnh-doãn), 80—82.
Lương-Long, 84.
Lương Mạt-đế, 164 — 166.
Lương Quý-nhân, 76.
Lương-Thạch, 100,
Lương Thái-hậu, 81.
Lương Thái-tổ, 164.
Lương-Thương, 80.
Lương Vũ-đế, 118—124.
Lưỡng kiêm đình, 367.
Lưỡng-Quảng, 331.
Lư Bang, 53.
Lư-Bì, 85—88.
Lư-Biêu, 86.

- Lưu-Cần, 264, 265.
Lưu-cầu, 349.
Lưu-Cơ, 173, 237.
Lưu-Chí, 192.
Lưu Diên-Hựu, 140.
Lưu-Diễn, 72.
Lưu-Dụ, 108—110.
Lưu-Duy-Hoán, 330.
Lưu-Đĩnh, 279.
Lưu Hắc-Thất, 134.
Lưu-Huyền, 71.
Lưu Huyền-dức, 88. X Lưu-Bị.
Lưu Kế-Nguyên, 171.
Lưu Kiện, 263.
Lưu Khánh-Đàm, 197.
Lưu Khắc-Minh, 154.
Lưu-Miễn, 156.
Lưu-Nghị, 109.
Lưu-Nham, 165.
Lưu Nhân-Cung, 165.
Lưu Phúc-Tường, 330.
Lưu Phúc-Thông, 232.
Lưu-Phương, 131, 132.
Lưu-Quý, 52.
Lưu Quý-Thuật, 162.
Lưu-Sùng, 70.
Lưu-Tảo, 81.
Lưu-tặc, 289.
Lưu-Tế, 153.
Lưu-Tịch, 152.
Lưu-Tú, 71.
Lưu-Tuấn, 94.
Lưu Thủ-Quang, 164.
Lưu Tri-Viễn, 169.
Lưu-Uyên, 97.
Lưu-Vinh, 248.
Lưu-vĩnh-Phúc, 347, 350.
Lưu Vũ Xứng, 198.
Lý (vua), 1 ; (Tiền), 123 ;
(Hậu), 127 ; (châu), 224.
Lý Anh-tông, 198—202.
Lý-Bân, 247, 248.
Lý Cao-tông, 203 207.
Lý-Cổ (bọn Thái úy), 81.
Lý-Ban, 101.
Lý Bất-Nhiễm, 209.
Lý Bình-Thường, 188.
Lý-Bôn, 122, 123.
Lý Càn-Thuận, 191.
Lý Cổ-ngôn, 155.
Lý Công-Bình, 197, 198.
Lý Công-Uần, 179, 180.
Lý Chiêu-hoàng, 209.
Lý Dương-Tài, 349.
Ly Đạo-Thành, 189.
Lý Đình-Chi, 217,
Lý-Đoái, 45,
Lý Đông-Dương, 263.
Lý Đức-Dụ, 154, 156, 157.
Lý-Giác, 193.
Lý Hậu-đế, 127—132.
Lý-Hộ, 158.
Lý Hồng-Chương, 335.
Lý-Huấn, 155.
Lý Huệ-tông, 207 — 209, 210.
Lý-Hùng, 98, 99.
Lý Hy-Liệt, 150.
Lý Kế-Phủ, 176.
Lý Kinh Tu, 203.
Lý-Kỳ, 101.
Lý-Kỹ, 152.
Lý-Khải, 118, 119.

- Lý Khắc-Chính, 166.
Lý Khắc-Dụng, 160 - 162, 164.
Lý-Khôi, 85.
Lý-Lăng, 61.
Lý Lâm-Phủ, 146.
Lý Long-Cán, 202, 203.
Lý Long-Sưông, 202.
Lý-Lượng-Tộ, 186.
Lý-Mật, 133.
Lý Mậu-Trinh, 162.
Lý-Mông, 200.
Lý Nam-đế, 123. X. Tiền Lý
Nam-đế.
Lý Nguyên-Gia, 154.
Lý Nguyên-Hạo, 183.
Lý Nhân-Nghĩa, 182.
Lý Nhân-tông, 189 — 196.
Lý Nhật-Cao, 133.
Lý Nhật - tông (thái - tử), 182,
183, 187.
Lý-Nhị, 232.
Lý-Ông-Trọng, 50.
Lý Phật-Mã, 180, 182.
Lý Phật-Tử, 125, 127.
Lý Phụ-Quốc, 147.
Lý Quang-Bật, 147.
Lý Quảng-Lợi, 61, 62.
Lý-Tắc, 118, 219.
Lý-Tế, 153.
Lý-Tích, 138.
Lý-Tiến, 84, 166.
Lý Tồn-Mẫn, 154.
Lý Tồn-Hiếu, 162.
Lý Tồn-Húc, 164, 166.
Lý-Tổn, 106.
Lý-Tư, 49, 52.
Lý Tự Thành, 289 — 291.
Lý-Tượng-Cổ, 153.
Lý Thái-tổ, 180 — 182.
Lý Thái-tông, 182 — 187.
Lý Thành - Lương, 278, 279.
Lý Thánh-tông, 187 — 189.
Lý-Thạnh, 150.
Lý Thần-tông, 197, 198.
Lý-Thế, 102.
Lý Thiên-Bảo, 124, 125.
Lý Thiên-Trường, 236, 240.
Lý-Thọ, 102.
Lý Thủ-Trinh, 170.
Lý Thúc-Hiến, 116.
Lý-Thường-Kiệt, 190, 193.
Lý-trung Thiên-hoàng, 108.
Lý Trường-Canh, 327.
Lý Trường-Nhân, 115.
Lý-Uyên, 133.
Lý-Ứng, 83.

M

- Ma-cáp-tử, 313.
Ma-kha-quý-lai, 254.
Ma-linh (châu), 188, 190.
Ma-sa, 195.
Mã (sông), 269.
Mã-Chính, 195.
Mã-Dung, 94.
Mã-Hiền, 79.
Mã-Kỳ, 247.
Mã-Súc, 89.
Mã-Tổng, 153.
Mã-Thực, 155.
Mã Văn Thắng, 260.
Mã-Viện, 73, 74.

- Mạc (nhà), 268—298, 311.
Mạc-bắc, 225, 226.
Mạc-Cửu, 303.
Mạc Đãng-Doanh, 269, 270.
Mạc Đãng-Dung, 264—270.
Mạc-Đĩnh-Chi, 225.
Mạc Đôn-Kinh, 280.
Mạc Đôn-Nhượng, 279.
Mạc Kinh-Cung, 281, 283, 287.
Mạc Kinh-Chỉ, 281.
Mạc Kinh-Chương, 282.
Mạc-Kinh-Dụng, 282.
Mạc Kinh-Điền, 273—276, 278.
Mạc Kinh-Hoàn, 289.
Mạc Kinh-Khoan, 285—287, 289.
Mạc Kinh-Vũ, 295, 296, 298.
Mạc Mậu-Hợp, 274, 281.
Mạc Ngọc-Liền, 278, 281.
Mạc Phúc-Hải, 270, 271.
Mạc Phúc-Nguyên, 271, 272, 274.
Mạc Thiên-Tử, 308, 309, 313.
Mai Hắc-đế, 144.
Mai Thúc-Loan, 144.
Mán (người), 209, 213, 219, 257, 259.
Mãn, 21.
Mãn-châu, 285, 286, 288, 289, 371, 372.
Mang (vua), 7, 8.
Mang sơn, 123.
Mãnh-thiên-động, 316.
Mạnh-Đồ, 5.
Mạnh-Hoạch, 89.
Mạnh-tử, 39, 41, 189.
Mạnh-thường-quân, 43, 45. X.
Điền-Văn.
Mạnh Tri-Tường, 166, 167.
Mao Bá Ôn, 269, 270.
Mao-Trạch-Đông, 378.
Mao-văn-Long, 288.
Mẫn-đạt Thiên-hoàng, 128.
Mật (nước), 22.
Mật-luật, 332.
Mật-tu (nước), 17.
Meiji, 345.
Mékong, 354, 357.
Mệnh-trường (n.h.), 135.
Miên Thắm, 346.
Miễn-điện, 220, 260, 281, 282, 284, 294, 313, 315, 316, 352.
Miêu (người), 284, 309, 339, 347.
Miếu-hiệu, 10.
Minh (nhà), 235—294.
Minh Anh-tông, 252—257.
Minh Cảnh-tông, 255, 256.
Minh-chính Thiên-hoàng, 288.
Minh-đạo (sách), 241.
Minh-đạo (tiền), 185.
— (n.h.), 183—185.
— — 185 (V.N.)
Minh-đế, 75.
Minh-đức (n.h.), 240 (NB)
— — , 268.
Minh-đường, 19.
Minh Hiến-tông, 257.
Minh Hiếu-tông, 261, 262.
Minh-hòa (n.h.), 315.
Minh Hoài-tông, 288.
Minh Huệ-đế, 242.

Minh Hy-tông, 286.
 Minh-Không, 198.
 Minh-lịch (n.h.), 293.
 Minh-linh (châu), 190, 193.
Minh-mệnh chính-yếu, 336, 354.
 Minh Mục-tông, 275 — 277.
 Minh Ngọc Trân, 233 — 235.
 Minh Nhân-tông, 249.
 Minh Quang-tông, 286.
 Minh Tuyên-tông, 249 — 252.
 Minh Thái-tổ, 235 — 241.
 Minh Thành-tổ, 244 — 248.
 Minh Thần-tông, 277.
 Minh Thế-tông, 267 — 275.
 Minh-Thụy, 315, 316.
 Minh-trị (n.h.), 345.
 Minh-trị Thiên-hoàng, 345.
 Minh Vũ-tông, 264 — 267.
 Mô-độ, 246.
 Mộ-dung Hoảng, 102.
 Mộ-dung Huệ, 103.
 Mộ-dung Ngỗi, 96.
 Mộ-dung Thiệp-quy, 96.
 Mộ-dung Thùy, 104 — 106.
 Mộc Anh, 240.
 Mộc-bang (bộ lạc người Miên), 284.
 Mộc-Chĩnh, 188.
 Mộc-Thạnh, 244.
 Mommu, 142.
 Momozono, 311.
 Mông-cổ, 199, 207 — 217, 273, 297.
 Mông-Điền, 51, 52.
 Mông-sơn, 9.
 Mộng-sơn, 267.

Montoku, 157.
 Mục-dã, 18.
 Mục Đăng Nhượng, 72.
 Mục-vương, 21, 22.
 Muội-Hỷ, 9.
 Murakami, 169.
 Mười hai sứ-quân, 172.
 Mỹ-Lương, 277, 280.
 Myôshô, 288.

N

Nội-lương đế: X. Bình - thành
 Thiên-hoàng.
 Nakamikado, 304.
 Nam-Bì, 86.
 Nam-bình vương, 181.
 Nam Bố-chính, 293, 318.
 Nam-Canh, 14.
 Nam-chiếu :
 Cao-tổ (Kỳ-gia vương) Tế-nô-la, 135.
 Thế-tông La thành-bì, 139.
 Uy-thành-vương Thanh-la-bì, 143.
 Bì-la-các, 145.
 Thần-vũ-đế Các - la - phụng, 146.
 Tán-phồ-chung (n.h.),
 Phụng-gia-dị, 149.
 Dị-mâu, 149.
 Dị-mâu-tâm, 151.
 Tâm-các-khuyến, 151.
 Khuyến-long-thạnh, 152.
 Khuyến-lợi-thạnh, 152.
 Thanh-phong-hựu, 154.
 vào cướp phá VN, 156.
 công hãm phủ Đô-hộ, 158.

- tấn công đô-thành, 159.
Thế-long, 158.
Long-thuấn, 160.
Thuấn-hóa-chân, 162.
Trịnh-Mãi, 163.
Trịnh-Mân, 164.
Đoàn Tư-Bình, 168.
Đoàn Tư-Anh, 169.
Đoàn Tư-Lương, 169.
Đoàn Tư-Thông, 170.
Đoàn Tổ-Thuận, 172.
Đoàn Tổ-Anh, 176.
Đoàn Tổ-Liêm, 180.
Đoàn Tổ-Long, 181.
Đoàn Tổ-Trinh, 182.
Đoàn Tổ-Hưng, 185.
Đoàn Liên-Nghĩa, 190.
Đoàn Thọ-Huy, 190.
Đoàn Chính-Minh, 191.
Đoàn Chính-Thuần, 194.
Đoàn Chính-Nghiêm, 195.
Đoàn Chính-Hưng, 199.
Đoàn Trí-Hưng, 202.
Đoàn Trí-Liên, 205.
Đoàn Trí-Tường, 206.
Đoàn Tường-Hưng, 212.
Đoàn Hưng-Trí, 214.
thoát-ly ra độc-lập, từ đây về
sau được 121 năm, 216.
Nam-chưởng (xứ), 316.
Nam được kinh nghiệm toàn tập,
367.
Nam-dương (quận), 47.
Nam-dịnh, 333, 347, 351.
Nam-Đường, 168, 171, 173.
Nam-giao (đàn), 327 ; (lễ), 369.
Nam-giới hải-môn, 177.
Nam-hải, 51.
Nam-hải úy, 51.
Nam-hải (huyện), 58.
Nam Hán (nhà), 165, 166, 168.
Nam-kinh, 181, 196, 266, 290,
291, 294, 363.
Nam-kỳ, 331, 336—339, 345,
358.
Nam-lan-lăng (xứ), 116.
Nam Lương (nhà), 107, 110.
Nam-môn. 282.
Nam-phan, 259.
Nam-sách, 169.
Nam-sào, 10.
Nam-Tấn vương, 170.
Nam-tử, 63.
Nam-trịnh, 21.
Nam-vang, 329, 335.
Nam-việt-vương, 52, 54.
Nam-vinh (thành), 297.
Năn-vương, 44 —47.
Nam Yên (nhà), 109.
Nặc-Ấn, 319.
Nặc Ông Đôn, 338.
Nặc-Tôn, 313.
Nặc-Thu, 302.
Nặc-Yêm, 303.
Năm Lửa : X Trần văn Soái.
Niệm : Đông —, 345 ; — phi
(giặc), 344 ; Tây —, 346.
Niên Canh Nghiêu, 306.
Niên-hiệu : 57, 123.
Niết-vinh, 319.
Nijô, 200.
Nimmyô, 155.
Ninh-ba, 337.
Ninh-bình, 335, 340.

- Ninh-hạ, 281.
Ninh-thuận, 335.
Ninh-viễn, 251.
Ninh-vương, 266.
Ninken, 117.
Ninkô, 330.
Nintoku, 99.
Nô-Nhĩ-Sáp, 279.
Nô tỳ :
 cấm-bán, 70, 262.
 hạn chể, 243.
 thả, 340.
Nội thuộc, lần thứ :
 1 : 60—73.
 2 : 73—112.
 3 : 132—144.
 4 : 144—150.
 5 : 151—163.
 6 : 246—247.
Nội-thư-đường, 249.
Nùng-Tồn-Phúc, 184.
Nùng Tri-Cao, 184, 186.
Nùng Văn Vân, 335.
Nữ học-đường, 358.
Nữ-vương, 73. X. Trưng-Trắc.
Ngao-Bái, 296.
Ngân-hà (giặc), 310.
Ngỗ-thích (bộ lạc), 247, 252, 255.
Ngọa-triều : X. Lê-Long Đĩnh.
Ngọa-vân am, 223, 225.
Ngọa-giao kỳ-lược, 368.
Ngọc điệp tông phả, 182, 369.
Ngọc-hăng (n.h), 101.
Ngọc-hoành (n.h.), 99.
Ngoại-Nhâm (vua), 12.
Ngọc-ma, 252.
Ngô (nước), 36, 57, 73, 87, 88, 91, 94, 95, 167.
Ngô Bá-Tĩnh, 335.
Ngô-Bệ, 233.
Ngô-Côn, 345.
Ngô-Chân-Lưu, 173.
Ngô-châu, 292.
Ngô-Đình Diệm, 379.
Ngô-giới, 197.
Ngô-hiếu vương, 99.
Ngô-Hoán, 296.
Ngô-hưng, 125.
Ngô-hưu (hiệu Cảnh-đế), 93.
Ngô-Khởi, 38, 39.
Ngô-Lân, 197.
Ngô-Lượng, 92, 93.
Ngô-Lý-Tín, 203.
Ngô-Minh-Triệt, 128.
Ngô-Nguyên-Tế, 135.
Ngô-Nhân-Tĩnh, 329.
Ngô-Nhật-Khánh, 174.
Ngô-Quý-Trát, 33.
Ngô-Quyền, 92, 168, 169.
Ngô-Sĩ-Liên, 260.
Ngô Tam - Quế, 294, 297, 298.
Ngô Tôn-Sâm, 93.
Ngô-tùng, 337.
Ngô Tùng-Châu. 324, 325.
Ngô Thế Phiên, 298, 299.
Ngô Thi-Sĩ, 316.
Ngô Thiệu-Thành, 151.
Ngô Trinh, 237.
Ngô Việt (nước), 174.
Ngô-vương, 235.
Ngô-vương Quyền, 168, 169,
Ngô Xương-Ngập, 169, 170.

- Ngô Xương-Văn, 170—172.
 Ngỗi-Hiêu, 72.
 Ngỗi-Thuần, 72, 73.
 Ngột-Đường, 278.
 Ngu, 4.
 Ngu Doãn-Văn, 202
 Ngu-Hu. 78.
 Ngu-Thuấn, (vua), 3.
 Ngũ-hành (núi), 332.
 Ngũ-kinh, 65, 76, 224, 247, 258.
 Ngũ-phụng (n.h.), 65 (Hán) ; 92
 (Ngô).
 Ngũ-trượng-nguyên, 90.
 Ngung-Diệm, 324.
 Ngung-son, 58.
 Ngụy (nước), 28, 40 — 46, 50,
 90, 91, 93, 94, 108, 111, 113,
 116, 117, 121.
 Ngụy-Đại-Trung, 287.
 Ngụy Đạo-vũ-đế, 106.
 Ngụy-đế, 121.
 Ngụy Hiến-minh đế, 119.
 Ngụy Hiến-tĩnh đế, 121.
 Ngụy Hiến-văn đế, 115.
 Ngụy Hoàn-tử, 37.
 Ngụy Huệ-vương, 40.
 Ngụy Khắc Đản, 313.
 Ngụy Khắc Tuần, 340.
 Ngụy Nguyên-đế, 94.
 Nyug Minh-nguyên-đế, 109.
 Ngụy Mạc (nhà), 268.
 Ngụy Phế-đế, 121.
 Ngụy Tào Mao, 92.
 Ngụy Tuyên-vũ, 118.
 Ngụy-Tur, 37, 88.
 Ngụy Thái-vũ đế, 111.
 Ngụy Tráng-vương, 282.
 Ngụy-Trung-Hiền, 286, 286.
 Ngụy-Trung, 136.
 Ngụy Văn-đế, 90.
 Ngụy Văn-thành đế, 113.
 Ngụy-vương, 121.
 Nguyên (nhà), 219—244.
 Nguyên Anh-tông, 227.
 Nguyên-bình (n.h.), 63.
 Nguyên - chính Thiên - hoàng,
 144.
 Nguyên-diên (n.h.), 68.
 Nguyên-đỉnh (n.h.), 59, 60.
 Nguyên-đức, (n.h.), 228.
 Nguyên-gia (n.h.) :
 82 (Đông Hán)
 111—113 (Tống)
 Nguyên-hanh (n.h.), 227.
 Nguyên-hòa (n.h.) :
 76 (Đông Hán)
 152, 153 (Đường)
 269 (VN)
 285 (NB)
 Nguyên-hoảng (n.h.), 228.
 Nguyên-huy (n.h.), 115.
 Nguyên-hưng (n.h.) :
 78 (Đông Hán)
 94 (Ngô)
 108 (Tấn An-đế)
 Nguyên-hựu (n.h.), 191, 192.
 Nguyên-hy (n.h.) :
 98 (Hán Lưu-Uyên) ;
 110 (Tấn Cung-đế).

- Nguyên-khang (n.h.), 64, 96, 97.
 Nguyên-khánh (n.h.), 160.
 Nguyên-lich (n.h.), 204.
 Nguyên-Long, 250, 251.
 Nguyên - minh Thiên - hoàng,
 143.
 Nguyên-nhân (n.h.), 143.
 Nguyên Nhân-tông, 225—227.
 Nguyên-phong (n.h.) :
 60, 61 (Hán)
 190, 191 (Tống)
 214, 215 (VN).
 Nguyên-phụng (n.h.), 63.
 Nguyên-quang (n.h.), 58.
 Nguyên-sóc (n.h.), 58, 59.
 Nguyên-Tải, 149.
 Nguyên Thành-tông, 222—224.
 Nguyên Thế-tổ, 219,—222,
 Nguyên-thọ (n.h.), 69.
 Nguyên-thống (n.h.), 229.
 Nguyên-thú (n.h.), 59 (Hán).
 — — , 193 (Tống).
 Nguyên Thuận-đế, 229—235.
 Nguyên-thủy (n.h.), 69, 70.
 Nguyên-trị (n.h.) 344.
 Nguyên-trinh (n.h.), 222.
 Nguyên-trung (n.h.), 230.
 Nguyên-ưng (n.h.), 227.
 Nguyên Văn-tông, 228.
 Nguyên-vĩnh (n.h.), 195.
 Nguyên Vũ-tông, 225.
 Nguyên-vương (vua), 36.
 Nguyễn-An-Ninh, 370.
 Nguyễn-Bá-Nghi, 343.
 Nguyễn-Bá-Quỳnh, 276.
 Nguyễn-Bặc, 173, 174.
 Nguyễn-Cảnh-Chân, 245.
 Nguyễn-Cảnh-Dị, 245.
 Nguyễn-Công-Thái, 307, 313.
 Nguyễn - Công - Trứ, 333, 335,
 337.
 Nguyễn-Cừ, 310.
 Nguyễn-Cửu-Vân, 303.
 Nguyễn - Danh - Phương, 311,
 312.
 Nguyễn-Dị-Chi, 112.
 Nguyễn-Duy-Tường, 296.
 Nguyễn-Dụng, 283.
 Nguyễn-Đặng-Giai, 340.
 Nguyễn-Đặng-Hiển, 310.
 Nguyễn-Đặng-Tuân, 338.
 Nguyễn-Điều, 345.
 Nguyễn Đình-Đắc, 322.
 Nguyễn Đình-Huấn, 316.
 Nguyễn-Hà-Viêm, 197.
 Nguyễn-Hải-Thần, 374.
 Nguyễn-Hoàng, 271, 274, 277.
 Nguyễn-Hoàng-Đức, 324.
 Nguyễn-Hoảng-Dụ, 322.
 Nguyễn-Huệ, 318, 320, 321, 322.
 Nguyễn-Hữu-Cầu, 310 — 312.
 Nguyễn-Hữu-Chỉnh, 320, 321.
 Nguyễn-Hữu-Dật, 287, 293, 294,
 Nguyễn-Hữu-Độ, 350.
 Nguyễn-Hữu-Kính, 301, 302.
 Nguyễn-Hữu-Nghiêm, 296.
 Nguyễn-Hữu-Tiến, 288, 293,
 294, 301.
 Nguyễn-Hữu-Thụy, 319.
 Nguyễn-Kim, 269—271, 276.
 Nguyễn-Khánh, 184.

- Nguyễn-Khắc-Nhu, 391.
Nguyễn-Lệ, 316, 320.
Nguyễn-Lữ, 320, 321.
Nguyễn-Mẫn-Độc, 296.
Nguyễn-Nộn, 209, 211.
Nguyễn-Ngọc-Sơn, 370.
Nguyễn-Nguyên, 331.
Nguyễn-Nghiêm, 312.
Nguyễn-Nhạc, 320. X. Nguyễn-văn-Nhạc.
Nguyễn-Phan, 312.
Nguyễn-Phan-Long, 378.
Nguyễn-Phu, 103.
Nguyễn-quang-Bật, 263.
Nguyễn-Quang Toàn, 322, 323, 325.
Nguyễn-Quý-Cảnh, 310.
Nguyễn-Quyện, 277, 278, 281.
Nguyễn-Sĩ-Cổ, 224.
Nguyễn-Súy, 246.
Nguyễn-Sư, 266.
Nguyễn-Tăng-Doãn, 349.
Nguyễn-Tấn-Thân, 343.
Nguyễn-Tiến-Lâm, 337.
Nguyễn-Tòn-Hiếu, 119.
Nguyễn-Tuyền, 310.
Nguyễn-Tự-Cường, 296.
Nguyễn-Thái--Bạt, 296.
Nguyễn-Thái-Học, 370, 371.
Nguyễn-Thành-Ý, 349.
Nguyễn-Thân, 354, 358.
Nguyễn-Thiến, 272.
Nguyễn-Thiện Tri, 296
Nguyễn-Thịnh, 343.
Nguyễn-Thuật, 350.
Nguyễn-Trãi, 250.
Nguyễn-Tri-Phương, 336, 338, 339, 342, 347.
Nguyễn-Triêm, 320.
Nguyễn-Trọng-Hợp, 354.
Nguyễn-Trung-Mậu, 338.
Nguyễn-Trung-Ngạn, 226, 230, 231.
Nguyễn-Trường-Tộ, 345.
Nguyễn-Văn-Bảo, 324.
Nguyễn-Văn-Chấn, 322, 332.
Nguyễn-Văn-Hiếu, 334.
Nguyễn-Văn-Huệ, 318, 322.
Nguyễn-Văn-Khoái, 381.
Nguyễn-Văn-Lang, 265.
Nguyễn-Văn-Liêm, 320.
Nguyễn-Văn-Nhạc, 317, 318, 321, 323. X. Nguyễn-Nhạc.
Nguyễn-Văn-Nhân, 333.
Nguyễn-Văn-Nhơn, 332.
Nguyễn-Văn-Tâm, 378.
Nguyễn-Văn-Tinh, 324.
Nguyễn-Văn-Tuyên, 334.
Nguyễn-văn-Tường, 351.
Nguyễn-Văn-Thành, 324, 325, 328, 330, 339.
Nguyễn-Văn-Thắng, 322, 331, 332.
Nguyễn-Văn-Thụy, 325, 329, 331.
Nguyễn-văn-Trí, 331.
Nguyễn-văn-Trương, 325, 328.
Nguyễn-văn-Xuân, 330, 377.
Nguyệt-Xích-sát-Nhi, 225.
Ngự-chê quan châm, 341.
Ngự-giá như Tây ký, 368.
Ngưng-hy (diện), 368.

Ngưu-hống (nước rợ), 188, 200, 228, 230.
 Ngưu Tăng-Nhũ, 155.
 Nghệ-an : 184, 189, 197, 199, 203, 207, 209, 220, 226, 233, 237, 238, 245, 246, 249, 250, 273, 277, 278, 293, 294, 312—315, 318, 321, 323, 326, 330, 332, 332—334, 348, 354, 375.
 Nghi (vua), 1.
 Nghi-Cửu, 25.
 Nghi-Dân, 253, 254.
 Nghi-dương (đất), 41.
 Nghi-phụng (n.h.), 139.
 Nghi-xuân, 294.
 Nghĩa-định sơn-phòng, 355.
 Nghĩa-hòa-đoàn, 356.
 Nghĩa-hy (n.h.), 108.
 Nghĩa-ninh (n.h.) 133.
 Nghiêm-Bá-Kỳ, 296.
 Nghiêm-Tung, 270, 275.
 Nghiêm-Thế-Phồn, 275.
 Nghiệp (đất), 101, 103.
 Nghiệp-đò, 86, 170.
 Nghiêu (vua), 3, 4.

NH

Nha-phiến :

cấm, 331.

án, 341.

Nhạc-Chung-Kỳ, 306.

Nhạc-Nghị, 46.

Nhạc-Phi, 198, 206.

Nhai-đình, 89.

Nhai-sơn, 219.

Nhan-Chân-Khanh, 146.

Nhan-tử, 189.

Nhâm-Diên, 72.

Nhâm-thành-vương, 119.

Nhân-an (n.h.), 201.

Nhân-bình (n.h.), 200.

Nhân-đức Thiên-hoàng, 99.

Nhân-hiến Thiên-hoàng, 117.

Nhân hiếu Thiên-hoàng, 330.

Nhân-hòa (n.h.), 161.

Nhân-minh Thiên-hoàng, 155.

Nhân-thọ (n.h.), 131.

— — , 157 (NB).

Nhân-trị (n.h.), 213.

Nhất-điều Thiên-hoàng, 176.

Nhất-thống dư địa-chí, 327.

Nhật-bản, 74, 116, 195, 200,

275, 347, 349, 361. Xem Oa (người).

Dòng Vũ-vương, 204, 206,

210, 214, 217, 222, 229, 241,

249, 253, 255, 259, 261, 262,

267, 271, 276, 280, 282, 292,

304, 305, 311, 314, 336.

Bắc-triều, 229, 232, 237, 239.

Nhật-lệ (cửa biển), 245, 287,

288, 294, 368.

Nhật-nam, 80 - 82, 123.

Nhật-thành-các, 367.

Nhật-thành-lâu, 367.

Nhĩ-chu-Triệu, 121.

Nhĩ-chu-Vinh, 120, 121.

Nhĩ-hà, 313,

Nhị-diều Thiên-hoàng, 200.

Nhiễm-Mẩn, 103.

Nhiệt-hà, 342.

Nhu-nhiên (rợ), 111.

Nhũ-tử Anh, 70.

Nhuận-Hồ Hán-Thương, 243,
244. (VN),

Nhuận-Hồ Quý-Ly, 243, (VN).

Nhục-chi (Yue-tche), 56.

Nhung (rợ), 24, 26, 79,

Nhuyên-hải (cửa), 329.

Như-ý (n.h.), 141.

Nhưng (đất), 10,

Nhượng-hầu (Tần), 46, 47.

O

Oa (người), 237, 248, 272, 273.

X. Nhật-bản.

Oánh (Giản tu công) 263, 264.

Ogimachi, 274.

Ojin, 95.

Ô-châu, 224.

Ô-diên (thành), 125.

Ô-đông (Oudong), 338.

Ô-hoàn (nước), 63.

Ô-hữ (rợ), 84.

Ô-lộ, 183, 196.

Ô-Mã-nhi, 221.

Ô-tôn (nước), 61.

Ốc-đỉnh (vua), 11.

Ốc-giáp (vua), 13, 14.

Ôn-Kiệu, 101.

P

Păkche [Paekje] : X. Bách-tế.

Patenôtre, 351.

Phạm-Bành, 352.

Phạm-Bình-Di, 207.

Phạm-Công-Trứ, 297.

Phạm-Diên, 206.

Phạm-Du, 207.

Phạm-Dương-Mại, 112.

Phạm-Đình-Trọng, 310, 311
313.

Phạm-Đốc, 273.

Phạm-Hàng, 282.

Phạm-Hồ-Đạt, 108.

Phạm-Kinh-Ân, 213.

Phạm-Lãi, 36.

Phạm-Minh-Hữu, 63.

Phạm-Ngộ, 226.

Phạm-Ngũ-Lão, 223, 227.

Phạm-Nguyễn-Du, 320.

Phạm-Phật, 103.

Phạm-Phú-Thứ, 343, 347.

Phạm-Sư-Mạnh, 231.

Phạm-Sư-Ôn, 240.

Phạm-Tu, 123.

Phạm-Thế-Cảng, 245.

Phạm-Thế-Hiến, 342.

Phạm-Thư, 47.

Phạm-Trọng-Yêm, 184, 185.

Phạm-Văn-Điền, 337.

Phạm-văn-Huấn, 267.

Phạm-văn-Nhân, 320, 329.

Phan-Bá-Vành, 333.

Phan-Bội-Châu, 369.

Phan-công-Tích, 277.

Phan-Châu-Trinh, 369, 370.

Phan-Chí, 132.

Phan-lang (cộng), 293, 301.

Phan-Liêm, 350.

Phan-lung, 259.

Phan-lý, 301.
Phan-Ngạn, 282, 283.
Phan-Phu-Tiên, 256.
Phan - Thanh - Giản, 339, 343, 345.
Phan-Thần-Cung, 331.
Phan-Thúy, 333.
Phàn-Diễn, 80.
Phàn-thành, 218.
Phản-chính Thiên-hoàng, 109.
Pháp (nước), 337, 341, 342.
X. Đại-Pháp.
Pháp-luật :
xử kiện, 5.
hình phạt, 22, 172, 305.
bỏ nhục hình, 56
luật lệnh :
 định, 58, 200, 210, 213, 326.
 bớt, 67.
giảm tử hình, 67.
cấm bán ruộng, nhà, nô lệ, 70.
chém ngay không chờ, 71.
Ấn-xá, đại-xá : 83, 182, 183, 257, 326.
cấm người cùng họ lấy nhau, 116.
Hình thư, 185, 211, 232.
chuộc tội, 185, 195.
đặt Hồng chung để dân chúng đánh kêu oan, 186.
khoan dung với phạm nhân, 188.
hình luật, 243.
luật lệ, 250, 251, 328.
cấm phi báng, 315.

đón xe vua kêu oan, 327.
tổ chức tòa án, 352, 357.
cấm tra khảo, đánh đập, 359.
Phát (thế tử), 18 ; (vua), 9.
Phát-khẩu (n.h.), 119.
Phấn-thượng, 280.
Phật - giáo :
Thích ca sinh ra, 32.
sang Thiên-Trúc tìm Phật-pháp, 75.
chùa (đưng), 75, 182, 183, 191, 205, 210, 211, 238, 239, 242, 247, 257 ; (phá), 112, 156 ; (sửa), 180.
từ TQ truyền vào Tam-hàn, 105.
giết sa môn, 112.
Đạt-ma đến Quảng-châu, 120.
vua :
 giảng kinh 123.
 ra ở chùa, 182.
 xã thân đi tu, 223.
bắt tăng ni quy tục, 156.
xin kinh và bản văn kinh Đại-tạng, 179.
xin kinh Tam-Tạng, 181.
khiến Đại - Than thiền sư đốc xuất tăng nhân đánh Chiêm-Thành, 238.
yêu tăng làm loạn, 240.
đúc tượng Phật, 309.
Phất-Lăng, 62.
Phế-đế : X. Thuần-nhân Thiên-hoàng, 147.
Phi-tử, 22.

- Phi-thủy, 106.
Phi-Huy, 91.
Phiên-an, 327, 334, 335.
Phiên-ngung, 52.
Phiên-trấn, 319, 327.
Philastre, 348.
Phó-Duyệt, 15.
Phó Giới-Tử, 63.
Phó Hữu-Đức, 241.
Phó-Lượng, 111.
Phong (đất), 22.
Phong-cung, 20.
Phong-châu, 1, 127, 159.
Phong-diễn, 335.
Phong-Khê, 47, 73.
Phong-thủy, 6.
Phòng-châu, 140, 175.
Phòng Pháp-Thừa, 117.
Phòng-phong (họ), 5.
Phóng-huân, 3.
Phồ-Nghi, 359.
Phồ-thông (n.h.), 120.
Phù-đồng 209.
Phù-Kiện, 103.
Phù-Sai, 36.
Phù-Tô, 52.
Phú-Bật, 185, 187.
Phú-lộc (huyện), 335.
Phú-văn lâu, 331.
Phú-xuân, 287, 300, 311.
Phú-yên, 285, 323, 324, 340, 348, 352.
Phụ-chính phủ, 353.
Phụ - nữ :
 Muội-hỷ, 9
 Lữ-hậu, 54.
Thích-cơ, 54.
Giả hậu, 97.
lập hoàng hậu họ :
 Vương, 137.
 Vũ, 137.
 Trần, 208, 219.
 Lý, 210.
Vũ-hậu, 141.
lập hoàng hậu, 173, 180, 181, 182, 195.
thái hậu họ Đỗ, 197.
thâu nạp con gái vua Chiêm
 dâng, 200.
bắt vương phi vua Chiêm,
 214.
phong chức con gái thổ quan
 nhà Tống sang nội thuộc
 VN, 215.
yêu phụ làm loạn, 248.
bãi việc cung tần chết theo
 vua, 257.
đưa tỳ trong cung toan thi
 vua, 270.
Phúc-kiến, 253, 291, 297, 352.
Phúc Khang-An, 323.
Phúc-lý, 352.
Phúc-thái (n.h.), 290, 291.
Phục Đẳng-Chi, 117.
Phục-kiến Thiên-hoàng, 221.
Phùng-Chương, 265.
Phùng-Dị, 72, 73.
Phùng-Hưng, 150, 151.
Phùng-Khắc-Khoan, 282.
Phùng-Luật, 185.
Phùng Quốc-Chương, 363, 364.
Phùng-Tử-Tài, 349.

Phùng-Thắng, 241.
Phùng-trạch, 41.
Phùng-Trí-Năng, 186.
Phùng-Việt-Tu, 295.
Phụng-dương, 289.
Phụng-hoàng (n.h.), 95.
Phụng-tiên điện, 362.
Phụng-tường, 161.
Phụng-thiên, 150, 368.
Phương-dầu, 105.
Phương Lạp, 195.
Phương Quốc-Trần, 231.

Q

Qua (nước), 6.
Qua-oa (nước), 222.
Quách (nước), 26.
Quách-Bốc, 207.
Quách-công, 25.
Quách Nguyên-Chấn, 142.
Quách Tử-Hưng, 232, 235.
Quách-Tử-Nghi, 147, 148.
Quách-Tự, 85.
Quách-Uy, 170.
Quan-du (trại), 248.
Quan-ừng (n.h.), 232.
Quan-Vũ, 88.
Quản-Trọng, 28, 29.
Quang-bảo (n.h.), 273.
Quang-cách Thiên-hoàng, 319.
Quang-đại (n.h.), 127.
Quang-hiếu Thiên-hoàng, 161.
Quang-hòa (n.h.), 84.
Quang-hưng (n.h.), 99, 278, 279—283.
Quang-hy (n.h.), 98.
Quang-khải (n.h.), 160, 161.
Quang-nguyên (n.h.), 131,
Quang-nhân Thiên-hoàng, 149.
Quang-sơ (n.h.), 100.
Quang-tự (n.h.), 348—358.
Quang-thái (n.h.), 240.
Quang-thiên (n.h.), 165.
Quang-thuận (n.h.), 256, 257,
Quang-thiệu (n.h.), 265.
Quang-trung (n.h.), 321.
Quang-trung (đất), 71.
Quang-Vũ, 71—74.
Quảng-bình, 291, 329, 333, 341, 348, 352.
Quảng-châu, 89, 100, 120, 165,
Quảng-đông, 230, 298, 335, 336, 341, 363.
Quảng-đức (n.h.), 147 ; (doanh), 332.
Quảng-hựu (n.h.), 191.
Quảng-minh (n.h.), 160.
Quảng-nam, 237, 259, 264, 272, 276, 280, 285, 317, 325, 329, 332 ; (thành), 335, 336, 342, 355, 361, 362.
Quảng-nguyên, 185, 186, 190 ; (châu), 199.
Quảng-nghĩa, 317, 343.
Quảng-oai, 209, 239.
Quảng-tế thụ, 244.
Quảng-thuận (n.h.), 170.
Quảng-trị, 340, 348, 352.
Quảng-yên, 343.
Quân-sự :
tôn trọng chiến sĩ 40.
đổi y phục theo rợ Hồ, 44.
giết hàng binh, 47.

tuyển quân, 176, 178.
tổ chức, 182, 187, 213, 223,
333, 353.
quân hiệu, 213, 223, 353.
giảng vũ đường, 215.
mộ binh, trả tù binh Nguyên
về 221.
quân điền, 250.
tàng trữ vũ khí, 258.
học võ và thi tuyển, 305,
338.
đúc súng, 326.
giáo dưỡng binh, 333.
pháo đài, 334.
bia Vũ công, 336.
ban Vũ kinh, 338.
khoa võ Tiến sĩ, 344.
mộ tử sĩ, 362.
đài Chiến sĩ, 365.
Quân-thần (bãi), 125.
Quật-hà Thiên-hoàng, 191.
Quế-châu, 291.
Quế-dương, 115.
Quế-lâm, 51, 291.
Quốc-âm quan báo, 364.
Quốc-chân, 226.
Quốc-hiệu
Văn-lang, 1.
Âu-lạc, 47.
Vạn xuân, 123.
Đại Cồ Việt, 172.
Đại Ngu, 243.
Đại Việt, 250.
Việt-Nam, 326.
Quốc-học (viện), 215 ; (trường),
354.

Quốc-hội (TQ), 360, 364 ; (VN),
330.
Quốc-tử-giám, 190, 331, 340,
358, 363, 366.
Quốc-tử-viện, 212.
Quốc-Trinh, 297.
Quy-hóa (sông), 207.
Quy-hợp (châu), 254.
Quy-ninh (Phủ), 310.
Quy-nhơn, 310, 317, 321, 323,
324.
Quy-khâu, 29.
Quy-châu, 246, 347.
Quy-Do, 255.
Quý-lạc (n.h.), 122.
Quý-lịch, 17.
Quý-phương (người), 15.
Quỳnh châu, 227.

R

Reigen, 295.
Reizei, 172.
Rheinart, 348 — 351.
Richū, 108.
Rokujō, 201.
Rousseau, 354.

S

Sa-bát-la Khả-hãn, 137.
Sa-Đầu, 185.
Sa-khâu, 52.
Sa-xa (nước), 64.
Sạ-phô, 337.
Sách-Lăng, 307.
Saga, 153.

- Sài-côn, 318, 319.
Sài-Vinh, 171.
Sakuramachi, 309.
Samei, 173.
Sanjô, 180.
Sáp-Ma, 233.
Sáp-mật, 259 — 261.
Sáp-Thương, 260, 261.
Sarrait, 359.
Sát-bát-nhi, 225.
Sát-cáp-nhĩ, 288, 297.
Sát hải-sứ, 232.
Sát-Hãn, 234.
Sân (người), 12.
Seimu, 80.
Seinei, 116.
Seiwa, 157.
Senka, 122.
Shijô, 212.
Shirakawa, 189.
Shokô, 246.
Shômu, 144.
Shotoku, 148.
Shujaku, 167.
Sĩ-Huy, 89.
Sĩ-Nhiếp, 84, 86, 87, 89.
Silla : X. Tân la.
Sóc Tư Giám, 233, 234.
Sơ-binh (n.h.), 85.
Sơ-lặc (nước), 76.
Sơ-nguyên (n.h.), 65, 66.
Sơ-thủy (n.h.), 70.
Sở (nước), 27, 29, 37, 42, 43,
44, 46, 50, 52, 53, 57.
Sở Điện-vương, 38, 39.
Sở Hoài-vương, 45, 52.
Sở Nghĩa-đế, 53.
Sở Phiên-dịch, 365, 367.
Sở-quận, 50.
Sở Trang-vương, 31.
Sở-vương, 75, 108.
Sơn-đông, 230, 286, 317.
Sơn-nam, 271, 273, 274, 275,
279, 282, 309, 310, 311, 312.
Sơn-tây, 265, 279, 280, 283, 288,
309, 311, 312, 316, 351.
Suiko, 130.
Suinin, 67, 69.
Sujin, 61.
Sùng (nước), 18.
Sùng-đức Thiên-hoàng, 196.
Sùng-hưng Đại-bảo (n.h.), 186,
187.
Sùng-khang (n.h.), 275.
Sùng-ninh (n.h.), 193, 194.
Sùng-tuấn Thiên-hoàng, 130.
Sùng-thần Thiên-hoàng, 61.
Sùng-trinh (n.h.), 288.
Sùng-văn (viên), 174.
Susei, 32.
Sushun, 130.
Sutoku, 176.
Suy-cổ Thiên-hoàng, 130.
Sur-an (n.h.), 123.
Sứ (TQ) :
— ngoại quốc đến, 74, 78, 304.
— đi ngoại quốc, 61, 74, 75,
194, 195.
Sứ (VN)
— ngoại quốc đến :
Anh, 338.
Chân lập 195.
Chiêm thành, 224, 231, 235,
252, 255,

Kim (nước), 202.

Mông-cổ, 217.

Trung quốc :

Tống-Đinh, 173.

Tống-Tiền Lê, 176, 177,
179.

Tống-Lý, 180, 181, 183,
184, 187, 188, 189, 191,
197, 198, 202, 204.

Tống-Trần, 212, 216.

Nguyên-Trần, 218, 222,
227, 228, 229, 231.

Minh-Trần, 235, 239, 241,
244.

Minh-Lê, 251, 252, 254,
255, 257, 263—265, 292.

Thanh-Lê, 295, 296, 299,
305, 308, 314.

Thanh-Nguyễn, 326, 337,
339.

— di ngoại quốc :

Chiêm thành, 192, 205.

Mông-Cổ, 213.

Pháp, 320, 336, 338, 344,
345, 349, 353, 356.

Trung quốc :

Hồng bàng-Chu, 19.

Khúc Thừa Mỹ - Lương,
166.

Đinh-Tống, 173 — 175.

Tiền Lê-Tống, 175—179.

Lý-Tống, 180—184, 187,
188, 191, 204.

Trần-Tống, 211, 215.

Trần-Nguyễn, 218, 222,
225—228, 234.

Trần-Minh, 235, 239, 243.

Hồ-Minh, 244.

Trần - Minh, 246, 251,
255, 264, 269.

Mạc-Minh, 269.

Lê-Minh, 282.

Lê-Thanh, 295.

Tây-sơn — Thanh, 322.

Nguyễn-Thanh, 326, 345,
347, 348, 350.

Sử-Hoảng, 170.

Sử-quán, 337.

Sử Tư-Minh, 147.

Sử Triều-Nghĩa, 147.

Sử Di-viển, 210.

Sưu-dịch, 243, 358.

T

Tả-Lương-Ngọc, 290.

Tả-Tôn-Đường, 343, 349.

Tà-Cốc-Khẩu, 90.

Tạ-An, 106.

Tạ-Hối, 111.

Tạ-Huyền, 106.

Tạ-Quang-Cự, 334.

Tạ-Thượng, 103.

Tái-Trạch, 357.

Taishô, 360.

Takakura, 202.

Tam-diệp, 280.

Tam-diều Thiên-hoàng, 180.

Tam-phủ (binh), 319, 320.

Tam-Tấn, 36, 39.

Tam-Thai (núi), 334.

Tang-Chất, 113.

Tang-lâm, 10.

Tang-lễ :

hỏa-thiêu, 225.
bãi việc cung tần chết theo
vua, 257.
Tàng cổ viện Khải-dịnh, 368.
Tào-Bân, 173.
Tào-Cát-Tường, 257.
Tào-Côn, 368, 369.
Tào-Duyệt, 89, 91.
Tào hoàng-hậu, 88.
Tào-Hoán, 93, 94.
Tào Huyền-Tĩnh, 140.
Tào-Loan, 84.
Tào-Phi, 85, 87, 88, 89.
Tào-Phương, 91.
Tào-Sảng, 91.
Tào-Tháo, 85—88.
Tăng (nước), 25.
Tăng Cách Lâm Thâm, 342.
Tăng-Cồn, 160.
Tăng-Duyệt hoàng-tử (Hoàng tử
Cảnh), 320, 322, 323.
Tăng Quốc-Cơ, 344.
Tăng Quốc-Phiên, 340, 347.
Tăng-Tiêu, 271, 272.
Tăng-tử, 189.
Tăng-thính (n.h.), 122.
Tăng-Thống, 173.
Tăng-yếu (n.h.), 135.
Tân-bình, 237, 249, 252.
Tân-cương, 349, 350.
Tân-kinh, 356.
Tân-miếu, 145.
Tân Thư-viện, 358, 359, 367,
368.
Tân-Viên-Bình, 56.

Tân-xương (quận), 95, 123.
Tần (nước), 22, 36, 39, 41—48 ;
(nhà), 49, 50, 53.
Tần-Cối, 197.
Tần Diêu-Tương 103.
Tần-hải-thành, 240.
Tần Hiếu-công, 39, 41.
Tần Mục-công, 29, 31.
Tần Nhị-thế, 52.
Tần Phù-Kiên, 104.
Tần Phù-Sinh, 104.
Tần Tông-Quyền, 161.
Tấn Thủy-hoàng, 50—52.
Tần Văn-công, 26.
Tần vương, 106.
Tấn (nước), 25, 28, 31, 37, 39,
89, 95, 100, 164, 166, 168, 169.
Tấn Ai-đế, 104
Tấn An-đế, 107—110.
Tấn-an vương (Tống), 115.
Tấn Cao-tổ, 168, 169.
Tấn Cung-đế, 110.
Tấn-dương, 128.
Tấn Giản-văn đế, 105.
Tấn Hiếu-vũ-đế, 105—107.
Tấn-Hoài-đế, 98, 99.
Tấn Huệ-đế, 96—98.
Tấn Khang-đế, 102.
Tấn Mẫn-đế, 99.
Tấn Minh-đế, 100.
Tấn Mục-công, 24.
Tấn Mục-đế, 102, 103.
Tấn Nguyên-đế, 99, 100.
Tấn Phế-đế, 105.
Tấn Thành-đế, 101, 102.
Tấn Văn-công, 30.

- Tấn-Văn-hầu, 25.
Tấn Vũ-đế, 94 — 96.
Tấn Xuất-đế, 169.
Tập-hiền viện, 339.
Tây-an, 356, 373.
Tây-châu, 136.
Tây-Chu (nhà), 48.
Tây-đê (kho), 84.
Tây-đô (thành), 243, 249, 251, 269, 270, 274.
Tây-hà, 8.
Tây-hạ, 207, 211.
Tây-hải (quận), 78.
Tây-kinh, 251, 257, 259, 260, 262 — 265, 276.
Tây-Liêu, 196, 198, 199, 200, 201, 206.
Tây-Lương, (nhà), 108, 111.
Tây-nội, 147.
Tây-Ngụy, 123, 125.
— Cung-đế, 125.
Tây-nhung (rợ), 21, 22, 31, 36.
Tây-Sở Bá-vương, 53.
Tây-sơn, 317, 326.
Tây-tạng, 303, 305.
Tây-Tần (nhà), 109, 112.
Tây-Thục, 161.
Tây-viện đế : X. Thuần - hòa Thiên-hoàng.
Tây-vực, 59, 64, 65, 75 — 78, 113.
Tây-xuyên, 159, 166, 291.
Tây-xưởng, 260.
Tây-Yên (nhà), 107.
Temmu, 139.
Tenchi, 138.
Tề (nước), 27, 29, 38, 40, 42, 44, 46, 50, 53, 116—118, 126.
Tề Ai-công, 22.
Tề Bố Sâm, 326.
Tề Cao-đế, 116.
Tề Điền-đan, 46.
Tề Hòa-đế, 118.
Tề Hoàn-công, 28, 29.
Tề-hoành (n.h.), 157.
Tề Mẫn-công, 46.
Tề Minh-đế, 117.
Tề-minh Thiên-hoàng, 137.
Tề Tuyên-vương, 41.
Tề Tương-công, 27.
Tề-Thái, 242, 243.
Tề Vạn-niên, 96, 97.
Tề Vũ-đế, 116—117.
Tề-vương (Quỳnh), 97.
Tề Uy-vương, 40.
Tế-công, 21.
Tế-lễ :
trời đất, 138, 179, 326.
ở Văn-miếu, 252, 257, 258, 260, 269.
ở miếu Khổng-tử, 269.
tế giao (Nam-giao), 353, 364, 368, 369.
Tế-tử, 331.
Tế-vương (Hoành), 210.
Tích-Quang, 72.
Tiêm-la, 203. X. Xiêm-la.
Tiên-linh, 64.
Tiên-nông (đài), 261.
Tiên-phúc, 362.
Tiên-ty (rợ), 80, 96.

Tiền-hải, 333.

Tiền-Lưu, 161, 163.

Tiền-Lý Nam-đế (nhà), 123, 124.

Tiền-Tần (nhà), 107.

Tiền tậ :

— ban tiền :

Minh-dạo, 185.

Gia-long thông - bảo, 330.

— đúc tiền :

Thiên phúc, 175.

chì, 227, 311.

Đại-trị thông-bảo, 234.

Thuận-thiên, 250.

Diên-ninh, 255.

Thiên - minh thông - bảo, 311.

Gia-hưng thông-bảo, 324.

đỉnh bạc 1 lượng, 329.

Minh - mệnh thông - bảo, 331.

Ngự-tiền và Văn-Lý, 352.

Thành-thái, 353.

Khải-định thông-bảo, 363.

— tiền giấy, 242.

— hội nghị về tiền chính, 366.

— ngân hàng quốc-gia, 380.

Tiền-tiếp (n.h.), 128.

Tiền-Triệu (nhà), 101.

Tiền-Yên (nhà), 103, 104.

Tiết (vua), 8.

Tiết-Nhân-Quý, 139, 140.

Tiết-Tuyên, 68.

Tiết-việt, 166.

Tiêu-Diển, 118.

Tiêu Đạo-Thành, 115, 116.

Tiêu-Hoảng, 253.

Tiêu-Tur, 122.

Tiêu Thán-Chi, 118.

Tiêu-Ất, 14, 15.

Tiêu-dã đế : X. Đê-hồ Thiên-hoàng.

Tiêu-tân, 14.

Tiêu-tùng Thiên-hoàng :

X. Quang-hiếu Thiên-hoàng.

Tiêu-Vương-tử, 262.

Tiêu-Tung, 109

Tín-an vương, 145.

Tín-chỉ cục, 353.

Tín-ngưỡng :

giết nhà phượng-sĩ giỏi pháp thuật, 56.

đồng bóng, tà thuật, 62.

khiến thuật-sĩ trấn áp núi sông, 214.

phù-thủy, 223.

Tin quốc-công, 241.

Tinh-châu, 99.

Tinh-Thiền, 123.

Tĩnh-biên (phủ), 333.

Tĩnh-hải (quận), 159, 163, 173.

Tĩnh-khang (n.h.), 196.

Toa-Đô, 221.

Toại (nước), 28.

Toản-Cơ, 310.

Toba, 194.

Tóc :

Nhà Minh cấm cắt tóc, 246.

Thanh Thế-tổ hạ lệnh cắt tóc, 291.

Tô-Định, 73.

Tô Hiến-Thành, 198, 200—203.

- Tô-lich, 265.
Tô Tần, 42, 44.
Tô-Vũ, 61.
Tồ-ất (vua), 12, 13.
Tồ-canh (vua), 16.
Tồ-đinh (vua), 13, 14.
Tồ-giáp (vua), 16.
Tồ-tân (vua), 13.
Tôn Dật-Tiên, 370. X Tôn-Văn.
Tôn-Đản, 190.
Tôn-học xá, 339.
Tôn Khả-Vọng, 293.
Tôn-Quyền, 86 — 89. X. Ngô-Tôn-Quyền.
Tôn-Sách, 85, 86.
Tôn Sĩ-Nghị, 321, 322.
Tôn-Tấn, 40.
Tôn-Tư, 93.
Tôn-Tứ, 346.
Tôn Thất-Hân, 370.
Tôn Thất Hội, 323, 324.
Tôn Thất Lương, 338.
Tôn Thất-Thuyết, 351.
Tôn-Thất-Vệ, 287.
Tôn-Trình, 79.
Tôn-Văn, 360, 363, 369.
Tồn-bồn man, 254.
Tông-lăng, 357.
Tống (nhà), 110—115 (Nam-Bắc triều) ; 171—219 (Ngũ đại).
Tống Anh-tông, 188.
Tống-bình, 154.
Tống Cao-tông, 196—201.
Tống Cung-đế, 218, 219.
Tống Chân-tông, 178—182.
Tống Đoan-tông, 219.
Tống Độ-tông, 217, 218.
Tống-Giang, 195.
Tống Hiếu-tông, 201, 202.
Tống Hiếu-vũ đế, 113.
Tống Huy-tông, 193.
Tống Khâm-tông, 196.
Tống Lý-tông, 210—217.
Tống Minh-đế, 114, 115.
Tống Ninh-tông, 205—210.
Tống Nhân-tông, 182 - 187.
Tống-Nhung, 158.
Tống Phế-đế, 111.
Tống Quang-tông, 204.
Tống quốc-công, 241.
Tống Tương-công, 29, 30.
Tống Thái-tổ, 171—173.
Tống Thái-tông, 174—178.
Tống Thần-tông, 188—191.
Tống Thuận-đế, 116.
Tống Triết-tông, 191—193.
Tống Văn-đế, 111, 112.
Tống Viêt-Phúc 325.
Tống Vũ-đế, 110, 111,
Tống-vương, 110.
Tống-vương (Yên), 46.
Tông-chương (n.h.), 138.
Tsuchimikado, 205.
Tu-thư (sở), 358.
Tuân-Phiên, 99.
Tuân-Úc, 87.
Tuần-lễ, 294.
Túc-tông Hiếu-ninh hoàng-đế (Nguyễn-Phúc-Trù), 306, 308.
Túc-thận (nước), 19.
Tùng chính di quv. 354.

- Tùng-quý (n.h.), 130.
Tụng-chuyển (n.h.), 131.
Tuy-dương, 147.
Tuy-hòa (n.h.), 69, 285.
Tuy-tĩnh Thiên-hoàng, 32.
Tùy (nhà), 129—133
Tùy Cung-đế, 133.
Tùy Dạng-đế, 132, 133.
Tùy Văn-đế, 129—132.
Tuyên Chiêu-đế (Tần), 106.
Tuyên-đức (n.h.), 249, 250.
Tuyên-hòa (n.h.), 195.
Tuyên-hóa Thiên-hoàng, 122.
Tuyên-hưng, 300.
Tuyên-quang, 296, 297, 335, 345, 346, 348.
Tuyên-quang, (n.h.), 236.
Tuyên-thống (n.h.), 359.
Tuyên-vương, 24, 25.
Tur-lăng, 361, 362.
Tur-Luận-Phát, 240.
Tur-mã Chiêu, 93.
Tur-mã Quang, 191, 193.
Tur-mã Sur, 92, 93.
Tur-mã Viêm, 94.
Tur-mã Ý, 91, 92.
Tur-nghiệp, 331.
Tur-Tề, 250, 251.
Tur-Thành, 254.
Tür (nước), 19.
Tür-châu, 85, 86.
Tür-Đạt, 235.
Tür-Giai, 272.
Tür Hữu-Trinh, 256.
Tür-liêm, 50, 125, 267.
Tür-nhung, (nước), 24.
Tür-Phúc, 50.
Tür-Tiên-Chi, 111.
Tür-Tử-Đản, 21.
Tür Thế-Xương, 364, 368.
Tür Thọ-Diệu, 232.
Tür Thọ-Huy, 234.
Tür Tri-Cáo, 167, 168.
Tür-diều Thiên-hoàng, 212.
Tür-Khổ toàn thư quán, 317.
Tür-thư, 247.
Tür-Anh, 52.
Tür-Chi, 44.
Tür-Đôi, 28.
Tür-Tur, 189.
Tự-thánh (n.h.), 140.
Tức-mặc, 210, 216.
Tương (vua), 6 ; (đất), 12, 13.
Tương-dương, 218 ; (phủ), 334.
Tương-Phản, 217.
Tương-vương (Chu), 29 - 31 ; (Tề), 45, 46.
Tướng - giới - Thạch, 370, 372, 373, 375, 378.
Tướng-Uyển, 90.
Tượng-lâm, 78, 80.
Tượng-quận, 49, 51.
Tỷ-Can, 18.
- TH**
- Tha-nga Thiên-hoàng, 153.
Thác-bạc Khuê, 106.
Thạch-Đái, 60.
Thạch-Đạt-Khai, 343, 344.
Thạch-đức-bát-lạt, 227.
Thạch-hà (châu), 180.

- Thạch-Hanh, 256.
Thạch-Hoảng, 101.
Thạch-Hồ, 101, 103.
Thạch Kinh-Đường, 167, 168.
Thạch-Kỳ, 103.
Thạch-Lặc, 99, 100, 101.
Thạch-lâm châu, 251.
Thái-bình (lầu), 366.
— (n.h.), 93.
— — 173, 174 (VN).
Thái-bình hưng-quốc (n.h.),
174, 175.
Thái-bình Thiên-quốc, 341.
Thái-canh (vua), 11.
Thái-cực (n.h.), 143.
Thái-châu, 153.
Thái-dự (n.h.), 115.
Thái-đỉnh, 10, 16, 17.
Thái-đỉnh (n.h.), 227, 228.
Thái-đức (n.h.), 318.
Thái-gia-cảng, 246.
Thái-Giáp, 10, 11.
Thái-hậu (Triệu), 60.
Thái-hòa (n.h.), 89
— — — 102 (Thục-Hán)
— — — 105 (Tấn).
— — — 155 (Đường)
— — — 254, 255 (VN).
— — (điện) 327, 335, 368.
Thái-học, 260, 320.
Thái-kiến, (n.h.), 127.
Thái-Kinh, 158, 193, 194.
Thái-Khang (vua), 5; (n.h.);
96 (doanh), 293.
Thái-lan. 370.
Thái-miếu, 324, 368.
Thái-ninh (n.h.), 100.
— — — , 189 (VN).
Thái-Ngạc, 361.
Thái-nguyên (n.h.), 92 (Ngô).
— — — , 106 (Tấn).
— — (đất), 24, 133 (TQ);
281, 282, 284, 309, 311, 340,
346 (VN),
Thái-phổng.—sử, 145; chức—,
297.
Thái-sơ (n.h.), 61.
Thái-sơn, 60, 138, 179.
Thái-Tập, 158.
Thái-tổ Gia dụ Hoàng đế, 271,
276, 277, 281 — 284. X.
Nguyễn-Hoàng.
Thái-tông Hiếu triết hoàng đế
(Nguyễn-Phúc Tần), 291 —
293, 297, 298.
Thái-thanh (n.h.), 124.
Thái-thủy (n.h.), 61 (Hán).
— — — 94, 95 (Tấn).
— — — 114, 115 (Tống).
Thái-trình (n.h.), 263.
Thái-xương (n.h.), 286.
Tham-chính (viện), 361.
Thang (vua), 9, 10.
Thang-Hòa, 240, 241.
Thanh (nhà), 291—359.
Thanh Cao-tông, 308—323.
Thanh-châu, 316.
Thanh-đàm, 274.
Thanh Đức-tông, 348—358.
Thanh-hà. 310

- Thanh-hoa, 286, 309, 316.
Thanh-hòa Thiên-hoàng, 157.
Thanh-hóa, 215, 237, 240, 242, 265, 267, 269, 270, 273, 275, 278, 283, 314, 315, 326, 330, 332, 334, 357, 369.
Thanh-lâm, 281.
Thanh-liêm (huyện), 175.
Thanh-long (n.h.), 91.
Thanh Mục-tông, 343 - 347.
Thanh-ninh Thiên-hoàng, 116.
Thanh Nhân-tông, 324 — 331.
Thanh Tuyên-tông, 331 — 339.
Thanh Tuyên-thống, 359.
Thanh-thái (n.h.) 167.
Thanh Thánh-tổ, 295 — 306.
Thanh Thế-tổ, 291 — 293.
Thanh Thế-tông, 306 — 308.
Thanh Văn-tông, 340 — 342.
Thành-cát-tư-hãn, 211, 219.
Thành-đô, 87, 98, 233.
Thành-hóa (n.h.), 257 — 261.
Thành-sur, 26.
Thành-vũ đế, 107.
Thành-vụ Thiên-hoàng, 80.
Thành-vương, 19, 20.
Thánh-đức (n.h.), 135.
Thánh-lịch (n.h.), 142.
Thánh-nguyên (n.h.), 243.
Thánh-tổ Nhân hoàng đế (Minh-mạng), 322, 331 — 336.
Thánh-vũ Thiên-hoàng, 144.
Thao-giang, 192, 215.
Thất-đất, 244 — 246, 256, 260.
Thất-Hoan, 220, 221.
Thăng (châu), 244.
Thăng-long (thành), 180, 181, 200, 272, 280, 281, 321, 326.
Thăng-minh (n.h.), 116.
Thăng (công-tử), 45.
Thăng-chiếu (n.h.), 128.
Thâm-thảo đế : X. Nhân-minh Thiên-hoàng
Thâm-dương, 286.
Thâm-Thực-Kỳ, 55.
Thân (đất), 25.
Thân chinh ký sự, 261.
Thân-hầu, 22.
Thân-Lợi, (giặc), 198.
Thân-minh đình, 365.
Thân-Nhân-Trung, 261.
Thân-Thiệu-Thái, 183.
Thân-Văn-Dịch, 345.
Thân-Văn-Quyền, 336.
Thần-công (n.h.), 142.
Thần-công Hoàng-hậu, 86.
Thần-hổ, 11.
Thần-hộ Cảnh-vân (n.h.), 148.
Thần-long (n.h.), 143.
Thần-nông, 1.
Thần-phụng (n.h.), 92.
Thần-quy (n.h.), 120.
— — — 144 (NB).
Thần-tước (n.h.), 64, 65.
Thần-vũ (n.h.), 188, 189.
Thần-vũ Thiên-hoàng, 28.
Thận-đức (n.h.), 283.
Thận-tĩnh-vương, 43, 44.
Thế-miếu, 354, 366.
Thế-tổ Cao Hoàng-đế, 314, 319.
320—330. X. Gia-long.

- Thế-tông Hiếu vũ hoàng-đế
(Nguyễn-Phúc-Khoát), 309 —
314.
- Thi-nại, 322, 323, 325, 348.
- Thi-Ngân, 299.
- Thi-Sách, 73.
- Thi-vi (họ), 9.
- Thị-dã, 325.
- Thích-cơ, 54.
- Thích-Kế-Quang, 275, 276.
- Thiền-tây, 241, 271, 289, 373.
- Thiền-Cơ, 249.
- Thiền-an (n.h.), 157.
- Thiền-bảo (n.h.), 145, 146.
— — 334 (NB).
- Thiền-bình (n.h.), 145.
- Thiền-bình Bảo-tự (n.h.), 147.
- Thiền-bình Cẩm-bảo (n.h.), 146.
- Thiền-bình Thăng-bảo (n.h.),
146.
- Thiền-bình Thần-hộ (n.h.), 148.
- Thiền-cảm Chí-bảo, (n.h.), 202.
- Thiền-cảm Thánh-vũ (n.h.),
185, 186.
- Thiền-chính (n.h.), 277.
- Thiền-chương Bảo-tự (n.h.),
197, 198.
- Thiền-chương Hữu-đạo, (n.h.),
209.
- Thiền-diên (n.h.), 173.
- Thiền-duỡng (n.h.), 199.
- Thiền-đức (n.h.), 123, 124.
— — — 171 (NB).
- Thiền-gia (n.h.), 126.
- Thiền-gia Bảo-hựu (n.h.), 206.
- Thiền-giám (n.h.), 118.
- Thiền-hán (n.h.), 61.
- Thiền-hóa (n.h.), 119.
- Thiền-huống Bảo-tượng (n.h.),
188 (VN).
- Thiền-hưng (n.h.), 256.
- Thiền-hựu (n.h.), 163, 273.
- Thiền-hy (n.h.), 181.
- Thiền-hỷ (n.h.), 187.
- Thiền-kỷ (n.h.), 95.
- Thiền-khải (n.h.), 286, 287.
- Thiền-khang (n.h.), 127.
- Thiền-khánh (n.h.), 167 (NB).
— — 249 (VN).
- Thiền-lich (n.h.), 170 (NB).
— — — 227.
- Thiền-lộc (n.h.), 173.
- Thiền-lý-cù, 243, 312.
- Thiền-minh (n.h.), 319.
- Thiền-mụ (chùa), 283.
- Thiền nam dư hạ tập*, 261.
- Thiền-nguyên (n.h.) 174 (NB).
— — 238.
- Thiền-nhân (n.h.), 194.
- Thiền-phù Duệ-Vũ (n.h.), 195,
196.
- Thiền-phù Khánh-thọ (n.h.),
196.
- Thiền-phúc (n.h.), 168.
— — — 174 (VN).
— — — 212 (NB).
- Thiền-phục (n.h.), 162, 163.
- Thiền-phụng (n.h.), 70.
- Thiền-quan, 277, 280.
- Thiền-sách (n.h.), 95.
- Thiền-sách Vạn-tuế (n.h.), 142.
- Thiền-sách vương, 170

- Thiên-tân, 342, 346.
Thiên-tộ (n.h.), 167.
Thiên-tổng Cao-thiệu Thiên-
hoàng : X. Quang - nhân
Thiên-hoàng.
Thiên-tư gia-thụy (n.h.), 204,
205.
Thiên-tỷ (n.h.), 95.
Thiên-thành (n.h.) :
182, 183 (VN).
166, 167.
Thiên - thánh (n.h.), 182, 183
Thiên-thụ (n.h.), 141,
— — — 237 (NB).
— — (lăng), 318.
Thiên-thuận (n.h.), 197 (VN)
— — — 228 (Nguyên).
— — — 256 (Minh),
Thiên-thư, 179.
Thiên-thừa (n.h.), 197.
Thiên-trì Thiên-hoàng, 138.
Thiên-trị (n.h.), 196.
Thiên-trúc, 75,
Thiên-trường, 228.
— — (n.h.), 154 (NB).
— — — 216 (VN).
Thiên-ưng (n.h.), 119.
Thiên-ưng Chính-bình (n.h.),
211—214.
Thiên-văn, 230.
Thiên-vĩnh (n.h.), 194.
Thiên-vũ Thiên-hoàng, 139.
Thiên-vu đài, 60.
Thiện-chính (n.h.), 124.
Thiện-Siêu, 82.
Thiếp-mộc-nhi, 235; Cồ-tư —,
238; Kha —, 246;— Thỏa-
hoan—, 229; Yên —, 228.
Thiếp-mộc-nhĩ, 243 ; Đồ —,
227, 228.
Thiết-mộc-chân, 207, 219.
Thiết-mộc-nhĩ, 222.
Thiết-Thất, 227.
Thiền-Huống, 335.
Thiếu-hạo (vua), 2.
Thiếu-Khang, 6, 7.
Thiếu-Quý (An-quốc), 60.
Thiệu-bảo (n.h.), 219 — 220.
Thiệu-bình (n.h.), 251 — 253,
Thiệu-công, 23.
Thiệu-hưng (n.h.), 197 — 201.
Thiệu-hy (n.h.), 204, 205.
Thiệu Khang-công, 20.
Thiệu-khánh(n.h.), 236.
Thiệu-long (n.h.), 215 — 218.
Thiệu-minh (n.h.), 198.
Thiệu Mục-công, 24.
Thiệu-phong (n.h.), 230 — 233.
Thiệu-thái (n.h.), 125.
Thiệu-thành (n.h.), 243.
Thiệu-thánh (n.h.), 192, 193.
Thiệu-trị (n.h.), 337, 338.
Thiệu-Ung, 190.
Thịnh-đức (n.h.), 293.
Thọ-vĩnh (n.h.), 203.
Thọ-xuân, 86.
Thoát Thoát, 230, — 233.
Thổ bình, 282.
Thổ-lỗ-phiên, 259, 261.
Thổ-Mặc-Đặc [Tümet], 279.

- Thổ-ngự-môn Thiên-hoàng, 205
Thổ-phiên (Tây-tạng), 136, 138,
139, 142, 148, 150, 151, 155,
188, 215.
Thôn-thụ (n.h.), 184.
Thôn-thượng Thiên-hoàng, 169.
Thống-nguyên (n.h.), 268.
Thu-chân, 278.
Thu Quang, 165.
Thu-Vật, 253.
Thuần-hòa Thiên-hoàng, 154.
Thuần-hóa (n.h.), 176, 177.
Thuần-hựu (n.h.), 213, 214.
Thuần-hy (n.h.) 202, 203.
Thuần-nhân Thiên-hoàng, 147.
Thuần-thân vương, 358, 359.
Thuấn (vua), 3, 4.
Thuận-an, 329, 315.
Thuận-châu, 224, 258.
Thuận-đế, 79, 80, 81.
Thuận-đức, (n.h.), 289.
Thuận-đức Thiên-hoàng, 208.
Thuận-hóa, 237, 249, 252, 272,
274, 276, 277, 280, 283, 317,
318, 321.
Thuận-mối, 253.
Thuận-thành (trấn) 301 ; (phủ),
335.
Thuận-thiên (n.h.) :
180 — 183 (Lý-Thái-tổ, V N).
220, 251 (Lê-Thái-tổ, V N).
Thuận-trị, (n.h.) 291.
Thục (TQ), 44, 72, 73, 91, 93,
94, 98, 101, 103 ;
(VN), 47 — 52 ; 109,
164 — 166, 172.
Thục-Hán, 102.
Thục-vương, 71.
Thước má, 149, 180, 230, 246,
252, 265.
— ruộng, 164, 243.
— tờ, 181, 306, 368.
— quân thuế, 189, 318.
— quan coi đốc thúc, 236.
— đình, 238, 365.
— thương thuyền, 243, 328.
— muối, 247, 305, 355.
— đồng, 305.
— quế, 305, 363.
— sưu dịch, 306.
— tơ lụa, 306.
— nha phiến, 344.
— thương chính, 353, 354.
Thùy-củng (n.h.), 140, 141.
Thùy-nhân, 67, 69.
Thủy-nguyên (n.h.) :
62, 63 (Hán).
111 (Nguy).
Thủy-xá, 312.
Thư-minh Thiên-hoàng, 135.
Thư-viện, 278, 357, 359, 368.
Thứ-sử giao-châu : X Giao-
châu thứ-sử.
Thừa-an (n.h.), 202.
Thừa-bảo (n.h.), 189.
Thừa-bình (n.h.), 167.
Thừa-cử (n.h.), 209.
Thừa-đức (n.h.), 193.
Thừa-hòa (n.h.), 155.
Thừa-nguyên (n.h.), 207.
Thừa-thánh (n.h.), 124, 125.
Thừa-thiên, 332, 335.

Thừa-ưng (n.h.), 293.
Thực-lục chính biên, 351, 355, 359.
 Thương (nhà), 10 — 14 ; (giặc),
 312.
 Thương-đế, 78.
 Thương-hải (bộ), 58.
 Thương-hầu, 6.
 Thương-Khâu, 6.
Thương-mại :
 thương khẩu, 341,
 học khai thương, 350.
 buôn bán mặt biển, 348.
 Thương-Ngô vương (Tống), 115
 Thường-Ngô Xuân, 235, 236.
 Thượng-an-quyết, 267.
 Thượng Chi-Tín, 298.
 Thượng-dò, 228.
 Thượng Khả-Hỷ, 298.
 Thượng-lộ, 310.
 Thượng-nguyên (n.h.) :
 139 (Đường Cao-tông).
 147 (Đường Túc-tông).
 Thượng-quan (họ), 63.

TR

Trà-sơn, 337, 342.
 Trà-Toại, 259.
 Trà-Toàn, 259.
 Trác-quận, 171.
 Trang-Định vương, 241.
 Trang Tương-vương, 48.
 Trang-vương, 27, 28.
 Trần (nhà), 210 — 242, 245,
 246 (VN).
 Trần (nhà), 127, 130 (TQ).

Trần Anh-tông, 222—225.
 Trần Bá-Tiên, 123.
 Trần Bá-Tôn, 127.
 Trần-Bình, 55.
 Trần Bình Trọng, 220.
 Trần-Cảnh, 210.
 Trần-Cao, 266.
 Trần-Cổ, 203.
 Trần-Công-Linh, 265.
 Trần-Chân, 266.
 Trần Danh-Lâm, 311.
 Trần Dụ-tông, 230—236.
 Trần Duệ-tông, 237.
 Trần-Dụng-Tân, 281, 282.
 Trần-Dur, 53.
 Trần Đề-Ngôi, 245.
 Trần Đế-Nghiễn, 238, 239.
 Trần Đình-Miên, 309.
 Trần Đình-Sâm, 238.
 Trần Đình-Túc, 343, 345, 350.
 Trần-Đoàn, 175.
 Trần-Đức-Hòa, 287.
 Trần Giản-định vương, 245.
 Trần-Hãn, 249.
 Trần Hậu-chúa, 129, 130.
 Trần Hiến-tông, 228 — 230.
 Trần-Hiệp, 249.
 Trần Hoàng-Chi, 153.
 Trần-Huy-Sách, 344.
 Trần Hữu-Lượng, 234.
 Trần Kỳ-Du, 288.
 Trần Khánh-Dur, 221.
 Trần Khát-Chân, 240, 242.
 Trần Khắc-Chung, 224.
 Trần-Lý, 207.
 Trần Minh-tông, 226 — 228.

- Trần Nguyên-Đán, 239.
Trần Nguyên-Hăng, 212.
Trần Nguyệt-Hồ, 245.
Trần Nghệ-tông, 236, 237, 241.
Trần Nhân-tông, 219 — 222.
Trần Nhuận-Kinh, 213.
Trần Nhật-Duật, 219, 221, 223, 228.
Trần Phế-đế, 127.
Trần-Phiên, 83.
Trần Quang-Diệu, 323.
Trần Quang-Khải, 216, 220, 222.
Trần Quý-Khoách, 245, 246.
Trần-Tân, 348.
Trần Tiên-Kỳ, 150.
Trần Tiễn-Thành, 345.
Trần-Tuân, 265.
Trần Tuyên-đế, 127.
Trần Thái-tông, 210 — 212.
Trần-Thang, 67.
Trần Thánh-tông, 215 — 219.
Trần-Thăng, 267.
Trần Thế Hưng, 235.
Trần Thiêm-Bình, 244.
Trần Thiếu-đế, 242.
Trần Thủ-Độ, 209, 210, 217.
Trần Thuận-đế, 240 — 242.
Trần Thuận-tông, 242.
Trần-Thừa, 209,
Trần-Trí, 248.
Trần Trung Lập, 374.
Trần Văn-đế, 126, 127.
Trần Văn-Hữu, 378.
Trần Văn Soái, 380.
Trần Vũ-đế, 125.
Trần-biên, 319, 327, 333.
Trần-bình đài, 352.
Trấn-dịnh, 327.
Trấn-hải-đài, 329.
Trấn-man (phủ), 333.
Trấn-nam đô hộ phủ, 146, 148.
Trấn-nam-quan, 282.
Trấn-ninh, 297, 316, 333, 334, 335.
Trấn-tây (thành), 335 — 338.
Trấn-vĩnh, 327.
Trâu-dịch (núi), 50.
Trẻ (đất), 23.
Trẻ-nguyên (châu), 183.
Tri-thống Thiên-hoàng, 141.
Tri-Bá, 36.
Tri-an (n.h.), 181.
Tri-bình (n.h.), 188.
Tri-bình Long-ứng (n.h.), 206, 207.
Tri-lich (n.h.), 188.
Tri-thừa (n.h.), 203.
Triệt, 57.
Triều Phúc, 301.
Triều-tiên :
vua Cơ-chuẩn (Ki-jun) dòng
dôi Cơ-tử (Ki-ja), 54.
Vệ-mẫn (Wi-man) nước Yên
sang đuổi Cơ-chuẩn tự lập
làm vua, 54.
Hán Vũ-đế bình định TT đặt
ra 4 quận, 60.
Cơ-hanh (Ki-huyng), 63.
Đông-Hán phong U-cừu-bôn
lên làm vua, 74.
Xem: Bách-tế, Cao-câu-ly,
Tân-la, Cao-ly.

- Thái-tổ Khang-hiến vương
(Lý Thành-Quế), 241.
- Định-tông Cung-tĩnh vương,
243.
- Thái-tông Cung-định vương,
243.
- Thế-tông Trang-hiến vương,
248.
- Văn-tôn Cung-thuận vương,
255.
- Đoan-tôn Cung-ý vương, 255.
- Thế-tổ Huệ-trang vương, 256
- Duyệt-tông Tương-diệu vương,
258.
- Thành - tông Khang - tĩnh
vương, 259.
- Yên-sơn quân, 262.
- Trung-tông Cung-hy vương,
264.
- Nhân-tông Vinh-tĩnh vương,
271.
- Minh-tông Cung-hiến vương,
271.
- Tuyên-tổ Chiêu-kính vương,
276.
- Quang-hải quân, 284.
- Nhân - tổ Hiến - văn vương,
287.
- đầu hàng Mãn-châu, 288.
- đầu hàng nhà Thanh, 289.
- Hiếu-tông Tuyên-văn vương,
292.
- Hiền-tông Chiêu-huơu vương,
294.
- Tức-tông Hiền-vương, 297.
- Cảnh-tông Đức-văn vương,
306.
- Anh-tông Chí-hạnh vương,
306.
- Chính-tông Văn-thành vương
318.
- Thuần-tổ Uyên-đức vương,
325.
- Hiền-tông Thế-kiện vương,
336.
- Triết-tông Hy-luân vương,
339.
- Lý-Hy lên ngôi, 344.
- Kim-Ngọc-Quân làm loạn bị
đẹp, 351.
- bị nội-loạn, khai chiến với
Nhật, hải-lục quân bị thua,
354.
- vua TT xưng là Hoàng-đế
Đại-Hàn, 355.
- bị Nhật-bản diệt, 359.
- Xem : Mãn-châu.
- Triệu (nước), 40, 42—46, 49,
53 ; (nhà), 52—60 ; 127.
- Triệu Ai-vương, 60.
- Triệu-Cao, 52.
- Triệu - Đà, 51, 52. X. Triệu
Việt-vương.
- Triệu Đức-Minh, 183.
- Triệu-Khánh, 291.
- Triệu-Khuôn-Dận, 171.
- Triệu-lăng, 29.
- Triệu Minh-vương, 59, 60.
- Triệu Nguyên-Hạo, 185.
- Triệu Nhữ Ngụ, 205.

- Triệu Quang-Nghĩa, 174.
Triệu Quang-Phục, 124.
Triệu Sung-Quốc, 64.
Triệu-Tịch, 38.
Triệu-tổ Tĩnh hoàng-đế, 269, 270, 271. X. Nguyễn-Kim.
Triệu-Túc, 123, 124.
Triệu Tương-tử, 37.
Triệu-tường, 357.
Triệu-văn-Hoa, 273.
Triệu Văn-vương, 58, 59.
Triệu Vệ-dương-vương, 60.
Triệu Việt-vương, 124 127.
X. Triệu Đà.
Triệu Vô-Tuất, 36.
Triệu Vũ, 58.
Triệu Vũ-đế, 52—58.
Triệu-vương (đời chu), 45.
— — (Như ý), 54.
— — (Thạch-Lặc), 100.
Triệu-vương-Luân, 97.
Triệu-Xương, 151, 152.
Trinh-định-vương, 36.
Trinh-đức (n.h.), 209.
Trinh-hạnh (n.h.), 299.
Trinh-hòa (n.h.), 231.
Trinh-minh (n.h.), 130 (Trần).
— — , 165 (Lương).
Trinh-nguyên (n.h.), 150—152.
Trinh-phù (n.h.), 203, 204.
Trinh-quan (n.h.), 157.
Trinh-quán (n.h.) 134—137.
Trinh-tử (Khản), 81.
Trinh-trị (n.h.), 234.
Trinh-vĩnh (n.h.), 211.
Trình Di, 194.
Trịnh (nước), 26—28, 30.
Trịnh-Bách, 299.
Trịnh-Cán, 319, 320.
Trịnh-Cát, 64, 65.
Trịnh-Căn, 293, 294, 297, 297, 299, 302, 303.
Trịnh-Cối, 276.
Trịnh-Cương, 302—307.
Trịnh-Chi-Long, 288.
Trịnh-Chiếu, 318.
Trịnh-Chú, 155.
Trịnh Doanh, 308—310, 312—315.
Trịnh Duy-Sản, 265.
Trịnh-Đệ, 316.
Trịnh-Đống, 295.
Trịnh-Giang, 284, 305, 307—309, 314.
Trịnh-Hàng, 178.
Trịnh Hoài-Đức, 332.
Trịnh Hoàn-công, 25.
Trịnh Kiểm, 270, 271, 273, 274, 276.
Trịnh Kiều, 287, 295.
Trịnh-Kinh, 297—299.
Trịnh-Kính, 309.
Trịnh-Khải, 319, 320.
Trịnh-Lịch, 290, 291.
Trịnh-Liêm, 295.
Trịnh-Mô, 277.
Trịnh-Phúc, 332.
Trịnh-Sản, 266.
Trịnh-Sâm, 313—315, 317—319.
Trịnh-Sầm, 291.
Trịnh-Tạc, 290—297, 299.

- Trịnh - Tùng, 273, 276 — 280, 283, 286.
Trịnh-Tuy, 266—268.
Trịnh Thành-công, 294, 295.
Trịnh-Tráng, 282, 285, 287—290, 292, 293.
Trịnh-Trượng, 293.
Trịnh-Xuân, 285.
Trọng-ai Thiên-hoàng, 85.
Trọng-dinh (vua), 12.
Trọng-hòa (n.h.), 195.
Trọng-Khang, 5, 6.
Trọng-Thủy, 58.
Trụ (vua), 17, 18.
Trụ-dồng, 73, 141, 218, 231.
Trung-bình (n.h.), 84.
Trung-đại-dồng (n.h.), 123.
Trung-đại-thông (n.h.), 121.
Trung-hoa Dân-quốc, 360—369.
Trung-hòa (n.h.), 160.
Trung-hưng (n.h.), 118.
Trung-nguyên, 102, 128, 235,
— — (n.h.), 57, 74.
Trung-ngũ-môn Thiên-hoàng, 304.
Trung-ngĩa (đền), 338.
Trung-sơn (đất), 37 ; (nước), 45.
Trùng-hưng (n.h.), 220—222.
Trùng-quang (n.h.), 245, 246.
Trùng-Quý, 169.
Trữ (vua), 7.
Trực Bất-nghi, 57.
Trung-Nhị, 73.
Trung-Trắc, 73.
Trung-vương. X. Trung-Trắc.
Trùng (Hoàng-tử), 242, 243,
Trương-Bá-Nghị, 148.
Trương Cách-Nhĩ, 332, 333.
Trương-Cur-Chính, 275, 277.
Trương-Chu, 152.
Trương-Duyệt, 161.
Trương-Đăng-Quế, 336, 338.
Trương-Hán-Siêu, 230, 232.
Trương-Hiến-Trung, 288, 290, 291.
Trương-Hoán, 82.
Trương-Học-Lương, 373.
Trương-Hoảng-Phạm, 219.
Trương-Huân, 363.
Trương-Kiều, 80.
Trương-Kinh, 273.
Trương-Khiên, 59.
Trương-Lương, 51,
Trương-Lương-Bật, 235
Trương-Minh-Giảng, 335.
Trương-Nghị, 43, 44.
Trương-Nhân, 158.
Trương-Phụ, 246, 247.
Trương Phúc-Giáo, 328.
Trương Phúc-Loan, 315.
Trương Phúc-Phấn, 288,
Trương Quang-Thủ, 348.
Trương Quảng-Tử, 309.
Trương Quốc-Dụng, 344.
Trương-Sai, 285.
Trương Sĩ - Thành, 232, 233, 235.
Trương-Tải, 190.
Trương-Tân, 86.
Trương Tấn-Bửu, 329.
Trương-Tuần, 147.
Trương-Tuấn, 201.

Trương-Thang, 58.
Trương Trọng-Vũ, 156.
Trương-Ủy, 99.
Trương-Vũ, 68.
Trương-an, 54, 85, 99, 100, 110,
133, 148, 160, 162, 163, 279,
280.
Trương - an (n.h.), 142.
— môn, 368.
Trương-bảo (n.h.), 178.
Trương-Cơ, 274.
Trương-cửu (n.h.), 185.
Trương-diễn lăng, 285.
Trương-dục (lũy), 288.
Trương-hạnh (n.h.), 261.
Trương-hòa (n.h.) 180.
Trương-hưng (n.h.), 167.
Trương-hưng lăng, 292.
Trương-khánh (n.h.), 154.
Trương - khánh Thiên - hoàng,
235.
Trương-khoan (n.h.), 201.
Trương-lich (n.h.), 184.
Trương-lục (n.h.), 256.
Trương-mậu (lăng), 300.
Trương-ninh cung, 368.
Trương-nguyên (n.h.), 182.
Trương-phong (lăng) 306.
Trương-sa, 55.
Trương-sa vương, 97.
Trương-sinh cung, 368.
Trương-sinh môn, 368.
Trương-thái (lăng), 309.
Trương-thanh (lăng), 300.
Trương-thành 79, 132; (đất),
51, 60.

Trương-thiệu (lăng), 315.
Trương-thọ (n.h.), 141.
Trương-thừa (n.h.), 197.
Trương-trị (n.h.), 193.

U

U-châu, 99, 166.
U-vương, 25.
Uda, 161.
Ung-châu, 160, 186, 190.
Ung-chính (n.h.), 306 — 308.
Ung-hy (n.h.), 175, 176.
Uông-Quảng-Dương, 238.
Uông-Trực, 260, 274.
Uy (oa) - kinh (n.h.), 131.
Uy-liệt-vương, 37, 38.
Ứng-bảo (n.h.), 201.
Ứng-đức (n.h.), 191.
Ứng-hòa (n.h.), 171.
Ứng-nhân (n.h.), 258.
Ứng-phong, 196.
Ứng-thần Thiên-hoàng, 95.
Ứng-thiên (n.h.), 177.
Ứng-thiên phủ, 181.

V

Vạn-diên (n.h.), 342.
Vạn-kiếp, 220, 221.
Vạn-khánh (n.h.), 294.
Vạn-lại (sách), 271.
Vạn-lich (n.h.), 277 — 279.
Vạn-tuế Thông-thiên (n.h.), 142.
Vạn-tượng, 331, 333, 334.
Vạn-thọ (điện), 123.
— — (n.h.), 182.

- Văn-an (n.h.), 254.
 Văn-bảo (n.h.), 226.
 Văn-cửu (n.h.), 343.
 Văn-châu, 185.
 Văn-chính (n.h.) :
 258 (NB).
 330 (NB).
 Văn-Đình-Úc, 311, 312.
 Văn-Đức-Khuê, 344.
 Văn-đức Thiên-hoàng, 157.
 Văn-hóa (n.h.), 326.
 Văn-Hoàn-đế (Hậu-Tần), 110.
 Văn-lan (châu), 281.
 Văn-lang, 1, 47.
 Văn-lịch (n.h.), 212.
 Văn-lộc (n.h.), 281.
 Văn-miếu, 189, 246, 252, 257,
 258, 301, 313, 327, 340,
 Văn-minh (n.h.), 258.
 Văn-Ngạn-Bác, 187.
 Văn-nguyên (n.h.), 309.
 Văn-quy (n.h.), 263.
 Văn-Thiên-Tường, 219, 220.
 Văn-trị (n.h.), 204.
 Văn-trung (n.h.), 237.
Văn-Uyển tục-biên, 365.
 Văn-vĩnh (n.h.), 217.
 Văn-vũ Thiên-hoàng, 142.
 Văn-đồn (trạng), 199, 221, 232.
 Văn-nam, 226, 233, 293, 347.
 Vệ-Thanh, 58.
 Vệ-Uởng, 39—41.
 Vệ-vương, 219.
 Vi-Bá, 13.
 Vi-Cao, 151.
 Vi-hậu, 143.
 Vi-Huyền-Thành, 65.
 Vi-tử, 18.
 Vi-Trụ, 158.
 Vị-long, 180.
 Viêm-hưng (n.h.), 94.
 Viên-dung Thiên-hoàng, 173.
 Viên-Đàm, 86.
 Viên-Khâu (đàn), 200.
 Viên-Sùng-Hoán, 288.
 Viên-Thế-Khải, 360—362.
 Viên-Thiệu, 86.
 Viên-Thuật, 85.
 Việt (đất), 7, 50; (nước), 36, 42.
 Việt-minh (mặt trận), 374.
 Việt-Nam, 326.
 Việt-Nam cách mạng đồng minh
 hội, 374.
 Việt-Nam quốc-dân đảng, 370,
 372.
Việt-sử tổng vịnh, 349.
Việt-thường thị cấm thảo, 19.
 Vĩnh-an (n.h.), 93.
 — — — 317, (NB).
 Vĩnh-bảo (n.h.), 191.
 Vĩnh-bình (n.h.) :
 75 (Đông-Hán).
 119 (Ngụy).
 161 (Thục).
 Vĩnh-cửu (n.h.), 194.
 Vĩnh-chính (n.h.) 263.
 Vĩnh-diên (n.h.), 176.
 Vĩnh-định (n.h.), 125, 126.
 — — 271 (VN).
 Vĩnh-đức (n.h.), 239.
 Vĩnh-gia (n.h.), 81, 98, 99.

- Vĩnh-hanh (n.h.), 250.
 Vĩnh - hòa (n.h.) : 80, 81
 (Đông-Hán); 102 - 104 (Tấn).
 Vĩnh-huy (n.h.), 137.
 Vĩnh-hưng (n.h.), 82, 97, 98 ;
 109.
 Vĩnh-hựu (n.h.), 308.
 Vĩnh-hy (n.h.), 96.
 Vĩnh-kiến (n.b.), 79, 80.
 Vĩnh-khang (n.h.), 83, 97.
 Vĩnh-khánh (n.h.), 307.
 Vĩnh-lạc [Yong-lo] (n.h.), 244,
 245.
 Vĩnh-lịch (n.h.), 201.
 Vĩnh-lịch đế, 291 - 295.
 Vĩnh-long 342, 343, 345 - 347 ;
 (n.h.), 139.
 Vĩnh-lộc (n.h.), 274.
 Vĩnh-minh (n.h.), 116.
 Vĩnh-ninh (n.h.), 79 (Đông-
 Hán) ; 97 (Tấn).
 Vĩnh-nguyên (n.h.) :
 77, 78 (Đông-Hán).
 118 (Tề).
 Vĩnh-nhân (n.h.), 222.
 Vĩnh-phụng (n.h.), 98.
 Vĩnh-quan (n.h.), 175,
 Vĩnh-quang (n.h.), 66.
 Vĩnh-sơ (n.h.), 78 (Đông-Hán).
 — — — 110, 111 (Tống).
 Vĩnh-tế (sông), 331.
 Vĩnh-tộ (n.h.), 176 (NB).
 — — — 286—288 (VN).
 Vĩnh-thái (n.h.), 118 (Tề),
 — — — 148 (Đường).
 Vĩnh-thanh, 327.
 Vĩnh-thịnh (n.h.), 303—305.
 Vĩnh-thọ (n.h.), 82.
 — — — 293, 294 (VN).
 Vĩnh-thuần (n.h.), 140.
 Vĩnh-thủy, (n.h.), 68.
 Vĩnh-Thụy, 370.
 Vĩnh-thừa (n.h.), 186.
 Vĩnh-trấn (n.h.), 263,
 Vĩnh-trị (n.h.), 199. (NB).
 — — — 297 (VN).
 Vĩnh-trinh (n.h.), 152.
 Vĩnh-trường (n.h.), 192.
 Vĩnh-vạn (n.h.), 201.
 Vĩnh-xương (n.h.), 100 (Tấn).
 — — — 141 (Đường).
 Võ-Tánh, 323—325.
 Võ-Trường-Toản, 340.
 Vọng-các (thành), 320.
 Vô-dur, 7.
 Vô-ky, 46.
 Vu Định-Quốc, 64.
 Vu-Khiêm, 256.
 Vũ (vua), 4, 18, 19.
 Vũ-ất (vua), 16.
 Vũ-canh, 19.
 Vũ-Công-Kỷ, 278.
 Vũ-Công-Tề, 310.
 Vũ-Công-Tuấn, 297.
 Vũ Chiêu-đế, 107.
 Vũ-Duyệt, 296.
 Vũ-Duy-Ninh, 342.
 Vũ-Đái, 199.
 Vũ-đinh (vua), 14—16.
 Vũ-đức (n.h.), 133, 134.
 Vũ-Đức-Cung, 283.

Vũ-hậu, 137 — 142.
Vũ-học-đường, 345.
Vũ-Hồn, 156.
Vũ-lăng, 74.
Vũ-lăng-vương, 113.
Vũ liệt Thiên-hoàng, 118.
Vũ-miếu, 336.
Vũ-Nguyên-Hoành, 153.
Vũ-Quỳnh, 265.
Vũ-Sur-Thước, 274.
Vũ-Tảo, 343.
Vũ-thành (n.h.), 164.
Vũ-Trác-Oanh, 310.
Vũ-Trọng-Bình, 346.
Vũ-Văn-Bảo, 352.
Vũ-Văn-Dũng, 323.
Vũ-Văn-Giác, 125.
Vũ-Văn-Giải, 338.
Vũ-Văn-Hộ, 126.
Vũ-Văn-Thái (Tây-Ngự), 123, 125.
Vũ-vương, 17, 18.
Vũ-Xuân-Cần, 337, 339.
Vũ-xương, 290, 300, 340, 359.
Vương-An-Thạch, 188, 190.
Vương-Cảnh-Văn, 115.
Vương-Cung, 108.
Vương-Chính-Đình, 365.
Vương-Chương, 68.
Vương-Diễn, 166.
Vương-Đạc, 160.
Vương-Đán, 181.
Vương-Đạo, 100.
Vương-Đắc-Lộc, 328.
Vương-Đôn, 100.

Vương-Huy, 111.
Vương-Hưu-Phạm, 115.
Vương-Kiến, 161, 164, 165.
Vương-Kỷ, 252, 253.
Vương-Khâm-Nhược, 181.
Vương-Khoan, 158.
Vương-Luân, 317.
Vương-Lượng, 100.
Vương-Mãng, 68—70.
Vương-Minh-Đề, 179.
Vương-Nhai, 155.
Vương-Nhung, 158.
Vương-Phụng, 68.
Vương-Tắc, 186.
Vương-Tiên-Chi, 159.
Vương-Tiền, 50.
Vương-Toàn-Bân, 172.
Vương-Tổ-Phổ, 334.
Vương-Tường, 67.
Vương-thành, 19, 30.
Vương-Thăng-Triều, 154.
Vương-Thế-Sung, 133, 134.
Vương-Thông, 250.
Vương-Thủ-Nhân, 266.
Vương-Thừa-Tông, 150.
Vương-Thức, 157.
Vương-Văn, 256.
Vương-Việt, 259, 260, 262.
Vương-Vũ-Tuấn, 150.

X

Xa-sư (nước), 60, 75.
Xã-tắc (dân), 327.
Xe chi-nam, 19.
Xích-bích, 87.

- Xích-My, 71, 72.
Xích-ô (n.h.), 91, 92,
Xích-quỷ, 1.
Xiêm-la, 233, 252, 281, 282, 288.
 316, 318 — 320, 324, 327—,
 329, 332 — 335, 338, 346,
 357, 365. X. Xiêm-la.
Xuân (Hoàng-đệ), 267-268.
Xuân-thu, 26, 35.
Xung-đế, 81.
Xung-quang Thiên-hoàng, 246.
Xứng-đức Thiên-hoàng, 148.
Xương (Tây-bá), 17, 18.
Xương-ấp, 64.
Xương-giang (thành), 311.
Xương-lăng, 337.
Xương-phù (n.h.), 238, 239.
Xương-thái (n.h.), 162.
- Y**
- Y-doãn, 10, 11.
Y-pha-nho, 343, 346, 349, 350.
Y-phục
 sắc phục, 168.
 triều phục, 173, 179, 183, 187,
 242, 311.
 lễ phục, 313.
 đổi y phục, 333.
Y-Trắc, 11.
Ý-đức Thiên-hoàng, 34, 36.
Ý-lân Chất-ban, 228.
Ý-vương, 22.
Yêm (đất), 14, 19.
Yêm-Đáp [Yen-ta], 272, 277.
Yên (nước), 42, 44, 46, 91, 104,
 105, 112, 208.
Yên-bái, 371
Yên-Chiêu vương, 46. X. Chiêu-
 vương.
Yên-đài, 348.
Yên-kinh, 219, 246, 351.
Yên-kỳ (nước), 77.
Yên-nam, 230.
Yên-nhiên (núi), 77.
Yên-thiếp-cổ-tư, 230.
Yên-Văn-công, 39.
Yên-vương, 72, 102, 106, 243,
 244.
Yễn, 42.
Yết (vua), 53.
Yoshi-Hito, 370.
Yozei, 160.
Yômei, 129.
Yûryaku, 114.



BẢNG ĐÍNH-CHÁNH

ERRATA

Trang Page	Dòng Ligne	IN SAI LÀ Au lieu de	XIN CHỮA LÀ lire
2	33	2565	2365
19	34	Lập Giao-xã thành, Minh- Đường.	Lập Giao, Xã, lập thành nhà Minh-đường
20	16	(Amenophntnis)	(Aménophis)
37	18	Tạm-Tần	Tam-Tần.
48	4	Vua nhà Chu nước Tần...	Vua nhà Chu vào nước Tần...
52	7	Mông-Điểm	Mông-Điểm.
57	16	Hán Cảnh-đề, Trung	Hán Cảnh-đề Trung
—	21	Hán Cảnh-đề, Trung	Hán Cảnh-đề Trung
62	36	... ở Ấn-độ ...	... ở Ấn-độ ...
63	25	Tô-lạp...	NK Tô-lạp...
69	28	Xưa gọi...	NK Xưa gọi...
70	30	Đặt ra Vạn quốc Hòa với Hung-nô	Đặt ra Vạn-quốc. Hòa với Hung-nô.
—	35	Đất Lâm-hoài, Lang-da và Kinh - châu, Lục - lâm đều...	Lang-da ở đất Lâm-hoài và Lục-lâm ở Kinh-châu đều...
77	13	Đậu Kiên	Đậu Hiền
106	8	Lý Tồn	Lý Tôn
119	15	Ngụy niên hiệu...	Ngụy, niên hiệu...
—	20	Ngụy Diên xương...	Ngụy, Diên-xương...
—	26	512 Ất-vị	515 Ất-vị
120	4	Ngụy Thần-quy...	Ngụy, Thần-quy...
—	24	Ngụy Hiều-xương	Ngụy, Hiều-xương...

Trang Page	Dòng ligne	IN SAI LA Au lieu de	XIN CHỮA LÀ lire
123	10	Thiện-đức	Thiên-đức
125	36	Chu Mẫu-đề	Chu Mẫn-đề
126	14	Tên là Thiên con,	Tên là Thiên, con...
129	12	Dương-Kiên	Dương-Kiên
131	18	NK	NB
—	19	Ở Triều-tiên	NK Ở Triều-tiên
138	3	Hiền-khách	Hiền-khách
—	21	Cco-tông	Cao-tông
139	4	Thỏ-phiên	Thỏ-phiên
147	25	đời Huyền-tông	đời Huyền-tông
149	20	Nước Đại-Pháp...	NK Nước Đại-Pháp
186	2	BN	NB
199	39	Giết bọn Vũ-Đái Đồng-Lợi.	Giết bọn Vũ-Đái, Đồng-Lợi.
223	3	1097	1297
225	7	4 năm	4 năm.
—	8	Sát-bát-nhi Mạc.	Sát-bát-nhi. Mạc-
250	14	Minh Nguyên-tổng	Minh Tuyên-tông
280	6	Phong Thần-tú-cát...	NB Phong-thần-tú-cát...
306	2	... đời thứ 22,	... đời thứ 20
315	8	NK	NB
319	4	Chân-lập	Chân-lập
323	24	Thị-nại	Thi-nại
325	18	Thị-nại	Thi-nại
326	18	Giáp-tý	Giáp-tý thứ 79
337	37	Ngô-tùng	Ngô-tùng.
339	4	5-2-1843	5-2-1848
—	9	Vũ-Xuân-Cản	Vũ-Xuân-Cản
349	34	NK	NB—
—	35	Trí-lợi...	NK Trí-lợi...
417	20	Minh (nhà), 235-294.	... 235-290.
432	19	Tăng-cách-lâm-thâm, 342.	... [Seng-ko-lin-sin], 341,

MỤC - LỤC

Table des matières

Lời giới thiệu	VII - XVI
En guise d'introduction	XVII—XVIII
Lời tựa của tác-giả [nguyên-văn phiên-âm và dịch-nghĩa]	XX — XXXI
Hoàng-Việt giáp-tý niên-biểu.	1 — 369
Phụ-lục.	369 — 383
Mục-lục phân-tích.	385' — 451
Bảng đính-chánh (errata).	453 — 454



TỦ SÁCH VIỆN KHẢO CỔ

Publications *of the Institute of Historical Research
de l'Institut de Recherches Historiques*

Đã phát hành :

- I. LÊ-VĂN-LÝ, *Le Parler Vietnamien*
 - II. Khâm định Việt-sử thông giám cương-mục. *Quyển-dầu*
欽定越史通鑑綱目, 卷首
 - III. Hồng đức bản đồ 洪德版圖
 - IV. Hoàng Việt Giáp tý niên biểu
皇越甲子年表
- Việt-nam Khảo-Cổ Tập San. Bulletin de l'Institut de
Recherches Historique. Transactions of the Institute of
Historical Research, số I, II & III.

Sẽ phát hành :

- V. Quốc triều bần nghịch liệt truyện
國朝叛逆列傳
- VI. Mục lục phân tích tạp chí Nam Phong
南風雜誌之分析目錄
- VII. Tổ chức chính quyền trung ương dưới triều Lê thánh Tông
黎聖宗朝中央政權之組織
- VIII. Đại Việt sử ký toàn thư. *Quyển đầu*
大越史記全書
- IX. Khoa mục chí 科目志